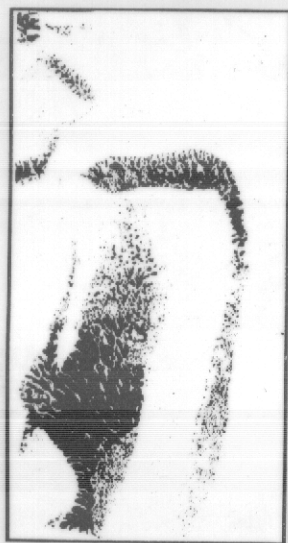


# Hàn Mặc Tử

## HÔM QUÁ VÀ HÔM NAY



BIBLIOTHEQUES DE LA VILLE DE PARIS



3 2272 04061 825 5



NHÀ XUẤT BẢN HỘI NHÀ VĂN

Hồ Cẩm  
Nguyễn  
đi  
tặng anh  
~~XE~~  
Khanh  
trai

## HÀN MẶC TỬ

### HÔM QUA VÀ HÔM NAY

1. HÀN MẶC TỬ, THÂN THẾ VÀ THI VĂN  
(Trần Thanh Mai, 1941)
2. ĐÔI NÉT VỀ HÀN MẶC TỬ  
(Quách Tấn, 1967)
3. HÀN MẶC TỬ, ANH TÔI  
(Nguyễn Bá Tín, 1991)
4. VÀ MỘT SỐ BÀI VIẾT  
CỦA CÁC TÁC GIẢ KHÁC

## CÙNG BẠN ĐỌC

Tập hợp các tài liệu hồi ức, nghiên cứu chung quanh cuộc đời và thơ văn một tác giả, từ đó, giúp cho bạn đọc có được một ý niệm tổng quát về con người và sự nghiệp của nhà văn nhà thơ mình từng yêu mến - ấy là công việc lâu nay Nhà xuất bản Hội nhà văn chúng tôi vẫn làm và đã được nhiều bạn đọc tỏ ý khuyến khích.

Cuốn *Hàn Mặc Tử* - hôm qua và hôm nay ra đời, là để tiếp nối các mạch đã được khơi nguồn từ các cuốn trước.

Lẽ ra, trước khi in lại tài liệu, từ các công trình nghiên cứu dài hơi tới các bài báo lẻ tẻ, người biên soạn và Nhà xuất bản phải có liên hệ với tác giả để xin phép. Nhất là muốn trích in một phần mà không phải tất cả, thì phải được tác giả xem lại. Song, do những khó khăn chông chát, trong những tập sách đã xuất bản về Quang Dũng, Nguyễn Bính, Lê Văn Trương v. v... cũng như ở tập về Hàn Mặc Tử này, chúng tôi không có điều kiện xin phép trước, rất mong các vị soạn giả và các Nhà xuất bản vui lòng lượng thứ cho. Trong một số trường hợp, khi buộc phải lược bỏ vài câu vài đoạn trích dẫn cho nguyên bản được

*ngắn gọn và hòa nhập tự nhiên với các tài liệu khác, chúng tôi đã cố làm việc một cách vô tư để khỏi làm phương hại đến dụng ý sâu xa của tác giả. Trước sau, chúng tôi chỉ có một điều thành tâm mong muốn là hệ thống hóa lại các tài liệu và giúp cho bạn đọc tiếp xúc thẳng với những bài báo, những cuốn sách có giá trị, nhưng chưa có dịp phổ biến.*

*Cuốn sách chắc không tránh khỏi thiếu sót, rất mong bạn đọc và các đồng nghiệp xa gần góp thêm ý kiến.*

*Hà Nội, 3 - 1995*

**NHÀ XUẤT BẢN HỘI NHÀ VĂN**

## **MỞ ĐẦU**

### **VÀI NÉT VỀ TÌNH HÌNH NGHIÊN CỨU GIỚI THIỆU VỀ HÀN MẶC TỬ VÀ CÁCH LÀM TẬP SÁCH NÀY**

Ngay từ 1942, trong phần viết về Hàn Mặc Tử in trong *Nhà văn hiện đại* quyển ba, nhà phê bình Vũ Ngọc Phan đã nói một cách khái quát về dư luận đương thời đối với người thi sĩ xấu số.

"Từ ngày Hàn Mặc Tử từ trần đến nay, mỗi trong khoảng hai năm trời, mà người ta đã nói rất nhiều và viết rất nhiều về Hàn Mặc Tử. Chứng bệnh của thi sĩ, cuộc đời đầy đau thương của thi sĩ, lời thơ thành thực của ông, khi ghen ngào, khi hoạt bát, những bao giờ cũng chứa chan tình tử hay một tín tưởng cao xa, đã làm cho nhiều người chú ý đến đời ông và thơ ông".

Tuy nhiên, đến nay, chưa ai đứng ra sưu tầm số tài liệu được kể là rất nhiều đó, cho nên, chúng ta chỉ biết một cách lơ mờ. Đại khái là Xuân Diệu từng nói xa nói xoi đến Hàn Mặc Tử trên *Ngày nay*. Phạm Văn Ký từng đứng ra giới thiệu *Gái quê*, khi tập

sách này được in. Chỉ có thể, nếu như không kể các đoạn Hoài Thanh và Vũ Ngọc Phan viết riêng về Hàn Mặc Tử trong các cuốn sách về thơ và về văn học Việt Nam nói chung, và đặc biệt không kể đến cuốn *Hàn Mặc Tử, thân thể và thi văn* của Trần Thanh Mai<sup>(\*)</sup>.

Mãi tới gần đây, từ nhiều nguồn tư liệu khác nhau tổng hợp lại, chúng ta mới biết rằng ít ra, sau khi Hàn Mặc Tử mất, một vài tờ báo như tờ *Trong khuê phòng*, tờ *Người mới* đã ra những số đặc biệt, trong đó, bạn bè và người yêu thơ Hàn Mặc Tử đã nói về ông, với những lời lẽ hết sức tốt đẹp (một số lời còn thật sự có ý nghĩa tiên tri nữa).

Từ sau 1945 tới 1975, do nhiều nguyên cớ khác nhau, các báo chí in ra ở Việt Bắc và Hà Nội ít có dịp nhắc tới Hàn Mặc Tử, trong khi nguồn tài liệu về ông in trên các báo ra ở Huế, Đà Nẵng, Quy Nhơn, Sài Gòn... thì lại hết sức bề bộn, và chắc chắn còn phong phú hơn từ 1945 về trước nữa. Các cuốn sách in ra mấy năm gần đây, như *Thơ Hàn Mặc Tử* của Sở văn hóa và thông tin Nghĩa Bình, *Hàn Mặc Tử thơ và đời* của NXB Văn học, *Thơ văn Hàn Mặc Tử, phê bình và tưởng niệm* của NXB Giáo dục đã nói lên điều đó. Cả ba cuốn sách ấy, bên cạnh phần

(\*) Nguyên văn, Trần Thanh Mai ghi *Hàn Mặc Tử*. Nhưng trong tập sách này, chúng tôi quy lại theo một cách gọi phổ biến hiện nay là *Hàn Mặc Tử*. Các trường hợp khác cũng xin được xử lý tương tự.

thơ Hàn Mặc Tử, đều có in thêm các bài hồi ký, nhận xét, phê bình. Nhất là cuốn thứ ba, do Phan Cự Đệ biên soạn, là một công trình sưu tập rất công phu, lấy lại được hầu hết các bài báo đã in ra từ cuối 1940, ngoài ra có thêm một số bài viết của các giáo sư đại học Huế, Sài Gòn... viết vào những năm 1967-1971.

Có điều, mỗi cuốn sách ra đời có những mục đích riêng và những giới hạn riêng của nó. Mà nhu cầu của công tác tìm hiểu và nghiên cứu về Hàn Mặc Tử thì ngày một cao.

Vì những lẽ đó, chúng tôi biên soạn tập sách này gửi tới bạn đọc. Nội dung gồm có mấy phần chính.

1. In lại Trần Thanh Mai, *Hàn Mặc Tử, thân thể và thi văn*. Như nhiều người đã nói, đây là một trong những tài liệu căn bản về nhà thơ xấu số. Đáng tiếc là cả *Thơ Hàn Mặc Tử* của Sở văn hóa thông tin Nghĩa Bình (gọi tắt là bản NB) lẫn *Thơ văn Hàn Mặc Tử, phê bình và tưởng niệm* của Phan Cự Đệ (gọi tắt là bản PCĐ) đều gọi nhầm tên sách của Trần Thanh Mai là *Hàn Mặc Tử thân thể và sự nghiệp*, và đều trích hai trang không tiêu biểu cho Trần Thanh Mai (từ đây xin gọi tắt là TTM). Theo chúng tôi, phải công bằng mà khôi phục toàn bộ văn bản mới phải<sup>(\*)</sup>.

(\*) Bản đưa in đây do nhà thơ Ngô Thế Oanh cung cấp. Nhân đây xin được tỏ lời cảm ơn. (VTN)

2. In lại *Đôi nét về Hàn Mặc Tử* của Quách Tấn, bản đầy đủ nhất mà chúng tôi có.

3. In lại *Hàn Mặc Tử anh tôi* của Nguyễn Bá Tín. Mặc dù cuốn sách này mới ra đời năm 1991, nhưng đến nay, đã trở thành ấn bản hiếm.

Chỉ có điều, do chỗ in ngay cạnh Trần Thanh Mai và Quách Tấn, nên chúng tôi có mạo phép tác giả, tước bớt một ít chi tiết Nguyễn Bá Tín nói tương tự như hai người trên, mà chủ yếu tập trung vào những phát hiện mới của một người thân trong gia đình.

Kể ra, nếu có điều kiện đầy đủ còn phải tập hợp vào đây, hai cuốn sách khác viết về Hàn Mặc Tử.

Một là, cuốn *Hàn Mặc Tử* của Hoàng Diệp, do nhà *Khai Trí* cho in ở Sài Gòn trước 1975.

Hai là *Hàn Mặc Tử, hương thơm và mặt trăng* của Trần Thị Huyền Trang, do NXB Hội nhà văn cho in năm 1991.

Tác giả cuốn trên là một người bạn của Hàn Mặc Tử, bản thân ông cũng là một nhà thơ (đã cho in *Xác thu*, ra cùng năm với *Điều tàn* của Chế Lan Viên). Ông lại có mặt trong hầu hết các giai đoạn chính trong đời nhà thơ xấu số, nên cung cấp thêm nhiều tài liệu rất quý liên quan đến cả nhóm thơ Bình Định nói chung, và Hàn Mặc Tử nói riêng.

Còn tác giả cuốn thứ hai là một người cháu, gọi Quách Tấn bằng cậu nên tài liệu của Quách Tấn bà

được đọc khá đầy đủ, và nói rõ thêm nhiều điều, mà tác giả *Xử trầm hương* chưa kịp nói.

Tuy nhiên, *Hàn Mặc Tử hôm qua và hôm nay* đã quá dày, nên chỉ in được ba tài liệu cơ bản của Trần Thanh Mai, Quách Tấn và Nguyễn Bá Tín nói trên.

4. Phần cuối cùng của tập sách, dành để giới thiệu lại một số bài viết về Hàn Mặc Tử, đã in rải rác mấy chục năm nay. Như ở thư mục dưới đây bạn đọc sẽ thấy, số bài viết loại này rất nhiều, một số bài có những phát hiện khá độc đáo. Về phần mình chúng tôi chỉ chọn in ra đây những bài nào tương đối ngắn, và nhất là thuộc loại hiếm, chưa có mặt trong các cuốn *Hàn Mặc Tử, thơ và đời*; *Thơ văn Hàn Mặc Tử, phê bình và tưởng niệm*, hoặc những tập bài viết theo chuyên đề khác, như *Nhìn lại một cuộc cách mạng trong thi ca*, viết về phong trào Thơ mới nói chung, in ra 1993.

## TIẾN TỚI HÌNH THÀNH MỘT THƯ MỤC ĐẦY ĐỦ VỀ HÀN MẶC TỬ

Trên bán nguyệt san *Văn* số 179 ra ở Sài Gòn 1-6-1971 ông Châu Hải Kỳ có bài viết *Xin tỏ chút lòng để tạ lỗi xưa*. Mở đầu bài này, tác giả kể : khoảng 1942, ông từng được N.Đ. tác giả *Luật hỏi ngà* cho xem và nhờ giữ hộ một bản thảo khoảng 150 trang mang tên *Tình thần và tính chất trong thơ*

*Hàn Mặc Tử* ; tiếc là năm 1948 Châu Hải Kỳ đã để thất lạc mất.

N.D. mà Châu Hải Kỳ nói ở đây chính là Nguyễn Đình (1917-1975), một nhà thơ khu Năm cũ, sau 1954 ra Bắc tập kết (nên Châu Hải Kỳ phải tạm giấu tên). Trong một bài hồi ký, Nguyễn Văn Bổng từng cho biết, ở khu Năm hồi ấy, *Luật hồi ngã* của Nguyễn Đình được nhiều người biết tới. (\*)

Câu chuyện Châu Hải Kỳ kể ở đây đáng ghi nhớ ở một điểm : có thể là nhiều người, các nhà nghiên cứu, nhất là các nhà thơ, đã có những công trình khảo sát nghiêm túc về thơ Hàn Mặc Tử. Nhưng vì nhiều cố khác nhau, và một lý do quan trọng là vì chiến tranh, tác phẩm của họ thất lạc, và công trình nghiên cứu chỉ sống trong tâm tưởng của một số bè bạn.

Lại có những trường hợp, tác phẩm đã được công bố, song đến nay, không để gì mà tìm được. Ở trên, chúng tôi đã dẫn lời Vũ Ngọc Phan nhận xét về số phận các bài viết về Hàn Mặc Tử in trên báo chí những năm tiền chiến. Cố nhiên là từ 1945 trở đi, thì sự lộn xộn này càng có hoàn cảnh để phát triển. Lấy một ví dụ : Trong cuốn nghiên cứu của mình, Hoàng Diệp từng dẫn ra một số những nhận định, những thái độ của các nhà văn, các nhà thơ

(\*) Nguyễn Văn Bổng *Bên lề những trang sách*. NXB Tác phẩm mới, tr 5.

đối với cuộc đời và thi nghiệp của Hàn Mặc Tử. Ít ra, theo Hoàng Diệp tiết lộ, có thể kể :

- Ngay từ 11-11-1956, Ủy ban văn hóa tỉnh Thừa Thiên lúc ấy đã tổ chức buổi lễ truy điệu Hàn Mặc Tử. Trong đêm truy điệu, nhà thơ Quách Tấn đã có mặt và có phát biểu ý kiến.

- Tháng 11-1959, tạp chí *Lành Mạnh* ở Huế ra số đặc biệt về Hàn Mặc Tử.

Từ đó về sau, nhiều tờ báo ở miền Nam trước đây, luôn có bài viết về con người và thơ Hàn Mặc Tử.

Chúng tôi không rõ liệu có ai từng theo đuổi vấn đề Hàn Mặc Tử và đến nay còn lưu giữ được các tài liệu nói trên. Với tư cách người nghiên cứu khi làm thư mục, chúng tôi xin phép cứ ghi ra đây đầu đề cả những cuốn sách, bài báo mà chúng tôi chưa được đọc, để các đồng nghiệp khác rộng đường tìm kiếm (*Thư mục xem ở cuối sách*).

## NGƯỜI BIÊN SOẠN

### Ghi chú :

1. Các văn bản công bố ở đây, dù đã in ra từ trước 1945 hay trước 1975, đều được quy lại theo lối chính tả, cách viết tên riêng và cách viết tên người nước ngoài đang phổ biến hiện nay.

2. Có một số từ ngữ được các tác giả viết theo âm phổ biến ở các tỉnh miền Trung, và ở Sài Gòn trước đây. Ví dụ *nức nở* (trong cụm từ da mặt nức nở, thật

ra là nứt nở), *bường an* (bình an), *phung* (phong), *khi* để (khinh rẻ)... chúng tôi xin phép được chuyển lại theo âm phổ thông, hoặc ghi chú thêm ở dưới, để bạn đọc dễ theo dõi. Tuy nhiên, trong những trường hợp bản thân chúng tôi không rõ nghĩa, thì vẫn để theo đúng nguyên bản.

3. Riêng với những chữ lạ trong thơ Hàn Mặc Tử, ví dụ *Rồi mùa xuân đã nư chiều thốn thức* hoặc *Hỏi chơ mấy tuổi đáp mười lăm*, chúng tôi không chú giải gì thêm, vì đây không phải là công trình khảo cứu về thơ Hàn Mặc Tử.

Cũng tương tự như vậy, chúng tôi xin phép không xử lý các dị bản thơ. Nghĩa là cùng một bài thơ của Hàn Mặc Tử, nếu giữa Trần Thanh Mai, Quách Tấn, Nguyễn Bá Tín có cách chép, tách đoạn, sử dụng dấu chấm phẩy khác nhau, thì chúng tôi để nguyên, để bạn đọc rộng đường tham khảo.

## PHẦN THỨ NHẤT

# HÀN MẶC TỬ THÂN THẾ VÀ THI VĂN

*Trần Thanh Mai*

## LỜI DẪN

Trước 1945, Trần Thanh Mai (1911 - 1965) được biết tới như một nhà phê bình nổi tiếng, tác giả các cuốn sách *Trông dòng sông Vĩ* (1935), *Tuy Lý Vương* (1938), *Hàn Mặc Tử, thân thể và thi văn* (1941) và hai cuốn tuyển các bài báo mang tên *Đời văn* (1942). Trong số này, cuốn sách *Hàn Mặc Tử, thân thể và thi văn* nổi tiếng hơn cả. Bản chúng tôi chụp để in lại vào đây, là bản in lần thứ 5, in ở Sài Gòn năm 1970. Vậy là trong khoảng chưa đầy 30 năm sau khi ra đời, mặc những khó khăn do chiến tranh gây ra, cuốn sách được in lại tới 5 lần, riêng điều đó đã là một vinh dự.

Có một đặc điểm thường được coi là yếu trong cách làm việc của *Trần Thanh Mai - nhà phê bình*, ấy là việc ông có phần sa đà mỗi khi kể chuyện đời tư của đối tượng được ông mang ra phê bình. Đương thời, Vũ Ngọc Phan đã xếp ông vào nhóm tác gia chuyên viết truyện ký và lịch sử ký sự (tương tự Nguyễn Triệu Luật, Trúc Khê Ngô Văn Triện...) mà không coi ông là loại tác giả phê bình và biên khảo (như Trương Chính, Hoài Thanh), lý do là ở chỗ đó. Nhưng ở cuốn sách chúng ta đang nói, thì đây là một ưu điểm : Nhờ có Trần Thanh Mai mà lần đầu

tiên, chúng ta có một tiểu sử tương đối đầy đủ về Hàn Mặc Tử. Mặt khác, việc Trần Thanh Mai trích dẫn hơi nhiều thơ văn của người ông mang ra "phê bình" (theo Hoàng Diệp, đầu khoảng một phần năm khối lượng) lại có cái lợi là góp vào việc quảng bá thơ Hàn. Nên nhớ là trước khi Hàn Mặc Tử qua đời, ông chỉ được ghi nhận chính thức như tác giả *Gái quê*, vì các thi phẩm khác của ông lúc ấy chỉ lưu hành trong thân hữu. Tóm lại, cân đi tính lại, thì vẫn thấy *Hàn Mặc Tử...* là một cuốn sách giá trị. Trong sự nghiệp viết văn của Trần Thanh Mai, theo Vũ Ngọc Phan, *Hàn Mặc Tử...* là quyển trội hơn hẳn các cuốn sách khác của ông viết trước đó vài năm. Về sau, trong khi tổng kết *Phê bình văn học thế kỷ 1932*, Thanh Lăng còn nói rõ hơn "Nếu đã nói *Trông dòng sông Lữ* là một thí nghiệm thất bại, thì *Hàn Mặc Tử* là một nỗ lực đã đi đến thành công". Gạt đi một vài đoạn, vài câu có vẻ bốc đồng, cuốn sách có một giá trị vững chãi, nhất là ở phần tiền tri về ảnh hưởng rộng lớn của Hàn Mặc Tử sau khi thi sĩ qua đời.

*Tặng xá đệ Trần Thanh Dịch mà công lao trong việc trữ tác quyển sách này chỉ có cái tình vô lượng của chúng tôi đối với Hàn Mặc Tử mới sánh kịp.*

Trần Thanh Mai

## TỰA

*Hàn Mặc Tử mất đi, để lại cho tôi cái nhiệm vụ viết đời chàng.*

*Thuở sinh thời, chàng đã ngờ ý ấy nhiều lần. Luôn trong hai ba thư gửi cho em tôi, Thanh Dịch, chàng đã tỏ sự muốn nhờ tôi "nói đủ tất cả cái gì của thơ Tri và cái gì của lòng Tri".*

*Việc đó, khi Hàn Mặc Tử còn sống, tôi đã không làm. Tôi không làm vì hai cố. Một là kinh nghiệm đã cho tôi hay rằng đưa một thiên tài lên đài danh vọng sớm quá, khi thiên tài ấy chưa kịp phát triển một cách hoàn toàn, thường có hại cho thiên tài lắm. Tài hoa như một nụ quả cây. Cứ để cho nó tự do lớn đã, chứ mớ tay vào thì nó đứng ngay. Tôi không muốn làm cái giọt nước rơi trên dây pháo để làm cho nó tịt ngòi.*

*Lẽ thứ hai là vào khoảng năm 1938, 1939 tức là ngay giữa lúc nhà thi sĩ muốn cây tôi "lãng xê" mình, Hàn Mặc Tử cùng với các môn đệ của chàng đang chủ trương trường thơ tượng trưng, theo lối Mallarmé và Valéry bên Pháp. Sự ấy tôi hết sức công kích. Tôi*

chỉ thấy trong ấy những cố để cho kẻ bất tài vô học múa men trước lỗ mũi người độc giả khô khạo hiền lành những mớ ngớ ngẩn và vô ý thức kết tinh. Khi có người cử tưởng mình là Nã Phá Luân và ngồi gạch đặt lên nền bệnh viện những họa đồ của một trận giặc khổng lồ, tại sao lại không có người tưởng mình là thi sĩ để bôi nhọ giấy bằng những phù khí của trí não loạn lạc của họ ? Nhưng mà điên hẳn như hạng người ấy vẫn còn dễ chịu hơn là những anh chàng cố đi vào lối thơ tượng trưng để làm bối rối sức linh hội của người khác, để vừa che đậy cái dốt của mình, vừa loè đời bằng một cách lường gạt có tổ chức.

Hàn Mặc Tử thì không bao giờ bị ảnh hưởng của hai nhà thơ bí hiểm Pháp nói trên. Chàng cũng ú khi theo lối thơ bí hiểm. Nhưng chàng để cho môn đệ chàng theo nó, và chàng lại khuyến khích chúng vào sâu trên con đường ấy. Ca tụng Hàn Mặc Tử thuở ấy, tức là công nhiên thừa nhận sự bí hiểm của văn thơ, nghĩa là sự phá sản của tư tưởng. Tức là mở đường cho bọn vô học mà bảo chúng : "Đừng học nữa, vô ích. Ra làm thơ đi thì vừa. Miễn đừng cho ai hiểu cả là được". Trời ơi ! Có bao giờ mà tôi lại đi nổi giáo cho bọn giặc.

Vì sao phải giấu quanh? Có một lúc tôi quả đã vô duyên với thơ Hàn Mặc Tử, đến nước tôi không để ý được đến chính cả những bài mà nhà thi sĩ ấy tặng riêng cho tôi nữa, những bài cao siêu hùng vĩ như *Thượng thanh khí*.

Một nhà thi sĩ trú danh người Mỹ, Walt Whitman, trong một trang tuyệt diệu, đã phê bình nhà thi sĩ cùng người Mỹ và càng trú danh gấp mấy là Edgar Poe như thế này :

"Lâu lắm và cho đến một thời gian gần đây, thi nghiệp của Poe đối với tôi thật có ác cảm. Trước kia mà ngay bây giờ cũng vậy, tôi vẫn yêu cầu, về thơ, cho nó được trong sáng như ánh mặt trời, tươi mát như hơi gió thoảng, cứng cáp và mạnh mẽ như sức khỏe, chứ không như mê sảng, mặc dầu là nhà làm thơ đang trải qua những cơn dục tình đông tố, với lại cho có những nguyên tắc luân lý bất di bất dịch làm nền tảng luôn luôn. Thế mà, không cần phải chiều theo những điều yêu sách ấy, thiên tài của Poe vẫn chiếm được một địa vị đặc biệt, và đến cả tôi, rốt cuộc tôi phải nhìn nhận một cách hoàn toàn, và yêu chuộng nó, thiên tài ông ấy và ông ấy".

Tôi tưởng không còn gì đúng hơn là mượn mấy lời trên để cất nghĩa sự lãnh đạm ban đầu của tôi đối với thơ Nguyễn Trọng Trí và sự xoay chiều của tôi ngày nay.

Nhưng nay Hàn Mặc Tử đã chết. Bây giờ thì tình thế đã xoay ra khác.

Bây giờ thì là việc sắp đặt cái chỗ cho xứng đáng trong bản "Phong Thần" để đưa tên người tài hoa vừa quá cố vào sự chết, ghê gớm ở chỗ khác, ở đây vẫn có cái hay ấy.

Với những phương pháp mới, xưa nay chưa từng có trong lịch sử văn học Việt Nam, tôi đã phân tích ra từng cử chỉ, từng tính tình của nhà thi sĩ, từng giai thoại trong đời người. Những cái ấy, mà bề ngoài

tưởng như vô bổ ích, và chỉ để kéo cho dài dòng, tụ trung đều ăn nhịp với nhau như những vòng của một sợi dây chuyền để mà ảnh hưởng đến cái đích của người viết sách muốn đi tới : cất nghĩa thi phẩm của nhà thơ.

Không rõ thấu hết những cái vật vánh thắc mắc trong đời một nhà thi sĩ thì không sao hiểu hết được thơ của người ấy. Phương chỉ trong việc khám phá các nguyên nhân đã chi phối cho sự sáng tạo một thi phẩm, hẳn phải có một cái gì say sưa hứng thú như thấu được một điều bí mật của Tạo hóa. Còn chỉ vui thích bằng hiểu thấu được thế nào là một cục tròn bầu dục, ngoài có vỏ, có màu tươi như má cô gái Huế, và trong thì có mòng, chất nhựa nửa trắng, nửa vàng lịa lại hểc ra đi - một con gà ?

Tôi nhận thấy trong những công việc khảo cứu như loại tôi đang làm, có ba nguồn ảnh hưởng to tát cần phải xét cho ra ngọn ngành. Ấy là ba cái ngôi bất di bất dịch : trời, đất, người ; bao giờ cũng chính nó chi phối cho sự hưng vong của mọi sự nghiệp, và nó hơi giống giống cái thuyết tam tài của nền triết học Đông phương.

Khảo cứu về đời thi sĩ Hàn Mặc Tử, tôi phải xét rõ các thời đại chàng đã sống qua. Tôi phải viếng các xứ chàng đã ở, và sau cùng, tôi phải hỏi tất cả các người có liên lạc đến đời chàng. Và tôi nhận ra rằng học giả Tây phương tụ trung cũng không hành động ra ngoài phương pháp ấy.

Khảo cứu về đời Hàn Mặc Tử, tôi thấy rằng nhà thi sĩ ấy có một cuộc đời ly kỳ đặc biệt. Không phải bao nhiêu bậc thiên tài trên thế giới đều có những cuộc đời ly kỳ đặc biệt. Không ! Người ta vẫn có thể vừa kéo dài một cuộc đời bằng phẳng êm ru, vừa vẫn là một bậc thiên tài. Tôi nói đi nói lại ở chỗ ấy là vì tôi thấy cần phải đánh đổ một quan niệm của thanh niên rất có hại cho họ. Thanh niên đều say mê thiên tài, và muốn thành những bậc thiên tài. Cái ấy rất hay. Nhưng thanh niên lại tưởng rằng muốn thành những bậc thiên tài, phải có một cuộc đời giang hồ luân lạc, rồi thanh niên ép bức đời mình cho ra như thế bằng cách ly dị gia đình, sống thất tha thất thểu, lẩn lóc trong các hồng lâu lầu quán, phá sức khỏe, hại linh thần.

Nhà đại thi hào Pháp, Baudelaire, tác giả bất tử tập *Les Fleurs du Mal*, vì muốn cho được giống hệt nhà đại thi hào Mỹ Edgar Poe, cũng đâm ra rệu rã đi thối, và suốt đời kéo lê cái xác bệnh hoạn đau thương ấy ở dọc quán đầu đường. Buồn cười nhất là Poe có một người kẻ mẫu hểc ghê lạnh với chàng, nên chàng mới buồn chuyện nhà đâm ra lêu lổng như thế. Còn Baudelaire thì cũng có một người cha ghê làm đến chức đại tướng, nhưng hết sức thương yêu chàng. Nhưng thế lại trái ngược với đời Poe mất ! Baudelaire bèn làm đủ cách để cho ông ta ghét, lừa gạt ông ấy, bắt ông trả luôn mấy vạn nợ, rồi lại lập mưu đâm dao vào cuống họng làm họ tự tử.

Về sau một đám môn đệ của Baudelaire lại bắt chước theo thầy mà đắm đầu vào truy lạc. Rimbaud và Verlaine là hai tay lầy lừng nhất trong sự sống những cuộc đời ô nhục. Ngoài ra còn biết bao thanh niên Pháp đã tự phá hoại tương lai mình vì những gương xấu ấy, mà rốt cục lại, đời không thêm biết đến tên tuổi, vì đều là những kẻ bất tài !

Đời Hàn Mặc Tử cũng là một đời ly kỳ đặc biệt, đầy đau thương, đầy khổ não. Tôi nào muốn thế. Viết lại đời nhà thi sĩ ấy, tôi không thêm thất vọng, tôi nào có muốn làm cho ê chề, làm cho cảm động, những đoạn đời của Nguyễn Trọng Trí, để thêm phần quan trọng, mê luyến cho sách tôi ! Tuổi tôi đã đi quá cái ưa thích ấy. Hàn Mặc Tử là một thiên tài. Tôi chỉ biết thế. Nếu như khảo cứu đời chàng, tôi tìm ra rằng chàng có một cuộc đời phi thường, đó chỉ là một sự tình cờ, và chỉ là thế. Một lần nữa, tôi không có ý ca tụng những cuộc đời kỳ lạ và không khuyên ai nên mua chác một cuộc đời như thế bằng cách tự rước cái bạc mệnh vào mình.

\*

Các bạn độc giả yêu quý đọc đến tập sách hèn mọn này, có thể than phiền rằng tác giả đã quá tham lam hay dễ dãi mà trích lục hơi nhiều những thơ của nhà thi sĩ quá cố.

Nhưng thi phẩm của Hàn Mặc Tử mãi đến ngày nay cũng còn là những thi phẩm viết tay, hoặc già

trong ấy có ít bài đã cho đăng qua vào một tờ báo nào rồi. Như thế nghĩa là thi phẩm của thi sĩ hiện nay không được phổ thông một tí nào ; và nếu có người đã biết đến, thì những người ấy đối với toàn thể quốc dân, chỉ là một số rất ít, số đã do một trường hợp đặc biệt nào mà được gần, hoặc một cách trực tiếp, hoặc một cách gián tiếp, nhà thi sĩ.

Nay nếu nghiên cứu tác phẩm của nhà thơ ấy mà không đưa một ít tác phẩm ấy ra làm đối chiếu, thì những kẻ chưa từng biết Hàn Mặc Tử ra thế nào, làm sao mà hiểu thấu được cái hay thấm thía, cái âm nhạc réo rắt, cái linh hồn siêu việt của thi phẩm người. Bao giờ thi văn của Hàn Mặc Tử được in ra và bán khắp trần gian, và từ người bé đến kẻ lớn, ai ai cũng đều thuộc lấy nó làm lòng că, khi ấy quyển sách này sẽ dọn lại mà bỏ bớt những trích lục ấy đi, cũng không muộn.

Bây giờ tôi không muốn nói chi thêm nữa nếu không ngò lời cảm ơn các bậc thức giả, các bạn bè xa gần, đã hết lòng sốt sắng cho tôi những tài liệu quý hóa về cuộc sống của Hàn Mặc Tử.

Trước hết, tôi xin trân trọng cúi dâng một tấm lòng thành kính cùng bà Nguyễn Thị Duy, sương phụ cụ Nguyễn Văn Toàn và thân mẫu của nhà thi sĩ. Tôi không thể quên được cái cảnh tượng đau thương tôi đã phải gọi ra cho bà khi tôi tò mò đến hỏi từng ly từng tý những chuyện thơ ấu của con bà. Tôi không thể quên cái hình ảnh gầy yếu, dịu dàng hiền hậu ấy,

khi giữa hai câu chuyện, bà và tôi, mỗi người trầm ngâm, sững sờ đuổi theo mỗi dây ý nghĩ, rồi chốc chốc, bà cứ ngó xuống đất, giữa nền nhà, vừa chép miệng, vừa thủ thỉ khóc, mà lại nói một mình : "Hử, hử !... Nhỏ nhoi quá đi !" hình như bà đang nhìn một đứa con bé bỏng đang đi lúc thục đầu dưới gậm giòng, chân ghé : "Hử, hử ! Nhỏ nhoi quá đi !..."

Bà Phước Mẹ de Saint Vennant, thuộc dòng Franciscaine de la Misson de marie, phó giám đốc bệnh viện Quy Hòa, là người cho tôi tài liệu về những giờ cuối cùng của thi sĩ Hàn Mặc Tử. Ấy là một người đàn bà thuộc về hạng người hết sức hiếm hoi ở đời trần gian, đã bỏ cả gia đình, cả tổ quốc với những văn minh, xa hoa cực điểm, đã bỏ đến cái tuổi thanh xuân với sắc đẹp huy hoàng long lẫy, tự đầy mình ngoài trăm nghìn dặm, tự giam mình trong cái địa ngục ghê gớm rộng hơn cả địa ngục của Cơ đốc giáo, để mong đỡ dần trong muôn một nguồn đau khổ vô hạn của loài người. Cái nhìn xanh biếc, nụ cười tươi thắm trên mặt trái xoan đức theo khuôn những vị nữ thần Hy Lạp ấy, chỉ biết gieo vào lòng người một niềm mơ đạo và kéo bao nhiêu ý về đức thuần túy cao siêu của đức Chúa Trời.

Mai Đình nữ sĩ mà số kiếp phong trần cứ đuổi theo mãi mãi, Mai Đình nữ sĩ mà hiện giờ tôi không biết ngọn gió đời đang thổi dạt vào nước non nào, là người thông minh nhất, và dù đức tính nhất để giúp một kẻ kháo cứu thành công. Nàng là người thứ nhất

tàng trữ được nhiều thơ chưa in của Hàn Mặc Tử, và là người thận trọng đến từng chữ thơ của người đã được nàng tôn thờ. Đã là một tâm hồn thất lạc mà lòng hy sinh, và chí khí khái bồng làm thanh cao tốt đẹp. Tôi nhớ ngày vừa qua đây tôi vào Nam Việt, tìm nàng trong các tỉnh nàng đã có ở qua, để hỏi lại cho chắc một việc trong đời nàng, thì tôi hay rằng nàng đang ở Blao, một tỉnh hạt mới khai phá ở miền Nam Trung Việt. Tôi đánh điện tin nói rõ mục đích của tôi và hỏi nàng có thể, tiện cho tôi ngược Blao chẳng ? Ngày mai, vừa ngủ dậy thì tôi thấy nàng tất tả bước vào, và chính giữa hai hàng lệ cảm động khôn cầm, mà người đàn bà phiêu lãng ấy kể chuyện mình với Hàn Mặc Tử cho tôi nghe. Những sự sốt sắng ấy chưa cảm động bằng khi đã trở về Blao rồi, mà sự nhớ hai chữ nhớ sai trong một bài thơ nàng đã chép cho tôi, nàng bèn làm lại một cuộc du lịch Sài Gòn thứ hai. Lần này tôi đi khỏi một ngày. Suốt một ngày, nàng đã đợi. Tôi không biết nàng đã ăn uống ở đâu, và không thể không hỏi người tự hỏi ở đâu ra số tiền nàng lộ phí đi về.

Xá đệ Trần Thanh Dịch là người đã đóng vai trọng yếu nhất trong sự làm cho tôi nhất quyết viết quyển sách này, tôi đã ghi nhớ cái nguồn ảnh hưởng tốt đẹp ấy ra ở trang đầu sách.

Xá đệ Trần Tài Phùng đã giúp tôi rất nhiều tài liệu về nghệ thuật của Hàn Mặc Tử, chính do nhà

*thi sĩ tự đưa đến bằng những bức thư Trí đã gửi cho Phùng.*

*Sau cùng, tôi không quên nhắc đến nhà thơ Đường luật Quách Tấn, và xin gửi một lời cũng gọi là cảm ơn đi, vì tuy rằng ông đã giữ được một ít tài liệu về Hàn Mặc Tử, và tuy ông quyết giữ kỹ lấy cho một mình ông, nhưng ông đã thách tôi một câu nói làm cho tôi phấn khởi mà làm việc nhiều hơn.*

*An Cừu tháng mười 1941*

**TRẦN THANH MAI**

## ĐỒNG HỚI, 1912

Có nhiều thành phố chỉ dựng lên trong một mai một chiều, như nhờ câu thần chú của một vị ảo thuật nào. Đồng Hới trước đây 30 năm, chỉ là một chợ nhà quê của bạn kẻ chài, bán các thứ cá câu ngay ở đấy nhóm họp phía ngoại thành, gần ven bể ; một cái chợ thưa thớt, ở chung quanh. Chính phủ Bảo hộ lập nên ít cơ quan cai trị, một dinh lưu trú sứ, một đồn lính tập, một nhà thương, một sở bưu điện và một nha thương chính, tất cả đều lợp bằng mái tranh, và lồi thối, và bừa bãi, như hầu hết cơ quan chính trị ở các nơi mới khai phá.

Sở thương chính lại có phần sơ sài hơn ai hết. Dựng trên bãi sông Nhật Lệ mà làn sóng nước mặn mỗi lần tạt vào đá ven bờ thì cứ gửi lại một ít muối như để gấn bó mặn nồng thêm cái tình sông bến, nha thương chính trông như một cái trại của một đồn điền mới lập nào, chung quanh chủ nhân trồng những dừa là dừa.

Ở đấy, thường cứ đi về mỗi ngày hai buổi viên thư ký Nguyễn Văn Toàn, người nguyên quán ở tỉnh Thanh, mà ông bà từ ba đời nay đã dời vào Thừa Thiên, lập nghiệp tại làng Thanh Thủy. Ấy là một người hiền lành, thùy mị, mặc dầu con nhà võ quan (ông thân thuở trước đã làm suất đội dưới triều vua

Đồng Khánh) mà sức Hán học cũng uyên thâm. Là người theo đạo Giatô rất chín chắn, ông Nguyễn ngoài giờ làm việc ở sở, chỉ biết đọc những thánh kinh bằng chữ Latinh, vui thú gia đình, chăm dạy dỗ người con trai lớn, Nguyễn Bá Nhân và hai người con gái Nhu Nghĩa và Nhu Lễ. Ông đang đợi một người thứ tư, thì ngày 22 tháng chín 1912 bà ở cũ được một đứa bé trai.

Cách vài tuần trước ngày bà nằm nơi, nhà đoan đã bắt được mấy đám rượu lậu to, nên trong nhà ông Nguyễn Văn Toàn phải cất tạm không biết bao là vò thứ rượu hảo hạng ấy nữa. Cả nhà từ chủ nhân cho đến đầy tớ, tha hồ mức uống, uống lấy vui, uống để mà cười.

Bà Nguyễn Thị Duy vì thế mà cũng say sưa lướt khuớt ; đến ngày 22 tháng chín 1912 bà ở cũ. Bà tự bảo là bà sinh thiếu tháng<sup>(\*)</sup>. Bà cũng tin và hối hận vì mình đã uống rượu. Dấu sao đứa bé đẻ ra chỉ bằng con nhái chàng, nằm lông léo trong lòng bàn tay một người lớn. Hình thù nó khó trông đến nỗi làm cho ai nấy cũng phải kinh dị, và lo sợ không thể nuôi sống nổi.

Tôi nhớ lại, nhà văn sĩ Pháp, Marcel Proust cũng sinh trong một trường hợp tương tự. Ở Balê thuở bấy giờ đương có Công xã (La Commune de Paris), bác sĩ Adrien Proust ở bệnh viện về nhà thì giữa

(\*) Chi tiết này về sau bị Quách Tấn phê phán kịch liệt. Xem bài của Q. T. (V.T.N).

đường trúng một phát súng Proust phu nhân, đang có thai, kinh hoàng đến chết giả đi nhiều lần, và đứa con, tức là Marcel Proust mà bà sinh liền sau đó, có lẽ cũng sinh thiếu tháng nữa - ốm yếu nhỏ nhoi đến nỗi chính cha nó cũng lo không sống được.

Vì các anh chị đã lấy các tên Nhân, Nghĩa, Lễ, lẽ tất nhiên con cụ Toàn cũng có cái tên sẵn sàng rồi : Trí, Nguyễn Trọng Trí.

Nhưng mà rồi cu cậu cũng lớn, nhọc nhằn mà lớn, cần cỗi như cây cảnh trong những chậu sứ thường trang hoàng trước nhà ông phán Toàn.

Cuộc trực tiếp đầu tiên của cậu bé với đời, với non sông đất nước, và sự chiêm ngưỡng trước núi Đâu Mâu, đâm cao ngất lên trời, cái ngọn núi hùng tráng nguy nga với những màu sắc luôn luôn thay đổi, hay trước sông Nhật Lệ mà cơn thủy triều lên xuống lúc hoàng hôn cũng đủ khơi động một tấm lòng ưa cô tịch. Lũy Thầy với lịch sử vẻ vang siêu việt của nó, Bầu Trò với những chuyện yêu ma rùng rợn mà đến cả người kẻ lớn cũng thường kể lại với một vẻ sợ hãi không che giấu, ảnh hưởng ngay vào óc não yếu đuối của người con nít tí hon.

Lại có biển nữa. Biển, cái bí mật muôn đời của Tạo hóa ấy, cái quang cảnh cực kỳ biến thay, luôn luôn nhắc nhở cho người ta cái nguồn sinh lực tuyệt đích của nó, biển mà ngày nào chàng cũng ra thăm và hình như đã ký kết với chàng một mối tình thân mật.

Một điều ngộ nghĩnh đáng nhận xét trong đời Nguyễn Trọng Trí, là chàng có một duyên nghiệp huyền bí đối với biển ; sinh ở biển, đã là con một viên công chức thương chính, đời trẻ trung của chàng tất nhiên phải ở các cửa bể, nằm ngủ cái giắc ngàn năm trong khi luôn luôn tiếng sóng bể, để ru chàng, vãn ca bài trường hận ca muôn đời không dứt.

Dù thế nào mặc lòng, những cuộc suy nghiệm một mình trước những cảnh tượng của trời đất như trong trường hợp chúng ta vừa thấy, vẫn có cái mãnh lực làm mòn lớp da đã quá mỏng của một tâm hồn khỏe mạnh, xui cho nó dễ đâm ra mơ mộng vẩn vơ. Cái mầm thi sĩ đã gieo từ đấy.

Thời gian qua. Ông Nguyễn Văn Toàn thi đỗ tham tá, rồi đổi đi Sa Kỳ, đi Bồng Sơn, đi Quy Nhơn, rồi lại đổi về Sa Kỳ, nghĩa là ở toàn những cửa biển là cửa biển.

## THƠ ĐƯỜNG LUẬT

Lần đầu tiên Nguyễn Trọng Trí cấp sách đến trường là tại Quảng Ngãi. Được ít năm, thân phụ chàng bị bệnh ra điều dưỡng tại nhà thương Huế rồi mất ở đấy vào ngày 2 tháng bảy 1926. Việc tang tóc xong xuôi, bà Nguyễn Văn Toàn dời nhà vào Quy Nhơn ở cùng con trai lớn là ông Nguyễn Bá Nhân làm việc ở đấy, cùng các con gái cũng đều lấy chồng ở đấy cả.

Thuở ấy, Nguyễn Trọng Trí bắt đầu bắt chước anh, làm thơ Đường luật ; hai anh em cùng nhau xướng họa không phải là không tương đắc. Nguyễn Trọng Trí tỏ ngay là người có khiếu thi văn, mặc dù tuổi còn trẻ, mà lời thơ đã xuất sắc hơn anh nhiều.

Chúng ta hãy xem thử hai bài xướng họa của anh em nhà họ Nguyễn, làm vào thuở Nguyễn Trọng Trí mới mười lăm và lấy biệt hiệu là Minh Duệ Thị. Ông Mộng Châu (Nguyễn Bá Nhân) xướng bài :

*Nhạn ơi ! Tung cánh giữa mữa mây,  
Khéo khéo đừng rơi gói buộc dây.  
Cái gánh si tình ai gửi đó,  
Là lời tâm sự nhận đưa ngay.  
Đưa người thảng trước hòa thơ tiễn  
Đến bến ngày xưa mấy tiệc bày,  
Hỏi nhớ người không người bốn mắt,  
Bể dâu chưa thấy, thấy gì đây ?*

Người bốn mắt là tác giả tự chỉ mình, vì ông ấy cận thị, thường phải mang kính luôn. Nguyễn Trọng Trí họa lại. Ta sẽ thấy bài họa lưu loát êm đềm và có mạch lạc hơn biết bao nhiêu :

*Vội vàng chi lắm nhận lưng mây  
Chậm chậm cho mình gửi mối dây.  
Về đến Thần kinh khoan nghĩ đã,  
Ghé miền Gia Hội tỏ tình ngay.  
Suốt năm canh mộng hồn mê mõi,  
Chỉ một lòng son muốn giải bày.  
Này nhận ! Ta còn quên chút nữa :  
Con tim non nớt tặng nàng đây !*

Nhưng mà không lẽ cứ để cho cái ông thi sĩ vị thành niên ấy ngâm vịnh suốt ngày, hay là cứ đọc truyện *Đông Châu liệt quốc* cùng là thơ của Tú Xương và Tản Đà, mẹ chàng không ngại tốn hao, gửi ngay con ra Huế, cho vào học trường Nhà Dòng Pel-lerin.

Nhưng than ôi ! Bà sương phụ ấy đã tính sai mất rồi ! Bà cũng đã có cái khôn của bà mẹ ông Mạnh Kha đấy, nhưng bà lại rui ro hơn. Vì thù bà Mạnh mầu có cái mỹ ý tránh cho con những sự bất chước xấu xa dễ tiện, đã muốn "trạch lân xử" cho ông Mạnh Tử, mà lại vô tình lựa phải một chỗ chợ búa cướp bóc mà ở, thì còn biết nói làm sao ?

Muốn cho con khỏi chứng ngâm vịnh vẩn vơ, bà sương phụ Nguyễn Văn Toàn lại gửi con một mình ra ở Thần kinh, cái thành Capoue Việt Nam đắm chìm biết bao là sinh lực, biết bao là sự nghiệp trong cái mơ mộng êm ái muôn đời kia, thì chỉ tổ đổ thêm dầu vào lửa đó mà thôi ! Tội nghiệp ! Khi cái ông Minh Duệ Thị chút xiu kia mà khăn gói lên đường, ra đến đầu ngõ, nhìn bóng con dân khuất với bóng chiếc xe hăng Hào Hung, trong sự lung lèo của cặp mắt người mẹ buổi chia ly, bà những muông tượng đến hồi tái hợp, con bà thành thân, đi về với những mảnh bằng to tướng, rồi tẻ lăm, cũng làm được một chút phận như chồng bà.

Công việc đầu tiên của Nguyễn Trọng Trí khi đến chỗ phồn hoa đô hội, một chợ người hỗn độn ô trọc ở ngay giữa những nước non cực kỳ thanh tú, là đổi

cái biệt hiệu của mình cho hợp chỗ đất hơn. Từ nay, chàng tự gọi mình là Phong Trần.

Phong Trần lúc 18 tuổi, phong trần với cái hình hài nhỏ nhoi kia ! Dẫu sao, thói nào tật ấy, chàng lại càng ngày mơ mộng già hơn. Học hai ngày nghỉ một. Khi nào thấy làm một bài tính đổ hơi khó thì chàng vút cái cán viết, lên núi chơi, và ở đấy mãi đến hết ngày để trả thù cái lúc phải suy nghĩ vì mấy con số rắc rối.

Những lúc làm xong được bài thơ mà chàng thấy vừa ý, chàng gửi đi đăng báo. Những báo hay đăng thơ chàng thuở ấy phần nhiều là báo *Phụ nữ Tân văn*, *Sài Gòn*, và các phụ trương văn chương của những tờ nhật báo.

Không bao lâu, thấy trong sự học ở lớp, theo cái chương trình đã định sẵn, không có hứng thú gì cả, chàng nhất quyết bỏ học, về nhà, ai can ngăn gì cũng không nghe.

Thuở ấy, nền kinh tế Đông Dương đang trải qua một cơn khủng hoảng ghê gớm. Thương mại ngưng trệ, bao nhiêu cơ quan sinh lợi trong nước đều phải đình đốn. Một phần đông thanh niên đi học với cái hy vọng sẽ ra làm việc nhà nước, đều chán nản không còn gan theo đuổi sự học tập mà họ cho rằng một khi thành tài cũng là vô dụng ấy. Thế rồi, chỉ nói riêng ở kinh đô Huế, giữa đám thanh niên, tự nhiên nảy ra một phong trào là vào Sài Gòn làm

báo ! Chắc rằng, Nguyễn Trọng Trí cũng bị ảnh hưởng nhiều về cái chuyển động lực ấy.

Nguyễn Trọng Trí, mà bây giờ lại đổi biệt hiệu ra là Lê Thanh, giắt ngay giải nhất trong một cuộc thi của một thi xã tổ chức.

Nào ai có thể ngờ rằng một người con nít ngây thơ mà đã có cái giọng tha thiết ê chề trong ấy phảng phất một thú tình man mác, u uẩn và nhẹ nhàng, hư hư thực thực, các bậc danh thi đời xưa mà đến được cái chỗ thiện mỹ tài tình ấy là cùng, không thể kể là hơn được.

Những câu như câu :

*Thức rờng rã nguyệt sân còn lạnh,  
Ngủ mệt mê trời cảnh đã say...*

thì không thể "ThanhQuan" hay "Tân Đà" hơn nữa.

Bài sau đây, trích trong quyển *Một tấm lòng* của ông Quách Tấn là một trong những bài hay nhất của Hàn Mặc Tử khi xướng họa với họ Quách :

*Chẳng hẹn hò sao gặp gỡ đây ?  
Người thời như tình kẻ như say,  
Trong veo làn nước soi đôi mắt,  
Xa tí quê nhà trở một tay.  
Tâm sự mới trao bờ đã đến,  
Nỗi niềm chưa cạn khách về ngay.  
Ba sinh duyên nợ âu là thế,  
Một chuyến đò đưa nghĩa một ngày.*

*Chuyến đò ngang* - MỘT TẤM LÒNG

Về sau, sau khi đã chuyển sang làng thơ mới, Nguyễn Trọng Trí cũng không phụ với nàng Ly Tao xưa. Thịnh thoảng chàng nhận được bài thơ nào của ông Quách Tấn gửi cho, Hàn họa lại ngay, và hình như cũng lấy làm sung sướng mà trở thăm làng cũ, đóng lại cái dây tơ từ lâu treo mãi không dùng.

Tết năm Mậu Dần (1938) chàng làm bài thơ khai bút theo thể Đường luật : *Bút thần khai*.

Lối thơ Đường luật của Nguyễn Trọng Trí thường có giọng trầm hùng bi đát rất kỳ với lối đoán số tướng theo khẩu khí của các bậc tiền nho.

Vẫn biết rằng đây là lối phỏng đoán hàm hồ, song ta không thể nhận thấy mà không kinh dị rằng ở trong ấy vẫn có phần xác đáng :

*Áp ứng không ra được nửa lời,  
Tình thu tha thiết lắm, thu ơi !  
Vội vàng chiếc nhạn bay qua trời,  
Buồn bã hơi may thoảng lại rồi...  
Nằm găng đã không thành mộng được,  
Ngâm tràn cho đỡ chút buồn thôi,  
Ngàn tâm bóng liễu trông xanh ngắt  
Cảnh sắp về đông, mắt sẽ với.*

*Buồn thu*

Đọc bài này ta có thể lầm lẫn với một bài thơ nào của Nguyễn Khắc Hiếu. Cũng một hơi lưu loát ấy, cũng một giọng lâm ly ấy, nó gọi một thú buồn

man mác, dịu dàng, như buổi chiều có gió heo may nhẹ lùa cánh hoa bèo trên làn nước phẳng.

Doán làm sao về thân thể của một người mà ngay khi tuổi mới mười tám đôi mươi, đã viết nên những câu như thế...

Một tiếng đàn của Thuý Kiều cũng đủ làm cực một đời nàng.

## ĐỜI LÀM BÁO

Lê Thanh được nổi danh ngay, trong địa hạt nam phần Việt Nam.

Vào khoảng 1934 - 1935, sau khi đã trải qua nhiều nghề, thư ký nhà buôn, trắc lượng sở địa chính, chàng được báo *Sài Gòn* là một trong những tờ có số xuất bản nhiều nhất thuở bấy giờ, giao cho phần chủ trương trang văn chương. Sau, chàng lại qua chủ trương tờ *Công luận văn chương*, và đồng thời viết giúp những báo *Trong Khuê Phòng* và *Tần Thời*.

Lúc ấy, Nguyễn Trọng Tri lại đổi biệt hiệu một lần nữa, mà ký tên là Hàn Mặc Tử. Hàn Mặc Tử là cái tên sau cùng của nhà thi sĩ đã lựa lấy, cái tên sẽ thành bất tử trong thi giới.

Ở Sài Gòn, chàng thuê chung với ba bốn anh em một gian phòng ở đường Espagne. Nhà có gác cao, nhưng bán thiu, tồi tàn quá. Riêng về mỗi một

gian số 107,<sup>(\*)</sup> tầng dưới là hiệu may của một ông người Huế, gia đình và thầy thợ của ông. Trên gác cả thấy là bốn chủ : một ông người Bắc làm tài xế, nguyên lính từng chinh trận giặc trước, nên mỗi khi nói chuyện là ông cứ trưng mải ra cái mở sỏ đặc bằng tiếng Pháp lượm ở các vỉa hè một thành phố nhỏ nào mà ông đã đóng binh ở bên Pháp ấy. Những lúc ông nói chuyện là những lúc ông vừa nằm giữa sàn ván, vừa tiêm thuốc phiện hút. Ông hút cả đêm, thành thử ông nói chuyện cả đêm. Chủ thứ hai là mẹ đàn bà người Quảng Nam, làm bồi cho Tây, cứ mỗi tối về đây, ngủ trên một chiếc ghế bố, và cứ mở mải cái câu : "*Cho tôi mượn cổ súng sáo bên, bên !*". Thứ ba là một người đàn bà Sài Gòn, người ta thường gọi là "chị Năm Lô", vì sinh về thứ năm, và là vợ một người lính mạch lô, thuở ấy đang đi trên một chiếc tàu nào chạy trên một đường biển nào. Thứ tư là bọn Nguyễn Trọng Tri và các bạn chàng.

Thường thường thì chúng cả thầy là bốn người, nhưng có khi đông hơn. Chúng không mua nổi ghế bố, cũng không có chiếu, nên đêm đêm cứ quét sạch sàn ván, trải nhật trình cũ ra, ngay chỗ cạnh ngoài đường, ngó ra hàng dây điện và những cây me thiên cổ mà thân thể xù xì nứt nẻ, làm cho người ta tưởng tượng đến những con thần lằn da tự nhuộm cùng một sắc với cây.

Chúng cho rằng ở như thế mới nên thơ, và lấy làm tự mãn về cuộc sống của mình. Khi nào chúng

(\*) Hoàng Trọng Miên nhớ là nhà 162 nhưng Võ Long Tề đã đính chính lại, đúng như TTM. (VTN chú).

muốn viết văn hay làm thơ, chúng cú việc nằm sấp lại và nhờ ở ánh sáng của một ngọn đèn đường cách đây ba cây me. Như thế kể cũng tiện. Đời xưa ông cha chúng ta vẫn nằm mà viết và có khi chỉ nhờ đến lửa đom đóm. Nhiều khi đang ngủ lại có chuột ra gặm móng tay móng chân cho khỏi phải lo không có dao cắt. Thật đã không thiếu một chi tiết nào để làm say mê một người giang hồ lãng mạn.

Kể là một bọn làm báo, nhưng kỳ thực chỉ có một mình Hàn Mặc Tử là có chỗ làm rồi, còn ra thì là những người đang đợi việc, hay cũng cú tin thế đi để nuốt hột cơm của bạn cho nó trôi, chú suốt đời họ cũng không làm cho một tờ báo nào. Dẫu sao, bấy giờ thì họ là những vị vũ chi giao long đã, và trong tư cách ấy, họ có quyền ăn bám bạn mà không thẹn. Bát cơm phiếu mẫu, ngày sau có thể lấy nghìn vàng mà trả lại. Cái gác gian nhà số 107 đường Espagne, hay nói cho đúng, cái phần tám của gác ấy có thể gọi là chỗ tạm dừng chân, chỗ trường đình của một nhóm thanh niên có quen biết ít nhiều với Hàn Mặc Tử vào Sài Gòn kiếm việc.

Mà chàng thì dễ dãi quá, ai cũng làm thân được, và đối với ai, chàng cũng chiều chuộng như phải chịu ơn họ. Một người đã sống với Hàn Mặc Tử trong cuộc đời chia sẻ ấy, đã hạ bút viết một câu như thế này : *"Đời của Trí có thể toát yếu lại trong hai đặc điểm : bản vô thiên số, và không bao giờ mất lòng anh em"*.

Thật quả như vậy, Hàn Mặc Tử có một quan niệm rất cổ quái về sự giữ phép vệ sinh. Ấy là một kẻ mà quần áo mặc chót tháng không thay, và thân hình thì suốt năm không hề tắm gội. Con người hình vóc gầy ốm, nhỏ bé ấy thường hay đội chiếc mũ lát kiểu "ca nô chề" và vận một chiếc sơ mi dài tay, rộng thênh thang vì không thể nào bỏ gọn được vào quần. Quần thì chàng hay dùng thứ dài treo để buộc, trông như một "xénh xáng" khách trú. Cả áo cả quần đều đầy cấu ghét và vết nhăn. Cú thế mà chàng đi lang thang khắp phố Sài Gòn, không trông ngó ai, và chỉ ngâm độc thơ của mình.

Một hôm, các bạn chàng dò ra rằng chiều hôm ấy Nguyễn Trọng Trí sẽ được lĩnh số tiền lương nửa tháng, chúng rủ nhau chực sẵn, lúc năm giờ chiều, trước cửa tòa soạn, định chàng ra là bắt cóc ngay dẫn đi Chợ Lớn ăn chơi một bữa cho thỏa thuê. Chúng đi bách bộ trước hàng me. Sáu giờ, sáu giờ rưỡi, bảy giờ, không thấy bóng dạng Hàn Mặc Tử đâu cả. Chúng đành về nhà ngồi đợi. Chúng nóng cả ruột, khi nghĩ đến những cuộc vui dự ước. Mãi khuya, cũng vẫn chưa thấy bóng Hàn đâu. Cả ngày mai cũng thế, vì hôm ấy chủ nhật.

Mãi đến sáng ngày kia, mới thấy chàng lò mò về, trông có vẻ sợ sệt như một tên tội nhân đến trước tòa án. Các bạn chàng không nên được cơn giận nữa.

Chúng cố tạo ra một nét mặt thật lạnh lùng, hỏi :

- Số tiền nhà báo nó đã trả cho mày rồi chứ ?

- Trả rồi !

- Thế mà mày đi đâu và làm gì bây giờ mới về?

Thế là Hàn phải thú thật rằng bọn ở tòa soạn đã kéo chàng đi Chợ Lớn hồi bốn giờ chiều hôm thứ bảy kia và trong số bạc 20\$ của nhà báo trả, riêng phần chàng chỉ tiêu vào thần xác được có không đầy hai đồng. Thì ra cái bọn ở tòa soạn, chúng nó biết cái tính của "thằng Trí" nên đã đi nước trước, qua mặt mấy ông bạn quý ở nhà rồi.

Cũng vì tính ấy mà không khi nào Nguyễn Trọng Trí trả xong đến cả những món nợ vặt. Càng ngày, tiền nhà và tiền thợ giặt càng lên to, con nợ trở nên gắt gao dữ tợn, các bạn chàng kiếm đường mỗi người đi một ngả, để lại một mình Nguyễn Trọng Trí. Người thợ ủi đành giữ luôn hai cái quần chàng đưa giặt, thêm cái mũ *ca nô* chế, và chủ nhà lấy cái valy.

Gia đình Hàn Mặc Tử ngày nay còn kể lại với một vẻ hết sức ngao ngán chuyện người con trai phá của ấy, ra đi ăn lam lúc quá nửa năm với chiếc va ly đầy quần áo, mà đến khi tiếng pháo giao thừa nổ vang bên hàng xóm, lưng thúng về gõ cửa nhà với hai tay không cùng chiếc đầu không mũ, như một cái bóng ma hiện. Và bà sương phụ, mẹ chàng, âu yếm hỏi :

- Hành lý con đâu cả ?

- Con gửi lại Sài Gòn. Con về ít hôm thăm mẹ và ăn Tết, rồi đi ngay.

Chàng ở lại ăn Tết suốt một năm ; và hành lý gửi đâu vẫn không thấy đòi về.

## GÁI QUÊ

Năm 1932, bài "văn xuôi có văn" *Tình xưa*<sup>(\*)</sup> của Phan Khôi tiên sinh vút ra giữa làng thơ, tác giả có ngòi dâu nó dội to như một tiếng sét làm diếc tai long óc đám thanh niên thi sĩ. Hai chữ *Thơ Mới* ra đời. Nhà thi sĩ bất tử Tần Đà có nỗi giận la lớn rằng đó không có gì mới cả, và môn đệ của tác giả *Giấc mộng con* dù có theo thầy mà hần học, nổi lên phản đối, đem những thơ cổ phong, từ khúc của thầy ra làm tỷ dụ, cũng vô ích mà thôi. Họ muốn rộng, họ khát cao. Họ thấy rằng thể *Thơ Mới* là cái bừa bối có thể đánh đổ hồn Ngũ Đài Sơn nó đang đè chập lầy Thơ, - cái anh chàng Tôn Ngộ Không ấy, mà không cho anh ta "tề thiên" !

Sự thành công rực rỡ của Thế Lữ càng làm cho thanh niên say sưa lắm. Kế đến, Phạm Huy Thông, Đỗ Huy Nhiệm, Nguyễn Xuân Huy, Nguyễn Văn Kiện, Vũ Đình Liên, Nguyễn Vĩ, Thao Thao, Lan Sơn, Thái A, B. Blan, chen nhau mà nhảy lên thi đàn mới. Ở Trung Việt thì có Lưu Trọng Lu, Thái

(\*) TTM nhớ lầm. Thập ra là *Tình già*. (VTN)

Can, Thanh Tịnh... Bích Khê cũng từ giả vườn thơ của *Tiếng Dân*, trở về thu mình như một con rắn thay vỏ tại Thu Xà (Quảng Ngãi) để chiêm nghiệm một lối thơ thuần túy.

Ở tận góc trời Nam, ông Đông Hồ Lâm Tấn Phác, không cưỡng nổi với phong trào mới, cũng đành bỏ hồ, bỏ động của mình mà về nhập ngũ vào đạo bình cách mệnh.

Vào thuở ấy, nhà thơ Đường luật Lê Thanh (Hàn Mặc Tử) đang chủ trương những tờ báo văn học ở Sài Gòn. Lễ cố nhiên, tâm hồn rào rạt của chàng hứng đón ngọn gió mới với một sức bùng bột mãnh liệt.

Quyển *Bâng Khuâng* của Phan Văn Dật, với cái nhạc điệu nhẹ nhàng và cái thuần túy rất Việt Nam của nó, được Hàn Mặc Tử thích ưa và đã giúp nhiều cho việc chuyển gập chàng từ địa hạt thơ cũ qua thơ mới.

GÁI QUÊ, xuất bản năm 1936 là quyển sách đầu tiên đánh dấu một cuộc thay đổi về quan niệm thơ của Hàn Mặc Tử.

Cũng như *Bâng Khuâng* của Phan Văn Dật, GÁI QUÊ của Hàn Mặc Tử như khoảng vườn trùm trong một bầu sương lam nhạt, chứa một nhạc điệu mơ màng mà lối ngữ ngôn cổ phong còn lưu chưa dứt khoát.

Nếu ta đem so sánh những bài như *Tiến Đưa* hay *Bi Xuân Nương* ở *Bâng Khuâng* với những bài như *Tình Quê* hoặc *Lòng Quê* ở GÁI QUÊ chẳng hạn, ta sẽ thấy lời thơ của hai bài cùng ngân lên theo một nhịp, chữ thơ rất luyện, rất nhẹ nhàng, và lột được cả tinh thần Đông phương, vì toàn là những chữ kiêu.

Đọc những bài ấy, người ta có cái cảm giác sống một đời xưa cổ an nhàn, một đời mà theo lời của ông Hoài Thanh "trời đất còn mênh mông hơn bây giờ, mà mỗi lần người đi xa về là hàng xóm leo tường xem mặt và đốt đuốc nói chuyện thâu đêm".

Đây là một thí dụ : bài *Tình quê*, bài thơ chỉ có độc một vần :

*Trước sân anh thơ thân  
Đăm đăm trông nhận về  
Mây chiều còn phiêu bạt  
Làng thang trên đồi quê ;  
Gió chiều quên ngừng lại ;  
Giòng nước luôn trôi đi...  
Ngàn lau không tiếng nói  
Lòng anh đường để mê.  
Cách nhau ngàn vạn dặm,  
Nhớ chi đến trắng thề ?  
Dầu ai không mong đợi,  
Dầu ai không lóng nghe  
Tiếng buồn trong sương đục,  
Tiếng hờn trong lũy tre,*

Dưới trời thu man mác  
Bàng bạc khắp sơn khê.  
Dầu ai trên bờ liễu,  
Dầu ai dưới cành lê...  
Vội ngày xuân hờ hững  
Cố quên tình phu thê,  
Trong khi nhìn mây nước  
Lòng xuân cũng nào nề.

Một hạng thiếu niên thi sĩ đời bây giờ có thể cho lối dùng chữ ấy là sáo. Chính Hàn Mặc Tử cũng biết thế, nên về sau để trả lời cho lối dùng thể thơ theo kiểu thơ của Xuân Diệu, Hàn viết :

"Vấn biết nghệ thuật chuộng ở sự tiến bộ, ở sự hoàn toàn từ tình thần đến hình thức của một bài thơ. Song lẽ, ta không nên quên rằng thơ ta là thơ quốc âm, ta phải giữ cái tình thần Việt Nam của ta, hơn nữa, cái tình thần Đông phương mà sự rung cảm tâm hồn người ta là nhờ ở cái đẹp kín đáo, cái tình sâu sắc, cái buồn thấm thía... Vì thế, cho nên những sáo ngữ : trăng, hoa, tuyết, gió, hay là những danh từ đầy đưả trong khi hành văn (những danh từ rất thường dùng) đều là những luận đề bất tử cả. Mất những danh từ ấy, những sáo ngữ ấy, nghĩa là mất hết tình thần Đông phương rồi, mất cái diện lực, cái gân chuyển tình cảm vào người".

Hàn Mặc Tử phê bình nghệ thuật của Xuân Diệu như thế này :

"Bao giờ Xuân Diệu cũng ưa lập dị với những thi liệu của Tây phương, cốt làm cho bài thơ mình có cái dáng dấp một sự duy tân. Nhưng cuộc duy tân ấy thất bại ngay, vì không hợp với lòng dân, nghĩa là không cảm được người ta vậy. Phải để cho bài thơ cái cốt cách nguyên vẹn từ xưa, cái cốt cách cố hữu của nó, mới nổi cái giá trị của nó lên. Kết luận, không thể lập dị trong những sự dùng chữ kiểu cách, những "tournures" lạ kỳ để làm cho bài thơ thoát sáo, vì thoát sáo theo kiểu ấy, bài thơ sẽ mất sức rung cảm, - kém hay".

Tuy là nói vậy, để bênh vực cho một lối thơ mà chính mình đã làm, chứ về sau Hàn Mặc Tử lại còn đi xa hơn Xuân Diệu nữa. Còn táo bạo, còn lập dị hơn nhiều, chàng sẽ lạc vào rừng tượng trưng và siêu thực hiện<sup>(\*)</sup>, nó sẽ làm cho người theo chàng phải đứng chững hững ở ngoài, ngờ ngác không biết ra sao nữa hết.

Sự rung cảm ở GÁI QUÊ là một thú rung cảm dịu dàng, chất phác của một tâm hồn chưa muốn thoát khỏi lũy tre xanh và hình ảnh của một cô gái quê hiền lành.

Đây mới là thú tình kín đáo của người con trai mới lớn lên, đương còn ngượng ngùng về niềm ái, ôm một thú tình trong sạch thiêng liêng, hồn nhiên và ngây dại, nghe qua tội nghiệp và "để thương" quá :

(\*) Ngày nay, chỉ nói : siêu thực (VTN)

Từ gió xuân đi, gió hạ về,  
Anh thường gửi gắm mối tình quê.  
Bên em mỗi lúc trên đường cái,  
Hóng mát cho lòng được thỏa thuê !

Em có ngờ đâu trong những đêm,  
Trắng ngà giải bóng mặt hồ êm,  
Anh đi thơ thần như ngây dại,  
Hứng lấy hương nồng trong áo em...

Bên khóm thùy dương em thướt tha,  
Bên này bờ liễu anh trông qua,  
Say mơ vương phải mùi hương ướp,  
Yêu cái môi hồng chẳng nói ra...

Độ ấy xuân về em lớn lên,  
Thấy anh em đã biết làm duyên,  
Nhưng thời gian vẫn trôi đi mãi,  
Yêu dấu lòng anh ôm hận riêng.

(Ấm thầm)

Bao nhiêu hình ảnh trong GÁI QUÊ đều là những hình ảnh mơ mộng, êm ái như những sợi tơ trời về mùa thu bay lượn vương giữa đồng không bát ngát, và người con trai trong tập thơ làm những cử chỉ tưởng tượng nhiều hơn thiết thực, những cử chỉ tình thật chưa từng làm và không bao giờ làm. Có người con trai nào lớn lên mà không qua một thời kỳ lãng mạn ? Có cái văn chương nào phát triển mà khỏi cái thời đại huyền ảo ấy ?

Đến đây, ta đã nhận thấy được cái nhạc điệu du dương, uyển chuyển, lời thơ êm ái tự nhiên, nó

chúng tỏ ở thi sĩ một thiên tài đầy hứa hẹn, đủ tất cả điều kiện để đi xa, để vượt lên cao. Thi sĩ đã tìm được con đường chính đáng cho mình. Bây giờ thì cứ mạnh dạn mà bước.

Một đôi khi con rồng con ấy, trong những cái cựa mình và tập vỗ cánh, đã trở ra một vài ngón phi thường, khiến cho người ta phải kinh dị, và báo tin trước những kỳ công rực rỡ sau này, những cuộc bay lừng lẫy về chiếm cứ những cõi trời xa lạ. Cái mùi hương ở ĐAU THUỜNG và XUÂN NHƯ Ý đã phảng phất ở đây rồi. Và đọc một bài như bài *Bên lên* của GÁI QUÊ rồi, thì về sau ta cũng không lạ gì mà được có viên ngọc vô ngần quý giá như *Đà Lạt trắng mờ*, *Huyền ảo*, hay *Đây thôn Vỹ Dạ*. Chỉ trong 12 câu đã kết tinh lại biết bao rung cảm say sưa mà nhất là biết bao *ảo thuật quái dị*. Mỗi chữ ở trong đây đều có một linh hồn, mỗi chữ là một nguồn "hoạt động lực" nó bắt tay nhau mà nhảy lên một bản khiêu vũ thần tiên.

Trăng nằm sóng soài trên cành liễu,  
Dợi gió đông về để lả lơi.  
Hoa lá ngây tình không muốn động,  
Lòng em hồi hộp, chị Hằng ơi !  
Trong khóm vi lau rào rạt mãi,  
Tiếng lòng ai nói sao im đi ?  
Ô kia ! Bóng nguyệt trần trường tắm,  
Lộ cái khuôn vàng dưới đáy khe...  
Vô tình để gió hôn trên má,  
Bên lên làm sao lúc nửa đêm,

*Em sợ lang quân em biết được,  
Nghỉ ngò đến cái tiết trinh em.*

*(Bên lên)*

## CHÚNG "NAN Y"

Vào cuối năm 1936, Hàn Mặc Tử đi Huế chơi rồi trở về Quy Nhơn để đi Đà Lạt, Nha Trang và Phan Thiết. Chàng sắp sửa lại đi Sài Gòn để tiếp tục công việc chủ trương một tờ báo văn chương thì bỗng nhiên chàng bắt đầu thấy dấu hiệu của chứng bệnh ghê gớm.

Làm sao diễn tả nổi cái tâm trạng của một người, khi họ biết mình phải mang lấy một trong bốn chứng bệnh tự cổ chí kim, ai cũng đều công nhận là "nan y" ? Làm sao thấu hiểu nổi khủng khiếp khi một người tự biết mình mắc phải bệnh hủi?

Đến như thế này, tưởng cũng không cần phải xét đến nguyên nhân của bệnh nữa. Trong gia đình, bên nội và bên ngoại trở lên mấy mươi đời, không có một người nào bị chứng bệnh ấy. Người nhà Hàn Mặc Tử thì tin theo một cổ thuyết của ta, cho là vì thuở nhà thi sĩ còn làm sở Đạc điền (1932-1933) thường hay đi ở các làng mạc vùng quê, có khi đi qua những bãi tha ma trong buổi mưa đông mà mắc bệnh.

Nhưng chàng thì tuyệt nhiên không dả động đến vấn đề tìm xét nguyên nhân ấy. Ích chi ? Thực tế nằm ỳ ra đấy. Nó ghê gớm quá. Nó oan ức quá để mình không còn trí não mà đi kiểm những trách nhiệm vu vơ.

Hình như lúc ấy có một sự quay quắt, xót xa, một thứ tiếc rẻ về cái đời của mình, một thứ oán hận không cùng đối với Số mệnh, một thứ quần quai vì như có một ngọn lửa nào đốt cháy tâm can.

Hình như lúc ấy có một thứ rừng rợn nó làm cho mình ớn lạnh, một thứ hoang hốt tuyệt vọng, như thấy ở mắt con nai rừng, khi chạy cùng đường, ngó quanh mình chỉ thấy toàn là nòng súng và răng chó.

Đây chưa là đau khổ. Đây mới là một mối ngạc nhiên, một mối bán tín bán nghi, một sự kiểm soát lại thực hiện. Bệnh nhân hỏi trời, hỏi đất, tự hỏi lấy mình, và sờ soạng chung quanh mình thử xem những vật thường ngày có còn là dày đặc, có còn góc cạnh như thường không.

Cơn loạn lạc ghê gớm nhất ở một tâm hồn chính là do lúc ấy.

Khi biết mình chắc chắn đã mắc bệnh phong rồi, Hàn Mặc Tử liền bỏ nhà, đi thuê một chòi tranh ở Gò Bồi (cách Quy Nhơn 15 cây số).

Chàng bắt đầu tuyệt giao với các bạn bè. Chàng cấm người nhà lan truyền ra ngoài tin chàng thọ

bệnh. Bao nhiêu thư từ gửi đến, đều không có một chữ của chàng đáp lại.

Một người bạn thân của Hàn, ông Trường Xuân ở Nha Trang, kể lại rằng :

*"Những bức thư của tôi gửi ra cho Trí, đều không thấy trả lời, mà thư tôi cũng không thấy nhà bưu chính trả lại... Ngót mấy tháng sau, vẫn không tin tức. Mãi lối hạ tuần năm 1937, một người bạn gái ở Quy Nhơn vào Nha Trang, ghé cho biết rằng Trí mắc chứng bệnh nan y. Nghe tin ấy tôi dường như ở trong cơn ác mộng ! Nửa tin nửa ngờ, tôi viết thư theo địa chỉ mới biết, để hỏi thăm Trí xem thực hay hư. Với một bức thư đầy đau thương, Trí cho hay rằng cái tin của cô bạn không phải là ngoa. "Anh ơi ! Gần một năm nay, muốn giấu anh, nên không viết thư cho anh, lòng tôi hết sức đau khổ. Song thà chịu đau khổ còn hơn cho anh biết, khiến anh phải đau khổ vì tôi... Nay không thể giấu anh được nữa, đành phải nói thực cùng anh"...*

Bệnh càng ngày càng nặng, tiến lên với sức nhanh chóng của con ngựa phi, của một bầy tầm ăn lá dâu, và cũng theo nhịp ấy, càng tăng sự hoảng hốt lo sợ của người bệnh.

Đã nhận thức cái thiên tài mang sẵn và cái sứ mệnh chàng đã tự buộc cho mình, chàng nóng muốn được bình phục ngay lập tức. Chàng sẵn sàng giữ gìn sức khỏe của mình, cũng chỉ vì chủ nghĩa ấy.

Cho nên không có thuốc gì người ta mách bảo mà chàng không uống. Không có cách kiêng cử gì, dầu khổ sở cực nhọc đến đâu, mà chàng không làm. Khắp vùng Bình Định và nhiều khi xa hơn nữa, hễ nghe tiếng ông lang nào kha khá là chàng đến hỏi. Có khi mới uống thuốc của ông lang này được vài tuần, mà nghe mách ở chỗ khác có ông hay hơn, thế là chàng đi tìm ngay ông ấy cho kỳ được. Vì sự áy náy ấy, đã nhiều phen, Hàn Mặc Tử phải phạm thuốc đến hành hạ thân xác một cách thảm thê. Lắm bận, chàng mờ hẳn cả hai mắt trong năm bảy hôm như thế. Cũng có đôi ba lần chàng chết đi sống lại.

## ẢNH HƯỞNG CỦA BỆNH TRONG THI VĂN HÀN MẶC TỬ

Có nhiều tai nạn bất ngờ nó định đoạt được cả chí hướng, công cuộc và sự nghiệp của một đời người. Nếu một buổi mai tốt trời kia, đi qua một chiếc cầu sông cái, Blaise Pascal không suýt bị chiếc xe ô tô cán lên người, thì Cơ đốc giáo sẽ mất một người phụng sự đặc lực, và nguồn văn minh tư tưởng của thế giới sẽ thiệt thòi nhiều lắm. Lord Byron mà không có cái chân què thì nền thi ca nước Anh sẽ thiếu biết bao là nguồn cảm hứng thuần túy cao siêu?

Cũng như mấy cuộc gặp gỡ của thái tử Tấtđạtđa

ở bốn cửa thành Catila, đã định đoạt được cả đời đức Phật tổ và cả một nền văn hóa Á đông.

Ấy là mới nói về ảnh hưởng của những sự tình cờ nhỏ nhỏ đối với một đời người. Y học Âu tây còn đề xướng lên một lý thuyết quan trọng hơn nữa. Theo thuyết lý ấy thì phần đông trong số vĩ nhân hoàn cầu, sở dĩ làm nên sự nghiệp, vì do ảnh hưởng của những chứng bệnh của họ. Trong y giới Pháp, có nhiều vị bác sĩ chuyên môn tham cứu về đời những bậc vĩ nhân mà họ cho là chính đã mắc phải chứng bệnh thần kinh, những người mà họ gọi là *Les Grands Névropathes*.

Nhưng mà cái tí dụ rõ rệt nhất hẳn là bệnh suyễn kinh niên của nhà văn cận đại Marcel Proust. Nhờ ở cái bệnh nó đóng đinh nhà văn suốt đời trên giường, Proust mới phát kiến ra thuyết "thời gian" nó là một trong những tòa tư tưởng lộng lẫy cao siêu của nhân loại.

Lấy riêng về cái trường hợp của thi sĩ Hàn Mặc Tử, thì ta phải nhận rằng thuyết ấy là đúng.

Hàn Mặc Tử có mắc phải bệnh hoạn thì văn chương Việt Nam mới thấy mở ra những cõi trời lạ lùng mới mẻ.

Khi bắt đầu thấy triệu chứng của bệnh ghê gớm ấy, chàng phát điên lên thực ; song dần dần làm quen với sự đau khổ, chàng cũng không đến nỗi tuyệt vọng, vì chàng nhận thấy rằng sự náo loạn tâm

hồn ấy chính là khởi điểm của một nguồn cảm hứng mới, và đã thế cho chàng để đền bù lại cơn đau đớn, một nguồn cảm thụ lực vô cùng mãnh liệt. Chàng viết :

"Tôi làm thơ ?

"Nghĩa là tôi yếu đuối quá. Tôi bị cảm sốt. Tôi phản lại tất cả những gì mà lòng tôi, máu tôi, hồn tôi đều hết sức giữ bí mật. Và cũng nghĩa là tôi mất trí, tôi phát điên.

Nàng đánh tôi đau quá, tôi bật ra tiếng khóc, tiếng gào tiếng rú. Có ai ngăn cản được tiếng lòng tôi?"

Ở một chỗ khác, chàng cắt nghĩa sự phát triển bùng bột mau chóng của nguồn cảm thụ lực kia :

"Hàn Mặc Tử là một người điên vì bệnh hoạn. Trong thời kỳ ấy, óc mở rất mau, các tế bào trong não đều sinh sản thêm, dắt linh cảm người đến một vườn tư tưởng cao siêu lạ, và vì thế những bài thơ tân kỳ có dịp ra đời, nó ở ngoài mức trình độ hiểu biết của người thường, vì thế, người ta đọc thơ là không hiểu. Nhưng tại sao lại có sức phát triển bùng bột ấy ? Thì ra theo bà Annie Besant, tác giả *La Vie Occulte de l'Homme* những bậc kỳ tài về văn chương, mỹ thuật đạo đức, đều lâm vào cơn thác loạn cả".

Từ nay Hàn Mặc Tử đã có một nguồn thi cảm mới, một nguồn thi cảm vô tận rút từ trong nguồn đau khổ vô tận của chàng. Thơ chàng náo lên với

còn máu bệnh. Trí chàng được nung nấu đến cái nhiệt độ cuối cùng trước khi nổ tan ra hơi khói, đưa tư tưởng chàng đến những biên thùy xa lạ, "đầy trinh tiết và đầy thánh sắc".

"Tôi làm thơ, chàng viết, nghĩa là tôi nhấn một cung đàn, bấm một đường tơ, rung rinh một làn ánh sáng. Anh sẽ thấy hơi đàn lả lướt theo hơi thở của hồn tôi, và chiều theo những sóng điện nóng ran trút xuống bởi năm đầu ngón tay uyển chuyển. Anh sẽ run theo khúc ngân nga của tơ đồng, sẽ để mặc cho giai âm rền rĩ nuôi không ngừng. Và anh sẽ cảm giác lạ, nhìn không chớp mắt một tia sáng xôn xao tại có vì sao vỡ. Những thứ ấy là âm điệu thiêng liêng tạo ra trong khi máu cuồng rên vang dưới ngòi bút".

Cả thơ, cả bệnh, đi lên một lần. Con bệnh hằng chừng nào, thì mạch thơ mạnh chừng nấy. Cho nên người ta không lấy làm lạ mà nhận thấy trong văn thơ Hàn Mặc Tử những danh từ, những từ ngữ, những ý tứ về bệnh hủi. Trong tác phẩm của Hàn, người ta nhận nhận những chữ tê dại, sượng sùng, da diết, mê mẩn, chết điếng, vô tri...

Có nhiều câu rõ rệt lắm :

Người trắng ăn vận toàn trắng cả

Gò má riêng thôi lại đỏ huỳnh.

Say trắng - ĐAU THƯƠNG

Tình đã húp, sao ý vẫn còn sung  
Sao giấy lại tháo mồ hôi ra thế ?

Bức thư xanh - XUÂN NHƯ Ý

Thịt da tôi sượng sùng và tê điếng

Tôi đau vì rừng rợn đến vô biên.

Hồn là ai - ĐAU THƯƠNG

Và còn nhiều chỗ khác nữa.

Cũng bởi ở trong tình trạng đặc biệt ấy, Hàn Mặc Tử mỗi lần làm thơ rất là khổ sở. Chàng khi nào cũng nằm mà làm thơ. Làm xong thì lủ đi, có khi chết giấc. Đến khi nào thấy đỡ, dậy được, chàng mới nhớ lại mà chép vào giấy. Chàng nói :

"Mỗi lần tôi làm được một bài thơ, là héo hắt đi một ít ở tâm hồn, và xác thịt cũng hao mòn dần đi. Khi nào tôi oà lên khóc, hay gào thét như người điên, lúc bấy giờ tôi mới làm thơ được".

Ở một chỗ khác, chàng lại nói :

"Tôi làm được một bài thơ là một sự khó nhọc cho linh hồn và xác thịt tôi lắm. Viết rồi một bài thơ, người tôi mệt lả đi, mặt tôi đỏ rục lên, hai mắt trông trắng mất hết cả tinh thần, và mấy đầu ngón tay thì tê dại đi, không cử động. Thế mà người ta cũng đành mua thơ tôi bằng tiền à ?"

Đây là chàng nói khẩu khí cho sượng miệng đầy thôi. Chú về sau, chàng chạy vạy cho hết cái đời

ngắn ngủi của mình, chàng cũng không tìm ra lấy một người chịu nhận không thơ chàng mà in nữa, chú đừng nói chuyện mua bằng tiền. Còn như sự tê tái ngất ngư mà thi sĩ cảm thấy mỗi lần thi sĩ làm thơ, chính là một chứng bệnh của thi sĩ, đấy toàn là sự thật, thi sĩ không nói thêm chút nào.

Tôi đã có dịp nói chuyện với thi sĩ đôi lần cả trước và sau ngày thi sĩ lâm bệnh. Lần trước, vào cuối năm 1936, khi thi sĩ mới cho ra quyển GÁI QUÊ, Hàn Mặc Tử ra Huế chơi, đến tìm tôi tại nhà tôi ở An Cựu. Mặc dầu thuở ấy, chàng thất bại đã nhiều trên đường đời, đã từng đi nhiều nơi, sống nhiều nghề, chàng chỉ như một người học trò rụt rè nhút nhát quá. Thêm vào đấy một thân hình nhỏ nhoi, ốm yếu, một giọng nói thùng thảng như sợ làm ồn, thì ta đã có một hình dung đầy đủ về thi sĩ, thuở chưa mang bệnh. Lê cố nhiên, lúc ấy chúng tôi đem chuyện thơ ra nói. Lắng nghe chàng đọc thơ của chàng, tôi có cảm tưởng nghe một cậu bé đọc chương một bài học ở nhà trường. Thơ dẫu hay, nhưng trong cách đọc thật không có chút gì nóng sốt, hăng hái, say đắm.

Cách ba năm sau, tôi lại gặp thi sĩ. Lần này thì chính tôi đi tìm chàng tại Quy Nhơn. Chúng tôi lại nói chuyện thơ, nhất là lại nói về thơ chàng. Hàn Mặc Tử bây giờ thì khác hẳn ngày xưa, tôi không nói đến sự thay đổi về hình thức vì bệnh hoạn, nhưng trước mắt tôi, tôi có đích thị một nhà thi sĩ

hoàn toàn kể từ kẻ tóc chân lông, một nhà thi sĩ mà sức rung cảm, mỗi khi nói đến thơ, làm cho khờ dại hẳn đi. Khi chàng đọc thơ, tôi có cảm tưởng rùng rợn là không phải một người ấy nữa. Dung mạo chàng kém hẳn. Hình như đấy là dung mạo một người trúng phong.

Cảnh tượng này khiến cho tôi nhớ đến một phim ảnh chiếu bóng nhan đề là *Người khách lạ lòng* (L'Étrange Visitcur), chiếu ở Đông Dương vào năm 1939, trong ấy, người khách lạ lòng kia, cũng một anh chàng đau bệnh thần kinh, mỗi khi nghe một bản đàn thì phát cuồng lên, và từ một người nhả nhặn, hiền lành, bỗng trở nên một con quỷ sứ. Ghê gớm nhất là khi trông thấy sự thay đổi sắc diện dần dần và rõ rệt ở trên mặt anh chàng.

Chính trong văn thơ Hàn Mặc Tử, ta cũng thấy nhiều đoạn thi sĩ nói đến sự tê tái ngất ngư mà chàng cảm giác khi nguồn thi hứng kéo đến. Chẳng hạn :

*Tôi cảm động rưng rưng hai hàng lệ  
Dòng thao thao bất tuyệt của nguồn thơ...*

*Thánh nữ đồng trinh Maria*

XUÂN NHƯ Ý

Hay là :

*Đương cầu xin oẹ thơ ra đường sưa  
Ta ngất đi trong khoái lạc hồn đau*

*Đêm xuân cầu nguyện*

XUÂN NHƯ Ý

Hoặc :

*Ta cao ngâm, giọng vô cùng thanh thoát  
Khiến châu thân rung động thể tơ trắng  
Toan ngắt đi trong cơn mê khoái lạc  
Mẹ dẫu yêu liền vội đến tay nâng...*

*Nguồn thom* - XUÂN NHƯ Ý

Những cơn bệnh hoạn ấy, thật tình, nhiều phen đã làm cho người mẹ tội nghiệp của thi sĩ vô cùng ái ngại. Bà chăm nom con như chăm một người điên mà không biết cơn hăng máu nổi lên lúc nào. Nhiều phen bà khuyên lơn thi sĩ đừng làm thơ, đừng ngâm thơ nữa, nhưng không được. Bà đến phải cậy bà con quen biết, láng giềng, thầy thuốc can ngăn giùm. Bài thơ sau đây là một câu trả lời cho những lời răn ấy :

*Tôi muốn hồn trào ra đầu ngọn bút,  
Mỗi lời thơ đều dính não cân ta,  
Bao nét chữ quay cuồng như máu vọt,  
Cho mê man chết điếng cả làn da.  
Cứ để cho ta ngắt ngút trong vũng huyết,  
Trải niềm đau trên mảnh giấy mong manh  
Dùng nắm lại nguồn thơ ta đang siết,  
Cả lòng ai trong mớ chữ rung rinh.*

*Rướm máu* - ĐAU THƯƠNG

## ĐAU THƯƠNG

Qua cái năm bệnh hoạn đầu, nghĩa là vào cuối năm 1937, Hàn Mặc Tử gom góp xong tập thơ đầu tiên làm trên giường bệnh, theo một thể tài mới mà chàng gọi là *Thơ điên*.

Tập thơ, nhan là ĐAU THƯƠNG và thi sĩ để tặng nó, một cách rất có ý nghĩa, cho mẫu thân chàng là người đã từng hết sức đau thương để chứng kiến cuộc đau thương của chàng.

Trong ĐAU THƯƠNG gồm có 50 bài thơ vừa dài vừa ngắn, hai phần ba tập nói đến *trăng*, hơn một nửa phần ba kia nói về *hồn*, chỉ một nửa phần ba còn lại là đa động các luận đề khác.

Về sau, trong những tập làm tiếp theo như XUÂN NHƯ Ý và THƯỢNG THANH KHÍ, cũng hay nói đến trăng và hồn.

*Trăng, hồn*, là hai cái luận đề yêu dấu của Hàn Mặc Tử ; hơn thế, hai cái ám ảnh ghê gớm mà thi sĩ không thoát ly được.

Trăng đây không phải là cái trăng tượng trưng sự đoàn viên, sự thề nguyện của thi sĩ Đông phương. Cũng không phải là cái trăng huy hoàng lộng lẫy chúa tể ban đêm của văn hóa Tây phương. Trăng ở đây là lấy về phương diện ám ảnh thần bí, trăng kể về mặt phát truyền những luồng sóng điện lạ lùng

có ảnh hưởng trực tiếp đến bệnh phong và riêng đến tình trạng tâm hồn đặc biệt của Hàn Mặc Tử. Trăng đối với Hàn Mặc Tử có một mối liên quan mật thiết như đối với nước thủy triều.

Tôi đã tìm trong những sách y học chuyên môn khảo cứu về bệnh hủi. Không thấy có chỗ nào nói đến ảnh hưởng của trăng đối với bệnh ấy. Nhưng mà trong tập văn *Chuyện người hủi ở thành A Ốc* (*Le Lépreux de la Cité d'Aoste*) của Xavier de Maistre - nên nhớ rằng sách viết từ năm 1811 - chúng ta lại thấy nói đến ảnh hưởng của trăng. Người Hủi ở trong ấy kể lại rằng tháng nào cũng vậy, cơn đau đớn của chàng cứ tăng thêm hay là giảm bớt theo con trăng. Hễ bắt đầu có trăng thì chàng thường thấy đau nhức hơn nhiều, rồi dần dần, hễ trăng khuyết chừng nào thì bệnh lại giảm chừng nấy, và hình như thay đổi cả thể chất nữa. Da thịt chàng khô róm lại và trắng trẻo ra, chàng hầu như không thấy đau đớn gì nữa hết.

Tôi đã có đi viếng bệnh viện Quy Hòa. Tôi đã có dịp hỏi chuyện riêng từng người bệnh. Ai cũng nhận rằng con bệnh của họ tăng giảm không chừng, có tuần nó lặn xuống, có tuần nó nổi lên, thế thôi, chứ không ai nhận rằng đích thị là nó nương theo con trăng tròn khuyết.

Đây cũng là một vấn đề mà khoa học chưa nói được cái chữ cuối cùng. Dẫu sao riêng đối với thi sĩ

Hàn Mặc Tử, thì ảnh hưởng của trăng với bệnh chàng đã là rõ ràng chắc chắn lắm.

Trước hết, hình như trăng là một giống hồ ly, biết rằng say mê thì rất có hại cho mình mà không thể lánh xa được :

*Cả miệng ta, trăng là trăng  
Cả lòng ta vô số gái hồng nhan  
Tà nhả ra đây một nàng...*

*.....  
Bóng ai theo dõi bóng mình ?  
Bóng nàng yêu tình,  
Dịp cười như tiếng vỗ pha lê  
Thưa tôi không dám say mê  
Một mai tôi chết bên khe ngọc tuyến.  
Bây giờ tôi dại tôi điên  
Chấp tay tôi lay cả miền không gian.*

#### **Một đêm trăng - ĐAU THƯƠNG**

Ảnh hưởng của trăng đối với sức khỏe thi sĩ nhiều khi dữ dội lắm :

*Gió rút từng cao trăng ngã ngửa  
Vỡ tan thành vũng đọng vàng khô,  
Ta nằm trong vũng trăng đêm ấy  
Sáng dậy điên cuồng mửa máu ra.*

#### **Say trăng - ĐAU THƯƠNG**

Nhưng mà đến một lúc, vì cái ám ảnh trăng, thi sĩ đã lạc mất cả trí khôn, biết bao nhiêu thơ của

chàng từ nay chỉ là những lời nói tầm vớ, nói huyền thuyên, và reo lên lạnh lạnh như tiếng cười của một người loạn óc.

Sự loạn óc vì trăng sẽ biểu diễn trong đủ các biến thể của nó. Bài sau đây sẽ chứng cứ về cái thể gọi là điên hiền. Ở đây, người điên chỉ cười nói nhỏ nhẹ, và cợt nhả với những người đứng xem mình như một trẻ con :

*Trăng ! Trăng ! Trăng ! Là trăng ! Trăng ! Trăng !  
Ai mua trăng tôi bán trăng cho  
Không bán đoàn viên, ước hẹn hò !  
Bao giờ đậu trạng vinh quy đã  
Anh lại đây tôi thối chữ thơ...  
Trăng ! Trăng ! Trăng ! Là trăng ! Trăng ! Trăng !*

*Không ! Không ! Tôi chẳng bán hồn trăng  
Tôi giả đồ chơi anh tưởng rằng  
Tôi nói thiệt, là anh dại quá !  
Trăng vàng, trăng ngọc, bán sao đang ?  
Trăng ! Trăng ! Trăng ! Là trăng ! Trăng ! Trăng !  
Trời sáng trăng sáng khắp mọi nơi,  
Tôi đang cầu nguyện cho trăng tôi  
Tôi lần cho trăng một tràng chuỗi  
Trăng mới là trăng của Rạng Ngời !  
Trăng ! Trăng ! Trăng ! Là trăng ! Trăng ! Trăng !*

**Trăng vàng - Trăng ngọc - XUÂN NHƯ Ý**

Một phần nửa trong thi ca Hàn Mặc Tử là chịu ảnh hưởng của chiêm bao.

Từ lúc đau, không mấy đêm là thi sĩ ngủ yên giấc mà không chiêm bao ; và quái thay ! Chàng chỉ chiêm bao thấy bay lên những vùng trời xa lạ, trong ấy trăng tràn ngập, trăng lảng lai, và cây cối thì im lìm bất động.

Những câu thơ như :

*Tuy không gian không có vẻ lặng lẽ  
Mà ánh sáng tưởng như hơi nước chảy.*

Với lại :

*Và bóng trăng trong âm thanh lao đảo  
Rã lần như hương khói giấc chiêm bao.*

Và :

*Trời trong đấy, trời rất mực quỳnh dao  
Duyên thanh tịnh, trăng tư bề vây kín...*

rõ là tả những cánh thấy trong chiêm bao chứ không bao giờ thực.

Một đêm chiêm bao luôn luôn trở lại với Hàn Mặc Tử là hồn, hồn mà chàng mộng thấy thường hay lia khỏi xác để đi chơi một mình, để đánh nhau lại với chàng trong một cuộc ẩu đả, để rồi cả hai đều ngất ngư chết giấc. Những đầu đề của một phần thơ chàng là : *Trút linh hồn, Với hồn, Biến hồn ta, Hãy nhập hồn em, Hồn lia khỏi xác, Hồn là ai ?*

Sự xuất ngoại hoài hoài của hồn ấy, ta nên nhận là một điều có thực, chứ không phải do trí tưởng tượng của thi sĩ bịa ra. Thi sĩ chỉ ghi chép trạng thái

của mọi sự vật mà người trông thấy hay cảm biết. Kẻ làm thơ không hay nghiên cứu, không hay phân tích. Ấy là một con bệnh, họ chỉ khai cái chứng đau của họ thôi. Còn truy nguyên chứng bệnh là phần việc của nhà khoa học.

Mà ai làm sao biết được chu đáo tất cả những gì xảy ra trong óc của một bệnh nhân ? Sự hồn bỏ xác mà đi chơi của Hàn Mặc Tử âu cũng là một triệu chứng của bệnh chàng, không nói đích về bệnh hủi, vì một người như chàng, có thể mắc phải nhiều bệnh trong một lúc ; hay quả thực là một trong những triệu chứng của bệnh hủi đích thị mà y học chưa từng khám phá ra cũng nên.

Lật lại tập văn trú danh của nhà văn hào Pháp, Xavier de Maistre, ta sẽ thấy có đoạn tả một triệu chứng lạ kỳ của bệnh hủi. Đây là lời của người Hủi trong truyện kể lại cái cảm giác ghê gớm hằng đêm của chàng :

*"Đêm càng khuya, thì nỗi ái ngại của tôi càng tăng, và đến lúc đêm gần tàn, thì tâm hồn tôi rối loạn đến nỗi tôi không biết rồi sẽ ra sao nữa. Tư tưởng của tôi lộn xộn, tôi cảm thấy một cảm giác lạ lùng mà chỉ trong những giờ buồn thảm ấy tôi mới có. Có khi hình như có một mãnh lực nào không thể cưỡng nổi lôi kéo tôi xuống một vực sâu không đáy : có khi tôi thấy nhiều chấm đen trước mắt, rồi trong khi tôi nhìn nó, nó giao lại với nhau, mau lẹ như*

*chóp, nó lần đến nơi tôi rồi to dần ra ; không mấy chốc đã thành những quả núi đè bẹp tôi dưới sức nặng của chúng nó. Nhiều khi khác nữa, tôi, tôi thấy nhiều đám mây ở dưới đất trôi lên, vây quanh người tôi, như từng đợt sóng cứ phồng dần lên, hợp lại thành đồng và sắp sửa lôi cuốn tôi đi. Để tôi có muốn ngồi dậy để cho thoát những ý nghĩ ấy, thì tôi thấy như là bị buộc lại bởi những dây vô hình nó lấy hết sức nghìn của tôi. Có lẽ ngài tưởng đó là những giấc chiêm bao. Nhưng không ! Tôi tỉnh táo lắm kia. Tôi cứ thấy lại luôn luôn những vật ấy, và đó là một cảm tưởng rùng rợn nó chấp hết cả những đau khổ khác của tôi" (Le Lépreux de la Cité d'Aoste).*

Phương chi, Hàn Mặc Tử sinh trưởng ở Bình Định và hay ngao du trong những tỉnh Khánh Hòa, Bình Thuận, tức là những đất gồm tất cả cái giang sơn còn lại của người Chăm, chàng thường ngày trông thấy dấu tích của văn hóa Chăm và thuộc lâu những phong tục, tín ngưỡng của dân tộc ấy, chắc thế nào chàng cũng biết cái chuyện tương truyền rằng ban đêm, hồn người bỏ xác đi làng vàng nơi nọ để kiếm ăn là cái chuyện chính gốc của Hủi. Có lẽ trong khi đau ốm, câu chuyện di truyền kia ảnh hưởng vào bộ óc mê sảng của chàng mà hóa thành sự thật chăng ?

Dẫu sao, sự thấy hồn lìa khỏi xác mà đi chơi là chuyện hằng đêm của Hàn Mặc Tử, cũng như chuyện những chấm đen hóa thành quả núi để đè

mình là cái triệu chứng thường thường của người hủi ở thành A Ốc.

Ta hãy nghe Hàn Mặc Tử thuật lại cuộc đi chơi của hồn chàng.

.....  
Vì không giới nơi trầm hương vắng lặng  
Nên hồn bay vùn vụt tới trăng sao  
Sóng gió nổi rừng rừng như địa chấn  
Và muôn ngàn thần phách ngã lao đao  
Cả hơi hám muôn xata theo ám ảnh  
Hồn chơ vơ không biết lạc về đâu ?  
Và vướng phải vô vàn tình khí lạnh  
Hồn mê man bất tỉnh một hồi lâu,  
Rồi sảng suốt bay tìm muôn tử khí  
Mà muôn sao xa cách cõi hoang sơ,  
Hồn cảm thấy bụi ngùi như róm lệ !  
Thôi, hồn đi ! Phiêu dạt đến bao giờ !

.....  
Đêm nay ta khắc hồn ra khỏi miệng,  
Để cho hồn dờ bốt nổi bi thương,  
Nhưng khốn nỗi ! Xác ta đành câm tiếng,  
Hồn đi rồi khôn nhập xác thê lương !

### *Hồn lìa khỏi xác - ĐAU THUỞNG*

ĐAU THUỞNG, như trên đã nói, còn có một phần thứ ba nữa, phần không chịu ảnh hưởng của bệnh (trắng, chiêm bao và hồn) tức là phần thơ tự nhiên, làm khi thi nhân tình tảo, mạch máu tuôn

chảy êm ả dịu dàng. Luận đề thi sĩ lựa lúc này rất giản dị. Lời thơ dùng rất khỏe khoắn đơn sơ. Âm nhạc reo lên một cách thông thả nhẹ nhàng, uyển chuyển như một tiếng ngân thanh bai kéo dài mãi không ngừng. Những bài nho nhỏ như bài *Đà Lạt trắng mờ*, *Huyền ảo*, *Mùa xuân chín*, *Đây thôn Vĩ Dạ*, *Siêu thoát* v.v... đã đủ tiêu biểu thiên tài bao quát của Hàn Mặc Tử và có thể kể trong những bài hay nhất của nền thơ Việt Nam, của nền thơ hoàn cầu.

## BỆNH TRẠNG

Trong thời kỳ ấy bệnh tình của Hàn Mặc Tử càng ngày càng tăng. Hình như từ mấy năm nay, những sự biến cố cứ theo đuổi hoài cái gia đình ám áp ấy.

Cả nhà, từ ngày thân sinh Hàn mất, đương trông cậy vào người anh cả Hàn là ông Mộng Châu Nguyễn Bá Nhân làm thầu khoán, thì tháng năm 1936, người ấy phải nạn ô tô từ trần một cách oan ức, trong khi cùng với một viên kỹ sư Công chính đi thăm một khúc đường vừa làm xong. Gia đình từ nay không còn trụ chống. Hai em của Hàn phải dời đi Quy Nhơn tha phương cầu thực. Cuối năm ấy Hàn phát bệnh. Cả gánh gia đình đành trao về cho một mình thân mẫu Hàn hứng lấy với số lương hưu mỗi tháng 21 đồng.

mỗi tháng 21 đồng.

Mùa hạ 1938, sau khi năm bảy lần do dự, Hàn Mặc Tử đã quyết định vào Bồ thí viện ở Quy Hòa để tránh cho gia đình một mối nợ đau thương thì bỗng nhiên được một người bạn thân ở Nha Trang gửi ra một viên lương y, với lời hứa sẽ giúp tiền thuốc men đến bao giờ Hàn hết bệnh.

Thoạt mới uống mười thang của ông thầy mới, bệnh giảm xuống một cách bất ngờ. Phải chăng lương y là một vị tiên trên trời hiện rơi xuống để cứu người lâm nạn ? Một lần lương y đến chẩn mạch, Hàn sung sướng và cảm động quá, ôm thầy mà khóc oà.

Bệnh giảm dần trông thấy, đến tháng điều trị thứ ba thì chàng và cả nhà đều yên trí là chàng thoát nạn. Chàng tung thư đi cho các bạn khắp bốn phương trời, tin cái tin mừng ấy, hứa hẹn sẽ đi thăm tất cả và sẽ làm vạn cái dự ước tương lai. Than ôi ! Đây chỉ là một miếng lương gạt khắt khe của Số Mệnh. Bệnh đã là "nan y", nào nó có buông tha ai? Sau vài tháng im hơi như ngủ quên một giấc, nó lại thức dậy, có phần dữ dội hơn xưa. Vị lương y ở Nha Trang đành phải khăn gói ra về, để lại cho gia đình bệnh nhân và chính chàng một mối thất vọng đớn đau. Nhưng cú đả liều như thế mà chờ cái chết nó đến dần dần, thì mẹ chàng sao đành dạ ? Nên bà tìm hết cách để đưa con đi ở trọ các nhà thầy thuốc quanh vùng. Mỗi ông lang, điều trị chừng vài ba tháng, thấy không hiệu quả gì, lại cũng dăm chán,

mà kiếm có tống chàng đi. Phương chi, sự ở trọ như thế, cốt nhất là phải có tiền để cung đón thầy cho thật phù phê thì họa may thầy mới dung nạp cho. Hàn Mặc Tử lấy tiền đâu ra mãi ! Cho nên chàng phải dời chỗ ở luôn. Trong một năm ta thấy chàng đi ở đậu hai ba chỗ có, năm sáu chỗ có. Mà khi nào người ta chưa kịp xua đuổi chàng, thì trời lại xen vào mà làm công việc ấy : *"Mấy lâu nay, Hàn viết, trời mưa lụt dữ quá, Trí phải dọn nhà đi hai ba chỗ, vì nước ngập vô tới nhà. Trí đã viết cho Đ. một bức thư dài lắm, nhưng chưa kịp gửi đi thì bị nhà đột và lụt làm ướt cả bức thư"*.

*(Thư ngày 9-11-38 gửi cho Đ.)*

Cách một năm sau, ta thấy Hàn lại dọn về nhà mẹ, ở số 18, đường Khải Định Quy Nhơn. Chàng báo tin cho Trần Thanh Dịch : *"Dịch ơi ! Độ này Trí bớt nhiều lắm, và hiện nay Trí đã về tạm ở nhà. Cái nguyên nhân là không tiền uống thuốc, nên Trí lo buồn quá. Thôi đừng nói tới chuyện đó nữa"*.

*(Thư ngày 11-12-1939).*

Một năm xa cách, về thấy vẻ náo nhiệt rộn rịp của thành phố mình, chàng lại viết :

*"Dịch ơi ! Trí về nhà, ngó ra đường thấy trời tốt đẹp quá. Người ta, người thiên hạ ấy, sao mà vui vẻ quá, mà sao lòng Trí không háo hức chút nào cả. Dịch ơi ! Tại làm sao Trí thấy một người con gái mới lớn lên xinh đẹp lạ kỳ mà Trí lại không nhìn ngắm ?*

*Ồ ! Dịch ôi ! Mấy năm đau khổ, không ngờ lòng Trí lại khô héo đến thế !"*

Nhưng mà về nhà không được bao lâu, chàng lại phải đi ngay, do hai lý chính mà chàng không nói. Một là ở nhà sợ di lụy cho bà con, con trẻ ; thứ hai là người mang bệnh hủi cũng như kẻ buôn đồ lậu, phải trốn tránh, lẩn lút luôn, kéo nữa lại sa vào lưới Sở Vệ sinh công cộng. Nhà thương Quy Hòa vẫn mở rộng chỗ sẵn kẻ như chàng.

Ngày 23 tháng giêng 1940, chàng viết mách tin cho Trần Thanh Dịch là chàng dọn nhà đi nơi khác : *"Bữa nay, Trí xuống ở nhà bà thầy thuốc rồi. Ở đây nhà cửa mát mẻ quá, thanh tịnh nữa, không như ở nhà Trí ồn ào quá, nhất là mấy đứa cháu chơi đùa la hét, nói không được".*

Nhưng mà năm tháng sau, ta lại thấy chàng kể :

*"Cuộc đời tôi trong khoảng một tháng nay rung rinh nhiều lắm. Tôi đã đi ở chỗ khác, không còn ở chỗ cũ nữa. Và chỗ này cũng gần biển, trước mặt biển, sau là sông. Nhưng phải cái nhà không được kín đáo lắm. Có một mái nắng dọi nhiều quá, từ trưa tới chiều, in lên cả mặt giường không sao nằm được. Tôi đã lấy nào là bì thư, nào là giấy nhật trình nhét khắp cả, thế mà "chạy trời không khỏi nắng". Cả buổi chiều nếu là ở trong nhà thì phải đội mũ, còn không thì phải đi chỗ khác chơi. Cái hoàn cảnh bất như ý ấy đã chẳng cho tôi được phút nào thật bình an, nên*

*tôi chẳng có thời giờ để viết hay làm thơ nữa". (Thư đề tháng sáu, không ngày, gửi cho Trần Tái Phùng ở Huế).*

Khi nào chàng đau khổ quá, bất luận về tình thần hay về hình thức, thì chàng lại viết thư than thở cùng Thanh Dịch, người bạn tâm tình của chàng. Thì ra trong khi nhà thi sĩ tung thơ ra khắp bốn phương trời, trong khi thiên hạ đều đua nhau hứng đón cái phần thưởng say sưa sang trọng của một bậc thiên tài ban bố, riêng Trần Thanh Dịch lại là người duy nhất được cái vinh hạnh không chia sẻ là thừa tự lấy phần hương hòa đau thương, mà sự kiêu ngạo tây đĩnh của thi sĩ khiến chàng gói kín, cất kỹ, không cho một ai ngoài nữa hay, như người biển lậu thu giấu trấp vàng của hân.

*"Dịch yếu đuối.*

*"Trí lúc này mệt quá, muốn viết thư cho Dịch luôn mà cầm bút không nổi, viết không được dài (Nên nhớ rằng vì những ngón tay của thi sĩ bị co rút lại, không mềm dẻo như người thường được). Trí yếu quá, từ hôm Tết tới nay, Trí không uống đến thuốc. Thành thạo uống vài ba thang thuốc bỏ thôi. Bây giờ Trí chỉ xin Ôn Trên đưa sức mạnh thiêng liêng đến cho Trí thôi, chứ làm gì có thuốc bổ mà uống. Dịch đừng buồn. Rồi Trí sẽ lành mạnh. Dịch ơi ! Trí khóc đây".*

*(Thư ngày 3-3-1939).*

Loại như thế nhiều lắm. Chúng ta có thể theo đó mà lập một biển kẻ bệnh trạng rõ ràng lắm.

Chúng ta biết ngày nào chàng sung cánh tay mặt, lúc nào chàng bị mờ đi cả hai mắt và trong bao ngày, mấy lần chàng bị ngã lăn ra chết giấc v.v...

Những sự ấy chắc là không bổ ích bằng sự nghiên cứu tình trạng tâm hồn của nhà thi sĩ, nó sẽ chỉ cho ta biết cái giá trị chân chính của bệnh nhân và biết trình độ của lòng can đảm của sự dũng mãnh có thể đi đến đâu.

## CÔ LIÊU

**B**ây giờ một mối buồn chán mênh mông chiếm cả tâm hồn chàng. Mặc dù sự đau đớn lúc này không quay quắt như hồi bệnh mới phát, mặc dù chàng đã từng làm quen với nó, và đã từng cố học cái đức tính nhẫn nại, chàng cũng không thể không để lọt ra những tiếng kêu rên thống thiết :

*Lòng ta sâu thẳm hơn mùa lạnh,  
Hơn hết u buồn của nước mây.  
Của những tình duyên thương lỡ dở,  
Của lời rên xiết gió heo may.*

Thư đề ngày 15 tháng mười một 1938 gửi cho Trần Thanh Dịch, có câu :

*"Muốn viết thư cho Dịch, thì không thấy nhớ lắm.  
Ban đêm muốn dậy xem trăng, thì trăng chửa mọc,  
hay đã lặn rồi".*

Trong một thư khác, đề ngày 25 tháng năm 1938, lại có câu :

*"Tất cả những cô gái mà Trí đã yêu, đang yêu, hay sẽ yêu, rồi cũng sẽ đi lấy chồng cả, thế có buồn không ?".* Thật là đơn sơ mà bi đát một cách lạ !

Nhiều khi chàng thấy mình trở trời, bơ vơ quá, trong khi ở ngoài, người thiên hạ ai cũng có đôi lứa, rộn ràng với hạnh phúc gia đình, chàng cũng tủi thầm cho số phận, mà không giữ được lòng thanh nhiên nữa.

Một hôm trả lời một người bạn trẻ, con nhà giàu, mới bỏ ra làm việc, mới cưới vợ, lại sinh làm thơ nhưng kém tài, nhà thi sĩ đau thương đã phát câu lên mà kêu lớn :

*"Chao ôi ! Tôi không hiểu tại sao anh lại làm thi sĩ trong khi bên mình có một cái hạnh phúc no đầy? Anh nên nhớ rằng thơ văn không bao giờ chịu làm quen với vinh hoa phú quý, mà chỉ thích sống với mùi thanh đạm, lê hoác mà thôi ! Cho nên thi sĩ tôi như tôi, luôn luôn sống cô độc, hờn ghen tất cả những gì gọi là song đôi, là một cặp, là hai đứa, đó anh ạ !"*

Thế rồi bệnh chàng càng kéo dài chừng nào, chàng đi sâu vào cõi cô quạnh chừng nấy. Mơ mộng, nguyên là cái bẩm tính của các nhà thi sĩ, được cuộc sống riêng biệt lẻ loi của chàng giúp sức thêm, càng đè nặng lên trên tâm hồn khôn giải ấy và chiếm

đoạt lấy nó một cách hiên ngang. Hình như nhà thi sĩ bị cái hình phạt nặng nề ghê gớm phải mơ mộng, mơ mộng hằng giờ, hằng ngày, hằng đêm, những đêm không ngủ được - mà cơn bệnh chàng thì có mấy khi cho chàng được ngủ - mơ mộng luôn luôn không lúc nào nguôi, cũng như người Do Thái Lang Thang, bị cái hình phạt phải đi lang thang, là đi, đi mãi. Nỗi cô liêu của thi sĩ càng ngày càng ghê gớm, có thể đến thành nguy hiểm nữa.

Ta hãy tưởng tượng xem : một người con trai mới lớn, đau bệnh phong, lánh xa gia đình, xa thành phố với ánh sáng và tiếng rộn ràng của nó, ở riêng nơi một chòi tranh tối tăm bẩn thỉu tại một xóm nhà quê, như ở Gành Ráng, trong cảnh tượng tiêu sơ u tịch của một thung lũng khô khan với một cánh ruộng mà lúa không bao giờ xanh, chạy dài theo một dãy núi tím thẫm, lởm chởm những hòn đá to tướng như những bầy voi, những đoàn quái thú nào từ đời thượng cổ hiện lên đây và nhìn xuống mình một cách lặng im, đến dễ sợ ; hay là ở Thôn Tấn, một doi đất đâm ra biển, trước là sông, sau là biển ; sông thì lặng lẽ phơi mình dài, óng ánh nham hiểm như để bẫy người say chân lỡ bước, hay tàn nhẫn như chờ đón những kẻ chán đời trong phút điên cuồng ; biển thì cứ đưa mãi lên những luồng sóng đen uồn lộn như những con thuồng luồng khổng lồ, và âm ầm gào thét như kêu ca một nỗi oan khổ muôn đời nào, ta hãy tưởng tượng xem cái tình trạng tâm hồn

của người con trai trong những đêm ấy ra thế nào ? Nếu trong trường hợp ấy mà bệnh nhân không phát điên thật lên, thì hẳn người ấy phải có một bộ óc rất mạnh, một tấm lòng rất vững vậy. Trong đời có nhiều thứ anh hùng. Thứ đem vào cảnh ngộ ấy một viên tướng bách chiến, đã từng lấy thành thâu lũy dưới muôn cơn lửa đạn và coi cái mạng sống, bắt đầu từ mạng của mình, như một mảnh lông hồng, có ai dám chắc người ấy sẽ giữ được điềm tĩnh như trong những buổi chiều hôm người thăm lại bãi sa trường ngổn ngang thây muôn ngàn tử sĩ, và âm ỉ tiếng rên xiết của những kẻ chiến thương ?

Đối với Hàn Mặc Tử thì những đêm cô liêu như thế không phải là ít, những đêm phải thức chong, phải dầy ra ngồi mơ mộng bên bờ mây nước. Chàng phải lắng lắng rình nghe cái hiu quạnh thấm dần vào trong cơ thể như là một liều thuốc độc, chạy đến chỗ đường gân nào, mạch máu nào là hay biết đến đó, cho đến bao giờ nó nhập tận quả tim, chiếm được buồng óc, là phải ngã dụi xuống mà thôi.

Sự im lặng vắng vẻ ghê gớm đến nỗi thi sĩ ngồi mơ tưởng một mình, mà cứ cảm thấy bóng người lang vắng ở đâu đây, đến nỗi thi sĩ không thể tin được rằng quả thật mình đang trơ trọi. Nếu như vắng vẻ thật là vắng vẻ, và im lặng chỉ là im lặng, nghĩa là không chứa đựng một vật gì, không tổ giác sự hiện diện của một loài giống gì, dầu là ma nữa, thì sao tâm hồn ta lại cảm thấy nó đè nén ta được

nặng thế, và tai ta nghe gì ồn đến ù điếc đi như thế ? Trong nỗi cô liêu hoàn toàn, thi sĩ vẫn thấy có người đi trên nước. Thi sĩ thấy có một bóng người nào cứ đeo mà ngồi khít bên lưng mình, như một con ma, như con hầu của ông cố đạo trong một truyện của Somerset Maugham, rồi cả hai người nhất định cứ lặng thinh rình nhau, chờ nhau đến nín cả hơi thở nữa, như nhát dọa nhau, thì gan nhau xem ai sợ trước. Điều dễ sợ nhất là thi sĩ hỏi lên, nghĩa là chịu thua, nghĩa là thú nhận cơn khủng khiếp của mình. Thi sĩ hỏi trong một tiếng kêu méo mó vì sợ :

*Ai đi lẳng lặng trên làn nước ?  
Vội lại ai ngồi khít cạnh tôi ?  
Mà sao ngậm cứng thơ đầy miệng  
Không nói, không rằng nín cả hơi ?  
Chao ôi ! Ghê quá trong tư tưởng !  
Một vầng cô liêu cũ vạn đời !*

#### **Cô liêu - ĐAU THƯƠNG**

Điều ghê gớm nhất là tâm hồn thi sĩ loạn lạc đến không biết rằng bóng người kia chỉ là cái kết tinh, cái hóa thân của một sức tưởng tượng căng lên đến tột bậc :

*Chao ôi ! Ghê quá ! Ôi ghê quá !  
Cảm thấy, hồn tôi ớn lạnh rồi !*

Biết bao lần trong tâm hồn loạn lạc ấy, ý nghĩa hủy bỏ đời mình đã đến với thi sĩ, nhưng ý nghĩ ấy lại làm cho thi sĩ sợ hãi hơn là nỗi cô đơn của chàng,

không phải vì chàng sợ cái chết, nhưng vì chàng là người đạo Thiên chúa, chàng coi sự tự sát là tội lỗi to nhất trong các tội lỗi một người phạm tục có thể làm. Thế cho nên trong những đêm đau khổ như thế, chàng không biết làm gì hơn là trở lại buồng kín của mình, rồi thắp một ngọn nến con con, để cho có ánh sáng, để cho thấy bớt cô quạnh, chàng quỳ xuống bên góc phen, chàng vừa khóc nức nở vừa cầu nguyện Đức Chúa với những lời tha thiết hoảng hốt, trong khi ngọn nến bị gió lọt vào cánh phen thưa, cùng run lẩy bẩy, cùng kêu rảng rặc như tụng niệm theo, và cùng hoảng hốt để sa ròng rọc những dòng lệ sấp.

Bao giờ nước mắt khóc đã hầu khô, thân thể quỳ xuống đất đã rã rời mệt mỏi, mà ngọn nến cũng đã tự thiêu cháy hết mình rồi, thì chàng thấy lòng nhẹ nhàng hơn, êm ấm hơn, hình như Chúa đã có ban ơn lành xuống thực, chàng mới lặng lẽ lên giường nằm.

Những cơn khủng hoảng ấy không phải chỉ trong lúc chàng đi ở trọ xa gia đình mới có. Chính những buổi ở nhà, có mẹ, có chị em, cháu chắt, chàng cũng cứ một mình khóc thầm cái tro troi của mình, không hề cho một ai hay biết nỗi rối loạn của tâm hồn. Kiêu ngạo quá, chàng giấu sự đau thương của mình như người làm tội giấu tội xấu của họ.

## NGHÈO TÚNG

Bệnh tình càng trầm trọng chừng nào thì Hàn lại càng đi sâu vào cảnh túng bấn chừng nấy. Số tiền nợ các ông lang lên đã nhiều. Mẹ chàng hình như chạy cũng không kham nữa. Bà con, một người chị ruột hiền từ, một người anh rể hào hiệp cũng đã kiệt lực. Nhà thơ Quách Tấn là vị Mạnh Thường Quân của Hàn Mặc Tử cũng không thể giúp đỡ hơn sức nghìn của ông ta. Ở đây tôi muốn dành riêng một đoạn về công ơn của tác giả *Một Tấm Lòng* và *Mùa Cổ Điển* đối với Nguyễn Trọng Trí, gọi một lời cảm tạ tuyên bố giữa toàn thể các bạn làng văn.

Quách Tấn và Hàn Mặc Tử quen biết nhau do một mối duyên thơ cực kỳ ngộ nghĩnh. Ấy là vào khoảng năm 1931, Quách Tấn là nhà thơ Đường luật trong các báo *An Nam Tạp chí*, *Phụ nữ Tân Văn* v.v... Các bạn đọc hẳn còn nhớ thuở ấy, Nguyễn Trọng Trí còn cho đăng những bài thơ Đường ở báo *Phụ nữ Tân Văn* dưới biệt hiệu là Phong Trần, hay khiêm tốn hơn nữa là P.T. (Quy Nhơn). Hết sức cảm xúc vì khí văn của Trí, lại thấy đề địa chỉ Quy Nhơn là chốn chôn rau cắt rốn của mình, Quách Tấn, lúc bấy giờ, tòng sự tại Nha Trang, viết thư cậy một bạn quen ở Quy Nhơn cũng là một nhà thơ, hay ít ra là một kẻ yêu thơ, để ý tìm xem P.T. là ai. Cuộc tìm tòi tận tâm của bạn Quách kéo dài ngót bốn năm tháng mà tung tích của nhà thơ bị mặt vẫn chưa

khám phá ra. Một hôm người bạn Quách đi nhà thương khám bệnh. Trong phòng khám bệnh cũng còn đông người, vài ông phán, dăm cậu học trò. Viên y sĩ lại là người vui vẻ, mà cũng yêu thơ. Khám xong người bạn Quách, y sĩ còn lưu luyến nói chuyện thơ chơi, và sự tình cờ lại xui hai người nói đến thơ của P.T., hỏi nhau nhưng không ai biết P.T. là "thằng cha nào" mà có lời thơ hay đã "bất nhơn". Bỗng nhiên trong đám học trò, có một cậu người nhỏ, gầy, để tóc dưỡng rẽ, vẻ mặt xanh xao, mà sự cảm động này lại càng làm xanh thêm, rụt rè bước tới trước mặt quan đốc và nhỏ nhẹ nói bằng giọng Huế : "Thưa P.T. tức là Phong Trần, mà Phong Trần là... em đây !". Không đợi nói, các bạn cũng đã đoán là ông bạn Quách đánh phóc về nhà, với tất cả sự kiêu căng chính đáng của một nhà trinh thám thành công, ông ta tin ngay cho Quách biết chuyện vừa xảy ra. Thế là Quách Tấn và Nguyễn Trọng Trí bắt đầu làm quen rồi trở nên đôi bạn tri kỷ.

Sau khi biết tin Hàn Mặc Tử lâm bệnh (biết chậm một năm, vì Hàn nhất thiết giấu bạn) chính Quách Tấn là người đi tìm danh y đưa ra tận Quy Nhơn để chữa cho Hàn và đứng ra chi hết các khoản thuốc men để Hàn dùng. Về sau vị danh y chạy, Quách không còn biết làm chi hơn là gửi mỗi tháng mười đồng cho bạn. Sự giúp đỡ ấy ban đầu còn làm cho Hàn Mặc Tử tủi hổ, vì chàng vốn mang nhiều lòng tự ái quá.

Cuối năm 1938, chàng viết cho Trần Thanh Dịch :

*Hôm vừa rồi Quách Tấn có ra Quy Nhơn thăm Trí, một hai bát Trí phải nhận sự giúp đỡ của anh ấy mỗi tháng năm đồng. Và khi anh ấy ra về, có nhờ một người làm tòa sứ ở đây đưa đến cho Trí một phong thư, trong ấy có kèm năm đồng của anh ấy biếu Trí.*

*"Dịch ơi ! Trí đã nhiều lần hết sức từ chối nhưng anh ấy cứ không nghe. Vậy Dịch ơi, Dịch nghĩ thế nào, trả lời cho Trí biết. Khổ lòng Trí quá, Dịch ơi?"*

Nhưng sau dần dần quen, sự nhận tiền của Quách không làm cho Hàn Mặc Tử nguơng và áy náy nữa. Không những thế mỗi lần nhận được tiền Quách giúp, là chàng mừng rỡ như đứa trẻ được mẹ cho quà. Chàng không thể nín mà không mách cho Trần Thanh Dịch biết :

*"Quách Tấn lại gửi cho Trí thêm mười đồng để làm tế thuốc bổ. Thế là Trí sống rồi, không còn lo ngại gì nữa. Dịch ơi ! Thích chưa, thích quá Dịch ơi ! Trí vui mừng mấy bữa nay, ngâm thơ vang cả lên, mấy cô gái láng giềng "xinh như mộng" cũng cười vang cả lên mà bảo Trí điên ! Dịch ơi ! Trí mà điên thật đấy à ? Xê ra không Trí cần cho một miếng phun dựng máu lên ! Ha ! Ha ! Dịch ơi ! Thơ đang reo trong mạch máu Trí đây !"*

Nhưng mà thời gian vẫn đi qua. Bệnh của Hàn Mặc Tử vẫn kéo dài. Nhà Mạnh Thường Quân Quách Tấn về sau gặp nhiều việc bận rộn ở gia đình cũng không có thể trợ cấp mãi người bạn khốn nạn nữa. Mà chàng thì nhất thiết không đời nào chịu mở miệng hỏi han bạn. Duy chỉ khi nào đau khổ vì cơn nghèo túng quá, chàng rớt nỗi lòng cho người bạn tâm tình của chàng, Trần Thanh Dịch, vì chàng biết Dịch cũng nghèo túng như chàng. Giá Thanh Dịch giàu có hay ít ra có thể giúp chàng thì chàng hẳn lại bịt kín vết thương lòng về phía ấy nữa ngay. Lòng tự ái, tính kiêu ngạo hay chơi nhiều kiểu oái oăm như thế.

Thế là về lối sau đây, không còn có ai giúp đỡ được cho nhà thi sĩ khốn nạn nữa. Bây giờ thì lâu lâu, có người gửi kèm theo thư thăm của họ ít cái tem để cho Hàn có thể gửi trả lời. Có khi chàng chậm trả lời cho ai, là vì chàng đã dùng con tem của người này để gửi đi một địa chỉ khác về một việc cần thiết hơn. Các bạn chàng hiểu nông nổi ấy, nên hễ ai thấy thi sĩ chậm trả lời thư mình, thì lại gửi thêm tem, thế là chắc được thư xin lỗi và cắt nghĩa rõ sự sử dụng của con tem trước. Khi nào chàng có nhiều tem, thì chàng lại tin các bạn biết để đừng gửi nữa.

Suốt hai năm 1938-1939 chàng bận khoản về việc xuất bản tác phẩm của mình. Thuở ban đầu theo như chàng đã tưởng, thơ chàng gom góp xong rồi là

các nhà xuất bản sẽ dành nhau mua mà in, mà bán, vì sẽ chạy như tôm tươi, và nó sẽ là một tiếng sét nổ vang trong làng thơ Việt Nam. Thuở ban đầu, chàng còn nói khẩu khí : "Thơ của Trí mà người ta cũng dành mua bằng tiền à ?". Chàng viết thư đi khắp, hỏi các nhà xuất bản, hỏi các bạn chàng. Chàng lại còn ngậy thơ đến nước đưa trước ra những điều kiện của mình cho người nào nhận in thơ ấy. Chàng không ngại ngừng mà bắt buộc :

1. Phải trả tiền nhuận bút cả tập thơ
2. Phải để dành cho tác giả 100 quyển
3. Phải chia tiền hoa hồng khi bán xong sách
4. Phải in thật đẹp bằng giấy xấp

Ngoài ra còn phải in riêng cho tác giả 5 quyển bằng *Vergé Baroque Crème* đánh số từ I đến V và hai quyển giấy vải *Charta Bona* đánh số A và B". (nguyên văn)

Có lẽ là tất cả các xuất bản gia không một ai chịu thiệt đi một con tem để trả lời chàng nữa. Còn các bạn chàng, thì có vô số người hứa nhận in, có lẽ để cho chàng vui lòng chàng ? Trong số đó, có nhiều người quả có thừa tư cách làm một nhà xuất bản cho chàng. Thế mà hết người nọ đến người kia, lời hứa hẹn chỉ trôi xuôi như dòng nước. Ai cũng phục thơ chàng, nhưng ai cũng cho rằng xuất tiền ra in thơ ấy là một việc hồng ! Thảm thương nhất là hy vọng của chàng cứ xôn xao náo nức, cứ nhóm rồi lại tắt đi mãi mãi theo những lời hứa. Chàng có

một đức tin rất hăng hái. Hể nghe ai hứa một lời, là chàng quẩn quýt mừng rỡ thật tình như một đứa trẻ con. Ta có thể nói rằng chàng treo cả sự sống chàng vào người đã hứa cho đến khi biết rằng đó là một chuyện hảo hờ mới thôi. Nhưng rồi đến lượt kẻ khác nữa, rồi chàng lại cũng cứ thế, không vì bài học trước mà chán.

Ngày 24 tháng bảy 1938, chàng viết thư cho Bích Khê, lúc bấy giờ còn chưa viết xong quyển *Tinh Huyết* nữa :

*Bích Khê anh ơi ! Anh có đau khổ lắm không ? Bao giờ thì chết ? Và còn lâu hay đã gần rồi ! Tôi cũng đang chết đây, nhưng vẫn thản nhiên lắm. Tôi mong anh sống đã, sống để đọc tập thơ điên ĐAU THƯƠNG của tôi trước khi chết.*

Thế mà rồi chàng giới thiệu *Xác Thu* của Hoàng Diệp ra năm 1937, viết bài ca tụng *Điêu Tàn* của Chế Lan Viên ra năm 1938, đề tựa cho *Tinh Huyết* của Bích Khê ra năm 1939, và đề bạt cho *Một Tấm Lòng* của Quách Tấn ra cùng năm ấy. Trong khi chính tác phẩm của chàng thì vẫn không ra được.

Ngày 24 tháng hai 1939, chàng viết thư cho Dịch để nói nỗi thất vọng của mình :

*"Mấy bữa nay không viết thư cho Dịch là vì nhiều lẽ : trời lạnh quá chừng, không biết nhờ ai đi mua hộ tem gửi thư, với lại mấy bữa nay Trí vừa buồn vừa chán, vì tập *Thơ Điên* lại chẳng ra đời được nữa*

*rồi ! Cái anh bạn ở Nha Trang cũng đánh trượt như anh bạn Ph. ở Huế... Thế có khi không ? Dịch ơi ! Trĩ lấy làm khổ tâm quá !"*

Tuy thế nhưng rồi chàng lại chạy chọt ở chỗ khác, XUÂN NHƯ Ý, THUỘNG THANH KHÍ CẨM CHÂU DUYÊN. Chàng lại soạn trước lời quảng cáo cho thơ chàng, trù tính việc cho đăng lên các báo một khi bản thảo của chàng đã có người nhận đưa in. Quảng cáo rất hùng hồn, gọn gàng mà kêu như tiếng khánh, kêu gọi vô cùng nữa. Nhưng rồi không có báo nào đăng hết, vì chàng lại "bị đánh trượt" như bao lần trước. Một độ chàng đã để cả hy vọng vào nhà xuất bản *Đời Nay*.<sup>(\*)</sup> Chàng loay hoay khổ sở tự tay chép được một bản *Thơ Điền ĐAU THƯƠNG*, gửi cho một nhà thơ danh tiếng ở Hà Nội, và có thể lực đối với xuất bản cục. Bẵng tin đi có mấy tháng trời, hỏi mãi, chàng mới nhận được thư trả lời là tập ấy nhà thơ danh tiếng kia đã "vô ý" đánh mất đi rồi !

## MỘNG CẦM

Một mối thất vọng lớn của Hàn Mặc Tử nữa, là nỗi chàng bị tình phụ.

Hiện bây giờ chưa tiện nói rõ về tung tích, về đời tư của người đàn bà đã ghé sỏ vào đời Hàn Mặc

(\*) NXB của nhóm Tự lực văn đoàn (VTN)

Tử. Hiện bây giờ họ đương có gia đình riêng, tất nhiên có bốn phận riêng, cùng những mối e dè cấm kỵ buộc theo đó. Ngày sau, khi thời gian đã xóa nhòa mọi thứ tình của một thuở, khi Thần Chết đã đưa vào chỗ hư vô bao nhiêu công việc, đã mở thả ra hết bao nhiêu định lệ, người ta sẽ tha hồ mà nghiên cứu, mà phân tích, mà tiểu thuyết hóa cuộc tình duyên này. Tài liệu không thiếu. Tình tiết đầy ly kỳ, say đắm. Hiện bây giờ thì ta hãy tạm bằng lòng đại khái qua loa thôi vậy.

Ấy là câu chuyện một đôi trai tài gái sắc yêu nhau, câu chuyện muôn đời ấy mà ! Người con trai là Hàn Mặc Tử, người con gái, ta hãy cứ theo nhà thi sĩ mà gọi là Mộng Cầm đi, mặc cái tên thực của họ. Hai bên đã thề nguyện cùng nhau những lời mà ta hiểu là thiết tha đậm thắm lắm. Thường thường thì họ hay gặp nhau ở hai tỉnh : Quy Nhơn và Phan Thiết. Họ đưa nhau đi chơi bờ bể, họ đi viếng các danh lam thắng cảnh, nhất là Lầu Ông Hoàng. Rồi họ xa nhau, và tặng ảnh cho nhau. Họ coi như một cặp vợ chồng chưa cưới. Tin Mộng Châu, anh của thi sĩ bị chết về nạn ô tô, làm cho nàng thiếu nữ phải phát cuồng lên, đòi để tang cho kỳ được. "*Lệ Thanh anh ơi !* Nàng ấy viết. (Ấy là trong cái thuở nhà thi sĩ còn lấy tên là Lệ Thanh) *Lệ Thanh anh ơi ! Em không thể ra tận ngoài ấy để đưa linh cữu "ông anh cũ" về nơi an nghỉ cuối cùng. Vậy anh cho phép em thành tâm cử tang cho ông anh một năm cũng như*

*anh, nghe anh. Ở trên mấy tầng mây, vong linh ông anh cả nếu có linh thiêng, nên nhận người đang cầm bút biên mấy hàng trên đây là người em dâu chắc chắn, nhất định của ông anh rồi. Vậy ông anh nên phù hộ cho chúng em thương nhau cho đến bạc đầu"...*

Dùng một cái, một buổi mai ngủ dậy, nhà thi sĩ thấy mấy đầu ngón tay tê dại đi và không thẳng ra được, và soi gương thì thấy da mặt sượng sần mà hai gò má đỏ ửng. Chàng tuyệt giao với bạn hữu, với cả Mộng Cầm, sau khi thú thật với nàng nỗi đại biến của mình. Lẽ tất nhiên chàng cũng lấy lời cao thượng xin cời những ước hẹn ngày xưa và dâng trả sự tự do lại cho nàng. Và cũng lẽ tất nhiên, nàng vùng vằng giận dữ, mang chàng là tàn nhẫn, khinh bỉ nàng, và sau rốt an ủi chàng tình duyên và thề bồi lại một lần nữa đậm đà hơn.

Sáu tháng sau có tin nàng đi lấy chồng.

Cái phản động lực của thi sĩ mà ngày nay chúng ta có thể nhận thức được, là chàng giở lại đồng thư cũ của cổ nhân, rồi ngoài lề, ngay những chỗ nàng thề thốt chung tình hung lắm, chàng đánh những dấu hỏi ( ? ) và những dấu cảm thán ( ! ) to tướng. Có chỗ chàng phê : "Lạy trời ! Em X... đã phụ tôi, khi thấy tôi đau yếu, lâm phải tai nạn, nghĩa là em X... đã phạm lời thề thốt ra trên mảnh giấy này. Tôi lạy trời xóa bỏ lời thề ấy đi, đừng hành phạt em X... tôi tội nghiệp !"

Kể cũng khi trẻ con, cách làm cao thượng ấy ! Giá nhà thi sĩ đã sẵn lòng tha thứ thì cứ việc xé đốt cho tan hết những tang chứng của cuộc phụ phàng kia có được không ?

Nhưng xét cho kỹ thì chàng cũng không đáng trách. Chàng chỉ là một người. Cũng như không đáng trách sự đi lấy chồng của người con gái. Cái thời kỳ người đàn bà thủ tiết thờ một người chồng chưa cưới, bỏ trăm năm vì một lời nguyện, thời kỳ ấy đã qua, hay chỉ nằm trong pho sách luân lý. Phương chi, ngoài ra còn biết bao nhiêu lý do để biện hộ cho sự đi lấy chồng của Mộng Cầm. Mỗi một chứng bệnh của Hàn Mặc Tử cũng đủ nói giúp nhiều cho nàng rồi. Duy có cái nàng đi lấy chồng có hơi gấp đấy thôi.

Dù sao, về phần nhà thi sĩ, chàng không quên được hình ảnh của người yêu, và sự đau khổ về cuộc tình duyên lỡ dở ấy lại là một nguồn cảm hứng để cho thi sĩ kéo ra nhiều điệu nhạc trầm hùng. Ấy là những tiếng kêu nào nuốt nhất, những giọng gào thét đoạn trường nhất mà một người bị tình phụ đã thốt nên :

*Trời hỡi ! Nhờ ai cho khỏi dỗi ?  
Gió trắng có sẵn, làm sao ấn ?  
Làm sao giết được người trong mộng,  
Để trả thù duyên kiếp phụ phàng ?*

*Lang thang - XUÂN NHƯ Ý*

Chàng buồn. Chàng uống rượu. Uống say ngã ra, tưởng có nàng đứng sau nâng đỡ, như những đêm nào ấy. Té ra say quá mà không nhớ là nàng đã đi lấy chồng tự bao giờ rồi... Ấy là luận đề bài *Say chết đêm nay*.

Nhưng mà tiếng kêu than ào não hơn hết là khi thi sĩ đến nơi đã vì đó mà dấy lên cuộc ái ân nơi đã chứng kiến mối tình đầu của chàng : Phan Thiết ! Phan Thiết ! Cái tên kêu gọi làm sao ! Nó dội lên như một lời trời trăng thống thiết :

. . . . .  
Rồi ngây dại nhờ thất tình chỉ hướng,  
Ta lang thang tìm tới trốn Lầu Trăng.  
Lầu Ông Hoàng, người thiên hạ đồn vang,  
Nơi đã khóc, đã yêu thương da diết...  
Ơi ! Trời ơi ! Là Phan Thiết ! Phan Thiết !  
Mà tang thương còn lại mảnh sao rơi !  
Ta đến nơi - Nàng ấy vắng lâu rồi !  
Nghĩa là chết từ muôn trăng thế kỷ.  
Trắng vàng ngọc, trắng ân tình, chưa phỉ,  
Ta nhìn trăng khôn xiết ngậm ngùi trắng.  
Ta vãi tung thơ lên tận sông Hằng,  
Thu phép tắc bỗng kêu rên thống thiết,  
Hỡi Phan Thiết ! Phan Thiết !  
Mì là nơi ta chôn hận nghìn thu !  
Mì là nơi ta sầu muộn ngắt ngư !

*Phan Thiết ! Phan Thiết ! - XUÂN NHƯ Ý*

Lâu lắm, mối tình thương tiếc Mộng Cầm vẫn tri cữu, và vẫn giữ phần tha thiết xoảng vó như buổi ban đầu. Lúc thi sĩ đã có Mai Đình nữ sĩ ở bên mình, Hàn Mặc Tử vẫn không thấy giảm sút sự quay quắt của lòng nhớ nhung kia. Trong thuở bệnh tình trầm trọng nhất, trong lúc người chàng tiêu tụy đến trông ra thân tàn ma dại, - vì cơn bệnh - nhà thi sĩ còn có cái liều lĩnh đổ tội ấy cho sự thương nhớ Mộng Cầm, và người ta bắt buộc phải nhận thấy trong ấy một cái gì cảm động đến đau đớn :

*Ng. hỡi Ng, muôn năm sầu thâm,  
Nhớ thương còn một nắm xương thôi !  
Thân tàn ma dại đi rồi...  
Rầu rầu nước mắt, bồi bồi ruột gan,  
Thấy gió là ôm ngang lấy gió,  
Tuồng chường như trong đó có hương  
Của người mình nhớ mình thương...  
Nào hay gió tạt chẳng vương vấn gì !  
Nhớ lắm lúc như si như dại,  
Nhớ làm sao bại hoại tay chân.  
Nhớ hàm răng - nhớ hàm răng  
Mà ngày nào đó vẫn khăng khít nhiều...*

. . . . .  
(mất độ 20 câu)  
*Dấu đau đớn vì lời phụ rày,  
Nhưng mà ta không lấy làm điều !  
Trăm năm vẫn một lòng yêu,  
Và còn yêu mãi rất nhiều em ơi !*

Tôi tưởng nên nói rõ vì sao bài thơ trên lại mất ngót 20 câu. Bài ấy ra đời trong một ngày không may. Nó đã gây một cuộc bất hòa trong gia đình thi sĩ.

Nguyên thuở ấy - như trên đã nói - thi sĩ có một người bạn gái, Mai Đình nữ sĩ, ở bên mình. Lê cố nhiên là nàng không bằng lòng bài thơ, và một cuộc cãi cọ đã xảy lên. Bà sương phụ mẹ thi sĩ hay chuyện, muốn xù cho yên, bèn lấy bài thơ thi sĩ vừa mới chép ra đó mà xé mất. Nói cho đáng, người xưa hay câu nệ, bà nghe những chữ quá nặng nề, hay "trẻ" mà con bà đã tự tặng cho mình, chính bà, bà cũng lấy làm chột dạ.

Nhưng Mai Đình nữ sĩ là người yêu thơ. Về sau nàng có hỏi lại thi sĩ, thì chàng đã không nhớ được toàn bài nữa. Thế rồi chàng quên một ít, bài thơ đến tay chúng ta, do Mai, chỉ còn có thế. Viên ngọc đã sút mất đi một miếng.

Trong khi ấy thì cái người bỏ đi lấy chồng kia ra thế nào ? Lê cố nhiên là họ có chồng thì phải sinh con nỏ cái, gây ra nhiều bốn phận mới, nhiều bắt buộc mới. Lại thêm một cuộc đời phong lưu trường giả tập thêm cho nàng nhiều cuộc giải trí mới, còn thì giờ đâu mà nghĩ đến người khốn nạn vứt đi ?

## NHỮNG NGƯỜI ĐÀN BÀ ĐÁ KINH QUA VÀO ĐỜI HÀN MẶC TỬ

Từ ngày mang cái thất vọng Mộng Cầm, tuy chàng đối với người cũ vẫn giữ tấm lòng chung thủy của mối tình đầu, như nhiều đoạn trong thơ hay thư tâm tình của chàng đã chứng nhận, người con trai mới lớn ấy vẫn khát khao thú rung động êm ái của tình yêu.

Nếu như không có một người thiếu nữ nào chịu để cho chàng yêu, và chịu trả lại chàng một mối tình chân thật, thì chàng lại yêu trong mộng tưởng, yêu hão hờ. Cái thầy ảo thuật ấy cũng đại dột và si mê để tin rằng vài cái vật mà mình tưởng tượng ra lại là có thật.

Để khuây khỏa sự khát khao ân ái của mình, nhà thi sĩ có thể tự cho rằng tất cả những đàn bà đẹp trong thế giới đều có lòng yêu mình, có điều họ chưa tiện nói ra !

Bên láng giềng có một cô thiếu nữ nào vừa chết, một trong "những cô láng giềng xinh như mộng" đã từng được nhà thi sĩ nhắc đến, thi sĩ liền có một ý nghĩ vừa ghê rợn vừa cảm động biết bao :

. . . . .  
*Xác cô thơm quá, thơm hơn ngọc  
Cả một mùa xuân đã hiện hình !  
Thình thịch cơ hồ lưu luyến mãi,*

*Chết rồi, xiêm áo trắng như tình.  
- Có tôi đây ! Hồn phách tôi đây !  
Tôi nhập vào trong xác thịt này,  
Cốt để dò xem tình ý lạ  
Trong lòng bí mật ở thơ ngây.  
- Biết rồi ! Biết rồi ! Thôi biết cả !  
Té ra nàng sắp sửa yêu ta !  
Bao nhiêu mơ ước trong tim ấy,  
Như chục xuân về thổ lộ ra...*

### **Cô gái đồng trinh - ĐAU THƯƠNG**

Nhiều khi một cái tên quen thân cũng đủ kêu gọi cho thi sĩ một mơ u hoài và đủ làm cho chàng say sưa trong chốc lát. Bài *Người Ngọc* trong ĐAU THƯƠNG và mở đầu bằng hai câu :

*Ta đề chữ NGỌC trên tàu chuối  
Sương ở cung Thiềm rõ chẳng thôi...*

là do sự nhớ một người bạn gái biết nhau hồi ở Phan Thiết mà làm ra.

Bài *Đây thôn Vĩ Dạ* ra đời là do một bức ảnh của một người thiếu nữ ở Huế, cô K.C. gửi tặng :

*Vườn ai mướt quá xanh như ngọc,  
Lá trúc che ngang mặt chữ điền...*

Với lại :

*Giòng nước buồn thiu hoa bắp lay.  
Thuyền ai đậu bến sông Trăng đó ?*

Hay là :

*Áo em trắng quá nhìn không ra,  
Ở đây sương khói mờ nhân ảnh...*

quả là những cảnh tượng chỉ nhìn trong ảnh mà thôi vậy.

Ngồi ở trong nhà nhìn ra, chỉ thấy một cô gái qua đường đi ngang trong một buổi mai nắng chói, thi sĩ cũng đủ cảm hứng để viết nên một bài thơ say sưa như bài *Nắng vàng*.

Một bức thư màu xanh của một người quen khác gửi cho chàng, đã làm chàng ngất ngây chỉ vì cái màu xanh ấy mà thi sĩ cho là màu của Huyền diệu, và màu ấy lại do tay một người đàn bà gửi đến, lại mang những "giòng chữ nửa hư và nửa thực", những "lời nao nao như hàng lệ rung rung" (*Bức thư xanh*).

### **MAI ĐÌNH NỮ SĨ**

**K**hoảng mùa thu năm 1938, một sự huyền diệu đích thị xảy đến cho Hàn Mặc Tử. Một người bạn gái từ miền lục tỉnh ra mang tặng một số tiền nhỏ.

Vì chàng nhất định không nhận, nàng cũng nhất định không nghe, và nàng tỏ rõ sự quả quyết của mình bằng cách vào buồng cất valy và xuống bếp tìm rô xách đi chợ.

Về người đàn bà này, ta có thể nói nhiều hơn, ta có thể kể chuyện rõ ràng mà không ngần ngại phải chạm đến "danh giá" của một kẻ nào, đến cái mà họ chung lên làm danh giá.

Vì ở đây chúng ta gặp được một người đàn bà không cần dư luận, một người trong hạng người thành thực nhất của xã hội, họ đã đánh nhịp vào chế độ, vào lễ nghi, vào mọi thứ do người đặt bày ra để mà che lấp sự giả dối của người. Ở đây ít ra chúng ta cũng có thể trải lòng thực ra với nhau, vút lên mặt nhau những chữ sống suông mà không sợ phật lòng nhau, phải không Mai ?

Nàng ấy tên Mai, Lê Mai. Nàng quê quán ở Thanh Hóa, hãy để yên cha mẹ nàng một nơi - những người ấy hiện còn sống cả - đừng làm phiền họ. Đời của Mai, nàng đã tự tay làm lấy, nàng chịu trách nhiệm về nó một mình.

Mai có học, viết quốc ngữ thông, nói tiếng Pháp được, làm thơ hay, thường có nhiều bài đăng báo.

Nàng nguyên có một cuộc tình duyên rắc rối, một trong ngàn vạn cuộc tình duyên mà các cô gái Việt Nam ở thế kỷ 20 đang than phiền và đã làm đầu đề cho biết bao nhiêu là truyện ngắn, truyện dài, đến cả bao nhiêu là thư tâm sự gửi đi hỏi các nhà báo tự nhận là thạo đời. Tức là câu chuyện cha mẹ gả con gái cho một người mà cô con gái không ưng, vì đã trót yêu một người khác trước.

Nàng cũng thế và nàng đã làm theo một cơn xung máu quá lãng mạn, và đã bỏ nhà ra đi trong cái ngày tốt đẹp gia đình nàng sửa soạn đám cưới. Nàng tìm đến người yêu, lúc ấy mới vỡ lẽ là anh chàng không yêu mình chi cả. Thất vọng. Đau khổ. Nhưng lòng kiêu căng lại không cho nàng trở về với gia đình. Nàng đi phiêu lưu như vậy. Và từ đấy, gió đời cứ đưa tấp nàng tới bến kia ghềnh nọ : Kontum, Gia Lai, Đà Lạt, Nha Trang, Phan Thiết, Sài Gòn, Nam Vang.

Năm 1937, nàng kinh quá Quy Nhơn. Nghe danh thi sĩ Hàn Mặc Tử, mạch thơ đầy động trong lòng cô gái đi giang hồ. Hai ba lần, nàng định tìm đến ra mắt thi sĩ nhưng lại thôi, nàng cũng không rõ vì cớ gì. Nhưng cái ý định ấy có người mách lại với nhà thi sĩ. Hàn Mặc Tử liền gửi tặng người tri kỷ chưa quen một quyển GÁI QUÊ. Chính lúc ấy là lúc nàng sửa soạn lên đường vào Nha Trang, và chính ôm quyển GÁI QUÊ nghiền ngẫm mấy bài thơ trong ấy mà nàng trải qua cái đêm bực dọc ở trên xe hỏa. Cái việc nhỏ ấy khiến cho nàng cảm hứng được bài *Biết Anh*.

. . . . .  
*Còn anh, em đã gặp anh đâu !  
Chỉ cảm vẫn thơ có những câu  
Áu yếm, say sưa đầy cả mộng,  
Xui lòng tư tưởng lúc đêm thâu.*

.....  
*Kịp nghĩ miệng đời hay mĩa mai,  
Tăng lờ ngưng bước và im hơi  
Mộng hồn em gửi theo chiều gió  
Để được gần anh ngỏ ít lời.*  
.....

Ở Nha Trang, nàng đến thăm Quách Tấn và đưa bài ấy cho Tấn xem. Tấn lại gửi ra cho Hàn Mặc Tử. Từ cảm động vô cùng, viết thư vào thăm Mai, thì nàng đã đi Phan Thiết mất, Trí cảm hứng ra bài  
LUU LUYẾN

.....  
*Chửa gặp nhau mà đã biệt ly  
Hồn anh theo dõi bóng em đi  
Hồn anh sẽ nhập trong luồng gió  
Lưu luyến bên em chẳng nói gì.*  
.....

*Anh đã ngâm và đã thuộc lâu  
Cả người rung động bởi thương đau,  
Bởi vì mê mẩn, vì khoan khoái,  
Anh cần lời thơ để máu trào.*  
.....

*Em đã nghe qua, em đã hay,  
Tình anh sao phải chứng mê say.  
Anh điên, anh nói như người dại  
Van lạy không gian xóa những ngày...*  
.....

Từ đây, cuộc đời giao thiệp bằng thư tín giữa nhà thi sĩ và Mai cứ tiếp tục.

Đầu năm 1938, nàng về Thanh Hóa thọ tang cho một người bà con rồi trở vào Quy Nhơn. Mai vào Quy Nhơn và quyết đến thăm Hàn cho tận mặt. Nhờ người ta mách cho, nàng đã biết trước là thi sĩ mắc bệnh hủi. Nàng đến ba dạo, ba dạo nhà thi sĩ không chịu cho thấy mặt. Chàng chỉ ngồi trong buồng kín nói ra. Chàng ngâm thơ cho nghe. Rồi Mai lại cáo từ ra về. Nhưng Mai không chán nản. Nàng càng sốt sáng hơn. Nàng vận động đủ cách để trông cho được gặp mặt người hủi tài hoa kia, mà nàng chắc phải là ghê tởm lắm. Đáng lẽ phải đi Sài Gòn ngay, nàng vẫn ở nán lại Quy Nhơn.

Nàng viết cho Hàn Mặc Tử : "Nếu anh không mắc bệnh này thì Mai không bao giờ lại thăm đâu. Đã tưởng tượng bao nhiêu cái rung rợn của người đau bệnh ấy rồi, nên không sợ. Cứ cho gặp đi ! Vì không bởi lẽ gì mà Mai giảm bớt tình yêu đâu..." Ngay bấy giờ, nàng đã nói đến tình yêu rồi đấy. Nhà thi sĩ giữ vững không sờn. Chàng hẹn hãy đợi cho vài tháng để đi Gò Bồi uống thuốc cho thực lành mạnh rồi về hãy cho gặp mặt.

Nhưng mà đợi lâu quá, chẳng thấy chàng đi đâu hết. Mai nóng cả ruột. Quy Nhơn không phải đất dung túng được nàng. Nàng chỉ là một gái bơ vơ cô độc mà sự đói rét vẫn rình chờ. Ở nán lại Quy Nhơn

bấy lâu, nàng đã hy sinh cho hôn thê nhiều lắm ! Nàng thử một lần cuối cùng nữa, Hàn Mặc Tử mới chịu ra ngồi tiếp chuyện, nhưng bắt buộc nàng phải bịt mắt lại và lấy danh dự mà thề rằng trong suốt buổi gặp gỡ nàng sẽ không kiểm cách nhìn trộm chàng.

Sẵn khăn chế bịt cho người cô mới mất, nàng lấy che mắt lại và ngồi đợi. Một tiếng bước chân khệnh khạng nặng nề và không vững từ buồng đi ra. Hàn Mặc Tử ngồi lại bàn và hai người nói chuyện với nhau lần đầu. Họ nói lâu. Hàn Mặc Tử ngâm thơ mình. Chàng cảm động đến nghẹn cả lời. Nàng thì khóc nức nở. Về sau Mai sẽ bảo rằng cuộc nói chuyện hôm ấy là cái kỷ niệm quý báu nhất trong đời nàng, và không vì một sự hạnh phúc gì trên trần gian mà nàng chịu đổi thân thể nàng cùng cái kỷ niệm ấy.

Mấy hôm sau, vì có lời mẹ chàng và Hiếu, em trai chàng nói vào, và không còn nghi ngờ ở lòng thành thực của Mai nữa, Hàn Mặc Tử mới tiếp nàng tự do, không che dậy gì nữa.

Lúc bấy giờ vào khoảng hè năm 1938. Nàng từ già nhà thi sĩ để đi, bảo là để "thu xếp cho xong một đôi công chuyện bỏ dở ở Phan Thiết và Sài Gòn". Nàng hẹn chừng vài tháng nữa thì trở về ở lại với thi sĩ để săn sóc thuốc men cho chàng tận tay.

Hoa phượng nở, rụng đỏ cả mặt đường. Ở đợt những cây dừa già cao lồng khổng như những cô gái già chưa quên được nét làm đóm, ông ẹo nghiêng mình soi bóng dưới gương nước sông im lặng, đôi chim cu cuôm vẫn không mỏi cổ nhẩn nhừ cảnh thu sắp về. Hàn Mặc Tử đã đổi chỗ ở ba bốn lượt thì một hôm, đầu trùm khăn theo kiểu đàn bà miền Nam, tay xách valy, Lê Mai vui vẻ bước vào. Bất giác nhà thi sĩ tính nhầm trong trí cái thời gian từ khi Mai từ già ra đi đến ngày hẹn trở về tức là bây giờ : hai tháng vừa đúng ! Làm sao một người đàn bà phiêu lưu, lãng mạn, phóng túng, giang hồ không có cái gì bắt buộc phải làm theo một cái gì, ừ, làm sao người ấy lại đúng đắn được đến thế, lại thành tin được đến thế.

Nàng có mang theo một món tiền mà với muôn ngàn dẽ dặt, nàng đưa tặng cho nhà thi sĩ để chàng uống thuốc, và quyết định ở luôn tại nhà chàng.

Hàn Mặc Tử không còn biết xử trí ra sao nữa hết. Nàng yêu chàng thực tình không ? Quả tim đã rạn của chàng khiến chàng phải nghi ngờ về sự bông bột ấy. Và chàng không thêm giấu giếm ý nghĩ của mình.

Nhưng Mai mặc kệ. Nàng đã ở đấy, nàng cứ ở mãi, không đi nữa. Nàng đi chợ, nấu ăn, sắc thuốc, giặt quần áo cho nhà thi sĩ.<sup>(\*)</sup>

(\*) Theo Quách Tấn một số chi tiết ở đoạn này bị gia đình Hàn Mặc Tử coi là bịa đặt (VTN)

Một đôi khi, chạnh tưởng đến thân thể của mình,  
đến cảnh ngộ mình :

*...từ ngộ biến đến giờ*

*Ong qua bướm lại đã thừa xấu xa,...*

người đàn bà lỡ bước ấy vụt thoáng thấy một làn  
sóng ân hận vỗ chớp lấy lòng :

*Còn đâu nữa anh ơi tình duy nhất,*

*Của tim em hồi còn hãy thơ ngây.*

*Nay xóa mờ tan tác đám mây bay*

*Theo dòng nước hững hờ trôi đi mất...*

Nàng tâm tâm niệm niệm sẽ đem hy sinh cái đời  
của mình vào việc thờ phụng chàng - nàng đã thề  
với chàng như vậy - nàng tự thề với nàng như vậy.  
Muốn nhớ luôn luôn điều ấy, nàng viết nó lên giấy,  
để nó trong thơ nàng.

Rắn rồi, nhà thi sĩ đáp lại, nửa hồn nửa thực :

*Viết bằng chữ là thơ không kín đáo,*

*Giờ tay thề mà ai chứng lòng cho*

*Tôi thương em không cần phải so đo,*

*Vì trình tiết há bằng lương vạn đại ?*

*Không dò xét, mặc cho lòng giả dối*

*Tôi cười thầm tình ái đại vô song*

### **Đánh lừa - ĐAU THƯƠNG**

Hình như thi sĩ đã trở nên khắc nghiệt. Nhưng  
không. Đây là cái mặt nạ ở ngoài để che sự rung

động mà chính thi sĩ lấy làm thẹn mà nhận thấy  
lòng mình còn có.

Chàng vui lòng để cho nàng ở lại.

Hàn Mặc Tử không thể hồ hững trước một mối  
tình chân thật và tội nghiệp như thế. Chàng trả lời  
lại nàng :

*Cười cho lắm cho dầm dề nước mắt*

*Chết ruột gan mà ngoài mặt như không.*

*Anh nhìn Mai chua xót nửa tấm lòng*

*Không biết nói làm sao cho da diết...*

*Đây Mai Đình tiên nữ ở Vũ Sơn*

*Dem mộng xuống gieo vào muôn sóng mắt !*

*Nàng, ôm nàng hai tay ta ghì chặt*

*Cả bài thơ êm mát lạ lòng thay !*

*Ta là người uống muôn hận sầu cay*

*Nàng là mặt của muôn tuần trăng mặt*

*Ôi ! Khoái trá thắm dần vô thể chết !*

*Hồn trong xương ảnh hưởng đến mê tới*

*Quý như vàng, trọng như ngọc trên đời*

*Mai, Mai, Mai là Nguyệt Nga tái thế...*

Tuần trăng mặt kéo dài đến hơn hai tháng. Một  
nhà thơ phong với một cô gái đi giang hồ, một cốt  
truyện ly kỳ làm sao ! Một luận đề đối ngẫu khêu  
gợi làm sao ! Giá như cụ Victor Hugo còn sống, có  
lẽ cụ thích hơn cái luận đề Marion de Lorme của  
cụ nữa.

Nhà thơ Hàn Mặc Tử nghèo. Nghèo quá đi nữa

kia. Lễ cố nhiên là Mai cũng phải chịu gánh lấy một phần khổ khổ ấy, ngoài sự đau đớn bệnh hoạn của người yếu.

Chùng nào mà người trong nhà không phải than phiền về sự có mặt nàng ở đây thì nàng cứ ở. Ngoài công việc săn sóc đỡ đỡ cho người bệnh, khi rảnh rang nàng lại giở nghề ngâm vịnh cùng người yêu. Nếu đầu đề thơ có động chạm đến kẻ cố nhân của nhà thi sĩ, nàng không ngại ngừng mà nổi ghen thật sự. Đoạn trước đã nói câu chuyện xô xát nhau vì bài thơ *Thân tàn ma dại*. Nàng phân bì :

*Mộng Cầm hỡi ! Nàng là tiên rất xuống  
Hay là vì tình tú giáng trần gian ?  
Diễm phúc thay, sung sướng biết bao vắn  
Đầy đủ quá, nàng thương chàng kẻ thiếu ?  
Tôi là kẻ thiếu nhiều và thiếu lắm  
Đã ra người hành khất bấy lâu nay  
Mà người đời toàn ban vị chưa cay !...*

Chẳng những nàng ghen với Mộng Cầm mà thôi, lại còn ghen trắng ghen gió nữa, ghen trắng chính nói về nghĩa đen đây. Ai cũng biết Hàn Mặc Tử thường bị cơn trăng ám ảnh một cách đặc biệt. Hễ đêm nào có trăng là không thể nào chàng hồ hững với trăng được. Mai Đình nữ sĩ, như tất cả các người đàn bà biết tự trọng, lấy thế làm bất bằng.

Nàng muốn rằng khi đã có nàng một bên rồi, thì nhà thi sĩ không được chú ý đến bất kỳ cái gì ngoài nàng nữa.

*Hôm nay sáng tỏ cung Hằng  
Khuyến lòng em nhớ đêm rằm bên anh  
Hải hùng, em sợ trắng thanh,  
Vắng em, anh lại tư tình cùng trăng !*  
.....

Trên kia đã nói tuần trăng mật của cặp tình nhân đau khổ ấy kéo dài được hai tháng. Gia đình Hàn Mặc Tử đang ở vào cái thời kỳ khốn đốn nhất. Nhà thi sĩ thiếu tiền uống thuốc, thiếu đến cả tiền ăn. Mai, con người ngoài ấy bỗng nhiên tự thấy mình thừa. Một ngày kia, nàng khuyên chàng nên vào Quy Hòa ở, nàng xin đi theo, chịu cùng ở luôn trong ấy. Nguyễn Trọng Trí hẹn để vài bữa, thông thả nghĩ cho kỹ đã. Đêm ấy, Mai thấy chàng không ngủ. Sáng ngày chàng trả lời rằng chàng nhất định ở nhà thôi.

Vài hôm sau, Mai với chàng từ giả nhau. Hai người cùng ôm nhau khóc. Tình thế bắt buộc như vậy. Và có lẽ số kiếp Mai cũng thế. Đi lang thang và đau khổ ! Nhưng từ nay, mặc dù ở đâu, chân trời ven biển, con người lưu lạc ấy vẫn giữ một mối tình thiêng liêng với thi sĩ mà sự không làm khuây khoa vui vẻ được suốt đời nàng sẽ là một mối tiếc hận vô cùng.

Từ đây, lâu lâu, ở tự một góc trời xa xăm nàng lại gửi về thi sĩ một bức thư, trong ấy như một người con gái ngây thơ đầy nũng nịu, nàng tả nỗi nhớ nhung và ghen tức vì sự xa cách gây nên.

Để đùa cho vui, chàng đem lời trong một thư nàng, sắp đặt lại thành thơ. Ấy là bài *Thao thức* đầy linh động và màu tươi, nó tỏ rõ thiên tài của thi sĩ hết sức rạt rào :

"Lạnh quá ánh trăng không sáng mấy

"Cho nên muôn dặm ở ngoài kia,

"Em đang mong mỏi, em đang nhớ.

"Bút rút lòng em muốn trở về...

"Nhưng xa xuôi quá biết làm sao ?

"Lấy trí tương tư do được nào ?

"Em mới vùng vằng em thử dốc,

"Tình thương trong dạ cứ xôn xao.

"Thôi em chán quá, em buồn quá !

"Anh của em giờ cười với ai ?

"Nói những gì đâu, tức tối lạ !

"Em hồ nghi mãi, giận không thôi..."

Lạnh quá ánh trăng không sáng mấy,

Cho nên chấn chiếu vẫn so le. -

"Nếu hay thương nhớ là thương nhớ,

"Em dại gì đâu, ngủ thiếp đi".

## CUỘC SỐNG HÀNG NGÀY

Từ lâu, Hàn Mặc Tử đã tập được đức tính an vui trong nguồn đau khổ. Chàng đã tự tạo cho mình một cuộc đời tạm gọi là yên ổn, mà mỗi ngày trôi đều đều trôi theo một chương trình ấn định sẵn. Ta

hãy nghe chàng kể công việc của chàng trong một ngày :

"Buổi mai ngủ dậy, Trí đọc kinh trước hết, kể giờ tay lên, giờ tay xuống tập thể thao, rồi súc miệng rửa mặt và lên giường ngồi đợi... ăn. Ăn xong, Trí lại đọc kinh. Rồi đi bách bộ trong nhà và ngâm thơ vang lên. Ngâm độ nửa giờ như thế, rồi lại giường nằm nghỉ 15 phút, rồi không đọc thơ Baudelaire hay Lamartine thì lại hí hoáy viết hoặc thơ hoặc tản, hoặc gạch đặt lên giấy những chữ *Mộng Cầm*. Thế là nhớ thương xa vắng dồn lại trong lòng. Trí lại lặng yên để mơ tưởng và nghĩ đến câu thơ của *Mộng Cầm* :

... Rồi có khi nào trong phút giây,

Trăng lên khỏi núi, gió đùa mây,

Thì anh nên nhớ người năm nọ.

Xưa đã cùng anh sống những ngày...

"Từ 10 giờ đến tới 10 giờ nữa là Trí lại đi nằm và nửa giờ sau, đọc kinh và ngâm thơ. Buổi trưa ăn cơm xong, cũng tráng miệng bằng cách ngâm ít bài thơ rồi thì đi ngủ cho tới ba giờ chiều. Lại đọc kinh, lại ngâm thơ, lại làm thơ, lại nhớ, lại nằm. Buổi tối, sau khi ăn xong, cũng vừa đi bách bộ, vừa ngâm thơ một cách sung sướng nhất đời. Cả ngày chỉ ngâm thơ và đọc kinh là nhiều hơn cả. Ngày nào cũng như ngày ấy, không thấy buồn lắm, và ngày nào cũng mong mỏi một cái gì, một hình ảnh, một bóng người đến viếng, một phong thư, một tờ nhật báo..."

Trong khi đi sưu tầm tài liệu về nhà thi sĩ, tôi có tìm thấy ở trong một nhà trọ của chàng, một mẩu báo dán lên khung cửa sổ tre, đã nhàu nát vàng vọt, và nhìn lối in chữ và hình ảnh tôi biết ngay là báo *Vĩ Chúa*. Đoạn bài đăng trong mẩu báo ấy nói về nguồn an ủi trong bệnh tật, cho rằng sự đau ốm là do Đức Chúa Trời ban xuống cho ta, để thử lòng ta, nên chẳng những là ta phải chịu một cách nhẫn nại mà lại còn nên vui vẻ bằng lòng nữa. Chắc rằng mẩu báo ấy đã từng làm bài kinh nhật tụng của Hàn Mặc Tử và đã có ảnh hưởng tốt đẹp đối với chàng.

Thế là Hàn Mặc Tử đã học được cái đức nhẫn nại của Cơ đốc giáo mà chàng là một tín đồ rất nhiệt thành.

Musset thì nói : *"Không có gì làm cho ta cao quý hơn là một mối đau thương lớn"*. Vigny thì dặn : *"Rên siết, khóc lóc là đòn hèn"*. Trần Loan Anh giải vây cho Tiết Cương xong, cũng dễ dàng chông thương tích đầy mình, bằng câu : *"Gian nan là nợ anh hùng phải vay"*. Chính Hàn Mặc Tử, trong cái thuở đau khổ nhất của mình, cũng đi khuyên kẻ khác : *Gian nan lao khổ là trường luyện chí anh hùng, muốn thành một kỳ nam tử, phải trải qua tất cả điều đắng, tủi nhục"*

*(Thư ngày 11 tháng chín 1939).*

Yên lặng ! Chỉ một mình mình biết, một mình mình hay ! Yên lặng như cô gái giang hồ kia, khi

đã trở về già, mang theo một chứng bệnh mắc phải tự thuở truy hoan :

*Buồn em vắng vẻ một mình em  
Gió lạnh, người quen biếng lại tìm.  
Cô độc, đời em cô độc mãi !  
Đố hề em thoát tiếng gì thêm.*

. . . . .

Cũng có lúc những tư tưởng buồn chán bị thương rào rạt quá, tràn ngập cả tâm hồn, thì cái áo đầm nhiên an phận không che đậy cho khắp được nữa. Trong giấy má chàng để lại, ta thấy rõ sự guồng gạo, một niềm chua xót nhẹ nhàng mà chàng quên không để ý đến.

Kể lại việc dọn nhà một lần nữa để đi ở đậu một chỗ khác, chàng viết :

*"Ở đây, tôi chẳng có sách vở báo chí gì cả, tủy chung chỉ có một cuốn Rousseau, coi hoài coi mãi. Khổ nhất là không có viết mực để viết, sắm bao nhiêu bọn con nít trong nhà nó cũng phá, và mỗi khi thiếu là mượn cùng cả xóm mà không có."*

*"Tuy cực khổ thế mà tôi vẫn an vui, ngày nào cũng có cười cả. Nếu là không cười với ai, thì lại cười với một mình, xem ra thú vị không biết mấy ?"*

Trong câu nói đơn sơ ấy, người ta nhận thấy một mối si gan ghê gớm, khiến cho người ta phải rung mình, như đứng trước một cái gì không thuộc giống người, một thứ gì của yêu quái đưa ra để mà nhất

người thường. Hàn Mặc Tử là người mang một tình trạng tâm hồn hết sức phiền phức, mâu thuẫn nữa, một tâm tình kỳ lạ nó làm cho nhà thi sĩ sai lạc hẳn cái quan niệm về hạnh phúc ở đời. Hàn Mặc Tử đã từng cảm thấy những sự trái ngược mà các nhà phê bình của John Keats gọi là những nỗi đau khổ trong nguồn vui sướng, và những nỗi vui sướng trong nguồn đau khổ (les douleurs de la joie et les joies de la douleur). Đời của nhà thi sĩ trú danh ở đầu thế kỷ thứ XIX của nước Anh ấy thật đã giống hệt đời Hàn Mặc Tử của chúng ta. John Keats ho lao. Hàn Mặc Tử phong. Cả hai đều đau khổ da diết đến nước không còn phân biệt được khi nào là hoan lạc, khi nào là đau thương. Cả hai đều khóc khi người khác cười và đã cười về những điều mà người khác phải khóc.

Cho nên cái vui và cái buồn kia của những thiên tài bệnh hoạn ấy là những điều khó mà lường được, và chỉ tổ làm cho người phạm thêm kinh dị mà thôi. Nỗi chua xót chất chứa trong mấy hàng chữ của Hàn Mặc Tử đã chép trên, chưa rõ rệt thiết tha bằng ở bức thư sau đây gửi cho Trần Tái Phùng. Sau một đôi câu châm biếm đầy ý vị, đầy tình nghịch, Hàn vui hẳn lên, quên lửng đi trong giây lát nỗi thống khổ của mình, rồi hình như sức nhớ lại, chàng liền viết :

*"Ha ha ! Chao ôi ! Hôm nay thế mà cười ngả nghiêng, ngả ngửa, không biết có phải là vui nhiều*

*lắm không ? Anh Phùng ơi ! Anh thử đem hơ lửa cái thư này xem thử có tiếng gì rên siết không :*

*"Hôm nay vui quá, anh Phùng ơi !  
Buồn xa không đến, lệ không rơi ;  
Buồn không thất ruột, tình không lại,  
Cười, nói, làm sao cho hả hơi ?"*

Đau thương giam cầm không kỹ, thoát lọt ra trong một biến thể mới, dị kỳ, quái gở, thật đã đáng rung mình.

Tuy nhiên có một cái may lớn cho Hàn Mặc Tử là bẩm sinh chàng có đức tính hoát đạt, vui vẻ. Không bao giờ chàng phải bực tức lâu vì một việc gì mà trong ấy chàng không cố tìm cho ra một lý do để mà bằng lòng. Một cái không chi cũng có thể làm cho chàng đương buồn trở nên vui, mà vui một cách thẳng thắn, thật tình !

Người con trai bệnh hoạn ấy có một tính tình dễ thương quá đỗi. Không bao giờ vì đau khổ của mình mà chàng đâm gắt gỏng với người trong nhà, mặc dù xưa nay chàng vẫn là con nuông. Biết mình đã làm tội gia đình nhiều, khi nào đối với mẹ, với chị em, chàng cũng tươi vui, nhún nhún. Đối với tôi tớ, láng giềng, chàng hết sức mềm mỏng.

Hồi chàng ở trọ tại xóm Gành Ráng cứ mỗi buổi sáng mai là có thằng Hành người nhà bởi phần cơm cả ngày cho chàng. Chàng thường ăn cơm với độc một vị cá kho. Bệnh chàng buộc phải thế. Một hôm

loay hoay sửa soạn thế nào, Hành quên mất chén cá. Chàng dặn người ở về giấu chuyện ấy đi, chẳng lại bị mẹ chàng rầy, rồi suốt hôm ấy, dành ăn cơm trộn với nước chè. Ngày mai thấy có bới món cá sò trường, chàng tỏ vẻ thích chí lắm, bảo : *"Bữa cơm này chắc ngon bằng hai. Chỉ thấy cá là đã rõ cả nước miếng. Hôm qua Hành quên không bới cá, làm cho hôm nay tôi biết thêm !"*

Nơi con người ấy mà số mệnh ác nghiệt cứ theo đuổi một cách tàn khốc nhường kia, trời còn phú cho một tính dễ dãi, hòa nhã, giúp thêm vào một khiếu mẫn tiệp tài tình. Nói được một câu nói hay, tìm được một lời ý nhị, chàng dù thấy tự mãn, và lấy làm vui thích lắm rồi. Và vì thế, chàng không hề bỏ lỡ một dịp nào để mà khôi hài. Bàn về thơ của chàng, chàng viết cho bạn :

*"Trong những bài thơ gửi cho anh đây có bài **Lượng vàng** (thuộc tập **THƯỢNG THANH KHÍ**) mà tôi thích nhất là hai câu chốt.*

*Lượng vàng ai bán*

*Nửa dãi Cô Tô !*

*"Anh thử tưởng tượng xem người ta định mua phía nào, phía có Ngõ vương hay là phía Tây Thi. Và lượng vàng đây, tôi muốn nhờ anh đưa chị xem thử đó là vàng thập hay vàng bát và có thể đem ra tiệm cầm bán được không ? Nói chơi đấy, chú đây là vàng trắng, thử vàng lấy ở cung Quảng Hàn, chứ không phải như vàng Sầm Sơn đâu".*

Hồi nghỉ hè năm 1940, chàng ở nhà trọ trên nhà quê về Quy Nhơn thăm mẹ, chàng viết :

*"Tôi thuê xe đạp cùng cả thành phố, tôi có gặp mấy chị học sinh Đồng Khánh trên ga đi về. Có chị đi không muốn nổi, chắc là đói bụng lắm".*

Cũng nhân dịp nghỉ hè ấy, gửi thư hỏi thăm chuyện Huế, chàng dò la :

*"Lễ phát phần thưởng ở trường Đồng Khánh, anh có đi đến xem không ? Thế một khi người ta ra về hết, thì cái trường ấy mới nghĩ thế nào ? Có ai bỏ sót lại thứ gì chẳng ?"*

Thật là không còn ai có thể "thi sĩ" hơn thế nữa.

"XUÂN NHƯ Ý"

"THƯỢNG THANH KHÍ"

**Q**ua một năm điên cuồng, trong thời kỳ ấy mạch thơ của Hàn Mặc Tử luôn luôn được khơi động ; nghệ thuật của thi sĩ đã tiến lên nhiều. Hồn thơ của thi sĩ càng ngày càng xa cõi thế gian và mọi thú tình tứ của người thường, như một làn trầm hương bốc tỏa lên cao, cao mãi, khi thơ của thi sĩ cũng vượt ra ngoài cả bầu không khí trần gian mà dâng lên tận những tầng khinh khí thiên không, những vùng trời cao khiết đến không hề nhuộm lấy một hạt bụi nhỏ, thanh tịnh đến không hề rợn lấy

một tiếng động chạm. Cũng như con tằm tự xây cho mình một cái nhà vàng, thi sĩ tự tạo ra một cõi thiên đàng điểm lệ (hơn cả thiên đàng của Cơ đốc giáo), một Cục lạc quốc mà A di đà có thể thêm thuồng, một thế giới làm bằng màu sắc và hương hoa, ở đấy tự tập tất cả bao nhiêu say sưa đắm đuối, bao nhiêu ước hẹn chờ mong, nghĩa là bao nhiêu tình cảm, bao nhiêu ý thơ, những thú ấy đều ngả ngón mùa mên trong hăng hà sa số là hào quang, là âm nhạc.

Ấy là tính chất cốt yếu của hai tác phẩm thơ kế tiếp sau ĐAU THUỐC, một là XUÂN NHƯ Ý gom góp xong vào đầu năm 1939, một nữa là THUỐC THANH KHÍ, hợp thành tập vào đầu năm 1940.

Ta hãy nghe thi sĩ cắt nghĩa cái ý chủ yếu của mình, cái ước vọng mới là làm cho thơ vượt hẳn ra ngoài mức thường tình :

*"Cho mau lên ! Đón ánh nguyệt vào đây ! Lời thơ ta sẽ sáng trưng như thất bảo, tình cảm của ta sẽ nóng rang như mặt trời, ý tứ ta sẽ cao cường hơn ngọn núi"...*

*"Đưa ra, nào là nhạc thơm, hương gấm, mộng ngọc và hoa trinh bạch, đàn ly tao, tranh tuyệt phẩm..."*

*"Đưa ra, nào là gió chia biệt, trăng đoàn viên, chim tử chiểu, mây giang hồ, và nào là trời thanh sắc, lòng nhũ hương, niềm mịch dục !*

*"Vẫn là chưa bưa, chưa đã, chưa người được chỉ muôn sao !*

*"Loài người hãy cảm ơn Thi nhân đã đổ hết bao nhiêu nguồn máu lệ, đã từng uống mật đắng cay trong khi miệng vẫn tươi cười sớt sáng.*

*"Hãy cầu nguyện bằng trăm kinh mây gió. Hãy dâng cho một tràng chuỗi trắng sao... Thi nhân sẽ vừa say sưa, vừa điên cuồng, oẹ ra từng búng thơ sáng láng, phương phi như một mùa Xuân Như Ý".*

Cái ước vọng ấy, thi sĩ đã hoàn toàn đoạt được. Hơn thế nữa, sau đây các bạn sẽ thấy rằng thi sĩ đã đi quá cái ý muốn của mình, đã vì quá say sưa trong không khí mới mà lạc mất con đường tốt đẹp của mình.

Nhưng bây giờ ta hãy xét qua những chỗ nhờ đó mà thi sĩ thành công trong quan niệm mới đã.

XUÂN NHƯ Ý là tập thơ ca tụng cái xuân thơm tho tốt đẹp của trời đất, không phải là cái xuân tâm thường chán nản của hầu hết các thi nhân Đông phương xưa nay, mà là cái xuân màu nhiệm, phương phi, nhưng chưa bao giờ ai từng thường thức.

Ta hãy nghe thi sĩ ca tụng cái giờ xuân nở, cái giờ đầu tiên của năm mới, cái phút đầu của nửa phần sau đêm giao thừa :

*Thí dương no và khi xuân dương khỏe,  
Nhạc dương say và rượu vẫn còn thơm ;  
Nên muôn cánh thủy tiên chưa dám hé  
Trong phút giây trân trọng của linh hồn.*

*Tú thời xuân ! Tú thời xuân non nước !  
Phút thiêng liêng nhuần gội ánh thiêu quang.  
Thiên hạ bình, và trời tuông ơn phước,  
Như triều thiên vồn lượn khắp không gian*

Và ta hãy nghe thi sĩ tưởng tượng cái mùa xuân  
đầu tiên, mùa xuân thú nhất khi mới có quả đất :

*Mai này thiên địa mới tỉnh khôi,  
Gió căng hơi và nhạc lên trời.  
Chim khuyên hót tiếng đầu tiên hết,  
Hoa lá hồ nghi sự lạ đời.*

*Trái cây bằng ngọc, vỏ bằng gấm.  
Còn mặt trời kia tợ khối vàng...  
Có người trai mới ươm như nguyệt,  
Gió căng hơi và nhạc lên ngàn.*

*Thuở ấy còn khôn mới dựng nên,  
Mùa thơ chưa gặt, tốt tươi lên.  
Người thơ phong vận như thơ ấy  
Nào đã ra đời ngọc biết tên ?*

#### *Xuân đầu tiên*

Những tư tưởng cao siêu thanh khiết đã tạo ra  
những lời thơ cao siêu thanh khiết ấy phần nhiều là

ảnh hưởng ở nguồn tư tưởng vô cùng nơi đạo Thiên  
Chúa. Hàn Mặc Tử bảo Bích Khê rằng : "Sáng tạo  
là điều kiện cần nhất, tối yếu của thơ, mà muốn tìm  
nguồn cảm xúc mới lạ, không chỉ bằng đọc sách về  
tôn giáo cho nhiều. Như thế thơ vẫn mới trở nên trọng  
vọng, cao quý, có một ý nghĩa thần bí".

Trong bài tựa XUÂN NHƯ Ý, chàng đã kêu gọi  
đến phép tắc màu nhiệm của Đức Chúa Trời :

"Lạy Chúa Trời đi ! Hãy ban cho tôi hằng hà sa  
số là ơn lành, ơn cả. Thơ tôi sẽ rất no, rất ớn, rất  
nữ, trọng vọng như tài hoa, cao sang như nhân đức,  
chói chang vô vàn phước lộc..."

"Ôi ! Trời hạo nhiên đây không phải công trình châu  
báu của người sao ? Lòng vô lượng đây không phải do  
phép tắc màu nhiệm của đấng Vô thủ, Vô chung ?

Chính trong cơn bệnh hoạn của chàng, mỗi lần  
chàng chết đi sống lại (trong mấy năm bệnh, chàng  
bị chết đi sống lại đến bốn năm lần) là chàng đều  
cảm thấy bà Thánh nữ đồng trinh Maria đến cứu  
chàng cả ; cho nên hơn hết cả muôn vị thần thánh,  
Thánh mẫu Maria là đáng đáng cho chàng ca tụng :  
việc ấy chàng đã làm trong một bài thơ tuyệt diệu,  
mà tôi muốn làm sao cho thấu đến tòa Khâm mạng  
toàn cõi Đông Dương, đến cả Tòa Thánh đức Giáo  
hoàng La Mã. Những lời thơ của Hàn Mặc Tử về  
loại đạo hạnh như bài này có thể đặt chàng ngang  
hàng với nhà đại thi hào Pháp Paul Claudel.

.....  
*Maria ! Linh hồn tôi ổn lạnh !  
Run như run thần tử thấy long nhan,  
Run như run hơi thở chạm tơ vàng...  
Nhưng lòng vẫn thấm nhuần ơn trù mến.*

.....  
*Hỡi sứ thần thiên chúa Gabriel,  
Khi người xuống truyền tin cho Thánh nữ,  
Người có nghe xôn xao muôn tinh tú ?  
Người có nghe náo động cả muôn trời ?  
Người có nghe thơ màu nhiệm ra đời,  
Để ca tụng, - bằng hoa hương sáng láng,  
Bằng tràng hạt, bằng Sao Mai chiếu rạng  
Một đêm xuân là rất đổi anh linh ?*

.....  
*Cho tôi thấp hai hàng cây bạch lập,  
Khởi nghiêm trang s. dâng lên trần ngập,  
Cả Hàn giang, cả màu sắc thiên không  
Lút trí khôn, và âm ảnh hương lòng,  
Cho sốt sáng, cho mê mê nguyên ước...  
Tấu lạy Bà, lạy Bà đầy ơn phúc  
Cho tình tôi nguyên vẹn tờ trắng rằm  
Thơ trong trắng như một khối băng tâm !  
Luôn luôn reo trong hồn, trong mạch máu :  
Cho vỡ lở cả muôn ngàn tình đầu  
Cho mê mê âm nhạc và thanh hương,  
Chim hay tên ngọc, đá biết tuổi vàng,  
Lòng vua chúa cũng như lòng lê thứ,  
Sẽ ngất ngây bởi chưng thơ đầy ứ,  
Nguồn thiêng liêng yêu chuộng Mẹ Sầu Bi...*

Thi sĩ vì quá say sưa trong bầu không khí lạ của cõi trời mới chiếm, nên quên mất đường lối đi về, con đường nó còn dính liú với người thế gian. Thi sĩ đã đi lạc đường ra ngoài mức, ngoài trình độ lĩnh hội của người thế gian, nghĩa là ngoài cả lĩnh hội của chính thi sĩ nữa. Như viên phi công trẻ tuổi kia, say sưa vì cái hơi rượu vinh quang, sau khi đã thành công trong một cuộc phi thường mạo hiểm, cứ muốn đi xa hơn nữa, lên cao hơn nữa, cứ muốn chinh phục thêm những trời mới, đến nỗi một ngày kia lỡ trớn đi mãi không về, mà rồi không ai biết con người tài hoa ấy ra làm sao nữa.

Một nửa phần XUÂN NHƯ Ý và hầu hết THUẬN THANH KHÍ đều làm bằng một lối thơ bí hiểm khó mà suy nghiệm cho ra nghĩa. Thuở sinh thời Hàn Mặc Tử, đã có người nêu lên cái vấn đề không hiểu thơ ấy và mượn chính tác giả cắt nghĩa giùm, Hàn Mặc Tử trả lời : "Giải nghĩa văn thơ, thật là một vấn đề to lớn và phức tạp quá, và cứ theo như lối thơ tôi làm đó, thì phải giảng giải đến bao nhiêu trang giấy mà rồi cuộc chửa chắc người ta đã hiểu được tí gì ! Nói như anh, thấy một cảnh hoa mà mừng tượng ra một mùi hương, thấy một làn tinh trắng mà hình dung được cái gì thanh sạch ở thế giới khác, thế là đầy đủ rồi. Vì tất cả thi vị là ở đấy... Và như thế, sự cắt nghĩa đối với thơ là vô ích. Người ta cảm biết một cách tự nhiên".

Có một sự sai lầm to tát trong quan niệm làm thơ như trên.

Mặc dù một tư tưởng có cao siêu đến đâu, nó đã ở trong một óc người mà ra, tất phải có một cái gì liên lạc đến người, ít ra cũng phải nằm trong phạm vi lĩnh hội của người thì tư tưởng ấy mới là chân chính, có giá trị.

Không có tư tưởng gì mà người đương thời không lĩnh hội được mà phải chờ đợi đến những thế hệ sau mới khám phá ra ! Sự cất nghĩa của những người gọi là sấm truyền xưa nay chỉ là một sự lường gạt chưa tổ cáo. Nguyễn Bình Khiêm đứng về phương diện tiên tri, và Nostradamus chỉ là những phường véo không cười, những kẻ khôi hài ; họ thành công vì sự ngu dốt của người đời sau.

Một lời nói là có nghĩa, hay không, thế thôi. Nó đã không có nghĩa thì thời gian không bao giờ cho nó được một cái nghĩa. Người đời sau không thông minh gì hơn người đời trước. Sức lĩnh hội của ta không dồi dào gì hơn của người một ngàn năm xưa, và vì thế mà thơ Lý Bạch, Đỗ Phủ hay Mạnh Hạo Nhiên hay vào năm 900, đến khoảng về sau năm 1900 cũng vẫn được người ta khen ngợi bằng cái nhiệt độ thuở nhà Đường.

Ấy là một điều ngộ nhận mà tưởng rằng người đời sau có thể hiểu thấu một điều mà người đời nay không hiểu. Hàn Mặc Tử thường viết : "*Những người*

*có tài, nghĩa là đi ra ngoài cái sáo cũ và lẽ lối xưa, thường hay đi trước sự tiến bộ. Tác phẩm của họ chỉ làm cho những thế hệ kế tiếp sau xem mà thôi. Chú ở thời kỳ này, người hiểu thơ cho chín chắn vẫn là một thiểu số". Ấy là thi sĩ lâm. Không có sự tiến bộ ở trong một vấn đề hiểu thơ. Chỉ có sự quan niệm thường thức bài thơ, chỉ có sự người đời sau lấy cục đất mà cho nó cái thị giá của cục vàng thì lúc bấy giờ tất nhiên nó phải hóa ra cục vàng. Thơ cũng thế. Tôi không bảo chắc là người đời sau sẽ bài xích lối thơ bí hiểm như lối thơ hiện bây giờ một số đông thi sĩ đang hòa theo, tôi cũng nhận rằng người đời sau có thể say mê lối ấy như hiện giờ ta say mê *Truyện Kiều*, như ngày trước các ông cụ nho say mê lối thơ khẩu khí. Tôi đã nói, đó chỉ là một sự thay đổi về quan niệm, một phù khí của thị hiếu, nhưng tôi quả quyết rằng đó không phải là tiến bộ, đó không phải là chân giá trị.*

Thiên tài của thi sĩ nằm ở đâu ? Hẳn là ở chỗ diễn tả ra được rõ ràng mình bạch những điều mà trí óc đã tưởng niệm để cho những kẻ cùng đồng tưởng niệm như thi sĩ, hay là chưa từng tưởng niệm đến, cũng có thể hình dung được các điều ấy. Tôi như tưởng đã nói ở đâu đây, ví người văn sĩ với một viên y sĩ hộ sinh đưa ra ngoài một cái thai khó khăn, làm cho một cái vật mờ ám, hỗn độn, bí mật bị giam cầm ở trong một bọc kín, trở thành một hình tượng đẹp để phi thường, hình tượng của Đức Chúa

Trời ! Cả một thi phái ở Pháp về cuối thế kỷ XIX, thi phái tượng trưng của Mallarmé, chỉ là sự biểu lộ mối lo ngại vô ngần của thi nhân tự thấy mình không diễn tả nổi những điều tri não tưởng tượng ra. Cái hình ảnh tượng trưng, đẹp để nhất để tiêu biểu cho thi phái tượng trưng, ấy là *một con bạch nga bị mắc kẹt trong một hồ nước đá, quần quai đau thương hết sức mà không cất cánh cao bay được*. Tu tưởng của thi sĩ, hoài thai trong bộ óc, cứ bị vương vấn mãi không thể nào thoát vút lên đến chỗ thuần túy hoàn toàn.

Để kết luận cho quan niệm của mình, phái tượng trưng cho rằng muốn cho thơ lên tới cái mức thuần túy, phải làm cho nó bí hiểm, tối tăm. Ngoài những ý nghĩ kỳ dị phi thường, sự cố ý làm tối nghĩa ấy đã đưa Mallarmé đến lối đối cả mẹo luật, câu không có động tự mệnh đề cắt hai, phía giữa chen vào vài ba chữ không dính líu gì hết, bỏ cả dấu chấm, dấu phết, đổi cả lối in chữ, chữ hoa không nằm ở đầu câu nữa, mà ở sau chót hay ở một chữ thứ ba, thứ năm. Tiếng nói bây giờ chỉ thành những dấu hiệu, những âm nhạc điệu. Người đọc càng không hiểu chừng nào càng tốt chừng nấy.

Ấy đại khái lối tượng trưng, lối siêu hiện thực của Mallarmé và môn đồ người.

Hàn Mặc Tử, nói chung đúng quả không bị ảnh hưởng trực tiếp của Mallarmé hay là của ông Hàn

lâm Valéry, người đã thừa tự lấy phần hương hỏa của ông thì tổ lối thơ bí hiểm trao cho. Hàn Mặc Tử chưa từng đọc Mallarmé hoặc Valéry, hay gián hoặc có đọc thì cũng chỉ đọc sơ qua mà thôi.

Có điều này rất ngộ nghĩnh là thi sĩ chính bị ảnh hưởng ở Bích Khê tác giả *Tinh Huyết*, là người bạn của Hàn Mặc Tử và đã tôn Hàn làm thầy mình.

Bích Khê thì thuộc lòng Valéry, đã từng nghiên cứu Verlaine, Rimbaud, và tự cho là mình hiểu Mallarmé lắm.

Cũng như Hàn Mặc Tử, Bích Khê là người ở phái thơ cũ chuyển sang, và là người chịu ảnh hưởng nhiều nhất của Hàn, đồng thời với Hoàng Diệp và Quỳnh Dao. Đầu năm 1938, Bích Khê gửi thư cho Hàn Mặc Tử ít bài thơ mẫu mới làm, Hàn Mặc Tử khen hay và từ đấy đem lòng khuyến khích người môn mới.

"*Cái hy vọng của tôi, Hàn Mặc Tử viết, sống quá, nóng nảy quá, đã một lần đưa tôi vào sự thất vọng chán nản và tức bực. Gần cuối năm ấy (1938) chàng gửi ra cho tôi nhiều thơ, mà tôi chẳng lựa được bài nào cả. Tôi gửi lại chàng kèm với bức thư mà tôi đã dùng rất nhiều lời khiêu khích mỉa mai (cốt làm cho chàng tức) quả nhiên chàng giận run người lên và vội trả lời với tôi rằng : "Trong sáu tháng sẽ trở nên một thi sĩ phi thường, bằng không sẽ chẳng bao giờ nghĩ đến chuyện làm thi sĩ nữa". Ngờ đâu sự*

*hần học của chàng đã bật nảy thiên tài của chàng ra, không đợi đúng sáu tháng, chỉ trong vòng ba tháng thôi, chàng đã viết được một tập thơ bằng máu huyết, tình tủy và châu lệ, tất cả say sưa đắm đuối của một tâm hồn thi sĩ". Ấy là tập thơ *Tình Huyết* làm theo lối tượng trưng, và chính là tập thơ đã ảnh hưởng đến Hàn Mặc Tử vậy.*

Để giới thiệu lối thơ mà Hàn mới theo. Hàn viết : "*Với những cảnh trí, sự vật rất tầm thường, hơn nữa, tội lỗi nhuốc nhơ, rùng rợn, mà thi nhân trái lại thấy ở những chỗ ấy là cao siêu, là nhân đức, là thơm tho, khoái lạc... Thí dụ cái sợ người. Ta không kịp rùng rợn với mảnh óc trắng trợn, với hàm răng như tình, thì thi sĩ đã vội bảo ta đấy là bình vàng, chén ngọc, chứa bao chất ngào ngạt, say đại, uống đến ngất người đi cả tủy thơm, cả não mát... Cái sợ người không còn là cái sợ người nữa. Mất hết cả sự ghê rợn của sự chết, sự hãi hùng tàn phá của thời gian đối với sự vật. Để còn lại hình ảnh của "khối mộng", của "buồng xuân", của "hồ nguyệt". Trước kia thối tha như nhớp bao nhiêu, thì bây giờ lại thơm tho, sạch sẽ, đến muốn cắn vào hàm răng trắng đẽ, đến muốn rút hết chất gì ngon ngọt ở miệng, chất gì mát mẻ ở mắt, ở hai lỗ hũng, ở cái hố sáu hoắm".*

**(Tựa *Tình Huyết* của Bích Khê).**

Cái quan niệm của Hàn Mặc Tử về lối tượng trưng là thế.

Bây giờ hẳn chúng ta đã biết rằng sự du nhập, sự thái dụng một quan niệm như thế trong thơ văn Việt Nam phải là tai hại lắm. Tai hại ở chỗ hiện bây giờ, một số người vô học thúc muốn vừa lèo đời, vừa che đậy cái dốt của mình, đều đổ xô về lối thơ bí hiểm ấy. Về sự bí hiểm, sự vô ý thức này, tôi đã có tang chứng rõ ràng. Mà tang chứng ấy, chính do ở người chủ trương sự nhập cảng nó, là Hàn Mặc Tử mà có mới là xác đáng cho ! Tôi có thấy trong tập thu của Hàn Mặc Tử, một câu rất buồn cười. Nó ngắn lời, nhưng mà dài nghĩa làm sao ! Sau một bức thư, gửi cho một người bạn, chàng viết vào khoản tái bút rằng : "*Bài thơ của X. hay quá. Tôi đọc cảm động và hiểu nhiều lắm*". Nên nhớ thêm rằng ở dưới hai chữ *hiểu nhiều*, thi sĩ đã gạch hai gạch mực để quả quyết lời nói của mình ! Thật thà thay thi sĩ ! Chính đấy chính là sự thú nhận cái mù mịt của thi sĩ rồi còn gì ? "*Hiểu nhiều lắm*" tất là không phải hiểu tất cả, nghĩa là không hiểu tí nào hết. Có ai đọc xong bài *Qua đèo ngang* của Bà Huyện Thanh Quan hay bài *Thi hồng* của Tú Xương mà đi mách với bạn là mình hiểu nhiều lắm không ? Không biết tác giả bài thơ, được phê bình một cách xa xôi như thế có lấy làm bực mình cho cái thiên tài của mình không ?

Ở nước Pháp, không kể những người ở trong phái phản đối kịch liệt lối thơ tượng trưng của Mallarmé và Valéry, đến những nhà làm sách hợp

tuyển dạy học trò, những người khảo cứu văn học sử, cũng đều công nhận hai nhà văn ấy lắm khi có ý phỉnh phờ độc giả theo lối "chơi ngăng", lối "véo không cười" của người Anh.

Ở nước ta hạng thi sĩ bí hiểm chỉ là một bọn lường gạt thật tình, chúng khinh khi ra mắt người đọc sách của chúng, cũng như những tên phù thủy, những tên thầy thuốc chữa bệnh theo lối đọc chú bằng một thứ tiếng họ bịa đặt ra.

Hàn Mặc Tử hoàn toàn thành công ở chỗ khác, đã hồng ở chỗ này. Cũng may mà phần thơ bí hiểm trong thi phẩm chàng không phải là phần quan trọng nhất và cũng may mà một nguồn thơ mới khác vào khoảng đầu năm 1940, một nguồn thơ chân chính, và may mắn xiết bao, đến vừa kịp để lôi người lạc lối về đường phải.

## "CẨM CHÂU DUYÊN"

Mai đã không biểu tượng được mối tình trong sạch cao quý, tức là không gây nên được thứ rung động nhẹ nhàng, băng khuâng và thiêng liêng, mà lòng một người con trai nào cũng vẫn khát khao thèm muốn, người con trai ấy cũng thấy thiếu một cái gì dính liú đến một người thiếu nữ đồng trình, cho dầu chỉ là một cuộc liên lạc cách biệt cũng được,

một cái tên cho kêu, một "kỷ niệm bằng một trang sách, một dải lụa, hay một bông hoa hương ép khô".

Thấu rõ tâm trạng của nhà thi sĩ, một hôm vào cuối năm 1939, bạn chàng, Trần Thanh Dịch, gửi thư giới thiệu với thi sĩ một người thiếu nữ Huế, bảo là tên Thương Thương.

Tôi nói "bảo là", vì kỳ thực, đây chỉ là một cái tên mượn. Thanh Dịch đã chụp lấy cái tên đầu tiên đến dưới ngọn bút của chàng, cái tên của một người cháu gái nhỏ thường rất mến phục thơ của nhà thi sĩ, cái tên mà ngay lúc ấy chàng quả không ngờ tốt đẹp và kêu gọi đến cái trình độ như Hàn Mặc Tử sẽ cho nó. Thanh Dịch là một người mạnh khỏe, làm sao tưởng tượng được sự xoay trở của mọi sự việc qua một bộ óc bệnh hoạn ?

Dẫu sao, cái người thực mang tên ấy hoàn toàn không hay biết gì hết ! Tuy nhiên, người kia kể cũng có lỗi chút ít : có ai lại mang một cái tên diễm ảo, gọi ra những hương vị não nùng thế bao giờ. Ấu cũng là cái quả báo của những tên đẹp. Chả trách ông bà chúng ta xưa chỉ đặt cho con cháu những cái tên : Vẹn, Vàng, Thúi, Dáy.

Thế là bắt đầu một cuộc giao thiệp bằng thư tín giữa nhà thi sĩ và người con gái ấy, hay nói cho đúng, cô bé em ấy, vì thuở ấy Thương Thương chỉ là một cô bé mới lên 12 tuổi, một cuộc giao thiệp thưa thớt và nghiêm trang, trong ấy người con gái

vâng theo lời chú, trả lời qua loa nhà thi sĩ ở trong phạm vi văn thơ.

Ấy thế mà một nguồn thơ mới ở Hàn Mặc Tử cũng dấy lên được, hết sức bông bột dồi dào.

Ngày 23-1-1940, nhà thi sĩ viết :

"*Thương Thương, cái tên thi vị quá chừng. Thương hương là một bài thơ, hơn nữa, một nguồn thơ bất tuyệt. Những hàng chữ đơn sơ của em cũng rung cảm được tâm hồn anh. Em chúc cho anh "khi nào cũng phải rào rạt bởi muôn ngàn cảnh vật xung quanh để viết ra những bài thơ huyền diệu". Thế là em lầm rồi. Thơ bao giờ cũng tại tâm chứ không tại cảnh. Mà nói đến tâm, tức là nói đến nguồn Thương Thương đấy. Thế bây giờ em đã hiểu chưa ? Cảnh là điều giả dối, phù vân, mà tâm mới chân thành, trút lòng. Ở lòng anh có Thương Thương, nghĩa là có thơ, có nguồn thơ vĩnh viễn đấy".*

Ngày 11-3-1940, chàng lại viết :

"*Từ nay hình ảnh em sẽ đến với anh mãi trong trí tưởng. Em sẽ là Nàng Thơ của anh. Cứ nghĩ đến em, thế là vui sướng lắm rồi, quên hết cuộc đời tàn khổ, gian lao. Mà sau này, văn thơ anh ảnh hưởng ở em, nếu có chút giá trị gì đối với văn học, cái công của em không phải là nhỏ".*

Một mối tình vô cố, mông lung, vô vắn, nổi lên trong lòng người con trai đau khổ ấy. Lắm khi trong

cái thanh vắng tịch mịch của gian nhà hẻo lánh, tâm hồn bệnh hoạn của chàng tưởng tượng đến bóng người mà chàng chưa từng trông thấy, rồi một mối buồn nhớ không đâu cũng kéo đến tràn ngập cả ý chàng.

Chàng cũng tự biết mình cảm một nỗi vô duyên, nhưng ai tự chủ được cơn phát triển của lòng ? Chàng vừa hổ thẹn mà để cho nước mắt tràn ra !

Sầu lên cho tới ngàn khơi  
Ai đâu rảo lệ, chuta lời nói ra !  
Chiều nay tàn tạ hồn hoa  
Nhớ Thương Thương quá xót xa tâm bào !  
Tiếng buồn đem trộn tiêu tao  
Bóng em chồn chợ trong bao nhiêu màu.  
Nghe ai xé lụa mà đau  
Gió than niềm gió biết đâu hẹn hò.  
Đừng ai nói để thương cho  
Lỡ ra lạnh nhạt đền bù sao cam ?  
Chiều nay chẳng có mưa dầm  
Mình sao nước mắt lại dầm đũa tuôn ?  
Ồ ra lụy ngọc nôn nôn  
Có bao giờ hết nỗi buồn vô duyên.

**Nỗi buồn vô duyên - THƯƠNG THƯƠNG**

Nửa đầu năm 1940, Hàn Mặc Tử dùng để viết những bài thơ do nguồn Thương Thương mà nảy nở ra, và hai kịch thơ, tất cả nhà thi sĩ đã tính gộp lại làm thành một tập dưới nhan đề là **THƯƠNG**

THƯƠNG. Nhưng sau vì một chuyện lời thôi nhỏ nhỏ, chàng đổi ra gọi là CẨM CHÂU DUYÊN. Hai kịch thơ, một là DUYÊN KỶ NGÔ, một nữa là QUẦN TIÊN HỘI. Chúng ta không thể bỏ qua mà không xét đến hai tác phẩm tân kỳ có một không hai ấy của văn học Việt Nam. Chúng ta có thể tự hào rằng đến cả văn học Thái tây, danh tiếng lẫy lừng nhất thế giới như những kịch Anh của Shakespeare và Lord Byron cũng không ăn đứt được.

Ấy là những kịch thơ vui mà cốt truyện rất đơn sơ để cho khỏi nói là không có gì hết.

DUYÊN KỶ NGÔ là chuyện nhà thi sĩ Hàn Mặc Tử đi tìm một nguồn thơ mới lạ, lạc lối vào một chỗ nước non thanh tú, trong ấy những suối, những chim, và những tiếng tiêu theo hầu chàng, gặp gỡ nhau, chào mời nhau trong những lời thanh tao kiều diễm, rồi đồng thanh ca ngợi tài hoa của chàng bằng những khúc hát mê ly.

Lời Suối reo :

*Ồ sự lạ ! Đã muôn đời thế kỷ,  
Đất Linh Sơn in dấu vết phàm nhân !  
Ta reo lên với đàn thông rừ rừ,  
Cho lay bay tình ý ở xa xăm,  
Xin mời chàng tài hoa thi sĩ đó  
Ngồi xuống đây bên thảm ngọc vườn châu.  
Hai tay chàng thử vốc vào nước nọ,  
Mát tê đi như da thịt nàng dâu...*

Lời Chim hót :

*Ơi chàng kia thật ra chiều phong vận,  
Hãy nghe ta cao hát khúc bình an !  
Này mặt nhật tròn vo đương sáng láng,  
Gió đương lên, đương quện tiếng lòng ngân.*

.....

Chàng Thi sĩ say sưa đáp lại :

*Nắng càng cao lòng ta càng hừng hực,  
Thơ lên rồi, bay quá giải nhân vân,  
Mùi hương đâu trong lời ca sức nước,  
Rộn hù vó, rung động cả phong trần.*

Rồi bỗng nhiên linh cảm nhắc cho chàng hay rằng có sự lạ sắp xảy ra, tức là có Nàng Tiên sắp đến, chàng kêu :

*Ồi chao ! Mê toàn châu thật khoái cảm,  
Như đêm xuân uống phải rượu Quỳnh tương !  
Không đâu mà có điều chi vừa chạm !  
Đến tâm tình để báo hiệu phi thường ?*

Thế là nàng Thương Thương ra. Rõ là một vị tiên nga, một nàng Bạch Tuyết vô cùng ngây thơ, trong sạch : ngo ngắc như buổi xuân đầu tiên trong vũ trụ, nàng tự hỏi :

*Mây bay, theo với mây bay,  
Mình sao ra nước non này mà chơi ?  
Sáo ơi, diu dặt khơi vơi !  
Buông mau âm điệu để rời nhân gian.*

*Nắng cao, ý muốn lan tràn,  
Ở đây vắng vẻ, cây ngàn tuổi reo.*

. . . . .

Thế rồi hai người gặp nhau. Thế rồi mối tình duyên bắt đầu nhóm đượm. Bao nhiêu mê man, bao nhiêu say đắm, bao nhiêu tình tứ thanh thoát cao siêu thay đổi giữa một trời nồng hương âm nhạc, reo lên như châu báu chạm nhau, trong khi cả tuổi, cả chim đều phụ họa theo, làm một ban hợp xướng vô cùng uyển chuyển.

Nhưng mà rồi chàng nhớ ngay đến địa vị thất thế của mình, đến cảnh ngộ tuyệt vọng của mình.

*Bây giờ đây khóc than niềm ly hận,  
Hỡi Thương Thương người ngọc của lòng anh !  
Ta nhìn em với bao lời ta thán,  
Khiến hoa chim nghe được cũng không đành.*

Thế là chàng vĩnh biệt nàng, mang tiếng tiêu ra đi với một tấm lòng héo hon sắp chết :

*Anh chỉ ngó say em trong chốc lát  
Để hồn thơ rào rạt với mây bay  
Gần em luôn để hưởng bao khoái lạc -  
Thưa em, không, anh đâu dám mê say !  
Một mai kia, ở bên khe nước ngọc,  
Với sao sương, anh nằm chết như trăng,  
Không tìm thấy nàng tiên mô đến khóc,  
Đến hôn anh và rửa vết thương tâm...*

Dại khái ý tứ, lời thơ và nhạc điệu của bản kịch DUYÊN KỶ NGỘ là thế.

QUẦN TIÊN HỘI là bản kịch nối tiếp theo chuyện DUYÊN KỶ NGỘ. Kịch này viết chưa xong. Nó có phần điểm ảo "tiên cốt" hơn kịch trước nữa. Nhưng tựu trung văn khí và âm nhạc cũng giống như DUYÊN KỶ NGỘ. Cốt truyện tóm tắt như thế này : Nhà thi sĩ Hàn Mặc Tử không chịu đựng nổi sự chia ly với nàng Thương Thương, bèn cùng đi du tiên, rồi cải trang làm một vị tiên nữ, lấy tên là Huyền Tiên, nhập vào Quần Tiên Hội là chỗ nàng Quỳnh Tiên (tức là Thương Thương) nhóm họp cùng bạn đồng đạo để cùng nàng nối lại cuộc tình duyên không dứt được. Sau khi dự tiệc hội Bàn Đào và uống rượu Xuất thần tửu, do những cơn vượn mới dâng, chàng ra đứng xem các tiên nữ xuống tắm ở hồ sen, trong khi riêng chàng không tắm, lấy cớ là say quá. Chàng mê man đứng nhìn Quỳnh Tiên mà sắc đẹp diên hồn làm cho tất cả các bạn đồng đạo phải say sưa chọc ghẹo. Chàng nghe nàng tiên Hoa Khôi hát :

*Liên hồ đây, bốn mùa xuân cả bốn,  
Ngát hương đưa trong gió sớm chơi vơi ;  
Làn nước mát và chưa bao giờ bọt,  
Vết phong trần đưa lại ở xa khơi.*

(Nàng hái lấy một hoa sen rồi đánh nhẹ vào đôi vú của Quỳnh Tiên).

*Ghê thay cho cô Quỳnh Tiên diêu động,  
Xuống đây mà đứng sừng để làm duyên,  
Bao nhiêu cá lặn chìm theo tấm sóng,  
Bao nhiêu hoa thắm sợ về hồn nhiên.*

Có Thiềm Tiên và Nguyệt Tiên, có lẽ là hai vị tiên đã đứng tuổi, họ tự thấy có bốn phận phải là rầy em út :

Thiềm Tiên và Nguyệt Tiên (đồng reo lên).

*Đây mùi đạo vẫn còn thơm ngan ngát,  
Mà ai cho các chị nói tình yêu ?  
Ai cho thỏa bao niềm mong rào rạt,  
Mà ai cho lòng ngọc tủa phiêu phiêu ?*

Nhưng mà các vị tiên non đã quá say sưa với mối tình hoài mối khước đượm, nào có chịu nghe những lời nghiêm huấn khô khan kia ! Hoa Khôi là nàng tiên yêu quái đã đánh thức cơn rung động ở lòng các tiên nương, đánh phập vào lời can ngăn ấy :

Hoa Khôi (vỗ tay cười) :

*Đã lâu rồi chúng ta xa trần tục,  
Nỗi thắm thương chôn kín, khổ bao nhiêu ?  
Nên say sưa mơ lòng theo nao nức !  
Yêu nhau đi ! Tình gái, dịu dàng yêu ?*

Chư tiên đồng vỗ tay tán thành, nhiệt liệt hoan nghênh, rồi đồng thanh ca hát, nô đùa và làm trăm trò nghịch ngợm ở trong hồ. Trên bờ hồ, nàng Tiên không chịu tấm (tức là chàng thi sĩ trá hình) vẫn tần ngần đứng nhìn chị em đồng đạo một cách say

sưa mê dại. Đôi mắt nàng có lúc sáng rực lên, có lúc lơ lơ như đắm bao khoái lạc, khiến cho chim Anh Vồ và chim Hoạ Mi để ý dò từ lâu, sinh nghi :

Chim Anh Vồ bảo Hoạ Mi :

*Mi ! Mi ! Mi ! Có nghe trong gió thắm,  
Có nghe không tình lạ thoảng mùi trai ?  
Có nghe không, lòng ai ra âm ỉm,  
Không như lòng cô gái ở Bồng Lai ?*

Hoạ Mi (gật đầu) :

*Mùi vị ấy, bay từ cô gái ấy,*

(Hoạ Mi lấy mỏ chỉ về nàng Tiên đứng trên bờ).

Anh Vồ :

*Nên ran ran lòng dạ ở xung quanh.*

Hoạ Mi :

*Để ý xem nước da cô thắm đây,*

Anh Vồ :

*Và đôi môi biếu lộ nét xuân tình.*

Bấy giờ bóng trăng mới ngà lên, các tiên cùng thông thả bước ra khỏi nước. Lại một dịp cho Huyền Tiên say sưa sừng sững lặng nhìn các tiên nương trang phục. Màu áo tươi mát quá làm nổi bật các tòa thiên nhiên lồ lộ. Ăn vận xong, chư tiên lại rủ nhau biểu diễn một lớp khiêu vũ. Chư tiên mời Huyền Tiên vào dự cuộc, nhưng nàng từ chối, chỉ vì không gặp

được người bạn kỵ binh ưng ý. Chư tiên càng ngày càng nghi thêm về loài giống của nàng.

Hoa Khôi (cười rộ và mĩa mai).

*Chị em ơi ! "Chàng" làm duyên thái quá,  
Không hài lòng khi nói đến Tình Yêu  
"Chàng" già bộ không ưa trò lời lẽ,  
Không ưa nhìn bao vẻ gấm hoa thêu.*

Nhưng Quỳnh Tiên đã hiểu hết cả rồi, nàng Quỳnh Tiên mà ngày nay cũng trở nên ranh mãnh, dạn dĩ ra nhiều, nàng thấy cần phải can thiệp để đưa người tri kỷ ra khỏi bước khó khăn.

Quỳnh Tiên (nói gần như nửa chơi nửa thực) :

*Xin cứ gọi em tôi là thi sĩ,  
Nếp thơ hương hồ để sánh giai nhân ?  
Huyền Tiên hỏi ! Sao em không hội ý ?*

(Nàng đưa mắt đắm đuối nhìn Huyền Tiên)

*Đôi ta xưa vậy hiệp nợ châu trần !*

(Các tiên không hiểu được thâm ý của Quỳnh Tiên phá lên cười như vỡ).

Huyền Tiên (gật đầu cười) :

*Nương nương ơi ! Biết nhau từ độ ấy,  
Tóc xanh thêm và tình đậm đã nhiều...*

Chư tiên vỗ tay cười vang và kéo Huyền Tiên lại với Quỳnh Tiên, mở cuộc nghệ thuật khiêu vũ. Rồi thì cặp nào cặp nấy đeo nhau, múa men xoay lộn, trong khi cả mọi thứ nhạc xanh, nhạc vàng, nhạc

điều, chim Anh Vồ, chim Hoạ Mi, cùng tiếng Tiêu theo hầu chàng thi sĩ đồng nổi lên xướng hoạ trong một điệu hòa nhạc êm ái mê ly.

Chim Anh Vồ : (hót theo)

*Tao phùng duyên đến bây giờ lại thấy*

Hoạ Mi :

*Lòng nghiêng qua, sóng mắt muốn xiêu xiêu  
(Trên lùm mây cao, văng vẳng tiếng Tiêu ra)*

Tiếng Tiêu :

*Ta là khúc Phụng cầu hoàng năm trước  
Dem ân tình rải khắp cả trời duyên  
Cho Quân Thụy lấy nàng Thôi thuyền quyền,  
Xuân vô cùng đến ngàn năm ơn phước...*

Đoạn sau cùng là những lời ân ái trao đổi giữa từng cặp, trong khi các tiên nữ ôm nhau quay tít trong trận múa của xiêm áo nghệ thuật và trong lời nhịp nhàng của các thứ nhạc, ở trong ấy chư tiên mặc dù đang say sưa, mê luyến, cũng không quên nhắc cho nhau những bước đi khiêu vũ cho đúng phép.

*Thở nhẹ hơn đừng vội bước chân mau !*

Nhưng mà Huyền Tiên và Quỳnh Tiên vì quá mê man sung sướng, không còn biết gì nữa, chỉ riết vào nhau và hôn nhau bằng một cái hôn hầu như không bao giờ dứt. Thế là chàng thi sĩ đã vụng về mà tự tổ cáo sự lộn sòng của mình.

Kịch chỉ viết được đến đây. Hàn Mặc Tử chưa kịp viết tiếp. Nhưng ý định của chàng đã sẵn sàng. Chàng đã nói trước cái luận đề chàng sẽ theo đó mà viết tiếp bản QUẦN TIÊN HỘI :

*"Ba đoạn sau mà tôi tính viết, nó như thế này :  
bạn tiên xúm lại vây hai người trong vòng vây mà bảo rằng "người con trai" ấy là của trời cho, là "của chung" chứ không phải là riêng gì của Thương Thương. Nếu không bằng lòng phải "chia" ra (chia ra 9 phần cả thầy, thế thì còn chỉ người ta nữa ! Nguyên văn của Hàn Mặc Tử. Thế rồi bạn tiên nổi ghen lên. Hai người ấy phải rủ nhau đi trốn. Bạn tiên hay được liền hề nhau đang đêm "hạ san" tìm bắt cho kỳ được cặp uyên ương ấy, nghĩa là bạn tiên chạy theo tình yêu, trở về thế gian, bỏ lại những động mây bây giờ thành ra hoang vu cô độc. Và những động ấy từ thân than kể không biết bao nhiêu mà nói. Với lại, ở động tiên con trai hay tin bạn tiên con gái về thế gian lấy chồng, chúng hẳn cũng đâm ra buồn bực, rồi cũng trở lại đòi cả. Và vì thế người ta mới hiểu rằng tại làm sao bây giờ, ngày nay còn dấu tích tiên động mà tiên đục, tiên cái thì đi mô hết cả thầy, Ha ! Ha !".*

Cái gì ngăn cản thi sĩ tiếp tục công việc đã khởi đầu một cách hoàn mỹ như vậy ? Thật là một câu chuyện đau đớn thương tâm chàng đã gặp trong cái đời đen bạc của mình.

Có ai có thể ngờ rằng câu chuyện chơi của Trần Thanh Dịch bịa ra để mong an ủi nhà thi sĩ trong bước mạt lộ của chàng, lại thấu đến tai gia đình người thiếu nữ mang cái tên huyền diệu kia ! Một người anh của cô Thương Thương thật, thấy cần phải lãnh cái nhiệm vụ bảo tồn danh dự cho em út, vội viết thư phân trần cùng Hàn Mặc Tử và xin đừng nhắc nhở đến cái tên ấy nữa. Ngoan ngoãn, nhà thi sĩ vâng lời. Đây là cái miếng cuối cùng của Định Mệnh dành tặng cho chàng, cái quả đắng mà rồi chàng không dậy được nữa. Kịch thơ QUẦN TIÊN HỘI thế là mất đứt cái đoạn sau cùng.

Không biết giận ai, vì không phải lỗi của Trần Thanh Dịch, người mà dấu sao cũng đã cho chàng biết bao là ấm áp, là êm dịu, là rung động khoan khoái, cũng không phải nốt là lỗi của gia đình Thương Thương, nhà thi sĩ xấu số quay lại giận mình, giận cái tài hoa của mình. Từ nay, nguồn thơ của thi sĩ ngưng trệ, để mà tắt hẳn, nếu không tìm ra một nguồn cảm hứng khác. Nhưng tìm chưa ra, thì nhà thi sĩ đã kiệt lực nằm xuống, và lần này thì để cho "hồn lìa khỏi xác" thật, ôm luôn theo tận đáy mồ mối hận khôn cùng diễn tả.

## NGUỒN CẢM THỤ LỰC Ở HÀN MẶC TỬ

Sau khi đã nghiên cứu qua tất cả tác phẩm của Hàn Mặc Tử, chúng ta cũng nên xét đến nghệ thuật của nhà thi sĩ, đến quan niệm của người đối với thơ, ảnh hưởng hiện tại và về sau này của thi sĩ đối với lịch sử văn học Việt Nam.

Thi sĩ Tây phương thường nhìn cảnh tượng của Tạo vật bằng con mắt của họa sĩ, họ chú trọng đến hình thức, màu sắc, kỳ du đến những cảm tưởng rung động mà hai thể ấy gây nên. Thi sĩ Đông phương, thử nhất là thi sĩ đời Đường, thì kín đáo hơn, và vì thế, thâm thúy hơn. Những lời thơ họ chẳng qua là những tiếng thở dài không cầm hết, và chỉ có thế !

Hàn Mặc Tử thì lại khác hẳn.

Hàn Mặc Tử là một nhà thơ duy nhất sống bằng sự chiến đấu giữa tình cảm của chàng và cảnh tượng của tạo vật.

Đứng trước một cảnh tượng, chàng không hay nhìn, hay ngắm, nhận thức không hay khen ngợi, ca tụng. Vì nhìn ngắm, hay khen ngợi, ca tụng, tức là để mình đứng ngoài cảnh vật, giữ cho mình cái địa vị khách quan. Sự hoạt động ghê gớm của tâm hồn chàng, cái khí lực bùng nổ của tâm hồn chàng không cho chàng được thế.

Một khi được để trước mặt một cảnh tượng nào là chàng bỗng nhiên tự thấy cần phải chiến đấu, với bao nhiêu hăm hở, bao nhiêu hung tợn của một tâm hồn kỳ lạ. Cũng như hai con quái thú thuở còn khôn mới dựng, không thấy nhau thì thôi, hễ trông thấy nhau thì nhập cuộc đánh nhau ngay, đến thành lũy, thành hồ, đến tan xương nát thịt, đến bao giờ một con đã chết rồi, mà sự giận dữ, sức đấu của con kia cũng còn làm cho nó run rẩy một mình.

Trước một bản đàn đang kéo chẳng hạn, Hàn Mặc Tử nào có nghe âm thanh réo rắt ra thế nào, chàng còn có thường thức nhạc điệu du dương, hay hùng tráng, hay bi ai ?

Không ! Vừa nghe tiếng tơ dấy lên - lẽ cố nhiên là tiếng tơ do một nhạc sĩ tài tình gảy - là chàng mang nguồn cảm thụ ra dàn thành thế trận, óc não chàng đã sẵn sàng để nghênh chiến ; rồi cứ thế mà chàng dụ cho âm thanh cứ đi dần vào các đường gân, thò thịt, vào tận những dây muôn vạn vi tế của bộ thần kinh. Trong khi ấy tim chàng tê tái, mắt chàng đứng trông, cả người chàng cho đến kẻ tóc chân lông đều rung động bằng một luồng sóng điện thần kinh.

Một điều đáng chú ý trong bao nhiêu trận chiến đấu với những lực lượng rung cảm, Hàn Mặc Tử bao giờ cũng đánh giữ lấy phần bại về mình. Vì chàng là một người yếu đuối, một bệnh nhân kia mà.

Cũng như cái anh chàng bé tí hơn hiểu chiến kia không biết tự lượng sức mình mà chỉ nghe theo thúc giục của cơn máu nóng, sau mỗi cơn bại trận, chàng nằm đờ, ê chề, uể oải, tê dại hẳn đi, và bao nhiêu giác quan đều lặng lẽ chỉ còn thoi thóp vừa đủ để kiểm điểm lại sự thiệt hại mà ghi chép lấy hiệu quả thôi. Hãy trở lui về vấn đề nghe một bản nhạc.

Xưa nay, cái người biết nghe đàn đến lưu danh thiên cổ, hẳn là cái anh chàng Chung Tử Kỳ. Nhưng mà sức cảm của anh chàng đến đâu ? Nghe một khúc đàn người ấy nghĩ đến núi cao ; nghe một khúc khác, y nhớ đến nước chảy. Chỉ từng ấy cũng đủ làm cho cái anh chàng nhạc sĩ Bá Nha ôm hận suốt đời, và trong văn học, ngôn ngữ Đông phương, bỗng nhiên thêm một danh từ mới, chữ "tri âm", cái chữ khi không mà có một giá trị ghê gớm.

Đến vị Thầy trong nền thi ca cũ của ta, cụ Nguyễn Du, khi nghe đàn, cụ cảm như thế nào :

*Khúc dẫu Hán Sở chiến trường  
Nghe ra tiếng sắt tiếng vàng chen nhau.  
Khúc dẫu Tư Mã phuơng cầu  
Nghe ra như oán, như sầu phải chăng ?*

Hay là :

*Trong như tiếng hạc bay qua,  
Đục như nước suối mới sa nửa vời,  
Tiếng khoan như gió thoảng ngoài,  
Tiếng mau sầm sập như trời đổ mưa.*

Lời thật đẹp, ý thật cao, nhưng nghệ thuật diễn tả của Nguyễn Du chỉ là một nghệ thuật hoàn toàn khách quan. Chúng ta sung sướng vì có những câu thơ đẹp, nhưng sức cảm vì nghe thấy nàng Kiều đàn quả không có gì.

Nghệ thuật Hàn Mặc Tử thì khác hẳn. Ở chàng ta thấy cảm thụ lực khi nào phát triển cũng đến tột bậc. Bao nhiêu tình tứ trong người chàng đều căng thẳng ra, khi nào cũng sẵn sàng để thu nhận những ảnh hưởng ở ngoài. Khi chàng nghe một điệu đàn, tinh thần chàng mở rộng toát hết các cửa, chàng đứng ra hứng đón âm thanh như một người lỗ đường bị mưa ướt cát nón giăng tay mà so gan với cơn dông tố. Chàng để cho tiếng nhạc thấm dần trong cơ thể, qua mỗi lần xương thịt, là phải đánh dẹp, phá hoại, như đạo binh ngoại xâm qua mỗi cửa ải của một nước. Thế rồi người chàng thốn thức, toàn thân run rẩy mê mê, ngây ngất từng cơn. Người ta có cái cảm giác quái gở là thi sĩ đeo vào tiếng tơ cùng rồi cái nhẩn của nhạc sĩ, mà quay cuồng lẫn lộn trên mấy tầng không :

*.....  
Rồi muốn xuân đã nư chiều thốn thức,  
Đều run lên như thể tắm hồn mơ.  
Ai gieo chi thương tiếc giữa đường tơ,  
Cho lỡ dở vang lên từng tiếng nấc ?  
Nguồn sáng lảng mờ đi trong sự thật,  
Trong ảo huyền và trong cả mê ly.*

Ai nữ nào cất nghĩa tới hàng mi ;  
 Là ú lại : là trào ra nước mắt ?  
 Bằng trăm tiếng vẽ ra trăm màu sắc ;  
 Với đôi tay nàng trút hết dề mê,  
 Dạ lan hương bùng mở cánh e dề,  
 Trong khúc nhạc rên đều trong gió tốt.  
 Đàn ngọc đã rít lên nhiều nả nốt  
 Tôi kêu rêu, van khóc, lay Nàng thôi !  
 - Hãy uống đi, cốc rượu ngấm đầy hơi,  
 Chan chứa vị nồng say đêm hiệp cần !  
 Nàng ! Lay Nàng hãy nghe tôi cầu khẩn !  
 Hãy khoan tay cầm lại trí tương tư  
 Đang chôn vùi trong nguồn sáng ngất ngư  
 Đang lút mặt ở trong màu hoa lệ !  
 Trên cung bực, ham mau niềm ngọc kẻ,  
 Với lòng run, ngưng hết cả thanh âm,  
 Cho lòng lơ chơi với điệu phong cầm.  
 - Cho tôi bớt bồi hồi trong một phút.

#### **Đàn ngọc - ĐAU THƯƠNG**

Ở một mục trên, tôi đã nói đến ảnh hưởng của trăng đối với tâm trạng Hàn Mặc Tử. Nay xin đan cử ra đây một vài đoạn của một bài văn xuôi của Hàn để chúng ta thêm cái sức cảm thụ vô cùng mãnh liệt ở nơi nhà thơ lạ lùng ấy. Bài ấy, nhan đề là *Chơi giữa mùa trăng*, là một bài văn mới lạ, xưa nay trong văn giới của toàn thể hoàn cầu cũng chưa ai nghĩ đến nó, hay đến có thể đề ngang hàng với những bài hay nhất thế giới, cả Đông phương và Tây

phương. Trích một ít đoạn của bài ấy ra đây, riêng lòng tôi cũng tự thẹn vì đã ham hồ quá chừng, nhưng quả thực vì nó hay một cách lạ lùng, không biết ngừng đến đâu cho khỏi tiếc.

#### **CHƠI GIỮA MÙA TRĂNG**

... Chị tôi và tôi đồng cầm một mái chèo con, nhẹ nhàng lùa những đồng vàng trôi trên mặt nước.

Chị tôi cười nả nót, tiếng cười trong như thủy tinh và thanh khiết lạ thường. Luôn luôn cứ hỏi tôi cho kỳ được : "Này chị đỡ em nhé, trăng mọc dưới nước hay mọc trên trời, và chúng mình đi thuyền trên trời hay dưới nước ?" Tôi ngước mắt ngó lên trời rồi ngó xuống nước và cũng cười đáp lại : "Cả và hai chị ạ". Sống quá, thích quá, chao ôi, hai chị em lại thỉnh thoảng rú lên cười làm náo động luồng tinh khí của họ nhiên.

Vậy chúng tôi bằng ánh sáng, bằng huyền diệu, chưa đủ, Ngưu Lang và Chức Nữ, chúa của đêm trung thu còn sai gió thu mang lại gần chúng tôi một thứ mùi gì ngào ngạt như mùi băng phiến ; trong ấy biết đâu lại không phảng phất những tiếng kêu rên của thương nhớ xa xưa... Thuyền đi êm ái quá, chúng tôi cứ ngỡ là đi trong vùng chiêm bao, và say sưa, và ngây ngất vì ánh sáng, hai chị em như dề mê, không còn biết là có mình và nhận mình là ai nữa. Huyền ảo khởi sự. Mỗi phút, trăng lên mỗi cao, khí hậu cũng tăng sức ôn hòa lên mấy độ, và trí tuệ, và

mộng và thơ, và nước, và thuyền dâng lên, đồng dâng lên như khói... Ở thượng tầng không khí, sông Ngân Hà trình bạch đương đắm chìm các ngôi sao đi lạc đường. Chị tôi bỗng reo to lên : "Đã gần tới sông Ngân rồi ! Chèo mau lên em ! Ta cho thuyền đậu ở bến Hàn Giang !"

Di trong thuyền, chúng tôi có cái cảm tưởng lý thú là đương chờ một thuyền hào quang, một thuyền châu ngọc, vì luôn luôn có những vì tinh tú hình như rơi rụng xuống thuyền...

Trên kia, phải rồi, trên kia, in hình có một vì tiên nữ đang kêu thuyền để quá giang...

Thình lình vùng trời mộng của chúng tôi bỗng về sáng lạng. Chị tôi liền chỉ tay về phía bến đò thôn Chua mo<sup>(\*)</sup> và bảo tôi rằng : "Thôi rồi ! Trí ơi ! Con trắng nó bị vướng trên cành trúc kia kia, thấy không? Nó gỡ mãi mà không sao thoát được, biết làm thế nào, hờ Trí ?". Tôi cười. "Hay là chị em ta cho thuyền đổ vào bến này, rồi ta trèo lên động cát với tay gỡ hộ cho trắng thoát nạn ?". Hai chị em liền giấu thuyền trong một bụi hoa lau bông vàng phơi phới, rồi cùng lạc vào một đường lối rất lạ, chân giẫm lên cát mà cứ ngỡ là bước trên phiến lụa. Nước suối chảy ở hang đá trắng, tinh khiết như mạch nước ngọc tuyền, chồm lên những vùng lá, hể trông đến là kinh hãi vì nó giống con bạch hoa xà như tặc.

(\*) Một làng ở hải khẩu tỉnh Quảng Ngãi.

Sao đêm nay kiều diễm như bức tranh linh động thế này ? Tôi muốn hỏi xem chị tôi có thấy ngọt ngào trong cổ họng như vừa uống xong một ngúm nước lạnh, mát đến tê hết cả lưỡi và hàm răng ? Chị tôi làm thình, - mà từng lá trắng rơi lên xiêm áo như những mảnh nhạc vàng. Động là một thứ hồn non bằng cát, trắng quá, trắng hơn da thịt của người tiên, hơn lụa bạch, hơn phẩm giá của tiết trinh - một màu trắng mà tôi cứ muốn lẫn lộn điên cuồng, muốn kề môi hôn, hay áp má lên để hưởng sức mát rượi dịu dàng của cát...

Hai chị em đồng giang tay náu áo gượng vào nhau dần bước lên cao... Thình thoàng mỗi hai đầu gối quá, cả chị liền em đồng ngã lăn ra. Lại một dịp cho tiếng cười của chị tôi được nở ra, dòn tan trong không khí. Lên tới đỉnh là hao mòn đi một ít. Nhưng mà ngợp quá, sáng quá, hùng trí làm sao ? Đây có phải là nước Nhựt non Bồng, động phủ thần tiên ngày xưa còn sót lại ? Nhìn xuống cát, cố tìm dấu tích gì lưu lại một vết chân của Đào nguyên Tiên nữ, nhưng tám cát phẳng lờ như lụa căng, trình bạch làm sao :

Bất tri thù địa qui hà xứ

Tu tộ Đào nguyên vấn chủ nhân ?

Bây giờ chúng tôi đang ở giữa mùa trăng, mở mắt ra cũng không thấy rõ đâu là chín phương trời, mười phương Phật nữa. Cả không gian đều chấp chờn những màu sắc phiêu diêu đến nỗi đôi đồng tử của

chị tôi và tôi lờ đi vì chói lói... Ở chỗ nào cũng có trắng, có ánh sáng cả, tưởng chừng như bầu thế giới chỗ chúng tôi đây cũng đang ngập lụt trong trắng và đang trôi nổi bênh bồng đến một địa cầu nào khác.

Ánh sáng tràn trề, ánh sáng tràn lan, chị tôi và tôi đều ngả vật áo ra bọc lấy, như bọc lấy đồ châu báu.

Tôi bỗng thấy chị tôi có vẻ thanh thoát quá, tình khôi, tươi tốt và oai nghi như pho tượng đức bà Maria là bức tình truyền chí thánh. Tôi muốn sốt sắng quỳ lạy mong ơn bào chữa. Nhưng trời ơi, sao đêm nay chị tôi đẹp dễ như thế này. Nước da của chị đã trắng, mà vạt áo quần bằng hàng trắng nữa, trông thanh sạch quá đi.

Tôi nắm tay chị tôi đặc lia lia và hỏi một câu hỏi tức cười làm sao : "Có phải chị không, hở chị?" Tôi run run khi tôi có cái nghĩ : Chị tôi là một nàng Ngọc Nữ, một hồn ma, hay một yêu tinh. Nhưng tôi vội phì cười và vội reo lên : "A ha, chị Lễ ơi, chị là trắng mà em đây cũng là trắng nữa !"

Ngó lại, chị tôi và tôi, thì quả nhiên là trắng thiệt...

## NGHỆ THUẬT CỦA HÀN MẶC TỬ

Đứng ở một nguồn cảm thụ lực phát triển đến cực điểm như thế, Hàn Mặc Tử là nhà thơ Việt Nam

đầu tiên biết nghe ngóng những lời âm thầm của Tạo vật. Như nhà đại văn hào Nga Ivan Tourgueniew, Hàn Mặc Tử có một thính giác đặc biệt để nghe được cả hơi thở của một cành lá, hay tiếng chạm nhau của hai đường tơ ánh sáng :

*Đang khi màu nhiệm phủ ban đêm,  
Có thứ gì rơi giữa khoảng im,  
Rơi từ thượng tầng không khí xuống,  
Tiếng vang nhẹ nhẹ dội vào tim.*

*Ánh trắng mỏng quá không che nổi :  
Những vẻ xanh xao của mặt hồ.  
Những nét buồn buồn tơ liễu rủ,  
Những lời năn nỉ của hư vô.*

*Hãy quỳ nán lại, tiếng sao rơi  
Khua ánh trắng xanh động khí trời,  
Gió thổi hay là hoa thổi nhỉ ?  
Ô hay ! Người ngọc biến ra hơi !*

Và :

*Thu héo nức thành những tiếng khô,  
Một vì sao lạ mọc phương mô...*

Hơn hết cả thi hào trên thế giới, Hàn Mặc Tử đã phóng thoát cái bản năng loài người, cố lột được bao nhiêu cốt cách của loài người để mà ăn nhập vào với vũ trụ, để biến thành một hiện tượng của vũ trụ. Người đời xưa có lối khen : kẻ kia có tiên cốt. Hàn Mặc Tử lại thoát lên trên cái tiên cốt ấy nữa. Thi sĩ đã bọc trong vạt áo từng bọc vàng, đã

lặn hụp trong những vũng vàng trắng như con vịt trong hồ sen, và đã đắp trắng và ngủ một giấc đầy mộng. Thi sĩ đã từng chạy theo phương trời mà hứng những mảnh sao băng rụng, và may không hỏng chân mà chết như Lý Thái Bạch.

Không kém Bồ Tùng Linh, một tâm hồn bệnh hoạn khác, Hàn Mặc Tử có một nghệ thuật yêu quái, một ảo thuật đích thị cho nên dưới ngòi bút thi sĩ, những tư tưởng, những chữ, hóa thành linh động một cách dễ sợ, như dưới cái quyết của một viên phù thủy cao tay ẩn.

In lên trên tờ giấy trắng, ta thấy chùng như những lời ấy, những chữ ấy quẩn quại ngo ngoe, vất mình qua bên này, qua bên kia như những con lão trùng nào cứ nhô nhúc, đòi thêm ánh sáng và không khí. Trong sự hóa phép ấy, ta thấy có một cái gì rung rợn. Ấy là biểu hiện của thiên tài.

Ta hãy lấy một tí dụ nhỏ nhỏ để tả một mối buồn trông man mác, Hàn Mặc Tử có lần đã viết :

*Lòng ra ra mãi như hình nhớ thương.*

Thế rồi đối với thi sĩ, trước hết sự nhớ thương không còn là một cái gì vô hình, không phải là một ý tưởng nữa, mà chính là một vật hữu hình. Vật ấy nó phải dài như một con rắn, như một cây dây bọ, có cái đọt củ đưa tới trước mắt như để với cho tới một cái gì. Bây giờ ta thấy rõ ràng lòng của ta củ

trong bụng bò ra, truồn tới, củ truồn tới mãi, củ tự kéo dài ra mãi, giống hệt như một "con" nhớ thương.

Thật không còn gì dễ sợ bằng.

Một khi, như các bạn đã thấy, chàng đã viết :  
*"Anh thử đem hơi lửa cái thư này, xem có tiếng gì rên siết chẳng ?"*

Một khi khác chàng lại viết : *"Buồn dồn lại từng đống, đừng có ai đem đếm cho ai biết là bao nhiêu?"*. (*Khao khát*, thơ bằng văn xuôi). Một đặc tính của thơ Hàn Mặc Tử nữa, là chàng rất sợ trường về lối mà các cụ nho xưa của ta gọi là khẩu khí.

Ngày xưa, các cụ làm thơ khẩu khí để tỏ chí hướng của mình, hay là để cho người khác tưởng là mình có chí hướng lớn. Tự trung, khẩu khí của các cụ không quá cái mộng làm quan.

Kể về khẩu khí thì Hàn Mặc Tử chấp hết thầy đến hàng muôn trượng xa cách, vì đây là khẩu khí của một đấng siêu phàm. Giả một cụ xưa ta mà sống lại và đọc được thơ của Hàn Mặc Tử thì cụ mới đoán thế nào về con người ấy :

*Nhớ khi xưa, ta là chim Phượng hoàng  
Vỗ cánh bay chín tầng trời cao ngất,  
Bay từ Đao Ly đến thời Đâu Suất,  
Và lửa theo không biết mấy là hương.  
Lúc dâng vâng, gặp ánh sáng chặn đường.  
Chạm tiếng nhạc, va nhằm thơ thiên cổ,  
Ta lồi đình, thấy trắng sao liên mỗ :*

Sao tan tành rơi xuống vũng chiêm bao  
 Trăng tan tành rơi xuống một cù lao,  
 Hóa đài điện đã rất nên tráng lệ,  
 Ở ngôi cao ngước mắt ra ngoài bể,  
 Phong lưu ghé, sang trọng nở vừa chi !...

Ta có thể nói là bao nhiêu tài nghệ của Hàn Mặc Tử nằm trong khối khẩu khí vậy. (Xem lại bài *Chơi giữa mùa trăng*).

Được phú giữ một nghệ thuật diễn tả hết sức tài tình, văn thơ Hàn Mặc Tử có thể ví như lời Tô Đông Pha đã tự ví văn mình ; một nguồn nước chảy thao thao, quanh co uốn khúc, có khi lách nhẹ qua các áng hoa luống cò, nhưng đến khi cần cũng đục xẻ nổi cả những tảng núi sườn non, đánh đổ tất cả cái gì cản trở.

Tài nghệ diễn tả ấy sở dĩ được thế là vì thi sĩ có một khoa dụng ngữ tuyệt phẩm dồi dào, nó dung hòa cả những danh từ xưa và nay, những ngôn pháp Á và Âu, lại ảnh hưởng ở cả hai nguồn văn hóa Phật giáo và Thiên chúa giáo nữa. Ta nên nhớ rằng Hàn Mặc Tử là người theo đạo Thiên chúa. Mà đạo Thiên chúa là đạo nghiêm khắc nhất về phương diện tín ngưỡng. Ấy thế mà người tín đồ hết sức nhiệt thành ấy lại có gan sưu tầm đến cả những kinh điển nhà Phật. Thi sĩ nói : *"Tôi lợi dụng văn chương và triết lý nhà Phật để mà làm thơ thôi. Tôi dung hòa*

*cả hai thể văn chương tôn giáo : Thiên chúa và nhà Phật. Đó chỉ là muốn làm giàu cho nền văn chương chung"*. Một người đạo Thiên chúa nghiên cứu Phật học đến dùng được những từ ngữ Phật học như ở trong câu thơ vừa mới đọc ở trên đây :

*Bay từ Đạo Ly đến thời Đâu Suất.*

hay là :

*Đường nga quý chơi nhiều trung gấm vóc,  
 Bước êm ru như hoan lạc mới đư...*

hay là :

*"Ở đời chỉ có một hạnh phúc, làm chi có đến hai cánh Tịnh độ và Niết bàn"... (Kêu gọi. - Thơ bằng văn xuôi) thì kể cũng là một bậc kỳ tài không khỏi làm cho ta ngạc nhiên khâm phục vậy.*

## ÂM NHẠC TRONG THƠ HÀN MẶC TỬ

Một phần hết sức quan trọng trong việc tác thành giá trị và nghệ thuật của Hàn Mặc Tử là âm nhạc trong thơ của thi sĩ.

Người ta đã biểu đồng tình về chỗ phải công nhận rằng âm nhạc là nửa phần nếu không là phần lớn nhất trong giá trị của thơ. Phái tượng trưng của Stéphane Mallarmé thì lại đi xa hơn. Theo họ, thơ không có chi hơn là nhạc, nhạc trong những âm

thanh đọc lên nghe bổng trầm, réo rắt vào tai đã đành, mà nhạc cả trong lối viết, lối dàn chữ trên mặt giấy, y như những dấu hiệu trong một bản đàn.

Hàn Mặc Tử là nhà thi sĩ Việt Nam có cái nghệ thuật âm nhạc tài tình nhất. Trong suốt sự nghiệp thi ca, kể cũng đã là vĩ đại đối với đời ngắn ngủi của chàng, không có bài nào, đến cả không có câu nào làm ra mà không dóng theo âm điệu.

Đã đành rằng âm điệu, khi nó nằm trong lối thơ bảy chữ, bao giờ cũng phải là cái âm điệu đã được các thi sĩ nhà Đường tìm ra. Sự ấy hầu như đã thành một điều hiển nhiên bất di bất dịch, không còn bẻ bác được nữa. Cho nên hầu hết thơ bảy chữ của Hàn Mặc Tử, không kể bài thơ dài ngắn, đều đã theo luật bằng trắc của Đường thi.

*Trong làn nắng ửng, khói mơ tan,  
Đôi mái nhà tranh lấm tấm vàng,  
Sột soạt gió trêu tà áo biếc,  
Trên giàn thiên lý. Bóng xuân sang...  
Sóng cỏ xanh tươi gợn tới trời,  
Bao cô thôn nữ hát trên đồi,  
- Ngày mai trong đám xuân xanh ấy,  
Có kẻ theo chồng bỏ cuộc chơi...*

Một bài khác như bài **Đà Lạt trắng mờ**.  
*Đây phút thiêng liêng đã khởi đầu,  
Trời mơ trong cảnh thật huyền mơ  
Trăng sao đắm đuối trong sương nhạt,  
Như đón từ xa một ý thơ.*

*Ai hãy làm thỉnh chớ nói nhiều,  
Để nghe dưới đáy nước hồ reo ;  
Để nghe tơ liễu run trong gió,  
Và để xem trời giải nghĩa yêu.  
Hàng thông lấp loáng đứng trong im  
Cành lá in như đã lặng chìm.  
Hư thực làm sao phân biệt được ?  
Sông Ngân Hà nổi giữa màn đêm.  
Cả trời say nhuộm một màu trắng  
Và cả lòng tôi chẳng nói rằng.  
Không một tiếng gì nghe động chạm  
Dấu là tiếng vỗ của sao băng !*

#### THO ĐIỀN

Hay là bài **Đây thôn Vỹ Dạ**.  
*Sao anh không về chơi thôn Vỹ ?  
Nhìn nắng hàng cau, nắng mới lên,  
Vườn ai mướt quá xanh như ngọc,  
Lá trúc che ngang mặt chữ điền  
Gió theo lối gió, mây đường mây ;  
Giòng nước buồn thiu, hoa bắp lay.  
Thuyền ai đậu bến sông trăng đó ?  
Có chở trăng về kịp tối nay ?  
Mơ khách đường xa, khách đường xa.  
Áo em trắng quá nhìn không ra  
Ở đây sương khói mờ nhân ảnh  
Ai biết tình ai có đậm đà ?*

#### XUÂN NHƯ Ý

Thì thật là những bản âm nhạc hoàn toàn, đọc lên ta có cảm tưởng êm như gió thông reo trong một buổi mai tốt trời, và mát đến thấy dịu cả làn da mái tóc.

Sở dĩ tôi đã lựa hai bài ấy làm tí dụ, không phải vì đó là những bài hay nhất của nhà thi sĩ mà chính là vì trong mỗi bài ấy có một chỗ hòng mà tôi chắc các bạn đọc không ai hề để ý đến. Trong bài *Đà Lạt trắng mờ* cái vần thú nhất là không ăn nhập đâu hết. "*Dầu*" không thể vần với "*mơ*" với "*thơ*" được.

Cũng như bài thứ hai ; câu thứ nhất :

*Sao anh không về chơi thôn Vỹ.*

Câu ấy là một câu nói thường, chứ không thể là một câu thơ, "*Vỹ*" cũng không vần với "*lên*", với "*diên*" hay với "*ngọc*" được.

Như thế, vì sao người đọc thơ lại không thấy trái tai ? Là vì âm nhạc của bài thơ đã quán hết cả, áng hết cả, che chở hết cả chỗ sơ xuất. Tôi cam đoan rằng khi làm ra bài *Đà Lạt trắng mờ*, thi sĩ đã không biết rằng đã lỡ để cái vần "*dầu*" lơ lửng chông. Khi làm, nhạc thơ reo lên một lần với chữ thơ, cả bốn câu cùng tuôn ra một lượt không nghĩ lượng dẫn đo gì hết. Ấy chính là dấu hiệu của thiên tài.

Nhưng đến một lúc thi sĩ bỏ cả niêm luật, không cần câu kéo ngắn dài, không cần đến cả ý tứ mạch

lạc của lời thơ nữa. Người đọc có thể hiểu hay không hiểu cũng mặc.

Bây giờ nhà thơ chỉ cần có đóng âm thanh của những chữ, sắp đặt lại đôi tí cái bản nhạc đã reo đâu tụt trong lòng :

*Ta không nhấp rượu  
Mà lòng ta say.  
Vĩ lòng nao nức muốn  
Ghì lấy đám mây bay...  
Tế ra ta vốn làm thi sĩ,  
Khát khao trăng gió mà không hay.  
Ta đi bất nắng ngừng, nắng reo nắng cháy  
Trên sóng cànhr - sóng áo cô gì má đỏ hây hây.  
Ta rình nghe niềm ý bàng khuâng trong gió lãng  
Vội là hơi thở nồng nàn của tuổi Thơ Ngây.  
Gió nâng khúc hát lên cao vút  
Vần thơ uốn éo lách rùng mây.  
Ta hiểu ra rồi trong một phút  
Lời tình chơi vơi giữa sương hay,  
Tiếng vàng rơi xuống giếng  
Trắng vàng ôm bờ ao...  
Gió vàng đang xao xuyến,  
Áo vàng hờ thi chửa chồng đã mặc đi đêm,  
Theo tôi đến suốt xa miền  
Cối thơ, cối mộng, cối niềm yêu đương.  
Mây trôi lơ lửng trên giòng nước  
Đôi tay vốc uống quên lạnh lòng  
Ngà nghiêng đồi cao bọc trắng ngủ  
Đầy mình lốm đốm những hào quang.*

Hàn Mặc Tử là người đầu tiên đã tìm ra cái mà ta có thể gọi là quy luật cho lối thơ tám chữ. Trước nhà thi sĩ ấy lối thơ tám chữ làm ra còn lổn chổn, mặc dù ý thơ có thể đẹp, lời thơ có thể xinh, nhưng đọc lên nghe vẫn lủng củng không xuôi. Với Hàn Mặc Tử, âm nhạc lối thơ tám chữ đã trở thành vững chãi, rõ ràng. Ấy là nhờ sự tìm ra được rằng chỗ ngắt hơi (césure) trong lối thơ tám chữ phải nằm sau chữ thứ ba.

Chỉ trừ một vài câu, một vài câu thôi, trong ấy thi sĩ muốn đổi giọng cho thơ thêm sức mạnh, tỉ dụ như :

*Thơ trong trắng - như một khối băng tâm  
Luôn luôn reo - trong hồn trong mạch máu,  
Cho vỡ lở - cả muôn ngàn tình dẫu,  
Cho dề mê - âm nhạc và thanh hương  
Chìm hay tên ngọc - đá biết tuổi vàng,  
Lòng vua chúa - cũng như lòng lê ít...*

Còn bao nhiêu thơ về lối tám chữ của Hàn Mặc Tử đều vâng theo lệ ấy cả. Lệ ấy, ở đây, rõ rệt đến nỗi trong hầu hết các câu, thi sĩ đều đã dùng những dấu phết, dấu hỏi, dấu cảm thán để tỏ ra chỗ ngắt hơi của mình :

*Thượng thanh khí - tiết ra nguồn tình khí,  
Xa xuôi đời - trắng mọc nước huyền vi,  
Dây miên trường - vĩnh cửu tẻ phi  
Cao, cao vượt, - với hai hàng bóng vía.*

*Trời nhật nguyệt, - cầu vòng bắt tứ phía,  
Ôi Hoàng Hoa ! - Hồn phách đến nơi đây ?*

*Đàn cung bực, - gió vồn lên âm điệu,  
Sững lòng chưa ? - Say chấp cả thanh bai.  
Sang chơi thôi ! - Sang chơi thôi ! Mà ai ?  
Thu đây rồi ! - Bước lên cầu ô thước !*

### **Đừng cho lòng bay xa - THƯỢNG THANH KHÍ**

Hơn nữa, ba chữ đầu của mỗi câu thơ, thi sĩ thường hay dùng những chữ thuộc bình thanh, nhiều nhất là chữ đầu và chữ thứ ba thuộc trường bình thanh (không có dấu) còn chữ thứ hai thì thuộc đoản bình thanh (có dấu huyền). Những câu như sau đây là năng gặp nhất trong thơ Hàn Mặc Tử :

**Chim ngàn trắng đem tiếng lạ về ca  
Ca cầm ca tơ đồng vọng đàn ra...**

đọc lên nghe nhịp nhàng nhẹ nhẹ, dập diu như chiếc lá gió đưa.

Những câu như câu sau đây thì thật là những bản đàn dạo thật tình, nghe rõ ràng như là những tiếng tơ đồng rời khỏi các đầu ngón tay của nhạc sĩ mà đồng dâng lên, phương phi làm sao mà sang trọng làm sao ?

*Dây vườn trắng tình căng lên muốn đứt  
Thương toàn thương đương vây muôn giây hương...*

Nhờ đâu thi sĩ đi tới được một kết quả hoàn toàn như vậy ? Ấy là do sự lựa chữ, phần nhiều là chữ bằng và ăn vần với nhau, nó chồng chất lên nhau theo từng nhịp chặt chẽ.

Cũng như câu :

*À hă hă ! Say sưa chê chán dã !*

*Ta là ta, hay không phải là ta !*

thì trừ một hai chỗ không kể, còn mỗi chữ đều có một chữ vần với nó cả, xa gần tùy theo nhịp, làm câu thơ thành ra linh động như một con chim nhảy nhót từng tầng nhánh để lên đến một ngọn cây cao.

Riêng về một phương diện âm nhạc của thơ, ảnh hưởng của Hàn Mặc Tử trong làng thơ Việt Nam hiện cũng đã to tát, rõ ràng lắm.

Hàn Mặc Tử là một nhà thơ biệt lập hẳn ra một cõi, một cõi nguy nga đồ sộ, ngát hơi hương và vang tiếng nhạc, từ trên ấy, người cho chiếu xuống cái nước con thanh tú là làng thơ Việt nam những luồng ánh sáng đầy phép lạ, có cái tài lực biến hóa được những vật đã chạm đến.

Rồi đây, khi văn thơ Hàn Mặc Tử đã được in ra, đã được truyền bá một cách phổ thông thì làng thơ Việt Nam sẽ có thay đổi lớn nữa, sẽ bước vào một con đường mới, để chiếm thêm nhiều lãnh thổ tốt đẹp, quy tụ nhiều khi hậu thần tiên. Chúng ta sẽ được đưa vào những động Đào nguyên mới lạ, sẽ

được chở bay dạo trên những thượng tầng không khí chỉ có mây trắng là trắng, những cõi trời Dao Ly và Đâu Suất vô vàn diễm ảo.

Cuộc mạo hiểm hoàn toàn thành công, Lindberg đã vượt qua Đại Tây Dương bằng một cái cất cánh. Tha hồ cho các phi công kế tiếp sau theo gương đó mà đi chinh phục những bầu trời xa lạ khác.

Sau đây chúng ta sẽ thấy xuất hiện những danh từ, thành ngữ do Hàn đã chế tạo nên. Cách diễn tả trong văn chương sẽ phong phú, hùng cường ra nhiều. Lối hành văn sẽ đổi khác, nóng sốt hơn, tha thiết hơn, dày đặc hơn và linh động hơn lên, như một mặt bể dưới cơn dông hay một chiến trường khi hỗn chiến.

Hàn Mặc Tử là người đầu tiên trong thế kỷ thứ XX mở một cuộc cải cách lớn cho văn chương Việt Nam và thành công một cách vinh quang rực rỡ.

Còn như muốn tổng hợp lại mà phê bình Hàn, thiên tài, thân thể và thi nghiệp Hàn, thì tôi thấy không còn chỉ đúng hơn là mượn câu của Walt Whitman, nhà thi sĩ Mỹ đã được nhắc đến ở trang đầu sách, khi tác giả tập *Lá cỏ* (Feuilles d'herbe) phê bình Edgar Poe :

*"Có một lần, trong giấc chiêm bao, tôi thấy một chiếc tàu đi giữa biển, lúc nửa đêm, trong cơn bão. Đó không phải là một chiến hạm lớn hay một chiếc thương thuyền nào oai nghiêm, cương quyết lướt*

phong ba, mà nó lại giống một chiếc ghe mảnh như tôi đã từng thấy thả neo dựa nhẹ theo làn nước quanh thành Nữu Ước hay trong eo biển Long Ích Lăng, mà bây giờ thì nó vượt vùn vụt, không kể đường lối, buồm tan cột gãy, giữa đông tố dữ dội, và gió, và sóng ban đêm. Trên cầu tàu, một hình dáng mảnh khảnh, cao cao, xinh đẹp, hình dáng của một kẻ trầm sâu, hẩn hẩn như đang tìm sự vui sướng trong cơn kinh khủng, trong bóng tối và trong sự tàn phá mà chính hẩn là cả vừa trung điểm tâm, cả vừa người bị đưa ra làm mồi. Con người trong giấc chiêm bao ma quái ấy, có thể hiểu tượng cho Edgar Poe, cho thiên tài ông, thân thể ông, và thi phẩm ông, những thứ ấy, toàn thị cũng là những giấc chiêm bao ma quái nữa".

## THÔN TẤN

Năm 1940, Hàn Mặc Tử vừa được 28 tuổi. Khoảng đầu năm, một người đàn ông làm nghề chài lưới ở miệt Vạn Tấn (gần ven biển cách Quy Nhơn 4 cây số) năm trước mắc phải bệnh hủi hết sức nặng, tự nhiên thấy bớt đi một cách nhanh chóng lạ thường.

Vợ con người ấy đã về nhìn nhận chồng cha, và gia đình lại thấy lại vẻ sum vầy đầm ấm của thời mới lập nên. Việc lạ ấy đồn khắp cả Quy Nhơn và thấu tai gia đình Hàn Mặc Tử. Mẹ Hàn nguyên

trước kia cũng biết bệnh trạng người kẻ chài, vội vã tìm thăm. Người chài khai rằng nhờ uống thuốc ở nhà bà thầy Đ. ở cùng xóm. Mẹ Hàn băng mình đến tìm bà thầy Đ. Hai bên thỏa thuận để Hàn ở lại nhà bà thầy.

Bà Đ, rất tốt, biết thương người hiền lành, lại biết trọng đãi kẻ văn nhân. Bà biết nhà Hàn nghèo nàn, nên có khi thiếu tiền cơm thuốc đến ba bốn tháng bà cũng không hỏi.

Sáu tháng vừa qua, bệnh tình của Hàn khá lên nhiều lắm. Một lần chàng đi bộ từ Tấn về Quy Nhơn, khi vào nhà, mẹ chàng không nhìn ra con, vì Hàn mập mập trắng trẻo ra nhiều.

Tuy nhiên tiền cơm thuốc cũng không có đủ, mặc dù bà mẹ chàng rất tận tâm tận lực với con.

Ngày 20 tháng 7 năm 1940, Hàn Mặc Tử viết thư cho Trần Thanh Dịch.

"Dịch ơi ! Cuộc đời Trí rung rinh lắm rồi, hiện nay Trí khổ lắm, không có tiền uống thuốc, Dịch ạ ! Bệnh Trí mỗi ngày một khá nhiều lắm lắm, thế mà không biết làm sao có tiền để uống thuốc. Lâu nay Trí không mấy khi làm phiền gia đình về sự thuốc men nữa cả. Không bao giờ Trí nói cho ai biết cả. Người thầy thuốc có lòng thương Trí, cho Trí uống chịu thuốc, nhưng bây giờ họ cũng không thể cho nữa, vì họ cũng nghèo khổ quá".

Một bận sau nữa, không biết ai xui khiến chàng đến tìm bác sĩ G, giám đốc bệnh viện Quy Nhơn. Lần này là lần đầu tiên mà chàng đến cho một nhà y học tây khám xét. Bác sĩ G. tuyên bố rằng tỉ lệ Nguyễn Trọng Trí đã bị hư hỏng, có lẽ vì uống thuốc độc nhiều quá.

Từ hôm ấy, Hàn Mặc Tử yên trí là chàng không còn sống lâu được nữa. Một hôm với một lễ điếm tỉnh mà bà sương phụ phải lấy làm kinh dị, chàng nói với mẹ : - *"Mẹ ơi ! Con sắp chết nay mai. Con không sợ chết, mẹ ạ ! Nhưng nghĩ rằng con sẽ phải bỏ mẹ, con đau lòng quá !"*

Từ đấy, chàng không thiết đến một việc gì nữa. Chàng coi chàng như người không còn nữa. Đây lại là một đặc điểm làm cho nhà thi sĩ Việt Nam Hàn Mặc Tử giống thi sĩ Anh John Keats. John Keats, trong buổi sau cùng, càng không thiết gì đến đời, và thường tỏ ý coi sự chết như không. John Keats gọi mấy năm sau cùng của đời ngắn ngủi của chàng là cuộc đời sau khi đã chết (sa vie posthume). John Keats đến 27 tuổi thì mất. Hàn Mặc Tử 28. John Keats bảo người bạn thân tưởng tượng tả cảnh ngôi mộ của chàng sau này. Bạn chàng bảo là sẽ trồng đây hoa đồng thảo, John Keats cười nói : "Vâng, hình như tôi đang cảm thấy hoa đồng thảo mọc lên cả người tôi đây !" Hàn Mặc Tử hỏi Thanh Dịch về ý nghĩa của sự chết. Rồi chàng tự nói cái ý kiến của chàng. Chàng bảo đây là một ngưỡng cửa mà một

khi mình đã bước qua, mình sẽ có ý nghĩ tự đắc rằng giá mình không bước qua thì mình đại đột biết bao nhiêu. Thanh Dịch gửi cho chàng xem tập thơ không vần của Oscar Wilde, trong ấy nhà thi sĩ Anh ca tụng cái chết một cách rất tài tình. Hàn sung sướng lắm, cho là Oscar Wilde đã dọn cho chàng một con đường hết sức tốt đẹp để chàng làm cái cuộc "nhất khứ bất phục phản".

Có một điều lạ mà chúng ta nên chú ý qua là đời Hàn Mặc Tử giống nhiều thi sĩ Đông, Tây. Đời Đường thi có Vương Bột, nhà thơ bất tử của Đường Vương Các bị bỏ mình trong làn sóng bạc cuộn cũng khi tuổi mới 28. Vương cũng như Hàn nằm mà làm thơ, khi nào thành bài xong xuôi mới dậy chép lại (phúc cáo).

Ở Pháp có Gilbert về thế kỷ thứ XVIII. Gilbert cũng là một tâm hồn đau thương, cũng chết trên một chiếc giường gỗ mục trong một bố thí viện, cũng thọ 28 tuổi, và là người viết mấy câu thơ :

*Au banquet de la vie, infortuné convive,  
J'apparais un jour et je meurs  
Je meurs et sur la tombe où lentement j'arrive,  
Nul ne viendra verser des pleurs.*

Dịch tạm :

*Là thực khách đau thương trong tiệc sống  
Ta hiện ra một lúc để chết thôi,  
Ta chết rồi bên nấm mồ trơ trống,  
Không người mô đến nhỏ lệ đầy vơi.*

Thì Hàn Mặc Tử lại chẳng đã viết những câu :

*Một mai kia ở bên khe nước ngọc,  
Với sao sương, anh nằm chết như trăng.  
Không tìm thấy nàng tiên mô đến khóc,  
Đến hôn anh và rửa vết thương tâm !*

### DUYÊN KỲ NGỘ

Bây giờ, nhà thi sĩ đã sẵn sàng để đợi chết. Đối với Trần Thanh Dịch là người không bao giờ chàng che đậy một ý nghĩ nào, bây giờ chàng cũng đổi giọng . Ngày 18-8-1940 chàng viết : "*Trí có nhận được thư Dịch rồi, bữa vào đây, ha ha, tại làm sao Dịch lại khóc trong khi Trí cười vui vẻ thế này ! Trí có đi đến Médecin Chef để khám bệnh và rất được ông ta thương yêu. Hiện nay Trí nghe lời ông không uống thuốc nữa để bồi dưỡng cho mạnh rồi có đi cưới vợ nữa chứ ! Ha ha !*".

Cũng ở thôn Tấn, có một ông lang danh tiếng về tài trị các bệnh thông thường. Mẹ con Hàn Mặc Tử, tìm đến cho ông chẩn mạch cho Hàn. Ông ta cũng nói một lời như bác sĩ G. là ngũ tạng Hàn bị thương tổn dữ lắm. Ông thảo đơn thuốc bổ rồi trao cho mẹ chàng, người đàn bà con nhà Chánh, Phó ngụ ý đã mấy đời ấy. Không hay làm thuốc, nhưng khi bà cụ ghé con mắt bé tí tí và hiền hậu ấy vào tờ giấy sục, cũng biết là vị thuốc gì bổ gan, vị thuốc gì bổ thận. Bà bổ về, tự tay sắc lấy cho con. Hết một thang. Hết hai thang. Đến thang thứ ba, bỗng

nhìen Hàn Mặc Tử nổi cơn sốt rét, rồi chứng bệnh kéo về rừng rùng, những chỗ nhúc nhối ngày trước lại lở lói ra ; cánh tay sưng lên ; ở lỗ tai chảy mủ một thứ nước vàng ; ngón tay, ngón chân co rút vào lại lần cuối cùng để mà không thẳng ra bao giờ nữa.

Bà Đ. thất vọng, và tiền nợ thiếu lại vẫn còn nhiều, bà không dung nạp Hàn nữa. Lại thêm bọn lý hào trong làng dè thu điểm chỉ. Ngày 8 tháng chín 1940, Nguyễn Trọng Trí phải đưa vào bệnh viện Quy Nhơn để khám xét. Tắm "phích" của sở thí nghiệm chứng nhận chàng "quả mang bệnh hủi có sâu". (Lèpre bactériologiquement confirmée).

Ngày 20 tháng chín, trong một buổi sáng tinh sương, âm u và đầy hơi lạnh của mùa thu, Hàn Mặc Tử lau nước mắt bước lên chiếc xe cam nhông trùm màn vải xám tro bọc kín như một chiếc chăn liệm. Xe mở máy nhả ngà Quy Hòa tiến tới trong khi người bệnh lung lẻo trông lui, nhìn lần cuối cùng cái hình ảnh của sum hiệp và nhìn lần cuối cùng cái hình ảnh thân yêu của mẹ già lòm khòm, của người chị hiền lành, của bảy cháu ngây dại, xót xa bụi ngùi như một tên tù bước chân lên đường đi đày để đến một hòn hoang đảo, ở đấy hẳn biết rồi sẽ muôn năm gửi năm xương tàn.

Thì ra cái cảnh tượng chia ly mà ngày xưa đã có lần chàng cảm thấy ở trong tường tượng và đã xui chàng tả nên những cân não nùng tha thiết, nay lại rõ ràng với tất cả những chi tiết của nó :

*Trời hỡi ! Bao giờ tôi chết đi ?  
Bao giờ tôi hết được yêu vì ?  
Bao giờ mặt nhật tan thành máu,  
Và khối lòng tôi cũng tợ si ?*

*Họ đã xa rồi khôn nín lại,  
Lòng thương chưa đã mền chưa búa !  
Người đi, một nửa hồn tôi mất,  
Một nửa hồn tôi bỗng dại khờ !*

*Tôi vẫn còn đây hay ở đâu ?  
Ai đem tôi bỏ dưới trời sâu...  
Sao bông phượng nở như màu huyết  
Nhỏ xuống lòng tôi những giọt châu ?*

## QUY HÒA

Thành phố Quy Nhơn có thể ví như một vành móng ngựa nằm lọt giữa ba mặt núi vây quanh của dãy Trường Sơn. Mặt trước là biển. Quy Hòa nằm ở mút đầu phía bên mặt. Đứng ở Quy Nhơn, trông ra xa, thăm thẳm mù mù, người ta có thể thấy màu đỏ của mái ngói nhà thương phong.

Người ta đến đây do một con đường đèo cao chót vót : qua hết đèo là xuống một thung lũng rộng, toàn là trồng thứ dừa Bình Định, thân cao và rất sây trái, nó cho chỗ đất ấy một cái tên đã rất nên thơ : Vũng Dừa.

Dân sự làng Quy Hòa trước kia gồm chừng năm chục nóc nhà rơm lợp xúp, quanh năm nhờ vào món túc lợi của nghề trồng dừa. Nhưng từ khi nhà thương Quy Hòa thành lập thì họ phải lui dần vào phía trong.

Người du khách phải xuống hết dốc đèo tức là đến chỗ địa đầu làng Quy Hòa, sẽ thấy ngay một khóm nhà nằm bên đường, trên mô đất cao, ở đấy luôn luôn có người ở để giữ ngõ ra vào, như tên lính canh cửa ải biên thù, để cấm người bệnh ở trong trốn ra ngoài.

Bây giờ ở trước mặt ta, bày ra cả một bức toàn cảnh ngọt 500 mẫu đất, một tám thảm cỏ xanh bao la, ở trên ấy nổi bật lên mười tòa nhà mái ngói đỏ lòe, nhô cao lên trên một rừng bích đào quanh năm trở hoa nhuộm màu hồng phấn dịu cả một vùng thên thang rộng, chạy từ ba phía núi tím nâu ra đến ngay mặt bể mà màu lam cứ chịu theo sắc trời, đậm nhạt. Xen lẫn vào màu hồng của đào hoa, còn có sắc vàng của mấy dãy trại lợp mái rơm (rơm chú không phải tranh) của người hủi ở, và sắc trắng tinh của những con đường trải đá phẳng lý, bao giờ cũng sạch như mặt người học sinh ngày tựu trường.

Vừa mới để chân lên cái đất đặc biệt ấy khách liền bị các cư dân nhìn lật mặt, ngờ khách là một kẻ đến tăng số đinh cho làng.

Vì ở đây, người như khách đã thuộc về một loại người riêng, một loại người mà họ gọi là "người mạnh".

Ở đây, người ta nói : "Người mạnh thỉnh thoảng cũng có vào buôn bán". Về phía tây Quy Hòa "phía trên gió", trên một chóp đồi cao, có vài ba túp nhà tranh. Khách có hỏi là nhà ai, thì họ đáp : "Ấy là nhà của "người mạnh", bồi bếp của các bà Phước".

Dàn ra hai bên đường rộng, phân cách nhau bằng những hàng rào xương rồng cắt rất phẳng, những chiếc nhà, gồm mấy dãy trại ấy, vuông vắn nhỏ nhai, đều làm theo một kiểu, bằng phen trúc trịch tô vôi chạy viền đỏ, trông có vẻ như những gian hàng của hội chợ nào.

Cách trang hoàng có hơi khác nhau, tùy theo sự giàu nghèo của chủ nhân. Nhiều nhà, ngoài sân có đủ bể cạn, non bộ, cây cảnh, và bên trong thì bàn ghế chùi láng bóng như để chờ những vị quý khách nào. Có nhà treo hoành trướng, liễn đối, gương dựng, và có cả những bức ảnh đóng khung rất kỹ của chính chủ nhân thuở đang còn là "người mạnh". Người hủi có thể trong một lần nhìn ảnh cũ của mình và soi bóng trong gương để kiểm soát lối đi của bệnh trạng. Người ta thấy trong sự ấy cả một thái độ nhẫn nại anh hùng rất Đông phương.

Một gian nhà cao rộng, có nhiều cửa, ở trong có bàn ghế và một chiếc trống to cho khách biết rằng trại hủi cũng không thiếu trường học. Khách bước vào. Một lớp học nhóm họp đủ các hạng tuổi học trò, từ mười hai, mười lăm cho đến bốn năm mươi. Một nhà mô phạm chỉ lần từng chữ một trên bảng

đen bằng một cái vật xưa kia chính là cánh tay đấy, nhưng bây giờ nó chỉ là một thanh cùi, khó mà tả cho hết cái rùng rợn ghê quái nó đang mang.

Khách vớ một quyển vở nhơ bẩn mà góc mỗi tờ đều vàng vọt và cuộn tròn lên hay xơ xác cả ra, và khách đọc những hàng viết tập như thế này : "Chúng ta phải kính trọng đức Chúa Trời". "Chúng ta phải thương yêu cha mẹ", hay là những câu mà sự ngớ ngẩn vô tình chỉ đem lại ở đây một mối ngậm ngùi chua xót : "Chúng ta phải chăm lo học, cho đáng hơn người và để giúp ích cho xã hội !".

Trại hủi chia ra nhiều xóm, mang mỗi xóm mỗi tên, cũng như các đường. Có xóm Độc Thân, trong mỗi nhà ở đến bốn người, hoặc đàn ông không vợ, hoặc đàn bà không chồng. Có xóm Đôi Bạn (nên thơ và dễ thương làm sao ! ) thì trong mỗi nhà chỉ ở độc hai vợ chồng phong cui cút với nhau. Nếu khi nào sự sum vầy trong nền hạnh phúc tương đối ấy có kết quả, thì các bà Phước cai quản nhà thương đã chục sẵn mang ngay đứa bé đi một khu khác, đến một nhà lầu cao rộng, xây riêng để nuôi trẻ con của người bệnh đẻ trong trường hợp như vừa nói.

Thành thử những cha mẹ hủi đẻ xong con ra thì không bao giờ được thấy mặt chúng nữa, và về sau, ví có đứng xa xa mà nhìn lên cái nhà lầu cao rộng kia, ví có thấy bóng dạng cười đùa của một bầy trẻ tốt tươi khỏe mạnh, thì họ cũng không biết được trong ấy đứa nào là con mình. Chung quanh nhà

Mồ Côi (người ta vẫn gọi nhà ấy là nhà Mồ Côi, tuy có đôi phần sai, nhưng chính sự sai ấy mới là cảm động) trong một đường bán kính chừng trăm bước người bệnh không được thắp thoáng đến. Trừ chỗ ấy ra, người bệnh có thể dạo chơi khắp vùng. Vì thế mà du khách có thể thấy trên những đường đá đánh chữ thập trắng, trên thảm cỏ xanh, dưới rặng bích đào phơi phới, trong một bầu khí hậu quanh năm êm đềm thanh khiết, dạo rong những người không mắt, không mũi, có những lỗ tai voi, hay có một cặp môi phồng lên như hòn đá bọt, trùm che cả mặt. Những người ấy chập chùng đi trên hai cổ chân không có bàn, như kẻ đi cà kheo, và vụng về hái hoa, - hái làm gì ? - với những bàn tay không có ngón. Thỉnh thoảng có một vài bóng dạng của các bà Phước về dòng thánh François d'Assise vội vàng đi qua, tha thuật dịu dàng trong màu áo trắng tinh của mũ áo, với những bộ mặt hồng hào, quả là những đấng thiên thần, luôn luôn phân phát cho những người bệnh gặp qua ngang những nụ cười tươi dịu, đầy an ủi và đầy tình thương ; cả cảnh ấy, cả người ấy hợp lại thành một bức phong quang ly kỳ, siêu việt không khỏi gây cho khách du ngoạn một mối cảm kích bàng hoàng. Hãy thêm vào đấy một hồi chuông chiều dóng tự nhà sảnh đường nguy nga của bệnh viện, cùng hợp sức với tiếng sóng ở bể ngoài mà rền lên, như van lơn, như kêu gọi lòng người trở về chính đạo, thì người viễn du không thể

không cảm thấy tâm hồn nao nao, chỉ muốn sụp xuống đất, chấp tay cầu nguyện đức Chúa Trời mà tự xin nhận làm tội tớ.

Từ khi Hàn Mặc Tử vào nhà thương Quy Hòa, vì bệnh tình chàng quá nặng, nên người ta đưa thẳng chàng vào bệnh viện chính, chứ không để ở nhà riêng ngoài trại.

Lúc bấy giờ, trông thân thể nhà thi sĩ thật là thảm thê. Tuy mặt mày chàng không bị chứng bệnh tàn phá đến nổi nhàu nát hay hóa nên quái gở, nhưng da thịt bầm tím lên hết thảy, *"hai mắt nằm lọt vào hai lỗ hũm sâu hoắm, đến không còn mở ra được. Thân hình chỉ có da bọc xương, chân tay thì co rút lại, mà đầu tóc bù xù rối rết lại từng vể, trong ấy nhô nhúc những chỉ là chỉ !"* (Thư của ông Nguyễn Văn Xê, đề tại Quy Hòa ngày 25 - 3 - 1941).

Bệnh tình nhà thi sĩ trầm trọng cho đến nỗi qua chiều hôm sau, 21 tháng chín 1940, thì chàng ngắt lịm đi mà miệng thì cứ kêu khe khẽ những tên cực trọng "Giêsu ! Maria ! Giusê !" luôn. Các bà Phước được tin đều đến đủ mặt rồi cho rước cha tu tế (aumônier) xuống rửa tội và làm phép sức dầu thánh. Khi ấy thì Hàn Mặc Tử đã bất tỉnh nhân sự, không còn hay biết gì nữa. Tuy nhiên, đến khuya chàng lại tỉnh ra, cựa quậy được, chàng ra hiệu nhờ một người sĩ đọc kinh cho nghe. Thế rồi chàng sống lại dần dần. Chàng nằm liệt trên giường bệnh, khi tỉnh, khi mê, hơn một tuần như vậy, trong thời kỳ

ấy hể lúc nào khỏe thì chàng hỏi sách đọc, và bắt đầu làm quen với những bạn đồng bệnh đầu tiên đến thăm mình.

Hàn Mặc Tử xưa nay vẫn là người hiền lành nhả nhận, đối với bất kỳ ai, cũng đều có lễ độ, nên không mấy lúc mà chinh phục được lòng bao nhiêu người ở trong nhà thương, từ các bà phước, đến người bệnh.

Cách mười ngày sau, chàng đã dậy đi ra ngoài được. Bảy giờ thì lại đến lượt chàng đi thăm và an ủi anh em, chị em đồng bệnh khác. Chàng vui vẻ, ăn nói đậm đà, ưa đùa bỡn với bạn mới, biết lựa lời để cho vừa ý từng người.

Lòng trắc ẩn, tình nhường nhịn ngày xưa vẫn không bỏ chàng trong lúc này. Nhiều khi trong túi có một đồng, năm bảy hào của nhà gửi vào mà chàng thấy không cần dùng lắm, thì chàng đem chia cho các bạn nghèo túng hơn. Có một dạo, gia đình chàng trong Quy Nhơn gửi ra cho chàng hai cặp áo quần vải trắng mới. Một tuần sau, có người vào thăm, trông thấy chàng vẫn mặc bộ áo quần đen cũ của những ngày ốm liệt, lấy làm lạ, gạn hỏi, thì chàng bảo là cất kỹ "để khi nào về thăm nhà sẽ mặc áo cho oai". Nhưng người nhà đã biết tình chàng, đã rõ mặt cái người đi Sài Gòn với một chiếc valy đầy để trở về nhà với hai tay không và đầu không mũ ấy. Họ phát nghi hung, và hỏi riết, chàng mới đành thú là cho lỡ một người ốm rồi.

Từ khi Hàn Mặc Tử vào bệnh viện Quy Hòa, chàng không nói việc ấy cho ai biết hết. Các bạn bè chàng có gửi thư cho chàng, cũng đề theo địa chỉ ở Quy Nhơn. Không hiểu vì sự ngần ngại gì, bao giờ nhà thi sĩ cũng giấu kín những tin kinh khủng đã xảy đến cho mình. Có lẽ theo ý chàng nghĩ, tin chàng vào Quy Hòa sẽ làm cho các bạn chàng khiếp sợ ghê tởm chăng ? Dầu sao trong thư chàng gửi trả lời cho bạn - những thư bảy giờ cũng thừa thốt vẫn tất nhiều - có khi chàng vô ý để lộ sự chàng đã sống cách biệt với đời thường.

Ngày 8-10-1940, chàng viết cho Trần Thanh Dịch hỏi : "*Mới rồi Trĩ có viết thư cho Dịch, Dịch nhận được chưa ?*". Ngày 21 tháng 10, chàng báo tin cho Trần Tái Phùng là bao nhiêu thư Phùng gửi cho chàng, chàng đều nhận được cả.

Người không hiểu cảnh ngộ đặc biệt của chàng có thể cho những lời nói ấy là ngớ ngẩn. Một hôm trần trọc không ngủ được, chàng lồm cồm ngồi dậy soạn giấy bút viết một bài văn bằng chữ Pháp, đề ca tụng nhân đức của các bà Phước dòng Francis-caines là những người đã săn sóc đến chàng. Bài ấy cất mãi trong túi, đến khi mất, người ta đến liệm mới thấy. Ấy là bài văn cuối cùng mà chàng đã viết.

Theo lệ, đồ vật gì của người hủi chết đều phải thiêu hủy cả, bài văn kia cũng phải chung số phận ấy ; nhưng người bạn đồng bệnh mới và hết sức trung thành là Nguyễn Văn Xê đã kiếm được cách

chép lại để dành. Tôi xin chép ra đây, gọi là ghi tạc dấu tích sau cùng của một thiên tài :

### LA PURETÉ DE L'ÂME

Anges du ciel, anges de Dieu, anges de paix et de gaieté, apportez-moi une couronne.

Je veux baigner dans l'Océan de lumière et d'amour divin.

Car ici-bas s'accomplissent des miracles qui tiennent les hommes muets d'admiration en contemplant l'oeuvre mystique du Très Haut.

Anges du ciel, anges de Dieu, anges de paix et de gaieté, voyez-vous cette lueur diaphane qui se précise cette blancheur de neige, cette forme immaculée, cette âme apparue au monde ?... Je crois dès le premier abord que c'est l'esprit des saints, la poésie, la quintessence de la prière, qui au lieu de s'exhaler en parfum et en éther, prend la modeste résolution de se faire créature !

Anges du ciel, anges de Dieu, anges de paix et de gaieté, applaudissez : car ce sont les Mères et Soeurs de Saint Francois d'Assise qui descendent au monde pour calmer les douleurs et les peines des faibles mortels, des malades et des lépreux tels que nous sommes.

Je veux chanter des louanges, me désaltéret de leurs douces paroles quand elles chautent :

Hosanna ! Hosanna !

Je veux toujours admirer cette blancheur immaculée, cette fraîcheur, cette lumière, cette poésie, car tout cela est l'emblème de la

### PURETÉ DE L'ÂME !

Anges du ciel, anges de Dieu, anges de paix et de gaieté, lancez - vous des roses et des nénuphards, des chants mélodieux et des notes embaumées et versez avec effusion les vertus, le courage et le bonheur parmi les servantes de Dieu.

FRANCOIS TRÍ

Nuit de Mercredi

Déo gratias

24 Octobre 1940

Dịch :

*Hỡi các vị thiên thần của Trời, thiên thần của Chúa, thiên thần của hòa bình và hoan lạc, xin hãy mang lại cho tôi một vòng hoa.*

*Tôi muốn tắm trong bể ánh sáng và lòng yêu kính thiêng liêng.*

*Bởi vì dưới cõi trần gian, đã thành tựu nhiều phép lạ nó làm cho người ta phải ghen ngào vì khâm phục khi ngưỡng vọng cái sự nghiệp thầm kín của đấng Tối Cao.*

*"Hỡi các vị thiên thần của Trời, thiên thần của Chúa, thiên thần hòa bình và hoan lạc, các người có thấy cái ánh sáng trong mơ màng càng ngày càng rõ rệt, cái màu sắc trắng tuyết kia, cái hình hài không vết bợn kia, cái linh hồn hiện lên nơi cõi thế kia,*

ngay khi mới thấy, tôi đã chắc đó là cái hồn phách của các vị thánh, các thi tử, cái tinh hoa của sự cầu nguyện đáng lẽ thì bốc lên hương thơm và tinh khí, nhưng đây chỉ khiêm tốn quyết định hóa ra Người.

Hỡi các vị thiên thần của Trời, của Chúa, thiên thần hòa bình và hoan lạc, xin hãy vỗ tay lên : bởi vì đó là các Mẹ và các Chị dòng Saint François d'Assise, xuống cõi trần gian để an ủi những đau khổ, lo âu của loài người yếu đuối, của các bệnh nhân tàn tật, của những kẻ phong hủi là chúng tôi đây.

Tôi muốn ca lên những bài khen ngợi, hứng uống cho thật đã những lời êm dịu của các bà, khi các bà đồng hát bài thánh ca : Hosanna ! Hosanna ! (xin cứu với, xin cứu với !).

Tôi muốn bao giờ cũng thần thưởng cái hình thể trắng tinh không vết ấy, sức tươi mát, nguồn ánh sáng, bầu thơ ấy, vì tất cả đó là biểu tượng của

### TẮM LINH HỒN THANH KHIẾT

Hỡi các vị thiên thần của Trời, thiên thần của Chúa, thiên thần hòa bình và hoan lạc, xin hãy ném cho nhau những đóa hoa hồng, hoa súng, những điệu hát réo rắt và những hơi nhạc thơm tho, và xin hãy tưới trức cho trần trề nào là đức hạnh, can đảm và hạnh phúc cho những vị nữ tỳ của Đức Chúa.

*Đêm thứ tư 24 tháng mười 1940*

FRANCOIS TRÍ

*Cảm tạ Thượng đế.*

Từ đây, chứng bệnh cứ tăng lên mãi, làm cho chàng không dậy được nữa, những cơn sốt dữ dội khiến chàng mê man bất tỉnh hay nói sảng huyền thuyên. Nhưng đến lúc mạch máu dịu lại thì chàng tỉnh táo ngay, mặc dù thân thể đau nhức vô cùng chàng vẫn không rên xiết, chỉ thỉnh thoảng lại nói : "E tôi chết mất". Chàng đòi xem sách. Với một ý nghĩa sâu xa, Nguyễn Văn Xê lựa giùm cho chàng ở thư viện quyển sách *Dọn Minh Chết*. Xem xong sách, chàng có vẻ bình tĩnh hơn, chàng đọc đi đọc lại câu "Kính lạy Đức Mẹ hằng cứu giúp, xin thương con với !". Chàng viết sẵn một cái thư dặn Xê khi chết rồi thì nhờ gửi cho mẹ chàng ở Quy Nhơn. Ấy là mấy hàng vĩnh biệt người mẹ thân yêu và tạ tội bất hiếu của chàng, vì đã phụ phàng công lao dưỡng dục.

Ngày 11 tháng 11 - 1940, vào lối bảy giờ sáng, bệnh tình chàng có giảm hơn mấy ngày trước, chàng nằm yên, vẻ mặt tươi, tinh thần tỉnh táo lắm. Anh em đồng bệnh đến thăm, chàng gọi đích từng tên, và tỏ vẻ đặc ý với bạn rằng trí não chàng không suy kém. Người ta xúm quanh, ân cần săn sóc, chàng đều hỏi han trò chuyện vui vẻ. Chàng bàn đến qua sang năm đồng rủ nhau xin phép đi Huế chơi và dự lễ kiệu đức bà La Vang ở Quảng Trị. Bên cạnh thi sĩ, có một người sĩ (cũng là người bệnh) đọc kinh luôn luôn, vì tuy bề ngoài như thế, nhưng ai cũng đã hiểu rằng cái lúc cuối cùng không còn bao xa nữa. Đến tới 11 giờ trưa thì Hàn Mặc Tử nhắm mắt, nói : "Thôi, bây giờ nằm nghỉ một chốc, kéo này giờ

nói chuyện mệt". Thế là nhà thi sĩ ngủ luôn, không còn thức lại đời này nữa.

Được tin người bệnh số hiệu 1134, tên Nguyễn Trọng Trí chết, bà Giám đốc và các bà Phước dẫn để xác đến một giờ chiều mới cho phép liệm, đến hai giờ rưỡi thì đưa vào nhà thờ làm lễ, xong đem chôn ở đất Thánh Quy Hòa. Đám đưa đơn sơ lắm. Người nhà Hàn Mặc Tử không ai hay biết gì hết. Chỉ có một ông chức việc, hai người sĩ và người bạn không rời là Nguyễn Văn Xê đi theo.

Nghĩa địa ở đất Thánh Quy Hòa nằm xuôi theo sườn núi phía tây, trải rộng trên một mảnh đất vuông ước ba sào. Mộ của người hủi được chôn theo thứ tự ngày chết, và un lên từng nắm dài như một đoạn vòng khoai. Một giá thập tự gỗ dựng lên ở đầu mỗi mộ, ở xa trông chỉ chút như nghĩa địa của tử sĩ dựng ngay giữa một bãi chiến trường nào.

Gia đình người hủi nào giàu có thì cho dựng những chiếc giá bằng vôi, có chạm tên tuổi, ngày chết của người nằm đấy. Mộ Hàn Mặc Tử chỉ có một chiếc thập tự làm bằng hai que củi đóng một cái đỉnh ở giữa. Mười tháng sau khi thi sĩ mất, chiếc thánh giá đồ đầu cho mộ chàng đã sụp đổ. Thì ra từ khi người ta đã đắp lên thi thể bị tàn phá của thi sĩ một nắm đất khô khan, không có lấy một người nào từ ngoài đời sống kia chịu vào đấy mà xem thử mộ kẻ thân yêu mình ra sao nữa. Sự ấy tôi đã hỏi chắc chắn ở bà mẹ Marie de Saint Venant và ở anh Nguyễn Văn Xê. Không một ai hề

cảm thấy xoắn vó và bị thúc giục do tính hiếu kỳ nữa kia đấy. Mẹ nhà thi sĩ là một người sương phụ già yếu quá rồi. Bà có quyền tránh trút một mối thương tâm đã không ích chi mà còn rước thêm vào buồng tim đã tan nát từ lâu. Nhưng còn những em trai đã thành niên của thi sĩ ? Còn bạn bè thân thích ở quanh vùng ? Còn các môn đệ thường say mê tài nghệ của bậc thầy mà họ từng coi như một vị á thánh ?

Thì ra Hàn Mặc Tử đã tham lam nhiều quá, đã đòi hỏi quá nhiều, khi chàng bảo :

*Không tìm thấy nàng tiên mô đến khóc,  
Đến hôn anh và rửa vết thương tâm.*

Như Gilbert thế mà lại thiệt thực hơn, ít ra cũng thích hợp với trường hợp hiện giờ hơn.

Nhưng nghiệm lại cho chín, hay là Hàn Mặc Tử nói khẩu khí chơi thế mà thành sự thật ? Và ai xui nên sự tình cờ màu nhiệm chi, để cho câu thơ than gió khóc mây ấy mà lại trở nên một lời tiên tri bảy giờ thành tựu ? Vì nàng tiên ấy đã hiển hiện hoàn toàn nơi bà Mẹ Marie de Saint-Venant, phó giám đốc bệnh viện Quy Hòa khi bà đưa tác giả tập sách này đi quan chiêm ngôi mộ nhà thi sĩ trong một ngày đầu thu năm vừa qua. Nơi bà ấy, mà chúng ta không còn có phép khêu gợi cái sắc đẹp và cái tuổi trẻ hiện thời vẫn đang lộng lẫy, nơi bà ấy chỉ là dịu dàng, chỉ là trong sạch, chỉ là nguồn Đạo Hạnh hoàn toàn, - một nàng Tiên, tôi đã nói.

Tiếp theo câu chuyện về "những buổi sau cùng của Francois Trif" mà bà kể cho nghe, câu chuyện của "con người nhỏ nhoi làm sao, lễ phép làm sao và chỉ thành làm sao" ấy (il était si petit, si poli et si bon chrétien) bà trở nắm cát khum khum mà bảo :

- Rồi thế đấy ! Bây giờ thì anh ấy nằm đây, nằm nghỉ yên tĩnh để đợi ngày Phục Sinh.

Vì trời lại đổ xuống một trận mưa to, (ở đây về tiết thu, thì cứ cách vài giờ lại có một trận mưa ngắn) tôi xin bà Marie cú về trước một mình, vì tôi thấy cần phải ở lại ít chốc.

Dưới cơn mưa thu rào rạt, tôi suy nghiệm đến cái cứu cánh của một thiên tài. Có lẽ trong giờ này Hàn Mặc Tử, theo nh lời bà de Saint-Venant đã "phục sinh" trong trí nhớ những người hâm mộ thơ chàng. Nhưng mà khi nghĩ rằng, cái phần sửa lại cho ngay chiếc giá chữ thập mộc nát kia lại lọt về cho tôi, một du khách từ phương xa đến, cái ý nghĩa ấy không khỏi khiến cho lòng tôi bồi hồi. Tôi vẫn biết trước, trong một ngày không lâu, người ta sẽ dành nhau cái vinh dự xây dựng cho thi sĩ Hàn Mặc Tử những chiếc thánh giá vĩ đại, đến cả những lăng tẩm nguy nga nữa. Nhưng mà cái viễn ảnh tươi đẹp ấy hiện bày giờ vẫn không an ủi được một tấm lòng ngậm ngùi trước cảnh tàn tạ thể lương của một cuộc an nghỉ cuối cùng.

## PHẦN THỨ HAI

### ĐÔI NÉT VỀ HÀN MẶC TỬ

*Quách Tấn*

## LỜI DẪN

Trong số các nhà thơ đương thời, Quách Tấn (1911 - 1993) có lẽ là người đã viết nhiều hơn cả về người bạn đã mất sớm. Lý do có nhiều, mà một trong các lý do là ở chỗ trước khi mất, Hàn đã giao cho Quách việc in lại các tác phẩm của mình ; rồi cũng vì việc ấy, mà xảy ra vụ kiện năm 1942, một vụ kiện nổi tiếng bậc nhất trong lịch sử văn học đầu thế kỷ. Sau hết, Quách Tấn còn tham gia vào một việc rất quan trọng về sau có liên quan đến Hàn Mặc Tử, đó là việc cải táng xây lại mộ phần nhà thơ xấu số.

Các sự kiện trên và nhiều sự kiện khác sẽ được kể lại khá đầy đủ trong thiên hồi ký dưới đây các bạn sẽ đọc. Hầu như tất cả các chi tiết chính có liên quan đến cuộc đời Hàn, đều được đã động tới, có điều nó khác với cách viết của Trần Thanh Mai : Một bên là những kỷ niệm mang tính cách chủ quan của một người bạn, một bên là những dữ kiện khách quan, kết quả của một quá trình điều tra suy xét đối chiếu của một nhà nghiên cứu. Quả là có nhiều chi tiết, mà chỉ mình Quách Tấn biết, và ở đó, người

ta không sao kiểm chứng được. Nhất là khi Quách trường lão lại đã lưu ý ngay từ đầu, là mình chỉ nhớ đâu viết đấy, miễn lòng thành thật với lòng. Chúng tôi cho rằng, trên từng chi tiết trong cuộc đời Hàn Mặc Tử, rồi ra, một người nào đó muốn viết chân dung hoặc tiểu sử thi sĩ, sẽ phải đối chiếu Trần Thanh Mai và Quách Tấn để tìm ra sắc thái tối ưu, thích hợp với Hàn Mặc Tử.

Cũng nên biết thêm là hồi ký *Đôi nét về Hàn Mặc Tử* có đến mấy dị bản khác nhau. Sách *Thơ Hàn Mặc Tử*, do Sở Văn hóa và thông tin Nghĩa Bình cho in 1987, in lại 1988 cũng có in một bài viết với nhan đề như trên, nhưng chỉ vền vện có 20 trang in khổ 13 x 19. Còn bản sau đây, các bạn sẽ đọc, chúng tôi lấy từ bản nguyệt san *Văn* ở Sài Gòn số ra 7 - 1 - 1967, có khối lượng gấp gần năm lần, theo chúng tôi là đầy đủ hơn. Nhưng chưa hết : Trong cuốn sách *Hàn Mặc Tử - hương thơm và mặt đất* (in lại một phần trong *Hàn Mặc Tử, thơ và đời*), người ta thấy tác giả Trần Thị Huyền Trang tiết lộ thêm, là còn có một bản *Đôi nét về thơ Hàn Mặc Tử* nữa.

Ví dụ rõ nhất, là ở bản sau đây bạn đọc sẽ đọc, mối tình Hàn Mặc Tử với Mộng Cầm chỉ được kể tóm tắt, còn bản mà Trần Huyền Trang được đọc, thấy có trích mấy lá thư của Mộng Cầm gửi cho Quách Tấn, nói rõ tình cảm thực của mình với Hàn Mặc Tử. Chúng tôi hiểu, đây là chuyện bình thường,

do yêu cầu in ấn, các nhà văn thường vẫn có khi rút bớt, khi bổ sung các bài viết mà mình đã viết. Hy vọng một ngày nào đó, gia đình thi sĩ Quách Tấn sẽ cho công bố toàn bộ các bài viết mà nhà thơ xứ Trầm Hương đã viết và các thư từ tài liệu có liên quan đến Hàn Mặc Tử, mà gia đình còn lưu giữ.

## ĐÔI NÉT VỀ HÀN MẶC TỬ

(Trích)

**Đ**ây là những gì đã lắng sâu vào tâm khảm và còn sót lại với nắng sương.

*Rất có thể bị thời gian làm sai lạc ít nhiều.*

Nhưng nhớ đâu cứ viết đấy, miễn lòng thành thật với lòng. Và nhớ đâu viết đấy, viết tùy thích, viết tùy hứng, không bố cục cũng không lấy một điểm nào làm trọng tâm. Cho nên lắm lúc đương kể chuyện vụn bèn thơ, bèn thơ chưa đâu vào đâu lại bỏ sang kể chuyện... Lãng nhãng, lộn xộn..., thêm chỗ này thiếu, chỗ kia thừa...

*Song nghĩ chẳng hề chi.*

Vì đâu phải làm văn, mà chỉ ghi lại những gì muốn ghi lại và có thể ghi lại, để cho những ai thương yêu Hàn Mặc Tử mà không có duyên gần gũi Tử, họa may tìm thấy được những gì mong muốn tìm.

*Dành chẳng công đâu may khỏi tội  
Bao nhiêu chữ đó bấy nhiêu tâm.<sup>(1)</sup>*

**Nha Trang, tiết Tiểu Hàn năm Quý Mão**

**(6 - 1 1964)**

**QUÁCH TẤN**

(1) Thơ của Phan Sào Nam tiên sinh.

Khi mới bước vào làng thơ, Tử lấy hiệu là Minh Duệ Thị. Sau đổi là Phong Trần. Rồi đổi là Lệ Thanh. Lại đổi là Hàn Mặc Tử. Sau cùng mới lấy hiệu là Hàn Mặc Tử.

- Vì sao lại thay đổi hiệu nhiều lần như thế ?

- Nguyên :

Hiệu Minh Duệ Thị ít ai biết.

Tử nổi tiếng với hiệu Phong Trần.

Nhưng sau khi Tử đã quen thân cùng tôi, một hôm nhân vui miệng, tôi chê :

- Tưởng anh mảnh khảnh thế này, chịu sao nổi cảnh phong trần mà ước ?

Một bà cụ thâm nho ở Bình Định cũng bảo rằng hiệu Phong Trần quá trệ và không hợp với tánh tình của Tử. Bà khuyên Tử nên đổi hiệu khác.

Tử bèn lấy chữ đầu của sanh quán (Lệ Mỹ) và chữ đầu của chánh quán (Thanh Tân), ghép lại thành hiệu Lệ Thanh.

Tử rất lấy làm vừa ý. Nhưng được ít lâu gặp Tử, tôi lại trêu :

- Bộ anh ngó "dễ thương" mà cái hiệu Lệ Thanh nghe cũng "yếu điệu thực nữ" quá ! Âu tôi gọi là "Cô Lệ Thanh" cho thêm duyên.

Tử làm thinh. Nhưng ít lúc sau lại thấy hiệu Hàn Mặc Tử.

Hàn Mặc là bức rèm lạnh.

Từ cho là độc đáo, tìm đến khoe cùng tôi. Tôi cười :

- Kế cũng ngộ thật ! Tránh kiếp Phong Trần, lại đi làm khách hồng nhan. Sợ kiếp hồng nhan đa truân lại đi làm kiếp Rèm lạnh ! Tránh lò chun vào lười. Sao mà lẩn quẩn quá thế ?

Từ đâm khùng :

- Anh này thật đa sự ! Không biết đặt "cái đích" gì cho vừa lòng anh ?

Tôi đáp :

- Đã có rèm thì thêm bóng trắng vào. Hỏi còn cảnh nào nên thơ bằng ?

Từ hội ý, cầm bút vạch "vành trăng non" lên đầu chữ A của chữ Mặc thành ra Hàn Mặc Từ.

Chỉ thêm dấu Á (ã) mà đổi hẳn ý nghĩa của cả khóm chữ. Chữ *Hàn* thì trước kia nghĩa là *Lạnh*. Nhưng đi kèm với chữ *Mặc* là *Mực* trở thành chữ *Hàn* là *Bút*.

Hàn Mặc Từ là anh chàng Bút Mực.

Từ sửa xong, thích chí nói :

- Đã có bóng trắng rọi vào, thì từ nay danh tôi cũng như thơ tôi sẽ mỗi ngày mỗi thêm rạng ngời như bóng trắng.

Thật quả như vậy. Từ ngày sửa đổi bút hiệu lại, văn chương của Từ mỗi ngày mỗi tiến bộ. Và với bút hiệu Hàn Mặc Từ, danh Từ cùng với Trăng mà thiên thu.

Nhưng trước khi rạng danh cùng bút hiệu Hàn Mặc Từ, thì Từ cũng đã nổi danh với bút hiệu Phong Trần, như trên đã nói.

Từ nổi danh với bút hiệu Phong Trần vào khoảng 1930 - 1931, do lời giới thiệu của Phan Sào Nam tiên sinh.

Lúc bấy giờ Phan tiên sinh bị Pháp bắt về an trí tại Huế. Đã có thể trao đổi tâm tình cùng người trong nước, tiên sinh mở ra Mộng Du Thi xã. Thơ bốn phương gửi đến rất nhiều. Từ cũng gửi đến ba bài là *Thức khuya*, *Chùa hoang* và *Gái ở chùa*.

Mộng Du chủ nhân rất tán thưởng, liền họa vần, và đăng cả ba bài xuống cùng ba bài họa lên báo (không nhớ là báo nào) với những lời ca tụng. Đại ý nói rằng : "Từ về nước đến nay, được xem nhiều văn thơ quốc âm, song chưa gặp được bài nào hay đến thế. Hồng Nam nhận Bắc, ước ao có ngày gặp gỡ để bắt tay nhau cười to một tiếng, ấy là thỏa hồn thơ đó".

Để chứng minh lời khen của Sào Nam tiên sinh không quá đáng, xin lục ra một bài, bài *Thức khuya* :

*Non sông bốn mặt ngủ mơ màng  
Thức chỉ mình ta dạ chẳng an*

*Bóng nguyệt leo song sờ sấm gối  
Gió thu lọt cửa cọ mài chân  
Khóc dùm thân thể hoa rơi lệ  
Buồn giúp công danh để đạo đàn.  
Trỗi dậy nôm na vài điệu cũ  
Năm canh tâm sự vẫn chưa tàn.*

Phan Sào Nam họa :

*Chưa lợi trường danh tí chẳng màng  
Sao ăn không ngọt ngủ không an ? !  
Trăm năm ngàn đó tưởng đâu bề  
Muôn họ nhờ ai bạn chiếu chán ? !  
Của sấm góm ghê người đánh trống,  
Tài trâu mới một khách đưa đàn.  
Lòng sen đẳng đẳng tơ sen vướng  
Mưa gió bao phen gộc chẳng tàn.*

Hai bài *Chùa hoang* và *Gái ở chùa*, văn chương cũng lưu luyện, tình tứ cũng thâm viễn như bài *Thức khuya*.

Sau đó Từ tìm ra Huế thăm Phan tiên sinh tại Bến Ngự.

Nguyên trước đó, cụ Nguyễn Hữu Bài bạn thân của cố Nguyễn Văn Toàn, thân sinh Từ - đã ghi tên Từ vào danh sách những người được sang du học Pháp. Nhưng sau khi Từ đến thăm Phan Sào Nam thì bị sớ mật thám Quy Nhơn đòi hỏi mấy lần, rồi bị gạt tên khỏi danh sách du học.

Nằm nhà mãi cũng chán, Từ xin vào làm việc ở sở Đạc điền Quy Nhơn (1932). Công việc của Từ không lấy gì làm bận lắm. Từ có đủ thì giờ để đọc sách và làm thơ.

Từ rất siêng đọc sách. Trong quyển sổ ghi tên người mượn sách của thư viện Quy Nhơn người ta thấy tên Từ chiếm gần nửa phần ! Các bạn thân gọi bỗn là "thằng nghiện sách".

Lúc bấy giờ phong trào Thơ Mới nổi dậy khắp đó đây. Nhưng Từ vẫn theo các thể Thơ Cổ, nhất là thơ Đường luật. Thơ Từ thường đăng ở *Phụ nữ Tân văn* ở Sài Gòn và *Tiếng dân* ở Huế.

\*

Mùa xuân 1933, nhân được nghỉ phép, Từ đi cùng gia đình bà Bùi Xuân Lang lên Đà Lạt thăm tôi.

Vui mừng khôn xiết tả.

Tôi xin phép nghỉ mấy hôm để đưa Từ đi xem các thắng cảnh.

Trước hết đi xem các cảnh gần.

Cảnh nào cũng làm cho Từ triu mến.

Đến Cam Ly, Từ nhất định ở lại suốt ngày. Khách du quan lúc nào cũng có. Phần đông đều đồn nơi thác, và nơi các tiểu đình. Từ thích đứng trên những chiếc cầu cong cong làm bằng những khúc thông để nguyên vỏ và bắc ngang qua những dòng khe đá chảy quanh co.

Gió thổi mát lạnh và mùi hoa rừng thoang thoang đưa.

Vì cảnh mênh mông, không thể đứng một chỗ để ngắm. Theo những con đường khuất khúc và rợp bóng thông, nhưng rất sạch sẽ vì có người coi sóc, tôi đưa Tú vào rừng sâu. Bóng nắng lọt qua kẽ lá trông trong dịu như bóng trăng và tiếng thông cuộn gió nghe ào ào như tiếng sóng.

Đứng trên đồi cao trông xuống cánh rừng Ân Ai (Bois d'Amour) thật chẳng khác đứng nhìn mặt biển lộng gió nồm. Chợt nhớ câu hát trong tuồng *Hộ Sanh* của Đào Tấn, tôi buột miệng hát :

*Lao xao sóng bủa ngọn tùng,  
Gian nan là nợ anh hùng phải vay.*

Tú vỗ tay khen :

- Thật tân kỳ !

Tôi tiếp :

- Ai có lên đây mới thấy chữ "tùng đào" của cổ nhân là đúng và câu hát của Đào công là tuyệt diệu ! Rõ ràng là cảnh chạy giặc trên núi cao ! Song vì nông nổi, có người đã cả gan chê rằng "sóng gì lại bủa trên ngọn tùng được" và sửa lại là "Lao xao sóng vỗ cộ tùng" ! Thật mất hết cả nhân nhĩ !

Tú cười :

- Éch nằm trong lòng giếng, bao giờ biết được niềm bao la của biển đông.

Đến chiều, khi ra về, Tú quay lại nhìn cảnh một lần nữa và nói :

- Câu : *Gành đá nước tuôn màu bạc ánh  
Rừng thông ác rọi chỉ vàng thêu.*

Thật đã vẽ được "cái đáng vẽ" của Cam Ly. Tần Đà khen là phải.

Về đến nhà, trời còn sớm, Tú rủ đi đến nhà hàng Palace để đứng ngắm cảnh hồ. Lúc ấy hồng mai ở hai bên đường Yersin nở thịnh. Mùi tỏa mờ mờ. Những cô đầm son trẻ, nơi đây một vài cô choàng tay nhau đi lững thững trên đường, nơi kia năm ba cô nằm ngửa nghiêng trên đồi cỏ. Tú và tôi đều tưởng rằng mình là Lưu, Nguyễn đương lạc bước vào Thiên Thai. Tú nhìn tôi cười :

- Sao họ không đến rước anh em mình vào động?

Tôi cười đáp lại :

- Chắc còn đợi lệnh của Động chủ truyền ra.

Chợt nghe tiếng chó sủa trong một biệt thự. Tú nói :

- Nếu có tiếng gà và bóng trăng nữa thì chúng ta hoàn toàn sống trong cảnh Thiên Thai của Tào Đường :

*Vàng vằng kẻ mình nhâm hạ nguyệt,  
Thời thời khuyến phệ động trung xuân.*

Tiếng chó nghe mỗi lúc mỗi gấp. Tôi cười ngâm :

*An đắc hoa gian hữu nhân xuất  
Miễn linh tiên khuyến phệ Lưu Lang.*

Vừa dứt lời thì con *berger* to tướng nhảy xổ ra, nhưng vì bị hàng rào ngăn lại, tức mình nhảy dựng lên song sắt, sủa inh ỏi. Tú có ý sợ chạy lại nắm chặt tay tôi và nói :

- Chớ nơi động Thiên Thai chắc không hung tợn như thế !

Rồi Tú cười nói tiếp :

- Nghĩ cũng tức cười ! Hai anh chàng Lưu, Nguyễn đã vào được cõi tiên mà còn trở về trần thế ! Thật là đại !

- Xe trước đã lật đổ rồi, thế mà chàng Tú Thúc nhà ta cũng còn dấn vào dẫu một lần nữa !

- Chuyến này nếu hai anh em mình có gặp tiên thì chớ đòi về nhé.

- Anh thì được, chớ tôi e nhớ vợ con không chịu nổi.

Tú cười lớn :

- Thế thì những anh đã có vợ con rồi không nên mơ tiên mà phải chịu cảnh khổ tâm của Lưu, Nguyễn và Tú Thúc.

- Có vợ có con rồi thì ma cũng chẳng thèm ngó nữa là tiên.

Lên đến Palace, tôi đưa Tú đi dạo xem các giống hoa hường. Đà Lạt lúc bấy giờ trồng được mười lăm

giống hường ngoại quốc. Hương thơm, sắc đẹp, ai nấy đều ham mê. Nhưng Tú không lấy làm thích, chỉ xem qua loa, rồi dắt tôi đến ngồi nơi chiếc ghế đá trông xuống hồ.

Hồ lặng như gương. Hoa cỏ ở quanh bờ, lầu đài ở trên những đồi cao, in bóng xuống hồ, lung linh phiêu diêu. Thỉnh thoảng một làn mây bay là là trên mặt nước. Xa xa một bầy ngỗng, lông trắng như bông, cổ cao mỏ vàng, lướt nhẹ trên sóng như những bóng mơ. Sương xuống mỗi lúc một thêm nhiều, khiến cảnh vật luôn luôn biến thái, trông nửa thực nửa hư.

Chúng tôi lắng lòng nghe cảnh. Bỗng Tú chép miệng than :

- Không bút nào tả nổi ! Cảnh thật huyền mơ ! Đèn điện bật đỏ. Chúng tôi ra về.

Vì cả ngày đi mỏi, nên sau bữa cơm tối, Tú đi nằm liền và rồi đánh một giấc ngon lành cho đến sáng.

Qua hôm sau, tôi tổ chức đi chơi *Tour des Points de vue* - thường gọi là *Tour de chasse* - bằng ngựa.

Đoàn du ngoạn khá đông. Và mặt trời vừa ló, đoàn ngựa đã sẵn sàng yên cương. Nhưng vì Tú chưa biết đi ngựa, nên phải tập trước khi lên đường.

Hai ông bạn ra sức tập. Một ông nắm mao ngựa. Một ông đỡ Tú lên yên rồi đi kèm một bên Tú. Cho

ngựa đi được mười vòng, rồi buông cho Từ cỡi một chác. Đã lựa cho Từ một con ngựa nhỏ thó và hiền lành nhất, nhưng ngựa vừa bước đi mấy bước, Từ sợ té la "oài oài" làm các cô gái đứng xem cười ngà nghiêng. Tập ngót một giờ đồng hồ, Từ mới ngồi vững.

Khi đoàn ngựa lên đường thì mặt trời đã lên cao, sương mù đã tan hết. Trời ngập màu xanh, đất tràn màu xanh. Nhưng không phải chỉ một màu thanh thiên, một màu lục thảo, mà cả hàng nghìn sắc xanh, từ xanh nhạt lá non đến xanh đen mực đậm, và luôn luôn thay đổi theo thời gian và không gian. Về màu xanh, tưởng không đâu giàu sang hơn Đà Lạt.

Đoàn ngựa đi nước kiệu nhỏ. Từ vui thích lộ ra nét mặt. Thấy những nắm đôi xanh tròn trịa muơn muốt xanh non, Từ bảo :

- Thật giống in những bộ ngực của các cô gái mới dậy thì. Trông rõ ngon mắt.

Một ông bạn tiếp :

- Tôi lại thấy giống những vỏ dưa xanh chẻ đôi và úp sấp, làm cho tôi nhớ các cô gái Tam Quan !

Một ông bạn khác nhăn mặt :

- Còn tôi thì mỗi lần nhìn chúng, trí nghĩ ngay đến chỗ nằm nghỉ cuối cùng của tôi. Tôi tự nhủ : "Khi mình nằm ở dưới đó, tình cờ tỉnh dậy, muốn trở về dương gian cho vui thì làm sao cựa quậy cho nổi".

Cả đoàn đều cười. Một ông bạn mắng :

- Mũi còn thò lò mà lo nghĩ đến nắm xương mục.

- Lo nghĩ lần thì vừa, kéo khi chết nghĩ không kịp.

Từ vừa cười vừa hỏi tôi :

- Còn anh thì thấy giống thứ gì ?

- Những nửa cam úp trên đĩa. Nguyên lúc còn nhỏ, có một lần tôi đau nặng, miệng đắng thêm cam. Nhưng ở làng Trường Định tôi không nhà nào có cam, nên đành nhịn thêm chớ không dám ngó ý cùng mẹ. Nhưng bà thân tôi đoán biết, cho người lên nhà bác tôi ở làng Thuận Nghĩa, cách Trường Định chừng 5 cây số, xin đem về cho tôi một quả vừa chín tới, phụng phúc mùi hương. Tôi mừng quá sức, vội ôm riết quả cam vào lòng. Bà thân tôi âu yếm vuốt mái tóc tôi và nói : "Để má gọt cho con ăn". Nửa muốn ăn, nửa tiếc quả cam đẹp, tôi trao cam cho bà thân tôi với vẻ ngập ngừng. Bà hiểu ý, mỉm cười, xẻ quả cam làm hai, một nửa gọt cho tôi ăn, một nửa úp trên chiếc đĩa con để bên giường tôi, tôi sung sướng ứa lệ... Những quả đồi kia luôn luôn gợi hình ảnh mẹ tôi với nửa quả cam úp trên đĩa.

Nhận thấy nét buồn thoáng trên mặt tôi, Từ nói sang chuyện khác... Thấy Từ hiền hòa, vui vẻ, các bạn rất thích chuyện trò. Một ông hỏi Từ :

- Hết sợ té rồi chứ ?

- Cỡi ngựa kiểu này, dù muốn té chơi cho vui cũng khó té nổi.

Để trâu Tù, ông bạn liền quất ngựa chạy thật nhanh. Đoàn ngựa đua nhau chạy theo. Cương về chưa vững, Tù suýt ngã, thất kinh nằm xuống ôm lấy cổ ngựa, la thất thanh. Ai nấy đều cười ngặt và lập tức gò cương. Đoàn ngựa đi chậm trở lại. Tù ngồi dậy nói chửa thẹn :

- Đi ngựa mà nằm thì mất vệ sinh, nên phải kêu cứu, chớ không phải sợ.

Đoàn ngựa vui vẻ tiến...

Một bầy cà tong, lớn nhỏ độ vài mươi con, đang ăn trên đồi, trông thấy bóng người, ngược đầu lên nhìn, rồi cắm cổ chạy như gió. Tù khoái mắt, la lớn :

- Nai con, nai con !

Các bạn bật cười :

- Nai con sao có gạc ?

Tù nói :

- Không phải nai sao giống nai ? Giống nai mà không phải nai thì là giống gì ? Cua ? Rùa ? Cá đuối ?

Một ông bạn nhái giọng nói lối của hát bội :

- Cua, rùa, cá đuối giai phi. Đó là giống Bồ cập nước.

Một ông nữa tiếp :

- Ầi ải ! Người đâu ngang ngược, ăn nói hồ đồ ! Bồ cập nước sao ở trên khô ?

- Chớ giống gì ?

- Đó là bầy tôm hùm núi.

Ai nấy đều cười vang. Đi được một đoạn nữa, Tù vùng la lớn.

- Tôm hùm núi nữa kia, anh em ơi !

Cả đoàn trông theo tay Tù chỉ. Xa xa một bầy cà tong đông đúc, lớp gặm cỏ, lớn nhảy dòn thung thăng. Tội nói :

• - Ít khi thấy cà tong họp nhau đông đến thế. Hãy đứng lại xem chơi. Các bạn đều xuống ngựa, đến ngồi dưới bóng thông, Tù hỏi tôi :

- Cà tong không ăn thịt được sao mà người ta không bắt ?

- Thịt rất ngon. Nhưng chánh phủ cấm săn bắn, nên mỗi ngày sanh sản mỗi thêm nhiều.

Để xem cho được rõ ràng, tôi rủ Tù cùng mấy ông bạn nằm xuống cỏ, bò đến một lùm tranh gần bầy cà tong, núp xem... Có nhiều con còn bú, hiền lành khờ khạo, trông hết sức dễ thương. Tù cao hứng nhảy xổ ra chụp, nhưng chụp hụt bị té nhào. Bầy cà tong thất kinh co vỏ ùn ùn phóng đi một mạch. Tù trở lại cười ha hả :

- Ngó bộ thì khờ khạo mà sao nhanh như chớp !

Chúng tôi lên ngựa đi thẳng đến Hồ Thở Than (Lac des Soupirs).

Hồ này không đẹp bằng hồ Đà Lạt và cũng không có gì đặc sắc. Nhưng vì nghe tên hay hay, nên ai cũng ưng đến. Từ hỏi :

- Vì sao lại gọi là Hồ Thở Than ?

Không ai biết rõ vì sao. Một ông bạn nói :

- Nghe đâu ngày xưa có người con gái bị tình phụ, đến trầm mình nơi đây. Rồi những đêm trăng, hồn oan hiện lên ngồi nơi bờ hồ than thở, tiếng nghe náo nùng.

Một ông bạn khác cười :

- Đã có ai trông thấy hồn cô ấy hiện lên chưa?

Từ thật thà đáp :

- Chắc có, người ta mới nói chứ.

Tôi cười :

- Nơi đây thỉnh thoảng có dấu chân cạp ra uống nước. Vậy ban đêm ai dám đến mà thấy được. Nhưng thử hỏi ai đã thấy chị Hằng Nga, nàng Chức Nữ, thế mà cũng có cung Quảng, bến Ngân.

Chúng tôi lấy bánh trái ra ăn, rồi nằm lăn trên cỏ, dưới bóng thông, mà nghĩ.

Trời không mây. Nắng trong và dịu. Nhựa thông bay phảng phất trong gió trưa. Bốn bề im phăng phắc. Từ nằm ngửa mặt lên trời, lim dim đôi mắt... Không mấy chốc tiếng ngáy nghe khoan khoái và đều đều. Tôi nói cùng một ông bạn :

- Ai mới đến Đà Lạt cũng ăn to ngủ khỏe. Tôi ó dứa ở tên là thằng Tắc, tôi đem từ Phú Phong lên. Khi mới tới, một buổi trưa, tôi sai nó quét phòng khách. Phòng khách không rộng, nhưng ngọt cả giờ đồng hồ vẫn không thấy nó trở lui, tôi bèn ra xem, thì... Eo ơi ! Nó nằm sải dưới nền nhà, đầu gối lên chổi, ngủ ngon ngủ lành... !

Từ dương ngủ, vùng bật cười :

- Tôi không gối chổi mà ngủ cũng rất ngon lành, và dương nằm mộng thấy cô gái Hồ Thở Than...

- Cô ấy có nói gì không ?

- Chưa kịp nói gì thì anh làm tôi tỉnh mộng. Anh tệ quá !

Các bạn nghe chúng tôi nói chuyện cười đùa, đều trở dậy hết. Rồi mỗi người mỗi câu, mỗi chuyện, cười cợt cho đến xế bóng mới lên ngựa ra về. Thấy đoàn ngựa cử đi thẳng tới, Từ bèn hỏi :

- Đi về mà sao không trở lại con đường cũ ?

Tôi đáp :

- Chúng ta đi vòng quanh qua đất kia mà.

Từ "à" một tiếng rồi nói :

- Tẽ ra chữ Tour là vòng tròn, mà mình cứ tưởng Tour là tháp ! Làm khi mai giờ cứ ngó chừng mãi xem hòn Tháp Mỹ Cảnh ở nơi nào !

- Để cho khỏi có người lầm lẫn, từ nay chúng ta nên gọi là Đường Vòng Mỹ Cảnh.

Anh em đồng thanh :

- Đường Vòng Mỹ Cảnh ! Ủ, nghe cũng nên thơ !

Trên con đường về, không có cảnh đặc sắc, lại thêm cương vế của Tú đã khá vững vàng, nên rủ nhau cho ngựa đi nước đại.

Về nhà, vừa nghỉ được giây lát thì trời kéo mây rồi đổ mưa.

Ở Đà Lạt thường thường, nhất là về mùa xuân, hễ mưa thì mưa ào xuống như xối, đến khi xối thì xối hẳn chỗ không kéo lại rai. Và sau cơn mưa, quang cảnh trở nên trong sáng và đẹp dễ bội phần.

Hôm ấy, cơn mưa xối thì trời còn sớm lắm. Ánh mặt trời như được rửa sạch bụi bặm, trông rực rỡ phi thường. Những đám mây trắng lồng trong sắc thông xanh muốt, nằm yên lặng như đá thành băng. Những đóa hoa hường vàng leo nơi vách tường nhà, đọng nước mưa, long lanh lóng lánh như khám kim cương... Choàng vai tôi, đứng tựa cửa sổ trông ra, Tú âu yếm nói :

- Nhà anh không treo tranh thật phải quá !

Tối đến, tôi đưa Tú đi dạo. Dạo cảnh Đà Lạt lúc ban đêm cũng là một kỳ thú. Những con đường quanh co, khi lên cao, khi xuống thấp, nhiều khi đường chồng lên nhau. Lắm nơi, đứng xa mà trông thấy như những cuộn vải đen giăng lơ lửng trên đợt

cây... Đèn điện lẩn lộn cùng sao, trên cao có, dưới thấp có, chỗ thì chói rọi giữa không, chỗ thì khép nép trong cành lá... Mùi nhựa thông ban đêm bay ngát cả không khí. Thỉnh thoảng mùi hoa mimosa, mùi hoa oeillet trộn lẫn vào thành một hương vị đặc biệt, hít vào thấy nhẹ cả châu thân.

Tú nắm tay tôi, đi từng bước một, không nói không rằng.

Đến bờ hồ, nhìn xuống mặt nước, chúng tôi mới nhớ là đêm trăng ! Mặt hồ lóng lánh. Và vầng trăng dưới nước trông trong sáng gấp mấy lần vầng trăng ở trên mây. Tú nói :

- Cứ xem bóng trăng cũng biết hồ Đà Lạt trong đến ngần nào.

Tôi tiếp :

- Theo tôi, chỉ có nước hồ Đà Lạt và nước sông Hương mới đáng gọi là nước. Nước ở các sông các hồ, dù trong đến đâu, sâu đến đâu, sắc xanh cũng có phần lợt lạt. Duy có nước hồ Đà Lạt và nước sông Hương là đuộm đà màu nước biển. Ai đã từng nhìn đôi mắt của người đẹp Ấn Độ - đôi mắt xanh như ngọc và xa thăm thẳm như vòm trời ngày thu - thì mới tin lời nói của tôi không huyền hoặc. Và muốn thấy rõ cái Đẹp của nước hồ Đà Lạt thì phải đến ngắm lúc ban trưa tạnh trời.

Tú trầm ngâm hồi lâu rồi nói :

- Không có cảnh thì khó có thơ, mà đứng trước cảnh đẹp quá, thơ nghĩ cũng không ra được.

- Theo tôi, không phải vì cảnh quá đẹp mà thơ không dám ra. Đó là vì đứng trước cảnh đẹp cũng như đứng trước tình đẹp, người thơ mắc lo tận hưởng cái đẹp của tình của cảnh, tâm trí đâu còn rảnh rang mà nghĩ đến thơ. Huống nữa người thơ chỉ làm thơ trong khi thiếu thốn. Mà tình kia cảnh kia đã quá đầy đủ để cho tâm hồn ôm ấp, thì người thơ còn thiếu thốn gì nữa mà làm thơ ?

Tử vỗ tay tán thưởng.

Chúng tôi đương nói chuyện thì dường như có một luồng ánh sáng từ trong hồ bay ra và thoáng nhẹ ở trước mắt. Chúng tôi chú mục : Một đám sương lớn bằng một chiếc chiếu chõng, nổi lênh bênh trên mặt hồ. Sương mỗi lúc mỗi vun cao và lan rộng, phản chiếu ánh trăng sáng hực cả bốn bên. Trong phút chốc, mặt hồ bị khuất hẳn, và trước mặt chúng tôi, nổi lên một ngọn "núi bông gòn" trắng phau và sáng ánh. Rồi một ngọn gió thổi nhẹ, sương ùn ùn tỏa ra khắp nơi... cuốn cả trời đất, muôn vật. Chúng tôi không còn thấy gì, ngoài ánh trắng. Đến nỗi đứng sát bên nhau mà chúng tôi nhìn cũng không thấy rõ được nhau !

Chúng tôi có cảm giác là trời đất đã tan thành thủy tinh và chúng tôi đương đứng lơ lửng giữa hư vô... Sương bay thấm má, và một luồng hơi mát chạy

khắp châu thân, gây một khoái cảm dịu dịu... Tôi nói khẽ cùng Tử :

- Minh đương chìm vào mộng, hay mộng đương lắng vào mình ?

- Hu thực, phân biệt làm sao được ! Nhưng chớ nói nhiều... Hãy lắng nghe... Dường như có tiếng thì thầm từ đáy hồ vọng đến. Tôi không mơ đâu nhé ! Hãy lắng nghe...

Đứng tựa lan can cầu trước đình Quán Đạo, chúng tôi nắm chặt tay nhau... Rồi sương tan dần, và dần dần mặt trăng sáng trở lại. Tử nói :

- Cảnh thật huyền mơ ! Tiếng lòng lẫn cùng tiếng Tạo vật ! Con người hòa hẳn vào Thiên nhiên !

Trời đã khuya, nhưng còn tiếc cảnh, chúng tôi vẫn đứng tựa lan can cầu. Sương thấm ướt cả áo, nhưng chúng tôi không thấy lạnh. Bỗng một ngọn gió thổi, cả hai đều rung mình ớn lạnh... Chúng tôi bèn dắt nhau đi nhanh về nhà.

Vừa về đến nhà thì khí lạnh thấm tận xương tủy. Chúng tôi run cầm cập... Thế là chúng tôi bị cảm, nằm li bì... chạy chữa ngót một tuần nhật mới khỏi. Vừa ngồi dậy được, Tử ngó tôi cười hỏi :

- Anh có thấy gì trong khi đau ?

Tôi cười đáp :

- Tôi thấy Sơn Thần đến máng rằng : "Hai đứa bay thật u mê. Những đêm sương nhiều, nằm trong

nhà rui quên đắp mền còn bị cảm mạo thay, hướng hồ ra đứng trần trần ở giữa trời ! Có chết cũng đáng kiếp".

Tử nói :

- Tôi lại thấy Hà Bá đến bảo : "Hầu hết người ở Đà Lạt đều sợ sương khuya nên không mấy ai được hưởng trọn vẹn cái thú vị của trời đêm. Lần sau có muốn thưởng cảnh hồ trắng, thì ngoài lớp áo ni, áo pardessus, phải choàng thêm chiếc imperméable. Như thế dù có tuyết xuống cũng không thấm tháp gì chớ đừng nói chi sương khuya".

Nói là nói vậy, chớ Tử không thể ở thêm được nữa để thưởng lại cảnh hồ trắng. Trong người vừa khỏe, Tử phải về Quy Nhơn ngay. Chương trình đi viếng thác Gougah, thác Encrouet, hồ Oney, đỉnh Lâm Viên (Pic Langbian)... đành không thực hiện được.

Và tuy Tử sống với Đà Lạt không được nhiều ngày, song vẻ đẹp huyền diệu của non sông ảnh hưởng vào thơ Tử sau này không ít. Tiêu biểu nhất, Tử có bài *Đà Lạt trắng mờ*. Bài này tuy mãi về sau Tử mới làm, song nguồn hứng đã khơi từ những ngày đến Đà Lạt. Phong vị của Đà Lạt còn phảng phất trong nhiều bài, như bài *Huyền Áo*.

Tử gặp tôi ở Đà Lạt chỉ có một lần đó.

Năm 1935, tôi đổi xuống Nha Trang, đường gần lại để đi, chúng tôi thường tìm đến thăm nhau.

Một hôm tôi ra Quy Nhơn, Tử đưa tôi lên chơi nơi Đèo Sơn nằm ở địa đầu thành phố Quy Nhơn.

Trời về chiều. Gió nồm thổi ngọt. Chúng tôi trèo lên tận đỉnh núi cao, đứng lẫn trong mấy hòn đá dựng, nhìn quanh bốn phương :

Phía đông, thành phố Quy Nhơn, cửa nhà bát úp : cửa biển Thi Nại với núi Phương Mai bên tả, động Ý Man bên hữu, sóng khói thương mang.

Phía Tây và phía Bắc, đồng ruộng bát ngát, sông ngòi quanh co ; làng xóm ẩn hiện trong cây xanh, tháp xưa chon von bóng mây trắng.

Phía Nam, gò đồng ngổn ngang, nơi bằng nơi khúc, chạy từ đỉnh Cù Mông cao ngất cho đến bãi Quy Hòa trắng phau...

Phóng tầm mắt thu nghìn dặm vào tác gang, gần từ nội cỏ xa đến chân trời, nào cao, nào thấp, nào thâm, nào u, nào thanh kỳ, nào hoành tráng... thấy đều hợp hình hợp thế, trải trình rõ rệt dưới chân đèo. Tử ngắm cảnh hồi lâu rồi nói :

- Phong cảnh Bình Định không tươi nhuận được như Đà Lạt. Song hình thế nước non trông vững chắc, rắn rỏi, thật có khí tượng anh hùng.

Nghe hai tiếng "anh hùng" lòng tôi sanh tui thẹn. Tôi đứng lặng thinh, ngóng vọi về dãy Tây Sơn, thế nhiên cảm khái :

*Mây ráng băng khuâng trời cảm cụu,  
Gấm hoa hồ hện bút tương lai.*

Thông cảm nỗi lòng Tử nói :

- Ủ, không làm được anh hùng trong lịch sử, thì cố gắng làm anh hùng trong văn chương. Đoạn ngâm tiếp :

*Mở đường lên núi công đà gắng,  
Mượn đá rèn gan cực chỗ này.*

Đắc ý nhìn nhau cười.

Rồi Tử nói :

- Tôi thích chỗ này quá. Sau trăm tuổi nếu được chôn nơi đây để chiều chiều hiện hồn lên nhìn non nhìn nước thì thật là tuyệt thú.

Còn húng chưa tàn thì hoàng hôn đã nhuộm núi. Chúng tôi phải trở xuống để tôi sửa soạn về Nha Trang.

Từ ấy hẹn nhau mỗi tháng ít ra một lần đi thăm nhau, hoặc Tử vào Nha Trang, hoặc tôi ra Quy Nhơn, cứ chiều thứ bảy đi, chiều chủ nhật về. Hầu hết các thắng cảnh Bình Định, Khánh Hoà, chúng tôi đều đưa nhau đến viếng.

Từ thích nhất bãi biển Nha Trang. Một hôm nằm nhìn nước mây, Tử nói :

- Cũng thì biển, mà nằm ở bãi Quy Nhơn tôi không thấy thích thú bằng ở Nha Trang. Xét kỹ bãi biển Quy Nhơn đâu có phải không đẹp.

Tôi cười nói bõn :

- Đối với kẻ đã có vợ rồi còn có thêm một cô tình nhân nữa, thì hiểu ngay được lý do, dễ dàng.

- Không phải vì sự thường gần làm giảm lòng ưa thích. Đường như vì non nước Quy Nhơn có vẻ nghiêm nghị chớ không tươi cười như Nha Trang.

- Có lý lắm. Mai Phi nhan sắc không thua Dương Quý Phi, nhưng Đường Minh Hoàng mê họ Dương, bỏ họ Mai chỉ vì một bên nghiêm, một bên vui vậy.

Từ cười, rồi kê đầu gối lên về tôi và hỏi :

- Anh thích làm Đường Minh Hoàng chăng ?

- Ông vua phong lưu ấy thật dễ thương và mối tình đối với Dương Quý Phi kể cũng đã chung thủy. Có lẽ Tàn Đà đã cảm tấm tình ấy nên mới mượn lời Quý Phi mà thốt nên câu :

*Bồng Lai ngày tháng thanh nhàn,  
Cố cung nghĩ lại muôn vàn ái ân !*

Tử nói :

- Đó là tình của thi nhân, chớ Dương Quý Phi chắc không yêu Đường Minh Hoàng. Vì yêu sao còn lên cùng An Lộc Sơn.

- Lòng người đàn bà phức tạp lắm. Trai to biết đâu được mà bàn.

Từ không nói nữa, đưa mắt nhìn trời xanh. Tôi vuốt mái tóc Từ, nói đùa :

- Phải chi Trí là giai nhân.

Từ nhìn tôi cười một cách ranh mãnh.

Khi về Quy Nhơn, Từ gọi vào cho tôi một tấm ảnh một thiếu nữ bỏ tóc xỏa trông khá xinh, và kèm theo mấy câu :

"Ước giai nhân, thì giai nhân của Tấn đó. Lòng ước mơ có thỏa tình ước mơ ?".

Thì ra bức ảnh đó là ảnh của Từ già gái. Từ cái trang khéo quá, khéo đến nỗi, nếu không có mấy câu kèm theo đó, tôi cũng khó nhận được dễ dàng.

Đối với bạn bằng, Từ không bao giờ cau có, và luôn luôn kiếm chuyện để bông đùa.

Đi chơi với tôi Từ thường cặp tay tôi mà đi và luôn luôn dành đi phía tay phải. Tôi hỏi, Từ hóm hỉnh đáp :

- Nhìn anh bên mặt thì dễ thương. Còn nhìn bên trái thì vô cùng dễ ghét ! Ấy vì cái theo. Hề tôi trông thấy nó thì nó hóa làm hai, rồi chạy tuốt vào đôi mắt tôi, làm tôi không chịu nổi... Trời sanh ra chi không biết !

Hóm hỉnh như thế ấy, nhưng nhiều khi lại rất thật thà.

Có một bạn, Từ nghỉ phép được mấy hôm, vào Nha Trang. Một phú thương Trung Hoa, tên Lâm Dũ Hà, mời Từ và tôi dự tiệc. Trong bữa tiệc tân khách chỉ có tôi và Từ là người Việt, kỳ du đều là Hoa kiều. Món ăn hầu hết là hải vị. Mỗi món đem

lên đều được chủ nhân giới thiệu một cách hoa mỹ. Chưa ăn cũng đã thấy ngon. Từ rất lấy làm thích ý. Đến món hải sâm, Từ hỏi :

- Thứ sâm này có bổ bằng Huê Kỳ sâm, Cao Ly sâm chăng ?

Một ông bạn Trung Hoa đáp :

- Hải sâm là một sinh vật.

Một ông khác tiếp :

- Đó là một giống địa biển.

Từ kinh ngạc :

- Địa biển ?

- Phải. Nó giống như địa đồng, nhưng to lớn hơn. Có con lớn bằng cườm tay, cườm chân.

Từ nhìn tôi có vẻ lo lắng, khi thấy tôi múc hải sâm ăn. Từ lắc đầu, nhưng bị chủ nhân nài ép, gượng nếm một muỗng nhỏ. Tôi tưởng chỉ vì không hợp khẩu, nhưng khi ra về, dọc đường Từ xiết chặt tay tôi, hỏi :

- Này, ở biển mà cũng có địa sao ?

Tôi cười đáp :

- Có cả thi sĩ ngổ ngẩn nữa đó.

Từ làm tỉnh.

Hai hôm sau, ngồi uống trà sớm, Từ hỏi tôi :

- Anh có sợ địa không ?

- Không sợ nhưng rất gớm.

- Tôi vừa gớm vừa sợ. Nó mềm mềm, lành lạnh...  
Chao ôi ! Mới nghĩ đến đã rùng mình ! Mà tôi nghe nói rằng đĩa đốt cháy ra tro bỏ vào nước ít bữa hóa thành đĩa con, có thật thế chẳng ?

Tôi bông đùa :

- Đốt ra tro mà còn hóa đĩa con được, huống hồ mới nấu chín. Vậy món hải sâm mình ăn hôm nọ sẽ sanh sản hải sâm con trong ruột mình chỗ chẳng không.

Với một giọng thật thà, Từ nói :

- Tôi hôm ngại quá anh ạ ! Hôm đó nghe nói đĩa biến, tôi liền nghĩ ngay đến đoàn đĩa con. Vì nể chủ nhân quá nên tôi phải ném một ít. Tôi nhồm hết sức ! Nuốt vừa khỏi cổ, mình tôi rồn ốc ! Mãi đến nay nghĩ đến tôi còn rùng mình và thấy trong ruột nó sao sao đấy !

Tôi bật cười. Từ rầy :

- Anh chớ cười. Nếu quả thật vậy thì... nó cần rút trong bụng còn có thể chịu được. Rồi nhiều quá nó chui ra mũi, ra miệng... Chao ôi ! Gớm chết !

Tôi phá lên cười. Từ hỏi :

- Anh cười cái gì ?

- Cười cái bụng chằng bạng của các ông Tàu phú quý. Bụng các ông ấy lớn vì chứa nhiều đĩa biến chỗ gì.

Từ cầm tay tôi :

- Chẳng không có thật vậy sao ?

Nhận thấy Từ có vẻ lo ngại thật sự, tôi bèn chỉnh dung :

- Sao khò thế ? Nếu quả đĩa đã bị đốt cháy hoặc nấu chín rồi mà còn sinh sản được, thì lâu nay người ta ăn hải sâm đã bị hải sâm con cắn đứt ruột chết hết. Như vậy hải sâm còn bán cho ai mà giá đắt nhất trong các món hải vị.

Từ nhu sực tỉnh, vui vẻ nói :

- Ủ phải ! Thế mà hôm nay bị bày đĩa con ám ảnh, tôi không nghĩ ra điều ấy ! Nay hết lo.

Từ tươi cười bụng chén trà bốc hơi đưa lên mắt xông. Tôi cười, hỏi :

- Có thấy bày đĩa con bơi trong đó chẳng ?

- Tuy không thấy đĩa, nhưng nghĩ đến vẫn thấy nhồm nhồm. Và xin thề nhất thiết không ném thủ nữa.

Từ ấy câu chuyện hải sâm trở thành một giai thoại trong vòng thân thiết.

\*

Sau chuyện hải sâm vài tháng, Từ xin thôi việc ở Sở Đặc điền, cùng Thúc Tề vào Sài Gòn làm báo.

Nhớ chừng vào khoảng mùa thu năm 1935.

Ban đầu Tú giữ trang văn chương cho tờ *Sài Gòn* của Bút Trà, rồi viết cho tờ *Công Luận*, tờ *Tân Thời*...

Nhưng không đầy một năm, Tú trở về Quy Nhơn.

\*

Từ lúc vào Sài Gòn, Tú chuyển từ địa hạt thơ Đường sang địa hạt Thơ Mới. Thơ Tú đăng tải trên phụ trương văn chương *Sài Gòn* và *Công Luận*. Khi về Quy Nhơn, Tú gom góp các thơ đã làm ở Sài Gòn và soạn thêm một số nữa, nhập thành một tập, lấy tên là *Gái Quê*.

Nhân nghe tin Phạm Văn Ký cùng Nguyễn Thị Mạnh Mạnh ra nghỉ mát ở Nha Trang, Tú đem tập *Gái Quê* vào Nha Trang, nhờ đề tựa.

Tựa có rồi. Tú cho xuất bản *Gái Quê*.

*Gái Quê* ra đời khoảng cuối năm 1936. Đó là tập thơ mới đầu tiên của Tú.

Cũng như thơ Đường luật, thơ mới của Tú rất được độc giả chú ý. Các bạn trẻ rất hoan nghênh.

Thơ mới của Tú phần nhiều mới ở tinh tú và hơi văn. Về hình thức thì Tú chỉ bỏ sự đối chọi và sự hạn câu của luật Đường. Còn thể thơ và âm điệu thì vẫn giữ.

Ví dụ bài *Bến lèn* làm theo thể thất ngôn, và bài *Tình quê* làm theo thể ngũ ngôn.

Hai bài đều tỏa ra một không khí êm dịu mơ màng.

Tình trong *Tình quê* nhẹ nhàng nhưng thấm thía.

Tú trong *Bến lèn* mới và bạo.

Nhưng cả hai đều giữ tánh chất Á Đông và cách dùng chữ vẫn còn ở trong khuôn khổ.

Những bài trong tập *Gái quê* hầu hết đều có giá trị : lời thơ êm đềm, nhạc thơ du dương, hình ảnh mơ màng có, lộng lẫy có... Thơ rung cảm người đọc một cách dịu dàng phơn phớt như ngọn gió thu lướt qua bờ lau thu.

Trong *Gái quê* cũng có một số thơ lục bát, song ý cũng như từ chưa có gì đặc biệt.

\*

*Gái quê* ra đời rồi, Tú định bán xong lấy tiền đi du lịch cho khắp Bắc Nam. Nhưng rồi Tú bị bệnh ! Một bệnh hiểm nghèo trong bốn bệnh nan y !

Nguyên nhân vì sao thật không ai biết được rõ.

Chỉ biết rằng bệnh Tú khởi phát trong lúc Tú còn ở Sài Gòn.

Năm 1936, lúc ở Sài Gòn về Quy Nhơn, Tú ghé Nha Trang thăm tôi. Thấy hình vóc dung mạo kém xưa, lại có xách theo một chai thuốc nước, tôi mới hỏi Tú.

Tú đáp :

- Bị bệnh phong ngứa vừa mới khỏi. Chai thuốc đó để đem về uống trừ cho tuyệt nọc.

Đêm đến, Từ nằm kể lại duyên do sanh ra bệnh.

Nguyên Từ có người bạn gái ở Phan Thiết. Hai bên hẹn nhau chiều thứ bảy nọ cùng đi chơi lầu Ông Hoàng. Từ đi xe tốc hành ra Phan Thiết. Đến ga thì đã thấy cô bạn đứng đợi.

Đêm hôm ấy có trăng nên hai người rủ nhau đi bộ.

Giữa đường bỗng trời phát mưa dông. Chung quanh không nhà, không quán, hai người dắt nhau vào núp dưới nhà bia một ngôi mộ trong nghĩa địa ở cạnh đường. Cách nhà bia chừng vài ba mươi thước có một túp lều tranh xiêu vẹo tồi tàn. Ngoài ra chỉ có má con má lớn.

Gió mỗi lúc mỗi mạnh, mây kéo mỗi lúc mỗi dày... Rồi mưa đổ... Trời tối đen như mực. Sấm chớp dậy tứ bề... Cảnh thật rùng rợn. Bỗng nơi túp lều tranh xiêu vẹo tồi tàn kia, vụt lóe ánh lửa. Ánh lửa cú hùng lên rồi lại tắt, tắt rồi lại hùng... Đồng thời lại nghe tiếng rền, ầm ầm như tiếng thùng sắt lăn trên đường trải đá. Hai người sợ rồn ốc, song không biết làm sao được, đành phải ôm nhau mà ngồi... đợi tanh mưa.

Mưa vừa ngớt hột, hai người dắt nhau chạy, băng nhào trên mồ cũ mà mới, chạy một mạch về nhà.

Sau đêm ấy, trong mình Từ thấy ngứa ngáy, nhất là đôi chân.

Về Sài Gòn, Từ lo chạy chữa. Uống thuốc Bắc không bớt, Từ uống sang thuốc Nam. Uống đến hai mươi thang thì ngứa mới hết. Vì bị ngứa không ngủ được nên sức khỏe của Từ sút kém. Và trong mình vừa thấy khỏe, Từ liền từ giả nhà báo về Quy Nhơn.

Để bệnh khỏi tái phát, ông lang tặng cho Từ một chai thuốc đem về uống tiếp.

Về Quy Nhơn, sức khỏe của Từ lần lần bình phục.

Khi *Gái quê* in xong, Từ mang một số vào Nha Trang, Phan Thiết để bán, rồi lại mang một số nữa ra Bồng Sơn.

Lúc ra Bồng Sơn, trên con đường mới tráng nhựa, Từ bị một trận mưa dông, ướt cả quần áo. Bệnh ngứa tái phát. Từ viết thư vào Sài Gòn, nhờ ông lang đã chữa cho Từ trước kia, gởi thuốc ra. Thuốc lập tức gởi ra, nhưng Từ uống không còn thấy hiệu nghiệm !

Từ viết thư kể rõ sự tình cùng tôi. Tôi khuyên Từ đi nhà thương điều trị. Nhưng vì có thành kiến không tốt cùng thuốc Tây, Từ nhất định ở nhà uống thuốc Nam và thuốc Bắc.

Đó là vào khoảng cuối năm 1936 đầu năm 1937.

Trong khoảng thời gian ấy, chúng tôi vẫn luôn có thư từ cho nhau.

Nhưng mấy tháng sau, tôi không tiếp được thư Từ nữa. Những thư tôi gởi ra, không thấy phúc mà

cũng không thấy trả lại. Nóng ruột quá, tôi phải ra Quy Nhơn tìm Tú. Song đến nhà thì cửa đóng. Hỏi người láng giềng thì họ bảo rằng cả nhà đi về nhà quê thăm bà con...

Cách ít lâu tôi ra một lần nữa. Nhưng vẫn không gặp Tú mà cũng không gặp người nhà Tú ! Buồn quá không muốn ở náu lại Quy Nhơn, tôi đến nhà anh Nguyễn Tráp nhờ hỏi thăm giùm tin tức Tú, rồi về ngay Nha Trang.

Mấy hôm sau, anh Nguyễn Tráp gọi thư cho biết rằng "vì có việc nhà, Tú và gia đình dọn về ở Gò Bồi. Địa chỉ không tìm biết được".

Tú ấy tôi không biết được một tin tức !

Mãi gần cuối năm 1937, một người bạn gái ở Quy Nhơn vào Nha Trang ghé cho tôi biết rằng Tú mắc chứng nan y. Chẳng khác một cơn ác mộng bao vây, lòng tôi chỉ mong đó là một tin thất thiệt.

Nhưng lẽ nào một người bạn lại đi chúc dữ một người bạn như thế. Tôi không dám ngờ, nhưng cũng không dám tin. Tôi bèn theo địa chỉ người bạn gái cho biết, viết thư ra hỏi Tú. Tôi liền được phúc thư, một bức thư đầy thương thảm !

Rằng :

- Anh ơi ! Gần một năm nay, muốn giấu anh, nên không viết thư cho anh, lòng tôi hết sức đau khổ. Song tha chịu đau khổ còn hơn cho anh biết, khiến

*anh phải đau khổ vì tôi. Nay không thể giấu anh được nữa, đành phải nói thực cùng anh...*

Thì ra sau khi uống thuốc nam của ông lang Sài Gòn không bớt, triệu chứng của bệnh nan y mỗi ngày phát hiện mỗi rõ rệt thêm. Biết rằng mình mắc phải chứng bệnh ghê gớm, Tú bèn tuyệt giao cùng bạn bè và dặn người nhà nhất thiết không được cho ai biết rõ sự thật.

Nghe tin ở Gò Bồi - cách Quy Nhơn chừng mười lăm cây số - có thầy hay, bà thân Tú đưa Tú đến đó điều trị. Nhưng bệnh càng ngày càng tăng. Tú dọn trở về Quy Nhơn tìm thầy khác. Tú không chịu chữa thuốc Tây và nghe ai mách chỗ nào có thầy giỏi là dù xa xôi Tú cũng tìm tới. Hết nơi này sang nơi khác, nhưng vẫn tiền mất tật mang !

Tôi hết sức đau thương ! Và luôn luôn để ý tìm phương thuốc giúp bạn.

Mùa xuân năm 1938, ông cậu tôi là Đoàn Phong ở Bình Định vào thăm tôi. Cậu tôi là một nhà võ sĩ có danh, lại là một lương y có uy tín. Nghe tôi than về tình cảnh của Tú, cậu tôi nói :

- Bệnh mới một năm thì có thể chữa khỏi. Cậu đã chữa khỏi được nhiều bệnh rồi. Bệnh ấy kỳ nhất là dân bà, mà bạn cháu chưa có vợ nên không có gì đáng ngại.

Nghe nói tôi mừng quá, xin cậu tôi cứu giùm Từ.  
Cậu tôi nhận lời nhưng có ý ngại về sự tốn kém  
nhiều cho thân chủ. Tôi thưa :

- Tất cả các phí tổn đều về phần cháu chịu.

Rồi tôi đưa ngay cậu tôi ra Quy Nhơn gặp Từ.

Thoạt mới uống mười thang, bệnh Từ giảm  
xuống một cách bất ngờ. tay Từ đã co lại, bỗng ngay  
ra được và cầm viết viết được như cũ. Từ mừng quá  
ôm cậu tôi mà khóc oà.

Từ ấy bệnh mới ngay mới bớt dần, và chỉ hai  
tháng sau thì da thịt tròn liền trở lại như cũ. Cả nhà  
mừng, bè bạn mừng. Từ và cậu tôi thật hết sức  
mừng !

Từ khi Từ mang bệnh Từ dời chỗ ở luôn luôn.  
Khi bệnh đã thuyên giảm, Từ lại dọn về quán nhà cũ  
ở đường Khải Định.

Và trước khi cậu Đoàn Phong đến châu cho Từ,  
một đêm Từ nằm mộng thấy đức Mẹ Maria lấy  
nhành dương nhúng nước thánh tẩy khắp mình Từ.  
Từ cảm thấy "mát đến ớn lạnh". Cho nên khi cầm  
viết viết được, liền soạn bài *Thánh nữ Đồng Trinh*  
để tạ ơn Đức Mẹ :

### THÁNH NỮ ĐỒNG TRINH MARIA

*Như song lộc triều nguyên : ơn phước cả,  
Dâng cao dâng thần nhạc sáng hơn trăng.  
Thơm tho bay cho đến cõi Thiên đàng*

*Huyền diệu biến thành muôn kinh trọng thể,  
Và Tổng lãnh Thiên thần quỳ lạy Mẹ  
Tung hô cầu đường hạ ngợp châu sa.  
Hương xông lên lời ca ngợi sum hoà :  
Trí miếu duệ của muôn vì rất Thánh.*

*Maria ! Linh hồn tôi ớn lạnh !  
Run nhut run thần tử thấy long nhan,  
Run nhut run hơi thở chạm tơ vàng...  
Nhưng lòng vẫn thấm nhuần ơn trời mến.*

*Lạy Bà là đấng tình truyền thánh vẹn.  
Giàu nhân đức, giàu muôn học tử bi.  
Cho tôi dâng lời cảm tạ phò nguy  
Cơn lâm lụy vừa trải qua dưới thế.  
Tôi cảm động rừng rừng hai hàng lệ :*

*Dòng thao thao bất tuyệt của nguồn thơ.  
Bút tôi reo như châu ngọc dền vua ;  
Trí tôi hớp bao nhiêu là khí vị...  
Và trong miệng ngậm câu ca hùng bí,  
Và trong tay nắm một nắm hào quang...*

*Tôi no rồi, ơn vô lộ hòa chan.  
Tấu lạy Bà, Bà rất nhiều phép lạ.  
Ngọc như ý vô tri còn biết cả,  
Hương chi tôi là Thánh thể kết tình.  
Tôi ưa nhìn Bắc đẩu rạng bình minh,  
Chiếu cùng hết khắp ba nghìn thế giới...  
Sáng nhiều quá cho thanh âm vời vợi,  
Thơm đường bao cho miệng lưỡi không khen.*

Hỡi Sứ thần Thiên Chúa Gabriel,  
Khi Người xuống truyền tin cho Thánh nữ,  
Người có nghe xôn xao muôn tình tú ?  
Người có nghe náo động cả muôn trời ?

Người có nghe thơ màu nhiệm ra đời  
Để ca tụng, - bằng hoa hương sáng láng  
Bằng tràng hạt, bằng Sao Mai chiếu rạng -  
Một đêm Xuân là rất đổi anh linh ?

Đây rồi ! Đây rồi ! Ngọc chuỗi vàng kinh.  
Thơ cầu nguyện là thơ quán tử ý.  
Trượng phu lời và tông đồ triết lý  
Là Nguồn Trăng yêu mến Nữ Đồng trinh,  
Là Nguồn Đau châu lụy Nữ Đồng trinh...

Cho tôi thấp hai hàng cây bạch lập,  
Khởi nghiêm trang sẽ dâng lên trần ngập  
Cả Hàn Giang, cả màu sắc thiên không  
Lút trí khôn và ám ảnh hương lòng  
Cho sốt sáng, cho đề mê nguyện ước...

Tấu lạy Bà, lạy Bà đầy ơn phúc,  
Cho tình tôi nguyện vẹn tợ trắng rằm,  
Thơ trong trắng như một khối băng tâm  
Luôn luôn reo trong hồn, trong mạch máu ;  
Cho vỡ lở cả muôn ngàn tình dẫu,  
Cho đề mê âm nhạc và thanh hương,  
Chim hay tên ngọc, đá biết tuổi vàng,  
Lòng vua chúa cũng như lòng lê thứ,  
Sẽ ngậy ngất bởi chung thơ đầy ứ  
Nguồn thiêng liêng yêu chuộng Mẹ Sầu Bi.

Phượng Trì ! Phượng Trì ! Phượng Trì ! Phượng Trì !  
Thơ tôi bay suốt một đời chưa thấu,  
Hồn tôi bay đến bao giờ mới đậu  
Trên triều thiên ngời chói vạn hào quang ?

Từ chép gởi bài thơ này cho tôi với một bức thư  
đầy vui sướng.

Tôi cũng hết sức vui sướng. Nhưng không hiểu  
hai chữ "Phượng Trì" Từ lấy tích ở đâu, bèn viết thư  
ra hỏi. Từ đáp :

- Đạo vốn có một. Người đời hiểu sai lạc rồi  
phân chia ra Đạo này đạo nọ. Cho nên tôi nghiệm  
Đức Mẹ chỉ có một, nhưng vì óc phân rẽ kia, nên  
bên Đạo Phật gọi là Quan Âm Bồ Tát, bên Đạo  
Tiên gọi là Tây Vương Mẫu, bên đạo Thiên Chúa  
gọi là Thánh Nữ Đồng Trinh Maria. Tên tuy khác,  
nhưng theo tôi, chỉ là một đấng mà thôi. Mà Tây  
Vương Mẫu ở Phượng Trì nên tôi dùng chữ Phượng  
Trì để chỉ nơi Thánh Nữ ngự.

Sau đó nhân ra thăm Từ, tôi bảo :

- Tây Vương Mẫu ở Giao Trì chứ không phải  
Phượng Trì.

Từ cười và sửa lại bản thảo. Nhưng trầm ngâm  
hồi lâu rồi lại nói :

- Không được ! Chữ Giao Trì không nói lên được  
gì cả. Chữ Phượng Trì, tiếng ngân đã dài lại ấm.

Lời Từ nói rất đúng. Âm hưởng chữ Phượng Trì thật hơn chữ Giao Trì. Tôi lại tự nghĩ :

- Thế giới của Tây Vương Mẫu cũng như thế giới của Thánh Nữ Đồng Trinh Maria, là cõi Thọ, cõi Mộng. Cổ nhân có thể dùng Giao Trì mà đặt tên Vương cung, thì sao Từ không có quyền dùng Phượng Trì để đặt tên cho Thánh thất ?

Nhưng tôi chưa kịp nói ra thì Từ vội tiếp :

- Sắc lông chim phượng vàng ánh, thật kêu gọi quá chừng !

Cảnh huy hoàng nơi Thiên cung vụt hiện trong trí tôi. Và khi nghe Từ cao giọng ngâm :

*Phượng Trì ! Phượng Trì ! Phượng Trì ! Phượng Trì !  
Thơ tôi bay suốt một đời chưa thấu,  
Hồn tôi bay đến bao giờ mới đậu  
Trên Triều Thiên ngồi chơi vạn hào quang.*

Thì tôi có cảm giác là thơ Từ và hồn Từ sẽ to đôi cánh, nhịp nhàng bay vào trong nơi sáng lạn mênh mông... Tôi buột miệng khen :

- Thần tự !

Từ rất sung sướng. Tôi cũng hết sức sung sướng. Vừa sung sướng được một bài thơ tuyệt diệu, vừa sung sướng được thấy bệnh của Từ sắp khỏi hẳn.

Cậu Đoàn Phong nghe tin tôi về Quy Nhơn, liền tìm đến thăm. Ông nói :

- Phải uống thêm thuốc bệnh trong ít lâu rồi sẽ uống thuốc bổ. Bây giờ phải đổi ít vị sát trùng và thêm ít vị trợ lực. Rồi mười hôm lại bớt thuốc bệnh, thêm thuốc bổ vào. Cứ lần lần như thế, đến cuối năm nay là bình phục hoàn toàn.

Từ theo đúng lời cậu tôi. Ngót mấy tháng không thấy bệnh trở đi trở lại, ai nấy cũng tin chắc là đã khỏi hẳn. Cậu Đoàn Phong đến xem mạch một lần cuối và bảo :

- Không còn ngại gì nữa. Bây giờ chỉ cần bổ dưỡng mà thôi.

Cậu tôi liền cho toa uống thuốc bổ.

Mấy thang đầu, Từ thấy dễ chịu. Nhưng đến thang thứ chín thứ mười thì Từ lên cơn sốt nặng, rồi bệnh lần lần tái phát.

Bệnh Từ tái phát lần này thật hết sức dữ dội. Cậu tôi không hiểu tại sao, ngỡ rằng Từ gần gũi phụ nữ. Sự thật thì không phải thế. Bệnh vốn nan y, lâu nay chẳng qua ngủ quên nay thức giấc trở dậy đó thôi. Cậu tôi liền cho nghỉ thuốc ! Hốt thuốc bệnh trở lại. Nhưng càng uống, bệnh càng tăng ! Cậu tôi đành chạy !

Không lẽ bỏ tay, bà thân Từ lo tìm thầy khác. Hễ nghe đâu có thầy hay thì bà tìm đến, khó khăn, tốn kém mấy cũng không nề. Mà các thầy thuốc, ông nào cũng vậy, hốt các thang thuốc đầu thì hiệu

quả đều có, không nhiều thì ít. Nhưng rồi bệnh lại trở, mà mỗi lần trở, bệnh lại mỗi lần nặng thêm.

Đó là vào khoảng hạ bán niên 1938.

Để tránh đôi mắt của Sở Vệ sinh Công cộng, Từ phải tìm những nơi trọ kín đáo vắng vẻ.

Thương con, bà thân Từ ngày nào cũng khóc !  
Và để giúp bạn, tôi không còn biết làm gì hơn là mỗi tháng gởi ra Từ một số tiền nhỏ tùy theo khả năng tài chính của mình !

\*

Từ ngày mắc chứng nan y, thiên tài của Từ bột phát, và thơ của Từ mở ra một chân trời mới lạ hẳn.

Khi biết mình mang bệnh hiểm nghèo, Từ hết sức đau đớn, đau đớn đến phát điên. Thường ngày những cơn thác loạn nổi dậy, khi nhiều khi ít... Nhưng ngày rồi ngày, nỗi đau khổ hết phát hiện ra ngoài một cách bông bột, thì lại ăn sâu vào tâm hồn và ngấm ngấm nung nấu nạn nhân, nung nấu đến tột độ.

Con trai bị hạt sạn hạt cát làm thương tổn cõi lòng, liền nhả tinh ba ra quần lấy hạt sạn hạt cát cho êm dịu bớt vết thương. Mỗi ngày tinh ba mỗi tiết, lần lần kết thành ngọc trai.

Để xoa dịu tâm hồn đau khổ, anh ba của Từ cũng phải phát tiết. Bệnh càng tăng, nỗi đau khổ

càng ray rứt, thấm thía, thơ Từ càng thêm sức mạnh, càng thêm dồi dào, và dào dạt phun ra những "luồng sóng điện nóng ran", những "tia sáng xôn xao", thoát ra những "tiếng khóc, tiếng gào, tiếng rú".

Những bài thơ tân kỳ xuất hiện.

Đọc những bài như *Trường tương tư* hoặc *Hồn là ai* thì chúng ta cũng có thể cảm thông được nỗi đau đớn của Từ. Nguồn cảm hứng của Từ đã phát xuất tận trong đáy hồn đau khổ vô biên, và tuôn ra - như lời Từ nói - khi máu cuồng rền vang dưới ngòi bút. Nó gây nơi chúng ta một cảm giác lạ lùng và rờn rợn. Nó đưa chúng ta vào "một vườn hoa rình, không bờ bến, càng đi xa càng ớn lạnh"<sup>(1)</sup>.

Bên cạnh nỗi đau khổ vì bệnh tật, còn thêm nỗi buồn thương vì phải sống xa gia đình, xa bè bạn, trong những nơi quanh vắng đìu hiu !

Cảnh bơ cơ trơ trọi cũng dày vò tâm trí Từ đến cùng cực và gây cho Thơ chàng một bầu không khí buồn chán vừa thấm thía vừa mệnh mông !

### HỒN LÀ AI

*Hồn là ai ? Là ai, tôi chẳng biết,  
Hồn theo tôi như muốn cột tôi chơi.  
Môi đầy hương tôi không dám ngậm cười  
Hồn vội mớm cho tôi bao ánh sáng...*

---

(1) Những chữ, những câu đóng trong vòng kép là những chữ những câu của Từ, phần nhiều trích ở tựa *Thơ điên*.

Tôi chết giả và no nề vô vạn,  
 Cười như điên, sặc sụa cả mùi trắng.  
 Áo tôi là một thú ngộp hơn vàng  
 Hồn đã cấu, đã cào, nhai ngấu nghiêng !  
 Thịt da tôi sượng sần và tê điếng.  
 Tôi đau vì rừng rợn đến vô biên.  
 Tôi chìm hồn xuống một vũng trắng êm,  
 Cho trắng ngập, trắng dồn lên tới ngực.  
 Hai chúng tôi lặng yên trong thốn thức.  
 Rồi bay lên cho tới một hành tinh,  
 Cùng ngã nghiêng lẫn lộn giữa muôn hình,  
 Để gào thét một hơi cho rợn ốc,  
 Cả thiên đàng, trần gian và địa ngục...

\*

Hồn là ai ? Là ai, tôi không hay  
 Dẫn tôi đi rờn rã một đêm nay,  
 Hồn mệt lả mà tôi thì chết giấc...

### CÔ LIÊU

Gió lùa ánh sáng vô trong bãi,  
 Trắng ngập đầy sông chảy lảng lai.  
 Buồm trắng phất phơ như cuống lá,  
 Lòng tôi bát ngát rộng bằng hai.

Tôi ngồi dưới bến đợi nường Mơ,  
 Tiếng rú ban đêm rạn bóng mờ !  
 Tiếng rú hồn tôi xô vỡ sóng,  
 Rung tầng không khí, bạt vì lô.

Ai đi lảng lảng trên làn nước,  
 Với lại ai ngồi khút cạnh tôi ?  
 Mà sao ngậm cứng Thơ đầy miệng,  
 Không nói không rằng, nín cả hơi !

Chao ôi ! Ghê quá ! Trong tư tưởng,  
 Một vũng cô liêu cũ vạn đời.

Đọc thơ, chúng ta cảm thấy một nỗi cô quạnh hoàn toàn, một nỗi cô quạnh rừng rợn, khủng khiếp ! Cô quạnh đến nỗi nghe rõ cả tiếng nói tận đáy hồn, đáy tim, đáy phổi, đáy lòng ! Cô quạnh đến nỗi nghe tiếng mơ lớn bằng tiếng rú, tiếng hồn xô vỡ cả sóng rung cả không khí, bạt cả tiếng vì lô ! Và cô quạnh đến nỗi bóng của lòng hiện thành hình người ngồi bên cạnh, đi trên nước !

Những cảnh tượng đó không chỉ có trong thơ mà

Đó là sự thật đã biến thành thơ. Những thơ

Từ đều là những lời ghi chép trung thành những n giấc, nhưng tư tưởng... của Từ, những hình ảnh, những ảnh tượng hiển hiện rõ ràng ra trước mắt hay kết tụ ở trong trí mong mơ. Thi nhân làm thơ trước hết là vì mình, nên chỉ nói những gì mình cần phải nói, chỉ nói những gì thật thấy, thật cảm thấy và thật cảm. Nghĩa là chỉ nói những Cái Thật, thật đối với thi nhân.

Như bài *Cô liêu*, Từ đã làm sau một đêm cuối thu, một mình ngồi ngắm cảnh trăng khuya trên bãi biển Quy Nhơn.

"Đêm ấy - theo lời Từ kể - vì tiết sắp sang đông, nên bãi biển không một bóng người qua lại, mặc dù trời không lạnh và trăng sáng như ban ngày. Đêm thanh hết sức, thanh đến nỗi nghe rõ cả tiếng của chiêm bao ! Cảnh trời thật mênh mông bát ngát. Lòng tôi lại mênh mông bát ngát bằng hai... Thân tôi chìm trong không gian vô tận và hồn tôi chìm trong cõi lòng rộng vô biên.

"Tôi có một cảm giác ngờn ngợp...

"Chợt nhìn lên trời thấy bóng trăng đã đứng đầu, và nhìn bên cạnh thấy một bóng người ngồi sát. Liền đó, từ trong bóng người ngồi bên cạnh tôi, bước ra một bóng thứ hai, đi từ từ ra biển và bước lững thững trên mặt nước... Rồi hai bóng đều biến mất và mặt biển đông lại thành tuyết sáng ngời dưới bóng trăng khuya. Thoạt hiện ra một người, thân vóc nữ nang, mình khoác chiếc áo lông, vai gánh hai thùng thiếc đựng đầy nước óng ánh. Người ấy bước đi thì nước ở trong thùng tung ra và hóa thành tuyết đổ lã chã trên tuyết. Người gánh máu đi lần vào bờ... Tôi khiếp quá, hét lên một tiếng, vụt đứng dậy, chạy một mạch về nhà. Vừa đến nhà, mệt quá, té nằm trút thêm, ngút hơi... Từ ấy cảnh tượng kia ám ảnh tôi mãi..."

Từ lại nói :

- Cảnh tượng người gánh máu đi trên tuyết khi trông thấy thì rùng rợn hơn cảnh tượng người ngồi bên cạnh tôi. Song về sau, mỗi lần nghĩ lại, cảnh tượng

người ngồi bên cạnh lại gây một cảm giác rùng rợn hơn.

Do đó mà Từ lại soạn thành hai bài thơ, bài *Cố liêu* và bài *Cuối Thu* trong có những câu :

*Lua trời ai dệt với ai căng ?*

*Ai thả chìm bay đến Quảng Hằng ?*

*Và ai gánh máu đi trên tuyết,*

*Mảnh áo da cừu ngấm nở nang...*

Những cảnh tượng ấy do tâm trạng của Từ phát hiện.

Từ sống lẻ loi trong niềm đau khổ. Đau khổ nung nấu Từ đến một độ mà trí chúng ta - những người chưa bao giờ đau khổ đến mức độ của Từ - không thể tưởng tượng nổi, khiến tâm hồn Từ mang những sắc thái đặc biệt quá xa lạ đối với chúng ta, và khiến Từ có những cảm giác, những ý tưởng, những quan niệm khác hẳn chúng ta. Do đó nhiều bài thơ của Từ, đối với chúng ta, trở thành bí hiểm. Bí hiểm chỉ vì chúng ta không nhìn thấy trạng thái của tâm hồn Từ, không thông cảm nỗi những nỗi đau khổ của Từ, chứ không phải Từ cố ý làm cho thơ mình bí hiểm; như đã có người hiểu lầm.

Thế là nhờ có đau khổ cao độ mà Thiên tài của Từ phát triển bùng bột. Và vì mức đau khổ quá sức tưởng tượng của chúng ta mà thơ của Từ trở thành bí hiểm đối với chúng ta vậy.

\*

Đau khổ đến thế tưởng cũng đã là cực điểm.

Nhưng bên cạnh nỗi đau khổ về bệnh tật, về cô quạnh, Tú còn phải chịu đau khổ về tình duyên.

Nguyên Tú có một người yêu ở Phan Thiết, bị danh là Mộng Cầm. Hai bên đã nặng lời thề thốt "trăm năm cùng già". Nhưng sau khi Tú lâm bệnh nguy nghèo thì Mộng Cầm đi lấy chồng, gieo vào lòng Tú một mối buồn thương vô hạn.

Mộng Cầm là cháu kêu thi sĩ Bích Khê bằng cậu. Nhưng Tú biết Bích Khê sau khi biết Mộng Cầm.

Cuộc tình duyên giữa Tú và Mộng Cầm, trong thời kỳ Tú còn lành mạnh, có rất nhiều thơ mộng. Nhưng hiện Mộng Cầm có gia đình : cuộc đời quá vắng không gây hạnh phúc cho cuộc đời hiện tại, nên chỉ xin đưa ra những gì không thể giấu được, vì liên hệ đến văn chương.

Mối tình giữa Tú và Mộng Cầm rất đậm đà thấm thiết, ít ra cũng rất đậm đà thấm thiết về phần Tú.

Cho nên, việc đi lấy chồng của Mộng Cầm - mặc dầu là lẽ tất nhiên, không có chi đáng trách - đã gây trong lòng Tú một phản ứng rất mãnh liệt. Tú đã phải kêu cả tên thiết của nàng ra để than trách, trong bài *Muốn năm sầu thảm*.

Vừa giận, vừa hờn, vừa thương nhớ, vừa yêu đương ! Giận hờn đến nỗi đổ thừa rằng tấm thân mình bị tàn tạ như thế này là do sự phụ rẫy của nàng ! Đó là vì thương quá mà sanh ra giận quá. Tú thường ngâm câu thơ bông đùa của tôi :

*Thương quá đổi thương, thương hóa giận  
Giận chi thì giận, giận rồi thương.*

Tú nói :

- Chữ "rồi" không đúng sự thật. Phải sửa là "càng". "Giận chi thì giận, giận càng thương".

Thật đúng với tâm trạng của Tú trong trường hợp Mộng Cầm.

Tú giận Mộng Cầm sau khi Mộng Cầm đi lấy chồng bao nhiêu thì nhớ thương và yêu đương bấy nhiêu. Bài *Muốn năm sầu thảm* phản ánh trung thành nỗi lòng của Tú. Thật là những tiếng "kêu rên thống thiết"(\*)

Nhưng với thời gian, nỗi đau khổ vì tình, lắng dần xuống. Lời oán trách không còn, và niềm nhớ tiếc trở nên êm dịu và sâu sắc. Chúng ta nhận thấy rõ điều ấy trong bài :

### SAY CHẾT ĐÊM NAY

*Trời Hàn Giang đêm nay không sóng,  
Lòng cô liêu đồng vọng mà chi !*

---

(\*) Lược bỏ đoạn trích *Muốn năm sầu thảm*, đã in ở phần của Trần Thanh Mai (V.T.N)

Gió đông đoài gặp tình si,  
 Ôi chao quán quýt nói gì nhớ thương.  
 Trăng cổ độ hết vương cảnh trúc,  
 Hẹn đoàn viên tình thực chiêm bao.  
 Đêm nay lại giống đêm nào,  
 Nhấp xong chung rượu buồn vào tận gan.  
 Say thôi lại muốn Nàng nâng đỡ,  
 Nhưng Nàng xa từ thuở vu quy !  
 Nhớ thôi lòng những sầu bi,  
 Lệ sa vào rượu hàng mi lờ mờ...  
 Ta là khách bơ vơ phàm tục,  
 Nhớ cầm trăng cung bực tiêu tao.  
 Không ai trang điểm má đào,  
 Cho ta say chết... đêm nào đêm nay.

Cay đắng nhưng ngọt ngào. Thật là thâm trầm và ý vị.

Có người nói :

- Nếu Hàn Mặc Tử không gặp cảnh đau thương, chưa chắc thơ đã hay đến thế.

- Cũng có lý.

Và trong hoàn cảnh có một không hai của Tử, Tử đã sống như lời Tử nói trong bài tựa *Thơ điên* - mãnh liệt và đầy đủ. "Sống bằng tim, bằng phổi, bằng máu, bằng lệ, bằng hồn". Tử đã "phát triển hết cả cảm giác của Tình Yêu" đã "vui, buồn, giận, hờn đến gần đứt sự sống".

Chắc cũng có bạn muốn biết :

- Mối tình Mộng Cầm có phải mối tình đầu của Tử ?

- Thưa không.

Khi Tử làm Sở Đặc Điền Quy Nhơn, Tử có yêu một thiếu nữ ở cùng một con đường - đường Khải Định - biệt hiệu là Hoàng Cúc.

Mối tình giữa một anh chàng đôi mươi và một cô nàng mười lăm mười bảy, lẽ tất nhiên là trong đẹp, nên thơ. Để tỏ tác lòng cùng người yêu, Tử có bài :

### VỊNH HOA CÚC

Thu về nhuộm thắm nét hoàng hoa  
 Sương điểm trắng lồng bóng thướt tha.  
 Vẻ mặt khác chi người quốc sắc  
 Trong đời tri kỷ chỉ riêng ta.

Và bài :

### TRỒNG HOA CÚC

Thích trồng hoa cúc để xem chơi,  
 Cúc ngó đơn sơ, lắm mặn môi.  
 Đêm vắng gần kề say chén nguyệt,  
 Vườn thu vắng vẻ đủ mua vui.

Tình thơ lợt lạt và có vẻ "nhà Nho".

Đừng đổ tội cho thể thơ.

Cũng đừng tưởng mối tình của Tử đối với Hoàng Cúc không nồng nàn.

Đó là do ảnh hưởng của thời đại.

Thời bấy giờ phong trào lãng mạn tuy đã bành trướng khắp nơi, song ở Quy Nhơn, ảnh hưởng chưa được sâu sắc. Chữ Lễ còn đi kèm bên chữ Yêu chẳng khác mù vú già theo kèm cô chủ dậy thì có nhan sắc. Cho nên cách tỏ tình cần phải kín đáo, tình tỏ ra không dám số sàng.

Hai bài thơ trên phản ánh thái độ yêu đương của thanh niên thời bấy giờ mà Tú là một.

Nhưng thường được gần gũi với người yêu, thì tâm trạng của Kim Lang đêm trăng nơi vườn Thúy, không còn là tâm trạng riêng của chàng trai đời Gia Tĩnh triều Thanh, mà là tâm trạng chung của Nòi Tinh muôn thuở. Cho nên đối với Hoàng Cúc đã có lần Tú muốn gác lễ nghĩa một bên.

Tú có đọc cho tôi nghe một bài thơ, theo Tú, chưa đọc cho ai nghe hết, và dặn tôi phải giấu kín, rằng :

*Bấy lâu sát ngõ, chẳng ngăn tường,  
Không dám sờ tay sợ lấm hương.  
Xiêm áo đêm nay tề chỉnh quá.  
Muốn ôm hôn cúc ở trong sương.<sup>(1)</sup>*

Chân tướng của Tú đã hiển hiện rõ rệt trong bài thơ này. Tình của Tú đối với Hoàng Cúc đâu phải

(1) Hai câu này sau Tú lấy đem vào một bài trường thiên, bài *Mơ Hoa*.

không đượm đà, đâu phải không bằng bột. Tú chỉ gìn giữ đó thôi, dè dặt đó thôi.

Tú gìn giữ cho tình yêu trong trắng.

Tú dè dặt vì nền nếp Nho gia.

Và dè dặt gìn giữ để được thấy dưới bóng đuốc hoa cái gì cao quý nhất của người thực nữ : Tú muốn đưa tình yêu vụng lên đến cuộc hôn nhân.

Nhưng hôn sự bất thành !

Bất thành không phải vì Tú gặp cảnh rủi ro của chàng Kim Trọng. Bất thành vì vấp phải trường hợp của Tần Đà khi nhờ người dạm hỏi Đỗ thị. Nghĩa là thân sinh của Hoàng Cúc - lúc bấy giờ làm tham tá Sở Đạc Điền mà Tú là tùy thuộc - chê Tú không xứng mặt đồng sàng !<sup>(\*)</sup>

Tú thôi làm việc ở Sở Đạc Điền Quy Nhơn để vào Sài Gòn làm báo, chính vì bị chê không có địa vị cao sang. Ghé vào Nha Trang thăm tôi, khi đi Sài Gòn, Tú nói :

- Di chuyển này, tôi quyết xây sự nghiệp văn chương cho thật vững vàng, thử xem người ta có còn dám khi dễ.<sup>(\*\*)</sup>

Nhưng khi Tú có địa vị hãnh trong làng văn làng báo, thì Tú lại gặp Mộng Cầm, và khi Tú trở về

(\*) Theo Nguyễn Bá Tín, lý do là vì một bên theo đạo Thiên Chúa, bên kia theo đạo Phật. (VTN)

(\*\*) Khinh rẻ.

Quy Nhơn cho xuất bản *Gái Quê* thì Hoàng Cúc đã theo gia đình về Huế.

Thế là cùng Hoàng Cúc một xa, Tử không còn gặp lại.

Tuy không gặp lại, nhưng mối tình của Tử đối với Hoàng Cúc là mối tình đầu, thì - như lời Thế Lữ :

*Cái thuở ban đầu lưu luyến ấy,  
Ngàn năm chuta để đã ai quên.*

Mối tình đầu của Tử đã để dấu sâu đậm trong tập *Gái quê*. Những bài như :

### TÌNH QUÊ

*Trước sân anh thơ thân  
Đăm đăm trông nhận về*  
. . . . .

### ÂM THẦM

*Từ gió xuân đi gió hạ về  
Anh thường gửi gắm mối tình quê*  
. . . . .

là nỗi lòng nhớ thương Hoàng Cúc từ lúc Tử ở Sài Gòn. Vì vậy ban đầu Tử đã định đề tặng *Gái Quê* cho Hoàng Cúc, nhưng sau nghĩ có điều bất tiện, nên đành phải chôn kín nỗi lòng.

Khi Tử đau nằm ở Quy Nhơn, Hoàng Cúc có gửi vào tặng Tử một phiên ảnh "cô gái Huế" với lời

mời "ra chơi Vỹ Dạ". Tạ lòng tri kỷ, Tử gửi tặng lại một bài thơ nhan là *Đây thôn Vỹ Dạ*.

Chất tình trong trẻo, nguồn tình chứa chan, và niềm buồn thương, nhớ tiếc gia vị thêm đôi chút nghi ngờ, tạo cho thơ một hương vị ngòn ngọt dăng dăng, khiến người đọc có cảm giác đương ngồi uống trà sen một mình buổi sáng nhiều sương...

Mối tình đối với Hoàng Cúc còn phảng phất trong một số thơ khác của Tử, như trong bài *Phan Thiết* sau đây là một :

### PHAN THIẾT ! PHAN THIẾT !

*Nhớ khi xưa ta là chim phượng hoàng  
Vỗ cánh bay chín tầng trời cao ngất...  
Bay từ Đào Ly đến trời Đâu Suất,  
Và lùa theo không biết mấy là hương...  
Lúc dâng vân gặp ánh sáng chận đường,  
Chạm tiếng nhạc va nhằm thơ thiên cổ...  
Ta lời đình thấy trăng sao liền mở :  
Sao tan tành rơi xuống vũng chiêm bao,  
Trăng tan tành rơi xuống một cù lao  
Hóa đài điện đã rất nên tráng lệ.  
Ở ngôi sao, ngược mắt ra ngoài bể,  
Phong lưu ghê, sang trọng chẳng vừa chi.  
Ta mê man như tới chốn Phượng Trì,  
Ở mãi đấy không về Thiên Cung nữa.*

Nhưng phép lạ ! Có một vì tiên nữ  
 Hao hao như nường Nguyệt cỏi Đào Nguyên.  
 Ta đắm mê trong ánh sáng trần duyên,  
 Và van lạy xin cô nường kết ngãi ;  
 Mĩa mai thay cho phượng hoàng si dại  
 Là ta đây đương ở kiếp muôn chim...  
 Trở lại Trời tu luyện với muôn đêm  
 Hóp tình khí lâu năm thành chánh quả.  
 Ta trở nên như ngọc dàng kim mã,  
 Rất hào hoa, rất phong vận : Người Thơ...  
 Ta là trai khí huyết ước ao mơ  
 Người thực nữ sanh giữa thời vô thương  
 Rồi gây đại nhờ thất tình chỉ hướng,  
 Ta lang thang tìm tới chốn Lầu trang ;  
 Lầu Ông Hoàng, người thiên hạ đồn vang.  
 Nơi đã khóc, đã yêu đương đã diệt...  
 Ôi trời ôi ! Là Phan Thiết ! Phan Thiết !  
 Mà tang thương còn lại mảnh trăng rơi...  
 Ta đến nơi - Nường ấy vắng lâu rồi.  
 Nghĩa là chết từ muôn trăng thế kỷ ;  
 Trăng vàng ngọc, trăng ân tình, chưa phủ !  
 Ta nhìn trăng khôn xiết ngậm ngùi trăng.  
 Ta vãi tung thơ lên tận cung Hằng,  
 Thơ phép tắc bỗng kêu lên thống thiết :  
 Hỡi Phan Thiết ! Phan Thiết !  
 Mĩ là nơi ta chôn hận nghìn thu,  
 Mĩ là nơi ta sầu muôn ngất ngư...

Trong bài này, tình của Hoàng Cúc lẫn lộn cùng  
 tình của Mộng Cầm tạo thành khí thơ nhất quán.

Việc chim phượng hoàng si dại về trời tu luyện  
 chẳng phải việc Từ đi Sài Gòn lập nghiệp văn  
 chương ? Và niềm đau đớn, nhớ, thương, chẳng phải  
 niềm đau đớn, nhớ, thương của Từ sau khi mất  
 người yêu ở Phan Thiết ?

Rô là "đầu Cúc mình Cầm", nhưng thật là hay,  
 thật là đẹp !

Nhưng có người chê là chấp vá.

Không có gì chấp vá cả.

Những tình những cảnh, một khi đã vào trong  
 con người thơ, thì chẳng khác những món ăn vào  
 bụng dạ. Tất cả đều bị nghiền, bị ngấm, bị nung nấu  
 đến cực độ để biến hóa thành huyết nuôi thân. Rồi  
 một khi mạch máu bị nút vỡ, huyết vọt phun ra, thì  
 thử hỏi huyết kia có "chấp nối" những món ăn đã  
 tiêu hóa ? Thấy vòi huyết mạnh, sắc huyết thắm, tò  
 mò tìm xem "chủ nhân" đã tẩm bổ những gì. Biết  
 được rằng có "sâm" lẫn "nhung" trong huyết thì nói  
 nhỏ với nhau nghe, chớ phân tách thế nào được đâu  
 là "sâm", đâu là "nhung" mà bảo rằng "chấp nối".

Bài thơ *Phan Thiết* là chiếc áo trời không đường  
 may, mà tình Hoàng Cúc và tình Mộng Cầm là  
 đường canh đường chỉ của hàng lụa.

Hoàng Cúc cũng như Mộng Cầm hiện còn tại thế.

Nhưng tôi không quen cùng Mộng Cầm và mới  
 gặp qua Hoàng Cúc, nên không biết tình của hai chị  
 đối với người quá cố là ngọc đá hay ráng mây.

Và biết rằng :

*Sự đời để nước trôi đi,  
Lửa lòng đã nguội buoi chỉ tội lòng.*

Nhưng vì sợ người rồi trăm năm, kẻ nghìn sau yêu thơ Tú muốn biết rõ căn nguyên không biết ai mà hỏi, nên không dám giữ riêng những gì tôi đã nghe biết mà phải nói qua đôi nét đơn sơ.

Hoàng Cúc và Mộng Cầm là hai người yêu của Tú lúc Tú còn đương là chàng trai khí huyết.

Chắc cũng có bạn muốn biết rằng sau khi Tú mắc bệnh hiểm nghèo, Tú có còn yêu ai và có ai còn yêu Tú ?

Xin thưa : Giống đa tình chỉ hết yêu khi hết thở. Và người yêu Tú sau Mộng Cầm là Lê Thị Mai biệt hiệu Mai Đình. Mai Đình, người Thanh Hóa, con một tùy viên làm việc ở tòa sứ Phan Thiết.

Năm 1937 vào khoảng cuối năm, Mai Đình đi ngang qua Quy Nhơn cùng một người bạn là Trần Kiên Mỹ đến thăm Tú. Tú không tiếp, nhưng để đáp lại tấm lòng người phương xa, Tú gởi tặng một tập *Gái quê*.

Mai Đình mang *Gái quê* về Phan Thiết. Đi ngang qua Nha Trang nàng ghé thăm ông phán Lê Ngọc Đình vừa ở tòa Sứ Phan Thiết đổi ra Nha Trang. Ông Đình đến bảo tôi :

- Tại nhà tôi hiện có một giai nhân tuyệt sắc, rất hay thơ và rất mê thơ Hàn Mặc Tử. Cô ấy muốn gặp anh.

Tôi theo ông Lê Ngọc Đình. Ông cười, bảo :

- Anh có đem khăn mouchoir theo đó chăng ?

Tôi ngạc nhiên hỏi :

- Để làm gì ?

- Để lau nước mắt giùm cho cô ấy, vì mỗi lần nói đến Hàn Mặc Tử thì cô ấy khóc bù lu bù loa. Rồi ông lại tiếp : Và anh phải ngấm cô ấy bằng đôi mắt thi nhân, chớ đừng ngấm bằng đôi mắt phàm tục.

- Tôi không lãnh hội nổi ý của anh.

- Anh sẽ biết khi gặp người anh sắp gặp.

Vừa đến nhà thì tôi được giới thiệu cùng Mai Đình. Chùng ấy tôi mới hiểu ý nghĩa của câu "phải ngấm bằng đôi mắt thi nhân" của ông bạn đồng sự : Mai Đình thiếu những "yếu tố rung cảm".

Gặp tôi, nàng không chút e lệ, ngồi nói chuyện như người đã quen biết từ lâu. Phê bình thơ *Gái quê* xong rồi tỏ thật nỗi lòng đối với Tú :

- Biết Tú mang bệnh ngặt nghèo, lòng tôi hết sức thương thảm. Tôi mong sao sớm bớt được nỗi đau khổ của Tú, một đôi phần.

Rồi nàng trách Mộng Cầm sao đành lòng bỏ Tú.

Nàng vừa nói vừa khóc. Nhưng vì nàng khóc nhiều quá, nên tôi khó chịu hơn là cảm động. Đoạn lại nói :

- Ban đầu tôi chỉ thương Tú vì bệnh hoạn vì tình phụ. Nhưng sau khi đọc *Gái Quê* tôi yêu Tú vô cùng.

Tôi giật mình vì nghĩ ngay đến Chung Ly Xuân và Tề Tuyên Vương thời Đông Châu Liệt Quốc.

Hôm sau Mai Đình nhờ ông Lê Ngọc Định trao cho tôi, trước khi lên đường về Phan Thiết, một bài thơ nhan đề là *Biết anh* của nàng làm tặng Hàn Mặc Tử. Tôi còn nhớ hai đoạn :

*Còn anh em đã gặp anh đâu !  
Chỉ cảm vẫn thơ có những câu  
Ấu yếm say sưa đầy ca mộng,  
Xuối lòng nữ tử từng lúc đêm thâu.  
.....  
Mộng hồn em gửi theo chiều gió  
Để được gần anh ngò ít lời.*

Tôi liền viết cho Tử một bức thư kèm bài thơ của Mai Đình theo. Tôi không cho Tử biết rõ thân thế của Mai Đình và nói dối rằng nàng là một "tuyệt thế giai nhân". Tử cao hứng, làm bài *Lưu luyến* gởi vào nhờ tôi trao lại cho Mai Đình. Rằng :

### LƯU LUYẾN

*Chưa gặp nhau mà đã biệt ly,  
Hồn anh theo dõi bóng em đi.  
Hồn anh sẽ nhập trong luồng gió  
Lưu luyến bên em chẳng nói gì.*

*Thơ em cũng giống lòng em vậy,  
Là nghĩa thơm tho như ánh trăng,  
Mềm mại như lời tơ liễu rủ,  
Ấm thầm trong áng gió bắn khoắn.*

*Anh đã ngâm và đã thuộc lâu  
Cả người rung động bởi thương đau,  
Bởi vì mê mẩn vì khoan khoái.  
Anh cần lời thơ để máu trào...*

*Lời thơ ngâm cứng, không rền rĩ,  
Mà máu tim anh vọt lảng lui.  
Thơ ở trong lòng reo chẳng ngớt,  
Tiếng vang tha thiết dội nơi nơi.*

*Em đã nghe qua ? Em đã hay,  
Tình anh sao phải tỉnh mê say.  
Anh điên anh nói như người dại,  
Vần lục không gian xóa những ngày...*

*Những ngày đau khổ nhuộm buồn thiu,  
Những áng mây lam cuốn dập dều,  
Những mảnh nhạc vàng rơi lả tả,  
Những niềm run rẩy của đêm yêu.*

*Anh đứng cách xa hàng thế giới,  
Lặng nhìn trong mộng tiếng em cười.  
Em cười anh cũng cười theo nữa,  
Để nhận : Hồn em đã tới nơi.*

Khi tôi nhận được bài *Lưu luyến*, thì Mai Đình không còn ở Nha Trang. Tôi nhờ ông Lê Ngọc Định gởi vào Phan Thiết.

Mấy tháng sau, vào khoảng mùa xuân năm 1938, Mai Đình đi ngang qua Quy Nhơn, có ghé thăm Tú mấy lần, nhưng Tú không tiếp. Tôi hỏi nguyên nhân, Tú đáp :

- Thơ và người khác nhau xa quá ! Huống nữa gặp mặt nhau để làm gì ? Muốn thưởng thức vẻ đẹp của cánh bướm, phải đứng xa mà ngắm.

Không được Tú tiếp, Mai Đình ngỡ rằng Tú không muốn nàng trông thấy "tấm thân bệnh tật". Nàng lăm.

Lúc ấy Tú đương uống thuốc cậu Đoàn Phong, những dấu vết đau thương đã lặn hết, và Tú đã về sống chung cùng gia đình ở đường Khải Định. Bạn gái đến thăm Tú không phải chỉ một mình Mai Đình.

Tôi cải chính. Mai Đình than :

- Tôi biết tình tôi không xứng với Tú. Nhưng dù sao đi nữa, đã yêu thì cứ việc yêu.

Mai Đình nói thế là vì lúc bấy giờ nàng sống một đời sống không được đẹp. Thân không định trú, "bước giang hồ nay ở lại mai đi". Nàng đã thú thật :

*Còn đâu nữa, anh ơi, tình duy nhất*

*Của tim em hồi còn hãy thơ ngây.*

*Nay xóa mờ tan tác đám mây bay*

*Theo dòng nước hững hờ trôi đi mất...*

Nhưng đâu có phải vì thế mà Tú không tiếp, bởi Tú nào có biết rõ thân thể của nàng. Mà dù có biết đi nữa, Tú cũng không chấp. Bởi vì Tình Yêu đối

với nhà thơ chỉ là phân nước bốn tưới cho vườn hồn. Nhà thơ đâu có quan tâm đến sự trinh trắng ngoài thể xác của con người, đến địa vị sang hèn ngoài xã hội. Tú không tiếp chỉ vì "không thích" đó thôi.

Trước thái độ của Tú, Mai Đình vẫn không lùi.

Nhận thấy chỗ chân tình của nàng, hai bà chị của Tú khuyên Tú "không nên xử tệ" cùng bất cứ ai có lòng chiếu cố đến mình. Vì vậy đôi sau, Mai Đình tới thăm, Tú vui vẻ ra tiếp.

Tú tiếp Mai Đình đâu hai lần trong năm 1938.

Năm 1939, Mai Đình đến thăm Tú một lần nữa. Lần này nàng xin phép bà cụ ở chơi cùng hai bà chị Tú trong vài hôm.

Nàng ở được hai hôm.

Trong hai hôm ấy, nàng thường xuyên chuyện trò cùng Tú. Đối với Tú nàng rất thật tình. Nàng đem tỏ hết nỗi lòng của Tú. Nhưng vốn biết tánh bà cụ tuy hiền nhưng rất nghiêm và rất ghét thói trăng gió, nên dù yêu Tú đến đâu, nàng vẫn giữ gìn theo khuôn phép. Tú rất cảm động. Khi hai bên từ biệt nhau, Tú có tặng nàng một bài thơ có nhiều câu thống thiết.<sup>(\*)</sup>

Mai Đình đến thăm Tú lần ấy là lần cuối cùng.<sup>(1)</sup>

(1) Câu chuyện "Mai Đình nuôi Hàn Mặc Tử" trong sách của Trần Thanh Mai là hoàn toàn bịa đặt. Gia đình Tú đã nhiều lần cải chính.

(\*) Tiếp đây, dẫn lại một bài thơ Hàn Mặc Tử trong đó có câu *Đây Mai Đình tiên nữ ở Vu Sơn*, chúng tôi xin phép lược bỏ (VTN)

Một hôm ra thăm Tú, tôi nói :

- Mai thật tình yêu anh. Hãy liếm mũi nói thật anh có yêu Mai chẳng ?

Tú cười một cách hóm hỉnh :

- Nếu có một người con gái như Mai, yêu anh, anh có yêu lại được chẳng ?

Khó trả lời cho ổn, tôi ngó Tú cười "thông qua".  
Tú tiếp :

- Mai mạnh dạn tỏ lòng yêu tôi. Đã nhiều lần tôi cho Mai biết rằng tôi chỉ coi Mai như một người bạn thiết, lấy cớ rằng tình yêu của tôi đã giao trọn cho Mộng Cầm. Vì vậy nàng có bài thơ phản bĩ Mộng Cầm, trong đó có câu :

*Đã ra người hành khất bấy lâu nay  
Mà người đời toàn bạn vị đắng cay ?*

Hành khất tình yêu ?

Quả như vậy. Nàng đã tỏ thật cùng nhiều người điều ấy.

Nghe thơ, tôi cảm động, nói :

- Kể cũng tội nghiệp !

Tú thành thật đáp :

- Vì tội nghiệp nên tôi rất thương !

Tôi cười :

- Thương chỗ không yêu ?

Tú nhăn mặt :

- Đã nói rồi mà còn hỏi mãi !

Nhưng rồi làm lành ngay :

- Không tin thì tôi gà cho đó.

Tôi cười lớn :

- Ai lại đem gà cho ông mai ? Xin nói thật cho biết : Những thơ anh tặng cho Mai, Mai đều đưa cho những người quen biết xem. Ai này đều nhất định rằng anh yêu Mai lắm mới có thể có những vần thơ thắm thiết như thế.

Tú cười :

- Lòng tôi hết sức rung động khi tôi làm thơ tặng Mai. Có lẽ tôi chỉ yêu Mai trong khi làm thơ.

Bàn về mối tình Hàn Mặc Tử đối với Mai Đình, một ông bạn nói :

- Các anh không tam lý tí nào cả ! Khách chung tình thì tình yêu duy nhất và thuần nhất. Còn tình yêu của khách đa tình thì là một thứ cao nấu bằng những vị thuốc tình mồi sẵn trong tâm hồn, có, do các cô các bà cung cấp mỗi lần đi ngang qua vườn lòng, có.<sup>(\*)</sup> Mà Hàn Mặc Tử là giống đa tình. Cho nên : Ông tình trao ra lúc làm thơ tặng Mai Đình, đâu có phải tình thuần chất. Trong đó có tình Mộng Cầm, tình Hoàng Cúc lẫn lộn, và hòa tan vào tình

<sup>(\*)</sup> Chúng tôi không thật hiểu câu này, nhưng cứ xin để như nguyên bản (VTN).

Mai Đình. Tình trong thơ Tú tặng Mai Đình là "tình cao" pha loãng. Cao vốn đượm sẵn, dù có pha vào ít nước vẫn cứ đượm nhu thường. Có gì là lạ.

Một bạn khác lại nói :

- Hàn Mặc Tử là một chiếc bình đầy tràn tình là tình. Còn Mai Đình chỉ là một chiếc chén nhỏ để Tú rót cho vơi bớt nỗi lòng chứa chan. Hàn Mặc Tử là một họa sĩ có nhiều tranh cuốn cất vì thiếu móc treo. Mai Đình là một chiếc móc Tú dùng để treo những bức tranh tình đã có sẵn trong rương. Yêu lòng mình, yêu tình mình, Tú yêu luôn cái chén, cái móc. Nhưng người trong cuộc không nhận thấy được tâm trạng của mình, nên Tú mới bảo "có lẽ chỉ yêu Mai trong lúc làm thơ" là vậy đó.

Những lời nói trên là "kinh nghiệm bản thân" của những người đã từng sống mãnh liệt trong đời tình ái.

Đi ngang qua đời tình ái của Hàn Mặc Tử, đồng thời cùng Mai Đình còn một người nữa.

Đó là Lê Thị Ngọc Sương.

Ngọc Sương, người Thu Xà, tỉnh Quảng Nghĩa, là dì ruột Mộng Cầm và là chị ruột thi sĩ Bích Khê.

Hai chị em lúc bấy giờ mở trường dạy học ở Phan Thiết.

Và Bích Khê làm quen cùng Hàn Mặc Tử rồi trở nên thân, là do Mộng Cầm đứng trung gian.

Khi Mộng Cầm phụ tình Tú, đi lấy chồng. Bích Khê rất giận. Và khi nghe tin Mai Đình yêu Tú, Khê cười :

- Bà ấy thay Mộng Cầm thế nào được mà mong.

Bích Khê nói thế vì đã biết rõ Mai Đình. Và để an ủi Tú trong khi bị tình phụ, Khê nghĩ ra được một kế...

Năm 1938, Bích Khê ra thăm Hàn Mặc Tử. Khê tặng Tú một phiên ảnh bản thân của Khê chụp chung cùng chị, và giới thiệu Ngọc Sương cùng Tú.

Ngọc Sương là người có học thức, có văn phong, dung mạo lại phảng phất giống Bích Khê.

Vốn yêu Bích Khê, Tú yêu luôn người phảng phất giống !

Yêu nhưng không dám nói ra.

Nhưng cố giấu mãi trong lòng thì lại nhột nhột khó chịu.

Một hôm ngồi ngắm nghía phiên ảnh, Tú không cầm lòng được bèn thốt lòng ra thành bốn câu thơ :

*Tà dề chữ Ngọc trên tàu lá  
Sương ở cung Thiềm nhỏ chẳng thôi  
Tình ta khuấy mãi không thành khối,  
Nư giận đòi phen cần phải môi.*

Bích Khê nghe được, nhưng giả lơ như không hay không biết chi. Khê cũng không cho chị biết. Khê nói :

- Yêu trộm nhớ thầm là một cái thú. Và nỗi lòng mình người ngoài đã biết rồi mà mình cứ tưởng không ai biết, đó là một cái thú thú hai.

Tạo cho Tú được hai cái thú nên thơ, Bích Khê rất lấy làm khoái. Khê lại nói :

- Chị Sương bị yêu mà không biết, sẽ để lại một giai thoại trong làng Yêu.

Rõ được câu chuyện tôi hỏi Tú :

- Sao lại nhè yêu cả chị của bạn ?

Tú cười ha hả :

- Sự chủ có bị thiệt hại gì đâu.

- Người ta biết được, giận mới sao ?

- Thì xin lỗi vậy.

Câu chuyện không lọt ra khỏi vòng chí thân, và sự chủ là Ngọc Sương mãi đến gần một năm sau mới biết. Chị biết được là do Mai Đình đã đọc bài thơ kia cho chị nghe. Ngọc Sương không hiểu vì sao Tú lại biết mình mà yêu "bất từ" như thế, mới gạn hỏi Bích Khê. Khê phải thú thật... Chị mắng yêu em :

- Con quỷ ! Hèn chi mất tám hình trong album mà hỏi cứ cười cười chỗ không nói !

Gặp Ngọc Sương, tôi hỏi :

- Khi nghe Mai Đình đọc thơ, lòng chị như thế nào ?

Ngọc Sương cười :

- Tôi thấy thẹn thẹn.

Chỉ thẹn thẹn chỗ không giận, nên Tú khỏi phải xin lỗi.

Nhưng không muốn "chơi với lửa", Ngọc Sương yêu cầu em và các bạn đừng "đổ dầu thêm".

\*

Tình của Ngọc Sương chỉ thoáng qua trong đời Tú. Tình của Mai Đình tuy không đến nỗi hời hợt, nhưng không ăn sâu vào lòng Tú. Song cả hai đều là những ngọn gió mát thổi qua cuộc đời đương bị đau khổ nấu nung.

Ngoài tình giai nhân, còn tình bằng hữu.

Bạn của Tú khá đông.

Như :

- Chế Lan Viên, Bích Khê là hai bạn thơ đã chịu ảnh hưởng của Tú rất nhiều và cũng đã gây rất nhiều ảnh hưởng trong đời thơ của Tú. Hai bạn này thương yêu và kính trọng Tú như anh ruột. Bích Khê thỉnh thoảng mới ra thăm Tú. Còn Chế Lan Viên thì những giờ rảnh rang đều ở gần bên Tú.

- Xuân Khai tức Yến Lan, Hoàng Diệp, Quỳnh Dao cũng là những bạn thơ chịu ảnh hưởng Tú.

- Trọng Miên, Trần Thanh Dịch, Trần Tái Phùng, Nguyễn Đình Thúc, Hoàng Trọng Quy, Bùi Tuân...,

là những bạn ở xa, luôn luôn gửi thư đến khích lệ Tử trong việc sáng tác.

- Lê Đình Ngân, Hoàng Tùng Ngâm, Ai Mỹ B.D., Trần Kiên Mỹ, là những bạn ở gần, thường tới lui thăm viếng Tử.

Đó là những bạn tôi được biết.

Tất cả các bạn ai nấy cũng đều thương Tử và yêu thơ Tử, và ai nấy cũng tìm cách để nâng đỡ tinh thần Tử.

Lúc bấy giờ các báo chí đối với Tử rất lạnh nhạt. Nhưng thơ Tử ra bài nào là liền được phổ biến, nhất là ở Quy Nhơn và Huế. Và phổ biến sâu rộng hơn cả là trong giới học sinh. Nhiều em thuộc thơ Tử, không sót một bài, và chép thành từng tập rất đẹp.

Đó là nhờ sự truyền bá của các bạn thân yêu.

Nhờ tình ấp ủ của bạn bè mà Tử còn thấy vui trong lúc phải sống cùng bệnh tật.

Khi bệnh mới phát, Tử quyết tuyệt giao cùng bạn bè. Nhưng sau nhận thấy tình bạn đối với mình lại càng nồng hậu hơn trước, Tử bèn đổi thái độ. Tuy sức khỏe kém, Tử luôn luôn phúc đáp thư từ của bạn xa gửi đến, sơ cũng như thân, trừ trường hợp bất khả kháng. Còn các bạn đến thăm Tử, Tử vồn vã đón tiếp và nói chuyện quên cả thời giờ.

Sau khi uống thuốc cậu Đoàn Phong không còn hiệu nghiệm, Tử dọn lên ở tại xóm Động ở phía tây

thành phố Quy Nhơn. Tử thuê một túp lều tranh nho nhỏ, trong kê một chiếc giường chông, một bàn viết, hai ghế đẩu. Tử ở một mình với một chú tiểu đồng. Cơm nước buổi mai buổi chiều đều do chú tiểu đồng về nhà xách đem đến.

Một buổi sáng tôi đến thăm Tử, Tử mắc đi ngoài. Chú tiểu đồng thấy tôi, mừng rỡ, nói :

- Thầy linh quá ! Cậu mới nhắc mà đã đến rồi.

Tôi cười :

- Tao chết chắc thành quỷ.

- Đừng thành quỷ. Quỷ trông dễ sợ lắm !

- Sao mày biết ?

- Cậu tả rằng quỷ gầy như bộ xương người, mặt đen như lọ nghe, nanh bạc, móng sắt, tay cầm chiếc hái, hàm hàm cắn cổ người kéo xuống địa ngục. Cho nên cậu ước khi chết hóa thành chim phượng hoàng.

- Bảo cậu mày hóa phượng mái để tao hóa phượng cồ, bay có đôi cho vui.

Tiểu đồng thích chỉ cười ngật nghêu, rồi nói :

- Lên đây hơn một tháng rồi. Buồn quá ! Đường cát khó đi, ít ai đến thăm, trừ cậu Chế Lan Viên chiều nào cũng có mặt. Có cậu Chế thì cậu tôi vui vẻ, nói chuyện dè dặt. Còn những lúc nằm một mình, cậu cứ ngâm thơ rồi khóc, tôi khóc theo. Cậu thấy tôi khóc, cậu lại nín và dỗ tôi... Thấy vậy, mỗi lần cậu tôi khóc, tôi ra ngoài khóc một mình.

Nghe nói, tôi cảm động rung rung nước mắt.

Tiểu đồng tiếp :

- Cậu buồn nhưng lại muốn làm vui cho thiên hạ. Cậu thường kiếm chuyện tức cười kể cho tôi nghe. Tôi thương cậu lắm. Cậu cũng rất thương tôi, không bao giờ rầy tôi cả. Hôm trước đây, cậu thêm cá bống kho tiêu. Tôi về thưa cùng bà. Bà mua kho cho một trạch nhỏ. Nhưng trưa đem cơm, không biết ai hộp hờn hộp via tôi mà tôi quên lòng ! Khi trông thấy cậu tôi, tôi mới nhớ trực lại. Tôi toan chạy về lấy, thì cậu ngăn lại, nói : "Để chiều ăn cũng được. Cát nóng thế này, chạy đi chạy về chết chân còn gì". Đoạn bảo tôi dọn cơm ra. Cậu ngồi ăn một cách vui vẻ, vừa ăn vừa hỏi tôi : "Bà kho cá chắc ngon lắm phải không ?". Tôi đáp ầu : "Ngon lắm". Cậu cười, bảo : "Mây tả cái ngon cho tao nghe thử". Tôi biết rằng bà có mua cá và kho cá, chớ đã thấy cá ở đâu mà tả. Nhưng tôi đã từng thấy bà kho rồi, nên cứ theo thường lệ, tôi kéo một hơi không vấp rằng : "Cá bống lớn bằng ngón tay cái, trắng non và tròn múp. Cá rửa thật sạch, bỏ vào trạch nhỏ, bắc lên lò than hồng cháy riu riu... rồi bỏ tiêu, ớt, đường vào, chế nước mắm ngon vào, chế thêm nước màu vào, dậy vung lại. Cá đôi dụ dụ đều đều... Khi biết đã thấm mắm thấm màu và cạn nước rồi thì nhắc trạch cá xuống, mở vung ra, rắc thêm tiêu bột lên trên. Cá trông vàng nghinh, mùi thơm phức, làm nhỏ dãi những người háu ăn". Cậu

tôi cười lớn và bảo : "Không biết tao có háu ăn không, mà nghe mây tả cũng phải nhỏ nước dãi". Đoạn cậu và một búng lớn cơm, vừa nhai vừa cười : "Cá bống kho ngon thật". Thấy cậu vui tôi cũng rất vui. Đến chiều đem cá lên, cậu ăn thử và bảo tôi : "Mây tả đúng một trăm phần trăm. Tao sẽ dạy mây viết văn, nhất định mây sẽ trở thành văn sĩ tả thực".

Tiểu đồng thích ý cười, tôi cao hứng cũng cười lớn.

Từ ở ngoài về trông thấy tôi, lòng vui lộ ra củ chi :

- Anh đến phải lúc quá ! Có nhiều chuyện thú và thơ đang chờ đợi anh.

Rồi không đợi nói năng gì, Từ vào nhà lấy ra một mớ thư của bạn phương xa gửi đến và một mớ bản thảo thơ của Từ mới soạn đưa cho tôi :

- Dem về Nha Trang mà đọc. Bây giờ tôi kể cho nghe những chuyện đã xảy ra từ khi dọn lên đây.

Từ kể toàn những chuyện tức cười. Tôi hỏi :

- Không xảy ra chuyện gì bực mình sao ?

- Chuyện bực mình nó đã làm cho mình bực mình rồi, còn kể lại làm chi cho bực mình thêm một lần nữa.

Đoạn nói tiếp :

- Các cô con gái ở đây bảo nhau rằng tôi là thằng điên, không cô nào dám đến gần. Nhưng đêm

khuya lại rủ nhau đến rình nghe tôi ngâm thơ, và cười rúc rích.

Tử lại nói :

- Nhưng các cô gái ấy trông không được nên thơ. Tôi mới tạo được cây đàn độc điệu tuyệt thú.

Tôi đưa mắt nhìn quanh. Tử cười :

- Làm gì có ở đây mà kiếm. Cây đàn ấy không có dây, chỉ có miệng.

- Tôi chưa lãnh hội được.

- Đợi một lát nữa thì biết.

Câu chuyện kéo dài cho đến gần đúng bóng. Chợt Tử chỉ ra phía biển :

- Cây đàn độc điệu của tôi đã về kia.

Tôi trông theo ngón tay Tử : một chàng ngư phủ, tuổi độ ba mươi, ba lăm, thân vóc vạm vỡ, vai vác một vác lưới, xăm xăm đi về phía chúng tôi, chân bước nhịp nhàng, miệng hát theo nhịp bước :

- Tăng, tăng, tăng, cà răng tăng tăng. Tăng, tăng, tăng, cà răng tăng tăng...

Tử nói :

- Chàng ấy ở gần đây. Lúc đi biển, chàng ta cũng "tăng, tăng, tăng...", lúc trở về cũng : "tăng, tăng, tăng...". Cho đến lúc ru con cũng thế. Và ngày nào cũng như ngày nào, điệu "tăng, tăng, tăng..." cứ diễn đi diễn lại mãi. Anh ta hát không chán, mà tôi nghe

cũng không chán. Cho nên tôi gọi anh ấy là "cây đàn độc điệu" của tôi.

### TRĂNG VÀNG TRĂNG NGỌC

*Trăng ! Trăng ! Trăng ! Là Trăng, Trăng, Trăng !*

*Ai mua Trăng tôi bán Trăng cho.*

*Không bán đoàn viên, ước hẹn hò...*

*Bao giờ đậu trạng vinh quy đã*

*Anh lại đây tôi thối chữ thơ.*

*Không, không, không ! Tôi chẳng bán hồn Trăng.*

*Tôi giả đồ chơi, anh tưởng rằng*

*Tôi nói thiệt, là anh dại quá :*

*Trăng Vàng Trăng Ngọc bán sao đang.*

*Trăng ! Trăng ! Trăng ! Là Trăng, Trăng, Trăng !*

*Trăng sáng trăng sáng khắp mọi nơi,*

*Tôi đang cầu nguyện cho trăng tôi.*

*Tôi lần cho trăng một tràng chuỗi,*

*Trăng mới là trăng của Rạng Ngời.*

*Trăng ! Trăng ! Trăng ! Là Trăng, Trăng, Trăng !*

Tất cả những gì qua ngang giác quan nhà thơ đều không mất. Điệu đàn của anh chàng ngư phủ đã ghi dấu trong bài *Trăng vàng trăng ngọc* của Tử trích dẫn trên đây.

Một niềm vui hồn nhiên tràn ngập trong bài thơ. Đọc lên, tưởng chừng như Tử đang nhảy cà tưng dưới trăng, vừa nhảy vừa hát theo nhịp.

Bên những bài thơ vui nhộn như bài *Trăng vàng trăng ngọc*, lại còn có những bài vừa dịu dàng vừa

tươi sáng, như *Đà Lạt* trắng mờ, *Tối tân hôn*, *Huyền ảo*, *Mùa xuân chín*, vân vân...

Xin trích đôi bài làm chúng. Đây là hai đoạn cuối của bài *Huyền ảo*.

## HUYỀN ẢO

(đoạn cuối)

*Ánh trắng mỏng quá không che nổi  
Những vẻ xanh xao của mặt hồ,  
Những nét buồn buồn tơ liễu rủ,  
Những lời nấn nỉ của hư vô.*

*Không gian dày đặc toàn trắng cả !  
Tôi cũng trắng mà nàng cũng trắng.  
Mỗi ảnh một hình thêm phiêu diểu,  
Nàng xa tôi quá nói nghe chẳng ?<sup>(\*)</sup>*

Thật không hề tìm thấy một chút dấu vết của tật bệnh, một chút rên rỉ của đau thương. Đọc nghe êm như "lời mật rót vào tai" thật là "ý vị và thơ ngây" quá !

Đọc bài *Huyền ảo* có người hỏi tôi :

- Sao Từ lại nói "Thơm như tình ái của ni cô"?

Có lẽ đó cũng là điều thắc mắc của nhiều người nên xin thưa qua nguyên ủy.

Nguyên tôi có một đứa em gái con một ông cậu họ Võ ở thôn Hưng Trị, quận Phù Cát. Cô em quy

(\*) Xin phép lược bớt bài *Mùa xuân chín* đã quá quen thuộc (VTN).

y cùng thầy tú Liên Tôn, và tự nguyện đi tu suốt đời. Một hôm cô em gặp tôi ở Quy Nhơn, biết tôi sắp vào thăm Hàn Mặc Tử, cô em xin cùng đi, vì vốn đã có lòng cảm mộ. Tử tiếp đón ân cần, và cùng Võ Thị bàn về đạo Phật rất tương đắc.

Câu chuyện đương vui, bỗng có một ông đồ Nho đến chơi.

Ông đồ trông thấy Võ Thị tuổi mới mười bảy, mười tám mà đã thí phát nương chiền, thì liền tỏ ý mai mỉa :

- Cô đã biết đời ra sao mà vội chán, đi tu ?

Võ Thị cung kính thưa :

- Bùn vốn dơ, hà tăng phải lội xuống mới biết. Và đã biết trước rằng bùn dơ mà còn lội xuống để rồi lo rửa chân, thì chi bằng sớm tránh đi đừng lội, vì rửa chân đã mất công mà chắc chi đã sạch.

Ông đồ lại tiếp :

- Vật vô tri còn biết dè dặt. Huống chi làm người sao lại tránh điều tình ái ?

Võ Thị nghiêm nét mặt thưa :

- Kẻ tu hành không dám tránh trút gì hết. Chi đem tình thương yêu nhỏ hẹp ra thương yêu tất cả chúng sinh đó thôi.

Biết rằng quan niệm đôi bên khác nhau, sợ việc bàn cãi chỉ đưa đến sự mịch lòng vô ích, Tử liền cắt đứt, để nói sang chuyện khác.

Khi chúng tôi từ giả ra về, Tú kéo tôi lại nói nhỏ :

- Thật là một tấm lòng trong, thơm và rộng lớn.

Do đó mà Tú nhắc đến "ni cô".

Tú nhắc đến hai bạn. Một bạn trong bài *Huyền ảo* thượng dẫn, và một bạn nữa trong bài *Cao hứng* sau đây :

### CAO HỨNG

*Tôi làm trắng cổ độ,  
Lượng trời rộng bao la.  
Tôi là Tổ Đông Pha,  
Đàn tương tư lạc điệu.*

*Thơ tôi thương huyền diệu,  
Mọc lên đạo Từ Bi.  
Tôi bắt chước Hy Di  
Ngủ một trăm ngày đây.*

*Xem mặt trời đang cháy  
Là diễm có tiên tri.  
Tôi thấy nàng Tây Thi  
Giật sa trên bàn thạch.*

*Tôi yêu trời nguyệt bạch,  
Tôi say màu thanh thiên.  
Tôi ứng ả thuyền duyên  
Ở trong pho tình sử.*

*Cho tôi hoa đèn Ngự,  
Cho tôi lòng ni cô,*

*Xuân trên má nường Thơ  
Ngon như tình mới cần.*

Bài này cũng như các bài trên là tấm gương phản chiếu tâm hồn Tú trong những lúc bình tĩnh, thanh thoi. Đó là những lúc Tú sống cùng mộng, cùng Thơ, cùng những niềm vui tươi của dĩ vãng, niềm an ủi của bạn bằng...

Nhờ vậy mà Tú chịu đựng nổi với những nỗi đau khổ giày vò. Màu thê lương ảm đạm bớt ám ảnh tâm hồn Tú, những cảnh rừng rợn, đau thương bớt xuất hiện trong trí não Tú và thơ Tú bớt rít lên những tiếng kêu sâu thẳm hải hùng như khi bệnh tật mới phát khởi.

Lại thêm Tú tìm được niềm an ủi lớn nhất trong nguồn Đạo.

Khi đã sống cùng Đạo, thì tâm hồn Tú hết bị ray rứt giày vò. Tú sống trong yên lành và thơ Tú sanh ra nhiều ý tưởng thanh khiết. Như *Ra đời*, *Diễm lạ*, *Nguồn thơm*, *Xuân đầu tiên*, *Đêm cầu nguyện*, vân vân...

Xin trích đôi đoạn trong đôi bài làm mẫu.  
Đây một đoạn trong *Ra đời* :

*Cả trời bỗng lên muôn điệu nhạc  
Rất trọng vọng, rất thơm tho, man mác,  
Rất phương phi, trên hết cả anh hoa.  
Xuân ra đời...*

*Diễm ngọc ảm như ngà,*

Thơ có tuổi và chiêm bao có tích,  
Và tâm tư có một điều rất thích,  
Không nói ra vì sợ bớt say sưa.  
- Chàng ơi ! Chàng ơi ! Sự lạ hôm qua.  
Mùa xuân tới mà không ai biết cả.

Đây một đoạn trong Nguồn thơ và trọn bài  
Đêm xuân cầu nguyện :

.....  
Cả trời bỗng điều điều như báu vỡ,  
Nên tiếng vang thầm dội đến thâm tâm,  
Mà ta ngỡ rằng Tiên tri muôn thuở  
Giữa đêm nay còn đứng giảng Phúc âm.  
  
Tú thời xuân ! Tú thời xuân non nước !  
Phút thiêng liêng nhuần gội ánh hào quang.  
Thiên hạ bình, và trời tuôn ơn phước,  
Như triều thiên vờn lượn khắp không gian.  
.....

### ĐÊM XUÂN CẦU NGUYỆN

Trời hôm nay bình an như nguyệt bạch,  
Đường trăng xa, ánh sáng tuyết vời bay...  
Đây là hương quý trọng thấm trong mây  
Ngồi phép lạ của đức tin kiều diễm.  
Câu tàn tạ, không khen long cả phẩm :  
Bút Xuân Thu mùa nhạc đến vừa khi  
Khắp mười phương diễm lạ trở hoài nghi :  
Cây bằng gấm và lòng sông toàn ngọc ;

Và đầu hôm một vì sao liền mọc  
Ở phương Nam màu nhiệm biết ngàn mô !  
Vĩ muôn kinh dồn dập cõi thơ tho,  
Thêm nghĩa lý sáng trưng như thất bảo.  
Ta chấp hai tay lạy quỳ hoan hảo,  
Ngửa trông cao, cầu nguyện trắng không gian  
Để vừa dâng vừa hiệp bốn mùa xuân  
Nữ một lượt giàu sang hơn Thượng Đế.  
Đã no nê, đã bưa rồi, thế hệ  
Của phương trời mê mẩn khí thanh cao.  
Phượng hoàng bay trong một tối trắng sao  
Mà ánh sáng không còn khiêm nhường nữa.  
Đương cầu xin ọc thơ ra đường sữa,  
Ta ngất đi trong khoái lạc của hồn đau...  
Trên chín tầng, điều động cả trần châu  
Đường sống lại muôn ngàn họa phẩm tiết,  
Nhịp song đôi : này đây, cung cầm nguyệt  
Uớp lời thơ thành phước lộc đường tu.  
Tồi van lơn, thăm nguyện Chúa Giêsu  
Ban ơn xuống cho mùa xuân hôn phối,  
Xin tha thứ những câu thơ tội lỗi  
Của bàn tay thi sĩ kẻ lên trăng.  
Trong bao đêm xao xuyến vũng sông Hằng.  
Đó là những bài thơ đầy thi vị lẫn đạo vị.  
Xem những bài thơ này có người hỏi tôi :  
- Hàn Mặc Tử có thể gọi là một nhà thơ Thiên  
Chúa giáo chăng ?  
Tồi đáp :

- Một nhà thơ tôn giáo là một nhà thơ dùng thơ để truyền bá tôn giáo của mình. Quan niệm về tôn giáo của Tú, chúng ta đã thấy trong câu chuyện về bài *Thánh nữ Maria*. Tuy là một tín đồ Thiên Chúa giáo rất nhiệt thành, Tú vẫn thường xem kinh điển nhà Phật. Tú thường nói cùng bạn rằng : "Tôi lợi dụng văn chương và triết lý nhà Phật để làm thơ thôi. Tôi dung hòa cả hai thể văn chương tôn giáo : Thiên Chúa và nhà Phật. Đó chỉ là muốn làm giàu cho nền văn chương chung". Vì vậy thơ Đạo của Tú chịu ảnh hưởng cả hai nền tôn giáo. Nhưng tôi nhận thấy vang bóng của đạo Phật có phần tỏ đậm hơn đạo Thiên Chúa. Nếu có dịp tôi sẽ nói về ảnh hưởng đạo Từ Bi trong thơ Tú. Bây giờ tôi xin thưa rằng Tú là một nhà thơ đi vào vườn hoa tôn giáo chỉ để tìm hương phấn về ướp cùng hương thơ đó thôi. Bởi vậy không thể gọi Hàn Mặc Tử là một nhà thơ tôn giáo.

Tú là một nhà thơ thuần túy. Và thơ là nguồn sống của Tú.

Ban đầu Tú thiên về lãng mạn, và tâm hồn lãng mạn đã thể hiện ở *Gái quê*.

Từ khi bệnh Tú phát rõ rệt cho đến cuối năm 1939, bệnh tình của Tú mỗi ngày mỗi tăng, nhưng tâm trạng của Tú, như ta đã thấy, mỗi ngày mỗi bớt ray rứt, rồi đi đến chỗ bình tĩnh. Thơ Tú cũng theo tâm trạng của Tú mà thay đổi tính chất và hình thái.

Những thơ Tú sáng tác trong khoảng thời gian bệnh hoạn này gồm có ba tập là *Thơ điên*, *Xuân như ý* và *Thượng thanh khí*.

*Thơ điên* phần nhiều chứa đựng những niềm đau khổ, rối loạn... phát ra những khúc nhạc buồn thương, ray rứt, và tỏa ra một bầu không khí ảm đạm của mùa đông. Thơ trong tập này đi từ lãng mạn đến tượng trưng.

Từ *Xuân như ý* đến *Thượng thanh khí*, thơ Tú đi lần lần từ địa hạt tượng trưng đến địa hạt siêu thực. Lời thơ tươi sáng, nhưng tứ thơ nhiều khi vượt ra ngoài thực tế xa quá, khiến người đọc khó lãnh hội được dễ dàng, thấu đáo. Có nhiều bài đọc thấy hay, nhưng cái hay chỉ ý hội chớ không thể ngôn truyền. Ví dụ :

### ĐỪNG CHO LÒNG BAY XA

*Thượng thanh khí* tiết ra nguồn tình khí,  
*Xa xuôi đời*, trắng mọc nước huyền vi.  
*Đầy niên trường*, đầy vĩnh cửu, tề phi  
*Cao*, cao vượt, với hai hàng bóng vía.  
*Trời nhật nguyệt*, cầu vòng bắt từ phía...  
*Ô ! Hoàng Hoa ! Hồn phách* đến nơi đây ?

.....  
*Đàn cung bực*, gió dồn lên âm điệu,  
*Sững lòng chưa ? Say chấp cả thanh bai*.  
*Sang chơi thôi ! Sang chơi thôi ! Mà ai ?*  
*Thu đi rồi ! Bước lên cầu Ô Thước...*

. . . . .  
*Khói nhạt nhạt xen vô màu xanh biếc.  
Tiếng huyền dịch gò theo tia yến nguyệt  
Đầy đưa vài câu ngào ngạt trầm mị.  
Thình không tan như bào ảnh hư vô.  
Dải Ngân Hà biến theo cầu Ô Thước.  
Và ước ao và nhớ nhung lần lượt.  
Đắm im lìm trong mộng tượng buồn thiu.*

Lời thơ thành thật, thiết tha. Nhiều câu hết sức đẹp. Đọc lên nghe giòn giã, êm ái, nghe thật là thích thú. Nhưng chắc ít ai có thể giải thích cho rành mạch, có thể cho biết rõ tác giả muốn nói gì. Có người bảo rằng Tú muốn lập dị, cố ý làm cho thơ mình thành bí hiểm "để nhát độc giả chơi". Lại có kẻ lớn tiếng mạt sát :

- Thơ với thần gì ! Chỉ nói nhảm !

Không hiểu nổi thơ Tú, trở lại mạt sát Tú như thế, thật không quân tử tý nào cả ! Xin miễn bàn. Còn quý bạn cho Tú muốn lập dị, muốn "nhát độc giả", thì xin nghĩ kỹ thử Tú "lập dị" để làm gì ? Tú "nhát độc giả" để làm gì ? Trong khi Tú làm thơ để sống, cũng như ăn để sống, nghĩa là Tú làm thơ cho Tú, chứ đâu phải cho chúng ta.

Con tầm làm kén đâu phải để cho người đời kéo tơ dệt hàng.

Con trai nhà ngọc đâu có phải để cho người đời làm chuỗi làm hoa tai.

Dại diện cho một số nhà thơ chân chính, Trần Tử Ngang đời Đường đã nói :

"Văn chương là tác lòng gọi vào thiên cổ, đâu phải chuyện tài hoa phân sức nhất thời".

Ai đã nghe câu đó chắc không nỡ buông lời bất tồn khi đọc một nhà thơ, bất kỳ nhà thơ nào.

Đọc thơ người mà mình không hiểu nổi, không lãnh hội được, đó là lỗi ở mình đâu phải ở người mà nỡ chê trách. Chúng ta đọc thơ Hàn Mặc Tử, nhiều khi không hiểu được, đó là vì chúng ta không có cái tâm trạng của Tú, không có cái cảm giác của Tú đó thôi. Muốn hiểu thấu đáo một bài thơ hay thuộc về trường thơ nào cũng vậy, trước hết phải thông cảm cùng tác giả. Chúng ta khó thông cảm cùng Tú hơn các nhà thơ khác, vì các nhà thơ khác gần chúng ta hơn. Hàn Mặc Tử xa chúng ta không có gì lạ, vì đau khổ nấu nung tâm hồn Tú đến cực độ, và tạo cho tâm hồn Tú một sắc thái khác hẳn với chúng ta, lạ hẳn với thế giới chúng ta, khiến cho chúng ta không thể tưởng tượng được.

Thơ Tú đối với chúng ta, lắm bài khó hiểu là vì thế.

Mà dù khó hiểu hay dễ hiểu, âm đạm hay tươi sáng..., thơ Tú lúc nào cũng có tánh cách vương giả (noble), và giàu âm nhạc, giàu hình ảnh. Nhờ vậy mà thơ Tú, mặc dù khó hiểu, đã được nhiều người thuộc lòng, nhiều người đọc như đọc kệ, thích thú và say sưa.

Do đó mà thơ trong *Thơ diên, Xuân như ý, Thượng thanh khí*, tuy còn nằm trong bản thảo mà đã được phổ biến khắp đó đây.

\*

Hàn Mặc Tử vốn từ địa hạt thơ Đường luật bước sang địa hạt thơ Mới, cho nên tuy vui duyên mới mà vẫn không quên hẳn tình xưa. Thỉnh thoảng Tử cũng có làm đôi bài Đường luật. Và theo chỗ nhận xét của tôi, thì thơ Đường luật Tử làm sau này có phần trội hơn trước, phần nghệ thuật cũng như phần tình tứ.

Vi dụ :

### VỊNH ĐÀN NGUYỆT

*Hỏi chơ<sup>(\*)</sup> mấy tuổi ? Đáp mười lăm.  
Non nước từng phen nổi tiếng tằm,  
Bạc mạng đàn chơi đau nửa kiếp,  
Đồng tâm tơ buộc chặt quanh năm.  
Chường mình trước án trông đầy đặn,  
Nếp mặt trong hoa nói thi thâm.  
Mười khúc đoạn trường say chứa tình,  
Thuyền ai thấp thỏm muốn ôm cầm !*

Bài này tôi có gởi ra cho Tân Đà tiên sinh duyệt lãm. Tiên sinh rất thường thức và hứa sẽ phê bình trên *Tiểu thuyết thứ bảy* là tờ tuần san tiên sinh phụ trách mục văn chương. Nhưng rồi tiên sinh quy tiên,

(\*) Chúng tôi không hiểu *chơ* là gì, nhưng cả bản P.C.Đ đều chép *chơ*, vậy xin để nguyên (V.T.N)

nên ý kiến của tiên sinh đối với bài thơ không được phổ biến.

Những thơ Đường luật Tử làm từ trước đến khi nhập tịch làng Thơ Mới, Tử đã dồn lại thành một tập gồm gần trăm bài, lấy tên là *Lệ Thanh thi tập*.

Trong tập *Lệ Thanh*, ngoài những bài *Chùa hoang, Gái ở chùa*, và *Thức khuya* được Phan Sào Nam tiên sinh ca tụng, còn nhiều bài khả ái.

Thơ Đường luật, Tử làm gần đủ các lối Thủ Vỹ ngâm, Thuận Nghịch đọc, Song thanh, Song điệp... Lối nào cũng luyện. Tử có hai bài đọc xuôi đọc ngược được sáu cách. Xin trích một bài :

### CỬA SỔ ĐÊM KHUYA

*Hoa cười nguyệt rọi cửa lồng gương,  
Lạ cảnh buồn thêm nợ vấn vương.  
Tha thướt liễu in hồ gợn bóng,  
Hừng hờ mai thoảng gió đưa hương.  
Xa người nhớ cảnh tình lui lảng,  
Vắng bạn ngâm thơ rượu bê bàng.  
Qua lại yến ngàn dâu ủ lá,  
Hòa, đàn sấn có để bên tường.*

Sáu cách đọc bài này là :

- Đọc xuôi,
- Đọc ngược,
- Bỏ hai chữ sau đọc xuôi,
- Bỏ hai chữ sau đọc ngược,

- Bỏ hai chữ trước đọc xuôi,
- Bỏ hai chữ trước đọc ngược,

Phải công nhận là tài. Tài nhất là đọc sách nào cũng hay.

Nhưng do đâu mà có bài ấy ?

Nguyên tôi có viết trong *Phụ nữ tân văn* một bài nói về thơ vua Tự Đức. Trong bài tôi khen bài thơ Vô Đề đọc được sáu cách của nhà vua. Từ xem thấy, viết thư bảo :

- Ai làm lại chẳng được mà khen.

Tôi đáp rằng tôi xin hàng và yêu cầu Từ cho nghe một bài. Từ liền gởi ngay vào hai bài là bài trên và bài *Di thuyền*, nhưng bài sau có phần gượng ép, không được thích khoái.

Kể lại chuyện này để bà con thấy tài về thơ Đường luật của Từ, và để chúng một lần nữa rằng lời khen của Sào Nam tiên sinh không chút quá đáng.

Song đem so những thơ trong *Lệ Thanh thi tập* cùng những thơ làm sau này, thì thơ sau này xuất sắc hơn. Như bài *Đàn Nguyệt* thượng dẫn, tú thật mới, tú thật luyện, hơn hẳn những bài đã nổi tiếng trước kia.

Cũng thật là hay, bài *Buồn thu* sau đây :

## BUỒN THU

*Áp ứng không ra được nửa lời !  
Tinh thu bị thiết lăm thu ơi !  
Vội cùng cánh nhạn bay đi trót,  
Hiu hắt hơi may thoảng lại rồi.  
Nằm găng đã không thành mộng được,  
Ngâm tràn cho đỡ chút buồn thôi.  
Ngàn trùng bóng liễu trông xanh ngắt,  
Cảnh sắp về đông mất lệ vơi !*

Thơ Đường luật như bài này là đã nhập điệu.

Và trong bài này, câu kết có nhiều chỗ chép khác. Chỗ thì chép là :

*Ngàn trùng bóng liễu trông xanh ngắt,  
Chỉ có thông kia chịu với trời.*

Chỗ thì chép rằng :

*Ngàn trùng liễu ủ cây e lạnh,  
Chỉ có thông kia chịu với trời.*

Có những chỗ khác biệt như thế là vì câu thơ bị sửa đi sửa lại nhiều lần.

Ban đầu Từ viết là :

*Ngàn trùng liễu ủ cây e lạnh,  
Đông tới rồi đây nước mắt vơi.*

Nhiều người chê là trệ. Từ bèn sửa câu chót ra :

*Chỉ có thông kia chịu với trời.*

Ai nấy đều khen là câu thơ "khẩu khí". Tôi lại chê :

- Làm thơ kiểu Lê Thánh Tôn thì phiền lắm. Tôi đã hát hủi bài *Đau bụng* của tôi, mặc dù được một số bạn đọc rất thích.

Tử nói :

- Chớ người ta bảo rằng trệ không tốt.  
- Chỉ có những anh thợ vụng mới sợ trệ, chớ anh mà còn sợ nổi gì. Tôi đề nghị anh dùng câu cũ nhưng sửa văn lại cho thật chính. Câu kết bài này phải là một tiếng khóc để cho những lời than ở trên được giải thoát.

Sau khi thảo luận, câu thơ được sửa lại là :

*Ngàn trùng bóng liễu trông xanh ngắt,  
Cánh sắp về đông mất lệ với.*

Câu này riêng Tử và tôi thích, còn phần đông các bạn đều lấy câu :

*Ngàn vàng liễu ủ cây e lạnh  
Chỉ có thông kia chịu với trời.*

Bài *Buồn thu* rất được truyền tụng trong làng Thơ Cũ.

Trong khoảng 1936-1939, những thơ Đường luật Tử làm không quá năm bài. Tôi biết được rõ là vì những bài Đường luật đó, Tử vì tôi, "con người ngoan cố, bo bo giữ gốc tre làng", mà làm ra, để cho tôi khỏi "bị mờ côi một mình".

\*

Qua năm 1940, Tử gặp được một nguồn tình cảm mới : Thương Thương mà Tử gọi là "Nguồn thơ bất tuyệt", "Nguồn thơ vĩnh viễn".

Thương Thương là một nữ học sinh mười hai tuổi ở Huế, em ruột Trần Tài Phùng và cháu gọi Trần Thanh Dịch bằng chú.

Nhận thấy Mộng Cầm đi lấy chồng để lại trong tâm hồn Tử một lỗ trống mà Mai Đình không thể che lấp nổi, Trần Thanh Dịch bèn mượn tên Thương Thương, giới thiệu cùng Tử là một giai nhân rất yêu quý thơ Tử.

Rồi thỉnh thoảng Tử nhận được đôi bức thư ký tên Thương Thương, lời đoan chính, ý đôn hậu.

Chỉ nghe cái tên kiều diễm, chỉ đọc chút lòng thơm thảo, mà Tử đem lòng yêu tha thiết, yêu đến nỗi quên cả Mộng Cầm.

Trước kia, nếu Mai Đình dùng đến gần Tử, chỉ ở xa mà yêu, thì biết đâu Tử lại không yêu da diết nhu đối với Thương Thương.

Vì thi nhân là người đi tìm cái Đẹp trong mơ, trong mộng nhiều hơn trong thực tế. Cho nên chỉ say sưa với những gì xa xôi, những gì không với được, những gì khai triển trí tưởng tượng, càng nhiều càng say sưa.

Tâm lý ấy Tử đã bày tỏ trong bài *Tối tân hôn* :

## TỐI TÂN HÔN

*Là sợi đường tơ dịu quá trắng,  
Là bao nhiêu ngọc cũng chưa bằng.  
Cả và thế giới như không có :  
Một vẻ yêu là một vẻ tân.*

*Đã có khi nào cô ước mơ  
Rồi đây khai mạc cuộc đời thơ.  
Bằng đêm hôm ấy im như rót  
Lời mật vào tai ngọt sừng sờ.*

*Nhưng cái gì thơm đã đến kề,  
Tôi e tình tú bắt say mê,  
Không còn ý nhị ban đầu nữa,  
Sẽ chán chường và sẽ chán chê.*

*Cho nên tôi tưởng tối tân hôn  
Cho tới, còn xa, để được buồn...  
Để sống trong niềm thương nhớ đã,  
Để còn mừng tượng đến giai nhân.*

Cho nên không cần biết rõ Thương Thương như thế nào, Tú chỉ "muồng tượng". Tú mừng tượng Thương Thương là một nàng tiên đẹp tuyệt vời và lòng không bận mảy may trần cấu. Một người đẹp hoàn toàn và cũng yêu chàng vô hạn. Trong một bức thư viết cho Thương Thương, theo địa chỉ Trần Thanh Dịch đã chỉ, Tú nói :

- Thương Thương ! Cái tên thi vị quá chừng !  
Thương Thương là một bài thơ, hơn nữa, một nguồn  
thơ bất tuyệt. Những hàng chữ đơn sơ của em cũng

rung cảm được tâm hồn anh... Ô lòng anh có  
Thương Thương, nghĩa là có thơ, có nguồn thơ vĩnh  
viễn đấy.

Trong một bức thư khác, Tú lại nói :

- Từ nay hình ảnh của em sẽ đến với anh mãi  
trong trí tưởng.

Càng tưởng tượng hình ảnh Thương Thương, Tú  
càng yêu, yêu say sưa, yêu đắm đuối.

Lắm lúc Tú cũng biết yêu như thế là "vô duyên".  
Nhưng đã trót yêu thì có ngăn cấm được. Và trong  
lúc yêu như thế Tú "quên hết cuộc đời tân khổ, gian  
lao" như Tú đã thú thật cùng Thương Thương trong  
một bức thư gửi cho nàng.

Tú yêu, Tú thương, Tú tưởng, Tú nhớ và tình  
thương yêu, nhớ tưởng tràn ngập cả tâm hồn và tuôn  
ra thành những vần thơ tuyệt mỹ.

Những thơ Tú làm trong lúc này rất thanh tao,  
nhiều khi siêu thoát.

Chỉ trong vòng nửa năm, nguồn thơ Thương  
Thương đã giúp Tú soạn được một tập thơ, trước  
định lấy tên *Thương Thương* nhưng nghĩ có điều bất  
tiện nên sau đổi là *Cầm châu duyên*, và hai vở kịch  
thơ là *Duyên kỳ ngộ* và *Quần tiên hội*.<sup>(\*)</sup>

(\*) Đoạn tiếp theo dẫn bài *Nỗi buồn vô duyên* và  
một đoạn trong *Duyên kỳ ngộ*, không có gì khác với  
T.T.M, chúng tôi xin lược bớt (V.T.N.)

Mối tình đối với Thương Thương chấm dứt.

- Hàn Mặc Tử có đau khổ chăng ?

- Một giấc mộng đẹp tình rồi, người mộng sao khỏi băn khoăn nhớ tiếc. Tần Đà có câu :

*Tỉnh ra mới biết đời thua mộng  
Tiếc mộng bao nhiêu để chán đời !*

Đó là tâm trạng Hàn Mặc Tử sau khi biết rõ Thương Thương chỉ là bóng mộng. Nhưng thời sắt đã nung đến cực độ, dù có nung thêm, nhiệt độ cũng không cao thêm là bao.

\*

Trong thời gian Tử soạn *Cảm châu duyên* và hai vở kịch thơ, thì Tử dọn xuống tại xóm Tấn, ở phía đông và cách thành phố Quy Nhơn chừng vài cây số. Lúc ấy Tử uống thuốc cùng một bà thầy có môn thuốc gia truyền rất kinh nghiệm". Ban đầu bệnh Tử cũng bớt. Nhưng, rồi lại trở lại, và trở lại ngay trong khi "giấc mộng Thương Thương tàn".

Lần này bệnh kịch liệt hơn tất cả mọi bận tái phát khác.

Không còn phương chạy chữa, Tử đành phải theo lời người anh rể là Bửu Đông (chồng chị Như Lễ), đến bệnh viện Quy Nhơn.

Bác sĩ tuyên bố rằng "vì Tử uống nhiều thuốc có chất độc quá, thành thử cơ thể, nhất là tỳ vị, bị hư hỏng nặng", và khuyên ở lại nhà thương.

Đó là vào khoảng trung tuần tháng Tám năm 1940.

Biết mình không còn sống được bao lâu nữa, Tử gác việc văn chương, quay sang nghiền ngẫm ý nghĩa của sự Chết. Tử không buồn cũng không sợ. Viết thư cho bạn Tử thường nói :

- Đó là ngưỡng cửa phải bước qua để đi đến cõi vĩnh viễn.

Vì vậy tâm hồn Tử trở nên bình tĩnh lạ thường. Ngày ngày Tử đọc kinh cầu nguyện, rồi nằm nhắm lim dim đôi mắt mơ màng quang cảnh cõi u huyền.

Đến tháng Chín, sau khi nhà hữu trách tìm thấy quả thực trong máu Tử có sâu, Tử phải vào nằm hẳn ở Bệnh viện Quy Nhơn.

Rồi một hôm tôi nhận được thư Tử cho biết rằng sắp vào Léproserie Quy Hòa, và bảo tôi phải ra Quy Nhơn gặp Tử gấp.

Thư từ lúc bấy giờ không có kiểm duyệt nên đi rất mau. Ở Quy Nhơn vào Nha Trang, chiều gọi thì sáng hôm sau tới.

Được thư Tử ngày thứ bảy, tôi liền đi tàu đêm ra Quy Nhơn.

Sáng Chủ nhật, mặt trời chưa mọc, tôi đã tìm đến bệnh viện Quy Nhơn. Theo lời chỉ dẫn của viên y tá túc trực, tôi đến gian nhà Tử nằm.

Bóng sương còn mờ, nhưng Tử đã đứng ra tựa lan can, hai tay đút vào túi áo. Thấy tôi, Tử mừng rỡ :

- Tôi biết thế nào sáng hôm nay anh cũng có ở đây.

Tử vẫn đứng yên nhìn ra sân.

Tôi lại gần : Hình dáng Tử vẫn không khác lúc chưa vào nhà thương bao lắm. Các người bệnh khác, khi bệnh tình đã nặng thì tay chân bị co quắp, mặt mũi nổi u nang. Tử không thế. Bệnh chỉ trở nơi tay chân. Còn mặt thì chỉ nám một vạt lớn nơi phía tay trái, và tai cùng mũi chỉ ửng đỏ hơi hơi.

Nhìn kỹ Tử, tôi thấy Tử hơi gầy và xanh xao hơn trước, nhưng gương mặt lại có phần trong sáng và bình an. Tuy thế lòng tôi vẫn thấy ngùi ngùi. Tôi hỏi :

- Chùng nào anh đi ?

- Còn đợi giấy Sứ. Vào Quy Hòa, nếu không lành mạnh được, tôi cũng sẽ được yên vui hơn ở đây. Ở Quy Hòa, phong cảnh đã đẹp, lại có các bà phước nhân từ, hờn tôi, thơ tôi sẽ được đi vào Đạo được dễ dàng hơn. Vì vậy nên tôi mong đi sớm được ngày nào tốt ngày nấy. Chỉ thương chút má tôi...

Tử ghen lời. Để giấu vẻ cảm động, tôi quay mặt nhìn nơi khác. Mặt trời đã mọc. Lúc này tôi mới để ý đến cảnh vật chung quanh :

Chữ "Lazaret" to tướng treo ở trước mái hiên đánh mạnh vào đôi mắt tôi. Thì ra nơi Tử nằm là gian nhà riêng biệt dành cho những bệnh truyền nhiễm. Trong phòng Tử chỉ kê vồn vện một chiếc chõng nhỏ không mùng ! Các phòng khác đều đóng cửa, dường không có bệnh nhân. Bốn bề quanh vắng... Một luồng khí lạnh chạy khắp mình tôi. Tôi rung mình. Dường Tử đoán biết nỗi lòng của tôi nên nói :

- Hơn tuần nay tôi nằm trên kia. Họ đưa tôi xuống đây mới hai hôm nay. Tôi xin tạm về nhà để chờ giấy đi Quy Hòa, nhưng bác sĩ không cho.

Buồn thương tràn ngập lòng tôi và hiện ra ngoài mặt, mặc dù tôi cố nén. Tôi thở dài. Tử nói :

- Không nên buồn. Buồn vô ích. Phải để tâm trí rảnh rang mà lo việc nghìn thu.

Tôi không biết nói sao ! Tôi nhận thấy lời nói lúc bấy giờ chỉ là những sáo ngữ.

Gió bắc thổi. Lá sồi đông lạnh lùng bay !

Tử nhìn tôi, tôi nhìn Tử, không nói năng. Hồi lâu Tử nói với một giọng buồn buồn :

- Tôi có lời nguyện rằng vào Quy Hòa, nếu Chúa ban phước cho tôi lành mạnh, tôi sẽ đốt tập *Thơ điên*. Nhưng nghĩ lại thơ đã làm lở ra rồi, dù có đốt đi cũng không xóa được tội lỗi, nên tôi không còn giữ ý định đó nữa. Tuy vậy, cũng không nên để cho

người đời thấy được những bí ẩn của lòng mình. Tôi sợ gia đình tôi không theo được ý muốn của tôi, nên tôi nhờ anh thu hết các bản thảo của tôi đem vào Nha Trang cất giùm. Tôi vào Qui Nhơn, nhờ ơn Chúa tôi mạnh được thì chẳng nói chi, bằng tôi có chết đi, thì tôi giao cho anh toàn quyền sử dụng. Bài nào nên cho hành thế, bài nào không, anh đã biết rõ. Tôi nhắn anh ra cốt có bấy nhiêu thôi.

Tôi xin nhận lời. Từ tiếp :

- Anh đứng đây lâu là không nên. Anh hãy đến thăm má tôi và an ủi bà cụ. Những bản thảo của tôi, tôi đã bảo chú Hiếu gói lại sẵn sàng. Khi anh về Nha Trang nên mang theo nhé. Thôi anh đi đi.

Tôi không nỡ dứt ra. Nhưng Từ cúi đầu chào rồi lẳng lặng đi vào phòng, đóng kín cửa lại. Tôi ngậm ngùi ra về, đi thẳng đến đường Khải Định thăm bà cụ.

Bà cụ thấy tôi, vồn vã hỏi :

- Con ra khi nào ?

Tôi thuật lại việc việc đến thăm Từ. Bà cụ khóc oà ! Tôi cảm lòng không được, cũng khóc. Một già một trẻ, trong một căn phòng vắng thiu ! Đoạn tôi thưa qua về mấy tập thơ của Từ. Bà cụ nói :

- Nó có dặn bác rồi. Chắc con không ở chơi đến lúc em . . con đi Quy Hoà được. Thôi để rồi bác sẽ tin cho con hay.

Nói rồi bà cụ lại khóc. Lòng mẹ thương con !

Thảm quá !

Chiều hôm ấy tôi mang các bản thảo của Từ vào Nha Trang.

Và mấy hôm sau, ngày 20 tháng 9 năm 1940, Từ một mình lên xe Y tế vào Quy Hòa !

Bầu trời quang đãng, nhưng gió bắc thổi lạnh lùng !

\*

Nhà thương phong Quy Hòa ở cách thành phố Quy Nhơn chừng 5 cây số. Trước mặt là biển Quy Nhơn, chung quanh là núi. Nhà của cất có thứ tự, ngôi có tranh có, ẩn hiện dưới bóng dừa xanh. Đường sá rải đá, rộng rãi và sạch sẽ. Lại có một ngôi nhà thờ rộng lớn trang trí lịch sự. Du khách đi vào, mặc dù biết là nơi bệnh hoạn, vẫn thấy yên ổn trong tâm.

Từ vào Quy Hòa, bệnh trở nặng ngót mấy hôm. Nhưng rồi sức khỏe trở lại dần dần, và ăn ngủ có phần ngon hơn trước. Theo những thư Từ gửi cho tôi thì tinh thần Từ sáng khoái, tâm tư Từ an lạc hơn lúc ở nhà nhiều lắm. Các bà phước cùng các bạn đồng bệnh đối với Từ rất có cảm tình. Từ khoe :

- Vào đây tôi gặp một bạn "tương liên" yêu tôi và tôi cũng rất yêu bạn. Chúng tôi không rời nhau.

Lắm đêm chúng tôi nằm ngửa với nhau ở trước hiên để nhìn trăng qua kẽ lá dừa, thú vị đến quên cả trời khuya, sương lạnh.

Tử không cho tôi biết tên người bạn. Tôi viết thư hỏi. Tử đáp :

- Cần chi biết tên. Chỉ nên biết rằng đó là một tâm hồn đẹp và thơm như một bài thơ vừa ráo mực.

Tử vẫn ngỡ ý rằng rất có hy vọng lành bệnh.

Nhưng không đầy hai tháng sau khi vào Quy Hòa thì Tử tạ thế ! Tạ thế trưa ngày 11 tháng Mười Một năm 1940. Lúc mất chỉ có một mình người bạn "tương liên" của Tử ở bên giường bệnh, gia đình ở xa, bạn bằng ở xa !

Người bạn "tương liên" của Tử tên là Nguyễn Văn Xê.

Chính anh Nguyễn Văn Xê vâng lời Tử đã gửi thư báo tin buồn cho các bạn phương xa.

Bạn bè đều thương, khóc, nhưng không một ai, xa cũng như gần, đến đưa đám Tử ! !

Nhục thân của Tử không đưa ra ngoài được, đành phải chôn tạm tại nghĩa địa nhà thương Quy Hòa. Một nắm mộ bằng đất, một cây thánh giá bằng gỗ tạp, không vòng hoa, không hương khói, dẫu hiu quạnh quê dưới gốc một cây phi lao !

Thật quả như lời Tử đã nói trong *Duyên kỳ ngộ* :

*Một mai kia ở bên khe nước ngọc,  
Với sao sương anh nằm chết như trăng.  
Không tìm thấy nàng tiên mô đến khóc,  
Đến hôn anh và rửa vết thương tâm !*

Nhưng đó là về thể phách của Tử.

Cổ nhân có câu :

*Hữu sanh thể phách hoàn thiên địa,  
Bất tử tinh thần tại tử tôn.*

Vì Tử chưa có con cháu, nên để cho tinh thần của Tử bất tử, các bạn xa gần phải lo.

Hoàng Trọng Miên - lúc bấy giờ làm chủ bút tạp chí *Người mới* và *Trong khuê phòng* ở Sài Gòn - liền ngay sau khi Tử mất, cổ động các bạn bằng viết bài, rồi cho ra một số *Người mới* đặc biệt.

*Người mới* đặc biệt ra ngày 23 - 11 - 1940, gây một tiếng vang lớn trong toàn quốc. Dư luận xôn xao. Hàng học thức trước đây thờ ơ cùng Tử, bắt đầu tìm xem văn phẩm của Tử.

Các bài đăng trong *Người mới* đặc biệt, có bài văn của Chế Lan Viên và bài thơ của Bích Khê là được chú ý hơn cả, khen có, chê có.

Bài của Chế Lan Viên được để ý nhiều là vì có nhiều ý kiến trái với phần đông các thi sĩ đương thời, nhất là câu này :

*"Mai sau, những cái tâm thường, mực thước kia  
sẽ biến tan đi, và còn lại ở cái thời kỳ này chút gì  
đáng kể, đó là Hàn Mặc Tử".*

Thật là táo bạo nhưng cũng thật là chân thành.

Nếu lời nói ấy là của một kẻ tầm thường thì người ta đã cho là một lời đại ngôn, vô giá trị. Nhưng đây lại là lời một thiên tài đã có tác phẩm bảo đảm chắc chắn, lời một người chưa hề ca tụng ai. Do đó mà người ta bàn tán nhiều. Kẻ biểu đồng, người phản đối. Lúc ấy tôi chưa quen thân cùng Chế Lan Viên, nhưng đọc văn tôi rất khoái ý, khoái không phải vì Tử được khen mà chính vì được nghe một lời nói khác thường.

Còn bài thơ của Bích Khê được đề ý là vì tân kỳ. Ý kiến của độc giả bất nhất. Kẻ chê, chê kịch liệt, người khen cũng khen không tiếc lời. Có người lại dè dặt, nín thinh !

Đây không phải là một bài thơ khóc Tử. Bích Khê đã soạn trước khi Tử mất mấy hôm, sau giấc chiêm bao gặp Tử. Bài thơ - theo lời Bích Khê - ghi đúng hiện tượng và cảm giác trong giấc chiêm bao.

Bích Khê lúc bấy giờ đương đau bệnh phổi nặng.

Và nỗi lòng của Khê đối với Tử bấy lâu, tôi nhận thấy thể hiện trong lời thơ thành thật.

Ngoài hai bài của Bích Khê và Chế Lan Viên, có nhiều bài của các bạn khác cũng rất có giá trị.

Chính nhờ cái giá trị của những bài của các bạn mà bạn đọc yêu thơ Tử càng yêu thêm, những người có ác cảm với thơ Tử, mỗi lần muốn chỉ trích, phải hăm bót lời phủ phàng.

\*

Tôi được tin Tử mất có hơi muộn nên không ra đưa đám kịp.

Mãi đến ngày lễ Phục sinh (Pâques) năm 1941, tôi mới ra Quy Hòa viếng mộ Tử.

Khi chôn, gia đình Tử đã có ý chôn dưới gốc một cây phi lao để sau này dễ nhận. Nhưng sợ cây phi lao sau này gây mục, tôi rinh thêm một viên đá lớn chôn dưới chân mồ. Vì đời thường bể dâu, cẩn thận được chút nào hay chút nấy .

Anh Nguyễn Văn Xê gặp tôi, mừng rỡ lẫn buồn thương ! Anh kể cho tôi nghe những gì đã xảy ra từ khi Tử vào bệnh viện. Và bà phước săn sóc cho Tử trong những ngày tàn, an ủi tôi :

- Pierre Francois là người ngoan đạo, linh hồn chắc được về cùng Chúa. tôi luôn luôn cầu nguyện cho Pierre.

Tôi hết sức cảm động và tự nhủ : "Gần những tấm lòng vàng của bà phước và anh Xê, Tử chắc khỏi bơ vơ trong những ngày xa nhà cách bạn".

Dòng lệ bỗng nhiên tuôn ra và lòng tôi trở nên êm dịu.

Nhân lúc tôi ra thăm mộ Tử, gia đình Tử theo ý muốn của Tử lúc sinh thời, làm giấy giao bản quyền những văn thơ của Tử cho tôi giữ. Tôi thu

thập tất cả những bút tích của Tú và những thư từ của Tú còn sót lại, đem hết về Nha Trang.

Lúc ấy tôi đã gặp Chế Lan Viên và đã trở nên đôi bạn thiết.

Chế Lan Viên cùng tôi xem xét và sắp xếp lại những bản thảo của Tú. Rồi tự tay tôi đánh máy mỗi tập văn thơ ra làm nhiều bản, gởi ra nấp bản tại Bộ Quốc gia Giáo dục Huế, mỗi tác phẩm hai bản theo thể lệ đương thời, và chia nhau giữ mỗi người một bộ.

Các bạn phương xa đến chơi cùng tôi, ai nấy cũng muốn xem bút tích của Tú. Nhưng ai ấy khi cầm đến cũng có ý e ngại. Lòng e ngại làm thương tổn tình bạn thiêng liêng. Để giữ tình thiêng liêng được trăm phần trọn vẹn, tôi tìm cách sát trùng.

Không phải là việc dễ.

Tôi chợt nhớ đến viện Pasteur Nha Trang. Nhưng để gì mà nhờ được, trong khi mình không quen biết một bác sĩ nào ở trong viện. Tôi đánh liều đến thẳng bàn giấy ông giám đốc là ông Jacotot. Ông vồn vã đón tiếp. Sau khi nghe tôi trình bày mọi nỗi, ông cười :

- Tuy tôi không đọc được thơ Hàn Mặc Tử, nhưng tôi đã được nghe nói đến nhà thi sĩ xấu số. Những bút tích của một nhà thơ như Hàn Mặc Tử thật quý báu vô ngần. Nhưng sanh mạng con người cũng rất quý báu...

- Bởi vậy, tôi phải đến cầu cứu bác sĩ.

- Tôi chưa nghĩ ra cách sát trùng thích ứng. Dùng hơi nước thì mực phai lạt hết. Dùng hơi lửa thì giấy giòn nát hết. Tuy vậy, ông hãy gói tất cả các bản thảo cùng giấy tờ quan trọng cần sát trùng, bỏ vào một hộp giấy bìa cứng, cột ràng kỹ lưỡng, rồi đem đến cho tôi. Tôi sẽ tìm cách giúp ông.

Tôi theo lời.

Ông hẹn tôi một tuần nhật đến xem kết quả.

Tuần sau tôi đến, ông sai bung hộp tài liệu của Tú ra, mùi giấy sấy bay thơm phức. Ông cười :

- Bây giờ chúng ta có thể nhai nuốt từng búng cũng không sợ bẩn và sợ lây.

Tôi hết sức cảm kích và sắp ngỏ lời tạ ơn, thì ông cười, ngăn lại :

- Nét mặt ông đã nói cho tôi rõ hết nỗi lòng của ông rồi. Huống nữa đó là một việc chung cho văn hóa.

Mùng qua, không kịp hỏi thăm cách sát trùng của bác sĩ Jacotot như sao, tôi ôm hộp tài liệu về nhà... Chế Lan Viên sung sướng như được của quý. Tôi thuật lại lời nói của bác sĩ Jacotot. Chế Lan Viên nói :

- Mình không nhai nuốt giấy mà mình chỉ nhai lại thơ Tú một vài lần nữa. Chúng ta phải lo cho Tú mới được. Chưa ai hiểu Tú một cách thấu sắc. Anh lo viết về thân thể. Tôi lo viết về văn chương. Lúc nào rồi thì rồi.

Nhưng trước khi bắt đầu vào việc, chúng tôi thương lượng cùng *Cercle d'Etudes* Quy Nhơn và Nha Trang, tổ chức hai buổi nói chuyện về Tủ. Chế Lan Viên và tôi soạn bài cho giáo sư Nguyễn Đình thuyết trình. Thính giả khá đông, và kết quả cũng có thể gọi là mỹ mãn.

Kế đó tôi được thư Trần Thanh Mai ở Huế gửi cho biết rằng cũng vừa tổ chức một cuộc diễn thuyết về Tủ tại Huế và sắp viết một quyển sách nói về thân thế và sự nghiệp văn chương của Tủ. Trần quân hỏi xin một ít tài liệu.

Tôi mừng, bảo Chế Lan Viên :

- Như vậy là đã có người gánh giùm gánh nặng cho mình rồi đó. Tôi sẽ gửi hết những giấy tờ tôi thu thập được ra cho Mai.

Chế Lan Viên gật đầu :

- Phê bình khảo cứu không phải là công việc của bọn mình. Sợ không có người làm mình phải làm đó thôi. Phải để thì giờ lo sáng tác.

Kế đó chúng tôi đi Sài Gòn. Gặp Trọng Miên, tôi nói chuyện Trần Thanh Mai.

Trọng Miên cười hóm hỉnh :

- Đó là một tay chuyên môn bán xương cốt !(\*)

---

(\*) Xin được giữ nguyên các ý kiến của Q.T. viết về T.T.M, như ở trên, đã giữ nguyên các đoạn T.T.M viết về HMT và sau đây, các đoạn Nguyễn Bá Tín viết về Q.T. (V.T.N chú)

Tôi chưa hiểu Miên muốn nói gì. Trông vẻ ngo ngác của tôi, Miên vỗ vai, nói :

- Rồi anh sẽ hiểu.

Đoạn rủ Chế Lan Viên và tôi đến thăm Võ Doãn Mai là người sẽ đứng ra xuất bản tập sách của Trần Thanh Mai.

Võ quân đón tiếp chúng tôi rất niềm nở. Kịp đến giờ đi làm, chủ nhân cầm chúng tôi lại :

- Tôi ngang qua sở một tí rồi trở về ngay.

Ở nhà, Trọng Miên lục xấp giấy tờ của Võ quân để trên bàn giấy, lấy ra một bức thư đưa cho Chế Lan Viên và nói :

- Đọc đi, các anh sẽ thấy mưu tâm của Thanh Mai.

Đó là một bức thư của Trần Thanh Mai viết cho Võ Doãn Mai bàn về việc viết và in sách *Hàn Mặc Tử*. Đại khái rằng :

"*Danh tiếng H.M.T. đương nổi như phao. Cho sách ra đời lúc này là gài nhả chỗ ngựa cho thiên hạ. Sách sẽ bán chạy như tôm tươi. Tôi cố gắng viết trong một tháng cho xong. Anh lo tài chánh cho sẵn. Sách ra sớm chừng nào có lợi chừng nấy*".

Tôi nhìn Chế Lan Viên mà thờ dài :

- Té ra Thanh Mai viết về Tủ không phải vì nghĩa mà vì lợi !

Trọng Miên nói :

- Vì nghĩa ? Khi chưa vào Quy Hòa, Từ có gởi ra cho Trần Thanh Mai một số thơ mới làm, nhờ Mai giới thiệu giùm. Mai đọc qua vài bài rồi vắt cả vào sọt giấy và nói với một giọng khinh khi rằng "Thơ với thần !". Nay thấy Từ nổi tiếng, lại lo đầu cơ ! Bán xương cốt Trần Kế Xương, Tuy Lý Vương xong, nay lo bán xương cốt Từ !

Tôi hiểu ý Trọng Miên.

Trọng Miên muốn nói rằng Trần Thanh Mai không hiểu thơ, không thể phát huy được tinh thần của các nhà thơ, của những bài thơ - nhất là thơ H.M.T. - mà họ Trần đề cập.

Nhận thấy Trọng Miên nói đúng, tôi bỏ ý định giúp tài liệu cho Trần Thanh Mai.

Cách ít lâu, sách Hàn Mặc Tử của Trần Thanh Mai ra đời.

Sách họ Trần ra đời vào khoảng cuối năm 1941 đầu năm 1942.

Tác giả nhiệt liệt ca tụng thi tài Hàn Mặc Tử, và cuộc đời đau thương của Từ được trình bày một cách cảm động, khiến phần đông bạn đọc phải cúi lòng. Tôi cũng được tác giả tặng cho cái vinh hiệu là Mạnh Thường Quân và dành riêng cho một đoạn trong sách.

Tuy thế quyển sách chẳng những không gây thiện cảm trong hàng thân yêu của Từ, mà còn khiến cho gia đình Từ và một số thân bằng của Từ bất bình.

Vì sao vậy ?

Vì trong sách :

- Có nhiều điểm không đúng sự thật do tác giả, hoặc nghiên cứu không được kỹ càng, hoặc cố ý xuyên tạc hay phóng đại.

- Có nhiều văn thơ chưa xuất bản của Từ bị trích dẫn toàn thiên mà không được sự ưng thuận của người giữ bản quyền hoặc gia đình Từ.

Những điểm thất thiệt trong sách không làm thiệt hại đến đời văn chương và sự nghiệp văn chương của Từ. Chúng chỉ phạm đến danh dự hoặc chạm lòng tự ái của một số người còn sống, kẻ ít, người nhiều, đó thôi.

Phản ứng của mỗi người mỗi khác.

Những bạn tôi quen thân như Chế Lan Viên, Trọng Miên thì nhìn nhau, nhún vai, cười ngạo nghễ :

- Miễn phê bình.

Trần Tái Phùng - cháu gọi Trần Thanh Mai bằng chú - xé nát quyển sách ném vào giỏ giấy.

Tôi cố giữ thái độ bình tĩnh. Có đôi bạn ngờ rằng tôi thỏa mãn lắm vì được "đề cao". Tôi chỉ cười, không cãi chính.

Bốn phận của tôi, đối với Hàn Mặc Tử, là giữ gìn sự nghiệp văn chương của Từ, đừng cho những kẻ bất lương xâm phạm, và đừng cho thất lạc.

Tuy vậy, tôi coi mẹ Tú như mẹ tôi, và các người em Tú lúc bấy giờ kính nể tôi như anh ruột, nên những lời nói của họ Trần động chạm đến thanh danh gia đình Tú, làm cho tôi khó chịu vô cùng, nhất là đoạn nói về trường hợp sanh ra Tú.

Họ Trần nói rằng :

*"Cách vài tuần trước ngày bà nằm nơi, nhà đoan bắt được mấy đám rượu lậu to, nên trong nhà ông Nguyễn Văn Toàn phải cất tạm không biết bao là vỏ thũ rượu hảo hạng ấy. Cả nhà từ chủ nhân cho đến đầy tớ tha hồ mức uống, uống lấy vui, uống để mà cười."*

*"Bà Nguyễn Thị Duy vì thế mà cũng say sưa lướt lướt. Đến ngày 22 Septembre bà ở cữ. Bà mụ bảo là bà sanh thiếu tháng. Bà cũng tin và hối hận vì mình đã uống rượu. Dầu sao, đứa bé đẻ ra chỉ bằng con nhái chàng, nằm lòng lẻo trong lòng bàn tay một người lớn. Hình thù nó khó trông đến nỗi làm cho ai nấy cũng phải kinh dị, và lo sợ không thể nuôi sống nổi".*

Tôi hết sức ngạc nhiên :

Ông cụ thân sinh Tú vốn là một công chức có tiếng là "ngồi trên nguyên tắc", không lý gì lại để cho người nhà để tay vào những tang vật nhà Doan (Douane). Còn bà cụ thân sinh Tú là một nội tướng con dòng thi lễ, có lẽ nào lại đi mua vui trong việc "say sưa lướt lướt" như thế kia ?

Hàn Mặc Tử coi tôi như ruột thịt, không có việc gì, cũ cũng như mới, lớn cũng như nhỏ, xấu cũng như tốt, mà Tú giấu tôi. Nhưng tôi chưa hề nghe nói đến việc bà cụ vì uống rượu lậu mà sanh Tú thiếu tháng.

Để cho chắc chắn tôi đến hỏi thăm bà cụ. Bà đáp :

- Bác có nói gì với ông Trần Thanh Mai đâu ! Khi ông ấy nhắc đến Trí thì lòng bác đau đớn quá, bác chỉ trả lời qua loa rồi nước mắt ghen cả lời... Ông ấy xưng là bạn của Trí, thì bác cũng hay vậy chỗ lúc sinh thời bác không hề nghe Trí nói đến. Vì thế đối với ông ấy bác cũng có phần dè dặt, mặc dù biết rằng ông đến thăm bác với hảo tâm. Không ngờ ông ấy sao lại ác thế ?

Tôi đề nghị bà cụ viết bài phản đối. Bà buồn bã khuyên :

- Thôi con. Em con đã qua đời rồi, để cho nó yên. Nói qua nói lại làm gì cho thêm tủi.

Lời nói nhân hậu làm sao !

Tôi cảm động hết sức, ứa lệ xin vâng lời.

Nhưng khi nói chuyện cùng chị Như Lễ tôi lại lên báo riêng chị nên cải chính. Chị bảo sẽ cải chính luôn những điểm thất thiệt khác, như việc "Cô Lê Thị Mai nuôi Tú", việc "bỏ không ngó ngàng đến Tú từ lúc Tú vào Quy Hòa và sau khi Tú mất", v.v...

Như thế là việc "trong gia đình" Tử đã có người lo. Tôi chỉ còn lo đến những gì có liên quan đến sự nghiệp văn chương của Tử.

Tôi viết thư ra trách Trần Thanh Mai đã trích quá nhiều thơ của Tử mà không thương lượng trước với tôi, là người giữ bản quyền, và yêu cầu họ Trần trả tiền nhuận bút các bài thơ trích cho gia đình Tử. Họ Trần chẳng những không nhìn nhận chỗ sơ sót của mình mà còn nói nhiều lời khiếm nhã.

Tôi bàn cùng Chế Lan Viên :

- Đối với những người không biết phục thiện như họ Trần thì chỉ có pháp luật mới có thể buộc họ theo lẽ phải.

Chế Lan Viên đồng ý, nhưng không tin tưởng Tòa Án Nam triều có thể giải quyết vấn đề được thỏa đáng.

Lúc bấy giờ đã ban hành ở Trung Việt, Dự số 9 ngày 24-3-1941 của vua Bảo Đại, minh định quyền sở hữu trên các tác phẩm văn chương và mỹ thuật.

Điều 8 của Dự nói rằng :

*"Toute édition ou production destinée au public d'une oeuvre littéraire ou artistique, écrit, peinture, dessin, carte ou plan, photographie ou film cinématographique, composition musicale ou disque de phonographe, tirée de mauvaise foi, au mépris des droits des auteurs, ou de leurs héritiers et cessionnaires, est une contrefaçon, et la contrefaçon est un délit".*

Nghĩa là :

*"Mọi sự xuất bản hay sản xuất cho công chúng, một tác phẩm văn chương hay mỹ thuật, văn thi phẩm, họa phẩm, họa bản, họa đồ, hay đồ bản, ảnh, phim ảnh, nhạc phẩm hay đĩa hát, thực hiện với gian ý, bất chấp quyền lợi của tác giả hoặc của những người thừa kế hay thụ nhượng, là một sự giả mạo, và sự giả mạo là một tội về tiểu hình".*

Trường hợp của Trần Thanh Mai "trích quá nhiều thơ văn chưa xuất bản của Tử mà không xin phép người giữ bản quyền" có nằm vào điều 8 của Dự số 9 của Bảo Đại chăng ?

Tôi đem vấn đề ra thảo luận cùng ông Agostini, một luật khoa tấn sĩ, làm Phó Sứ kiêm Thẩm phán Tòa Án Pháp ở Nha Trang là nơi tôi đương tổng sự. Ông Agostini nói :

- Sách của Trần Thanh Mai là một quyển sách phê bình, nếu tôi không lầm. Mà nhà phê bình có quyền trích thơ văn của thi văn nhân để dẫn chứng.

Tôi cãi :

- Sách của họ Trần có tánh cách một quyển truyện ký hơn là quyển văn phê bình. Huống nữa nhà phê bình chỉ phê bình những tác phẩm đã xuất bản.

- Tuy vậy họ Trần không có gian ý, và không làm thiệt hại chi đến Hàn Mặc Tử. Điều 8 của Dự

Bảo Đại chỉ áp dụng cho những người đạo văn hay ăn hành trộm lên tác phẩm của người khác.

- Ở Âu châu đã có xử vụ án nào về việc trích văn thơ chưa xuất bản chẳng ?

- Khi Paul Verlaine mới tạ thế, có một nhà phê bình viết về nhà thi sĩ quá cố, cũng trích nhiều văn thơ chưa hành thế của Verlaine. Bà quả phụ Verlaine đưa đơn kiện nhà phê bình. Việc chưa xét xử thì hai bên nguyên, bị điều đình với nhau và đi đến hòa giải. Đó là vụ kiện duy nhất về văn chương mà chưa được xử, từ xưa đến nay ở nước Pháp.

- Nếu ông đứng xử vụ Trần Thanh Mại thì ông xử thế nào ?

Ông Agostini cười :

- Tôi sẽ cho ông Mại được miễn tố. Những thơ của Hàn Mặc Tử mà ông Mại trích đó tuy nhiều thật, song đối với sự nghiệp văn chương của thi sĩ để lại có thấm gì. Như vậy, theo tôi, ông Mại có làm thiệt hại gì cho thi sĩ đâu. Trái lại ông ấy còn có công làm quảng cáo cho Hàn Mặc Tử là khác.

- Nhưng ông ấy nhờ Hàn Mặc Tử mà viết được sách để bán lấy tiền, thì ông ấy phải chia số tiền thu được cho gia đình Hàn Mặc Tử với chứ.

- Không có luật nào bắt buộc cả, thì Tòa án biết dựa vào đâu thỏa mãn sự đòi hỏi của anh ?

Đó là ý kiến của quan Tòa Pháp.

Tôi đến tìm cụ Hoàng Yến, tuần vũ tỉnh Khánh Hòa, là người rất có biệt nhãn đối với khách làng thơ. Tôi trình sự việc. Cụ nói :

- Trích thơ văn chưa hành thế của người ta nhiều thế ấy mà không chịu thương lượng trước, như vậy không thể bảo là "không có gian ý" được. Còn bảo rằng H.M.T. được họ Trần quảng cáo cho, thì tôi không cho là phải. Vì nếu quả vì mỹ ý mà "quảng cáo giùm" thì sao lúc thi sĩ còn sống lại không "giùm" cho mặc dù có lời sỗ cậy. Nếu tôi đứng xử việc này thì nhất định tôi buộc ông Mại phải trả tiền nhuận bút về những bài thơ bài văn đã trích dẫn.

Hai ý kiến khác nhau. Ông Agostini dựa theo luật lệ. Cụ Hoàng Yến dựa trên công lý.

Sau khi thảo luận cùng Chế Lan Viên một lần nữa, tôi quyết định đưa vụ này ra Tòa án Phủ Doãn Thừa Thiên ở Huế, là nơi ông Trần Thanh Mại cư trú và sách H.M.T. phát hành. Tôi bàn cùng Chế Lan Viên :

- Xưa nay ở nước ta chưa có vụ án văn chương nào, nay mình thử gây ra một án lệ, thua hay được chả cần.

- Đó cũng là một cách quảng cáo thêm cho Tử.

Thế là chúng tôi, một mặt thảo đơn gởi ra Huế, một mặt tin cho gia đình cùng các bạn thân của Tử biết rõ công việc để chuẩn bị ra Tòa làm chứng khi cần.

Biết tin tôi đưa đơn kiện, Trần Thanh Mai nổi lời đình, viết bài đăng báo *Tràng An* Huế, công kích tôi kịch liệt.

Bị đánh lẽ tất nhiên phải đỡ.

Thế là cuộc bút chiến giữa Trần Thanh Mai và tôi nổi lên và kéo dài ngót mấy tháng.

*Tràng An* là một tờ báo được Chánh phủ Pháp phụ cấp và do nhà doanh nghiệp Bùi Huy Tín chủ trương. Vì có thể Chánh phủ Pháp, tờ báo không được quốc dân ủng hộ. Nhưng vì họ Trần đăng bài ở đó, tôi không tiện đăng bài của tôi ở báo khác. Tuy vậy cuộc bút chiến vẫn làm sôi nổi dư luận, mặc dù lúc bấy giờ đệ nhị thế chiến đương nổ dữ dội, tin tức dập dồn. Bạn đọc chia làm hai phái, phái bênh vực họ Trần, phái bênh vực tôi, ý kiến bất nhất. Kê khen, người chê, bàn bàn, tán tán, kể cũng thật là vui.

Nhưng rồi, thấy cuộc "cãi lộn" không đi đến đâu, và nghe tiếng chi tiếng bác lâu ngày, khách bằng quan đã bắt đầu "ngấy", tôi bèn dừng bút. Họ Trần nói thêm mấy kỳ báo nữa nhưng thấy nói một mình, buồn cũng phải nén lòng nín tiếng, chấm dứt cuộc tranh đua để chờ kết quả tòa án.

Tôi đầu đơn kiện lúc mùa xuân năm 1942 và đến mùa thu năm ấy, vụ kiện mới đem ra xét xử.

Vì ở xa và mắc công vụ tôi không có mặt trong phiên tòa.

Một người bạn quen ở Huế vào cho biết kết quả.

Theo lời người bạn thì bữa ấy bên nguyên chỉ có ông Nguyễn Bá Hiếu, đại diện gia đình Hàn Mặc Tử, đến dự. Còn bên bị thì có đủ bị cáo và chứng nhân. Người đến xem đông đầy cả tòa án. Cụ Trương Xuân Mai, Phủ doãn, ngồi ghế chánh án. Nhà văn Nguyễn Tiến Lãng, Phủ thừa, ngồi ghế phụ thẩm. Nhưng ông chánh án bảo rằng "vụ này là một vụ án văn chương mà bên nguyên bên bị đều là hai nhà văn có tên tuổi", nên ông "nhường lời phán xét cho ông phụ thẩm là một nhà văn cũng có tiếng đương thời".

Ông Nguyễn Tiến Lãng với quyển *Hàn Mặc Tử* của Trần Thanh Mai trên tay, đã cho mọi người thấy rõ rằng số trang in những văn thơ của H.M.T. gần bằng số trang in những lời trình bày của họ Trần : Trích văn thơ của người nhiều như thế mà không xin phép là có tội. Nhưng ông lại nói rằng họ Trần đã giới thiệu H.M.T. một cách nồng hậu, nhờ vậy mà được nhiều người biết đến tài nghệ của Tử. Như thế là họ Trần có công đối với người có văn thơ bị trích.

Sau khi nghe ông phụ thẩm phán xét, ông chánh án kết luận rằng :

Đây là lần đầu tiên. Tòa án Nam triều thọt lý một vụ kiện về văn chương. Nhưng vụ này lại ở trong một trường hợp đặc biệt : Bị cáo có tội mà cùng có công, và công suy ra lại ngang với tội. Song đó lấy

ý riêng mà xét, chỗ chưa có luật, cũng chưa có lệ minh định lẽ thiệt hơn. Vì vậy Tòa tuyên bố : Miễn xử".

Vụ án này hình không ra hình, hộ không ra hộ, xử không ra xử, không không ra không, cho nên kết quả không thành được án lệ.

Tuy thế vẫn có lợi.

Vì Hàn Mặc Tử được thêm một tiếng vang.

Và sau đó, các nhà phê bình không còn xem thường quyền sở hữu của tác giả hoặc của những người thừa kế, trên những tác phẩm họ trích dẫn. Hoài Thanh viết quyển *Thi nhân Việt Nam* năm 1942, Vũ Ngọc Phan viết bộ *Nhà văn hiện đại* năm 1943, đều có thương lượng cùng tôi về việc trích thơ Tử.

Năm 1945, Nha Trang bị tàu bay khủng bố dữ dội. Tôi phải đem vợ con về Bình Định lánh nạn.

Ở Nha Trang tôi có một ngôi nhà ngói nhỏ nhỏ. Các bạn thân yêu đều dùng làm nơi tụ họp và tàng trữ sách quý cùng bản thảo văn thơ.

Sự nghiệp văn chương của Tử cũng để tại đó.

Khi ra đi tôi khóa chặt tủ, đóng kỹ cửa, và gọi nhà cho người tin cậy là ông Ba Lồ Ô. Vì xe cộ chật chội, đường sá khó khăn, gia đình tôi chỉ mang theo được một ít đồ tế nhuyễn. Thêm nữa, Bình Định tuy là quê hương, nhưng tôi không còn có tài sản ở đó. Tôi định

về gọi vợ con cho ông nhạc bà nhạc, rồi một mình trở vào Nha Trang cùng Chế Lan Viên.

Nhưng rồi binh lửa dập dồn, đường giao thông bị cắt đứt. Tôi bị kẹt ở Bình Định, sự nghiệp tinh thần cũng như vật chất đều bỏ ở Nha Trang.

Thời loạn lạc - mạng người như giọt sương thu trên ngọn cỏ. Bè bạn như lá rụng, mỗi người cui cút một nơi. Tên Hàn Mặc Tử không còn nghe ai nhắc đến ! Tôi cũng không có dịp nào nhắc đến để người nghe.

Riêng Mai Đình, để chiêu niệm Tử, có bài *Trăng cũ*, rằng :

*Trăng cũ giờ đây vẫn sáng trong,  
Người mùa xuân cũ cách muôn trùng !  
Ai về thăm thăm trời tình tú,  
Để lại trần gian bóng lạnh lùng !  
Từng tập thơ xưa ! Từng tập thơ !  
Từng trang huyết lệ, ngấn trắng mờ.  
Hồn ai siêu thoát ngoài nhân thế  
Có biết rằng em vẫn đợi chờ ?*

*Trên cõi Thiên đàng ngát ánh sao,  
Tình anh tỏa rộng bốn trời cao,  
Phiêu diêu anh sống bên mình Chúa,  
Dựng một đài thơ ở chốn nào ?*

*Em mãi phiêu linh với bụi đời,  
Ngại ngừng mưa gió lúc buồn vui  
Từng đêm trăng sáng, đêm trăng sáng  
Biết mấy đau thương, mấy ngậm ngùi !*

*Cũng muốn theo anh dứt nợ trần,  
Đập tan lưu luyến, thoát phạm thân,  
Bay qua muôn vạn tầng thanh khí,  
Hồn quyết tìm cho thấy cố nhân.*

*Chút nợ ân tình giả chữa xong,  
Đành mang tâm sự mãi bên lòng,  
Sắt son đã chẳng cùng nhau vẹn,  
Em phải đem mình gởi núi sông.*

*Em đã là dân của nước nhà,  
Khi quân thù địch dấy can qua,  
Máu hồng đương nhuộm trang hùng sử  
Em nhẽ nào quên nghĩa quốc gia.*

*Hăng hái xông pha giữa cuộc đời,  
Chút lòng tranh đấu phút nào nguôi,  
Bao giờ Tổ quốc ca toàn thắng,  
Là lúc tìm anh giữa cõi Trời.*

*Em chỉ cầu xin một buổi chiều,  
Dưới bàn tay Chúa, cạnh người yêu,  
Ta tung thơ khắp cho trần thế...  
Lạy Chúa đời con khổ đã nhiều.*

Lời thơ chân thành, ý thơ nồng hậu. Đọc thơ lòng tôi luống thẹn cùng Mai Đình ! Mỗi tình thâm thiết đối với Tú, ngoài Mai Đình có còn ai ?

Trong thời kháng chiến, tâm não con người không mấy lúc thanh thoi, và cảnh loạn lạc khiến lòng người thu hẹp lại, ai lo phần nấy, không mấy ai nghĩ đến ai. Tuy vậy những đêm yên ổn, một mình

nằm ôn lại quãng đời đã qua, băng khuâng kẻ mất người còn, lắm khi nghĩ thương Tú quá !

Mơ mà Tú ở Quy Hòa không biết có ai coi ngó?

Thơ văn Tú bỏ ở Nha Trang không biết mất hay còn ?

Biển cách non ngăn, lấy ai dò tin tức !

Mùa đông năm 1954, sau ngày ký hiệp định Genève, tôi huề quyền vào Nha Trang.

Vườn cũ còn y. Góc mạn ba cảnh vẫn xanh tốt. Ngôi nhà nhỏ chỉ hư hỏng sơ sơ. Nhưng đồ đạc trong nhà cùng sách vở giấy má không còn một mảy ! Hỏi thăm ông lão láng giềng, ông đáp :

- Nhật lật Pháp, Nha Trang bình an. Việt Minh cướp chánh quyền, Nha Trang cũng không lấy gì làm chộn rộn. Nhà anh vẫn đóng kín cửa, và ông Ba Lồ Ô <sup>(1)</sup> vẫn ngày ngày rượu say nằm hát nghêu dưới bóng mạn... Nhưng rồi Pháp đổ bộ lên Nha Trang, giặc giả nổi dậy. Đồng bào, ai theo Việt Minh thì bị Pháp khủng bố, ăn không yên, ngủ không yên ! Phần đông người ở đây đều bỏ nhà bỏ cửa, chạy tản cư hết. Ông Ba Lồ Ô theo con chạy về Huế và mất ở đó. Tôi lên nhà quê ở cùng lũ cháu, thỉnh thoảng lên về thăm nhà. Nhà ai cũng vậy, không người coi ngó, đồ đạc bị bọn Việt gian lấy sạch. Về phần anh, thì chúng chỉ khiêng bàn, ghế, giường, tủ. Còn sách

---

(1) Người giữ gìn nhà cho tôi.

vỏ, giấy má thì chúng vứt bỏ lại, không thêm lấy, gió bay trắng cả trong ngoài...

Thế là tất cả sản nghiệp tinh thần của bạn mình đều bị hủy hoại hết ! Thật đau đớn !

Thấy tôi buồn, ông lão an ủi :

- Trong thời ly loạn, giữ được tấm thân cũng đã quá sức khó, huống hồ những vật ngoài thân.

Đã biết vậy song không thể dựa vào hoàn cảnh để trút trách nhiệm của mình.

Sản nghiệp tinh thần bị hủy hoại thật là to tát. Nhưng đối với di tích của Tần Đà, Bích Khê..., tôi chỉ thương tiếc mà thôi. Còn đối với những di cảo của Hàn Mặc Tử, tôi có bốn phận phải gìn giữ mà không gìn giữ được, lòng tôi bút rút không yên ! Đối với bạn, đối với nền văn học nước nhà, tội tôi không phải nhỏ !

Nhân soạn các giấy tờ về ngôi nhà ở Nha Trang, tôi tìm thấy tờ biên lai của Bộ Quốc gia Giáo dục Huế nhận những thi phẩm của H.M.T. mà tôi gởi ra nộp bản ngày trước. Tôi mừng quá, định viết thư vào Sài Gòn, xin Bộ giáo dục cho tôi xin bản sao các tập thơ của Tử. Nhưng một ông bạn đã sống trong vùng Quốc gia suốt thời khói lửa, bảo tôi :

- Sách vở, giấy tờ lưu trữ ở Thư viện Bảo Đại và ở các Bộ tại cựu Thần kinh, lớp thi bị đốt, lớp thì bị trận lụt năm 1951 trôi, lớp bị thất lạc vì tàn

cư... Các tập thơ của Tử làm gì còn mà hỏi. Huống hồ Bộ Quốc gia Giáo dục trước kia và Bộ Quốc gia Giáo dục ngày nay đâu phải là một. Anh viết thư chỉ mất công và tốn tiền tem vô ích mà thôi.

Gặp lại mấy ông bạn cũ Trọng Miên, Hoàng Diệp, Nguyễn Tuấn, Ái Mỹ..., tôi hỏi thăm có giữ được gì của Tử chẳng, thì ai nấy đều thờ dài :

- Tấm thân còn sống sót, tưởng cũng đã may lắm rồi !

Năm 1957, tôi dời ra Huế. Nhân ngày kỷ niệm Tử do anh em văn nghệ sĩ Thần kinh tổ chức, tôi có trình bày việc tôi để mất các di cảo của Tử và thành thật nhận lỗi trước anh em. Anh Hoàng Diệp cho biết :

- Nghe nói anh Trần Tái Phùng còn giữ đủ các tác phẩm của Tử, anh thử hỏi xem...

Tôi tìm đến Trần Tái Phùng. Trần quân cho biết chỉ thiếu có tập *Gái quê* và *Lệ Thanh thi tập*. Tôi xin sao lại các tập kia. Trần quân hứa sẽ thỏa mãn. Song ngày qua, tháng qua và năm qua... chữ SẼ vẫn còn y nguyên chữ SẼ. Tuy vậy tôi vẫn được yên tâm vì biết rằng không kịp thời chầy, thế nào Trần quân cũng cho sách ra đời, chớ chẳng lẽ lại ôm đi tìm Tử nơi U huyền để giao trả lại.

Riêng tiếc những bức thư Tử gởi cho tôi trong mười năm thân thiết ! Có trên năm sáu trăm bức, vì mỗi tuần chúng tôi gởi cho nhau ít ra cũng một

bức. Khi thì bàn chuyện văn chương, khi thì kể niềm tâm sự... Tất cả những gì xảy ra hằng ngày về chúng tôi, về thiên hạ mà chúng tôi để ý đến, dù là những việc "không mấy nên thơ", chúng tôi cũng đều "phức trình" cho nhau biết.

Nhưng năm 1939, gặp gỡ Liên Tâm là một bạn gái mộ văn chương, tôi lại giấu Tú, vì có cảm giác sò sọ như một anh chồng ngoại tình đi chơi về khuya. Sau Tú dò biết, gởi vào một bài thơ trách rằng :

*Trường Xuyên ơi ! Trường Xuyên ơi !  
Viết chẳng nên câu nói ghen lời.  
Mây nước bao la tình lắng lặng,  
Khói sương mờ mịt nhớ chơi vơi.  
Tương tư mộng thấy năm canh mộng,  
Luyến ái trời vương bốn phía trời.  
Ta nhớ ta thương, mình tẻ quá !  
Có ai khăng khít lại quên ai !*

Tôi viết thư ra phân trần và chép cho Tú xem bài thơ *Sợi tơ mảnh* Liên Tâm tặng tôi :

*Thành xa mấy bận trống sang canh,  
Thổn thức mình riêng cảm phận mình.  
Cao cả chưa đèn ơn chín chữ,  
Nặng nề thêm ngán nợ ba sinh !  
Chòm hoa dưới nguyệt so le bóng,  
Tiếng hát bên sông bận bịu tình.  
Nhện báo tin gì sa trước mặt ?  
Gió đưa lã lú sợi tơ mảnh.*

Xem thơ cảm động, Tú viết thư vào "xá tội chúng sinh". Trong thư có câu :

*Lòng riêng riêng cũng kính yêu  
Người thương thương lắm phải chịu người thương.*

Trong những bức thư của Tú thường có những vần thơ đẹp như thế, nhưng Tú không đem vào các tập thơ.

Ngoài những vần thơ đẹp, ngoài những nỗi niềm tâm sự, trong các thư còn nhiều mẩu chuyện nói rõ những trường hợp sáng tác của một số thơ Tú, còn nhiều ý kiến về thơ... Đó là những tài liệu có thể giúp cho các nhà phê bình khám phá được nhiều bí ẩn trong thơ và trong tâm hồn Tú.

Những tập thơ của Tú còn mong có ngày ra đời, đến những bức thư kia đã mất rồi, tất nhiên là mất hẳn !

Thật đáng tiếc biết bao nhiêu !

Và đó là về phần văn chương. Còn về phần thân xác ?

Năm 1955, tôi có vào thăm mộ Tú một lần.

Bà phước nuôi nấng Tú và anh Xê tuy đã mất, và tuy già già liên miên, mộ Tú vẫn được các bà phước cùng anh chị em đến sau, chăm sóc, cho nên nấm cỏ luôn luôn xanh tươi, và viên đá tôi chôn ngày xưa vẫn nằm y chỗ cũ.

Tuy vậy, không lẽ để Tử nằm mãi ở Quy Hòa. Tôi bàn cùng gia đình Tử lo việc cải táng.

Và việc cải táng đã thực hiện ngày mùng Sáu tháng Giêng năm Kỷ Hợi, tức ngày 13 tháng 1 năm 1959.

Nhờ lời ao ước của Tử năm xưa, tôi bàn cùng người em của Tử là ông Nguyễn Bá Tín đem Tử về Đèo Sơn. Nhưng lúc bấy giờ Đèo Sơn nằm trong khu quân sự, không xin đất được, nên chúng tôi phải tìm đất Gành Ráng.

Gành Ráng là một thắng cảnh của Quy Nhơn. Đất ở đó không dễ xin. May ông tỉnh trưởng đương thời là ông Nguyễn Văn Ái, một người biết quý trọng khách làng văn, lại thêm ông Tín là người có thể lực, nên việc xin đất không gặp khó khăn.

Ông Nguyễn Bá Tín cùng tôi vào tỉnh đường Bình Định ngày mùng ba Tết. Sau khi được ông tỉnh trưởng khẫu hứa, chúng tôi liền thuê người dọn đất.

Chúng tôi lựa một khoảng rộng rãi nằm dưới chân một nấm đồi cao, và thuê phát dọn gai gốc. Một người lãnh thầu với giá bạc 2.000\$00. Chúng tôi đem đến tận nơi, bảo phải dọn cho thật sạch, bề dài 20 thước, bề rộng 20 thước, chiều mồng năm Tết phải hoàn thành. Người lãnh thầu bằng lòng và xin lãnh trước một số bạc đặt cọc. Chúng tôi giao 200\$00, và dặn đi dặn lại :

- Chiều mồng năm phải xong, nếu không chúng tôi sẽ đưa đến cảnh sát.

Người lãnh thầu cười :

- Các ông lo xa quá ! Người lớn với nhau.

Đúng hẹn, chúng tôi đến xem, thì eo ơi ! chỉ thấy một vùng đất vừa dọn dẹp xong, mỗi bề chỉ rộng độ hai thước ! Đã chọn nhất định ngày mồng sáu là lấy cốt, mà đất chưa có sẵn như thế thì còn gì bực mình bằng ! Để ông Tín đứng đợi tôi tuốt về Quy Nhơn tìm người lãnh thầu. Ông ta thịnh nộ :

- Các ông muốn phát dọn chùng nấy, tôi phát dọn chùng nấy, các ông còn đòi gì nữa ?

- Chúng tôi muốn ông phát dọn mỗi bề 20 thước mà ông chỉ phát dọn có bấy nhiêu, ông còn cái bụng !

- Không biết ai cái bụng ! Huyệt mà gì lại đến 20 thước bề ngang, 20 thước bề dài ? Chùng nó chôn "đã chết cha" rồi hướng chỉ nhiều nữa ?

- Chỉ có bấy nhiêu, sao ông đòi tới 2000\$00 ?

- Khéo nói chuyện ! Ngày tết ngày nhất, một khắc nghìn vàng. Hai nghìn đồng nhiều lắm sao ?

Liệu không thể nói tay đôi với lão này được, tôi phải nhờ cảnh sát can thiệp. Chùng ấy lão mới dụ giọng :

- Xin thú thật : Tôi trừ muốn mười người dọn trong hai ngày. Nhưng ai nấy mắc lo ăn tết, không ai chịu làm. Không biết sao, tôi đành thui thủi làm

một mình, ngót mấy hôm nay chỉ dọn được bấy nhiêu đó... Quý ông có thương thì chôn đồ đồ, khai hạ rồi tôi sẽ mượn người phát dọn thêm, bằng không thì có bỏ tù bỏ tội gì thì bỏ, chớ tôi không biết tính làm sao bây giờ !

Thật hết ngõ nói !

Dương lúc ấy, ông Tin trở về, nét mặt hớn hờ :

- May quá. Xong rồi. Anh đến xem.

Thì ra, khi tôi đi tìm người lãnh thầu, ông Tin, để trút bớt nỗi bức mình, đi lui rồi đi tới... Chợt thấy một lối mòn chạy luồn qua một bụi rậm, ông ta liền vệt bụi theo con đường ấy mà đi... Con đường đưa đến một bụi cây bằng đất nằm dọc theo triền đồi. Bụi cây để đi, và dường như thỉnh thoảng vẫn có người lên xuống. Trên đỉnh đồi, có một khoảng đất trống, bằng phẳng và vuông vức, trông như một cái sân. Có lẽ trước kia ở đó có nhà ở hoặc miếu thờ chi đây. Ông Tin trông thấy, mừng quá, chạy về rủ tôi đến xem...

Thật là một nơi "đắc địa". Không còn nơi nào trong vùng cảnh trí đẹp hơn.

Thế là sáng hôm sau, chúng tôi lo việc cải táng Từ.

Huyệt vừa đào xong, quan quách vừa đưa đến, thì gặp phải một trở ngại bất ngờ : Ông thôn trưởng Gành Ráng cùng viên cảnh sát xã kéo năm người dân vệ đến. Viên cảnh sát hùng hổ nói :

- Chỗ này là đất cấm, sao các ông dám đem mồ mả lên chôn ?

Ông Tin đáp :

- Chúng tôi đã được ông Tỉnh trưởng cho phép rồi.

- Dù đã được phép đi nữa cũng phải đợi làng làm lễ khai sơn đã rồi muốn làm gì thì làm, chứ làm ẩu thế này động làng động xóm, rui sanh tai họa thì ai chịu trách nhiệm cùng nhân dân ? Huống nữa làng chúng tôi chưa được giấy Tỉnh sức. Vì vậy chúng tôi phải triệt quan tài lại đây, làm biên bản trình Tỉnh.

Biết rằng mình làm sai nguyên tắc : chưa có giấy cho phép cải táng, chưa có giấy được phép chiếm đất công. Thật đúng như lời viên cảnh sát nói là "làm ẩu" ! Tôi bèn dịu giọng làm lành, trình bày những lẽ phải trái. Nhưng vô hiệu. Tôi bàn nhỏ cùng ông Tin :

- Phải "làm oai" mới xong.

Ông Tin liền dần từng tiếng hỏi :

- Các anh nhất định không cho chôn phải không?

Viên cảnh sát cương quyết đáp :

- Nhất định !

Ông thôn trưởng chợt nhận ra chúng tôi, ôn tồn nói :

- Hai ông là hai nguyên Phó Tỉnh trưởng Bình Định. Dù hai ông đã đổi công tác, song đối với chúng tôi, vẫn còn tình thầy trò. Chúng tôi đâu dám vô lễ. Song vì phận sự chúng tôi phải lên đây mà thôi.

Tôi cười thầm :

- Giở giọng chánh trị rồi đây.

Tương kế tựu kế, tôi đáp :

- Quý ông đối với chúng tôi như thế thật quả là có tình. Chỉ tiếc quý ông có tình với người sống, mà vô tình đã phạm đến vong linh người chết.

Người dân quê Việt Nam, phần đông sợ người chết hơn người sống, cho nên nghe nói "phạm đến vong linh người chết", thì từ ông thôn trưởng cho đến các ông dân vệ đều có vẻ nao núng. Tôi liền tấn công mạnh :

- Vì tình đường không tin cho quý ông biết kịp thời nên chúng tôi phải gặp khó khăn như thế này, thật là đáng tiếc.

Đoạn ngoảnh lại nói cùng ông Nguyễn Bá Tin và gia đình :

- Thôi, các ổng không cho chôn, thì chúng ta hãy về, gọi quan tài lại đó cho các ổng. Khi nào được lệnh Tỉnh, các ổng cho chôn, chúng mình sẽ đến chôn.

Lãnh hội thâm ý của tôi, ông Tin và gia đình tán thành. Nhưng viên cảnh sát phản đối :

- Các ông muốn bỏ vạ cho ai đó ?

Tôi đáp :

- Các ông không cho chôn, chúng tôi phải để đó, chớ biết sao bây giờ ?

Ông thôn trưởng, vẻ e ngại hiện hẳn ra mặt, đến nói nhỏ cùng tôi :

- Nếu để quan tài giữa trời như thế này thì thất đức quá. Phải chỉ có người của Tỉnh đến chứng nhận rằng ông đã được phép rồi, để sau này chúng tôi không bị quả phạt, thì chúng tôi không ngại gì cả.

Nghe nói, tôi nhẹ cả người, liền bảo ông Tin :

- Sẵn có xe, chúng ta xin đưa các vị này đến gặp ông Tỉnh, để lo xong công việc cho rồi.

Ông thôn trưởng nói :

- Được vậy thì tốt quá.

Viên cảnh sát vội nói :

- Ông thôn trưởng ở đây coi ngó, tôi đi cho.

Chúng tôi đưa viên cảnh sát đi. Đi đến cửa đình Tỉnh trưởng, ông Tin hỏi người lính gác cửa :

- Có ông Tỉnh ở nhà chăng ?

Người lính biết ông Tin, lễ phép chào và đáp :

- Ông Tỉnh vừa đi ra chừng năm phút.

Không hiểu nghi sao, viên cảnh sát lại bảo :

- Thôi, không cần gặp ông Tỉnh. Chẳng lẽ quý ông lại nói dối với chúng tôi là vai con em. Trờ về lo việc chôn cất kéo tới.

Thế là muôn sự tốt lành.

Và dưới bóng hoàng hôn, Linh mục Diên làm lễ mờ cho Tử.

Rồi một tháng sau, lăng mộ của Tử được xây dựng theo kiểu tân thời, trang nghiêm nhưng đơn giản.

Việc tốn kém cũng hơi nhiều.

Nguyên năm 1944, Trọng Miên có chọn một số thơ của Tử và cho xuất bản thành sách nhan là *Thơ Hàn Mặc Tử*. Tôi cho nhà Tân Việt Sài Gòn tái bản quyển thơ ấy, lấy được 20.000\$00 về quyền tác giả. Tôi giao số tiền cho ông Nguyễn Bá Tín, người đại diện gia đình Tử, để bù vào số tiền chi tiêu trong công việc cải táng và xây lăng mộ.

Sau này nếu có xuất bản được quyển nào nữa thì sẽ lấy tiền xây thêm thành và sửa lại đường lên xuống.

Hiện nay mộ Tử như thế cũng tạm được. Trông ra bốn mặt, thì phía trong núi non trùng điệp, phía trước biển nước thương mang. Xa xa thành phố Quy Nhơn chạy dài trên lưỡi cát vàng ở giữa trăm màu thủy thọ. Thật là thích hợp với hồn Thơ.

Lại thêm đường xe ô tô chạy thẳng tận chân đồi. Người ta mến cảnh có thể đến viếng mộ Tử được dễ dàng.

Các bạn có đến,

"Hãy cảm ơn thi nhân đã đổ hết bao nhiêu nguồn máu lệ, đã từng uống mật đắng cay trong khi miệng vẫn tươi cười sớt sáng..."

"Hãy cầu nguyện bằng trăm kinh mây gió..."

"Hãy dâng cho một tràng chuỗi trắng sao..."

"Thi nhân sẽ vừa say sưa vừa điên cuồng, ọc ra từng búng thơ sáng láng, phượng phi như một mùa Xuân Như Ý". (1)

*Viết tại Nha Trang, mùa Xuân năm Kỷ Hợi (1959)*

*Bố túc và nhuận sắc mùa Thu năm Quý Mão (1963)*

---

(1) *Tựa Xuân Như Ý*

PHẦN THỨ BA

HÀN MẶC TỬ ANH TÔI

*Nguyễn Bá Tín*

## LỜI DẪN

Hầu hết các sự kiện được Nguyễn Bá Tín đề cập tới trong thiên hồi ký này, đều đã được hoặc Trần Thanh Mại hoặc Quách Tấn nói qua rồi, song *Hàn Mặc Tử anh tôi* vẫn là cuốn sách tất cả mọi người nghiên cứu Hàn Mặc Tử cần tham khảo, lý do là vì :

1. Ở đây, địa vị tác giả là địa vị của người thân trong gia đình, có nhiều chuyện lúc bé, Nguyễn Bá Tín còn nhớ, hoặc những điều trao đổi riêng tư giữa hai anh em, nay tác giả mới lục lại ký ức để kể với mọi người. Ví dụ, như chung quanh hai chữ *Phượng Thê* Hàn Mặc Tử đã dùng, hoặc những đam mê kỳ dị mà Hàn Mặc Tử lúc nhỏ thể hiện... Ở chỗ này, tư liệu của Nguyễn Bá Tín không gì thay thế được.

2. Sách mới được viết 1988 và in ra 1991, tức là được viết khá lâu sau cả sách của Trần Thanh Mại, và hồi ký của Quách Tấn, nên có nhiều điểm, như muốn đính chính lại những điều người trước đã viết. Nếu đọc hai phần trên chúng ta đã không dám quả quyết rằng giữa Trần Thanh Mại và Quách Tấn ai đúng hoàn toàn, thì đến phần này, sự nghi ngại của chúng ta càng có cơ sở. Hóa ra, giữa Quách Tấn và

Nguyễn Bá Tín, cũng có những chỗ rất khác biệt, rõ nhất là trong đoạn cải táng và xây lại mộ Hàn Mặc Tử, mỗi người nhớ một khác. Đây cũng là tình trạng thường xảy ra khi so sánh hồi ký của những người khác nhau cùng viết về một sự kiện. Và cách làm thông thường, mà ở đây chúng tôi tuân theo, đó là cứ in cả ra, để tùy bạn đọc suy xét, và mong các nhà nghiên cứu khác tiếp tục tìm kiếm.

Như trong đoạn mở đầu *Thay lời tựa*, Nguyễn Bá Tín đã nói rõ, "viết lách là một việc không quen thuộc" đối với ông, chẳng qua thấy chung quanh Hàn Mặc Tử tài liệu quá nghèo nàn và sai nhầm nữa nên ông buộc phải viết. Tuy vậy, cần nhớ là Nguyễn Bá Tín (cũng như Mộng Châu Nguyễn Bá Nhân) từng có lúc có làm thơ. Chắc hẳn ông đã lấy hồn thơ trong mình để hiểu thêm về người anh xấu số. Bởi vậy, *Hàn Mặc Tử anh tôi* quả có mở ra thêm những cánh cửa để bạn đọc đi vào "nếp sống khép kín" của Hàn Mặc Tử. Đến nay, *Hàn Mặc Tử anh tôi* không những được in trong nước, mà, theo sự tiết lộ của Phan Cự Đệ, thì sách còn được in ở Paris, đây cũng là một lý do nữa chúng tôi cuốn sách có tầm quan trọng riêng của nó. Có thể nói, trong số tài liệu về Hàn Mặc Tử mới được công bố những năm gần đây, thì cuốn sách của Nguyễn Bá Tín là tài liệu quan trọng bậc nhất.

*Kính dâng lên linh hồn Mẹ tôi.*

*Tập Hồi ký này với tất cả lòng chân thành tạ tội, đã trái ý mẹ, khơi động nỗi tủi nhục đau buồn, mà Mẹ chỉ muốn âm thầm chịu đựng.*

*Con.*

*Thiện Nam  
Nguyễn Bá Tín*

## THAY LỜI TỰA

### TÂM SỰ TÔI

Năm mươi năm rồi ! Hàn Mặc Tử, một tài năng thi phú của nền văn học Việt Nam, mà cuộc đời bất hạnh với chứng bệnh phong hủi đã chết đi trong cô đơn tẻ lạnh, giữa lúc 28 tuổi thanh xuân.

Từ đó, thi văn Anh, tình duyên Anh, và nhất là nếp sống khép kín của đời Anh, trở thành một bản khoả lớn.

Gần một nửa thế kỷ nay, người ta nhắc nhở văn thơ Anh, ca tụng có, thêu dệt có, nhất là giới văn nghệ sĩ đã huyền thoại hóa những mối tình Anh trong các vở ca nhạc kịch, mà vốn vẹn chỉ dựa trên tài liệu nghèo nàn, được phổ biến trong cuốn sách *Hàn Mặc Tử*, do nhà văn Trần Thanh Mai xuất bản, ít lâu sau khi Hàn Mặc Tử qua đời.

Các nhà văn, kể cả thân hữu Anh, tranh luận dồi dào qua các hồi ký ngắn đăng tải trên các báo, qua các buổi diễn thuyết về Anh. Nhưng tựu trung vẫn chưa khai thông được những bí ẩn cuộc đời Anh - nói chi đến thi văn Anh, thì lại dễ lạc hướng hơn mà, thường thì kết luận một mội :

Hàn Mặc Tử, Anh là ai ?

Đã nhiều lần, với ít nhiều kinh nghiệm trong quá trình sống bên Anh, tôi toan viết lại cuộc đời Anh - một cuộc đời nhiều đổi thay bất thần kỳ lạ, từ nội tâm đến hình thể, mà gia đình không ai quan tâm, bạn bè ít ai nhận thấy.

Tôi hằng để tâm lo lắng muốn đóng góp vào việc nghiên cứu, mở rộng tìm hiểu Anh, để cho những người yêu mến Anh biết rõ tài năng bạc mệnh đó, biết rõ những gì mà dư luận về vời thêm thất về Anh.

Tuy nhiên, mỗi lần toan tính làm một cái gì liên quan đến Anh, có kích thước một chút, là hay gặp nhiều trở ngại khó hiểu, nhất là trong việc cải táng xây lại mộ phần Anh, mà những điều đã xảy ra trở thành nghi vấn khó tin được.

Ngay cả khi dự tính viết tập Hồi ký này, trong giới bạn bè có người báo cho tôi biết trước khó tránh khỏi tranh luận gay go, điều mà tôi đã từng phen né tránh.

Năm 1942, khi ở Lào về, tôi bị đặt trước một tình trạng đã dĩ lỡ :

Từ việc xem nhẹ bút tích của anh Trí mà gia đình đã khoán trắng cho ông Quách Tấn, đến cái quan niệm "cổ phong" xem bệnh hủi như một chứng tích tui nhục cho dòng họ, đến nỗi không ai muốn nhắc nhở đến anh Trí nữa.

Mẹ tôi lại càng tha thiết hơn, buộc tôi phải hứa không bao giờ đá động gì đến Anh, kể cả nói đến văn thơ Anh. Điều mà tôi, vì chữ *Hiếu* xem trọng cho đến ngày nay, để linh hồn mẹ tôi được yên nghỉ.

Nói đến văn thơ Anh, thì thật là điều bất hạnh rồi.

Thơ Anh tôi để lại rất nhiều, nhưng thất lạc cũng không ít. Có nhiều người thấy trước giá trị thơ Anh tìm cách chiếm hữu giữ làm của riêng mà nhiều bài thơ, tôi đã mơ hồ đọc qua, đến nay vẫn không thấy phổ biến.

Một số thơ khác, ông Tấn đã bỏ rơi ở Nha Trang, có người nhặt được, mang về sửa đổi ít nhiều để giành quyền thủ đắc hay sáng tác.

Mặc dù đã hứa với Mẹ tôi, không nhắc đến văn thơ Anh, nhưng lòng vẫn xốn xang, trần trở trên niềm uất hận từ bao nhiêu năm rồi.

Làm sao tôi quên được, cả sự nghiệp văn chương Anh, mà mỗi bài thơ là máu xương nhức nhối con tim Anh, rút tia não cân Anh.

Quên sao được những lời Anh than thở :

*Ta muốn hồn trào ra đầu ngọn bút  
Mỗi lời thơ đều dính não cân ta*

Cho đến nay, những tưởng :

*Máu đã khô rồi thơ cũng khô  
Tình ta chết yếu tự bao giờ*

*Từ nay trong gió, trong mây gió  
Lời thăm thương rền khắp nẻo mơ*

Nhưng, không đâu, Anh ơi.

Bao nhiêu người bạn tình nghĩa, xưa kia của thành phố Quy Nhơn, đầy kỷ niệm mà Anh trông ngóng từ trên điểm cao Gành Ráng, nay đã trở về bên Anh, quán xuyên Anh, tu bổ mộ phần Anh và đang phục hồi vinh dự thơ văn Anh, càng thêm tươi thắm hơn từ nửa thế kỷ nay, trong hai *Tuyển tập* và *Thơ Hàn Mặc Tử*.

Tôi rất phấn khởi, và càng xúc động hơn, khi những người bạn từng gần gũi Anh, mà ngày nay tuy sự nghiệp đã thành, vẫn còn tự hạ, xem Anh là bậc thầy. Những người đó, than ôi ! Lại vẫn còn thốt lên, như một lời than thở :

*Hàn Mặc Tử ! Anh là ai ?*

Thì ra họ vẫn còn băn khoăn thao thức về Anh.

Lòng tôi rộn lên một niềm tin tưởng và khích lệ, nên quyết tâm viết lại tập Hồi ký về Hàn Mặc Tử, dù muộn còn hơn không.

Tuy nhiên, tôi không khỏi áy náy, vì viết lách là một việc không quen thuộc đối với tôi. Hơn nữa, tuổi tôi đã vượt quá ranh giới *Cổ lai hy* của nhà thơ Đỗ Phủ rồi, liệu tôi còn đủ minh mẫn sắp xếp được cảm nghĩ và tình tiết sự việc đã qua 50 năm, để trình bày lại có mạch lạc, có hệ thống không.

Tôi không phải là nhà văn chuyên nghiệp dù có cao hứng được một vài câu thơ thì sợ e cũng chưa đủ ngôn từ diễn tả cho hết ý. Đó là chưa nói lời lẽ đôi khi phóng khoáng không tránh khỏi va chạm vô tình, mà tôi rất tiếc.

Viết lại tập Hồi ký này, trước hết tôi phải xin tạ lỗi linh hồn Mẹ tôi, để nhận lấy một chút trách nhiệm đóng góp vào việc nghiên cứu cuộc đời Anh Tri cho lịch sử Văn học. Tôi không hề có tham vọng giải thích thơ văn Anh. Cái vốn liếng duy nhất để tôi làm nhiệm vụ viết lách này chỉ là ký ức của một thời gian sống bên Anh từ thơ ấu. Chia sẻ với Anh vui buồn sướng khổ, chúng tôi đã trở thành quá quen thuộc nhau, biết nghe ngóng nhau cùng suy nghĩ với nhau qua truyền giao cảm ứng của dòng họ.

Tôi cũng không hề nghĩ tập sách nhỏ này có thể mang đến quý bạn đọc cảm nghĩ kỳ bí nào đó về cuộc đời Anh. Nhưng mà, chỉ trung thực kể lại tỉ mỉ Anh đã sống với nhiều hiện tượng mà rõ ràng đã ảnh hưởng thật sự con người bình thường của Anh, biến cải thơ Anh từ *phàm tục* đến *thoát tục*.

Vì vậy, để trung thành trọn vẹn với ký ức, tập Hồi ký này không khỏi có nhiều đoạn đi ngược lại cảm nghĩ hay nhận thức của nhiều bạn hữu khả kính, mà suy luận cao kiến đã vượt quá những cái tầm thường nhưng thiết thực của đời Anh tôi. Tôi rất lấy làm tiếc khi phải trung thực đến như vậy.

Tôi cũng rất mong bạn hữu xa gần dành cho tôi một thái độ bao dung hơn, khi tôi nhận xét khách quan về Anh không được tròn trịa, bóng láng như lâu nay đã được cảm nhận.

Nhân đây, tôi cũng xin gởi đến những người bạn, đã từng yêu mến, giúp đỡ Anh tôi khi còn sống và sau khi đã qua đời, một tấm lòng thành kính tri ân sâu xa của gia đình tôi và riêng tôi.

Sau hết viết được tập Hồi ký này, tôi không quên ghi nhớ mối thịnh tình giúp đỡ và khích lệ quý báu của các bạn hữu, nhất là các bạn vong niên mà tôi được hân hạnh tiếp xúc trong mùa Xuân qua.

Xin gởi đến quý bạn đó lòng ngưỡng mộ và cảm mến thân tình.

Chân thành,

*Thiện Nam Nguyễn Bá Tín*

*(Viết xong mùa Giáng Sinh năm 1988  
tại Sài Gòn)*

## CHƯƠNG I

### 1. MỘT ÍT LỊCH SỬ DÒNG HỌ

**H**àn Mặc Tử, tên thật là Nguyễn Trọng Trí, sinh ngày 22 tháng 9 năm 1912, tại Đồng Hới (Quảng Bình), con ông Nguyễn Văn Toàn và bà Nguyễn Thị Duy, thuộc gia đình công giáo lâu đời, tên thánh rửa tội là Phêrô, thánh thêm sức Phanxico Xavie.

Từ nhỏ, không ai nghe nói đến dòng họ của cha tôi, tuy vẫn biết nội tổ là Phạm Bồi, quê ở Thanh Hóa, lập nghiệp tại làng Thanh Tân (Thừa Thiên). Cũng không ai tìm hiểu vì sao cha tôi mang họ Nguyễn mà các chú tôi đều giữ họ Phạm. Mãi đến năm 1933, mới gặp được bà chị thúc bá với cha tôi là Phạm Thị Nhân (Sage femme) tại Quy Nhơn và người cháu họ là Phạm Long (Sergent Interprète) đều cùng quê quán ở Thanh Hóa. Từ đó mới biết được tông tích dòng họ.

Đến năm 1934, anh cả tôi là Nguyễn Bá Nhân tức Mộng Châu, đem tôi đi Hà Nội tìm tộc trưởng là Phạm Thành, tức Phạm Bá Thành, tông sự tại Sở Nội dịch Toàn Quyền.

Theo gia phả bằng chữ Hán, thì dưới thời Trịnh Kiểm soán vị, gia thân thế tử Nguyễn Uông (con chúa Nguyễn Kim) nổi lên chống Trịnh Kiểm vì đã ám toán thế tử Uông.

Thất bại trong cuộc nổi dậy đó, một số bị giết, số còn lại phải cải tánh ra "Phạm" bị đẩy vào Nam. Về sau lập nghiệp tại Thanh Hóa.

Cuối triều Tự Đức, Pháp xâm lược Việt Nam, vua Hàm Nghi dời đô, hạ chiếu Cần Vương, lập chiến khu chống Pháp.

Nội tổ, Phạm Bồi, bấy giờ là võ quan tại Thanh Hóa, hưởng ứng Cần Vương, đem binh vào Huế cứu giá, đồng thời đa số dòng họ Phạm cũng tham gia các phong trào khởi nghĩa.

Phần nội tổ, mang quân vào Thừa Thiên, chống cự với binh Pháp cho đến khi Trương Quang Ngọc làm phản, nộp vua Hàm Nghi cho Pháp. Cụ giải tán binh sĩ, ném vũ khí xuống ao, lấp lại xây nhà lên trên.

Cụ vào giúp việc cho Cố Đồng, xây dựng nhà thờ Thanh Tân và ở lại lập nghiệp tại đó.

Anh Mộng Châu khi về thăm quê nội đã được trông thấy khẩu súng hỏa mai của Cụ đã rỉ sét.

Từ đó, Nội tổ mai danh ẩn tích, tuyệt đối, dòng họ không ai được tiết lộ, vì có lệnh truy nã cụ về tội đào nhiệm ở Thanh Hóa.

Khi Cha tôi đến tuổi đi học, Cố Đồng giúp cho vào Tiểu Chủng Viện, lập thủ tục thay đổi họ tên.

Cũng nhờ Tổ Mẫu thân thuộc với cụ Nguyễn Hữu Bài có thể lỵ, nên mọi việc không gặp khó khăn.

Sự im lặng về nguồn gốc bên nội cũng dễ hiểu, vì lúc bấy giờ, cả cha tôi và anh Mộng Châu đều là công chức Pháp thuộc, không muốn bị liên lụy với quá khứ Cần Vương của nội tổ.

Ở Chủng Viện về với chức tu (Tonsuré) cha tôi ra làm việc ở Tòa sứ Huế, về sau đổi vào Hội An, ông bỏ Tòa sứ qua Thương Chánh.

Ông kết hôn với mẹ tôi là Nguyễn Thị Duy, con gái thứ chín cụ Ngự Y Nguyễn Long.

Hai cụ sinh hạ được sáu anh chị em chúng tôi :

1. Nguyễn Bá Nhân tức Mộng Châu, độc thân, mất năm 1936.

2. Nguyễn Thị Như Nghĩa, mất năm 1984.

3. Nguyễn Thị Như Lễ, mất năm 1982.

4. Nguyễn Trọng Trí tức Hàn Mặc Tử, mất ngày 11-11-1940.

5. Nguyễn Qui Tín (về sau đổi Nguyễn Bá Tín để thay quyền tộc trưởng của Nguyễn Bá Nhân).

6. Nguyễn Bá Hiếu.

Về phía Ngoại tổ là Nguyễn Long, quê ở Trà Kiệu (Quảng Nam) ra Huế lập nghiệp tại làng Vạn Xuân, làm Ngự Y dưới triều vua Tự Đức.

Cụ được tham dự phái đoàn cầu hòa qua Pháp quốc do cụ Phan Thanh Giản cầm đầu.

Cụ trở về nước vừa lúc Pháp đánh Thừa Thiên, bị thảm sát dưới tay bộ tướng Trần Soạn theo lệnh Tôn Thất Thuyết (một giờ sau khi vua Dục Đức bị bức tử trong ngục).

Đồng thời cũng gặp nạn như cụ, có nhiều văn quan đã từng qua Pháp với cụ, khi cụ Phan Thanh Giản tuần tiết.

\*



*Ảnh gia đình Hàn Mạc Tử*

Từ trái qua phải :

Chị Như Lễ, chị Như Nghĩa, Bà nội (sau lưng bà nội là u già Lành), Ông nội (sau lưng ông nội là bếp Ngôn và bác Nhân). Đứng trước bác Nhân là Hàn Mạc Tử và tác giả (Nguyễn Bá Tín). Chú Hiếu (em út) ngồi ghế nhỏ.

*(Ảnh chụp tại tiệm Dương Cẩm Hồng, 1923, Quy Nhơn).*

## 2. SINH NHẬT HÀN MẠC TỬ

Năm 1912, tại Đồng Hới, trên bờ biển Nhật Lệ trong một ngôi nhà tranh nhỏ, Hàn Mạc Tử đã ra đời.

Buổi sáng ngày 22 tháng 9 đó, từ lúc mờ sáng, dân chúng họ đạo Tam Tòa kéo đến đầy bãi biển, sau nhà thầy Thông Toán, mỗi lúc một đông và ồn ào, để xem một chiếc tàu to lớn của Hàng hải Pháp, chiếc Orénoque đang bị mắc cạn. Thời bấy giờ, một chuyện thông thường như thế, cũng được kể là biến cố nho nhỏ.

Anh Nhân lúc ấy 7 tuổi, dậy thật sớm vì nghe ồn ào chạy ra chạy vào, về quan trọng báo cáo tình hình.

Khoảng gần 8 giờ, mẹ tôi đang chuyển bụng sắp sanh thì bỗng nghe reo hò vỡ òa, và như cơn lốc, anh Nhân chạy vào la lớn : "Nó chạy ra được rồi", "Nó" đây là con tàu, cùng lúc Hàn Mạc Tử ra đời.

Mẩu chuyện trên đây thường được mẹ tôi kể lại trong gia đình, và thêm rằng : "Anh Tri giống ông nội về vóc dáng đậm chắc, nhất là hai cổ tay tròn như cán rựa". Nội tổ vốn có sức mạnh phi thường, một mình từng đưa lưng đẩy mạnh chiếc ghe chở gạch mà tám người không xê xích. Anh Tri nghe vậy thì hãnh diện lắm.

Nhân đây, cũng nên nhớ lại cuốn sách **Hàn Mặc Tử** của ông Trần Thanh Mai, khi ông này viết về anh Trí sinh ra trong một trường hợp bất thường quá lạ, đến nỗi mẹ tôi rất buồn tủi mỗi khi nghe nhắc đến.

Ông Trần Thanh Mai nói : "Hàn Mặc Tử được sinh ra rất nhỏ bé", và ông cho là mẹ tôi đã uống quá nhiều rượu nên bào thai bị ảnh hưởng. Mặc dầu, không có cơ sở để suy luận như vậy, nhưng ông lập luận sự thể cha tôi làm chủ Thương chánh mà suy ra rằng cha tôi bắt được nhiều rượu lậu, mang về đây nhà, mẹ tôi được thể uống quá nhiều đến nỗi sinh anh Trí ra trong trạng thái tủy loạn.

Vốn cũng là công chức cao cấp thời bấy giờ, đáng lý ông Trần Thanh Mai phải am hiểu luật lệ hành chánh và cơ cấu chánh quyền : Cha tôi lúc ấy đang ở ngạch Thông phán (Cadre secondaire) thường được gọi là thầy Thông Toàn. Mãi đến bảy năm sau, năm 1919, ông mới thi đậu vào ngạch Tham sự (Carde supérieur) và được bổ nhiệm Chủ sự năm 1921, bấy giờ mới có quyền và trách nhiệm quản lý các món đồ quốc cấm như thuốc phiện, rượu v.v...

Nếu quả ông Mai đã am hiểu như vậy, thì cách ông nói về hoàn cảnh Hàn Mặc Tử ra đời thật đáng trách.

\*

### 3. THIẾU THỜI VỚI NHỮNG ĐAM MÊ KỲ DI

Anh Trí lớn lên rất bình thường, khỏe mạnh, nghịch ngợm và phá phách như những đứa trẻ khác.

Tôi đã sinh ra sau anh ba năm, theo kịp anh về vóc dáng, nhưng không bằng anh về thể lực. Thường chơi đùa trước bồn cỏ, anh đánh vật tôi ngã dễ dàng.

Tánh tình bướng bỉnh, ít khi chịu nhận lỗi, tuy nhiên không hề giận hờn ai, rất dễ quên những gì anh đã làm thiệt hại cho người khác, và ngược lại cũng không nhớ ai đã làm gì thiệt hại cho anh.

Chúng tôi ra Đồng Hới năm 1921, theo cha vào Quy Nhơn, trở ra Bồng Sơn, lại trở về Quy Nhơn, và đến năm 1924, thì đổi ra Sa Kỳ, một sở Thương Chánh lớn, cách thị xã Quảng Ngãi 12 cây số.

Trong thời gian gia đình chúng tôi thay đổi dời dọc theo các cửa biển, việc học hành của chúng tôi đã bị gián đoạn. Về Quảng Ngãi, mới vào trường công lập, anh Trí học lớp ba, tôi lớp tư.

Khi còn ở Quy Nhơn, anh rất thích bắn ná cao su, và bắn rất hay. Ná của anh mạnh, mỗi lần trúng chim là không mất đầu cũng mất cánh.

Thường buổi sáng, hay rú tôi đi xem lễ nhà thờ, bởi vì lúc ấy đường sá vắng người, nhà thờ ở sát cạnh Sở cảnh sát, bấy giờ gọi là Sở Cò. Hai cây xoài bên vệ đường trái rất lớn, anh thường bắn rụng nhiều lần mà "phú lít" (cảnh sát) không bắt được,

chỉ cần lên vào nhà thờ là tỉnh bơ một cách thích thú.

Một lần, anh bắn viên sỏi vào phòng rửa mặt của ông Cò. Linh chạy qua nhà thờ tìm kiếm "thủ phạm". Vừa lúc cha xứ là cha Thiêng (có tiếng nhân đức kham khổ) sửa soạn dâng lễ. Linh thua chuyện. Cha thật thà : "Làm gì có chuyện đó, mấy đứa nhỏ này con nhà tù tế cả, đạo đức lắm. Sáng nào cũng đi xem lễ". Anh Tri đưa cùi chỏ thúc tôi, mỉm cười.

Khi ra về, tôi hỏi : "Bắn xoài ông Cò, có tội chết". Anh trợn mắt : "Tội gì ! Mì nghe điều răn Chúa dạy có chỗ nào cấm bắn xoài không ? Mà xoài ông Cò thì có tội gì" - "Ông Cò khác, mình khác mà".

Nghe anh lý luận lếu láo, không hiểu gì, nhưng tôi nghĩ anh lớn hơn, hẳn phải nói đúng.

Vậy là bắn xoài dài dài. Năm ấy, anh 11 tuổi.

Trong những năm học ở Quảng Ngãi, anh không thèm hấn nã cao su nữa, mà lại rất thích bắn súng.

Hai anh em ở trọ dưỡng tôi, trong nhà cũng có một khẩu Flaubert, thứ súng bắn chim như của cha tôi. Anh trông thấy thèm lắm, nhưng không dám hỏi. Vì vậy cứ thứ năm, chủ nhật là kéo tôi cùng đi về Sa Kỳ, để cha tôi phát cho mỗi đứa ba viên đạn, mà phải đi bộ mười hai cây số, phải qua một chuyến đò, băng qua một động cát dưới trời nắng chang chang.

Tôi cần nhân, Anh đổ : "Gần đến nhà rồi mà ! Bây giờ thì nắng, nhưng về đêm, lên đây chơi mát lắm, thật là tuyệt".

Về sau, bài văn xuôi **Chơi giữa mùa trăng**, Anh viết về chợ Chua Me, là Động Cát này.

Địa phương gọi là Động, kỳ thực là một vùng rộng lớn, cát trắng phau, thứ cát ánh ngời như mảnh pha lê vụn, chạy dài bốn, năm cây số bên bờ Đại dương, từ Sò Thương Chánh đến đó không xa lắm nếu đi về phía chợ Chua Me.

Có những thung lũng chạy dài như dòng sông khô cạn, mà khi trời nắng chói chang, bốc lên một thứ hơi, nhìn từ xa, phảng phất khói sóng trên sông.

Vài ngọn đồi, không cao lắm, nhưng khói nắng ngùn ngụt trôi theo mây trắng ngang trời.

Vào những đêm trăng sáng thì tuyệt đẹp, nhưng huyền ảo đến rợn người như đi vào một thế giới xa lạ.

Dân địa phương không dám băng ngang. Hoàn toàn vắng lặng, chỉ còn nghe hơi thở của mình và mơ hồ se siết bước chân trên cát.

Trăng bao phủ từ phía bằng một ánh sáng lung linh chồn chợn khó phân biệt từ trên trăng tỏa xuống, hay từ cát trắng chiếu lên. Tơ trắng dày đặc, cử động hay di chuyển đều như lửa cả trăng theo.

Nhìn xa về phía chợ Chua Me độ cây số, nhiều tảng đá to lớn đen đui, trời lên cát trắng, trông phát

sợ, tưởng chừng như những tên quý khổng lồ nhúc nhích xê dịch trên ranh giới vào "Tiên động".

Chúng tôi không dám đi xa, ngay cả không dám nhìn về phía đó.

Có lẽ anh Trí đã đi nhiều lần đến đây ngắm trăng khi còn ở Sa Kỳ, mà địa danh nghe đã kỳ diệu rồi.

Về đến nhà là xách súng đi liền. Anh bắn rất hay, chưa hề trật phát nào, lại còn bắn cả chim bay với khẩu súng mà tầm bắn xa nhất chỉ có hai mươi mét mới là thần tình.

Không mấy khi tôi bắn được đến phát thứ hai. Vì Anh hay gạ tôi mua mấy viên đạn với giá năm xu mà mẹ tôi hay cho mỗi đứa để về Thị xã ăn kẹo gương. Và cũng không mấy khi tôi ăn trọn được năm xu của Anh, tôi không nỡ để Anh nhịn thiếu như vậy.

Tôi thương Anh từ thuở nhỏ, mà tôi xem là định mạng rang buộc Anh với tôi trong tình thương đó đến bây giờ. Anh mất đi đã năm mươi năm rồi mà tôi vẫn chưa hết gian nan vì Anh.

Anh rất đam mê súng, luôn luôn khoe kỹ thuật, nhắm thế này, nhắm thế kia. Có lần đi học bị thầy đánh sưng mấy ngón tay, thầy trợ Giác lớp ba có tiếng đánh ác. Anh lặng lẽ giấu dưỡng tôi, vốn rất lo cho hai đứa, tìm muối dấm để bóp cho kịp ngày thứ năm về Sa Kỳ.

Sau khi cha tôi mất đi, tháng 7/1926, gia đình dọn về Quy Nhơn ở với anh Mộng Châu.

Hai chúng tôi, cùng vào học trường Trung học Quy Nhơn.

Đến lớp nhất, anh Trí ra Huế học Pellerin.

Bảng đi một thời gian ở Huế về, lại thấy Anh có một thú đam mê mới. Đó là "quyền anh". Thôi thì luyện tập, nào là đánh bao cát, nhảy dây. Cả ngày nhảy múa, thỉnh thoảng lại kéo về một vài "thằng nhóc" để truyền nghề lại cho.

Chỉ một thời gian ngắn thôi, bỏ luyện tập, bao nhiêu đòn móc, đòn đâm trả lại cho Bưu Tuyển, võ sư Huế.

Bỏ hẳn thật sự, đến đổi Quy Nhơn thường tổ chức vô đài, anh em đến rủ đi xem. Anh nói: "Đó là một lối thể thao vô nhân".

Rồi thì quay ra bơi lội, tắm sáng, tắm chiều. Vắng Anh, ra biển là gặp.

Nhưng chỉ một lần, cả hai anh em suýt bị chết vì lội ra quá xa bờ, khi trở vào, bị gió nồm quá mạnh, Anh Trí đuối sức bị ngất đi, phải nằm ngửa (planche) cho sóng đẩy vào bờ. Trông Anh sợ hãi khác thường, thần sắc ngơ ngác, như không còn trông thấy gì nữa. Anh thều thào: "Ồ Huế bơi qua cầu Bạch Hổ bị rong quần chân kéo chìm không lội được, mà sao ít sợ hơn bữa nì". Rồi, lăm bắm nghe

như Đức Mẹ... Đức Mẹ... tôi tưởng Anh cầu nguyện, trông Anh khác lạ đi. Nhìn Anh tôi càng hoảng sợ : Anh không còn giống Anh nữa, với đôi mắt đã lạc thần.

Từ đó Anh không tắm biển nữa, sợ nước, ít hoạt động, nói năng nhỏ nhẹ như sợ ai nghe. Thường ngồi khoanh tay, nghe hơn là nói, hình thể gầy sút đi, nhỏ đi.

Nhiều lúc như xuất thần, không hay biết gì chung quanh. Nhất là lúc Anh đang ngâm thơ, giọng như run run đau đớn.

Có lần đi con đường bờ biển Maréchal Foch như mộng du thiếu chút nữa thì bị xe ông Công sứ đụng phải.

Thường hay vào Hội quán (Cercle d'Études) của cố Maheu mà anh Mộng Châu là Tổng thư ký, ngồi cả ngày quên ăn cơm.

Thấy Anh thay đổi có vẻ đau yếu, mẹ tôi bảo đi khám bệnh, ông Đốc Ký bạn anh Mộng Châu nói đùa : "Trí không đau gì cả. Cưới vợ cho nó là yên". Anh Trí chỉ cười, không quan tâm.

Mẹ tôi bảo mua đồ bẻ để bồi dưỡng Anh, nhưng Anh không ăn được. Vốn từ nhỏ, Anh không hề ăn cá lớn, thịt heo, bò cũng không thích. Chỉ cá bống thệ, bống cát là Anh ưa, nhất là khi rim với đường mỡ, mà con cá cong cứng lên.

Anh không kén ăn, nhưng khó bồi dưỡng về mặt đó. Tuy có thời gian hay ăn chè đậu ván, một thứ chè ở Quy Nhơn bán quanh năm về khuya. Vậy mà, chỉ một lần ăn xong, cảm thấy khó chịu là nhất định không ăn nữa.

Cả nhà đều nghĩ là Anh mắc bệnh tâm thần, hay tưởng tượng gì đó, nhưng Anh vẫn bình thường, vẫn làm thơ, thúc khuya để ghi chép.

Nhận xét kỹ, Anh có lỗi thôi về ăn mặc, ít tắm giặt, phải nhắc nhở Anh thay quần áo.

Thường hay quên, chẳng hạn quần áo thay ra ném bậy bạ có khi cả tuần không tìm thấy, thì ra đã lọt xuống kẹt rương, chuột đã làm ổ.

Mẹ tôi rất lo, nhưng sau một thời gian vào làm việc ở Sở Đạc điền, Anh lại trở nên vui vẻ. Công việc cũng nhàn nên rồi rãi có thì giờ ngâm vịnh.

Thường nghe Anh ngâm câu Kinh thi :

*"Quan quan thư cưu, tại hà chi châu  
Yểu điệu thục nữ, quân tử hảo cầu".*

Hoặc một câu khác nữa vời :

*"Lúa đôi ai đã đẹp tày Thôi Trương..."*

Cứ thế mà ngâm đi, ngâm lại mà không biết chán.

Tôi lảng lạng chờ Anh bỏ ngang thi phú như những đam mê hồng bột trước.

Nhưng không, Anh đã gặp điều Anh tìm kiếm, và chắc chắn dừng lại đây lâu, với nhiều hứa hẹn lạ lùng cũng nên.

## CHƯƠNG II

### NHÀ THƠ NỔI TIẾNG

Anh Mộng Châu như muốn hướng dẫn anh Trí về văn chương thi phú. Tôi thấy hai anh thường xướng họa, tương đắc lắm. Còn tôi bị cho ra rìa vì là con nít không biết gì.

Hình như anh Mộng Châu và Anh giao thiệp với Phong Đình, một lãnh tụ công nhân tiệm ông Ba Giày đường Khai Định mà người ta to nhỏ với nhau là "Hội kín".

Rồi bỗng nhiên anh Trí nổi tiếng là thi sĩ Phong Trần, thơ Anh được nhiều báo đăng tải. Lúc ấy Anh 19 tuổi.

Anh nổi tiếng vì bài thơ *Thức khuya* được cụ Sào Nam khen ngợi.<sup>(\*)</sup>

Về sau khi Anh Trí đi Huế thăm cụ Sào Nam ở Bến Ngự trở về bị mật thám Pháp xóa tên trong danh sách du học Pháp do Hội Như Tây bảo trợ, tôi mới biết là anh Mộng Châu đã sai anh Trí đi xin địa chỉ một đồng chí của Đông Kinh nghĩa thực ở Thái Lan.

Trong khoảng thời gian này hình như anh Trí bắt đầu yêu.

(\*) Tiếp đây, còn một đoạn dẫn hai bài thơ của HMT và Phan Bội Châu, như ở trên Quách Tấn đã dẫn. Chúng tôi xin lược bỏ. (VTN)

Ngoài thú ngâm thơ, Anh còn thích nghe đàn, nhất là các bản ca nhạc Huế : Nam Ai, Nam Bâng, là những bản ruột của cây đàn nguyệt.

Do đó tôi biết Anh yêu một thiếu nữ khuê các tài hoa, người Huế, biết đàn, biết thơ mà Anh rất ngưỡng mộ. Đó là Hoàng Hoa nữ sĩ.

Anh Mộng Châu cấm tôi chơi đàn và làm thơ, phải để tâm trí vào việc học. Nhưng anh Trí biết tôi làm thơ được nên đặt bút hiệu cho là Thiện Nam, thỉnh thoảng cùng tâm sự xướng họa, những khi anh Mộng Châu đi vắng nhà.

Anh Trí làm thơ vịnh cây *Đàn nguyệt* thật hay, nghe nói cụ Tân Đà Nguyễn Khắc Hiếu rất thích. Tôi phê bình Anh có hai câu thứ ba và tư chưa chỉnh lắm (có ý muốn dò xét Anh).

Bài : **ĐÀN NGUYỆT**

*Hỏi chơi mấy tuổi đáp mười lăm  
Non nước từng phen nổi tiếng tăm  
Bạc mệnh đàn chơi, đau nửa kiếp  
Đồng tâm tơ buộc chặt quanh năm  
Chường mình trước án trông đầy đặn  
Nếp mặt trong hoa nói thì thầm  
Mười khúc đoạn trường sau chùa tỉnh  
Thuyền ai ngấp ghé muốn ôm cầm.*

Tôi đề nghị sửa lại câu thứ tư vì ít khi người tài hoa giữ được hạnh phúc mà không bị sát mẻ.

*Bạc mệnh đàn chơi, đau nửa kiếp  
Hồng nhan trót lụy lỡ trăm năm*

Anh la lên : "Tâm bầy, phải để cho người tài có cơ hội trọn đời yêu nhau chứ".

Tôi biết ngay là Anh đang yêu và lạc quan với mối tình đó.

Mấy năm sau, khi Mộng Cầm đến thăm Anh rồi giải ước, tiếp đó Hoàng Hoa nữ sĩ cũng theo gia đình về Huế, Anh thường hay ngồi trầm ngâm, thương nhớ băng khuâng. Tôi không biết thương nhớ ai, Mộng Cầm hay Hoàng Hoa bên lấy bài *Đàn nguyệt* ra họa để dò xét Anh :

*Cải trâm từ ấy chữa bao lăm  
Mà khách tài hoa mộ tiếng tằm  
Phiếm trúc keo sơn tình dài ngộ  
Dây tơ ràng buộc nghĩa trăm năm  
"Biết ai tâm sự" buồn chan chứa (Nam Ai)  
"Đền nợ Ô Ly" oán túi thềm (Nam Bể)  
Nhớ buổi hòa âm từ dạo ấy  
Thương ai chưa xót đoạn cung cầm*

Đọc hai câu kết, Anh có vẻ xúc động, nhưng cũng mỉm cười nói : "Thôi, đừng nhắc đến nữa. Mà... không ai đoạn ai đâu".

Nhưng sau đó, Anh lại chìm vào những giờ, những ngày âm đạm, không nói năng gì. Tình Anh vô cùng lai láng với tất cả những ai đáp lại tình anh. Dù là nửa vời không đi đến đâu.

Năm đó, Anh có dấu hiệu mắc chứng nan y.

Cả nhà không muốn để Anh buồn thảm tuyệt vọng nên làm ngơ như không biết.

Chính Anh, cũng né tránh ý thơ chia ly đổ vỡ, mà Anh linh cảm khó tránh được trong cuộc đời. Dần dần, Anh mất tin, đâm ra dị đoan.

Hiện tượng đó xảy ra khi tôi trao Anh bài thơ *Đàn đoạn* mà ý thơ thật u buồn, để kỷ niệm một buổi hòa đàn bị gián đoạn :

### ĐÀN ĐOẠN

*Trăng rù màn sương khéo đuổi người  
Bể bàng, chủ khách nhạc chơi với  
Tơ chùng lác phiếm lăm ly tuyệt  
Vàng đỏ theo tay là chắt rơi  
Cay đắng thần thờ lên sóng mất  
Ngại ngừng e ấp dưới làn môi  
Đàn xin tạ khách từ nay nhé !  
Đàn đoạn ! Huyền âm vọng chẳng thôi.*

Anh Trí xem xong sững sờ nhìn tôi, ái ngại : "Trời ơi ! Thơ chi của mi mà buồn thảm quá vậy. Nghe toàn chết chóc chia ly thôi ! Mi đừng làm thơ nữa, trệ quá !".

Càng bị ám ảnh nặng nề hơn, khi nghe tin người thiếu nữ cùng hòa đàn với tôi vì chuyện buồn gia đình đã quyền sinh mấy tháng sau đó, gây xúc động cho cả thành phố Quy Nhơn.

Anh thần thờ cả tháng.

May thay, bạn bè không có ngày nào là không đến thăm Anh, nói chuyện thơ phú, khiến Anh vui vẻ trở lại.

Thường đến với Anh, ngoài Bùi Tuân như ăn cơm tháng có Hoàng Tùng Ngâm, Hoàng Diệp, Yến Lan, Chế Lan Viên đi học về cũng hay ghé lại. Còn có các anh Tôn Thất Vỹ, Quỳnh Dao và nhiều bạn khác, thỉnh thoảng lại đến chơi.

Căn nhà tôi nuốm nợp, bộ bàn ghế mây cổ hữu bị nhiều bàn chân gác lên, trần trở ọp ẹp thật tội nghiệp. Bùi Tuân ở luôn đó, áo quần bừa bãi, mẹ tôi phải thu gom giặt giã.

Đầu năm 1936, anh Tri vào Tuy Hòa, nói là xin anh Mộng Châu tiền mua sách, nhưng không nghe nói kết quả. Có lẽ anh Mộng Châu đang gom vét để mua cho Mẹ căn phố.

Cuối tháng 3 năm ấy, anh Mộng Châu mất trong một tai nạn xe hơi, một chuyến đi thăm công trường, mới có ba mươi hai tuổi.

Tôi phải bỏ hết mọi công việc vào Tuy Hòa quản lý những công trình mà anh Nhân bỏ dở, đồng thời thu xếp trang trải mọi dư thiếu cho Anh để trở về Quy Nhơn.

Lúc bấy giờ, mẹ tôi bị ám ảnh vì cái chết của anh Nhân, nên bà rời bỏ căn nhà gác đường Khải Định - Odend Hale dọn về hai mươi Khải Định.

Giữa bao nhiêu thất bại, buồn thương đó, anh Tri xin mẹ hai trăm đồng để in tập thơ *Gái quê*. Thật là nghiệt ngã quá.

Những năm qua, sống với nhau, Anh thường tâm sự, nhờ tôi chuyển đạt đến anh Nhân, hay Mẹ tôi, những điều Anh dự định. Nhưng bấy giờ anh đi thẳng với mẹ tôi về việc in thơ. Anh biết tôi đang giữ hầu bao của gia đình từ ngày anh Mộng Châu qua đời. Nói với tôi chắc khó hơn rồi.

Mẹ tôi nóng ruột hỏi ý kiến tôi. Tôi lặng thinh luôn mấy ngày, anh Tri giận lắm, nhưng không dám nói gì, chỉ bút tóc, đá bàn đá ghế, làm Tân, làm Sò với bất cứ cái gì anh gặp ở tầm tay.

Tôi đắn đo mãi. Từ khi ông cụ tôi mất đi, gia đình bị thất bại trong kế hoạch buôn đồ cổ bị nhà sập, tiền gần 4.000 đồng. Tiếp đó, chồng chị Nghĩa làm mất một số vốn của anh Mộng Châu, mà mấy năm trường trông cậy vào ruộng cật của anh. Bấy giờ thì hết chỗ dựa nổi, mà ý định anh Nhân là phải mua cho Mẹ căn nhà. Nhà đó tôi đã đặt cọc khấu trừ vào tiền thuê. Nay bỗng dung mất đi gần một nửa để in sách. Phiêu lưu quá !

Tôi bảo Anh Tri : "Anh lựa chọn kỹ việc mua nhà cho Mẹ và việc in sách của Anh đi".

Tôi cũng cho anh thấy hoàn cảnh của gia đình : Một bà mẹ già yếu, một bà chị trên tay hai đứa con dại còn măng sữa, từ ngày chồng bỏ đi nói là làm

Cách mạng và một thằng em "vô tích chi sự" chỉ rất nghệ sĩ mà thôi.

Tôi không nói đến nguy cơ mà Anh phải đương đầu cấp bách.

Nghe xong, Anh lặng thinh, cái im lặng khuất phục.

Tôi bỗng thương Anh quá, trông Anh ngơ ngác, giống như hồi đi tắm biển suýt chết. Tôi không nỡ để Anh nhìn lại bản thân Anh, nhìn lại nguy cơ đang đe dọa Anh. Ôi ! Anh tôi bơ vơ quá chừng.

Tôi bảo Anh : "Thôi được rồi... nhưng không biết tôi có đương nổi hoàn cảnh này không. Tôi giao Anh 200 đồng đây, già nửa căn nhà mà tôi tính phải mua cho Mẹ. Anh đừng quên điều đó".

Anh không nghe thêm gì nữa, vụt ôm tôi hôn hít lung tung. Chạy đi tìm hôn Mẹ tôi, rồi... hôm sau đi thẳng Sài Gòn.

Tôi ngao ngán nghĩ đến cái gánh tôi đang kê vai vác lấy một mình và cũng... bơ vơ không kém gì Anh.

Tôi không lạ lẫm gì những đam mê nồng nhiệt nhưng ngăn ngui của Anh, chỉ còn biết chấp nhận an bài của định mạng. Ước mong đây là đam mê chót.

### CHƯƠNG III

## BẠN BÈ VÀ ẢNH HƯỞNG

**H**àn Mặc Tử ở trong gia đình ít tha thiết đến anh chị em ruột thịt nhưng bạn bè là cả một sức sống năng động của Anh, và cần thiết cho Anh, bất cứ lúc nào, ở đâu.

Bạn bè chi phối Anh để dành chỉ vì Anh dễ dãi, chiều bạn và sẵn sàng chấp nhận phần thua thiệt.

Còn bạn bè thì thương Anh như ruột thịt, không nề hà câu nệ.

Anh Trí chưa bao giờ biết trong nhà sống thiếu đủ ra sao, nhưng lại rất quan tâm đến đời sống của bạn.

Nghe nói, hồi ở Sài Gòn, Anh tự xem như có bốn phận lo lắng cho tất cả "như triết gia Mặc Dịch, thời Chiến Quốc chủ trương thuyết Kiêm ái".

Có lần Hoàng Diệp nghe mẹ tôi kể chuyện những chuyến ra đi của Anh, bao giờ cũng một va ly đầy áo quần mềm gối, nhưng khi trở về chẳng có gì bung rách nặng tay cho phiền toái. Xướng xe kéo là xin năm xu trả tiền.

Diệp hỏi Anh : "Ồ Sài Gòn, tiền bạc làm ra nhiều lắm, sao về nhà không có một xu dính túi ?" Anh cười một cách cố hữu : "Tụi nó đòi nhấn răng ra mà để dành tiền làm chi".

Không phải chỉ ở Sài Gòn, Anh mới biết làm cái việc nghĩa hiệp đó, mà ngay cả ở Quy Nhơn cũng vậy.

Một lần đang ăn tối, nghe một âm hiệu nào đó ngoài đường, Anh bỏ đĩa đứng dậy đi vào phòng, mang ra một bọc giấy lớn, thản nhiên bước ra cửa. Tôi nhìn theo, thấy rõ người bạn thân nhất của Anh đang đứng bên kia lề đường.

Biết Anh thường tiếp xúc ngoại lệ, ngay cả những ngày anh Mộng Châu còn ở nhà, không ai để ý làm gì.

Mẹ tôi thì quán xuyến hơn, thỉnh thoảng lưu ý đến áo quần Anh, bà cho biết có nhiều bộ đồ còn mới biến đi đâu mất, kể cả bộ đồ ni nâu, Anh thừa hưởng của anh Mộng Châu để lại.

Tôi hỏi Bùi Tuân, người mà Mẹ tôi xem như con cái, thường sống với chúng tôi nhiều hơn ở nhà anh (cách năm cây số).

Tuân hỏi hột : "Có lẽ để giúp một vài người bạn vừa đi tù về".

Tôi tò mò nhận xét những ai mặc âu phục và những ai mặc nam phục. Về sau tôi biết rõ hơn. Kể ra thì cũng xứng đáng được Anh Tri giúp đỡ.

Ở Sài Gòn về, Anh tiếp xúc với nhiều bạn hữu, xa có gần có. Ngoại trừ nhóm Phong Đình thua thớt, còn toàn là lớp trẻ mà là cựu học sinh Collège Quy Nhơn. Họ đều là bạn Anh Tri, có người như Trọng

Quy cùng lớp với tôi biết nhau thân nhau từ ngày còn đi học.

Quầy nhất đám là mấy tay Thúc Tề, Trọng Quy. Bùi Tuân thì chất phác, Yến Lan hiền lành e ngại. Chế Lan Viên như cô nữ sinh then thò nhưng đôi mắt có nhiều ánh lửa vàng tinh tế. Hình như Anh Tri đặc biệt mến Hoan hơn cả. Còn Hoàng Tùng Ngâm tôi gọi là trầm ngâm vì rất ít nói và Mẹ tôi khen có cái miệng sang tướng. Hoàng Diệp thì có dáng dấp thi sĩ đa tình. Tồn Thất Vỹ khác khổ như một nhà tu. Còn anh Mỹ (hay Thống gì đó) một người bạn đến sau, hơi ngớ ngàng một chút, thỉnh thoảng đưa bài thơ cho Anh Tri phê phán mà về áy náy bồn chồn khiến Anh bật cười nói đùa : "Nghe nói Anh có bài thơ tuyệt vời lắm, còn làm bài khác làm chi nữa. Sao không mang xuống cho anh em xem với".

Anh chàng đỏ mặt, Bùi Tuân quay nói nhỏ : "Hắn mới cưới vợ".

Nếp sinh hoạt thật vui thích và nhẹ nhàng.

Thỉnh thoảng Anh Tri nhận được thơ Bích Khê, Trần Thanh Dịch hay Quách Tấn.

## 1. QUY NHƠN VỚI ĐƯỜNG KHẢI ĐỊNH

Ở Quy Nhơn có con đường Khải Định chạy băng qua thành phố Duyên Hải đó như một nét cắt

ngang. Con đường mà anh em của Hàn Mặc Tử xem như thắm thiết mặn mà, chỉ vì liên quan đến Anh Trí một cách kỳ diệu.

Con đường đó ràng buộc định mệnh vào gia đình tôi.

Vẫn ở nhà thuê từ ngày cha tôi mất đi, sống với anh Mộng Châu gần như nghèo nàn.

Dọn đi đâu rồi cũng trở lại đường Khải Định. Ở phía tả, dọn qua phía hữu. Ở số lớn lại quay về số nhỏ. Tôi còn nhớ lúc bên cạnh bà Phán Hạc, không có ngày nào những anh học trò đã lớn sầm lên rồi, lại không tạt vào phá phách. Họ xem như nhà họ, nên tha hồ.

Thình thoảng như cơn gió lốc kéo nhau vào lục phá vang cả phố, hò hét giành giật nhau từ cái kẹo còn sót lại trong thùng bánh của chị Như Nghĩa, đến nồi cơm nguội dưới bếp, không thềm che đậy cốt cách của mình. Họ thương nhau, cả những lúc đâm đá nhau, để rồi ôm nhau cười ha ha.

Con đường Khải Định ! Nơi đây nhiều tài hoa vụt sáng lên rồi rơi rụng.

Nơi đây, màu sắc dị biệt, tương phản đó rồi lại hòa hợp dễ dàng trong một bức tranh lạ, mà nét tinh tú xôn xao không phản sắc, không phản tượng với đám mây mù mà họa sĩ thiên nhiên đã báo trước một phong vũ bất ngờ.

Người ta nghe tiếng ngâm thơ, khi sang sáng hào hùng, khi thì xuất xoa não ruột, phê phán nhau, cái cọ nhau chung quanh một bộ bàn ghế mây cũ kỹ chưa biết nằm xuống lúc nào. Những cặp giò chen nhau gác lên cái bàn nhỏ xíu như trong một cuộn phim các lãng tử miền Tây Hoa Kỳ, để mơ màng quên đi một chốc, chị bán chè đậu ván đang chờ trả tiền trước cửa.

Nếu có ai để ý sẽ thấy sau hàng râm bụt căn nhà đối diện với số 20 những nường con gái Huế. Cẩm Thăng... đang lắng nghe mấy vần thơ tuyệt diệu đó trở thành bất hủ.

Càng về khuya, càng huyền hoặc với tiếng đàn tranh thánh thót, thoát ra từ khuê phòng, quện lấy tiếng tơ xa vắng khi đầy khi vơi, trong các điệu Nam Ai, Nam Bằng, rồi nhẹ len vào giấc mơ hồ điệp những kẻ đang yêu.

Đó là vùng trời tuyệt đẹp của cái thành phố nhỏ bé mang tên Quy Nhơn. Vùng trời mà Hàn Mặc Tử và các bạn dành riêng cho họ, bao nhiêu triu mến không quên được cho đến ngày nay.

Năm mươi năm rồi, bạn cũ Anh Trí, kẻ mất người còn có ai nhớ đến bầu không khí thương yêu ràng rịt mà không khỏi luyến tiếc băng khuâng.

Một thời mà không ai hờn giận ai, oán trách ai.

Những đau thương nhức nhối, nếu có, thì cũng được cảm nhận như cơn say sữa đắng đặc mà thôi.

Họ sẵn sàng quên đi, đánh lãng đi mối lo âu khủng khiếp đang đe dọa mà có những đêm, cao hứng nổi dậy, xem nhẹ mọi dè dặt, vút bỏ mọi áy náy, để rồi rù nhau ôm mền gối ra bờ biển, có cát trắng, có thông reo, nằm gác chân lên nhau, ngắm vùng sao bốn mạng đang chói sáng hay lu mờ, khoan khoái ôm nhau bình thần ngủ một giấc ngon lành, dưới bầu trời đầy tin tưởng của họ.

Ôi ! Có tình bạn nào đẹp để sáng ngời hơn, cao quý hơn của thế hệ đó không ?

Làm sao mà Anh Trí không dám sống cho họ hoàn toàn được.

Làm sao có thể tiếc những gì Anh đã làm cho họ mà chỉ vì họ thôi.

Ngay cả Mộng Cầm, thiếu nữ nổi tiếng một thời trong các huyền thoại, cải lương tiểu thuyết, trong các bản tân cổ nhạc chỉ vì Anh Trí đã say sưa viết :

*Nghệ hồi nghệ, muôn năm sầu thảm  
Nhớ thương còn một nắm xương thôi  
Thân tàn ma dại đi rồi...*

Và : ...*Nhớ hàm răng, nhớ hàm răng*

*Mà ngày nào đó vẫn khăng khít nhiều...*

Người con gái của lâu ông Hoàng đã thật thà tâm sự : "Coi hai tai đã dày lên rồi ! Triệu chúng phong cùi đó".

Dau đòn chưa !

Có lẽ nào những người con trai tình nghĩa của thành phố Quy Nhơn không nhận ra hai tai Anh đã dày lên rồi sao ?

Mẹ tôi, mỗi lần nghe ai nhắc đến tên một người nào đó trong đám tình nghĩa mà bà đã thuộc lâu, thì mắt bà rướm lệ, ghen ngào rồi...

Bà có biết đâu, những con người trẻ đó, còn dám làm nhiều việc không ai dám. Họ dám xô ngã, dám đập phá những gì đang chặn đứng họ.

Đó là những chàng trai thời loạn, ít nữa là ở ngưỡng cửa thời loạn, mà từ văn hóa, chính trị, xã hội đều chen lấn nhau, chiếm cho mình một chỗ đứng.

Anh Trí cũng vậy, với huyết thống Cần Vương xa xưa Anh viết :

*Đạp chân lên đường máu  
Anh gây chuyện ly kỳ*

*Không có nhà ai cho nghỉ bước  
Vì anh là kẻ chẳng giàu sang*

*Ban đêm anh ngủ, túp lều tranh  
Chỗ tạm dừng chân khách bộ hành  
Đến sáng hôm sau, anh cất bước  
Ra đi với cái mộng chửa thành.*

Họ coi thường dư luận, phê phán lỗi thời, sống buông thả, đánh đổ một quan niệm, dựng lên một lá cờ. Dù lá cờ đó mang hai chữ "khoái lạc" hay là

gì đó nữa... miễn là làm nghiêng ngửa hết, đổ đụn lại hết ngay ngắn hay không lại là chuyện khác.

\*

"Dám quý sú", mà mẹ tôi hay mắng yêu, chia ra làm hai nhóm.

Trong khi một bọn kéo vào miền Nam để dụng võ như những tên lãng tử đi tìm địa bàn đánh đấm, thì ở miền Trung lặng lẽ dụng văn. Họ đem thi phú văn chương tác động tinh thần dân tộc, yêu cái yêu của quần chúng, thù cái thù dân tộc. Anh Trí viết trong bài :

#### *Lòng Quê*

*Từ khi trong quán khách  
Anh bút áo ra đi  
Nước mắt em ràn rụa  
Lòng anh xiết sầu bi  
Thương em không dám nghĩ  
Trong lúc nước nhà nguy*

*Theo em trong giấc ngủ  
Theo em bên bánh xe  
Nước mây còn quyến luyến  
Tiếng lòng còn lâm ly*

*Đi, đi, đi mãi nơi vô định  
Tìm cái phi thường cái ước mơ (\*)*

(\*) Thực ra đây là thơ HMT dịch của người khác.  
Xem P.C.D., tr.108.

Chế Lan Viên nhắc lại lời trời trong :

#### *Điều tàn*

*Cả sự nghiệp của đời ta rục rở  
Cả muôn dân Lâm Ấp, chiến binh ơi  
Cả non nước Chiêm Thành xưa rục rở  
Ta chỉ còn nhìn được một lần thôi.*

*Rồi trong tay người ta xin giao phó  
Hay vui lên dần bước hát vang trời  
Hay bước đi trên gió hùng sóng cả  
Mà đón ngày xuân thắm với trời tươi.*

Những chàng trai Quy Nhơn đã đón cái Xuân thắm ấy trong *Nắng xuân* của Tôn Thất Vỹ, của Hàn Mặc Tử trong *Mùa xuân chín* "gái quê", và không hẹn mà cùng nằm bên nhau trên sạp báo ông Hồ Văn Bá đường Khải Định. (\*)

## 2. SÀI GÒN VỚI ĐƯỜNG ESPAGNE

Những bài thơ nhẹ nhàng, những mối tình bồ ngỗ, và ngay cả ý niệm một cuộc cách mạng, cũng lặng lẽ âm thầm, khác với những ồn ào xáo trộn của miền Nam, mà riêng Sài Gòn là trung tâm điểm, trong đó, chúng ta đang có bạn bè sống rất chật vật trên cái gác trọ nhỏ hẹp bán thiêu, con đường Espagne. Khoan nói chuyện đấm đá làm ăn làm gì.

(\*) Xin phép lược bỏ một đoạn ngắn gồm nhiều trích dẫn. (V.T.N.)

Trần Thanh Mai viết về họ có phần nặng tay, trong cuốn *Hàn Mặc Tử*.

"Kể là bọn làm báo, nhưng kỳ thực chỉ có Trí là có chỗ làm, còn thì đang đợi việc, hay cũng tin thế đi, chủ suốt đời họ cũng không làm cho một báo nào.

Dẫu sao, bây giờ thì họ là những vị "vũ chi giao long" đã, và trong tư cách ấy, họ có quyền ăn bám mà không thẹn".

Thật ra, thì không ai thẹn, vì họ có thói quen sống với nhau không kiểu cách gì, mà chính anh Trí lo sợ họ. Mỗi lần, lãnh tiền về là phải trả lời chất vấn : "Còn đủ không ? Có đem cho ai ăn nhậu không ?". Khiếp chưa ?

Ông Mai viết *Hàn Mặc Tử* để dãi : "ai cũng thân được, ai cũng lợi dụng được, và đối với ai chàng cũng chịu chuộng như phải chịu ơn họ".

Anh vốn nhút nhát, không hề biết chuyện "chơi bời". Họ đưa Anh đi "ăn nhậu", đưa Anh vào động "tiên nâu". Ở "nhiền nhện", Anh càng sợ hãi, họ càng lôi kéo. Anh la hoảng lên : "Đồ quỷ sứ". Rồi tháo chạy về nhà.

Nếp sống Sài Gòn vốn buông thả, thác loạn, mà cái nghề họ lựa chọn lại là làm báo, lại còn viết phóng sự xã hội nữa chứ.

Và họ có đầy đủ lý do ra vào vùng truy lạc mà không sợ ai phê phán về tư cách, đạo đức.

Người dân Sài Gòn chỉ sợ không có tiền thôi, còn thì mặc thân họ, không ai để ý ai.

Nếp sống đó đưa những người bạn trẻ chúng ta vào thế giới truy lạc, họ tranh nhau, tặng nhau những bài thơ cuồng loạn, khiêu dâm trắng trợn.

Anh Trí cảm thấy rối loạn tâm thần, trở thành mục tiêu cho họ thí nghiệm, phá phách.

Họ là những đứa con dòng dõi thể phiệt hẳn hoi, (dòng Baudelaire rồi !) nhưng tự ném mình vào rác rưởi bẩn thỉu ô trọc, nói là để tìm cảm hứng trong thi văn. Và họ nghĩ, thiên tài là phải đặc biệt như vậy. Họ muốn Anh Trí cũng nên đi vào đường đó. Ấu cũng là hảo ý của họ. Họ quyến rũ Anh, mời mọc Anh bước vào thế giới ma loạn của họ, bằng những câu thi tuyệt đẹp, cảm dỗ như ru :

Ô ! Đừng có ngợp, mời anh hãy bước  
Qua nơi này là cách biệt trần gian  
Bước đi anh, sa gắm trái lòng đường  
Trời tôi rộng. Đây đây, tầng cửa khác

Anh đừng run, đừng dại, cũng đừng điên  
Lẹ làm sao, địa ngục hiện ra liền  
Anh đừng khớp, lòng tôi mang địa ngục

Họ cố đuổi theo Anh, lôi kéo Anh vào trác táng :

Tú thuốc phiện, thu nhập khí hồn ma  
Ồ ! Tội chi ta không vào địa ngục

*Giảm chung thân mà sướng quá thiên đường*

*Phà hơi lên, truyền nhiễm thấu trần ai  
Hoan hô xác thịt chiếm ngôi thần.*

Sống bên Anh từ thuở bé, tôi nhận thấy Anh luôn trong sạch, từ cảm nghĩ cho tới nếp sống. Chiều bạn rất thật thà, không hề có hậu ý. Và cũng chưa hề có phản ứng nào có thể làm mất lòng bạn. Bây giờ thì, Anh sợ họ như một thứ ma quỷ, tìm cách lẩn tránh họ.

Từ ngày Anh suýt chết ngoài bờ biển Quy Nhơn, Anh thu mình lại, sống nội tâm, trầm mặc xa vắng, không có phản ứng tích cực.

Vậy thì lần này *nhắc* Anh *nhớ* lại tai nạn xưa, vì Anh suýt bị nhận chìm trong hố sâu sa đọa, tội lỗi.

Trong bài *Ave Maria* mà Anh đã xuất thần sáng tác những lời tạ ơn nồng nàn, tha thiết :

*Lạy Bà là Đấng tình tuyền thánh vẹn  
Giàu nhân đức, giàu muôn lộc từ bi  
Cho tôi dâng lời cảm tạ phò nguy  
Con lâm ly vừa trải qua dưới thế  
Tôi cảm động rừng rừng hai hàng lệ*

*Cho tình tôi nguyên vẹn tợ trắng rằm  
Thơ trong trắng như một khối băng tâm  
Luôn luôn reo trong hồn, trong mạch máu*

\*

Hoàng Trọng Miên, trong một bài báo về sau đã thú nhận : "Có cảm dỗ Anh Trí vào cuộc sống buông thả nhưng tâm hồn Anh trinh trắng quá, ngay cả cái Sài Gòn ăn chơi tội lỗi này cũng không cảm dỗ Anh sa ngã được".

Mặc dầu Anh đã né tránh được những cơ hội sa ngã nhưng hình ảnh và ngôn ngữ có tác động con người xác thịt của Anh không ?

Có lần, trong lúc tâm sự tôi hỏi : "Ý thơ Bích Khê dâm loạn quá mà sao Anh khen ngợi ? Có quá đáng lắm không ? Có phải vì Mộng Cầm không ?"

Anh nói : "Bích Khê có tài, lại dám phơi bày trần trường những điều gớm ghiếc đã làm, mà lâu nay chưa ai dám".

Tôi nghĩ : À ! Thì ra Anh cũng thích nghe những gì Anh không dám nói, những điều Anh chưa từng nghe một cách sống sượng như vậy. Phải chăng Anh cũng có một thứ khoái cảm nào đó như B.S Verdier viết về tình dục con người (Veluptes).

Bích Khê viết trong bài thơ :

NGỌC

*Ôi thôi rồi, ngọc vỡ cả màng trinh  
Nguồn phúc lộc trắng rợn một dòng tình  
Ta muốn uống cho nư cơn khoái lạc  
Cho dê mê, mà lên cung trụy lạc*

Trong bài :

### XÁC THỊT

*Tôi vồ người như một miếng mồi ngon  
Miếng ngậm hôn xiết chặt lấy môi son  
Mắt đỏ lửa lườm qua làn song sắt  
Tôi giật nảy rồi cười lên sặc sặc  
Hai tay cào đôi vú trắng như bông*

Anh Tri cũng cảm nhận ngay ý thơ dâm loạn, nhưng không thể không ca ngợi nghệ thuật cấu trúc tài tình của thi sĩ.

Chính với nguồn cảm thụ lực mạnh, Anh đã sống với ý thơ thật đầy đủ, nên thấy rõ cái trần trướng khá ố đến ghê rợn (Tựa *Tinh huyết*).

Anh bám vào Baudelaire để bào chữa cho Bích Khê : "Tìm mãi cái đẹp không thấy, vì mọi sự đều tầm thường, thi sĩ nhận ra chỉ có cái gì đời đời, cái gì hằng sống (Éternité) mới thỏa mãn được nỗi khát khao vô hạn... Phải đưa những cái gì thanh cao như hương thơm nhân đức các vị á thánh, hay say mê cái gì hết sức tội lỗi mà loài người thế gian chưa từng phạm (Tựa *Tinh huyết*)."

(Grigori Raspoutine một nhân vật huyền thoại, dưới triều đại Nicolas II từng gây xáo trộn triều đình Nga Hoàng với nhiều phép lạ, nổi tiếng như thánh sống. Ông này dạy các đệ tử : "Hãy phạm tội đi ! Phạm tội (cuồng loạn) đến tột độ đi ! Lúc ấy mới cảm thấy ghê gớm tội lỗi thực sự, để cho lòng ăn

năn thống hối được chân thành". Đó là giáo điều của ông để đi đến tìm "Hằng sống").

Trong Tựa *Tinh huyết*, Hàn Mặc Tử viết : "Sau khi đã chán chê tất cả khoái lạc của xác thịt, đã ớn ẽ với phong vị trăng sao, gái, rượu... Thi sĩ sẽ tự giác ngộ, tự thấy tâm hồn thanh sạch quá chừng, đâm ra ghê rợn những điều tội lỗi, thi sĩ liền nâng thần trí lên trời ca ngợi cái "Nhân đức sạch sẽ".

Anh nhắc lại bài thơ Bích Khê :

*Có say khướt mới dào muôn tú ngọc  
Có điên rồ mới hợp ý trăng sao  
Có dâm cuồng mới dâng cả lên cao  
Nơi chu du một nguồn thơ bất tuyệt  
Nơi trí người tạo ra rồi xóa hết  
Nghiễm nhiên người là chúa tể vô biên.*

Phần Anh, nhờ nguồn cảm thụ lực, Anh đã giác ngộ trước cái ghê rợn trần trướng đáng sợ đó qua thơ của Bích Khê, cho nên ảnh hưởng thác loạn của Sài Gòn, không nhập được vào nguồn thơ trong trắng của Anh, và Anh tự tách rời với thơ thác loạn.

Rất thật thà, trong bài : *Bên lữ*

*Trăng nằm sóng soài trên cành liễu  
Đợi gió đông về để lả lơi  
Hoa lá ngây tình không muốn động  
Lòng em hồi hộp chị Hằng ơi.*

Rồi cuống quýt :

Ô, kia bóng nguyệt trần trường tắm  
 Lộ cái khuôn vàng dưới đáy khe  
 Vô tình để gió hôn lên má  
 Bên lên làm sao lúc nửa đêm.

Ồ bài khác, để lộ vẻ ngô ngố :

Để cho hoa lá thù thâm  
 Để cho mây nước nôn nao  
 Quên câu thương nhớ rồi sao  
 Em ơi, thế nghĩa là sao ?

Ngoại trừ đôi bài mang hơi hướm ươt át như bài  
 Dấu tích dưới đây, còn thì yêu đương của Hàn Mặc  
 Tử chỉ thể hiện với trăng. Nào là ngủ với trăng, say  
 trăng, đi chơi với trăng v.v...

### DẤU TÍCH

Trăng dầu sáng, còn thua đôi mắt ngọc  
 Trời tuy xa, lòng thiếu nữ xa hơn  
 Ái ân là hơi thở của van lơn  
 Và thú thiệt cũng không thích bằng khóc  
 Vườn chối lợi thì tình yêu phải ngộp  
 Tiết trinh còn, em phúc hậu hơn thơ  
 Hoa nín lặng là hoa giả đồ mơ  
 Tôi nín lặng âu là tôi mắc cỡ

Xưa thú gì dính dáng ở đầu môi  
 Nay trả lại để tôi làm dấu tích

Tuy nhiên, trong không khí tự do yêu đương được  
 xem là tiến bộ đáng cổ vũ như một nền văn minh mới  
 ở Sài Gòn, Anh Tri cũng có bạo dạn hơn trong nếp xử  
 thế với phái đẹp.

Ồ Quy Nhơn, mối tình đầu của Anh với Hoàng  
 Hoa rất thi vị và lãng mạn, mà Anh muốn nó kỳ  
 diệu như tình Thôi Oanh Oanh và Trương Quân  
 Thụy, Anh yêu Hoàng Hoa mà "kính nhi viễn chi".

Ồ Sài Gòn, Anh dám bao xe khứ hồi Sài Gòn  
 - Phan Thiết để gặp Mộng Cầm nữ sĩ thì là chuyện  
 khá hấp dẫn rồi.

Điều này, làm cho tôi suy nghĩ.

Khi gặp Thúc Tề trong một lần đi Sài Gòn hiếm  
 hoi ngắn ngủi, tại chỗ trọ Anh Tri con đường  
 Espagne, Thúc Tề cho tôi biết Mộng Cầm là nữ sĩ,  
 có tinh thần tự do phóng khoáng, cháu kêu Bích  
 Khê bằng cậu ruột ở Phan Thiết, cùng Hàn Mặc Tử  
 biết nhau trong thi văn rồi dần dần đi đến hẹn hò  
 ở Phan Thiết mà phong cảnh có vẻ rất Đào nguyên.

Tôi hỏi Thúc Tề : "Các cuộc hẹn hò xa hàng  
 mấy trăm cây số thì tốn kém lắm, lấy tiền đâu mà  
 chi tiêu. Đừng nói chi chuyện ăn uống, nội cái khoản  
 bao xe khứ hồi là đủ chết rồi".

Tề cười lên hô hố : "Mi nghĩ có cuộc chi tiêu  
 nào chính đáng hơn không ? Tài tử giai nhân tái  
 ngộ nan mà ! Không tốn sao được".

Tôi ở lại chỗ trọ chờ Anh Trí. Trong nhà chỉ có Thúc Tề và một người lạ. Họ đánh trần, nằm dài ra sàn mà viết.

Đến 10 giờ đêm, anh Trí mới về. Anh hỏi tôi : "Vào bao giờ đó ? " Rồi không hỏi han chi chuyện ăn uống cà, ngâ mình lên chiếc ghế bố độc nhất mà có lẽ lũ bạn dành riêng cho Anh.

Tôi nói : "Anh về khuya quá". Tề cười : "Rứa là sớm lắm rồi, chắc không ăn uống gì đâu".

Tôi lặng thinh suy nghĩ, không biết Anh sống như thế nào, và được bao lâu nữa ở đây.

Hôm sau tôi sửa soạn ra về. Anh Trí hỏi : "Còn tiền không ? " Tôi tưởng Anh cho tiền xe, thật thà trả lời : "Thôi, tôi còn dư đây" Anh cười vui vẻ : "À, thì cho Anh ít đồng". Tôi kêu lên : "Trời ơi ! Vậy thì..." Rồi vội vàng lấy tiền trao cho Anh.

Tôi hiểu ngay, Anh Trí không thể sống mãi như thế này được.

Về nhà, tôi sợ Mẹ tôi thêm chua xót, nên không kể lại điều tai nghe mắt thấy làm gì.

Câu chuyện Mộng Cầm làm cho tôi suy nghĩ lo âu và linh cảm có những gì không được lành mạnh trong đó.

Tôi đoán là mưu mô thủ đoạn của đám bạn bè.

Biết không cảm dỗ được Anh vào nếp sống ăn chơi ở Sài Gòn, vì Anh rất sợ dĩ điểm, thì một thiếu

nữ như chị Mộng Cầm thật hợp "gu" của Anh. Cũng nữ sĩ mà. Không có gì đáng sợ cả.

Biết Anh thích những mối tình thơ mộng.

Thì có đây ! Một chuyến đi Phan Thiết thăm Mộng Cầm thật rất nên thơ, mà thi sĩ lại sẵn sàng chỉ tiêu một cách chính đáng (nói theo kiểu Thúc Tề).

Sống như Lưu Thần Nguyễn Triệu là mơ ước của hết thầy những chàng nghệ sĩ giang hồ. Chỉ cần tìm cho họ một chiều thứ tư của không gian (Quatrième dimension) để họ lọt vào cảnh tiên thoát tục đó.

Vậy thì đường đi Phan Thiết không phải là chiều thứ tư sao ?

Lầu Ông Hoàng không phải là động Đào nguyên sao ?

Mộng Cầm một nữ tài tử phiêu lưu thủ vai nàng tiên mới tuyệt diệu làm sao ?

Còn lại chỉ cần đạo diễn. Hãy nghe nhà thi sĩ, đạo diễn, tả cảnh :

.....  
*Ồ ! Đừng có ngáp, mời Anh hãy bước  
Qua nơi đây là cách biệt trần gian  
Đây bát ngát và thơm như sữa lúa  
Mùi tôi hấp quyến trong tơ trắng lụa  
Đây bài thơ không tiếng của đêm tơ  
Của hồn thơ đi lạc ở trong mơ.*

Và giới thiệu nàng tiên :

*Nàng bước tới như sông trắng chảy ngọc  
Như nàng thơm hộp đặc cả nguồn hương...  
Dáng tầm xuân uốn trong tranh Tố nữ  
Ồ ! Tiên nương nay lại ghé nơi đây...  
Suối tóc mát nhúng trong vùng mộng tuyết*  
.....

Về sau Anh Trí thú nhận trong bài :

### PHAN THIẾT

*... Nhưng phép lạ, có một nàng tiên nữ  
Hao hao như nàng Nguyệt cỏi Đào nguyên.*

\*

Và cứ như thế, một chuyến đi Phan Thiết, rồi chuyến khác. Cố nhiên là phải có Tã phù Hữu bật, tốn kém đến phải vay nợ để rồi bị xiết hết đồ... trở về Quy Nhơn hai tay không.

Một trong những chuyến đi đó, Anh Trí đã phải trả giá bằng cả cuộc đời đang xuân, đang nổi tiếng và huy hoàng của Anh.

Thơ Anh còn ghi lại một niềm đau đớn *muôn năm* sâu thẳm để lại một kỷ niệm tê tái mà Anh hận thù :

*Hỡi Phan Thiết, Phan Thiết  
Mi là nơi ta chôn hận nghìn thu  
Mi là nơi ta sầu muộn ngắt ngạt.*

\*

Tuy nhiên, phải công bằng mà nói, thì hầu hết bạn bè Anh đều yêu mến Anh như ruột rà chỉ muốn Anh nổi tiếng, không ai có ý hại Anh.

Bằng đường này, hay đường khác, họ luôn có thiện chí muốn đưa Anh trở nên thiên tài bất diệt của môn phái họ. (\*)

### CHƯƠNG IV

### NHỮNG MỐI TÌNH

Trong cuộc đời nổi tiếng của Hàn Mặc Tử, thơ vẫn gắn liền với tình yêu, như bóng với hình, mà thơ thì lại là sự sống của Anh. Hết có thơ là có tình và có tình chắc chắn là có thơ.

Thế nhưng tình của Anh không biểu lộ giao tiếp song phương để cụ thể hóa mối tình đó, mà chỉ toàn là cảm ứng giữa những tâm hồn nghệ sĩ, kể cả với trăng.

Tình của Anh là một thứ tình tưởng tượng, ước mơ trong bao nhiêu ngày tháng, trên bao nhiêu giấy mực và bao nhiêu thương nhớ chơi vơi.

Có vậy thôi, không đi đến đâu cả !

Vậy mà cũng tạo được cho người đời, những suy cảm say sưa, để rồi cùng xót xa với Anh, nhức nhối với Anh, từ nửa thế kỷ nay.

(\*) Lược bỏ một đoạn dài nói về HMT và Thương Thương, qua chấp nối của Trần Thanh Dịch. (VT.N.)

Tưởng tượng của Anh phong phú kỳ lạ, ước mơ của Anh thiết tha chân thành, đến nỗi người ta xem Anh là một thi sĩ đào hoa, phong lưu lãng mạn, mà vẫn không hề lưu lại tiếng hồn tui cho bất cứ ai.

Cứ nghe Anh thành thật :

... Bao giờ, ai hóng hơi hương bấu  
Ngoài cõi tâm tư sẽ lổi nghi  
Chắc đâu di lụy cho nhân quả  
Thôi cứ say mềm với nữ nhi

Nếu viết lại cho hết những người bạn gái tạt ngang qua đời Anh, như *mộng lớn*, *mộng con* của thi sĩ Tân Đà, thì không tài nào nhớ hết được.

Anh Tri vốn ít nói, sống thầm lặng, nhất là sau tai nạn ở bờ biển, lại càng khép kín hơn.

Gần bên Anh lâu ngày, tôi biết Anh có nhiều tâm sự chưa hề tiết lộ với ai. Bên ngoài có vẻ như lãng lể vô tình nhưng bên trong lại rất nồng nàn mãnh liệt mà Anh đang sống bằng cảm thụ.

Giả như Anh không làm thơ để "bài tiết" cái tâm sự của Anh, thì thật vô cùng nguy hiểm, nhất là với tình trạng mà tôi cho là bất bình thường sinh lý sau đây :

Từ thời còn đi học giáo lý, Anh chịu ảnh hưởng sâu đậm của cha Thiềng, một linh mục nhân đức có nếp sống đơn sơ mà Anh rất cảm phục yêu mến.

Có hai điều giáo lý của Cha dạy mà Anh ghi nhớ rất cẩn thận và tuân giữ vô cùng chặt chẽ. Đó là :

- Nhân đức sạch sẽ (có nghĩa tinh khiết) mà Cha hay nói : "Điều răn thứ sáu (tinh dục) rất đáng sợ, thậm chí các Thánh ngày xưa không dám nói đến tên.

- Đừng bắt chước bọn Pharisiêu mà Kinh thánh cho là giả hình. Cần phải sống bằng nhân đức khiêm nhượng kín đáo (humilité).

Trong đời Anh, người con gái duy nhất mà Anh dám trò chuyện vui đùa là chị Nhu Lễ : ngoài ra, Anh không hề mở miệng với bất cứ thiếu nữ nào đồng trang lứa dù là để chào hỏi, kể cả láng giềng hay bà con.

Chị Lễ có học, ít nhiều có khiếu văn chương, rất hợp với Anh. Nhưng hể ngôi lại là hay tranh cãi, nhất là cái giáo lý, và chị Lễ thường bị Anh chỉ trích là Pharisiêu, vì chị có thói quen, đứng hàng giờ bên bàn thờ sau buổi kinh tối (tôi nghĩ hai chị em không có đề tài để nói chuyện ngoài trừ tranh cãi giáo lý).

Và chị Lễ cũng là người con gái đầu tiên được Anh ca ngợi tán dương trong bài *Chơi giữa mùa trăng* như một pho tượng trinh nữ.

Ở Huế về, đã mười chín tuổi, cái tuổi của những thanh niên khi lực sung mãn mới lớn, đáng lẽ Anh phải có những giây phút mơ mộng, hoặc bị những

đòi hỏi khát khao của tuổi trẻ chi phối. Nhưng anh đã dồn hết vào khoảng thời gian đó những đam mê thể thao thể dục, và có lẽ vì thế Anh rất ít bận tâm đến sinh lý thông thường chẳng ?

Thế nhưng, thời gian đó qua đi rồi, mà vẫn không thấy Anh thay đổi tính tình, không thấy Anh trò chuyện với thiếu nữ nào, đừng nói là có bạn gái.

Nói đến chuyện lứa đôi là đỏ mặt.

Không biết có phải vì Anh có những nét nhân đức thật sự, hay vì e ngại tội lỗi, mà cha Thiêng nhắm muốn đỡ đầu cho Anh đi tu, xem Anh như có ơn kêu gọi, cho nên Anh rất sợ bị dòm ngó đạo đức của Anh mà vốn dĩ Anh là đứa trẻ nghịch ngợm nhất nhà. Ngay cả những khi đọc kinh Anh cũng rất kín đáo, tràng hạt trong túi áo, hai tay thọc sâu vào đi đi lại lại im lặng. Không ai biết Anh lần hạt hay làm thơ. Thế rồi, Anh biết yêu. Khi Anh tiến sâu vào địa hạt văn thơ.

Bạn bè đều biết Anh bắt đầu yêu sau khi tiếng tăm thơ văn Anh được báo chí nói đến, cũng đồng thời có nhiều cảm ứng trong giao thiệp văn chương với một số nữ sĩ. Tội hay nói đùa : Thơ và tình đến với Anh cùng một lúc.

Vì vậy Anh ước mơ người đẹp một cách cổ điển :  
*Thư trung hữu mỹ nữ*

*"Để rồi một buổi trăng sáng nào đó yên lặng, Anh chờ người đẹp từ từ trong sách hiện ra với Anh".*

Cho nên gần suốt cuộc đời Anh, vẫn chưa gặp được người yêu mơ ước và cuối cùng phải thở than :

*Đời không có ngọc trong pho sách  
E hết khối nguyên ở Phụng Trì.*

## 1. TÌNH ĐẦU : HOÀNG HOA

Năm 1933, anh Trí vào làm việc Sở Địa Chánh (Cadastre), nơi đây Anh bắt đầu quen với một số bạn bè yêu thích văn thơ.

Trước hết là Hoàng Diệp và Hoàng Tùng Ngâm. Ngâm là cháu ruột cụ Thương tá Hoàng Phùng, giám đốc Sở Địa Chánh.

Hoàng Tùng Ngâm có người chị thúc bá (ái nữ cụ Hoàng Phùng) cũng rất yêu thơ Hàn Mặc Tử, thường viết báo làm thơ với bút hiệu Hoàng Hoa nữ sĩ, tên thật là Hoàng Thị Kim Cúc, một thiếu nữ khuê các mà phong thái nhàn hạ, thoáng đôi chút kiêu sa khiến anh Trí say mê và... sợ sệt. Trong nhà cũng phong phanh biết Anh yêu cô Kim Cúc.

Theo Anh, thì tình yêu phải sáng sủa quân tử như đôi chim thu cưu ở trong Kinh thi "*Quan quan thu cưu, tại hà chi châu*", mà Anh thường tâm niệm "tương thân nhi tương kính" cho nên Anh yêu mà "kính nhi viễn chi".

Anh thường tỏ ra, bối rối mất cả bình tĩnh mỗi khi người thiếu nữ đó đi ngang qua nhà.

Chị Kim Cúc là một thiếu nữ rất "Huế". Nghiêm  
đường thuộc dòng dõi thế gia ở Vỹ Dạ, một vùng mà  
nếp sống như xa xôi với thôn quê, vùng dành riêng cho  
các vị hưu quan, các ông tham, ông thị. Nếp sống quan  
dạng kiểu cách ở đó được biểu lộ rõ ràng.

Ông Quách Tấn khi được tin ấy cho là điều  
không may cho anh Trí, vì không được xếp vào môn  
đăng hộ đối.

Thật thì, không hẳn như vậy, nếu xét về tông  
tịch dòng họ.

Chính chị Cúc cho biết cụ Phùng cũng đã từng  
quen biết với cha tôi năm 1901 ở Điện Bàn, khi cha  
tôi bàn giao công việc ở Tòa sứ để chuyển ngành  
qua Thương chánh Hội An.

Cụ Phùng có ghi vào phả là ông Nguyễn Văn  
Toàn về sau đậu Tham tá đổi vào miền Nam.

Như vậy thì gia đình cụ Thương tá không phải  
không biết là bà Tham Toàn mà địa phương hay gọi  
là "bà Thương" khiến có nhiều lần khách vào làm  
nhà chị Cúc và ngược lại.

Cùng như anh Mộng Châu, anh Trí có đính dăng  
đến một hôn ước từ nhỏ với một gia đình vọng tộc  
mà trong lúc thân thiết vui vẻ, hai nhà giao ước với  
nhau.

Anh Mộng Châu không tính chuyện lấy vợ, toan  
xuất dương nối chí ông cha. Một phen, Anh cũng

tin vào lời đoán dịch số của cậu tôi (học trò ông  
ngoại tôi) rằng : "Khi mẹ tôi có đích tôn thì chết".

Anh Trí đi học Huế rồi về Quy Nhơn, ít khi có  
cơ hội gặp gỡ người em họ, nên cũng xao lãng. Dù  
vậy, Anh cũng không hề tâm sự với ai, dù chỉ để  
nói đùa.

Duy có lần, Anh bất thần hỏi tôi về chuyện hôn  
ước đó : "Còn mi thì sao đây ? Hay là cũng bỏ hết  
cả ba anh em".

Tôi không biết gì vì còn đi học. Chỉ đến kỳ nghỉ  
hè mới lại được dịp gặp gỡ ở Quy Nhơn. Anh Trí  
gọi đó là nhíp câu "Ô thuốc" để nhớ những ngày  
còn bé ở chung nhà.

Có lẽ vào tuổi 19-20 cũng có đôi chút bâng  
khương hay kỷ niệm gì đó. Anh làm thơ vẽ lại mấy  
nét :

### NHỚ CHĂNG

*Nhớ chăng, anh cùng em nô đùa  
Ngây thơ như đứa trẻ lên ba  
Anh đứng bên cạnh nhìn em thêu thùa  
.....  
Nào có phải anh với em  
Tự kết mối lương duyên  
Đó chẳng qua  
Vì cha mẹ đôi bên  
Chung kết mối tình riêng  
Rồi ba em lại mất*

*Rồi ba anh chẳng còn  
Mẹ em giàu có  
Mẹ anh nghèo khó  
Rồi lời hứa năm xưa  
Cùng dòng nước chảy qua  
Đi biệt  
không về*

Tôi hỏi Anh : "Viết cho ai đây ?" Anh cười :  
"Cho ai cũng được".

Quả thật về sau đều dang dở.

Vì vậy mà tôi nghĩ mối tình đầu của Anh phải  
là Hoàng Hoa. Và mối tình đó cũng chưa hề được  
đáp ứng song phương.<sup>(\*)</sup>

Hoàng Hoa có vẻ như không từ chối tình Anh,  
nhưng rất nặng về lễ giáo, chị nói với Hoàng Tùng  
Ngâm một cách lo lắng :

Cái ngăn cách lớn nhất của chị không thể nào  
vượt qua được là vấn đề *lương giáo*.

Riêng chị rất chua xót mà không thể nói ra được.

Gia đường theo Phật giáo rất nghiêm chỉnh, chắc  
không thể nào để cho một người con có lễ nghĩa,  
đi ra ngoài khuôn khổ mục thước của dòng họ.

Mối tình vô vọng, nhưng vẫn kéo dài khi đây khi  
vui, liên lạc bằng văn thơ cho đến ngày Anh mất.

(Năm mươi năm rồi, Hoàng Hoa vẫn còn giữ nguyên  
bút tích văn chương của Anh. Nhờ đó mà các nhà viết  
văn có tài liệu về mối tình đầu của Anh).

<sup>(\*)</sup> Lược bỏ một số thơ trích dẫn (VTN)

Sau một thời gian bị ngắt quãng vào Sài Gòn  
làm báo, Anh lại trở về Quy Nhơn, mà tình hình có  
về thuận lợi hơn cho Anh tiếp tục mối tình Hoàng  
Hoa, khi gia đình dọn về ở số 20 đường Khải Định,  
chỉ cách nhà chị Cúc có vài căn phố.

Anh sống lại mối tình đầu nồng nàn với ít nhiều  
bạo dạn hơn.

Có nhiều hôm Anh ngồi thừ trong chiếc ghế mây,  
nhìn qua bức màn tre sáo trước cửa, đợi chị Cúc  
đi ngang qua, trông Anh đến thiếu não.

Chị Cúc biết điều đó, về sau kể lại với con gái chị  
Nhu Lễ mà rằng : "Nghĩ tội nghiệp Anh quá".<sup>(\*)</sup>

Có lần Anh nhờ Ngâm chuyển đến chị một bức  
thơ. Ngâm nói : "Không nên tiếp tục mối tình vô  
vọng đó làm gì, chỉ để khổ cho nhau thôi".

Lúc ấy chưa ai biết Anh đau yếu gì.

Có những đêm không ngủ được, nghĩ đến mối  
tình yêu chưa nói với nhau được câu nào cho thỏa  
lòng mơ ước, Anh toan bước qua nhà cụ Thương,  
nhưng lại không dám phiêu lưu. Anh viết :

*Đêm nay ta lại phát điên cuồng  
Quên cả hổ ngươi cả thẹn thường  
Đứng rù trước thềm nghe ngóng mãi  
Tiếng đàn the the ở bên song.*

<sup>(\*)</sup> Lược bỏ một đoạn ngắn phân biệt Hàn Mạc Tử  
và Hàn Mạc Tử (VTN)

Chỉ ít lâu sau đó, anh Ngâm báo tin cụ Thương về hưu : Cả nhà dọn về Võ Dạ, chị Cúc cũng sắp đi theo, Anh Trí buồn bã viết :

*Và được tin ai sắp bỏ đi  
Chẳng thêm trở lại với tình si  
Ta lau nước mắt, mắt không ráo  
Ta lấy tình nương, nửa biệt ly.*

Hai câu sau bài thơ này, thường được nghe Anh ngâm lên mỗi khi ngồi trầm ngâm trên chiếc ghế mây nhìn ra bức màn tre, tôi hiểu Anh xót xa với tình đầu biết chừng nào.

Năm 1936, Anh về Hội chợ Huế, gặp chị mà cả hai đều rụt rè e thẹn. Anh Trí mang sách *Gái quê* tặng các em chị, nhưng lại không dám trao cho chị.

Chị Cúc kể lại và ân hận về thái độ rụt rè đó : "Càng tội nghiệp hơn là hôm sau Anh xuống Võ Dạ đứng trước cổng hồi lâu rồi lặng lẽ bỏ đi".

Cho đến khi Anh đau nặng rồi 1939 chị Cúc còn gởi cho Anh một chiếc ảnh cỡ 6 x 9 : Chị Cúc mặc áo dài lụa trắng như những cô gái Huế thời bấy giờ đứng trong vòm cây xanh mát. Anh làm ngay bài *Đây thôn Võ Dạ*.

- Nếu Anh biết, chị đã quy y, dành riêng một căn phòng ngày đêm hương hoa tụng niệm, tưởng nhớ mối tình bất diệt của Anh mà cũng là tình đầu của chị, đang quện theo trầm hương dâng lên Anh

nơi miền cực lạc. Nơi đây không còn ngăn cách giáo lương, không còn tham sân si trần tục.

Ôi ! Tình Hoàng Hoa đậm đà biết chừng nào !

- Nếu Anh biết, từ ngày nghe Anh đau, chị đã dành dụm một số tiền nhỏ, toan nhờ Ngâm gởi tặng Anh thuốc thang, nhưng gia phong nghiêm cẩn, không thực hiện được (các con chị Lễ ở Huế đều biết).

*Đây thôn Võ Dạ* là bài thơ cuối cùng chị nhận được của Anh, chỉ ít lâu Anh qua đời, đến nay vẫn còn được truyền tụng.

Chị rất cảm động khi biết Anh vẫn không quên vườn cau tươi mát, vẫn nhớ đám bắp bên đò Cồn nhìn sang Võ Dạ, mà dòng nước buồn thiu lặng lẽ trôi...

Gió và mây không cùng về một hướng, thì tình Anh làm sao không ngang trái.

*"Gió theo lối gió, mây đường mây..."*

Mùa Thu năm Bình Dân, chị Cúc vào Sài Gòn, ghé lại thăm thành linh làm cho tôi xúc động :

*Chao ơi ! Người xưa đây Hoàng Hoa !  
Bao nhiêu thu rồi, chưa phôi pha  
Áo trắng vườn cau thôn Võ Dạ  
Thương Hàn Mặc Tử nhận không ra.*

Cùng ôn lại chuyện cũ làm cho gia đình tôi vô cùng thương cảm, càng kính trọng chị như người thân bao năm xa cách.

Thay lời Hàn Mặc Tử, tôi viết tặng chị một bài thơ mượn ngôn từ nhà Phật, chị rất vui vẻ.

## HOÀNG HOA CẨM TÁC

*(Thay lời Hàn Mặc Tử)*

*Áo trắng ngày xưa nay áo nâu  
Khen ai khéo chọn cảnh đời sau  
Vàng son đoạn tuyệt bồi nhân quả  
Dua muối trường trai diệt khổ đau  
Trần tục may rồi vòng nghiệp chướng  
Căn cơ ráng giữ mối duyên tu  
Buồn vui thế sự, thôi đừng nhắc  
Để chút tình thơ đáp nghĩa nhau.*

Tôi xem chị Cúc như chị Nghĩa, chị Lễ tôi.

Một lần tôi về thăm mộ Cụ tôi ở Huế, ghé lại thăm chị ở Vỹ Dạ. Đời sống tu hành khổ hạnh của chị làm cho tôi xúc động càng quý trọng chị hơn.

Khi nhắc lại các mối tình của Hàn Mặc Tử, chị Cúc cười độ lượng :

"Tiếc quá, phải chi trời để Anh sống thêm mười năm nữa, tình của Anh càng nhiều, thì thơ của Anh để mô cho hết.

Bốn người đàn bà trong đời, thật là quá ít đối với Hàn Mặc Tử".

## 2. MỘNG CẦM

Tôi biết được chị Mộng Cầm chỉ qua lời giới thiệu nửa đùa nửa thật của Thúc Tề. Anh Trí thì giấu kín, ở nhà không ai hay biết gì.

Thúc Tề cho tôi biết, Mộng Cầm tên thật là Nghệ, cháu kêu thi sĩ Bích Khê bằng cậu ruột, quen biết Hàn Mặc Tử qua văn thơ trên báo chí Sài Gòn.

Mộng Cầm ở với cậu, lúc bấy giờ dạy học tại Phan Thiết.

Trong chương II tôi có dịp nói đến trong bối cảnh Sài Gòn hoa lệ mà anh Trí và các bạn đã sống một thời gian làm báo tại đó.

Mối tình giữa hai người đã có một dạo sôi nổi trong giới văn nghệ sĩ. Họ bàn tán thêu dệt theo cảm ý hay suy đoán của mỗi người.

Có người thương Hàn Mặc Tử thì trách Mộng Cầm bạc bẽo vội ôm cầm thuyền khác.

Cũng có người bênh vực Mộng Cầm còn quá trẻ mà nghiệp chướng hồng nhan đẩy đưa vào một cuộc tình hữu thủy vô chung tạo nhiều tai tiếng cho nàng.

Chưa ai biết rõ mối tình đó ra sao cả. Gia đình của chị cũng không hề hé răng tiết lộ, dù là để thanh minh.

Chỉ nghe mang máng một chuyện tình khá du dương, khi thì lâu Ông Hoàng, khi thì Cù lao Mũi Né.

Mộng Cầm cũng có lần nhắc nhở anh Trí đừng quên :

*Rồi có khi nào trong phút giây  
Trăng lên khỏi núi gió đùa mây  
Thì anh nên nhớ người năm nọ  
Đã được cùng anh sống những ngày.*

Mộng Cầm cũng là nữ sĩ, nhưng tôi chưa có cơ hội đọc được thơ chị, nên không biết thế nào là : "Sống những ngày..."

Đối với anh Trí chỉ cần đọc thơ Anh, cũng có thể hiểu được ít nhiều những gì Anh muốn nói hoặc tâm sự. Nghe giọng văn Anh rụt rè tình tứ trong mỗi tình đầu với Hoàng Hoa, cũng biết mỗi tình đó, thi sĩ chưa đạt được. Lòng Anh muôn mơ ước mỗi tình nguyên hương trinh bạch, như nhiều lần Anh thổ lộ trong thơ Anh để cho hợp tình nghĩa trong trắng tâm hồn Anh, như trong các bài : *Ứng trắng, Tình hoa...*

*Chỗ đây khí hậu còn nguyên  
Không ai chạm đến mà đến sao đang...  
Tôi ưng nàng, tôi ưng nàng  
Nàng xa xa quá ơi nàng nàng ơi*

Hoặc giọng thơ dễ dãi, bạo dạn thì hiểu được cuộc tình bắt đầu không khó khăn, không ngăn cách vì lễ giáo gia phong.

*Em tôi thở hỗn hển.  
Áo xiêm lấm tẩm vàng*

*Em tôi đã hiểu chưa*

*Trăng lại dằm mình xuống nước  
Trăng nước đều lặng nhìn nhau  
Đôi ta bất chước thì sao*

Hoặc lời thơ chán chường gượng ép, như trong mối tình khi bắt đầu quen với Mai Đình mà ông Tấn đạo diễn cho vui.

Tuy nhiên, ai cũng biết tánh Anh không hề muốn làm mất lòng ai. Tim Anh luôn mở rộng đón lấy tình yêu của bốn phương trời. Thơ Anh vẫn không thiếu phần tình tứ say sưa, khi mà máu nghệ sĩ tìm được mạch thơ, và mạch thơ đó dẫn dắt đến đâu, Anh không cần biết.

Đối với chị Mộng Cầm, tôi chắc tình Anh suôn sẻ.

Với ít nhiều tư tưởng tiến bộ, có học trong bối cảnh văn minh, phóng khoáng, thì Mộng Cầm làm quen với anh Trí không khó khăn gì (xin đừng nghĩ là buông thả). Cho nên thơ Anh không giữ gìn ý tứ.

Và lại phong cách hào hoa của chị, có thể đã làm cho Anh không theo kịp cảm nghĩ của người con gái mới đó.

Những cuộc du ngoạn lâu Ông Hoàng, Cù lao Mũi Né đối với Anh còn lạ lẫm ngỡ ngàng trong nếp sống văn minh.

Anh viết trong :

## SAY NẮNG

Mặt trời mai ấy đỏ ong  
Nàng tiên hóng mát trên hòn Cù lao  
...Gió ơi lại đây mà đùa  
Tôi đứng xa lắm xin chừa tôi đi.  
Hồn tôi mắc cỡ là vì  
Không quen thường thức cái gì ngất ngây  
Như là ánh nắng vàng lây  
Mà thơ sắp sửa phô bày yêu thương...

Dù vậy cái hôn đầu tiên còn lưu lại một thú  
hương vị lạ lùng mà Anh khó quên, trên đôi môi  
trình bạch :

Nhớ hàm răng, nhớ hàm răng  
Mà ngày nào đó vẫn khăng khít nhiều

Và tự an ủi :

Hương không ngọt xuân sớm lẽ nào thơm  
Mật không đắng ân tình không thú vị.

Nhưng rồi cũng tiếc nuối hôn đôi như những  
chàng trai bị tình phụ :

Xưa những gì dính dáng ở đầu môi  
Nay trả lại để tôi làm dấu tích.

Mối tình Mộng Cầm chỉ có thể thôi mà cũng đã  
làm cho Anh quên mất đi cái cốt cách phượng hoàng  
vĩ đại.

Rồi ngây dại nhờ thất tình chỉ hướng  
Ta lang thang tìm đến chốn lầu trang  
Lầu Ông Hoàng người thiên hạ đồn vang

Và cũng tầm thường nguyên rùa, khi cảm thấy  
cuộc đời đẹp dừng lại trước đe dọa tàn phá của  
ác bệnh.

Hồi Phan Thiết, Phan Thiết  
Mi là nơi ta chôn hận nghìn thu  
Mi là nơi ta sầu muộn ngất ngư

\*

Ở trên, tôi viết không hề biết đến Mộng Cầm,  
chỉ qua lời giới thiệu của Thúc Tề.

Cho đến năm 1936, sau khi anh Mộng Châu qua  
đời, thì khoảng tháng năm chúng tôi dọn về số 20  
đường Khải Định. Không lâu sau đó chị Mộng Cầm  
ghé lại Quy Nhơn có đến thăm.

Nghe nói chị có gởi thơ chia buồn về cái tang  
anh Mộng Châu, mà về sau cuốn sách *Hàn Mặc Tử*  
tiết lộ chị có xin phép để tang, xin anh Mộng Châu  
phù hộ cho hôn nhân hai người.

Tôi xin đem câu chuyện dưới đây kể lại trong  
tập Hồi ký này ngõ hầu giúp các nhà văn rộng  
đường khảo cứu cuộc đời Hàn Mặc Tử.

"Đêm trước, anh Trí đang trầm ngâm suy tư,  
bỗng chợt nói với tôi : "Nè nè Tin, ngày mai em  
tiếp khách giùm Anh". Tôi hỏi : "Vậy thì anh đi  
đâu?". "Không đi đâu cả nhưng Anh muốn em giúp  
Anh".

Tôi hơi lầy lăm lạ, bởi vì ở nhà chỉ khi nào có chuyện gì quan trọng phải nhờ cậy, Anh mới lịch sự *anh em*, còn thường thì *tao mi* thân mật thôi.

Hôm sau, Anh dậy sớm sửa soạn thay bộ đồ "tussor soie", áo chemise trắng cổ "danton", mang giày verni đen trông ra vẻ lắm.

Tôi hỏi : Ai mà quan trọng vậy - Anh chỉ cười, làm cho tôi có nhiều suy đoán ngớ vẩn, vì ngày thường Anh ăn mặc rất lười thôi.

Mới bảy giờ sáng, Anh đã ra ngồi khoanh tay lại, thói quen cố hữu, thu hình trong chiếc ghế bành bằng mây. Không nói năng gì với ai nữa. Tôi bảo người nhà pha trà sẵn.

Mẹ tôi nhìn tôi dò hỏi. Tôi lắc đầu. Vậy là cả nhà chờ đợi một "biến cố" không ai đoán được cái gì cả.

Tám giờ hơn, một thiếu nữ nhỏ nhắn, tóc hót ngắn ngang ót kiểu "bom - bê" khá xinh đẹp, duyên dáng trong chiếc áo cẩm châu đen trang nghiêm. Nhìn thấy đôi guốc cao gót tôi giật mình, suýt nữa thì tôi đánh giá cao tay lắm là em nữ sinh lớp nhì, lớp nhứt nào đó thôi.

Vậy là tôi phải đóng góp vai trò tiếp khách chu đáo cho anh Trí. Anh không giới thiệu gì cả. Cũng không biết anh chào hỏi ra sao, vì lúc ấy tôi đang quay lưng lại.

Chị chào hỏi rất tự nhiên, không có chút gì ngượng ngập, tự giới thiệu là bạn văn thơ của anh Trí, xưng là **Mộng Cầm** (À ! Ra chị Nghệ đây mà. Ôi chao, chị còn nhỏ quá). Giọng nói pha trộn nhiều tình, không cứng như tiếng Quảng Ngãi, rành rẽ. Có vẻ rất mới, nhất là mái tóc chị, mà thời bấy giờ ít ai dám mạnh dạn cắt ngắn như thế.

Chị nói chuyện tự nhiên, ngỏ lời chia buồn với gia đình và anh Trí như những người thành thạo nếp sống giao tế thông thường.

Chị cũng vui vẻ hỏi tôi biết làm thơ không. Chị khen thơ anh Trí rất hay và chị cũng đang chờ anh chỉ điểm thêm cho.

Trong lúc nói chuyện, thỉnh thoảng chị nhìn về phía anh Trí. Hình như chị hỏi anh có trở lại Sài Gòn không. Anh li nhí gì đó tôi không nghe rõ, vẫn luôn cười nhẹ, không tham gia câu chuyện.

Mượn cớ để cho hai người tâm sự, tôi xuống nhà dưới lấy thêm nước chế trà. Mẹ tôi hỏi : Ai đó ? Tôi thưa nhỏ : "Chị **Mộng Cầm**". Bà cụ muốn ghé mắt xem. Tôi nói : "Để yên đã".

Chưa cạn chén trà, nghe trên nhà vắng hoe.

Tôi trở lên thì vừa kịp trông thấy chị quay lưng lại chào rồi đi ra. Mẹ tôi lên theo, chỉ được trông thấy sau lưng. Anh Trí vẫn không thay đổi vị thế ngồi.

Bà cụ nói : "Còn trẻ mà dạn dĩ hé !" Tôi ngẫu hứng đọc mấy câu làm anh Trí bật cười :

*Cô bé nhà ai dạn dĩ ghê  
Áo đen quần trắng tóc bom bê  
Đến thăm anh Trí mà tôi tiếp  
Hỏi chuyện thì ra chị Nghệ nè.*

Mẹ tôi rầy : đừng nói bậy, mất lòng. Anh Trí cũng cười.

Về sau một người bạn ở Nha Trang nghe chị kể chuyện : Anh Trí hình như mắc bệnh vì thấy hai tai anh đã dày lên.

Sau khi chị Mộng Cầm ra về, tôi suy nghĩ về thái độ của hai người trong suốt cuộc nói chuyện tại nhà.

Xét về bên ngoài cuộc viếng thăm có tính cách xã giao giữa hai người bạn quen biết. Không có gì để gọi là hẹn hò thân mật.

Anh Trí không hề thay đổi thái độ thường ngày : ngồi khoanh tay thỉnh thoảng lại cười nhẹ, sợ mất lòng khách, đôi khi như xa vắng không biết trước mặt mình đang có người bạn tình mà mình thương nhớ.

Tuy nhiên, có sửa soạn trong ăn mặc mà ngày thường rất lười thôi.

Về phần chị Mộng Cầm cũng không có vẻ gì khác lạ. Khi gặp lại người mà chị từng viết : "Đã

*được cùng anh sống những ngày",* nét mặt cũng không biểu lộ vẻ mặt thân mật của người tình, vẫn lịch sự vừa phải.

Từ lúc vào đến lúc đi, không hề nhắc đến một câu nào, tôi có thể nghe được về kỷ niệm Phan Thiết. Có lần tôi toan nhắc hỏi chuyện Lầu Ông Hoàng, nhưng kịp nghĩ lại sợ bất lịch sự chăng, nên lại thôi.

Tuy nhiên, tôi cũng cố tình dò xét mối tình hai người đã thể hiện ra sao, mà rút cuộc vẫn chịu thua không hiểu nổi.

Có thể là nếp sống của chị Mộng Cầm phóng khoáng tự do đã quen, nên không thể nhìn thấy đổi thay trong cảm xúc khi chị tiếp xúc với bạn trai, dù là bạn tình.

Đó là những người đàn bà khó hiểu, mà đàn ông thường hay lầm lẫn khi nghe họ nói những lời ngụ ý. Hoặc thái độ có vẻ nhu buông thả nhưng lại đóng rất chặt. Đó là những thiếu nữ lạnh cảm bất thường.

Hoặc đã quá từng trải trong tình trường.

Mà Mộng Cầm thì quá trẻ, không thể xếp vào hai hạng nói trên. Chỉ còn phải xem chị ngây thơ, bất chước nếp sống mới, thạo đời của Sài Gòn văn minh thời bấy giờ. Vậy thì thật đáng thương hơn đáng trách.

Nếu ông Trần Thanh Mại được gặp chị sớm hơn, chắc phải dè dặt khi phê phán có phần trách móc chị.

Vì vậy, tôi không thể hình dung được những gì đã xảy ra trong các cuộc du ngoạn mà người đời đã theo dõi. Dù sao thì cậu ruột Bích Khê vẫn còn là đệ tam nhân có trách nhiệm.

Tôi cho là đúng, vì sự thể anh Trí khẩn khoản nhờ tôi tiếp chuyện với chị Mộng Cầm như một nhân chứng để anh bớt hồi hộp. Tình trong trắng của anh còn được thấy rõ qua vẻ bối rối khi đối diện với chị Mộng Cầm.

Không lâu sau đó, nghe nói chị lập gia đình. Từ đó tôi không nghe ai nói gì về chị, ngoại trừ những chuyện huyền thoại về sau này.

Tôi cũng không biết hai người đã giải ước ra sao và lúc nào, vì bấy giờ tôi đã ở Đà Lạt. Nhưng tôi vẫn linh cảm cuộc viếng thăm lần ấy có tính cách quyết định cho chị.

Đến nay, nhiều bạn hữu ngày xưa của anh, nghe nói còn gặp chị Mộng Cầm, nhưng chị sống kín đáo không muốn tiếp xúc với ai.

Viết lại câu chuyện chị Mộng Cầm, tôi ghi chép trung thực cảm nghĩ tôi lúc bấy giờ mà thôi, tuy ký ức cũng có thể có nhiều chỗ sai lạc về thời gian.

Mong chị thông cảm. Năm mươi năm rồi còn gì.

\*

### 3. MAI ĐÌNH NỮ SĨ

Khác với những mối tình âm thầm kín đáo, hoặc dè dặt của Hoàng Hoa, của Mộng Cầm, chị Mai Đình là người yêu thơ cũng như yêu con người phong cù đó, một cách ồn ào, sôi nổi và tha thiết nhất.

Thơ của chị cảm ứng với Hàn Mặc Tử rất nhiều.

Chị Mai Đình làm thơ rất có khiếu và dễ dàng, ý thơ tình nghĩa, súc tích gần bó với thơ Hàn Mặc Tử gần năm mươi năm nay. Tôi nói gần bó với thơ anh Trí, vì hiện nay chị đã có gia đình.

Từ thời tiền chiến, và suốt thời kỳ kháng chiến, thơ chị được truyền khẩu hoặc trao tay người này qua người khác, mà toàn là các bạn làng văn.

Có lẽ chị chất phác dễ thân mật. Bất cứ chỗ nào có vài người họp lại để nói về thơ anh Trí là có chị tham gia. Cho nên có rất nhiều bài thơ nghe nói là của chị sáng tác, vẫn còn chờ đợi được xác minh chưa ai dám tự tiện phổ biến.

Tôi cũng có dịp đọc được, thơ hay, tình nghĩa và tự nhiên.

Nhà văn Trần Thanh Mai từng viết về chị trong cuốn *Hàn Mặc Tử* rằng : "*Về người đàn bà này (Mai Đình) ta có thể nói nhiều hơn, kể rõ ràng hơn, mà không ngần ngại phải chạm đến danh giá của một kẻ nào, đến cái mà họ trương lên làm danh giá.*"

*Một người đàn bà không cần dư luận, một người trong hàng người thành thật nhất của xã hội. Họ đánh nhịp vào chế độ lễ nghi, mọi thứ do người bày đặt ra để che lấp cái giả dối của người".*

Lời phê bình trên đây thật rộng rãi dù để không cần phải dè dặt, lịch sự nữa.

Những năm 1938 - 1939, tôi nghe nói chị đến thăm anh Trí tại nhà, lúc bấy giờ đã dọn về đường Oden d'hall vì anh đã bắt đầu đau nặng, mà mẹ tôi không muốn cho ai biết. Việc chị Mai Đình đến thăm anh Trí như một tin sốt dẻo được loan đi rất nhanh trong những người bạn thân. Vì thế đã làm ồn ào lên một dạo mà mẹ tôi lo sợ tai tiếng cho chị.

Thế nhưng sự dè dặt đó không cần thiết gì đối với chị. Chị Như Lễ nói với tôi : "Chị Mai Đình do ông Tấn giới thiệu cho anh Trí kết bạn thơ".

Theo chỗ tôi biết qua bạn bè anh Trí, thì chị Mai Đình đã ham mê thơ anh từ lâu, nhưng không ai giới thiệu. Đến khi gặp anh thì lại yêu luôn anh, mặc dầu thấy tận mắt anh đang bệnh.

Thật sự thì bệnh anh cũng không có vẻ gì đáng sợ, nếu nhìn về bên ngoài.

Năm 1939, Anh đau nặng nhất, thì cũng chỉ là dấu hiệu khô chết lớp da bên ngoài. Tay anh cầm muỗng ăn hay viết lách, chỉ khó khăn khi kéo máy

ngón tay co lại. Bàn tay như mang một chiếc găng da khô cứng. Da dẻ đen sạm đi không lờ lỏi gì.

Với chị Mai Đình, thì hình như chị cũng không thấy "cái bên ngoài" đó nữa, mà chỉ cần nghe anh ngâm thơ, chỉ cần ở gần bên anh.

Nhiều người bạn nói, theo thời bấy giờ, là chị Mai Đình bị tiếng sét ái tình đánh gục (Coup de foudre). Người đàn bà đã từng phen lưu lạc phong trần mà thơ viết lên nghe như cô gái mới được yêu.

Nghe nói chị vẫn dạy nữ công cho nhiều trường ở Sài Gòn, nhưng thỉnh thoảng lại động lòng bốn phương, tìm bạn bè ngâm thơ vịnh nguyệt. Mai Đình viết cho Hàn Mặc Tử lá thư nũng nịu đủ thứ khiến anh Trí buồn cười đem xếp lại thành bài thơ dưới đây...

*... Thôi em chán quá, em buồn quá  
Anh của em giờ cười với ai  
Với những gì đâu tức tối lạ  
Em hồ nghi mãi giận không thôi...  
Nhưng xa xôi quá biết làm sao  
Lấy trí tương tư đo được nào  
Em mới vùng vằng em thờ dốc  
Tình thương trong dạ cứ xôn xao.*

Năm 1939, tôi về thăm nhà, nghe chị có ghé lại ở chơi mấy ngày.

Trong nhà, hình như ai cũng yêu mến chị, vì chị đơn sơ thành thật, không nề hà khách sáo, có lẽ

cuộc đời "phiếm thủy đào hoa" của chị nhiều trôi nổi quá, nên sống cách nào cũng được, không thấy khó khăn gì, nên ai cũng thương.

Anh Trí cho tôi xem bài thơ tặng chị mà lời lẽ trong thơ có vẻ chán chường. Tôi trách anh đã xem nhẹ tình chị. Những câu như : "*Đây Mai Đình, tiên nữ của Vũ Sơn*" đã làm cho người đọc chữ Vũ sơn khó chịu, rồi lại còn :

*"Nàng là mặt của muôn tuần trăng mặt"*

(Thì thật là chán chường quá).

Toàn bài thơ không xứng đáng tặng chị, một người đang sống với mối tình cao đẹp nhất chưa bao giờ được sống như thế.

Anh Trí hối hận, chắc là anh nghe dư luận về chị không còn gì đáng ca tụng nữa.

May thay, tình yêu làm chị mù quáng, nên không nhận thấy. Hoặc như Trần Thanh Mai viết :

*"Người đàn bà đó không có gì tự ái cả".*

Và sau anh Trí viết lại bài **Đánh lừa**

*Tôi thương em không cần phải so đo*

*Vì tình tiết há bằng hương vạn đại*

*Son phấn cũ thơm bằng son phấn mới.*

Tuy nhiên tôi ấy này tội nghiệp cho chị, nên có làm lại bài thơ đánh loáng bớt nghiệp chường của chị (không biết ở nhà có trao lại chị không).

*Mai Đình tiên nữ chốn Vũ Sơn  
Vương nghiệp vẫn chương trở xuống trần  
Oan trái tao khang vừa tháo gỡ  
Nợ nần xuống họa lại đa mang  
Giang hồ cánh bướm không lo mối  
Mưa gió đời hoa chẳng ngại tàn  
Còn chút duyên thừa dâng trọn thuở  
Cho tình sống mãi với thi văn.*

Khoảng cuối năm 1941, tôi ở Lào về nhiệm sở cũ ở Đà Lạt ghé lại Quy Nhơn thăm nhà.

Vừa bước xuống xe, một người đàn bà còn trẻ nước da ngăm đen, mau mắn bước ra chào : "Kia ! Chú Tín về đây à ! Được điện tín hôm qua cả nhà trông chú lắm". Tôi ngỡ ngàng một giây, nhưng đoán được là chị Mai Đình rồi.

Chị Nhu Nghĩa cũng ra theo, cả nhà tiu tít : Tôi để ý một người đàn bà trẻ, sang trọng cũng đứng lên chào tôi, chị Mai Đình vội vã giới thiệu : "Đây là cô Lan (hay Liên gì đó) bạn tôi ở Sài Gòn ra chơi". Chị lại chỉ về tôi : "Chú Tín đây em anh Trí làm việc ở phòng kiến trúc Đà Lạt bị động viên qua Lào vừa mới trở về".

Trông chị, tôi bật cười, tưởng như chị đóng vai chính trong gia đình tôi.

Trong câu chuyện trao đổi, chị không e dè hay sợ mất lòng ai hết. Thái độ đối với người bạn gái, chị cũng không úp mở, chị oang oang nói :

"Tuy chưa biết chú, nhưng nghe nói chú lo lắng cho anh Trí mấy năm nay, làm cho tôi cảm phục quá" rồi tiếp tục phân bua, không rào đón : "Không chịu lấy vợ ở như vậy để lo cho gia đình. Chú thật quân tử quý hóa quá".

Tôi lịch sự : "Chị mới thật là người đàn bà đáng quý trọng. Tôi chưa hề biết có ai dám đem cuộc đời tốt đẹp của mình đánh đổi một mối tình duyên bất trắc tai tiếng như chị với anh Trí. Chị thật là siêu nữ nhân". Chị cười thích chí lắm.

Tôi ngẫm nghĩ, thương chị, thì ra chị biết hết việc nhà tôi. Chị lại thông cảm cả cuộc sống của tôi ở Đà Lạt. Khi chị hạ giọng bảo tôi : "Chú ở Đà Lạt lạnh lẽo quá, mà tiền lương gởi về cả làm sao đủ sống ? Chú đừng ngại, nếu cần hàng gì may đồ lạnh, chú cứ bảo tôi. Để tôi lo cho". Trời ! Bà chị ở đâu rơi xuống đây, thật là vượt xa các chị ruột tôi hết. Dù sao, tôi cũng được người chia sẻ nỗi khó khăn, và cũng cảm thấy được an ủi.

Về sau chị Nghĩa cho biết Mai Đình muốn làm mối cho tôi, bạn gái của chị, một quả phụ hai mươi ba tuổi đó là một nữ chủ nhân tiệm hàng vải cỡ lớn ở Sài Gòn.

Tôi rất buồn cười nhưng cũng quý chị lắm. Chị Mai Đình như thế đó, ở trong gia đình tôi. Là chưa !

Mùa thu năm 1942, chị Mai Đình lên Đà Lạt, nhắn tôi xuống nhà ga xe lửa gặp chị.

Tối hôm đó, ngồi ở bàn càphê, chị nói với tôi rất nhiều về chuyện in thơ *Hàn Mặc Tử*. Chị hỏi tôi : "Chú có biết thơ anh Trí được bao nhiêu bài?".

Tôi nói : "Từ năm 1935 anh Trí ở Sài Gòn về ở chung với tôi một phòng, không có sáng nào không thấy thơ anh vút bữa bãi, trên bàn, trên giường, dưới nền nhà. Tôi phải dùng hai cái "kết" đựng bìa để xếp vào.

"Nhưng khi đi vắng, tôi vẫn dặn người nhà nhặt hết tất cả giấy tờ gì trong phòng Anh đều bỏ vào đó.

"Cuối năm 1937, tôi đổi lên Đà Lạt, rồi ở luôn bảy năm. Tôi nghĩ thơ Anh nhiều lắm, thỉnh thoảng Anh giở ra xem rồi chép lại, mang đi đánh máy, tặng bạn bè, mà tôi biết Anh đã gởi cho Trần Thanh Dịch và Trần Tái Phùng nhiều hơn hết. Coi như gần đủ bộ thơ Anh. Bút tích vẫn để lại trong hai thùng gỗ đó".

"Tôi chỉ thuộc một số, chú Hiếu thuộc nhiều vì ngâm thơ hay, nên bạn bè thường đến để nghe chú ngâm.

"Khi tôi ở Lào về, thì chú Hiếu đã chuyển giao bút tích văn thơ tất cả cho anh Tấn. Chú sợ bị lây nên không sao chép, không kiểm nhận. Vì thế không biết đích thực là nhiều hay ít.

"Tôi rất bức mình về việc đó, nhưng mẹ tôi ngăn tôi không cho hỏi lại vì sợ mất lòng anh Tấn.

"Bây giờ, chị Mai Đình muốn biết phải hỏi lại anh Tấn".

Chị trầm ngâm hồi lâu rồi nói : "Chú biết không? Thơ anh Trí khó mà xuất bản được. Tôi đến nhắc anh Tấn mấy lần, cả chị Như Lễ cũng viết thư nhắc lại lời hứa xuất bản thơ Hàn Mặc Tử, anh đều không trả lời" (Tôi nghĩ, anh Tấn hẳn phải có lý do chính đáng nào đó nên anh chưa in được).

"Tôi (chị Mai Đình nói) có đưa một người bạn quen chủ nhà in và xuất bản ở Hà Nội vào để thương lượng với anh Tấn (hình như ông Doãn hay gì đó). Nhưng anh Tấn đưa ra nhiều điều kiện *khó nghe, chuta bao giờ có*.

Anh Tấn còn nói là thơ Anh Trí không phải bài nào cũng hay cả đâu, mà *cần phải sửa lại* mới in được. Và lại những bài hay in được, thì ông Mai đã trộm lấy hết rồi. Còn lại không bao nhiêu. Những lời chị Mai Đình nói với tôi tại nhà ga xe lửa Đà Lạt nay đã 45 năm rồi, mà tôi còn nhớ rõ, vì liên quan đến một câu chuyện đã xảy ra lúc tôi còn ở Lào :

"Bấy giờ vào khoảng lễ Giáng Sinh 1940, tôi đang ở lại Pakse đợi chuyến xe "công vua" đi Muồng Cầu (Attapeu) Lào. Tôi ở trọ lại nhà ông Tú Vọng, một cụ tú tài thất chí quê ở Quảng Bình. Sáng hôm ấy, chờ xe, rảnh rỗi giờ bàn tử vi của anh Trí (mà cậu Bá tôi đã chấm) ra nghiên cứu đồ buồn. Cụ Tú đi ngang trông thấy, ghé mắt nhìn hỏi tôi : "Lá số của ai đó Thầy ?"

- Tôi thua của Anh tôi. Cụ nhìn tôi rồi nhìn cái băng đen mang bên cánh tay. Cụ nói : "À ! Ra thầy để tang cho ông này à ?". Biết gặp tay "thuợng thừa", tôi mời Cụ ngồi xuống lấy mực kính xem lại. Cụ bảo : "Chà ! Đại hạn xấu quá, năm Thìn gặp Trúc La, mà mạng Mộc thì tuyệt địa rồi".

Tôi cũng nói theo : "Có phải hạn *Liêm sát* mà gặp hung tinh là "lộ thuợng mai thi không" (chết chôn bên đường). Cụ cười : "Vây ra Thầy biết rồi. Tôi sợ mất lòng không dám nói. Thầy này chết không gặp thân nhân đúng là lộ thuợng mai thi - Tai nạn xe cộ à ? - Thưa, đau bệnh.

Cụ xem một hồi nữa rồi nói : "Thầy này không có vợ con gì. Mà cũng lạ *Lưu niên* lại ở Từ Túc". Ông cụ tiếp : "Có con rồi con rớt chi không ? Vây thì ông ta lưu cái chi lại cho dòng họ". Tôi đáp : "Anh tôi là thi sĩ". Ông cụ vỗ đùi : "À, phải rồi. Vây thì thơ hay đó. Nhưng bị mất mát ngăn chặn gì đó mà phải trên năm mươi năm mới tìm lại được. Vì *Văn tình bị Tuần triệt* chặn hết". Cụ lại bảo : "Con cái là tác phẩm mà văn thơ cũng là tác phẩm".

Câu chuyện trên đây thật kỳ lạ, vì thơ Anh Trí bị thua kiện (Triệt) rồi mất mát, thất lạc (Tuần).

Và bây giờ là đúng năm mươi năm.

Tôi không bao giờ quên được con người kỳ lạ đó.

Hai chị em ngồi đến khuya, chị buồn buồn ngâm lại bài *Lưu lyễn* :

*Chưa gặp nhau mà đã biệt ly  
Hồn Anh theo dõi bóng em đi...*

Rồi chị sụt sùi mãi. Tôi im lặng tôn trọng mối thương lòng chị. Hồi lâu, chị đọc bốn câu :

*Lòng ta, sầu thâm hơn mùa lạnh  
Hơn cả u buồn của nước mây  
Của những tình duyên thương lỡ dở  
Của lời rên xiết gió heo may*

Chị lại hỏi : "Bài *Sầu vạn cổ* Anh Trí tặng ai chú biết không ?" Tôi nói : "Lòng Anh Trí mệnh mông, tình anh cũng rất mệnh mông. Trong đó chắc có chị rồi. Nhưng... ở đây lại có gió heo may..." Chị nhìn tôi : "Chú nói đúng. Anh Trí yêu nhiều, nhưng mùa Thu nhắc nhớ Anh hơn".

(Chị muốn nói, chị chưa được yêu sâu đậm bằng Hoàng Hoa).

Lúc ấy hình như cô ai gọi.

Đúng đây, chị nói : "Không biết còn gặp lại không". Rồi chị từ biệt ra đi.

Bóng chị đi hơi lụp chụp, thất thiếu qua màn sương đêm khi mờ khi tỏ.

Tôi nhìn theo thương hại, người đàn bà nặng kiếp "Khước tác phiêu bồng" này đang trôi dạt về đâu ?

\*

Sau ngày giải phóng miền Nam, nghe nói chị có mặt ở Sài Gòn, nhưng mãi đến 1983 - 1984 gì đó mới gặp lại chị.

Chị vẫn thế, dáng đi vẫn chồm chồm như luôn luôn vội vã, hay lo lắng suy tư gì.

Tôi nghe nói chị sống hạnh phúc với chồng con và có nhiều công lao cách mạng.

Đọc lại tập hồi ký này, chắc chị vui lắm.

Mong như thế.

#### 4. THƯƠNG THƯƠNG (\*)

#### CHƯƠNG V

#### BỆNH HOẠN VÀ THI VĂN

Hơn năm mươi năm nay, nhiều người vẫn cho bệnh nan y đã ảnh hưởng văn thơ Hàn Mặc Tử. Không ai để ý đến một chứng bệnh đã ảnh hưởng đời sống và văn thơ Anh từ *trước khi chưa mang ác bệnh*.

Trong quá trình sống chung bên Anh, tôi ghi nhận Anh có hiện tượng suy nhược tâm thần, phát

---

(\*) Xin lược bớt phần này vì căn bản dựa vào thơ *Quần Tiên hội, Duyên kỳ ngộ*.

sinh, có lẽ, sau tai nạn xảy ra kỳ lạ trong đời Anh và ảnh hưởng sâu đậm vào trí óc Anh khiến hình thể Anh cũng thay đổi. Bệnh đó đã được nhiều người bạn tôi, chuyên khoa tâm lý sau này xác nhận là hiện tượng "névrose", một chứng rối loạn thần kinh nào đó, mà con người vẫn còn sáng suốt và suy cảm bén nhạy. Vẫn làm chủ được trí óc mình.

Khi còn nhỏ, tôi được biết một nhà nho hồng thi, đi đâu, ngồi đâu, cũng làm nhàm đọc ngũ kinh, tú truyện không đâu không đuôi, nhưng làm thơ vẫn nhớ đủ niêm luật.

Gặp ai cũng lễ phép hỏi : "Lạy ngài, chữ TIÊN viết mấy nét ?", thơ chỉ làm đến nửa bài, dừng lại lẩm bẩm "không biết chữ TIÊN viết mấy nét đây".

Ai cũng thương ông, thường gọi đùa là "Tiên ông thiếu nét", ông chỉ cười bao dung, như không chấp xét kẻ phàm tục.

\*

## 1. BỆNH TÂM THẦN ?

Trong chương II, tôi đã cẩn thận ghi là nhiều đổi thay nơi người Anh khi từ Huế rời.

Từ những đam mê thể thao, thể dục có phần kỳ dị đến các hiện tượng sinh hoạt khác thường sau tai nạn bị chìm ngoài bờ biển.

Anh thay đổi cả tâm tính cả hình thể, trở nên ít nói, sống nội tâm xa vắng. Mọi người không ai hiểu tâm sự Anh, ngay cả những bạn thân nhất.

Tuy nhiên, Anh nói *rất nhiều* và *rất thật thà* trong văn thơ Anh :

Mặc dầu, lời thơ rất đẹp, ý thơ rất tình, nhưng xuyên qua, vẫn có đôi chữ, đôi lời với nhiều ngụ ý, bày tỏ nỗi lòng Anh.

Nếu không theo dõi nếp sống hằng ngày, thì nhận xét về Anh không khỏi có phần phiến diện.

Tôi hiểu được phần lớn tính nết và ước mơ Anh, nên nghĩ Anh có thể mang một thứ bệnh tâm thần nào đó.

Vốn từ nhỏ được giáo dục theo tư tưởng Khổng Mạnh, sống theo niềm tin Kytô giáo, Anh hầu như bị ảnh hưởng sự gò bó của giáo lý, của đạo đức quân tử, trong cảm nghĩ và ngay cả trong vấn đề sinh lý tự nhiên.

Tình cảm Anh rất bén nhạy. Những xúc động mạnh rất ảnh hưởng đến tinh thần Anh.

Rõ ràng nhất là những thay đổi tính tình sau tai nạn suýt chết ở bờ biển (nói ở chương II) mà tôi đã được chứng kiến.

Có thể là một ảo ảnh kỳ lạ in sâu vào tâm trí Anh mà gia đình nghĩ Anh đã được trông thấy Đức Mẹ hiện ra với Anh, khiến Anh xuất thần sợ hãi.

Đó là giây phút mà Anh đã chết đi mà sống lại và mỗi lần nghĩ đến Anh run sợ đến ớn lạnh. Anh đã ghi lại cảm giác đó trong *Ave Maria*.

*Maria ! Linh hồn tôi ớn lạnh  
Run như run, thần tử thấy long nhan  
Run như run hơi thở chạm tơ vàng*

Một thứ run rẩy toàn thân, khi Anh cảm ứng với hiện tượng mà ánh sáng lạ nào đó đã làm mờ hẳn mắt Anh. Và tôi đã trông thấy đôi mắt Anh lạc thần ngơ ngác.

Thơ Anh tuy tình tứ say sưa, nhưng chỉ gói ghém trong quan niệm đạo hạnh, không hề buông thả thác loạn. Tôi ghi nhận Anh hay ngâm câu *Kinh thi*.

*Quan quan thục cữu...  
Yếu điệu thục nữ v.v...*

Với Anh, yêu đương là sự triu mến, quấn quýt bên nhau, như đôi chim. Người tình phải là trang thục nữ, tương thân nhi tương kính. Và Anh đã chọn Hoàng Hoa nữ sĩ, một thục nữ như vẽ lại tình Thôi Oanh Oanh và Trương Quân Thụy.

*Tà là trai khí huyết ước nữ  
Người thục nữ sinh giữa thời vô thượng*

Đó là tình yêu trọng lễ nghĩa, không phải tình xác thịt, như *Kinh thánh* nói về Tôbia và người vợ.

Một sự gặp gỡ giữa Khổng giáo và Thiên chúa giáo.

Trong cuốn *Hàn Mặc Tử*, ông Trần Thanh Mai xem Anh là một nhà thơ có nguồn cảm thụ lực mạnh, thậm chí con người Anh có thể rung động theo dây tơ để rồi như chính Anh có thể phát ra âm thanh của điệu đàn.

Những lúc Anh ngâm thơ, trạng thái như xuất thần, toàn thân run rẩy, buông thả theo ý thơ để cảm thụ đến tận cùng.

Anh thường khen những bài thơ thác loạn của môn phái Baudelaire, mà cấu trúc tài tình của thi sĩ đã dẫn dắt Anh đến tận cùng ý thơ với nguồn cảm thụ kỳ lạ đó.

*Có lẽ Anh đã khám phá ra tình yêu xác thịt thật là ghê rợn chẳng ?*

Anh viết ra cảm nghĩ đó trong đề tựa cho tập thơ *Tinh huyết* của Bích Khê. Bấy giờ là giai đoạn anh vào Sài Gòn sống giữa một xã hội buông thả trụy lạc.

Và đó cũng là giai đoạn đấu tranh nội tâm đầu tiên của Anh giữa hai nguồn thơ *dâm loạn* và *trình trướng*.

Anh đã thắng, vì thơ Anh vẫn giữ được khoảng cách với ý thơ cuồng loạn của thời đại.

Tuy nhiên, sự giằng co nội tâm trong chiến trường tình dục càng làm Anh trở nên thâm lặng hơn, nhất là sau cuộc thử thách lớn với mối tình

Mộng Cầm, trong đó cảm dỗ xác thịt đẩy Anh đến gần bờ sa ngã.

Dầu vậy, Anh vẫn còn bình tĩnh tự vệ.

*Vườn chói lọi thì tình yêu phải ngợp*

*Tiết trinh còn em phúc hậu hơn thơ*

*Tôi nín lặng âu là tôi mắc cỡ...*

Trong lứa tuổi đôi mươi, những chàng trai mới lớn trong tình trạng sức khỏe bình thường, đều muốn tìm hiểu vấn đề sinh lý với người khác phái. Anh Trí cũng vậy. Anh đọc *Les fleurs du mal* và nhiều tác giả môn đồ phái Baudelaire nên rất giàu tưởng tượng.

Thế nhưng, tôi ví Anh là một cao thủ nội lực. Anh chế ngự tài tình những dồn ép để rồi phát tiết ra những bài thơ tình tú cao đẹp.

Anh đã thất bại trong mối tình Mộng Cầm, chỉ vì Anh *không theo kịp* cảm nghĩ người con gái mới đó, vì một phần khác Anh sợ phạm tội, mà sợ phạm tội thì đúng hơn.

Anh không thể ngồi yên mà không nói lên những khát khao dồn ép. Những điều mà sách vở nói về tình yêu, xác thịt, có thể ám ảnh dễ dàng Anh. Cho nên lòng Anh ngày càng nên chặt mớ ước không được thỏa mãn. Những hiện tượng rụt rè lo ngại của Anh, theo tôi nghĩ là ảnh hưởng của nền giáo lý nghiêm khắc mà một linh mục như những linh mục thời bấy giờ, quan

niệm vấn đề tình dục ngoài *lề luật giáo hội* là trọng tội, gồm ghiếc đến nỗi các *thánh chẳng dám nói đến tên*. Thời bấy giờ dù có trao đổi, hiểu biết cận kề sinh lý trong *lề luật Hội thánh* mà thôi, giữa người tin hữu và vị lãnh đạo tinh thần (Linh hướng) cũng đã rất hiếm hoi rồi. Chỉ còn sách vở và bạn bè. Sách vở thì ám ó trong lối hành văn, bạn bè thì đừng có hòng mà Anh Trí tâm sự.

Về mặt xã hội, những tiếp xúc giao tế với bạn bè khác phái, mà hơi có vẻ thân mật một chút, cũng đủ để bị phê phán, dòm ngó như đã phạm tội chung lên rồi, mặc dù là giữa thanh thiên bạch nhật ; cố nhiên, trở thành đề tài cho du luận đàm tiếu.

Bởi vậy, nếu Anh không có một căn bản giáo dục vững chắc, cộng với cảm nghĩ nghiêng ngửa của chúng bệnh tâm thần đó, Anh có thể trở thành kẻ đối khát tình dục mà hậu quả khó có thể đo lường.

Lòng Anh luôn tràn đầy cảm nghĩ yêu đương, chỉ một tấm ảnh, một con nắn sáng, một buổi chiều thu, hay chiếc áo vàng thoáng qua cũng khơi động mạch thơ Anh ào ạt tuôn ra như suối dữ. Chúng bệnh mà Anh đáng sống với nó, theo tôi nghĩ nằm trong một thứ dây thần kinh mong manh, nhưng tiếp thu bén nhạy và ghi đậm mãi trong đầu óc Anh. Thơ Anh vì vậy mang nhiều cảm ứng, nhiều từ ngữ lạ lùng, khó hiểu mà *bệnh hoạn ghi nhận* và bắt nhỏ lâu dài. Tôi xin đơn cử một ví dụ : Đó là chữ *Phượng Trì* mà thỉnh thoảng thấy xuất hiện trong nhiều bài thơ Anh.

"Hôm ấy, hai anh em chúng tôi đi xem một cuốn phim *Tàu Hỏa thiêu Hồng Liên Tự*.

Nội dung là một câu chuyện kiếm hiệp được dựng lên trong bối cảnh mà vua Càn Long lợi dụng các môn phái võ hiệp để đốt phá ngôi chùa Hồng Liên, một cú điểm quan trọng nhằm chống lại triều đình Mãn Thanh thời bấy giờ.

"Xong trận chiến, Cam Phượng Trì người anh hùng lỗi lạc, phái Nga Mi, lên đỉnh núi cao, nhìn xuống chiêm ngưỡng chiến công đã đạt.

"Anh rừng mình khi thấy bao nhiêu bạn bè anh đã bị tàn sát. Buồn rầu quay gót phi thân lên ngọn núi lấy đà dùng thuật phi hành bay mãi lên cao cho đến khi mất dạng.

"Một nữ hiệp sĩ là Diệp Tiểu Thanh, vốn yêu mến anh chạy theo tìm. Tiếng nàng gọi : *Phượng Trì, Phượng Trì...* vang dội khắp nơi mà con phượng hoàng vĩ đại đó không quay lại".

Hai tiếng *Phượng Trì* ám ảnh anh Trí một cách kỳ lạ say đắm, đến nỗi đêm sau Anh đi một mình xem chiếu lại. Anh xuýt xoa khen ngợi liên mấy hôm. Anh nói "Phượng Trì, cái tên thật là tuyệt, nghe như bay lên ! Bay lên cao ! Hay quá".

Hai tiếng đó đã tạo cho Anh một ý niệm bay về trời mà trong bài thơ *Ave Maria* ở đoạn cuối, Anh lặp lại bốn lần, một cách gần bó ước ao tha thiết.

*Phượng Trì, Phượng Trì, Phượng Trì, Phượng Trì*  
*Thơ tôi bay suốt một đời chưa thấu.*

*Thơ tôi bay đến bao giờ mới đậu.*

*Trên triều thiên ngời chói vạn hào quang.*

Đoạn cuối bài thơ này, anh Trí đã phỏng theo bài hát rất quen thuộc hồi đó trong nhà thờ. Bài *Au ciel ! Au ciel !* (Cantiques de la Jeunesse) mà cũng là bài hát trong gia đình, cha tôi đã dạy các con hát với cây đàn harmonium nhỏ.

Bài **AU CIEL, AU CIEL**

Couplet : *J'irai la voir un jour*  
*Au ciel dans ma patrie*  
*Oui j'irai voir Marie*  
*Ma joie et mon amour.*

Refrain : *Au ciel, au ciel, au ciel*  
*J'irai la voir un jour*  
*Au ciel, au ciel, au ciel*  
*J'irai la voir un jour*

(Đại ý : trên trời nơi quê hương tôi, tôi có ngày gặp lại mẹ Maria, niềm hoan lạc và yêu mến của tôi). Anh có vẻ rất thích chí, khi tìm được hai chữ "*Phượng Trì*" để thay thế "*Au ciel, au ciel*" mà Phượng Trì lại rất gần gũi với biểu tượng Phượng Hoàng của Anh, âm điệu lại nhịp nhàng ăn khớp với bản thánh ca nhịp 6/8 đó.

\*

Khẩu khí Phụng Hoàng được ông Trần Thanh Mai cho là siêu phẩm tiên cốt. Nói về lối dùng chữ của Hàn Mặc Tử ông Mai viết :

"Tài nghệ diễn tả ấy sở dĩ tài tình là vì thi sĩ có một khoa dụng ngữ tuyệt phẩm dồi dào. Nó dung hòa được danh từ xưa và nay, những ngôn pháp Á và Âu, lại ảnh hưởng ở cả hai nguồn văn hóa Phật giáo và Thiên chúa giáo".

Anh thỉnh thoảng đưa vào thơ những chữ mà người đọc bất thần bị lúng túng, nếu không đọc trọn bài thơ để nắm vững ý chính của Anh.

"Anh dùng cả Dao ly, Đâu suất hay Nga quý của Phật giáo trong câu :

... Bay từ Dao ly đến trời Đâu suất...  
Đang Nga quý phơi nhiều trong gấm vóc  
Bước êm ru như hoan lạc mới đưa...

Anh còn dùng cả những danh từ Đâu số, đưa vào các bài thơ Anh mà ý nghĩa đôi khi rất ngộ nghĩnh, chẳng hạn như trong bài thơ :

### TRƯỜNG THỌ

... Đưa tay vợ cùng cầm nguyệt mệnh mang  
... Chan chứa ý ly tao gây sảng sốt  
Chế Lan Viên quỳ dâng tràng chuỗi hạt  
Cầu khúc tình hằng chiếu mạng người thơ

Đọc bài này, tôi không nên cười được : "À, Anh lại lộn xộn rồi ! "Chế Lan Viên quỳ dâng tràng chuỗi

hạt ? Chuỗi gì đây mà lại cầu nguyện với tử vi đẩu số ! Anh tính chuyện bắt cá hai tay sao ?"

Anh cười lớn : "Dâng tràng hạt đủ rồi ! Cầu với ai cũng được".

(Khúc tình là hai sao Văn Khúc, Vũ Khúc thuộc cánh văn chương uy dũng nổi danh quán thế của khoa Tử vi)

Cũng như khi anh viết bài *Ave Maria*. Anh cũng mở đầu bằng câu chào mừng :

"Như song lộc triều nguyên ơn phúc cả"

Đây là một lời chúc tụng đặc biệt Á Đông mà Anh táo bạo dùng để thay thế lời sớ thần Gabriel khi xuống truyền tin Thánh nữ :

"Kính mừng Bà đầy ơn phúc, Thiên chúa ở cùng Bà"

Anh Trí cho câu song lộc triều nguyên cũng có một ý nghĩa cao trọng như thế mà lại còn có màu sắc Đông phương, gần gũi hơn với dân tộc.

Thời bấy giờ, người ta cố đưa tinh thần dân tộc vào trong các lĩnh vực văn chương mỹ thuật để dần dần tiến sâu vào mục tiêu chánh trị, xã hội.

Phong trào Thơ mới bành trướng mạnh mẽ trong hướng đổi mới đó và cụ thể hơn nữa là Trường thơ loạn của nhóm bạn bè Hàn Mặc Tử cũng muốn làm một cái gì cho dân tộc.

Tôi còn nhớ Sở kiến trúc Đông Dương cũng đã chuyển hướng về ý thức dân tộc Đông phương trong cái cách lại kiến trúc cho hòa hợp với Âu và Á. Một mẫu nhà rất được tán thưởng là kiểu "Eurasien" (Âu-Á) để thay thế cái kiểu mẫu của Pháp và châu Âu đang áp dụng.

Ngay cả trong hội họa, ảnh tượng Đức Trinh Nữ Maria ít còn rập theo mẫu của nước ngoài, mà được minh họa với nét và màu nhẹ nhàng trong bóng dáng một Người Mẹ Việt Nam hiền từ tươi thắm.

Bởi vậy cho nên, khi viết bài *Ave Maria* Anh cũng đã làm một *chútt cách mạng* bằng những ngôn từ đặc biệt mà Anh nói là *Kinh kính mừng riêng của Anh dâng cho Đức Mẹ Việt Nam*.

Bốn chữ "Song lộc triều nguyên" này Hàn Mặc Tử mượn trong khoa Tử vi đầu số có từ đời Đại Tống bên Tàu, nói về *Đại Quý cách* của người được Trời ban cho nhiều ân sủng cao trọng không ai bằng :

- Song lộc là *Hóa lộc* và *Lộc tồn* đều là Phúc lộc tinh.

- Hóa lộc nói về lợi lộc trần thế và vinh quang.

- Lộc tồn là sao Thiên lộc, lộc bởi trời vô tận, có một ý nghĩa thiêng liêng ơn phù trợ và cứu giải. Ngoài ra còn ban ơn thông tuệ và văn chương uyên thâm quán thế.

- Triều là hướng về, châu về.

- Nguyên là bản mệnh.

Hàn Mặc Tử rất thích bộ sao này, vì chính Anh cũng có bộ sao đó trong bản số. Mặc dầu không đặc sác lắm nhưng Anh rất hãnh diện và tin tưởng sẽ được nhiều ơn phù trợ bởi Trời.

Vì vậy mà lòng Anh tràn ngập nỗi vui sướng, hồ hởi như là đã được Mẹ nhận lời lòng biết ơn và yêu mến của Anh. (\*)

Sống bên cạnh Anh, hiểu biết tâm bệnh Anh, dò xét những trạng thái xuất thần của Anh, tôi hằng lo sợ không khéo Anh lại trở thành một "Tiên ông thiếu nét" nói ở trên chăng ? May thay Anh ngày càng minh mẫn và sâu sắc.

Phải chăng thân xác phạm tục Anh bị hủy hoại tàn phá, như phá đi một thứ rào cản, cho thần trí Anh được khai thông, mà hiện tượng tâm thần bệnh hoạn chỉ là những dây thần kinh bén nhạy giúp Anh rung cảm dễ dàng trước những hình ảnh tuyệt vời trong cõi mộng bao la mà bài *Ave Maria* đã ghi lại khi Anh lần hạt mân côi.

Những ngôn từ thế tục cũng được Anh nâng cao và thánh hóa như những lời chúc tụng cao trọng vì chính Anh cũng tự nhận là Thánh.

\*

(\*) Lược bỏ một đoạn nhiều trích dẫn (VT.N.)

Ngoài kỹ thuật vay mượn từ ngữ xuất xứ từ nhiều nơi, hoặc do cảm nhận một ý niệm, Anh Trí còn tế nhị và sâu sắc trong lối thơ tả tình.

Thơ Anh tuy say sưa lai láng nhưng dùng chữ rất khéo léo, sắp xếp thật rõ ràng để đánh giá mỗi bài thơ, mỗi mối tình cho khác biệt nhau. Ở Hoàng Hoa thì Anh tình nghĩa rụt rè, thật thà trong *Hồn cúc*

*Khăn áo hôm nay tề chỉnh quá  
Muốn ôm hồn cúc ở trong sương*

Ở Mộng Cầm, quen thuộc trong bài : *Say nắng*

*Hồn tôi mắc cỡ là vì  
Không quen thường thức cái gì ngất ngây*

Ở Mai Đình, suồng sã hơn :

*Nàng, ôm nàng hai tay ta ghì chặt  
Ôi ! Khoái trá...*

Ở Thương Thương, cảm nghĩ trần tục được chuyển qua tình tứ của hoa lá suối chim, mà hình ảnh vẫn dựa vào cảnh trí đã sống qua.

Dựa vào Mộng Cầm :

*Suối reo : Mát tê đi như da thịt nàng dâu  
Cởi xiêm cởi áo ra nào.*

Dựa vào Hoàng Hoa :

*Chim hót : Chim ơi hót khúc tương giao  
Có người thực nữ lần vào thiên thai*

Dựa vào Mai Đình.:

*Chàng : Em là hoa mười phương  
Anh là mây tứ xứ  
Gặp nhau ở cạnh tường*

Tưởng tượng về Thương Thương (có vẻ huyền hoặc)

*Thương Thương em, trời cho ta kỳ ngộ  
Nói cho ra thần diệu mà vàng bay.*

\*

Một trong những dây thần kinh (nói là bệnh hoạn đó) rất bén nhạy về âm nhạc.

Thơ Anh viết ra, lời thơ ngâm lên như điệu nhạc.

Ông Trần Thanh Mai cũng nhóm bạn thân gần Anh, đều công nhận như thế. Có nhiều người bạn ngâm thơ hay như một bài ca nhạc, chú Hiếu, em tôi cũng nổi tiếng ngâm thơ Hàn Mặc Tử rất hay.

Ông Mai còn nói : "Nhạc trong cả lối đàn chữ, trên mặt giấy cũng giống y như những dấu hiệu trên bản đàn.

"Trong các bài thơ ca của Hàn Mặc Tử, không có bài nào không giống theo âm nhạc.

"Mặt khác, thơ tám chữ của Anh được lựa chọn theo kỹ thuật ngắt quãng ở chữ thứ ba, đều thuộc trường bình thanh hoặc đoản bình thanh. Vì vậy, thơ Anh nghe như nhạc.

"Riêng về phương diện nhạc trong thơ, Anh đã ảnh hưởng to lớn đến làng thơ Việt Nam".

Thường có những bài ưa thích, Anh Trí hay ngâm lên giọng trầm buồn, khi thì xuýt xoa tha thiết, khi thì đều đều như tụng kinh.

Có lẽ Anh ngâm theo gương tượng một bản nhạc Huế cổ điển quen thuộc mà Anh rất ưa thích, thường bảo tôi đàn cho Anh nghe với cây đàn nguyệt trong nhà.

Tuy Anh không biết đàn, nhưng rất thính tai, nghe được cả âm ba của tiếng đàn nguyệt khi giao thanh nổi điệu. Nhất là trong hai bản Nam Ai và Nam Bằng, đặc biệt là bản Nam Bằng mà Anh say mê kỳ lạ.

Nam Bằng là bản cổ nhạc Huế, được tương truyền do một cung nữ theo hầu Công chúa Huyền Trân dời Trần vào làm dâu Chiêm quốc, sáng tác phỏng theo âm điệu Khơme của các sư sãi đã tấu lên trong lễ nghi phụng vụ ở đền Vua.

Âm điệu nhịp nhàng, lơ lửng như giọng "Khèn", khi thì trầm vọng như Hồ Huyền, rồi rạc và đều đều như tụng niệm gần xa.

Thời bấy giờ, hai bản Nam Ai và Nam Bằng được ưa chuộng nhất ở miền Trung do hai cô Nhon và cô Dung (quen gọi là "Mẹ Dung" đơn ca).

Một người Đức, chủ hãng đĩa hát Béka thường hay ra Huế thu âm các bản ca Huế gọi về nước.

"Mẹ Dung" (không biết có phải thuộc hoàng tộc hay không) nổi tiếng với bản Nam Bằng, người Quảng Trị, trong bài ca *Nước non ngàn dặm ra đi*, giọng hơi đục đục rất trầm, khiến nhiều người nghe say đắm, trong số đó có anh Trí.

Nam Bằng khác với Nam Ai ở chỗ không là lướt trũ tình mà lại nghe như niềm tiếc hận xa xưa, vì vậy khó đàn cho hay.

Thời ấy, ít người đàn được xem là tuyệt kỹ, ngoại trừ Cả Soạn có thể xem là mẫu mực, còn lại Đội Trác và Tôn Út là hai cây đàn nguyệt theo được giọng ca cô Dung.

Bản đàn theo nhịp ba, ngón tay trên phím chỉ nhấn nửa vởi để lướt vởi âm hưởng qua phím khác, mà vẫn giữ nguyên âm bình thường.

Tiếng đàn vì vậy nghe hơi "dụng" như nhạc nôm, không *gấp* nhưng không lơi.

Nhiều đêm đang ngủ, anh Trí gọi dậy : "Bây giờ yên lặng, đàn vài bản chơi Tin nghe". Anh thường nói : "Tao thích bản Nam Bằng. Nghe nó như sống lại với dân Hời trong ghen ngào tiếc hận" rồi anh ngồi thừ ra, im lặng để tận hưởng hết âm thanh.

Về sau, Anh có ghi nhận những cảm xúc đó trong bài *Đàn ngọc* bài thơ tám chữ, ngắt quãng ở nhịp chữ thứ ba.

. . . . .  
 Rồi muôn xuân, đã nưt chiều thốn thức  
 Đều run lên, như thể tấm hồn mơ  
 Ai reo chi, thương tiếc giữa đường tơ  
 Cho lỡ dở vang lên từng tiếng nấc.  
 Nguồn ánh sáng lơ đi trong sự thực  
 Trong ảo huyền và trong cả mê ly  
 Ai nở nào cất nghĩa tới hàng mi  
 Là ứ lại là trào ra nước mắt  
 Bằng trăm tiếng vẽ ra trăm màu sắc...

Có lẽ anh đã thực sự bị ảnh hưởng trầm buồn của bản nhạc Nam Bằng, mà Anh nghe hơi hám nhạc Hồi.

Đã vậy mà hai tiếng Châm hay Hồi cũng dễ  
 đụng chạm đến cảm xúc sau đó. Anh nói : "Hoan  
 có cái tên cũng hay, nghe hơi Châm", chắc vì vậy  
 mà anh ưa Chế Lan Viên và hay gọi anh là Chế  
 Bằng Hoan.

Do đó, lối thơ 8 chữ, có chỗ bắt nguồn từ điệu  
 Nam Bình mà "hồi" bình thanh nghe cũng "đụng"  
 như nhạc Hồi.

Đây, vườn trắng, tình càng lên muốn dứt  
 Thương toàn thương, đương vậy muốn dây hường.

. . . . .  
 Nhạc điệu trong thơ tám chữ của bài *Trùng  
 tượng tư* mà chú Hiếu hay ngâm lên như bài ca nhạc,  
 Anh rất thích.

Hiểu gì không ý nghĩa của trời thơ  
 Của hương hoa, trong trắng lờn lợt bày  
 Của lời cảm muôn vì sao ấy nấy  
 Hiểu gì không, em ơi, hiểu gì không ?

. . . . .  
 Cho nắng hường vấn vương muôn ngàn sợi  
 Cho em buồn trời đất ứa sương khuya  
 Lệ Kiều ơi, em còn giữ ý thơ  
 Trong đôi mắt mùa thu, trong lẻo lẻo.  
 Ở xa xôi, lặng nhìn anh khô héo  
 Bên kia trời, hãy chụp cả hồn anh.

. . . . .  
 Một khối tình, nước nở giữa âm u  
 Một hồn đau rã rời theo mây khói  
 Một bài thơ, cháy tan trong nắng dội  
 Một lời run hơi hóp giữa không trung

\*

## 2. BỆNH NAN Y

Khoảng đầu năm 1935, khi anh Trí từ Sài Gòn  
 trở về Quy Nhơn, trông Anh có vẻ trắng trẻo đẹp  
 ra, nhưng nhìn kỹ thì bên má trái, có nhiều đám đỏ  
 hồng hồng bằng đồng xu.

Ban đầu không ai để ý, nhưng một hôm Anh  
 thay áo, Mẹ tôi trông thấy phía sau lưng có nhiều  
 chỗ nổi dát đỏ như vậy, trông như dị ứng khi ăn  
 phải các thứ tôm cá có độc mà vốn Anh không hề  
 ăn được.

Bà cụ hỏi những vết đỏ có từ bao giờ, anh bảo không hề lưu ý, nên không biết đích xác. Thật ra, những vết đỏ khi ẩn khi hiện.

Hỏi anh Bửu Đông, anh cho là dị ứng, một thứ phong máu (allergie) gì đó, thế rồi cũng bỏ qua.

Tuy nhiên, mẹ tôi linh cảm có chuyện chẳng lành. Bà vặn hỏi mãi thì Anh kể chuyện có hôm cùng người bạn đi chơi Phan Thiết, gần tối băng qua một cánh đồng, thì gặp phải cơn mưa dông dữ dội. Sợ hãi quá, cùng vào ẩn trong một chòi tranh đổ nát. Hồi lâu, mưa tạnh toan ra đi, thì thấy nhiều quả cầu lửa xanh từ dưới đất phọt lên, bay lơ lửng. Bấy giờ mới nhận ra đang ở trong nghĩa địa, cái chòi gần bên nắm mả mới.

Bà cụ hỏi anh về nhà có xông tắm gì không. Anh nói quên khuấy đi vì vội lên xe về Sài Gòn.

Mọi người nghĩ là Anh bị mắc hơi dưới mộ.

Tuy lo thì cứ lo vậy thôi, không biết phải làm gì được vì đã lâu rồi.

Mấy tháng sau, những dát đỏ hơi sưng lên, như những đám ngứa sưng sưng mà người ta gọi là mề đay (Urticaires).

Mẹ tôi đâm lo, mời ông đông y sĩ có danh là Thầy phụ tử (nổi tiếng nhờ dám bốc một thang thuốc có một lượng phụ tử là điều cấm kỵ trong nghề thuốc).

Mẹ tôi tin ông giỏi vì đã cứu sống chị Như Lễ khỏi bệnh thương hàn đã "nhập lý" mà nhà thương Pháp chạy.

Ông đến bắt mạch cho anh Trí nói anh bị chứng phong. Chữ *phong* trong Đông y nhẹ thì gọi là phong sang (ghê ngứa v.v...) nặng là phong hủi, cũng đều là máu có chất độc. Đông y thường gọi *Phong, lao, cổ, lại* tứ chứng nan y.

Uống mười thang bổ huyết khu phong, vẫn không thuyên giảm.

Cuối năm, lại thấy hai tai Anh, thùy châu bắt đầu ứng đỏ. Triệu chứng phong đủ nặng, nhưng Anh vẫn cảm thấy bình thường. Cả nhà bắt đầu lo sợ, nhưng không ai nói gì cho Anh biết.

Cũng trong thời gian đó, con trai nhà triệu phú họ Tạ, cùng lứa tuổi với Anh đang có nhiều triệu chứng phong rõ ràng như hai tai dày, mũi lớn phồng và hai môi sưng vếu.

Cả nhà đều giấu nhem không cho anh Trí hay.

Anh Bửu Đông lấy máu ở tai, ở mũi đem về bệnh viện phân tích vì anh Đông phụ trách phòng thử sâu (Bactériologic) cũng không có Hansen, một thứ trực khuẩn có tên gọi là *Mycobactérium Léprac*, gây ra bệnh cùi, nhưng lại khó lây, thầy dạy của BS Hansen đã thí nghiệm tự chích Hansen vào máu mà không việc gì.

Phần anh Trí vẫn vui vẻ, bạn bè thường quây quần lui tới ngâm vịnh thi ca, lúc bấy giờ tại số 20 đường Khải Định. Đông đảo nhất là từ giữa năm 1936 có vẻ như các bạn anh cũng không quan tâm gì.

Cuối năm ấy Anh hồ hởi xuất bản tập thơ *Gái quê* và đi lại nhiều lần giữa Sài Gòn, Quảng Ngãi, Huế.

Ở Sài Gòn về, Anh cho biết bà Bút Trà mời Anh vào chủ biên tờ *Phụ nữ Tân văn* sắp xuất bản. Anh có vẻ vội vã nôn nóng lạnh bệnh.

Mẹ tôi phải mời một thầy ngoại khoa tiếng tăm ở Gò Bồi xuống chữa cho Anh. Ông xem mạch cho và bán một tể thuốc, dặn dò cẩn thận phải uống đúng liều lượng, vì thuốc mạnh lắm.

Được nửa tháng, các vết đỏ biến mất gần hết, chỉ còn hai thùy châu ửng đỏ thôi.

Anh Trí rất tin tưởng, bắt đầu nói chuyện làm báo. Anh gởi thơ cho bà Bút Trà, hẹn ngày vào nhận việc.

Vì vậy, anh càng nôn nóng muốn rút ngắn thời gian uống thuốc để kịp vào Sài Gòn.

Bỗng một hôm, đang ngủ, Anh cong người lên ngã xuống đất. Cả nhà hoảng sợ, nhưng anh vẫn bình tĩnh, xem như không việc gì xảy ra. Hồi ký, Anh thú nhận đã uống gần gấp đôi liều lượng quy định để cho mau hết tể thuốc.

Vội mời ông thầy Gò Bồi xuống, ông bảo phải đưa Anh lên Gò Bồi để ông chăm nom, nhất là Anh bị thuốc công phạt nên trông tiêu tụy rõ hơn.

Từ đó bệnh Anh như cầm chừng lại. Anh ăn rất ít và gầy sút đi trông thấy.

Năm sau, tôi phải dời lên Đà Lạt và ở luôn trên đó chỉ thỉnh thoảng năm, ba tháng mới về thăm, nên không theo dõi được diễn biến bệnh trạng.

Bấy giờ Anh lại trở về Quy Nhơn để uống thuốc một ông Đông y sĩ chính cống khác. Ông này bảo nội tạng anh hư hỏng nặng cần phải nghỉ ngơi để bồi dưỡng.

Thuốc ông cũng công hiệu. Trong sáu tháng, Anh có da thịt lại. Thấy Anh đi hơi khập khiễng, tôi hỏi, thì Anh bảo đau nhức nơi đầu gối. Có lẽ suốt thời kỳ Anh đau, đây là lần thứ nhất tôi nghe Anh kêu đau vì nhức nhối.

Hậu quả, thuốc Gò Bồi đã làm Anh đau nhiều chỗ nữa mà ông Đông y cho là độc dược luyện bằng nọc độc rắn mai gầm, rắn hổ.

Kinh tế gia đình, bắt đầu bấn loạn. Mỗi tháng tôi phụ thêm ba mươi đồng mà vẫn không đủ.

Thuốc đắt mà giao tế cũng tốn kém rất nhiều. Khi thì xem mạch uống đôi ba thang, lại đổi thầy khác. Đó là chưa nói "chuyện phải chăng" với ông Lý trưởng, với Cò bót, vì lâu tiếng anh Trí có bệnh truyền nhiễm.

Vậy mà hể nghe nói có thầy hay ở đâu là mẹ tôi cho mời có khi chữa vài tuần, có khi vài tháng lại bỏ dở.

Gia đình tôi lại phải dọn về đường Oden d'hall để tránh dòm ngó của nhà chức trách.

Tuy anh không đau đớn lờ lỏi, nhưng thân thể gầy sòm đi, nước da thâm nâu như tô lên thứ thuốc vẽ nước màu Sépia, chỗ đậm chỗ lợt. Người ta nhìn vào, không thể không nghi là bệnh lạ. Nhất là bạn bè hay lui tới bàn tán về Anh có thể lên tiếng gây dư luận bất lợi.

Thế rồi, một võ sư kiêm thầy lang, được ông Quách Tấn giới thiệu đến cho thuốc.

Uống thuốc của ông võ sư mấy tháng anh Tri nói không thấy đau nhức gì (như thường lệ, Anh trả lời ai hỏi Anh về bệnh trạng). Nhưng Anh lại không ăn uống gì khác, ngoại trừ món canh bầu Anh ưa thích vì nhẹ ruột.

Một hôm ở Đà Lạt về, tôi thấy mẹ tôi bán khoán với mấy vị thuốc mã tiền, phượng vĩ là hai vị có khả năng trục huyết bầm. Cuối cùng thì cũng cứ sắc cho anh uống.

Tôi mang mỗi thứ của thang thuốc vào Nha Trang, nhân dịp đi thăm bà con, để nhờ ông Bá Thảo Đường, thầy thuốc Tàu quen biết xem lại.

Ông này bảo ngưng ngay, khi tôi tả bệnh trạng của Anh Tri. Ông nói : "Thuốc này chỉ chữa trị cấp

thời các chứng bệnh bị đả thương, người yếu không thể dùng được, sợ khô hết huyết".

Những năm 1938, 1939, nhất là năm 1939, Anh đau dữ dội hơn hết. Tâm trạng Anh biến đổi nhiều mà tôi đọc được qua thơ Anh. Giai đoạn này, Anh sống nửa mơ nửa thực, thường hay xuất thần không biết gì. *Có lẽ nhờ vậy mà Anh không cảm thấy đau đớn chăng ?*

Theo lời em Hành kể lại, thì có nhiều giờ Anh ngồi im lặng trên ghế không cử động, nhưng khi bị gọi, thì Anh lại tỉnh táo như thường.

Anh đau ai cũng biết, nhưng không nghe Anh rên xiết vậy mà thơ Anh lại có nhiều lúc hoảng hốt lạ lùng, như bị một âm ảnh nào đó phá phách xô đẩy Anh khủng khiếp (\*).

Những khi di chuyển đó đây, trên bờ biển hiu quạnh, trong thôn xóm chợ vò, Anh không khỏi có lần phải hoảng sợ vì nhiều hình ảnh ma quái bám sát bên Anh, những đêm dài vô tận mà Anh ghi lại trong bài *Cô liêu*.

Hoặc một nỗi cô đơn dằng dặc mà Anh than thở trong bài *Những giọt lệ*.

Và có những lúc Anh ngất đi, mơ hồn lìa khỏi xác mà Anh kể lại trong bài thơ *Hồn lìa khỏi xác*.

---

(\*) Xin lược bớt các trích dẫn (VTN).

Tuy nhiên, trong những cơn mê loạn đó, Anh còn tìm được một lối thoát ra ngoài thực tại, để quên đi bệnh hoạn đang giày vò và để tìm lại cái tiên phong đạo cốt của Anh, của một trich tiên bị đày đọa.

Anh từng viết trong *Mộng và thực* : "Tôi đang đi trên con đường sáng láng, tìm thấy chân lý ngàn năm, mà hào quang của tinh tú, của ngọc ngà châu báu, trời tuôn xuống không biết hằng hà sa số nào... Như có một ma lực vô song, xô đẩy tôi đến bờ huyền diệu để vào một cõi vô hình..."

Ở nơi Hàn Mặc Tử, tâm trạng biến đổi dễ dàng từ thực qua mộng, mà phong thái thần tiên trong mỗi tình huyền hoặc với Thương Thương đã giúp sáng tác *Duyên kỳ ngộ* và *Quần tiên hội*. Lời thơ vẫn còn được xem rất thoát tục tình khôi cho đến ngày nay.

Và những khi từ mộng quay về thực anh Trí cũng vẫn thông dong nhân hạ mà bất cứ một nhà thơ lãng mạn nào cũng không thể tình tú say sưa hơn.

Khi mà hiện tượng đốn đau hốt hoảng trong các bài thơ rùng rợn như *Cô liêu*, *Những giọt lệ*, *Hồn là ai*, đã đi qua rồi, thì nhớ thương xa xôi lại trở về với Anh trong những vần thơ nhẹ nhàng tình tú, mà chỉ cần nhìn vào một phiến ảnh thôi.

Bài thơ : *Dây thôn Vỹ Dạ* là một chứng minh hùng hồn cho trường hợp đó.

Ý thơ dồi dào tế nhị như không hề bị ảnh hưởng của bệnh hoạn. Bức ảnh Hoàng Hoa gợi ý nhắc mời Anh về thăm mảnh vườn ai xanh mượt, có hàng cau tắm nắng sớm, có khóm trúc quý phái thanh cao nhất là có khuôn mặt chữ Điền đoan hậu mà các cụ ngày xưa khen "Diện phương tâm chính" và xứ Huế lâu đời vẫn đánh giá cao : "Mặt chữ điền tiền rưởi cũng mua".

Anh lại còn hóm hình hời : Có chờ kịp trăng về tối nay để bầu bạn cho Anh bớt cô đơn ?

Thời gian Anh sáng tác hai loại thơ nói trên, không xa cách bao nhiêu, trong một hoàn cảnh không thay đổi.

Cũng trong túp lều tranh xơ xác, dưới cây phượng vĩ tàn tạ, trên bờ biển hoang vắng xa xôi, mà cảm ứng của hai trạng thái tâm hồn hoàn toàn khác biệt nhau.

Đó là điều lạ lùng, chỉ có Anh mới sống được như vậy.

Tâm trí Anh từ ngày đau nặng, vẫn mơ ước thoát khỏi cái "ta" ghê tởm.

Anh luôn luôn bị cám dỗ bởi một giấc mơ huyền diệu hướng về trời, vượt ra khỏi không gian.

Ước mơ ngày càng mãnh liệt, và mỗi ngày lại gần hơn đến đối cảm thụ được trong bài :

## NGOÀI VŨ TRỤ

... Ra không gian là vượt hẳn thượng tầng  
Táp tới đến ở ngoài kia vũ trụ  
Nơi khí tượng bốc ngàn muôn tinh tú  
Nơi không cho hồn lai vãng quan chiêm  
Sáng vô cùng, sáng láng cả mọi miền  
Không u ám như cõi lòng ma quỷ  
Vì có Đấng hằng sống, hằng ngự trị  
Nhạc thiêng liêng đồn trời khắp huyệt linh

Tìm tới chốn chiêm bao ngoài sự thực  
Mộng là mộng tràn trề muôn vạn ức  
Tình thơm tho như ngấn lệ còn nguyên  
Ta ước ao đầu đội mũ triều thiên  
Vũ tẩm gội ở trong nguồn ánh sáng  
Cả những điệu ngọc vàng cao sang sang  
Lời vãng xa truyền nhiễm đến vô song  
Bầu hạo nhiên lồng lộng một màu trong  
Không rung động bởi tơ huyền não nức...

\*

Cuối năm 1939, Anh gầy hắc, nhưng đôi mắt còn linh hoạt như không đau yếu gì. Có nghĩa là Anh còn minh mẫn, cho nên Anh vẫn còn sáng tác mạnh.

Xem bài tặng chị Mai Đình, ý thơ sâu sắc, những từ ngữ Anh sử dụng diễn tả rõ ràng tâm trạng Anh.

Rồi đến thời kỳ Anh sáng tác *Duyên kỳ ngộ*, *Quần tiên hội*, thì lúc ấy Anh hoàn toàn thoát khỏi ràng buộc của bệnh hoạn.

Nhiều lúc Anh tỏ ra bình tĩnh, chờ đợi những gì sẽ xảy đến cho Anh, không còn buồn lo ray rứt gì nữa.

Khoảng tháng bảy năm bốn mươi tôi nghe có lệnh động viên những công chức còn trẻ. Có thể sẽ bị đưa qua Lào làm con đường chiến lược (Routes Stratégiques).

Tôi về Quy Nhơn đến thăm Anh một nơi hẻo lánh trên bờ biển. Anh ngồi trầm ngâm bất động nhìn ra khơi. Cây phượng vĩ đã gần hết hoa. Trên cát trắng một ít cánh hoa đỏ đang tàn héo...

Bỗng Anh quay lại trông thấy tôi, mỉm cười hỏi : "Về bao giờ đó ?" Giọng Anh vẫn đều đều, nghe như xa vắng từ đâu. Tôi nhớ lại câu hỏi Anh. Khi tôi vào Sài Gòn ghé lại con đường Espagne, chờ Anh về khuya. Anh cũng hỏi : Vào bao giờ đó. Cũng vẫn giọng nói đó, thanh âm đó. Không khác đi, không vui mừng hay buồn bã mà hai hoàn cảnh rất xa vời khác biệt.

Ở Sài Gòn là lúc Anh đang nở hoa trong lòng với Mộng Cầm.

Ở đây, Anh đang viết bài thơ :

## TRÚT LINH HỒN

Máu đã khô rồi thơ cũng khô  
Tình ta chết yếu tự bao giờ  
Từ nay trong gió, trong mây gió  
Lời thăm thương rền khắp nẻo mơ  
Ta còn trù mến biết bao người  
Vẽ đẹp sa hoa của một trời  
Đầy lệ, đầy hương, đầy tuyết vọng.  
Ôi giờ hấp hối sắp chia phôi.  
Ta trút linh hồn giữa lúc đây  
Gió sầu vô hạn thổi trong cây  
Còn em sao chẳng hay gì cả.  
Xin để tang Anh đến vạn ngày

Gió biển thổi vào nhẹ nhẹ, nhưng cũng lấy hết cánh hoa khô héo còn đeo đẳng trên cây. Nhớ lại câu thơ Anh :

Sao bông phượng nở trong màu huyết  
Nhỏ xuống lòng tôi những giọt châu

Thôi nhé ! Hoa phượng không còn rơi nữa đâu !  
Và tôi không cầm được nước mắt, vội lấy kính râm đeo vào.

Anh trông thấy nói lảng ra : "Lúc này Anh không lẫn hạt nữa, viết đã khó khăn lắm rồi". Trông Anh bình thản như kể chuyện kẻ khác. Không phải nói về Anh.

Da Anh đã khô cứng, nhưng hơi nhàn ở bàn tay, vì phải vận dụng sức để kéo các ngón khi cầm

muống ăn cơm. Bởi vậy, trông như mang chiếc "găng" tay bằng da thô xám.

Toàn hình thể như một xác ướp Ai Cập trong Kim Tự Tháp. Đó là hình ảnh cuối cùng tôi trông thấy Anh.

Trước đó, tôi có đến thăm bác sĩ G. Quàn đốc bệnh viện, mang biếu ông một ít hoa Đà Lạt. Ông giữ tôi lại nói chuyện.

Ông nói : Bệnh cùi rất khó phân biệt. Giới y học (thời đó) chưa biết rõ lắm. Tuy triệu chứng giống nhau, nhưng lại có nhiều thứ. Ông quả quyết bệnh cùi không thể lây dễ dàng được, đã có chứng minh của B.S Daniel Sen, thầy dạy của nhà bác học Arnauer Hansen.

Ông buồn rầu nói tiếp : "Anh ấy (anh Trí) không thể sống lâu hơn được nữa, mặc dầu kinh nghiệm ở các trại cùi, không có ai chỉ đau có mấy năm mà chết được. Anh ấy bị nội tạng hư hỏng". Rồi giận dữ : "Ces Charlatans l'ont tué (Bọn lang băm đó, đã giết chết anh ấy)".

Tôi ngó lời cảm ơn và cáo từ. Ông nói : "Tôi rất tiếc". Có vẻ như ông trách gia đình tôi không đưa Anh đi bệnh viện sớm hơn để chạy chữa.

(Tôi nghi ông nói đúng, vì tôi cũng biết có nhiều người chạy chữa công khai, không có mặc cảm thể thống tiếng tăm nên đã lành bệnh. Có lẽ mẹ tôi quá

tế nhị về điểm này. Cũng có thể là cụ không nỡ để Anh có cảm nghĩ về bệnh nan y của Anh bị ruồng rẫy).

Khi tôi nói với Anh Trí, tôi có thể bị đối qua Lào, chắc còn lâu mới trở về được, và hỏi Anh về số bút tích của Anh mà tôi đã dồn lại ở nhà, sẽ giao cho ai lo xuất bản. Anh mỉm cười phớt lờ : "Thôi em đừng lo, em lo nhiều rồi, Anh không muốn làm phiền em... À, mà còn chút này, là cho Anh một pho tượng Đức Mẹ ban ơn bằng thạch cao. Anh ước ao lâu lắm rồi" (Đức Mẹ ban ơn có hình dáng cúi xuống đưa hai tay như nâng đỡ). Có lẽ Anh nhớ về câu thơ của Anh.

*...Toan ngất đi trong cơn mê khoái lạc  
Mẹ dấu yêu liền vội đến tay nâng...*

Tôi nói : "Ồ Việt Nam không có mẫu tượng đó, phải gọi mua ở Pháp. Để có dịp đi Sài Gòn tìm thử".

Thấy tôi buồn bã, Anh cười triết lý : "Đằng nào thì cũng phải đến đó. Cầu nguyện cho Anh với... Nghĩ lại mình cuồng dại quá, đã bỏ phí nhiều thì giờ vô ích, chạy theo những cái mà mình phải bỏ lại". Rồi Anh cười vui vẻ.

Anh càng bình tĩnh, lòng tôi càng chua xót, không cầm được nước mắt, vội vã ra về như chạy trốn, mà lòng tan nát. Nhớ lại mấy câu thơ Anh viết :

*Ôi ngông cuồng, ôi rồ dại, rồ dại !  
Ta đi thuyền trên mặt nước lòng ta  
Ôi ngông cuồng, ôi rồ dại, rồ dại  
Ta cắm thuyền chính giữa vũng hồn ta.*

\*

Tháng 9 năm ấy, tôi nhận được thư chú Hiếu báo tin : Anh Bửu Đông đã đưa Anh Trí vào nhà thương Quy Hòa, có mẹ tôi và em Hành đi theo.

Anh Đông và thầy Hứa Chánh văn phòng bệnh viện ra tiễn và trao hồ sơ bệnh lý cho tài xế. Anh Trí còn đùa : "Tập hồ sơ mỏng quá". Anh Đông cười : "Cậu có đau gì đâu mà ghi cho nhiều".

Thế là hết !

Về sau tôi còn hỏi anh Đông : "Có thật đã tìm thấy vi trùng Hansen không ? " Anh nói : "Cậu Trí vô phương rồi, không còn hy vọng gì nữa... mà... không có vi trùng ai cho vào nhà thương Quy Hòa".

Sau lễ đình chiến, tôi xong công tác sở, trở về Đà Lạt, nhận được điện tín nhà báo tin Hàn Mặc Tử qua đời hôm lễ.

Điện đánh về sở, tùy phái mang về nhà cho tôi đã chiều tối. Tôi không thấy xúc động bằng khi tôi đến thăm Anh ở Gành Ráng.

Hình ảnh tàn tạ của Anh, từ đó tôi mang theo mãi, nên không thể hình dung những gì khác hơn được nữa.

- Ngồi trên chiếc ghế đá bên bờ hồ, tôi cố nhớ lại một bài thơ nào của Anh, một cử chỉ, một lời nói của Anh cho thấy mối quan hệ giữa Anh và gia đình, nòng nọc nở ra sao, thật khó mà tìm thấy rõ rệt.

Có điều không quên được một lần, Anh biểu lộ hân hỷ vui mừng một cách bộc trực, khi mẹ và tôi đồng ý giao tiền cho Anh in tập *Gái quê* thì Anh ôm tôi hôn thắm thiết rồi đi tìm hôn mẹ tôi náo động cả lên.

Làm sao mà giận Anh được. Đối với Anh *thơ là trên hết*. Đêm nay Đà Lạt tháng chạp, trời quang sáng, nhưng sương xuống nhiều trắng mờ đi, tôi nhớ đến bài thơ *Đà Lạt trắng mờ* :

*Đây phút thiêng liêng đã khởi đầu...*

Quả thật, Anh đã đi vào cõi thiêng liêng, không còn bận bịu gì ở trần thế. Theo tôi, thì Anh đã chết lâu từ ngày ngoài bờ biển và đã vào cõi *thiên liêng của riêng Anh* rồi.

*Xin thứ tha những câu thơ tội lỗi,  
Của bàn tay thi sĩ kẻ lên trăng.*

\*

Anh Trí mất đi, để lại cho tôi một bốn phần thiêng liêng quá lớn đối với bạn bè thân hữu, mà ân tình, ân nghĩa còn ràng buộc lâu dài.

Nhân viết lại thiên hồi ký này, tôi ước ao gởi đến những thân hữu của Anh còn sống hay đã quá vắng, đã từng giúp đỡ viếng thăm Anh tôi, trong nhiều năm bệnh hoạn nghèo nàn, đặc biệt những người bạn cũ con đường Khải Định Quy Nhơn một tác lòng tri ân trong tập sách này cho đến đời sau mãi mãi.

Nhớ đến em Phạm Hành, tôi chân thành kính cảm tạ ơn chú Phạm Thân tôi đã để em ở lại bên cạnh Anh Trí, thay thế tôi mấy năm làm việc xa nhà.

Tôi xin dành trọn một chương sau đây để ghi nhớ công ơn và tình nghĩa của em Hành tôi.

## CHƯƠNG VI

### PHẠM HÀNH

"**C**hú tiểu đồng mà các bạn hữu Hàn Mặc Tử thường hay nhắc đến tên trong các tập Hồi ký về nhà thơ bất hạnh là Phạm Hành.

Em Hành sinh năm 1924, con thứ ba chú ruột tôi là Phạm Thân, vào Quy Nhơn ở với chúng tôi để đi học từ năm 1934. Mẹ tôi rất thương, thường đem em đi chơi, câu cua ở cầu Đá giải khuây sau khi anh Mộng Châu qua đời.

Cuối năm 1937, khi tôi đổi lên Đà Lạt làm việc, chú Thân vào thăm anh Trí, lúc bấy giờ đã đau

nhiều rồi, trong nhà lại vắng người, không ai săn sóc Anh. Chú bảo em Hành nghỉ học ở nhà giúp đỡ Anh Trí. Chú rất thương anh Trí, vì Anh giống Ông nội hơn hết mọi người trong gia đình.

Từ đó Hành ở luôn luôn bên cạnh Anh, đi với Anh khắp nơi từ Gò Bồi xóm Tấn cho đến Gành Ráng xóm Động, chỗ nào cũng có Hành : khi thì giúp Anh tắm giặt, mang cơm nước, mua báo, đem thơ, chú không nề hà khó nhọc mà lại vui vẻ vô tư.

Cái thích thú nhất của Hành là được đi xe đạp. Cho nên bất cứ đi đâu xa gần, cũng đều là dịp để đi xe thoải mái mà không sợ bị la rầy.

Cho đến nay, chú vẫn còn nhớ rành mạch những kỷ niệm đi câu cua với bác, những lúc trốn học đi tập xe đạp mà chú hay khoe khoang cái chuyện chú bay xe xuống suối tiên mà không việc gì.

Hôm ấy (Anh Trí đã vào Quy Hòa) mang cơm cho Anh. Khi đổ xuống dốc đến một đoạn khá nguy hiểm, xe không thắng, chạy như bay, chú đang thích thú bỗng bánh xe trượt phải hòn đá, cả xe và chú đều bay xuống suối Tiên, nằm ngay khúc quanh dưới dốc. Chú kể lại : "May quá xe không bị gãy, chỉ móp mép cái gà mèn, đồ ăn văng mất hết. Vậy mà về nhà chị Ba (chị Nghĩa) chỉ cốc có mấy cái thôi, chú cười vui vẻ (cũng đau mà cũng thích). Rồi chẳng có vẻ gì giận lấy.

Hôm sau vào Quy Hòa kể lại, Anh Trí lo sợ hỏi : "Em có bị thương không ?" Hành cười ha hả. Thế là anh em cùng cười vui vẻ, không màng chi chuyện ăn uống.

Hành thường cho tôi biết, Anh Trí không lo chi ăn uống. Một soong canh bầu, hay cá liệt kho nước là đủ rồi. Chị Lê thỉnh thoảng cũng gỏi thịt cá cho anh. Nhưng Anh bảo Hành ăn hết đừng nói lại với ai.

Theo Hành kể : Anh Trí cả ngày chỉ viết luôn tay nếu không thì đọc sách, rồi ngâm thơ, hết ngâm thơ lại ngồi yên lặng cả giờ như ngủ, mà không phải ngủ, vì hễ gọi thì Anh mở mắt ra tỉnh táo ngay.

Có lần Hành thấy Anh lần hạt, nhưng không nghe thấy Anh cử động hay đọc kinh. Cứ thế mà ngồi giờ này sang giờ khác.

Anh Trí thường hay gởi thơ. Gởi thơ và nhận được thơ là hai niềm vui lớn của Anh.

Không có tuần nào Anh không gởi thơ, cho nên tem và phong bì là nhu cầu tối thượng của Anh.

Hành kể lại : Một lần Anh để mất dấu mấy con tem, tìm suốt ngày không thấy. Anh thù người ra, buồn bực đến không ăn cơm. Bác gái thấy vậy hỏi, Anh lặng thinh không nói gì. Nhưng Hành biết Anh sợ chị Ba (Nghĩa) sẽ không cho tiền mua tem, vì chị ấy rất khó tánh. Và lại chị cũng không quan tâm đến chuyện viết lách của Anh. Cho nên Anh Trí quý tem như vàng, mà ở trong nhà không ai nghĩ đến.

Chú Hiếu cũng gần như thế. Không hề biết Anh nhận được thơ ai gởi thơ cho ai "đó là việc của Hành" chú nói vậy vì tự cho là được "*miễn dịch*" vì chú đau tim từ ngày Hoa Kỳ ném bom đánh quân đội Nhật Bản ở Quy Nhơn.

Thỉnh thoảng có bạn bè Anh Trí đến chơi thì chú chỉ có một việc là ngâm thơ thôi. Ngoài ra đi đánh cờ tướng và không lý gì đến việc nhà nữa.

Cho nên, Anh Trí chỉ nhờ có Hành. Tâm sự của Anh chỉ có Hành là thông cảm, và chia sẻ nỗi khó khăn của Anh.

Hành thường kể lại : Mỗi lần được tiền Đà Lạt gởi về là Anh Trí mừng lắm. Thế nhưng Anh chẳng dám hỏi chị Ba. Chỉ thấp thòm chờ chị đưa cho mà thôi. Mà mỗi tháng Anh mới được một lần vui như vậy, để tha hồ mua giấy mực tem thơ.

Bây giờ, tôi mới biết tại sao, mỗi lần về thăm nhà, Anh Trí thường nhờ nhẹ xin vài đồng.

Quả thật tôi không hề nghĩ đến tình trạng đó.

Ngay cả khi đã vào Quy Hòa rồi. Anh cũng còn viết thơ cho tôi mà chỉ xin có hai đồng bạc. Một đoạn thơ Anh viết rụt rè... Em gởi *ngay* cho Anh... nhưng đắn đo thế nào đó (tội nghiệp quá !) Anh lại xóa chữ *ngay* đi. Đã vậy mà bức thơ đó gia đình để nhờ chuyển lên Đà Lạt, vẫn còn nằm tại nhà cho đến khi Anh qua đời rồi, tôi trở về Quy Nhơn mới được đọc. Thâm chưa !

Năm mươi năm rồi, mỗi lần giở lại bức thơ, mà **mới** đã đọc quá nửa, lòng tôi xốn xang khó tả đến **không** cầm được nước mắt. Cứ nghĩ đến ngày dài mòn mỏi mà Anh chỉ chờ đợi có hai đồng bạc. Ôi ! Anh tôi.

Bởi vậy, Hành rất thương yêu Anh Trí, vì biết rõ Anh khổ sở mà không thổ lộ được với ai.

Những năm Anh đau nặng, bạn bè năng đến an ủi Anh, chuyện trò cho Anh vui, khi thì ngâm thơ, nói chuyện làm báo khiến Anh nói chuyện say sưa quên cả bệnh hoạn.

Hành vẫn còn nhớ tất cả bạn hữu của Anh, nhất là những người thường gặp ở số 20 Khải Định, nhưng nhớ tên có một người đó là anh "Anh" người Huế, thường đến hơn hết và cùng ngồi lâu hơn hết với Anh Trí.

Hành tả lại từng người : Có anh cao to lớn như tây, có anh nhỏ thó hiền lành như học trò, thường mặc áo dài đen. Có anh còn trẻ mà bên má có mấy sợi râu dài v.v...

Cũng có một vài người lâu lâu lại đến, nghe nói ở Huế vào hay ở Sài Gòn ra. Hành cũng không quên một anh có cái đầu to, nói oang oang mà thích ngâm thơ Anh Trí.

Bạn gái cũng có đến thăm, Hành nhớ có một cô còn trẻ lắm, nghe nói ở Hà Nội, đến xin gặp mà Anh Trí đóng cửa phòng lại không ra, cô này năn

ni mải, xin nhắm mắt lại để được nói chuyện với Anh thôi.

Thế rồi, cô đó cũng lại đến ngâm thơ với Anh. Hình như cô viết báo, mà lâu quá chú không nhớ tên.

Những khi đi ở riêng trong thôn xóm, có người hiếu kỳ hay hỏi Hành : "Thầy đó đau chi mà ốm vậy có lở lói chi không ?"

Hành kể lại : Em cũng không biết Anh Trí đau chi. Người Anh khô đi. Em trả lời không đau chi hết. Cũng không thấy lở lói chi. Mỗi lần thay áo, chỉ thấy da thịt Anh bầm đen hơi hơi.

Theo Hành nhận xét thì các ngón tay hơi cứng đơ một chút vì Anh viết nhiều quá tay cứng đi, khó khăn co lại mỗi khi Anh cầm muỗng ăn cơm. Hành nhận xét quá đơn sơ về bệnh trạng Anh, nên không hề nghĩ Anh đã mang ác bệnh.

Chú nói : Anh Trí rất chịu khó uống thuốc. Có lần chú ném thử một chút, thấy vừa đắng vừa hơi muốn mửa vậy mà Anh uống tự nhiên.

Nhất là mấy tháng ở Gò Bồi. Thầy thuốc bảo ăn chi uống chi, Anh vâng lời hết.

Cho đến gần sáu tháng thì Anh đòi trở về Quy Nhơn.

Anh nói với Hành : "Ông thầy này nói láo, hứa ba tháng lành mà gần sáu tháng rồi. Thôi về !"

Và từ đó uống thuốc không biết mấy ông thầy mà kể.

Hành nhớ rõ là ông thầy hốt thuốc sau cùng là một võ sĩ răng đen.

Từ đó (giữa năm 1939) Anh Trí không uống thuốc nữa. Người của Anh càng ngày càng khô khan. Anh ăn rất ít, nhiều đêm không ngủ, ngày thì ngồi trông thơ bạn bè, hoặc ngâm thơ không nói chuyện chi với ai nữa.

Đến khi Anh Bửu Đông cho biết, Anh Trí phải vào bệnh viện để khám lại, Hành kể : "Hôm đó, bác thuê xe kéo đi với Anh vào trong nhà thương Quy Nhơn. Bác gái có vẻ lo lắng khi Anh Đông nói phải làm giấy tờ để Anh Trí đi nằm tại bệnh viện Quy Hòa, thì bác khóc quá chừng, còn Anh Trí chỉ cười thôi".

Anh Đông bảo để Anh Trí nằm đỡ một ngày tại đây hôm sau mới có xe Hồng thập tự đưa đi. Và Anh Đông cũng xin cho Hành ở lại với Anh Trí trong khu biệt lập.

Chú Hành nhớ một cách tỳ mị, hôm đi Quy Hòa, mẹ tôi mặc áo dài nâu, Hành mang bọc hành lý bằng vải trắng đựng áo quần sách vở của Anh.

Anh Bửu Đông và thầy Hứa, Chánh văn phòng có ra đưa. Chỉ có mẹ tôi và Hành lên xe Hồng thập tự đưa Anh Trí đi.

Vào nhà thương Quy Hòa, Anh Trí phải ở lại phòng tập thể.

Mỗi buổi sáng có các sơ đến chích thuốc cho.

(Tôi có nghe Anh Đồng nói Anh Trí tình nguyện xin chích thử một thứ thuốc mới rất mạnh mà các sơ không cho vì Anh yếu lắm).

Nằm lại trong phòng tập thể hai tháng, Anh được đưa vào phòng riêng (hai người).

Lúc này, Hành thấy trên má Anh có một vài vết nứt như vỏ cây khô mà không chảy nước.

Anh ở phòng riêng một tuần thì mất. Anh chết một cách nhẹ nhàng mà không ai biết lúc nào, cứ tưởng là Anh ngủ.

Có người nói Anh mất buổi chiều hôm trước, có người nói là buổi sáng.

Chú Hành vào sáng đó, thì Anh đã mất, vội vàng đạp xe về nhà báo tin cho mẹ tôi vào.

Chú kể lại rằng : "Mọi việc tẩm liệm chôn cất, các bà sơ lo cả, vì bệnh buộc phải chôn nội trong ngày. Chỉ có mẹ tôi và Hành đi theo vị linh mục đưa xác Anh Trí an táng tại bờ biển gần mấy cây thông (phi lao).

\*

Đó là hình ảnh của chú Phạm Hành "chú tiểu đồng" đã hòa mình vào cuộc sống đầy bệnh hoạn hiểm nghèo của Hàn Mặc Tử suốt bốn năm trường, và cũng giúp Anh quên bớt nỗi ghê lạnh của người đời.

Phạm Hành, con người đã sống bình thường với nhà thơ trẻ tuổi, được cho là mắc bệnh phong cùi, một chứng bệnh mà kinh thánh xưa nói dân Do Thái sợ hãi như một lời nguyền rủa án phạt của "Đức Giave", đến nỗi mẹ tôi, người mẹ khốn khổ vì mắc cảm trong tâm hồn, đã cấm trong gia đình, không cho ai nhắc đến tên anh Trí, như một điều bất hạnh lớn cho dòng họ.

Nói chung thì mọi người đều rụt rè né tránh khi phải đụng chạm, tiếp xúc với Anh.

Phạm Hành đó, ngày nay đã 65 tuổi, sống mạnh khỏe vô bệnh tật tại Huế, thỉnh thoảng lại vào thăm chúng tôi.

Các con chú đều trưởng thành khỏe mạnh, can đảm và thích mạo hiểm như chú. Có người cũng thành đạt sớm về vô nghiệp. Vẫn tôi lui thăm viếng "Bác Tin" tình nghĩa như bố vậy, khiến tôi rất yêu mến và cảm động.

Chú em tôi thường hành diện về các con, có đứa đã nối được vô nghiệp của ông, cha mà huyết thống truyền đến trưởng nam Phạm Vỹ, từng nổi tiếng trong nhiều môn phái võ thuật.

Trong tập hồi ký này, tôi muốn dành riêng mấy trang văn tắt để ghi nhớ tình nghĩa của chú em tôi đối với Anh Trí, tình nghĩa bất diệt của họ Phạm trung kiên từ bao thế hệ.

Xin ơn trời phù hộ chú em tôi và các cháu.

## CHƯƠNG VII

### TRẦN THANH MAI VÀ HÀN MẶC TỬ

Khi ở Lào về, đọc cuốn *Hàn Mặc Tử* lần đầu tiên tại Huế, tôi rất ngạc nhiên, không hiểu vì sao, ông Trần Thanh Mai có thể dùng một thứ ngôn ngữ thô bạo có vẻ như nhục mạ vô nhân, thóa mạ gia đình tôi nặng nề, cũng như không che giấu thái độ khinh bạc khi viết về bạn bè Anh Trí ở Sài Gòn.

Ông bỏ rơi đâu rồi cái phong độ hào hoa nhà văn xứ Huế.

Ông Trần Thanh Mai vốn là một cây bút phê bình có hạng, mà Anh Trí đem lòng ngưỡng mộ, toan nhờ giới thiệu.

Tôi nghĩ với tài năng anh Trí, ông Mai chắc không bỏ qua.

Tuy nhiên ông Quách Tấn cho chúng tôi biết : "Ông Mai coi Anh Trí như thằng điên (nguyên văn) và không nhận lời giới thiệu văn thơ Anh mà ông ta xét chẳng ra gì".

Khi Anh Trí qua đời, nhiều bạn bè và những người ngưỡng mộ thơ Anh đều mong đợi một cuốn sách nói về thân thế và sự nghiệp của Anh, mà trong đó, nhiều bài thơ hay không thể giải thích được.

Tôi thiết nghĩ, ông Mai tuy bề ngoài tỏ vẻ lạnh nhạt, cao giá, nhưng bên trong ông cũng đã chuẩn bị nghiên cứu kỹ lưỡng rồi.

Đọc cuốn *Hàn Mặc Tử* của ông, cũng đã thấy ông viết rất công phu. Có phương pháp khoa học với nhiều thủ thuật tâm lý.

Mặt khác, ông Trần Thanh Định, em ruột ông Mai vốn là bạn tâm giao anh Trí, qua nhiều trao đổi thơ tín với anh Trí, có thể đã cung cấp cho ông Mai một số tài liệu về văn thơ bệnh hoạn và gia cảnh của Hàn Mặc Tử.

Tuy dư luận nhằm vào hai nhà văn có điều kiện viết về anh Trí :

- Một là ông Quách Tấn, nhà thơ Đường luật, từng tuyên bố được Hàn Mặc Tử uỷ quyền lưu giữ bút tích.

- Người thứ hai là ông Trần Thanh Mai, nhà văn bình luận có kinh nghiệm.

Nhưng anh Trí vẫn tin tưởng và chọn ông Mai.

Vậy mà khi đọc cuốn *Hàn Mặc Tử*, tôi nhận thấy có cái gì trục trặc, lúng túng đều phải suy diễn một cách gượng ép thiếu cơ sở, thậm chí xuyên tạc.

Quá thật, khi về đến nhà tôi mới vỡ lẽ.

Thật là điều không may cho chúng tôi, trong thời gian tôi ở Lào, gia đình tôi không ý thức được tầm

quan trọng việc sưu tầm tài liệu khi ông Mai tìm đến hỏi thăm về Hàn Mặc Tử.

Không ai trong gia đình tiết lộ điều gì có liên quan đến cuộc đời anh Trí. Có lẽ cũng tin lời anh Tấn, không hy vọng gì nơi ông Mai, mà anh Tấn thì không muốn ai biết gì về anh Trí, ngoại trừ Anh là người có uy quyền.

Cho nên sự đón tiếp ông Mai, mà tôi suy đoán, không lấy gì làm vui vẻ, khiến ông phát ý đến phần nộ mà lời lẽ trong cuốn sách nghe như "giận cá chém thớt".

Dù vậy, ông Trần Thanh Mai cũng đã tỏ ra có nghiên cứu về Hàn Mặc Tử với nhiều định kiến mà ông tin chắc là đúng, và ông đã hoạch định một phương án khá chính xác dựa trên cơ sở khoa học và tâm lý.

Ông Mai viết rằng : "*Với những phương pháp mới xata nay chưa từng có trong lịch sử văn học Việt Nam, tôi đã phân tích ra từng cử chỉ trong tâm tình của nhà thi sĩ, từng giai đoạn trong đời người.*

*Những cái ấy mà bề ngoài tưởng như vô bổ ích và chỉ để kéo dài dòng tư tưởng, đều ăn nhập với nhau như những vòng của sợi dây chuyền, để mà ảnh hưởng đến đích của người viết muốn đi tới :*

*"Cốt nghĩa thi phẩm của nhà thơ"*

*"Không rõ hết những cái vật vãnh, thắc mắc trong đời một thi sĩ, không làm sao hiểu được thơ người ấy".*

Nói thì nói như vậy, nhưng khi ông không đạt được những gì mà ông muốn tìm biết về anh Trí, thì chính *những cái vật vãnh* mà ông nói trên, đã làm cho ông lúng túng, phải để nhiều khoảng trống trong phương án khiến nhiều dự kiến bị lạc lõng không được đặt lại cho chính xác.

Chẳng hạn như ông dự liệu đề cao thiên tài Hàn Mặc Tử lên cỡ Marcel Proust, đại văn hào Pháp, mà đã được sinh ra trong trường hợp bất thường, thiếu thốn, vì bà mẹ bị khủng hoảng tinh thần, thì Hàn Mặc Tử cũng phải được sinh ra thiếu thốn trong cơn túy loạn (chẳng hạn) của bà mẹ. Chỉ vì ông trông thấy anh Trí nhỏ thó, và theo ông là có vẻ "diên diên", cho nên ông suy diễn thêm cái hình thù quái dị của con nhái chàng để phù hợp với hậu quả tai hại của rượu lậu mà cha tôi *làm Thương chánh mang về đầy nhà*, (mặc dù sự suy diễn đó không có cơ sở vững chắc như đã nói ở Chương I).

Không biết đoạn văn này có nằm trong cơn phần nộ nhằm *trả đũa* không, mà ông giảm bớt kích thước của thiên tài Hàn Mặc Tử xuống bằng con nhái chàng, để bày tỏ quyền hạn ơn có hạn chế theo "cung cách dòng họ Cổ - Y".

Thù đoạn viết lách của nhà văn xứ Huế đó, khiến tôi phải kiêng nể.

Hồ Lu, một bạn cũ, có nói một câu "xanh dờn" về ông Mai : "Anh chưa biết cái sâu sắc đáng sợ

của nhà văn xứ Huế đó đâu". Rồi anh tiếp nửa đùa nửa thật như lối nói những anh chàng nhà báo tỏ ra lão luyện :

"Ông ta giận ông Tấn, thách đố ngang tàng, vậy mà cứ ngọt ngào đề cao tinh thần nghĩa hiệp, rồi phong tước Mạnh Thường Quân cho ông ấy chỉ vì có mấy chục bạc".

Cả anh Bùi Tuân cũng phải khâm phục ông Mai một cách dè dặt.

Kể ra cũng đáng sợ thật, khi đọc đến đoạn văn nói về chị Mai Đình, ông Mai giới thiệu một cách thân mật như "không còn gì phải che đậy nữa", để rồi mô tả cuộc tình giữa cô gái yêu văn đó với nhà thơ phong đã diễn ra như thật nồng nàn suốt mấy tuần trăng mật.

Đoạn văn xuyên tạc này đã hạ thấp giá trị cây viết nhà thơ xứ Huế đó.

Ở địa hạt bệnh hoạn, ông Mai viết : "Marcel Proust có bị bệnh suyễn cột chân trên giường, mới phát kiến ra được thuyết thời gian, Hàn Mặc Tử có mắc bệnh phong cùi, thơ Việt Nam mới thấy mở ra những chân trời mới lạ.

Và ông nói : Bệnh hủi đã ảnh hưởng anh Trí trong thơ văn mà *Trăng đã tác động từng lúc khuyết hay tròn*.

Ông Mai muốn chứng minh bằng trích dẫn lại *Người hủi thành Aoste* của Xavier de Maistre.

"Con bệnh lên xuống, tăng hay giảm theo con trăng tròn hay khuyết".

Lập luận như vậy hình như không vững, vì chính ông cũng thú nhận không hề có sách nào nói đến ảnh hưởng của trăng đối với người mắc bệnh hủi.

Ngay cả những người hủi ở Quy Hòa mà ông đã gặp trong chuyến đi điều tra, cũng không ai xác nhận điều ấy.

Cuối cùng, ông dựa vào sự thể có hai phần ba thơ trong tập *Đau thương*, nói đến trăng, để kết luận có liên quan đến trăng.

Thật ra thì, trăng ở trong thơ Hàn Mặc Tử không có vẻ gì hành hạ anh, nghĩa là không ảnh hưởng gì đến bệnh hoạn mà hình như rất quen thuộc, ràng rịt như một bạn tình không dứt bỏ nhau được.

Ở điểm này tôi xin nhắc lại sự kiện Anh bị ám ảnh của Trăng như thế nào, trước khi mắc bệnh, mà trăng là một tình nghĩa thâm thiết, quen nhau với anh Trí từ năm 1924 - 1925 - 1926 cho đến khi anh mang bệnh.

Đó là thời gian, gia đình chúng tôi còn ở Sa Kỳ (đã kể trong Chương I khi nhắc đến lúc còn đi học ở Quảng Ngãi).

Tại đó có một động cát lớn rất đẹp về đêm, trong những mùa trăng sáng. Con trăng ở đó huyền hoặc dị thường gây nhiều ảo giác rờn rợn khi chúng tôi còn nhỏ thường hay đến chơi.

Bài văn xuôi *Chơi giữa mùa trăng* là kỷ niệm khó quên trong đời Anh, đã trở thành áng văn trác tuyệt.

Về sau, những khi còn học ở Huế, mỗi lần đi về Quy Nhơn Anh thường ghé Quảng Ngãi để đi Sa Kỳ (cách 12 cây số) thăm lại con trăng đó, như bị một hấp lực quyến rũ lạ lùng mà Anh không cưỡng nổi. Anh thường nói với tôi : "Động cát Sa Kỳ vẫn còn đẹp như xưa" và Anh đùa "Trăng đó lớn lắm rồi và đẹp lắm".

Không biết Anh có ám chỉ người con gái ngày xưa mà Anh gọi là *Gái quê* tên của tập thơ Anh. Chắc là cả hai, Trăng và Nàng.

Anh cũng có bài thơ, nhắc lại mối tình trẻ con đó :

*Từ lúc tóc em bờ trái đào  
Tối chùng cặp má đỏ au au.*

*.....  
Nghe nói ba em chưa chịu nhận  
Cau trầu của khách láng giềng bên.*

Trong bài *Chơi giữa mùa trăng* và các bài thơ khác, Anh đã phản ánh lại, đã sống lại những mùa trăng ở đó.

"Chúng tôi đang ở giữa mùa trăng... Tôi bỗng thấy chị tôi có vẻ thanh thoát quá, tinh khiết tốt tươi và oai nghi như bức tượng Đức Bà Maria...

*"Những phút sáng láng như hôm nay, soi sáng linh hồn và giải thoát cái "Ta" của tôi ra khỏi giam cầm xác thịt...*

*"Em muốn bay thẳng lên trời để tìm ánh sáng muôn năm thôi".*

Những lúc đau yếu, trăng giúp anh thoát khỏi cái "ta" dẫn dắt anh thoát ra ngoài xác thịt, chu du trên vùng thượng thanh khí...

Ảnh hưởng của trăng to lớn đã bắt đầu từ bài *Trăng Sa Kỳ*.

Con trăng ở đó đã ghi đậm vào não trạng anh nhiều hình ảnh tuyệt vời, hình ảnh Đức Trinh nữ Maria mà trăng là ánh sáng thanh khiết luôn luôn bám sát trí khôn Anh với ý muốn ngày càng dâng lên cao cho tới thiên đàng.

Anh thường ca tụng ánh sáng Trăng là ánh sáng muôn năm. Anh viết về :

### VÀNG TRĂNG

*Hãy nâng lên, và nâng lên chút nữa  
Sáng thơm tho như ánh ngọc hừng đông*

*.....  
Lạy Chúa tôi, vàng trăng cao giá lắm  
Xin ban ơn bằng cách ánh thêm lên  
Ánh thêm lên cho không gian rất đậm  
Linh hồn tôi, thơ mát rượi hương nguyên*

Nhớ Sa Kỳ, nhớ con Trăng tình nghĩa đó Anh viết :

*Ha, ha, ta đuổi theo trăng  
Ta đuổi theo trăng  
Trăng bay là ta ngã trên cành vàng  
Tối đây là nơi tôi được gặp Nàng*

Và đi "Chơi trên trăng" rất thích thú

*Tôi đi trong ánh sương mờ  
Tìm con "Trăng" lạc ngoài bờ bên kia...  
Tôi nhập hồn tôi trong khúc hát  
Để nhớ không khí đầy lên trăng  
Để nghe tiếng nhạc Nghe Thường trối  
Để hớp tình anh của Nguyệt cầu.  
Và để thoát ly ngoài thế giới  
Để cười để trơng để yêu nhau.*

Trên đây là một bài thơ không thể gán cho của một người cùi buồn thảm được.

Vì thế, tôi thiết nghĩ, trăng không liên quan gì bao nhiêu đến bệnh trạng của anh Tri.

*Những cảnh trí sáng ngời trong các bài thơ nói đến trăng không thể nào tìm thấy nơi tâm hồn buồn tẻ của những người bất hạnh với bệnh hủi nan y.*

Ông Mai cũng đã nghĩ đến một chứng bệnh tâm thần mà ảnh hưởng có thể đẩy cảm nghĩ anh Tri ra ngoài thực tế.

Dù ông Mai đã mất đi cái cơ hội tìm hiểu cận kề về Hàn Mặc Tử, tôi vẫn thấy ông rất tế nhị khi ông nhận xét qua văn thơ Anh :

*"Hơn hết cả thi hào trên thế giới, Hàn Mặc Tử đã phóng thoát ra cái bản năng loài người, cời lột được bao nhiêu cốt cách của loài người để ẩn nấp vào vũ trụ, biến thành một hiện tượng của vũ trụ.*

*"Nhờ nguồn cảm thụ lực mạnh phát triển đến cực độ, Hàn Mặc Tử là nhà thơ đầu tiên nghe ngóng được những lời âm thầm của tạo vật, nghe được cả hơi thở của cành lá, cả va chạm của hai đường ánh sáng".*

Đó là một sự bí mật rất lớn về Hàn Mặc Tử mà năm mươi năm ít ai hiểu nổi "Anh là ai".

Nếu chỉ dựa trên khoa học, trên chứng minh sách vở thì hiện tượng bên ngoài có thể dẫn dắt đến sai lạc.

Viết lại thiên hồi ký này, tôi xin xác nhận một lần nữa : Theo tôi thì anh Tri là một người bình thường như mọi người, đôi khi còn tầm thường nữa trong những cơn hi nộ ái ố lạc mà người đã đưa đến cho anh.

Thế nhưng cái gì đã xảy đến, biến đổi anh trở thành khó hiểu như vậy.

Tôi đã từng theo dõi những đam mê, diễn biến tâm trạng, những biến cải hình thể anh, trong những năm ở gần anh nên không thể không xem đó là một điều lạ lùng chưa từng nghe thấy.

Tôi đã ghi nhận biến cải đó từ sau lần anh suýt chết đuối ở bờ biển Quy Nhơn.

Mỗi lần nhớ lại, tôi vẫn còn sợ hãi, không quên được cảnh tượng tôi trông thấy *Anh không còn giống Anh nữa*. Anh khác lạ hẳn đi với đôi mắt lạc thần.

Cảnh tượng đó ám ảnh tôi mãi mà tôi tin anh đã được ơn cứu trợ lạ lùng của Đức Mẹ.

Cho đến nay đức tin đó, tôi xem là *đáp số vững chắc* để cắt nghĩa những gì nghi ngại về Anh.

Khả năng tế nhị trong văn chương, trong âm nhạc đều tác động Anh từ lúc đó, từ lúc mà Anh sống thu hình lại cả tâm hồn lẫn thể xác mà vốn dĩ ham muốn dồi dào súc tích *đã có sẵn từ bẩm sinh*.

Những cảm xúc bùng bột nồng nổi trong thể trạng khỏe mạnh, đã xô đẩy Anh không ngừng từ đam mê này đến đam mê khác, cho đến một thời điểm nhất định bắt Anh phải dừng lại, rồi hướng Anh đi sâu vào một trạng thái suy niệm *đến xuất thần*.

Thời điểm đó đã đến với Anh một cách tình linh, như chớp lòa sáng chói, khiến Anh ngất đi, ngỡ ngác mù mịt, để rồi biến cải Anh hoàn toàn.

Từ đó thơ Anh cũng bị ảnh hưởng, nhất là bước vào địa hạt thơ mới, mà tu tưởng Baudelaire và các môn đồ bắt đầu muốn tác động nguồn thơ phú của Anh.

Có vẻ như Anh đã đấu tranh không ngừng với ảnh hưởng của thơ thác loạn trong tình yêu.

Khi ở Sài Gòn về Anh tìm cho Anh một lối thoát. Đó là trăng mà khởi đầu là bài *Bên lên* được giới nhà văn tán thưởng nhiệt liệt, vì trong đó Anh còn *pha trộn nhiều màu sắc thời đại*(\*)

Hầu hết các bài thơ, bất kể là trong tập thơ *Đau thương* hay *Gái quê* gần như mỗi bài đều có một hay nhiều chữ *trăng*.

Trăng trở thành một ám ảnh, một thói quen trong thơ Hàn Mặc Tử, không thể thiếu được cho thơ Anh.

Trăng đôi khi rất sống động trong các mối tình, cao trọng trong các lời cầu nguyện, êm ái trong đau thương, mua vui trong những cơn buồn bã, và luôn luôn dẫn đưa Anh ra khỏi cái "Ta" nặng nề của xác thịt.

Tiếc thay, ông Mai đã để mất đi cái *vòng xích* của *sợi dây chuyền vật văng*, như ông đã nói, nên ông không thể hiểu biết cội rễ con trăng đã ảnh hưởng đến văn thơ Hàn Mặc Tử như thế nào.

Sự thiếu sót này, làm cho ngời đọc mất đi cơ hội nghe ông Mai bình luận các bài thơ huyền diệu của Anh.

Tuy nhiên, ông Trần Thanh Mai cũng tìm được cách lấp giấu sự thiếu sót đó bằng một thủ thuật tâm lý rất thành công.

(\*) Lược bớt một đoạn

Ông nhấn mạnh đến bệnh hoạn, nghèo túng, để phủ phàng lên án tình thần vô trách nhiệm của gia đình, anh em, cho là bạn bè bỏ bê, rẻ rúng Anh trong cô quạnh bi đát của tình phụ. Tất cả bằng một giọng văn oán trách kích động lòng trắc ẩn của mọi người mà không thể nào bỏ qua được.

Kế hoạch này đã giúp ông đưa độc giả đến gần với Anh Trí, yêu mến Anh mà không cần đi sâu vào văn thơ Anh.

Người đọc dễ dàng quên đi, không tìm hiểu thơ, mà chỉ chú trọng đến nỗi bất hạnh của nhà thơ trẻ tuổi đã chết trong tế lạnh nghèo nàn.

Ông Mai không cất nghĩa các bài thơ hay về nội dung, nhưng nói đến âm nhạc trong thơ, hướng dẫn độc giả nghe những bài thơ trong đó âm điệu đã làm cho độc giả rung cảm dễ dàng.

Ông cũng còn tìm ra được lối đọc thơ theo thể ngắt quãng, cho bài thơ trở thành bài nhạc có nhịp điệu quyến rũ người đọc tài tình.

Chính ở điểm tài ba đó, người đọc say mê thích thú với thơ Hàn Mặc Tử và yêu mến Anh.

Ông Chế Lan Viên từng viết về đề tựa cho tập thơ *Hàn Mặc Tử* (xuất bản ở Nghĩa Bình) đã lý luận trong một đoạn văn về sự tìm hiểu thơ văn Hàn Mặc Tử. Ông nói : "... Các nhà thơ khác, ta tìm hiểu

rồi làm quen, quen rồi đến thuộc nhập tâm, ta càng khám phá ra yêu họ.

"Nhưng với Hàn Mặc Tử, có khi phải *yêu Anh trước* thuộc Anh trước, như thế là quen với những "Kỳ", những "Siêu", những "Điên", những "Đại", những "tột đáy", những "tột trời" và như thế ta lại "hiểu" được Anh".

Ông Mai cũng đánh mạnh vào tình cảm dư luận đương thời, và mọi người đều thương số phận Anh, thương cái bất hạnh của Anh mà yêu mến Anh tha thiết.

Nhờ vậy, mà ông Mai đã thành công rất lớn về phía đó. Mặc dầu chưa ai hiểu được thơ Anh bao nhiêu. Con người Anh gắn liền với thơ Anh đã được người đời tìm hiểu từ năm mươi năm *chỉ vì yêu mến Anh*.

\*

Năm 1942, tôi về Huế mấy hôm, ngồi ở Lạc Viên, đi qua Paul Bert, Trường Tiền, ở đâu cũng nghe người bạn trẻ của Khải Định, của Đồng Khánh, trao đổi với nhau những văn thơ tình tứ hay xót xa như trong bài :

### NHỮNG GIỌT LỆ

*Tôi vẫn còn đây hay ở đâu  
Ai đem tôi bỏ dưới trời sâu*

*Sao bông phượng nở trong màu huyết  
Nhỏ xuống lòng tôi những giọt châu*

Ngay cả treu đùa, họ đọc cho nhau nghe *Nỗi buồn vô duyên* nhưng *Thương Thương* lại đọc trại ra *Nương Nương* :

*Chiều nay tàn tạ hồn hoa  
Nhớ Nương nương quá xót xa tâm bào...*

Tôi sung sướng đến ứa lệ, khi nghe mọi người đều biết Anh tôi, ngâm thơ Anh tôi và yêu mến Anh.

Gia đình tôi cũng mãi nguyện không còn mong gì hơn.

Cay đắng tủi nhục đã được đền bù xứng đáng.

Tên tuổi Hàn Mặc Tử nổi lên rất cao, cũng đồng thời tên tuổi Trần Thanh Mai được nhắc đến, nhất là sau vụ kiện "đạo văn" mà ông Quách Tấn đứng tư cách dân sự nguyên cáo.

Ông Mai bị kiện vì trích dẫn quá nhiều văn Hàn Mặc Tử mà không có sự đồng ý của ông Tấn là người được ủy quyền bảo thủ.

Đã một dạo, người ta bàn tán xôn xao cái chuyện "ăn trộm" văn (Đạo văn) đó.

Dư luận ngả nhiều thiện cảm về phía ông Mai, và ông Mai bỗng trở thành người "hùng" của vụ kiện lịch sử văn học chưa từng có. Cố nhiên là cuốn *Hàn Mặc Tử* bán chạy như tôm tươi. Tên tuổi Hàn Mặc Tử lại càng mở rộng tươi thắm như hoa.

Vụ kiện đạo văn đó đã được tòa tuyên bố xử bác đơn của ông Quách Tấn. Nghe nói ông Tấn không đến dự nghe phán quyết của tòa.

Còn ở lại Huế mấy hôm, tôi nhờ bạn bè chỉ dẫn đến thăm ông Trần Thanh Mai với mục đích trước hết là cảm ơn ông đã thực hiện được mơ ước của anh Trí.

Đồng thời mang đến cho ông một số tài liệu văn bản về cuộc đời anh Trí, mà chưa hề được tiết lộ, trong đó có nhiều nhận xét và cảm nghĩ trung thực của người em gần gũi, có truyền giao cảm ứng với Anh, cũng như nhiều sai biệt liên quan đến danh dự những người đã kinh qua cuộc đời Hàn Mặc Tử.

Tôi đã đến căn nhà 24, 25 gì đó trên bờ sông (Quai Đông Ba)

Khi vào đến cửa, một thiếu phụ hỏi. Tôi nói xin gặp ông Trần Thanh Mai. Bà hỏi tôi : "Ông là ai ?  
- Tôi là em ruột Hàn Mặc Tử"

Người đàn ông dáng tầm thước, vẻ quan trọng đang ngồi nơi phòng khách ngẩng nhìn tôi, rồi trả lời : Ở đây không phải nhà ông Mai".

Tôi ra về gặp anh Bùi Tuấn, kể lại chuyện đi thăm ông Mai. Tuấn nói : "Có lẽ là nhà của giáo sư Nguyễn Đình Thuyền con rể cụ Trần Thanh Đạt, hình như ông Mai ở bên An Cựu thì phải".

Tôi nhờ anh Tuấn chuyển lời tôi cảm ơn ông Mai và không quay lại nữa.

Từ đó tôi không có dịp ra Huế gặp lại ông Mai vì còn bận phải "tha phương cầu thực". Nhưng lòng tôi vẫn còn ân hận không giúp được gì thêm cho ông Mai để hoàn thành tốt đẹp hơn tác phẩm của ông về Hàn Mặc Tử mà tôi tin tài năng ông còn có thể làm cho nổi tiếng hơn.

\*

Năm 1946, khi anh Quách Tấn từ Nha Trang đi tản về Bình Định, có đến báo tin cho gia đình tôi biết anh đã bỏ rơi dọc đường tất cả thơ văn bút tích anh Trí trong khi chạy giặc. Gia đình tôi không ai phản ứng gì, có vẻ như đã khoán trắng cho anh Tấn rồi. Mẹ tôi cũng không có vẻ gì phiền trách anh.

Nghĩ đến cái mất vô cùng bất hạnh đó, tôi thầm cảm ơn ông Mai đã phổ biến được nhiều bài thơ giá trị của Hàn Mặc Tử cho người đời thường thức tài năng Anh, có ông Mai tài năng Anh mới được người đời biết đến.

Cuốn *Hàn Mặc Tử* không ra đời, e không ai biết đến thơ Anh Trí rộng rãi như vậy. Nếu có đọc được bài nào của Anh, mà biết chắc là của Anh đi nữa, thì, nếu không bị bóp méo vo tròn cũng có tên tuổi kẻ nào đó ký dưới bài thơ.

Đó là một cú đạo văn có kích thước lớn mà không ai kiện cáo gì được. Năm mươi năm rồi, còn luật lệ gì nữa.

Nguyễn Minh, người bạn đồng sở với tôi ở Nha Trang cũng tản cư ra Bình Định, kể chuyện đi ngang khu chợ Đầm trông thấy vô số mảnh giấy đã ngả màu vàng, mà người bán hàng ở chợ lượm về gói hành tỏi. Anh cũng có mang theo một số cho tôi xem. Đó là những bài thơ Anh Trí đã sáng tác, bút tích có chỗ bị gạch xóa, có nhiều chỗ đổi hết ý nghĩa mà tôi biết. Tôi còn đọc được mấy câu.

### ĐÔI TA

*Cố làm ngơ không biết đến thời gian  
Đến bông hoa tàn tạ, với trăng ngàn v.v...*

. . . . .

Thế là mất hết thơ anh Trí rồi !

Bất giác nhớ lại bài thơ *Nhớ Trường Xuyên* Anh Trí viết tặng anh Tấn, đến nay đọc lại nghe còn nghẹn ngào :

*Trường Xuyên ơi ! Trường Xuyên ơi !  
Viết chẳng nên câu nói nghẹn lời...  
Ai nhớ ai thương mình quá tẻ  
Có ai khăng khít lại quên ai.*

\*

Viết lại chương này, tôi chỉ mong mang đến cho cuốn sách *Hàn Mặc Tử* những cái vật vãnh mà ông Trần Thanh Mai không có cơ duyên tìm thấy từ nửa thế kỷ nay, cái mất xích cần thiết để nối sợi dây chuyên tài liệu, khiến cho sách của ông bị mất đi một phần lớn giá trị mà tài năng ông chưa có dịp phát huy hết được. Tiếc thay, ông đã qua đời.

Và tôi cũng tâm niệm từ năm mươi năm nay :

"Trả lại César, những cái gì thuộc về César".

## CHƯƠNG VIII

### CHUNG QUANH MỘ HÀN MẶC TỬ

"**B**ây giờ Hàn Mặc Tử nằm trên một điểm cao Gành Ráng đối diện với Bể Đông, bể sáng chói như thơ Anh, và dòng bão tựa đời Anh".

Đọc câu này trong bài tựa *Thơ Hàn Mặc Tử* của Chế Lan Viên, tôi cũng rất sung sướng và hãnh diện về sự nghiệp thơ văn của Anh tôi. Nhưng cũng không khỏi băn khoăn về cuộc đời dòng bão của Anh đã đi qua, mà năm mươi năm rồi thỉnh thoảng vẫn còn bão rớt.

Điểm cao Anh đang nằm nay đã sáng lòa, vì thơ Anh đang được những người bạn tình nghĩa Quy Nhơn, tung lên như trăng sao ánh ngời, như hoa thơm ngào ngạt. Mộ Anh đang được phủ lên bao nhiêu hào quang sáng chói.

Nhưng liệu dòng bão còn đe dọa nữa không ? Vì dư âm những luồng gió tàn bạo thổi qua xô đẩy mộ Anh, không cho tôi yên lòng, từ khi Anh rời bỏ hàng phi lao bờ biển Quy Hòa để về nằm trên Gành Ráng, nhìn lại thành phố Quy Nhơn, nhìn lại con đường Khải Định triu mến của Anh và của bạn bè Anh trước đây năm mươi năm.

\*

Đầu năm 1955, khi tôi trở về làm việc tại Quy Nhơn, việc đầu tiên là tôi phải hết sức dành dụm một số tiền lớn để cải táng Anh tôi ra Gành Ráng, nơi mà tôi đã để tâm lựa chọn và mơ ước từ khi Anh qua đời.

Tôi đem việc này thử bàn với anh Quách Tấn, lúc bấy giờ cùng làm việc một chỗ với tôi. Anh Tấn không đồng ý.

Anh nói : "Hàn Mặc Tử ngày nay *không còn thuộc về* gia đình chú nữa (anh quen gọi tôi bằng chú) mà là của giới văn nghệ sĩ, tôi biết họ đang lo. Chú đừng quan tâm tới nữa".

Quả thực, tôi không hề nghe ai nói đến chuyện ấy, nên không hiểu hết ý nghĩa câu nói trên. đành phải chờ đợi vậy.

Qua năm 1957, tôi nhắc lại việc cải táng, ông Tấn vẫn bảo chờ.

Tôi nhờ anh Bùi Tuân thăm dò các nhà văn Huế và Sài Gòn xem anh Tấn nói có thật không, để tôi tự liệu vì hai năm trôi qua, không nghe anh Tấn nhắc nhở đến.

Năm sau, gặp tôi ở Sài Gòn, anh Bùi Tuân xác nhận là không hề có chuyện các nhà văn miền Nam quyết định xây mộ cho Hàn Mặc Tử.

Không biết anh Tấn nghe tin ấy ở đâu.

Ông Thái Văn Kiểm nói với Bùi Tuân, muốn tôi viết lại đời anh Trí. Những nhà văn chân chính đều chỉ mong như thế thôi, không nghe ai nói đứng ra cải táng cho anh Trí.

Tôi rất do dự, trước hết là lời trời mẹ tôi không muốn tôi dấn động gì đến chuyện anh Trí, mặc dầu tôi rất muốn làm sáng tỏ nhiều vấn đề liên quan đến sự nghiệp văn chương Hàn Mặc Tử.

Ngoại trừ một số ít nhà văn bạn anh Trí, thỉnh thoảng hay nói đến Anh, còn thì xem ra có phần lạnh nhạt, ngay cả trong địa hạt viết văn, đừng nói chỉ chuyện đứng ra xây mộ cho Anh.

Ở miền Nam, thời kỳ ấy, nhiều cảm nghĩ dị biệt thậm chí chống đối rõ ràng trong chính trị và tôn giáo bắt đầu nảy sinh và ảnh hưởng đến cả địa hạt văn chương và nghệ thuật : Tôi không muốn để Anh Trí bị liên can gián tiếp. Riêng việc xây mộ cho Anh tôi, tôi cũng đã linh cảm, qua những ý kiến các bạn thân, có nhiều cái nhìn soi mói ganh tị rồi.

Chắc anh Tấn cũng biết như vậy, nên anh không còn nhắc nhở đến việc xây mộ nữa.

Trước hoàn cảnh có phần khó khăn đó, tôi xét thấy phải hoàn thành gấp việc xây mộ, sẵn sàng chấp nhận mọi rủi ro nếu có. Và âm thầm lựa chọn địa điểm trước, vì tôi nghĩ địa điểm ở Gành Ráng là yếu tố quan trọng có thể tạo nhiều khó khăn cho tôi, nếu tôi để mất đi hoàn cảnh thuận tiện mà tôi đang nắm.

Địa điểm tôi lựa chọn là một khoảnh đất bằng phẳng, có chiều ngang khá rộng, nằm bên sườn Gành Ráng cao hơn mặt đường độ 5, 6 thước, có bụi đá thiên nhiên rất đẹp nếu sắp xếp lại chút ít.

Tôi đoán là một nền cũ đồn biên phòng có từ đời Gia Long. Dưới chân là con đường rải đá chạy dài lên phía lầu hoang phế của Cựu hoàng Bảo Đại. Xuống phía thấp về bên kia đường là dòng nước trong mát, từ Suối Tiên chảy ra biển uốn quanh theo gành đá rất nên thơ.

Một chiếc cầu nhỏ dưới dốc bắc ngang con suối rế làm hai ngã : lên mộ và đi vào Quy Hòa.

Những ngày cuối đời ở Gành Ráng, anh Tri thường ngồi trong mái nhà tranh, dưới cây phượng vĩ, ngắm chiếc cầu đó, con suối đó và chắc chắn không khỏi nhớ hai câu thơ cụ Tiên Điền :

*Nao nao dòng nước uốn quanh*

*Nhịp cầu nho nhỏ cuối gành bắc ngang*

Tôi rất mãn nguyện đã tìm được nơi đây mà hình như định mệnh đã dành riêng cho Anh, chờ đợi Anh từ bao giờ như Anh mơ ước tiên tri :

*Một mai kia ở bên khe nước ngọc*

*Với sao sương, Anh nằm chết như trăng*

Cuối năm 1953, dành dụm được 30 ngàn đồng, tính ra cũng đủ số để cải táng và xây mộ Anh.

Tôi đặt mua ở Sài Gòn pho tượng Đức Mẹ ban ơn cao gần hai thước, và đi Đà Nẵng mua một tấm bia

cắm thạch. Khi tôi đang vẽ mẫu chữ để khắc vào tấm bia. Chị Nhu Lễ đến thăm, trông thấy tôi ghi tên mỗi người trong gia đình, chị bảo : "Cậu đừng quên để tên ông Tấn vào bia mộ, cho có tình nghĩa anh em". Tôi nói đùa : "Tôi không quên đâu, chị đừng lo. Chỉ sợ bia đá có mòn hay vỡ đi thôi". (Câu nói đùa này suýt thành sự thực năm 1963, khi mộ bị đập phá).

Về sau, khi xây xong mộ, tôi trở về Nha Trang một ít lâu, được tin anh Tấn có mang đến giao chị Lễ 20 ngàn đồng, nói là để góp phần xây mộ. Nghi cũng lạ, anh Tấn không bao giờ nói chuyện trực tiếp với tôi về việc xây mộ, mà anh cũng biết tôi vẫn giữ ý định đó. Cũng như không bao giờ cho tôi biết những gì liên quan đến văn thơ anh Tri, sau khi anh tuyên bố đã làm mất hết. Cho nên tôi trả lời chị Lễ không nhận bất cứ của ai, đóng góp vào việc xây mộ anh Tri vì là việc riêng của tôi. Tôi xin cảm ơn anh Quách Tấn.

Tết Kỳ Hợi, tôi ra Quy Nhơn, xuống Ty Công Chánh, mượn bản đồ vẽ lại địa điểm Gành Ráng để xin trưng một khoảnh đất bên sườn gành, gần một mẫu tây, và lập hồ sơ chuyển qua Tòa Hành Chánh tỉnh, xin đăng ký và trước bạ.

Ở lại Quy Nhơn mấy hôm tôi lại vẽ bản đồ xây cất mộ, rồi xin giấy cải táng, xây mộ như luật định, anh Tấn nghe tin đến hỏi.

Chiều hôm ấy, tôi mời anh Tấn đi xem địa điểm, anh rất ngỡ ngàng vì công việc tôi đã chuẩn bị sẵn sàng

mà không cho anh biết gì cả, nhưng anh vẫn không nói gì.

Tôi báo tin cho anh biết, ngày mai tôi mời anh đi cải táng, và nhờ anh chuyển lời cảm ơn *hảo ý giới văn nghệ sĩ như anh đã nói*.

Sáng hôm sau, tôi mượn thêm một chiếc xe Jeep. Nhờ người cháu rể là Nguyễn Tú đưa hai người phu bốc mộ vào Gành Ráng trước. Tôi còn phải đi đón anh Tấn, hai bà chị và chú Hiếu sẽ vào sau.

Đến Gành Ráng, mọi người đi xem địa điểm mà tôi đã thuê khai quang hôm trước. Các tảng đá được sắp xếp lại ngay ngắn để cho dễ dàng lên xuống.

Tôi bảo Tú lái xe đưa phu vào trước Quy Hòa mà tôi đã báo tin cho các nữ tu.

Kiểm điểm lại lần chót mọi vật liệu đã chuẩn bị, tôi mời mọi người lên xe vào dự cuộc bốc mộ.

Có vẻ như ái ngại nhìn nhau, anh Tấn thì như không nghe tôi mời, xăm xúi đi về phía quán nước bên đường. Hai bà chị và chú em, được thể anh Tấn không đi cũng nói : "Thôi để cậu đi một mình được rồi".

Tôi không biết phải ăn nói làm sao, đành lên xe đi một mình, nhìn lại chiếc xe trống trơn, lòng ngậm ngùi thương Anh vô hạn.

Cũng còn may được một phần an ủi, là có người cháu rể Nguyễn Tú vốn con ông Nghị Nguyễn Văn Tôn mà tập báo *Năng Xuân* 1936 (trong đó có bài anh Trí viết) đã gọi ông là Nghị Gật.

*Nay Tú tình nguyện đi theo bốc mộ Bác Trí khiến cho tôi rất cảm kích.*

Tú hiện nay còn khỏe mạnh, là tổ trưởng Dân phố khu 2 Bùi Phát quận Phú Nhuận, thành phố.

Vào đến hàng phi lao, đã thấy Sơ Louise, nữ tu Phanxico chờ sẵn để hướng dẫn đến mộ. Cây thánh giá bằng xi măng cốt thép nằm ngang trên đầu mộ, còn đọc được : FRANÇOIS XAVIER Nguyễn Trọng Trí.

Bà Louise chỉ vào mộ, nhìn tôi : "Ô, Jacques, ngày trước thường vào đây săn sóc mộ, nói rằng mộ anh ông Tin đó" (Ông Jacques là lộ phu trưởng, phụ trách khu vực Quy Hòa, từng giúp việc ở sở tôi từ 1942-1945 thời gian tôi làm việc tại đó).

Mộ anh Trí nằm cạnh cây phi lao hàng thứ hai, cách mực nước biển 40 thước, hàng phi lao thứ nhất gần mặt nước hơn, nên còn thua thốt. Giữa hai hàng phi lao, là con đường xe chạy thẳng đến Bệnh viện.

Hai người phu phải đào sâu hơn một thước, mới gặp được hài cốt đã rã mục gần hết. Cát biển đã bồi và thanh lọc gần hết chất đen, biến thành xám chỗ đậm chỗ lợt.

Tôi bảo người phu mộ hốt hết cho vào quách.

Tất cả đều lên xe với cây thánh giá cũ. Anh Tú lái xe ra Gành Ráng trước, tôi theo bà Louise vào bệnh viện, cảm ơn các bà và mọi người đã giúp đỡ anh Trí những ngày cuối cùng tại bệnh viện. Tôi không quên xin lễ cầu hồn trước khi cáo biệt.

Khi trở ra Gành Ráng, mọi người chờ sẵn, chỉ thiếu có anh Tấn, không biết anh đi đâu nên phải chờ.

Tôi đã cho đào huyết trước hướng đầu vào núi, nhìn xuống thành phố Quy Nhơn.

Đang lúc ấy, anh Tấn quay lại với hai người thanh niên tự xưng là cảnh sát địa phương.

Tôi hơi ngạc nhiên, không biết anh Tấn moi đâu ra được hai anh cảnh sát này, vì khi vào khai quang địa điểm, tôi có tìm hỏi cơ quan Hội đồng xã để khai báo, nhưng không có ai, cũng không có trụ sở.

Dân địa phương không có bao nhiêu gia đình.

Anh Tấn cho tôi biết, hai người này muốn xem giấy phép cải táng và xây mộ.

Tôi trả lời không tìm thấy cơ quan nên không mang theo giấy phép.

Hai người này nói năng ấp úng, nhưng không chịu rời đi.

Tôi đề nghị đưa họ về tòa Hành chánh tỉnh xem hồ sơ tôi đã đệ nạp mà Tỉnh trưởng Lê Văn Ái đã chấp thuận.

Họ nhìn nhau do dự, nhưng không nói gì, cũng không đi đâu.

Tôi bảo phu hạ huyết, an táng xong, tôi ra xe đưa mọi người về, và ghé lại dặn bà Quán báo cho tôi biết nếu có ai đến hỏi.

Ghé lại Tỉnh đường, tôi báo cáo cơ quan thẩm quyền, thì được biết đã lập thủ tục thông báo cho cảnh sát đã mấy hôm trước rồi.

Hôm sau, tôi trở lên mộ chỉ dẫn cho nhà thầu mở móng theo bản đồ đã vẽ. Nhân tiện hỏi bà Quán. Bà nói : "Ở đây không có cảnh sát, hai người hôm qua không biết từ đâu đến".

Rắc rối nhỏ hôm qua, báo trước cho tôi biết cần phải lưu ý nhiều nữa.

Khi đặt pho tượng Đức Mẹ ban ơn lên đài mộ, pho tượng mà Anh Trí mơ ước như lời trời trăng, những ngày sau cùng tôi gặp Anh, tôi cầu xin ơn phù hộ để Anh ở đây bình yên cũng như Mẹ đã cứu thoát Anh một lần cũng trên bờ biển này.

Ngày nay, Anh cũng đang nằm trên bờ biển này, nhưng chỗ này của Anh cao trong sáng chói như văn thơ Anh, của Chế Lan Viên đã viết :

*"May thay, Tử là một đỉnh cao, lửa chói trong văn học của thế kỷ, thậm chí các thế kỷ..."*

Ôi ! Danh vọng Anh quá cao, chỗ nằm Anh quá đẹp, làm cho tôi càng hồi hộp không yên.

Tôi đã bắt chước các cụ ngày xưa khi vẽ hình mộ Anh, xây đài trên đầu mộ theo hình dáng ba hòn núi chụm lại (thể ổn định tam sơn) một ý nghĩa đoàn kết vững chắc, muôn đời thanh bình.

Vậy mà than ôi ! Anh đã được nằm yên đâu.

Chỉ mấy tháng sau đó, khi mộ đã hoàn thành, một ông Trương Văn Ngọc nào đó, viết trên tạp chí Văn : "Mộ Hàn Mặc Tử không có hài cốt".

Tôi nghĩ anh Quách Tấn thường viết trên Tạp chí đó chắc cũng có trách nhiệm cải chính giùm rồi, vì anh đã đi bốc mộ.

Vẫn chưa hết chuyện "Mộ Hàn Mặc Tử".

Năm 1963, các nhóm chính trị tôn giáo nổi lên tranh chấp nhau, một nhóm vô lại kéo nhau lên mộ Hàn Mặc Tử, lợi dụng tình thế hỗn loạn, đập phá mộ Anh bị sút mẻ nhiều chỗ. Tượng Đức Mẹ bị gãy bàn tay.

Dáng buồn chưa ! Ôi ! Anh tôi !

Tôi thiết nghĩ, không ai có thể thù ghét Anh. Dời Anh chỉ sống vì thơ, vì bạn.

Vậy thì ai đã nỡ hành động thô bạo đến thế.

Viết xong tập hồi ký này, tôi như cất được gánh nặng lo âu áy náy từ năm mươi năm nay.

Bây giờ thì những người bạn thân yêu đã trở về bên cạnh Anh, ấp ủ tình thương lên mộ Anh, để cùng ngắm nghía nhìn về con đường Khải Định, ngày càng tươi sáng hơn.

Bể Đông có đông bão, thì Anh cũng không còn cô đơn hiu quạnh nữa đâu, anh Trí nhé !

*Viết xong mùa Đông Mậu Thìn  
tại Thành phố Hồ Chí Minh*

## PHẦN THỨ TƯ MỘT SỐ BÀI BÁO KHÁC

- \* *Hoàng Diệp*
- \* *Nguyễn Kim Chương*
- \* *Lê Huy Oanh*
- \* *Huỳnh Phan Anh*
- \* *Nguyễn Xuân Hoàng*
- \* *Lại Nguyên Ân*
- \* *Ngô Văn Phú*
- \* *Nguyễn Quân*
- \* *Vương Trí Nhàn*

## LỜI DẪN

Có thể chia tác giả của vài chục bài báo nhỏ lẻ viết về Hàn Mặc Tử đã công bố mấy chục năm nay thuộc mấy loại : Trước tiên, là một số bạn bè từng có dịp chung sống và có nhiều kỷ niệm về nhà thơ. Kế đó, là một số nhà nghiên cứu phê bình muốn đi sâu lý giải thơ Hàn, và liên hệ thể thơ đó với những tìm tòi của thơ ca hiện đại. Sau hết, là một số nhà văn nhà thơ tìm thấy ở thơ Hàn Mặc Tử một đồng minh, một nguồn kích thích trên con đường sáng tạo lạ lùng mới mẻ.

Trong những cuốn sách đã xuất bản mấy năm trước, nhiều bài báo của các bạn bè Hàn Mặc Tử như Chế Lan Viên, Quách Tấn, Nguyễn Minh Vũ, Yến Lan, Nguyễn Viết Lâm... đã được in lại khá đầy đủ. Riêng cuốn *Thơ văn Hàn Mặc Tử (phê bình và tưởng niệm)* của Phan Cự Đệ còn chọn được nhiều bài viết của Vô Long Tê, Phạm Đán Bình, Bùi Xuân Bào. Bởi vậy, trong phần cuối của cuốn sách này, chúng tôi chỉ chọn in một bài của Hoàng Diệp bàn thêm về "vụ án trích thơ" và mấy bài ít được biết tới như của Lê Huy Oanh, Huỳnh Phan Anh, Nguyễn Xuân Hoàng... (là các nhà văn nhà báo sống

ở Sài Gòn trước 1975). Sau hết là một số bài viết mới in ra mấy năm gần đây, và còn ít được biết tới.

Hy vọng rằng với việc phổ biến rộng rãi thơ Hàn Mặc Tử (một sự phổ biến có thể so với Nguyễn Bính !) và với việc các nhà thơ hôm nay ngày càng bị hấp dẫn bởi cuộc phiêu lưu mà Hàn Mặc Tử đã bắt đầu từ hơn năm chục năm trước... rồi đây, các bài viết, các công trình nghiên cứu về nhà thơ sẽ ngày một nhiều, và ngày một sâu sắc hơn nữa. Và những tập tài liệu về Hàn Mặc Tử sẽ còn được xuất bản dưới nhiều hình thức mới.

## VỤ KIẾN

### "TRÍCH THƠ HÀN MẶC TỬ"

*Hoàng Diệp*

**T**hi phẩm GÁI QUÊ xuất bản năm 1936.

Suốt ba năm kế tiếp 1937, 1938 và 1939, ngoài sự sáng tác Hàn Mặc Tử phải mất nhiều thì giờ trong việc kiếm tìm lại tất cả những bài thơ chàng đã làm, để chuẩn bị việc ấn hành. Chàng viết thư đến các ấn quán, các nhà xuất bản trong nước, mặc cả và nêu lên những điều kiện in sách. Chàng cũng liên lạc với các nhà Tổng phát hành về số tiền hoa hồng, số sách dành riêng cho tác giả, số sách đánh dấu từ... có chữ ký của tác giả, v.v... Chàng đã làm mọi việc. Chúng ta cần hiểu nỗi khổ tâm của thi sĩ khi phải làm một công việc ngoài ý muốn là ngồi mà chép lại, chép mãi ngày này qua ngày khác, đến nỗi mực phải khô, giấy phải hết và đôi ngón tay queo lại hoặc thành sẹo nơi tiếp xúc của cán bút với đầu lông tay. Nhưng bao nhiêu khổ nhọc chỉ đem lại cho chàng kết quả thật mỏng manh. Thư đi đã quá nhiều mà hình bóng người đưa thư tin không bao giờ hiện ra trước ngưỡng cửa nhà chàng. Lâu lâu, một vài cánh thư từ phương xa thoáng về theo làn gió heo, cũng chỉ mang tên họ một vài người bạn quen thuộc.

Tự xét mình bất lực đối với việc xuất bản thơ, chàng phải nhờ đến bạn bè. Cuối cùng chàng đành trao quyền cho một người bạn thân.

Trong công việc đơn giản này, hình như cái số mệnh độc ác kia vẫn không buông tha chàng, mà còn gây được nhiều ảnh hưởng dai dẳng của nó. Người được trao bản quyền lại thiếu nhiều sáng tác của tác giả. Người không được hưởng quyền đó, lại có gần đầy đủ thơ chàng. Người ta sẽ hỏi vì sao Hàn Mặc Tử đã trao bản quyền cho bạn mà không giao trọn tác phẩm ? Và bằng lối nào, người không có quyền in thơ lại có đầy đủ thơ chàng ? Người trước là bạn trên thi đàn : thi sĩ Quách Tấn. Người sau là bạn tâm giao : ông Trần Thanh Dịch, một ký giả nghèo. Những bài thơ gởi đến người trước toàn là những bài được chọn lọc, chép lên giấy một cách cẩn thận và trịnh trọng. Những tài liệu gởi cho người sau là những mảnh giấy so le, không đồng đều, nhàu nát, nhưng lại gói ghém được rất nhiều tình ý vui buồn khổ hận.

Các bạn yêu thơ Hàn Mặc Tử cứ bàn tán mãi công việc in thơ chàng. Mọi người đều chờ đợi ngày toàn tập thơ Hàn Mặc Tử được trưng bày trong tủ gương của các hàng sách với mấy trăm bài thơ, mấy ngàn câu thơ, v.v... Trong khi ấy, các thi sĩ thuộc nhóm Trường thơ LOẠN như Chế Lan Viên cho ra tập *Điều tàn*, tôi cho ra tập *Xác thu*. Hai tập thơ này được in cùng một lúc tại nhà in Nam Ký ở Hà

Nội năm 1937<sup>(1)</sup>. Qua năm sau (1938). Bích Khê cho ra tập *Tình huyết* do Hàn Mặc Tử đề tựa. Người đầu tiên được chúng tôi đề tặng sách không ai ngoài Hàn Mặc Tử.

Nên nhớ rằng Chế Lan Viên lúc bấy giờ đang theo học lớp Dự bị niên trường Quốc học Quy Nhơn (tức là lớp Dự VI ngày nay). Chàng đã phải đi chân đất đến trường, nhịn ăn buổi sáng, không may áo mới, để dành tiền in sách. Chàng cũng có nhờ vả chút ít ở người chị có chồng làm tiểu công chức. Chàng nổi tiếng trong làng văn từ năm 1936 sau khi được giải nhất toàn quốc về Luận Quốc Văn do Hoàng Đế Bảo Đại ban thưởng. Cũng trong thời gian ấy, tôi làm thư ký ăn tiền ngày cho một công sở ở Quy Nhơn. Quê tôi thuộc làng Cổ By quận Phong Điền tỉnh Thừa Thiên, chỉ cách làng Thanh Tân xứ Ò Ò không đến hai cây số. Tôi vào làm ăn tại Quy Nhơn từ 1925 đến 1945 thì chiến cuộc bùng nổ, tôi mới tản cư về quê nhà.

Chế Lan Viên và tôi xuất bản các tập *Điều tàn* và *Xác thu* trong những điều kiện kinh tế thật ngặt nghèo. Do đó, chúng ta cũng có thể biết được tình trạng gia cảnh của Hàn Mặc Tử lúc bấy giờ ra sao.

Hàn Mặc Tử hoàn toàn thất vọng trong công việc in thơ chàng. Cuối cùng Thế Lữ xuất hiện và

---

(1) Sau khi in xong, *Nam Ký* gởi về Quy Nhơn và hai chúng tôi cùng đến nhận một lượt tại nhà ga.

hứa giúp chàng hoàn thành việc ấy. Thế Lữ là một thi sĩ có danh vọng bậc nhất, thuộc nhóm Tự Lực Văn Đoàn ở Hà Nội. Tôi không hiểu rõ cuộc gặp gỡ giữa Thế Lữ và Hàn Mặc Tử đã xảy ra lúc nào và dịp nào. Tôi chỉ nêu lên một dự đoán mà thôi. Tôi biết Thế Lữ có viếng thăm miền Trung trong một thời gian. Đến Huế, thi sĩ được hướng dẫn đi viếng các chùa chiền và lăng tẩm. Tại đây, thi sĩ đã sáng tác bài *Đêm sông hương*<sup>(1)</sup>. Bài này được xếp vào các bài thơ hay nhất của Thế Lữ. Thăm miền Trung mà không liên lạc với nhóm Trường Thơ LOẠN ở Quy Nhơn là một điều thiếu sót. Hơn nữa, thơ Hàn Mặc Tử (bài *Bên lèn*) đã được chọn đăng trên báo *Ngày nay* và thơ Chế Lan Viên đã được Khái Hưng giới thiệu một cách trọng vọng kính cẩn trên hơn một trang đầy đặc của báo ấy. Tôi cho rằng thời gian viếng thăm miền Trung có lẽ là đã làm mốc nối cho cuộc gặp gỡ hoặc gián tiếp hoặc trực tiếp của hai nhà thơ.

Đến đây, tôi xin làm một dấu ngoặc để cống hiến các bạn yêu thơ câu chuyện Khái Hưng giới thiệu thơ Chế Lan Viên. Hồi đó nhóm Tự Lực Văn Đoàn rất cẩn thận đến nghiêm khắc trong việc chọn các bài thơ, truyện để đăng lên tuần san *Ngày nay*.

(1) Bài này được sáng tác sau khi *Mấy vần thơ* đã xuất bản từ lâu. Đến năm 1956 *Mấy vần thơ* được tái bản tại Sài Gòn do Cường Nam phát hành. Trong tập này, người ta mới thấy bài *Đêm sông Hương* đổi thành bài *Dàn nguyệt* đăng ở trang 89.

Quyền ưu tiên hình như thuộc về đoàn viên trong nhóm. Nhiều độc giả của *Ngày nay* rất lấy làm ngạc nhiên khi thấy Khái Hưng giới thiệu thơ Lan Viên một cách rất đầy đủ. Về sau, chúng tôi mới biết lý do. Khái Hưng đã lầm tưởng Chế Lan Viên là một người dòng dõi Chăm thật, có bà con hoặc liên hệ với Chế Bồng Nga vì Lan Viên quê quán ở thành Bình Định<sup>(1)</sup>, thuộc phần đất của người Chăm thời trước. Mãi đến khi Khái Hưng biết chắc chắn Chế Lan Viên là một thi sĩ Việt mang bút hiệu người Chăm, thì trên tuần san *Ngày nay*, người ta không thấy xuất hiện một dòng chữ nào nói về thi ca của Chế Lan Viên nữa.

Trở lại câu chuyện Thế Lữ lo giúp việc in thơ Hàn Mặc Tử. Người bạn thân nhất với chàng là thi sĩ Quách Tấn và người ký giả nghèo ông Trần Thanh Dịch đều không lo nổi công việc xuất bản thơ chàng. Cuối cùng chàng đành đặt tất cả hy vọng vào nhà thơ xứ Bắc. Sau nhiều ngày theo dõi, thúc giục, Hàn Mặc Tử nhận được một tin đầy tang tóc kết thúc công việc in thơ chàng. Thế Lữ vừa cho chàng biết rằng trên một chuyến tàu xuôi về Hải Phòng, tập thơ của chàng đã bị bỏ quên và không tìm lại được nữa.

Cái tim đèn hy vọng của Hàn Mặc Tử, trong giờ phút này nó dài ra, có hình dáng của một con rít

(1) Thành Bình Định là tỉnh lỵ của tỉnh Bình Định lúc bấy giờ ở cách Quy Nhơn 18 cây số, về phía Bắc.

ngìn chân đang trườn lên, chậm chạp, uốn khúc... cố gắng mang chút ánh sáng cuối cùng đến một nơi không có tên tuổi trong sử sách của loài người.

Năm 1940, Hàn Mặc Tử từ trần.

Tháng 2 năm 1942, tập truyện ký HÀN MẶC TỬ của Trần Thanh Mai ra đời, do Nhà xuất bản *Võ Doãn Mai* phụ trách ấn loát. Sách dày độ 200 trang, trình bày đẹp, được rất nhiều độc giả chú ý.

Ba tháng sau, một sự việc đã xảy ra giữa Trần Thanh Mai và thi sĩ Quách Tấn, tờ báo *Tràng An* ở Huế là trung tâm cuộc đối thoại giữa hai nhà văn nhà thơ.

Trên báo *Tràng An* số 18 ngày 23-5-1942, Trần Thanh Mai thanh minh như sau : "*Một mặt thì sự nghiệp thi ca của Hàn Mặc Tử gồm tất cả ngót mười tập : có thể tổng cộng ngót vài nghìn trang nghĩa là ngót sáu vạn câu. Một mặt sách của tôi gồm gần 300 trang nghĩa là gần một vạn câu, mà những bài trích dẫn cộng chừng mười trang vào lối không đầy 300 câu*".

Vẫn trên báo *Tràng An* số 38 ngày 21-7-1942, Quách Tấn lại phản đối : "*Hàn Mặc Tử sinh thời không hề ưng thuận cho Trần quân dùng văn nghiệp của mình : sau khi Tử mất, gia đình Tử không hề tỏ lời ưng thuận cho Trần quân trích văn thơ của Tử. Tôi cũng không ưng thuận, trái lại còn có ý phản đối là khác*".

Với những luận điệu trên, lẽ tất nhiên chúng ta hiểu rằng Quách Tấn đã có đầy đủ giấy tờ hợp pháp về việc trích thơ cũng như in thơ của Hàn Mặc Tử. Trái lại, Trần Thanh Mai chỉ trích thơ Hàn Mặc Tử trong dịp phê bình và giới thiệu một thi tài mà thôi.

Người thua kiện cho Trần Thanh Mai, trong lúc phê bình, đã trích thơ và văn quá nhiều, có khi chép trọn cả bài. Hành động của Trần Thanh Mai có hại về sau này khi gia đình Hàn Mặc Tử hoặc Quách Tấn cho xuất bản thơ chàng.

Người bị kiện lý luận là muốn giới thiệu một thi phẩm, điều thiết yếu là phải trích những đoạn thơ hay ở trong thi phẩm ấy.

Cuộc đối thoại kéo dài ra mãi và cuối cùng câu chuyện được mang ra trước tòa án. Lần đầu tiên ở nước ta có một vụ án mang tính cách "văn nghệ".

Cuộc đối thoại ở đây không có tính chất của một cuộc tranh luận về một quan điểm văn chương hoặc luân lý trong thi phẩm, như cuộc tranh luận về tính thần tập bi kịch *Le Cid* của Corneille ở Pháp<sup>(1)</sup>, hoặc một cuộc tranh luận về luân lý *Thuyện Kiều* ở xứ ta<sup>(2)</sup>.

Nói rõ hơn, cuộc thua kiện này chỉ mang một chủ đề như sau : *Việc in và trích thơ Hàn Mặc Tử*.

(1) La Querelle de Cid.

(2) Cuộc tranh luận xảy ra giữa phái cách mạng gồm có cụ Ngô Đức Kế, Huỳnh Thúc Kháng và nhóm nhà văn Phạm Quỳnh, Hoài Thanh, Lưu Trọng Lư.

Người có đầy đủ tư cách pháp lý để in và trích thơ Hàn Mặc Tử thua kiện một người thiếu tư cách ấy về lối trích thơ quá nhiều. Người không đủ điều kiện in thơ Hàn Mặc Tử, lại say mê thơ chàng, muốn phê bình và giới thiệu một kỳ tài cho độc giả bốn phương. Công việc phê bình một tác phẩm bao giờ cũng cần kèm theo những dẫn chứng cụ thể để làm tài liệu bênh vực luận thuyết của mình thêm vững chắc.

Cả hai bên nguyên cáo và bị cáo đều đúng lý.

Phiên tòa được triệu tập. Người ta chưa bao giờ thấy một điều khoản nào của Hộ hay Hình luật Việt Nam từ trước tới nay nói về tình cách của những vụ kiện thuộc về loại này. Do đó, đến ngày vụ kiện được đem ra xử, thiên hạ hiếu kỳ đến xem rất đông, các hành lang của tòa án không đủ chỗ đứng, nhiều nhất là giới văn nghệ sĩ và học giả ở Cổ đô.

Một lần nữa, chiếc đũa thần của số mệnh cũng đã an bài mọi việc ở đây. Phiên tòa được chủ trì bởi một nhà văn nổi tiếng : ông Nguyễn Tiến Lãng, tác giả của tập *Tình xưa và Indochine la Douce*. Ông cũng là người đã phê bình Tản Đà, đề tựa cuốn *Anh và Em* của Lan Sơn. Với chức vụ Phủ thừa, tỉnh Thừa Thiên, ông ngồi ghế chánh án.<sup>(1)</sup>

(1) Vị trí Phủ thừa tỉnh Thừa Thiên hiện nay ở trong khuôn viên Tỉnh đường Thừa Thiên.

Trong vụ kiện này, hai bên đều không muốn trạng sư, chỉ có những chứng nhân. Hồi đó, Quách Tấn có ý muốn nhờ Lan Viên - hiện là giáo sư quốc văn trường Trung học Việt Anh ở Huế đến làm chứng nhân. Tôi không biết rõ Lan Viên có mặt trong buổi này không ?

Chúng ta có thể nói rằng vị quan tòa nhà văn này đã theo dõi cuộc đối thoại giữa Quách Tấn và Trần Thanh Mai từ lâu, nên ông đã rút được một kết luận rất khéo léo, do lòng người mà có, rất hợp tình hợp lý, mà không cần cứ vào một luật lệ nào cả. Với những tài liệu quá đầy đủ trên báo *Tràng An*, ông Nguyễn Tiến Lãng đã mang lại cho vụ kiện một màu sắc rất trang nhã và hứng thú làm cho đôi bên đều thỏa lòng chấp thuận. Theo ông, thi sĩ Quách Tấn, nhà thơ Đường luật của nước ta, không phải vì lợi riêng mà đòi cho được trọn quyền in thơ Hàn Mặc Tử. Trái lại, Trần Thanh Mai nhà phê bình văn học có nhiều danh vọng, cho xuất bản tập truyện ký *Hàn Mặc Tử*, không bao giờ có ý nghĩ về việc làm tiền. Ông chỉ có lời khuyên là khi sách bán được, tác giả nên chia một số tiền lời cho gia đình Hàn Mặc Tử.

Phiên tòa chấm dứt.

Từ trước đến nay, chúng ta chưa thấy một vụ kiện nào mà kết cuộc không có kẻ thắng người bại và đôi bên chịu hòa hoãn, với một lối thoát chung. Sau đó một thời gian, Trần Thanh Mai gởi trả lại Quách Tấn tất cả những tài liệu (bản đánh máy) nói

về Hàn Mặc Tử. Lúc này, chúng ta quả quyết rằng Quách Tấn đã có đủ tất cả thi phẩm của Hàn Mặc Tử.

Chúng ta đang ở vào năm 1942. Khoảng thời gian thuận lợi quyết định cho sự xuất bản toàn tập Thi ca Hàn Mặc Tử có thể nói là từ 1942 đến 1945. Người ta chờ đợi mãi và chỉ thấy xuất đầu lộ diện tập THO HÀN MẶC TỬ thu góp được 38 bài chia ra như sau : 2 bài Đường luật, 24 bài trích ở *Đau thương*, 11 bài trích ở *Xuân như ý* và 1 bài ở *Thượng Thanh Khí*. Sách này do *Đông Phương* ấn hành năm 1942. Hai năm sau, tập văn xuôi rất mỏng CHƠI GIỮA MÙA TRĂNG mới ra đời. Tập di cảo này do Nhà xuất bản *Ngày mới* ấn hành. Sách in xong ngày 10-1-1944 tại Nhà in Ngày Nay ở Hà Nội.

Giới yêu thi văn vẫn chờ đợi toàn tập thi ca HÀN MẶC TỬ và tuyệt nhiên không thấy gì, cho đến năm 1945, chiến cuộc bùng nổ.

Số mệnh lại mở rộng đôi cánh tay làm công việc cuối cùng là kê lên chiếc quan tài của Hàn Mặc Tử câu : Không bao giờ thơ của thi sĩ được xuất bản toàn tập. Quách Tấn đã bỏ qua một cơ hội mà suốt đời không thể nào gặp lại được. Chính thi sĩ Quách Tấn đã thú nhận điều ấy vào năm 1956 tại Huế<sup>(1)</sup>

(1) Trong dịp Ủy ban Văn hóa tỉnh Thừa Thiên tổ chức buổi lễ truy điệu Hàn Mặc Tử vào đêm 11-11-1956 tại Huế.

rằng tất cả thi phẩm của Hàn Mặc Tử mà thi sĩ đã thu thập được, đều mất cả sau ngày thi sĩ tản cư vì chiến cuộc. Thế là hết.

Thơ Ronsard đã bị lãng quên gần hai thế kỷ XVII và XVIII. Lamartine bị từ chối nhọc nhằn ngay trước cửa nhiều nhà xuất bản. Guy de Maupassant luôn luôn được ca tụng, nhưng vì lý do này nọ, người ta không nhận in tác phẩm của ông. Stendhal cũng bị quên gần nửa thế kỷ. Baudelaire cho in thi phẩm *Fleurs du Mal*. Sách được đem bán ngày 25-6-1857. Tác giả chủ nhân nhà in và nhà xuất bản đều bị đưa ra tòa về tội sách có nhiều tư tưởng ô nhục, xấu xa. Baudelaire bị phạt 300 quan tiền. Trong dịp này, nhà văn lỗi lạc của nước Pháp, Victor Hugo, đã viết thư chia buồn cùng Baudelaire với những dòng như sau : "*Một danh dự hiếm có mà chế độ hiện thời có thể ban cho, ông vừa nhận được. Điều mà chế độ ấy gọi là công bằng đã kết tội ông trên danh nghĩa mà chế độ gọi là luân lý : ông lại được thêm một vòng hoa nữa. Tôi bắt tay thi sĩ*".<sup>(1)</sup> Chúng ta cũng cần biết tập *Fleurs du Mal* là thi phẩm hay nhất trong nhiều thi phẩm của Baudelaire. Suốt đời thi sĩ gặp toàn là thất bại và cuộc sống rất túng bấn. Trong những ngày cuối cùng, thi sĩ bị ngọng, không

(1) Une des rares distinctions que le régime actuel peut accorder vous venez de la recevoir. Ce qu'il appelle sa justice vous a condamné au nom de ce qu'il appelle sa morale ; c'est là une couronne de plus. Je vous serre la main, poète. (*Baudelaire par Luc Decannes*, trang 19).

nói được, thọ bệnh và từ trần tại một bệnh viện ở Paris năm 1867.

Các nhà văn, nhà thơ Tây phương cũng không thoát khỏi những trường hợp, hoàn cảnh khó khăn đối với việc xuất bản các tác phẩm. Vậy chúng ta cũng không nên ngạc nhiên khi những thi phẩm của Hàn Mặc Tử không ra đời được.

\*

Bây giờ trở lại câu chuyện vụ kiện "In và trích thơ". Với lòng muốn tìm biết, tôi chậm rãi lật lại những trang sách *Hàn Mặc Tử* của Trần Thanh Mai và tôi tính từng tờ, từng dòng chữ. Sau đây là những con số đáng chú ý :

- |                                                                         |                   |
|-------------------------------------------------------------------------|-------------------|
| 1. Thơ trích của Hàn Mặc Tử                                             | 619 câu           |
| 2. Văn trích trong những thư từ Hàn Mặc Tử viết cho bạn bè và ngược lại | 284 hàng          |
| 3. Văn trích bài <i>Chơi giữa mùa trăng</i>                             | 102 hàng          |
| 4. Văn trích bài <i>La pureté de l'âme</i>                              | 28 hàng           |
| Cộng :                                                                  | <u>1.033 hàng</u> |

Con số 1.033 hàng khác xa với con số 300 câu (hàng) mà Trần Thanh Mai đã thanh minh trên báo *Tràng An*.

Cuốn sách *Hàn Mặc Tử* của Trần Thanh Mai gồm có 163 trang có chữ in, không kể những trang

giấy trắng và những trang chỉ in các đề mục. Mỗi trang trung bình có 32 hàng.

$$32 \times 163 = 5.216 \text{ hàng}$$

Dem đối chiếu hai con số 1.033 và 5.216, người ta sẽ có phân bố 1 trên 5.

Viết một cuốn sách mà phần trích dẫn chiếm hết 1 phần 5 kể ra cũng khá nhiều. Nhà văn ngồi ghế Chánh án Nguyễn Tiến Lãng muốn đền bù vào chỗ "khá nhiều" ấy bằng cách san sẻ bớt một số tiền lời bán sách cho gia đình Hàn Mặc Tử. Trên biên bản giữa phiên tòa thì như thế, nhưng về sau này không ai biết rõ sách bán được bao nhiêu và gia đình thì sẽ có được hưởng số tiền lời ấy hay không ?

Về mặt pháp lý, vụ kiện chỉ mang tính chất của một sự dàn xếp hòa nhã. Nhưng về phương diện tinh thần, chúng ta nhận thấy còn nhiều điều cần được thảo luận.

- Nếu Trần Thanh Mai không xuất bản tập sách *Hàn Mặc Tử*, thì đàn Việt Nam có bị mai một phần nào chăng ? Danh dự và địa vị của Hàn Mặc Tử có phần nào sút kém đi không ?

- Quách Tấn có trọn quyền xuất bản thơ Hàn Mặc Tử đã không làm được việc ấy. Ông có lỗi gì đối với thi sĩ quá cố và với văn học nước nhà ?

Thời gian đã làm tổn thương không ít mối tình bằng hữu giữa Hàn Mặc Tử và Quách Tấn như

những trận mưa đá làm mòn dần phần đất trên các chậu hoa thuộc được. Thời gian cũng biết đánh giá đúng mức công việc trích thơ Hàn Mặc Tử của tác giả *Trông dòng sông Vị và Tuy lý vương*. Định mệnh đã sắp đặt mọi việc. Ngày nay, chúng ta chỉ biết Hàn Mặc Tử qua những tài liệu trích dẫn hoặc những bài do các bạn bè chép lại. Chúng ta bị Tạo hóa đoạt gần hết cái quyền được đọc *toàn tập Thơ Hàn Mặc Tử*. Chúng ta không oán trách vì Tạo hóa đã giúp chúng ta sống một giấc mơ dài, giữa muôn đêm dày ánh trăng vừa huyền hoặc vừa tảo loạn, không muốn cho chúng ta nhìn tận mặt cái "thực" quá xấu xa, quá bi ối của Thực tại.

Cứ mơ ước chờ mong, cứ ra vào lối mộng, cứ phiêu diêu theo mây theo gió để tìm gặp Hàn Mặc Tử hơn là đọc hết, thuộc lòng thơ chàng. Cái chất rất thực của Thơ linh hiển mãi qua thời gian, qua không gian. Cái hồn thơ trình nguyên chỉ xuất hiện trong tâm tư giữa những giờ phút linh diệu nhất của cuộc đời. Đọc thơ không thích thú bằng cảm thơ. Hàn Mặc Tử đã viết : "*Thơ bao giờ cũng tại tâm chứ không tại cảnh... Cảnh là điều giả dối, phù vân mà tâm mới chân thành, trường cửu...*".

Vậy ta phải dùng tâm, dùng hồn để cảm thơ chàng hơn là đọc bằng mắt bằng miệng. Thơ chàng không làm nhiệm vụ thu hút độc giả. Một phần lớn giá trị thơ chàng là gây được nhiều xúc cảm để len

lỏi thật xa, thật sâu vào những buồng góc kín đáo nhất của tâm tư con người.

Đối với đời sống thực tế, vụ kiện trên chỉ gây được một điểm đáng lưu ý là dựng nên cái "có" giữa những cái chưa bao giờ thấy "có" ở những nơi tượng trưng cho luật pháp. Nhưng về đời sống tâm linh, vụ kiện lại có nhiều giá trị là đã tạo nên một cơ hội thuận tiện độc nhất để chúng ta kiểm điểm lại những ý tưởng : ngang trái, mâu thuẫn, phi lý, qua các dấu vết mà Tạo hóa đã để lại trên thi thể của một con người không còn nữa. Kết quả vụ kiện - nhìn về bề sâu - không phải sự thành bại, mà là sự phơi bày trần trụi một vụ sát nhân, trong đó Tạo hóa chính là kẻ đao phủ và Thi nhân lúc nào và bao giờ cũng mang cái thân phận tan nát với cỏ cây.

(Trích trong cuốn *Hàn Mặc Tử*)

## HÀN MẶC TỬ, ĐAU THƯƠNG VÀ SÁNG TẠO

*Nguyễn Kim Chương*

*Không rên siết là thơ vô nghĩa lý*

H.M.T

Nhĩ đến những người làm văn học nghệ thuật của chúng ta nói chung, những nhà thơ nói riêng, đã đi về bên kia cuộc đời lúc tuổi đời còn thật trẻ trong khoảng mấy mươi năm trở lại đây, hình ảnh là cái chết của Hàn Mặc Tử, luôn luôn là một ám ảnh thường xuyên, một nỗi chết không rời trong trí tưởng tôi.

Thực ra, đối với những con người Việt Nam chúng ta, cái chết vốn không phải là một điều lạ lùng gì mà ngược lại, còn sống đến hôm nay mới thực là một việc kỳ lạ. Thế nhưng nghĩ đến Hàn Mặc Tử, tôi luôn luôn mang một mặc cảm là đã xử tệ với nhà thơ, đã để nhà thơ sống một đời trong đau thương và chết đi trong lặng lẽ, trong sự hững hờ xa lánh của người đời, của tôi, của anh, của chúng ta để đi vào lòng đất xa lạ của một vùng trời Quy Nhơn nhiều gió gào và tiếng sóng bể.

Có lẽ cũng mang một mặc cảm như vậy, nên khi nhận định về thơ Hàn Mặc Tử, Hoài Thanh, Hoài Chân đã giải tỏa cái mặc cảm đó trong *Thi nhân Việt Nam* như sau :

*"Một người đau khổ nhường ấy, lúc sống ta hững hờ bỏ quên, bây giờ mất rồi ta xúm lại kẻ chê người khen. Chê hay khen rồi đều thấy có gì bất nhẫn.*

*(TNVN trang 215)*

Thực vậy, như Hoài Thanh, Hoài Chân đã nhận định, hơn ai hết, Hàn Mặc Tử đã sống một cuộc đời trong đau thương. Con người ấy đã lia đời khi tuổi đời thật còn trẻ nhưng tội nghiệp thay cho nhà thơ, ông là người không có một tuổi trẻ. Bối lẽ với thi sĩ, tuổi trẻ của ông không phải là một hiện tại tươi đẹp với những dự phóng về tương lai rực rỡ mà hiện tại chỉ là những chuỗi ngày đau thương vì bệnh tật và sự hắt hủi của tình đời và người đời. Tâm hồn ông vì thế, nó già cỗi từ bao giờ, già cỗi từ khi mới thoát sinh ra làm người, khi vừa nhận những dòng máu của thân sinh luân lưu trong huyết quản :

*Xin dâng này máu đang tươi,*

*Này đây nước mắt giọng cười theo nhau*

*Mới hay phong vị nhiệm màu,*

*Môi chửa nhấp cạn mạch sâu đã tuôn.*

Làm sao có được tuổi trẻ khi mà sống trong Tình yêu - biểu tượng cụ thể nhất của tuổi trẻ - Hàn Mặc Tử cũng không có được một giây phút bình yên và hạnh phúc để hưởng thụ ái tình như một con người bình thường :

*Trời hỏi bao giờ tôi chết đi ?  
Bao giờ tôi biết được yêu vì ?  
Bao giờ mặt nhật tan thành máu ?  
Và khối lòng tôi cũng tọ si ?*

Làm sao có thể an hưởng được Hạnh phúc như mọi người khi vừa bước vào đời, con người đó đã tiên tri số phận mình là một số phận đau thương được làm nên bằng những "gió bụi" của cuộc đời và bằng những "tiếng khóc" của lòng mình khi nhà thơ dùng những bút hiệu Phong Trần và Lệ Thanh để ký tên vào những bài văn, thơ đầu của sự nghiệp mình ?

Thực vậy, đọc thơ của Hàn Mặc Tử chúng ta luôn thấy ông bị ám ảnh bởi gió, bởi nước mắt và máu :

*...Trời hỏi làm sao cho khỏi đời,  
Gió, trăng có sẵn làm sao ăn ?  
Làm sao giết được người trong mộng ?  
Để trả thù duyên kiếp phũ phàng !  
...Anh rõ trước sẽ có ngày cách biệt  
Ngó như gần nhưng vẫn thiệt xa khơi !  
Lau mắt đi, đừng cho lệ đầy vơi  
Hãy mừng tượng một người thơ đang sống  
Trong im lìm lẻ loi trong dây động,  
- Cũng hình như, em hỏi ! Động Huyền không !  
Mà đêm nghe Tiếng khóc ở đáy lòng,  
Ở trong phổi, trong tim, trong hồn nữa...  
...Máu tim ta tuôn ra làm biển cả,  
Mà sóng lòng rồn rập như mây trời...*

Máu, lệ, gió, trăng chỉ là những hiện thể của đau thương, của những nỗi đau khổ trần gian và kiếp người mà ông phải chịu nhận. Thế nhưng, không như phần lớn con người tầm thường chúng ta, đau thương làm hèn yếu, suy nhược thể xác và tinh thần chúng ta khiến ta ghê sợ hay kinh tởm, với Hàn Mặc Tử đau thương mang một nội dung lưỡng giá (am-bivalent) : nó làm cho nhà thơ suy nhược thể xác nhưng làm lớn dậy tâm hồn ông.

Thực vậy, đau thương đã hành hạ xác thân ông nhưng ngược lại nó đã cung cấp cho ông những nguồn năng lực sáng tạo vô biên :

*"Nàng đánh tôi đau quá, tôi bật ra tiếng khóc,  
tiếng gào, tiếng rú... Có ai ngăn cản được tiếng lòng  
tôi".*

(- *Chơi giữa mùa trăng*, H.M.T.)

Vì vậy, Hàn Mặc Tử có một sở thích thoát nhìn có tính cách bệnh hoạn nhưng nghĩ cho cùng, đó là một nhu cầu tối yếu của nhà thơ : nhu cầu sáng tạo. Sở thích đó là muốn được nhìn thấy máu của mình chảy, và máu càng chảy thì ông càng cảm thấy khoái lạc vì máu càng chảy, thơ của ông càng tuôn ra tràn đầy :

*Lời thơ ngậm cứng không rên rỉ,  
Và máu tim anh vọt lúng lại.  
Thơ ở trong lòng reo chẳng ngớt,  
Tiếng vang tha thiết dội muôn nơi*

Bởi lẽ đó Hàn Mặc Tử đã say mê cái thú đau thương này hơn cả người tình hay yêu hơn cả chính mình nữa :

*Cứ để ta ngất ngư trong vũng huyết.  
Trải niềm đau trên mảnh giấy mong manh.  
Dừng nắm lại, nguồn thơ ta đang siết,  
Cả lòng ai trong mở chữ rung rinh.*

Gió trắng, nước mắt và nhất là máu đối với Hàn Mặc Tử là nguồn sống, là chất liệu, là nguồn cảm hứng sáng tạo của ông. Bàn về ảnh hưởng của máu đối với thơ Hàn Mặc Tử, chúng ta có thể mượn lời của nhà văn Jean Pierre Richard nhận định về máu trong thơ Baudelaire như sau để nói về sự quan trọng của máu đối với cả hai thi sĩ : "*Surtout le sang féconde, il apaise le soif, lui aussi est un père nourricier*" (**Poésie et Profondeur**, trang 108).

Vì vậy nếu một Đinh Hùng so sánh mặt trời với một vết thương đầm máu :

*Một mặt trời đầm máu xuống sau lưng*

*(Bài ca man rợ - Mê hồn ca)*

thì ngược lại, Hàn Mặc Tử làm cho thân thể đầm máu để biến thành mặt trời, thành nguồn sáng tạo.

*Bao giờ mặt nhật tan thành máu ?*

*Và cõi lòng tôi cứng tợ si ?*

Do đó, với thi sĩ, nếu một mai khi máu khô cứng thì tình của ông cũng sẽ mất, thơ cũng chết và nguồn năng lực sáng tạo cũng sẽ cạn :

*Máu đã khô rồi, thơ cũng khô,  
Tình ta chết yếu tụt bao giờ*

Vì thế như nhà văn Huỳnh Phan Anh đã nghĩ trong *Văn chương và kinh nghiệm Hu* vô tôi cũng thấy rằng "Có lẽ không phải tình cò mà tập thơ xuất sắc nhất của thi sĩ nhan đề *Đau thương*" (trang 120). Bởi vì có gì dễ hiểu hơn khi đối với Hàn Mặc Tử, đau thương không những chỉ là một cái thú mà nó còn là nguồn cảm hứng, là chất liệu sáng tạo của thơ nữa. Trong khi thi sĩ đã đau khổ cùng cực "đến gần đứt cả sự sống" và đối lại, đau thương đã cung cấp cho ông những nguồn sáng tạo vô biên thì làm sao thơ của ông không dính đến máu, không nói đến đau thương cho được ?

Đối với Hàn Mặc Tử *Hương thơm* là đau thương của khứu giác, *Mặt đắng* là đau thương của vị giác, *Máu cuồng* là đau thương của thân thể rỉ ra để biến thành dòng chữ những đứa con tinh thần mà tác giả đã tốn bao công lao bóp tim, nặn óc :

*Ta muốn hồn trào ra dầu ngon bứt,*

*Bao lời thơ đều dính não cần ta.*

*Bao dòng chữ quay cuồng như máu vọt,*

*Cho mê man chết điếng cả làn da.*

Do đó, nhà thơ chỉ cần sống trong đau thương để rồi chết vì đau thương và trong đau thương nhưng miễn là làm thế nào đau thương có thể giúp ông chất liệu để sáng tạo là đủ. Bởi vì "sáng tạo là sống

đến hai lần". - Créer, C'est vivre 2 fois - nói như A.Camus, cho nên hãy còn sống được phút giây nào - dù sống đau thương - Hàn Mặc Tử vẫn còn sáng tạo và dùng đau thương làm chất liệu để sáng tạo.

Trong ý hướng đó, đau thương đã làm lớn dậy con người Hàn Mặc Tử và làm cho nhà thơ sống mãi trong lòng những người yêu thơ vậy.

Trong *Phác họa một cơ cấu luận*  
cho *Thi ca VN*.  
Đã đăng tạp chí *Văn học* 20-12-1974

## ĐỌC LẠI *CHƠI GIỮA MÙA TRĂNG* CỦA HÀN MẶC TỬ

Lê Huy Oanh

❧uốn *Chơi giữa mùa trăng* gồm có 10 bài :

- Các bài *Chơi giữa mùa trăng*, *Mùa thu đã tới*, *Kêu gọi*, *Khao khát*, *Tình*, *La Pureté de l'âme* có kèm bản dịch Việt ngữ của chính Hàn đều có thể được coi như những bài tùy bút được viết theo thể văn xuôi thi vị hóa (tương tự như thơ xuôi).

- Hai bài *Thơ* và *Ra đời* thuộc thể thơ xuôi thuần túy.

- Hai bài *Quan niệm thơ* và *Chiêm bao với sự thực* có tính chất nghị luận.

Chúng ta hãy lần lượt xét từng bài trong tập sách.

### Bài 1 : *CHƠI GIỮA MÙA TRĂNG*

Trong các bài thơ của ông, Hàn Mặc Tử rất hay nói tới trăng. Vì sao ông đã bị trăng ám ảnh mãnh liệt như thế ? Có người viện lý do cho rằng trong trường hợp người mắc bệnh cùi, trăng càng sáng tỏ thể xác và tâm hồn họ càng bị náo động, bởi thế mà họ bị trăng ám ảnh. Riêng tôi, tôi không tin cái

lý do y học đó là xác thực. Theo ý tôi, sở dĩ Hàn Mặc Tử hay nói đến trăng là vì ông rất ưa thích trăng. Sự ưa thích đó vốn có lý do của nó : ánh trăng thường tạo cho cảnh vật một vẻ mơ hồ huyền ảo rất hợp với tâm hồn ông. Hàn Mặc Tử là người ưa sống trong cảnh mộng, và ánh trăng thường biến cho ông những cảnh mộng tuyệt vời. Trong rất nhiều bài thơ của ông ở tập *Thơ Hàn Mặc Tử*, ông đã nói tới trăng hoặc nhiều hoặc ít. Nhìn sang tập *Chơi giữa mùa trăng*, bài đầu tiên, với cái nhan đề được dùng làm nhan đề chung cho cuốn sách, là một bài tràn ngập ánh trăng. Thiết tưởng chưa cần đọc nội dung bài đó, mới chỉ đọc cái nhan đề người ta đã thấy ánh trăng bao la, chứa chan ở đó rồi.

Trăng trong bài này là trăng mùa thu, nói rõ hơn nữa, trăng rằm trung thu. Trăng lan tỏa trên mặt sông biến dòng sông thành một "đường trăng trải chiếu vàng". Hai bên bờ sông cực kỳ êm ả với những động cát và rừng xanh. Nhà thơ của chúng ta bơi thuyền trên sông trăng. Không phải chỉ có một mình chàng, trên thuyền còn một người nữa : chị chàng. Hai chị em bơi thuyền đi "chơi giữa mùa trăng". Các bạn còn đợi gì, không kiếm lấy một chiếc thuyền con bơi theo họ. Đêm trăng trên sông có những gì ? Trước hết là ánh sáng, dĩ nhiên, một thứ ánh sáng tỏa ra thật rộng. Rồi đến hương thơm mà gió thu mang tới ; "một thứ mùi gì ngào ngạt như mùi băng phiến ; trong ấy biết đâu lại không phảng phất những

*tiếng kêu rên của thương nhớ xa xưa...*". Sau nữa là cái vẻ huyền ảo tựa như trong chiêm bao :

*"Thuyền đi êm ái quá, chúng tôi cứ ngỡ là đi trong vùng chiêm bao, và say sưa và ngây ngất vì ánh sáng, hai chị em như mê mê không còn biết có mình và nhận mình là ai nữa. Huyền ảo khởi sự. Mỗi phút trăng lên mỗi cao, khí hậu cũng tăng sức ôn hòa lên mấy độ, và trí tuệ, và mộng, và thơ, và nước, và thuyền dâng lên, đồng dâng lên như khói... Ở thượng tầng không khí, sông Ngân Hà trinh bạch đương đắm chìm các ngôi sao di lạc đường. Chị tôi bỗng reo to lên : "Đã gần tới sông Ngân rồi ! Chèo mau lên em ! Ta cho thuyền đậu ở bến Hàn Giang !"*

*Đi trong thuyền chúng tôi có cái cảm tưởng lý thú là đương chở một thuyền hào quang, một thuyền châu ngọc, vì luôn luôn có những vì tinh tú hình như rơi rụng xuống thuyền..."*

Chúng ta không biết rõ quả thật hai chị em Nguyễn Trọng Trí có từng chèo thuyền đi chơi sông trăng bao giờ hay không. Dầu có thật hay không thì chúng ta cũng vẫn thấy rõ rằng Hàn Mặc Tử đã vận dụng trí tưởng tượng để tạo dựng (hoặc tô điểm) cuộc "chơi giữa mùa trăng" đó thành một biểu tượng. Sự huyền ảo tinh khiết của cảnh đó tượng trưng cho cõi Mộng của tác giả, bởi đối với Hàn Mặc Tử chỉ trong cõi mộng, chàng mới thấy mình lâng lâng vui sướng.

"Sao đêm nay kiều diễm như bức tranh linh động thế này ? Tôi muốn hỏi chị tôi có thấy ngọt ngào trong cổ họng như vừa uống xong một ngụm nước lạnh, mát đến tận hết cả lưỡi và hàm răng ? Chị tôi làm thính, - mà từng lá trắng rơi trên xiêm áo như những mảnh nhạc vàng..."

Trong tâm trí Hàn Mặc Tử, thường có hai điều tượng trưng cho sự thanh khiết ; đó là ánh trăng và thánh nữ đồng trinh Maria. Trong *Chơi giữa mùa trăng*, Hàn Mặc Tử đã kết hợp hai sự tinh khiết đó lại với nhau :

"Bây giờ chúng tôi đang ở giữa mùa trăng, mở mắt cũng không thấy rõ đâu là chín phương trời, mười phương Phật nữa. Cả không gian đều chấp chờ những màu sắc phiến diện đến nỗi đôi đồng tử của chị tôi và tôi lơ đãng vì chói lọi... Ở chỗ nào cũng có trăng, có ánh sáng cả, tưởng chừng như bầu thế giới chờ chúng tôi cũng đang ngập lụt trong trăng và đang trôi nổi bình bồng đến một địa cầu nào khác.

Ánh sáng tràn trề, ánh sáng tràn lan, chị tôi và tôi đều ngả vật áo ra bọc lấy, như bọc lấy đồ châu báu...

Tôi bỗng thấy chị tôi có vẻ thanh thoát quá, tình khôi tươi tốt và oai nghi như pho tượng Đức Bà Maria là bậc tình truyền chí thánh. Tôi muốn sốt sắng quỳ lạy mong ơn bào chữa. Nhưng trời ơi, sao đêm nay chị tôi đẹp đến thế này. Nước da của chị tôi đã

trắng, mà vận áo quần bằng hàng trắng nữa, trông thanh sạch quá đi.

Tôi nắm tay chị tôi giật lia lịa và hỏi một câu hỏi tức cười làm sao : "Có phải chị không hở chị ?" Tôi run run khi tôi có cái ý nghĩ : Chị tôi là một nàng Ngọc Nữ, một hồn ma, hay một yêu tinh. Nhưng tôi lại phì cười và vội reo lên "A ha, chị Lễ ơi, chị là trăng mà em đây cũng là trăng nữa".

Bài *Chơi giữa mùa trăng* chứa đựng một trong những nguồn tư tưởng thiết yếu của Hàn Mặc Tử, thứ tư tưởng trong sạch thánh thiện được biểu dương bằng ánh trăng vàng. Nó còn bày tỏ cái tư tưởng siêu thoát của Hàn Mặc Tử, kẻ vốn muốn xa lánh những cảnh ô trọc, trầm luân của cuộc sống thực tế, nên thường hay tạo cho mình những cõi Mộng riêng để mà ẩn náu trong đó.

*Chơi giữa mùa trăng* là một bài văn loại thơ xuôi rất đặc sắc, cả về nội dung lẫn hình thức.

## Bài 2 và bài 3 :

### MÙA THU ĐẮT TỐI và KÊU GỌI

Hai bài này cũng là thứ tùy bút viết bằng thứ văn xuôi thi vị hóa. Các ý tưởng được phát biểu trong này rất rời rạc mơ hồ, đôi khi nghe như những lời mê sảng. Có ba ý tưởng đáng kể liên hệ tới hạnh phúc, tài hoa, và những phút vui vô giá.

Nói tới hạnh phúc, Hàn Mặc Tử viết :

*"Tận hưởng cái thú vị của hạnh phúc trong một phút mê, nghĩa là đã sống đầy đủ vậy. - Hãy cầu nguyện với vì Ác tình xuống họa cho người để nghe rõ tiếng kêu thương, vì hạnh phúc nằm trong đau khổ".*

Bàn về tài hoa, Hàn Mặc Tử hạ bút :

*"Nhà nghệ sĩ bao giờ cũng điên. Tài năng thì có giới hạn. Dám đem tài mọn làm rộn nước mây. Sẽ bị mạng trời đánh ngã. - Than ôi ! Tài hoa là một điều tai hại".*

Sang bài *Kêu gọi*, tác giả tuyên bố : *Lòng ta hừng hực mỗi khi nắng hanh lên. Ấy là dấu hiệu mùa thơ đã chín.* Nhân đó, ông kêu gọi : *Gặt hái cho mau, kẻo ngọn thơ càng cao, người thơ càng điên dại. Nàng ơi, hãy mượn lưỡi liềm của trăng non mà hái, xin đừng dẫm lên bờ lòng ta.*

Theo ý của riêng tôi, bài *Mùa thu đã tới* cũng như bài *Kêu gọi* không có gì đặc sắc. Chúng ta nhận ra một điều này : Người ta vừa mới có được một bài tuyệt hay như *Chơi giữa mùa trăng*, liền ngay đó lại đã có những bài rất thường. Nhưng có hề chi, cái tâm thường của hai bài sau càng làm tăng thêm vẻ đặc sắc của bài trước.

#### Bài 4 : QUAN NIỆM THƠ

Đây là một bài nghị luận mà Hàn Mặc Tử đã viết gửi cho Trọng Miên để giải bày vài điều quan trọng trong đường lối sáng tạo của ông, bằng cách so sánh, về vài điểm, thơ ông với thơ Baudelaire.

Trước hết chúng ta nên biết qua về Baudelaire.

Ông này là thi sĩ lớn của Pháp thế kỷ 19, được coi như cây cầu nối giữa hai thế giới thi ca Cổ và Mới. Ông là tác giả thi phẩm *Les Fleurs du Mal*, một thi phẩm đã phát biểu một cách can đảm, táo bạo tất cả mọi khía cạnh tốt xấu của tâm trạng con người.

Hàn Mặc Tử cho rằng thơ ông và thơ Baudelaire có điểm đồng và điểm dị : theo nhận định của Hàn, Hàn giống Baudelaire ở chỗ "ông đã phát tiết tinh lực của hồn, của máu, bằng những câu thơ ngắt đi vì khoái lạc. Nhưng chính trong cái đồng đó lại có vài điểm khác biệt. Bởi vì, theo ý Hàn Mặc Tử, Baudelaire đã biểu lộ tình cảm - hay cảm hứng (enthousiasme) - với dục tình (passion). Dĩ nhiên, khi Hàn Mặc Tử bảo Baudelaire là "hiếu lăm", tức thị Hàn có ý tự coi mình mới là "hiếu đúng". Đúng ở chỗ phân biệt rõ trắng đen "tình cảm" với "dục tình". Hàn viết : *"Tình cảm là sự thanh bạch hồn nhiên, không có một chút gì bợn nhơ, tội lỗi, còn dục tình là cả một sự ham muốn phi thường ngoài điều răn của Đức Chúa Trời".*

Có một lúc, khi bàn về trách nhiệm của nhà thơ, Hàn Mặc Tử đã lập luận một cách rất duy tâm và khá giàu tưởng tượng như thế này :

"Đức Chúa Trời tạo ra trăng, hoa, nhạc, hương là để cho người đời hưởng thụ, nhưng người đời u mê phần nhiều không biết tận hưởng một cách say sưa, và nhân đấy, chiêm nghiệm lẽ mầu nhiệm, phép tắc của Đấng Chí Tôn. Vì thế, trừ hai loài trọng vọng là "thiên thần và loài người ta", Đức Chúa Trời phải cho ra đời một loài thứ ba nữa : loài Thi sĩ. Loài này là những bông hoa rất quý và rất hiếm, sinh ra đời với một sứ mạng rất thiêng liêng : phải biết tận hưởng những công trình châu báu của Đức Chúa Trời đã gây nên, ca ngợi quyền phép của người, và trút vào linh hồn người ta, những nguồn khoái lạc để mê, nhưng rất thơm tho tinh sạch".

Lập luận của Hàn có đúng hay không, cái đó còn tùy theo hạng người đọc. Nếu bạn là người cũng có đầu óc duy thần hạng nặng như Hàn thì có thể bạn sẽ coi lập luận đó là hữu lý.

Có điều, lập luận đó giúp chúng ta phân biệt được hai quan niệm sáng tác (và cũng là quan niệm sống) của Baudelaire và Hàn Mặc Tử. Baudelaire chỉ lưu ý tìm kiếm cái Đẹp mà bất cần quan tâm cái Đẹp đó phát nguyên từ Thượng Đế hay từ quỹ Sa Tăng. Còn Hàn Mặc Tử là một người sùng đạo Thiên Chúa nên cho rằng trong vũ trụ này chỉ có Thượng Đế là nguồn phát sinh cái Đẹp mà thôi, điều

gì trái với quy luật của Thượng Đế đều không còn phải là cái Đẹp.

Lý luận đó của Hàn Mặc Tử có đặc về chủ quan của một tín đồ đạo giáo ; tuy nhiên, khi ông bàn tới cái "định mệnh tàn khốc" của một thi sĩ, giọng ông có vẻ phổ quát hơn :

"Bởi muốn cho loài thi sĩ làm tròn nhiệm vụ ở thế gian này, - nghĩa là tạo ra những tác phẩm tuyệt diệu, lưu danh lại muôn đời - Người<sup>(1)</sup> bắt chúng ta phải mua bằng giá máu, luôn luôn có một định mệnh tàn khốc theo riết bên mình".

Ở đoạn cuối bài *Quan Niệm thơ*, Hàn Mặc Tử có viện dẫn câu sau đây của Baudelaire : *La poésie ne peut pas sous peine de mort ou de déchéance, s'assimiler à la science ou à la morale. Elle n'a pas la vérité pour objet, elle n'a qu'elle même*<sup>(2)</sup> rồi ông đã kích Baudelaire bằng những lời như sau :

---

(1) Người : Thượng Đế (LHO),

(2) Câu này có nghĩa là : "Dầu có bị sự tử hình hoặc sự truất quyền đe dọa chẳng nữa, thơ cũng không thể nào hòa đồng được với khoa học hoặc với luân lý. Thơ không có chân lý để làm đối tượng, nó chỉ có chính nó thôi". Trong bài *Quan Niệm Thơ*, Hàn Mặc Tử đã phỏng dịch câu đó như thế này : "Thơ văn không thể dung hòa với khoa học hay luân lý (hoặc tôn giáo cũng thế) và thơ văn không thể lấy chân lý làm chủ đích được, thơ chỉ là thơ".

"Baudelaire nói trái nghịch với lẽ tự nhiên. Sở dĩ thơ vẫn được phong phú dồi dào, phát triển hết cả anh hoa huyền bí, và vượt lên trên những tầng biên giới tân kỳ mới cũng nhờ khoa học điểm chuyết cả. Còn luân lý là tiêu chuẩn cho văn thơ, không có nó thì thơ vẫn chẳng có ra cái mùi mẫn gì nữa. Nếu để thơ trở trọi một mình, thơ sẽ lạt lẽo vô duyên, không có phong vị gì nữa. Baudelaire thuộc về phái vô thần, nên không tin có chân lý, không nhận chân lý là tiêu chuẩn cho văn thơ. Còn Trí phải lấy Đức Chúa Trời làm Chân Lý, làm tiêu chuẩn cho văn thơ. Văn thơ không phải bởi không mà có".

Lại thêm một lần nữa, người ta được nghe cái luận điệu say sưa hăng hái đầy chủ quan của tín đồ Hàn Mặc Tử trong việc biểu dương Đức Chúa Trời.

### **Bài 5 và bài 6 : KHAO KHÁT và TÌNH**

Đây lại là hai bài tùy bút bằng văn xuôi thi vị hóa. Bài trên bày tỏ nỗi thèm khát của tác giả đối với "mỹ vị của nguồn đạo ngày xưa". Có lẽ đây là một nỗi thèm khát hoài hoài không bao giờ thỏa mãn được.

Bài dưới nói tới tình, về ảnh hưởng của những tình cảm, tình hoài đối với tác giả. Tình toát ra từ khắp nơi. Ở nội giới cũng như ngoại giới con người tác giả. Nhưng cuối cùng tác giả kết luận :

"Tôi làm mất tình rồi, chứ tôi đang kiếm đây. Không biết những tiếng hát đầu mùa có gặp cùng chăng ?

Thôi thôi ! Đã có cô vãi non nào chặn bắt tình tôi, đem về chùa đốt ra khói hương thơm".

Theo ý tôi, hai bài văn này tầm thường, không có gì đặc sắc.

### **Bài 7 và bài 8 : THƠ và RA ĐỜI**

Bài *Thơ* là bài mà Hàn Mặc Tử đã viết làm bài "tựa" cho tập thơ *Đau thương* của ông. Trọng Miên đã tuyển chọn nó vào tập *Chơi giữa mùa trắng* (1941) rồi lại dùng nó như một bài thơ đầu cho tập thi tuyển *Thơ Hàn Mặc Tử* (1942). Trong *Thơ Hàn Mặc Tử*, cái nhan đề "Thơ" của bài ấy đã bị loại bỏ.

Còn bài *Ra đời* đã được Hàn Mặc Tử viết sau lễ Giáng sinh 1939, tại Quy Nhơn, vào một ngày mà chính thi nhân cho là "rất say, rất đại và rất nhớ, rất thương". Bài này, ngoài sự được in trong *Chơi giữa mùa trắng*, còn được tuyển lựa in vào tập *Thơ Hàn Mặc Tử* thành bài đề tựa cho mục *Xuân như ý*. Bài I nói về thơ bằng một ngôn ngữ rất thơ. Khi nói tới cơn đau sáng tạo của mình, nhà thơ viết :

"Tôi làm thơ ?

- Nghĩa là tôi yếu đuối quá ! Tôi bị cám dỗ, tôi phân lại tất cả những gì mà lòng tôi, máu tôi, hồn tôi đều hết sức bí mật.

*Và cũng nghĩa là tôi đã mất trí, tôi phát điên.  
Nàng đánh tôi đau quá, tôi bật ra tiếng khóc, tiếng  
gào, tiếng rú. Có ai ngăn cản được tiếng lòng tôi !*

*Tôi đã sống mãnh liệt và đầy đủ. Sống bằng tim,  
bằng phổi, bằng máu, bằng lệ, bằng hồn. Tôi đã phát  
triển hết cả cảm giác của tình yêu. Tôi đã vui, buồn,  
giận, hôn đến gần đứt sự sống..."*

Chính nhà thơ hiểu rằng những cơn đau sáng tạo  
như thế vốn là một cái gì quý giá, bởi nó có công  
dụng thúc đẩy nhà thơ tạo ra trong thơ những sắc  
thái mới lạ có khả năng gây những rung động chưa  
từng thấy. Vì thế, ông viết :

*"Thôi mời cô cú vào..."*

*Ánh sáng lạ trong thơ tôi sẽ làm cho gò má cô  
đỏ gấc. Và một khi cô đã vào là cô sẽ lạc, vì vườn  
thơ tôi rộng rinh không bờ bến. Càng đi xa là càng  
ôn lạnh".*

Bài *Ra đời* nói tới cái vẻ giàu sang phong phú  
của thơ khi thơ có Đức Chúa Trời ngự bên trong,  
khi thơ được dùng để xưng tụng Đức tin Thiên Chúa.  
Trong bài *Ra đời*, Hàn Mặc Tử có viết :

*"Cho mau lên ! Đón ánh nguyệt vào đây... Lời ta  
sẽ sáng trưng như thất bảo. Tình cảm ta sẽ nóng ran  
như mặt trời. Ý tứ ta sẽ cao cường hơn ngọn núi.*

*Lạy Chúa Trời tôi ! Hãy ban cho tôi hằng hà sa  
số là ơn lành ơn cả... Thơ tôi sẽ rất no, rất ôn, rất*

*nu, trọng vọng như tài hoa, cao sang như nhân đức,  
chói chang vô vàn phúc lộc..."*

Đối với Hàn Mặc Tử, trăng có thể biểu dương  
cho đủ thứ : là tuyệt vọng, là vui sướng, là đau khổ,  
là bình yên, là điên loạn... Ở mấy câu thơ trên, chắc  
hẳn ánh nguyệt biểu dương cho tinh thần và đức tin  
Thiên Chúa giáo. *Cho mau lên đón ánh nguyệt vào  
đây... Cho mau lên đón Đức tin vào đây... Lời thơ ta  
sẽ sáng trưng như thất bảo...*

Hai bài *Thơ* và *Ra đời* là hai bài "tựa" mà cũng  
là hai bài thơ xuôi thật hay và đặc sắc.

## **Bài 9 : LA PURETÉ DE L'ÂME**

Bài thơ văn xuôi này là một thứ kinh cầu nguyện  
đã được Hàn Mặc Tử sáng tác bằng Pháp ngữ vào  
thời gian ông nằm trên giường bệnh và sắp chết tại  
nhà thương Quy Hoa. Như mọi người đều biết, thi  
sĩ Hàn Mặc Tử vốn là một tín đồ Thiên Chúa giáo  
(tên thánh của ông là Phanxicô) rất ngoan đạo.  
Những khi quá đau khổ, ông thường tìm sự an ủi  
của Chúa Giêsu và Đức Mẹ : ông Trinh Maria.  
Những bài thơ có nhiều màu sắc tôn giáo của ông  
như *Đêm xuân cầu nguyện* hoặc *Thánh nữ đồng trinh  
Maria* (bài này còn có tên là *Ave Maria - Kính mừng  
Maria*) đều là những bài thơ đạo tuyệt hay của nhân  
loại.

Khi biết mình sắp chết, lòng sốt mẩn của ông đối với Chúa càng mãnh liệt hơn bao giờ hết. Sự sốt mẩn đó đã khiến ông, trên giường bệnh, viết bài *La Pureté de l'âme* (Linh hồn thanh khiết). Trong bài thơ này, tác giả có ba điều chính yếu để ca ngợi : trước hết là ca ngợi công trình thần bí tuyệt diệu của Đấng Tối cao, thứ đến ca ngợi các bà sơ dòng thánh Phanxicô, là những người đã hy sinh thân mình để săn sóc cho các bệnh nhân cùi ở bệnh viện Quy Hòa, và cuối cùng ca ngợi sự thanh khiết trong linh hồn.

Điểm thứ ba có một phần liên quan mật thiết đến điểm thứ nhì, bởi ngoài nỗi ước ao (một cách mặc nhiên) cho chính mình có được một tâm hồn thanh khiết, ông còn đã ca ngợi sự thanh khiết tuyệt vời của tâm hồn các bà sơ. Ông viết :

*"Tôi muốn trọn đời ngưỡng mộ vẻ trắng trong nguyên vẹn, nguồn tươi, ánh sáng, thơ vì tất cả đây là hình tượng của Linh hồn thanh khiết".*

Bài *Linh hồn thanh khiết* là một bài thơ xuôi tuyệt đẹp, rất nồng thắm, rất thiết tha, và chính cái giọng say mê nồng nàn đó đã chứng tỏ Hàn Mặc Tử đã viết bài ấy trong một lúc xuất thần, cái lúc mà ông chiêm nghiệm thấy rõ rằng sự đẹp đẽ nhất của trần thế này chính là sự thanh khiết của linh hồn con người, sự thanh khiết được hun đúc bằng tinh thần Thiên chúa giáo.

## Bài 10 : CHIÊM BAO VỚI SỰ THỰC

Đây là một bài nghị luận vừa có vẻ rất thơ lại vừa có tính cách triết lý. Từ trước đến nay, người ta thường hay phân biệt chiêm bao và sự thực. Là một thi sĩ có nhiều siêu cảm tính, Hàn Mặc Tử thường hay sa vào trạng thái tương tự như chiêm bao, và khi tỉnh lại ông đã phân vân tự hỏi chẳng biết cái trạng thái mà ông vừa sa vào đó là thực hay là chiêm bao ? Ông nói :

*"Ngoại cảnh đã xâm lấn xác thịt và linh hồn tôi. Bao nhiêu là tình anh của non sông đều xông vào tôi rút hết tình tiết của tôi. Tôi có thể bảo đây là một lối thần giao cách cảm, mà ngoại cảnh hay thâm tâm đồng xáo động, bởi gây khoái lạc vô ngần. Và có thể say mê đến điên dại bất chước Lý Bạch đại la tiên vờ trắng trên mặt nước.*

*Từ sự thực đi tới bào ảnh, từ bào ảnh đi tới huyền diệu, và từ huyền diệu đi tới chiêm bao. Mông lung đã trù lên sự vật và cõi thực, bị ánh sáng của chiêm bao vây riết...*

*Bây giờ tôi dóc tôi thử có nhận được tính cách của giây phút này không, và tôi ở trong cảnh thực hay là đương bị hãm giữa trùng vây của chiêm bao?*

Ông hồ nghi như vậy, nhưng rồi ông tin rằng đó là chiêm bao. Đối với ông, chiêm bao và sự thực quá gần gũi với nhau đến độ không thể phân biệt chúng được, và vì không phân biệt chúng được, nên chúng chỉ là một. Chúng ta cũng có quyền tin rằng,

riêng đối với Hàn Mặc Tử, sự thực cũng là chiêm bao, ngược lại, chiêm bao cũng chỉ là sự thực. Nếu không thế thì tại sao ngay cả những lúc ông có vẻ mê sảng nhất, những lúc ông thoát tục nhất, lời thơ của ông lại tinh khôi, rõ ràng, cả quyết đến như vậy được chứ ? Hãy mở những bài thơ cực kỳ huyền ảo của ông, huyền ảo còn hơn cả chiêm bao, như *Chơi giữa mùa trăng* hay *Ra đời* trong sách này, hoặc những bài thơ có vần như *Những giọt lệ*, *Dàn ngọc*, *Cô liêu*, *Đêm xuân cầu nguyện*, *Sáng láng*, *Thánh nữ Đồng trinh Maria*... trong tập *Thơ Hàn Mặc Tử* chúng ta sẽ thấy rằng càng huyền ảo chừng nào, những ý tưởng của ông càng có vẻ xác thực và minh triết.

Cho nên, trong thơ Hàn Mặc Tử, cũng như trong thơ của một số thi sĩ khác cùng loại với ông như Bích Khê, Gérard de Nerval, Holderlin... người ta không thể nào phân biệt được sự thực với chiêm bao. Cũng như chính các tác giả đó cũng đã không thể nào phân biệt được sự thực với chiêm bao.

\*

Tóm lại, đọc xong tập *Chơi giữa mùa trăng* của Hàn Mặc Tử, người ta nhận thấy vài hiện tượng nổi bật như sau :

- Trong các tác phẩm của Hàn Mặc Tử - cũng như của Xuân Diệu, Huy Cận, Bích Khê, Chế Lan Viên - người ta nhiều khi đã không còn có thể phân

biệt được thơ và văn xuôi. Hầu hết những áng văn xuôi của họ, ngay cả những bài có tính chất nghị luận, cũng đều chứa chan hương vị thơ. Hàn Mặc Tử là một trong những thi sĩ đã có công lớn trong việc truyền bá và biểu dương lối thơ xuôi tại xứ ta.

- Trong tập *Chơi giữa mùa trăng* có một số bài thật hay, thật đặc sắc, nhưng cũng có không ít những bài tầm thường không có gì đáng kể. Những bài như *Chơi giữa mùa trăng*, *Quan niệm thơ*, *Thơ*, *Ra đời*, *La Pureté de l'âme*, *Chiêm bao* và *Sự thực* là những áng văn rất đặc sắc hoặc về phương diện nghệ thuật, hoặc về phương diện tư tưởng, hoặc gồm cả hai phương diện ; còn những bài như *Mùa thu đã tới*, *Kêu gọi*, *Khao khát*, *Tình*, nghe thường trống rỗng, nhạt nhẽo không có gì hấp dẫn.

Điều này không có gì lạ cả.

Những bài cực hay nằm lẫn với những bài tầm thường, đó là hiện tượng thông thường trong bất cứ thi tập nào của bất cứ thiên tài nào, tự cổ chí kim, tự Đông sang Tây.

Dẫu sao, *Chơi giữa mùa trăng* cũng là một tập sách quan trọng mà bất cứ ai yêu thơ, yêu tư tưởng của Hàn Mặc Tử, hoặc muốn để tâm nghiên cứu về cuộc sống và thi nghiệp của thi sĩ đó, đều không nên bỏ qua.

(Trích Tạp chí Văn học Sài Gòn,  
20 - 12 - 1974)

## HÀN MẶC TỬ HAY LÀ HIỆN HỮU CỦA THƠ

*Huỳnh Phan Anh*

Có lẽ không gì mâu thuẫn bằng chú giải một nhà thơ. Người ta không thể làm công việc đó, dùng dung với ám ảnh đeo đẳng của sự bất lực. Hơn đâu hết trong các bộ môn, thơ *mở ra* đồng thời *đóng lại* trước mọi nỗ lực soi sáng. Mọi lời chú giải trên thơ, (cũng như trên mọi công trình nghệ thuật), mang ý nghĩa một sự diễn đạt, diễn đạt một vũ trụ tự nó hầu như đã đầy đủ, không còn gì để nói thêm. Tác giả mặc nhiên không còn. Tác phẩm tự nó biện minh hay ở đời. Không ai lên tiếng biện minh cho nó. Sáng tạo cũng là một cách *chết*. Sáng tạo là *chết* đằng sau tác phẩm mình. Tác phẩm trở thành một thực tại hàm hồ. Nó như một chiếc *mặt nạ*. Sau chiếc mặt nạ, lẩn trốn một người. Nhưng nhìn vào nó, người ta không thấy một ai được xác định. Tác phẩm là một sự *giấu mặt* đang *lên tiếng* gọi mời. Nó đòi hỏi được đón nhận, nhìn vào đồng thời là một cản trở.

Hơn là một độc giả, người chú giải, phê bình có bốn phận biến tác phẩm thành một khả hữu và hơn thế nữa, một khả hữu phổ quát cho mọi người,

không những chỉ cho riêng hần. Hần là một người *hòa giải*. Ở hần thể hiện sự *dung hòa* giữa niềm vui khoái, đam mê của những người thường ngoạn và sự sáng suốt của chính người sáng tạo. Nói theo Blanchot, hần thực hiện một công tác kỳ lạ đối với tác phẩm, vừa tiến lại gần, vừa lảng ra xa, phớt bỏ, vừa hoàn thành, giản lược vừa đào sâu. Hần *hu* vớ *hóa* tác phẩm ngay khi biến nó thành một khả hữu cho mọi người. Tầm quan trọng của hần hệ ở chỗ hần vạch cho tác phẩm một ý nghĩa, điều này có thể làm ngạc nhiên tác giả, và chính hành động này, một hành động có thể là tốt, đã giản lược tác giả về *hư không* : tác phẩm là cơ hội xuất hiện của một ý nghĩa hoàn toàn xa lạ mà tác giả có thể không nhìn nhận hay chống kháng. Nhà chú giải trở thành một căn bệnh cần thiết. Bởi tác phẩm cần tới hần, một cách nào đó, cần *sáng tạo không ngừng*.

Có thể nói rằng công việc chú giải là một thất bại ngay từ khởi điểm (Nó bao hàm một nguy tín, một thái độ hàm hồ). Cho nên phải chăng sau cùng mọi nỗ lực chú giải, phê bình nhất thiết đưa về im lặng trước chính tác phẩm, tác phẩm tự nó cũng là một thực tại *hàm hồ, bí ẩn*. Có lẽ càng hàm hồ khi tác phẩm lại là thơ. Có thể thơ *hàm chứa* nhiều nhất đồng thời thơ lại là nơi ta dễ dàng *lạc lối* nhất. Nó là một cánh rừng mà mỗi ngõ ngách có thể dẫn ra đồng thời đánh lạc. Một hang động trong đó người ta chỉ có thể tìm ra bí mật bằng sự lạc lõng của

chính mình. Bởi thơ là *biểu tượng*, là *hình ảnh*. Thơ tạo dựng một vũ trụ qua trung gian biểu tượng, hình ảnh. Một vũ trụ phi thực, một vũ trụ chỉ có ý nghĩa trong tính cách phi thực của nó. Hơn đâu hết, biểu tượng, hình ảnh là điều kiện của thơ, lý do tồn tại của thơ. Biểu tượng, chính là thơ. Đây là đặc tính của biểu tượng, hình ảnh ?

Biểu tượng, hình ảnh tự chúng không là gì nếu không có *thực tại* chống đỡ sự sống của chúng. Biểu tượng đi đôi với một tác động biểu tượng hóa, hình ảnh với một tác động ảnh hóa. Tôi không thể xây dựng hình ảnh cái bàn tách biệt với thực tại bàn, một cái bàn thật, trong một không gian nào đó. Đó là quan niệm thông thường nhất, thực nghiệm nhất. Nhưng cái hiển nhiên thường đến với ta trong sự vô tình hay giấu mặt hầu như không ai hay biết. Hình ảnh thơ không diễn đạt thực tại một cách quá thơ ngây dung dị. Thơ là vũ trụ những hình ảnh có giá trị một sự *mê hoặc*, một thú *ma thuật*. Nó biến thành hình ảnh của chính hình ảnh. Một hình ảnh mê hoặc, ma thuật bắt buộc phải là một hình ảnh lẫn tránh, giấu mặt. Nó không còn là biểu tượng của thực tại đồ vật, nó chính là *điều kiện* khả hữu của biểu tượng đó. *Nó là thực tại đang tiêu hủy hay một ảnh tượng đang hoàn thành*. Nói theo M.J. Lefèbvre, hình ảnh là tác động của trí tuệ đang, - sau thực tại xuất hiện cho nó, sau và ngoài, - tiếp tục hướng về một thực tại hiển nhiên không ngừng thoát chạy.

Hình ảnh không là thực tại. Nó là một ý hướng. Nó thể hiện một dự phóng. Nó hoàn thành một ước muốn. Nó không biểu tượng cái hiện hữu. Nó lẫn tránh chính biểu tượng. Nó nhằm đưa tới một vũ trụ hàm hồ, một vũ trụ đồng thời một phủ nhận vũ trụ. Hình ảnh mê hoặc chỉ là một *khoảng trống thiết yếu*.. Thơ không là thực tại, không là tổng số những hình ảnh xác định một thực tại rõ ràng. Nó là một ước muốn hơn thế nữa, là một *đam mê*, mù quáng cũng nên, có đối tượng là cái *chưa có*, cái chưa biết được, cái không thể biết, nghĩa là một thực thể *vô danh* và người đọc thơ hay chú giải thơ thủ lên tiếng gọi tên. Thơ thể hiện một ý hướng tính không có ý hướng, nói một cách nào đó, nó hướng về cái không có, nó đòi hư vô : một "đam mê vô ích". Phải chăng thơ sau cùng chỉ còn là một niềm im lặng tuyệt đối của thi sĩ, vũ trụ thơ chỉ còn là vũ trụ nội giới, chủ quan của thi sĩ. Điều duy nhất người ta có thể thâm tóm ở hẳn chính là *cách thức* phát biểu. Người ta có thể phủ nhận vũ trụ hay giải thích nó bằng mọi cách (giải thích phải chăng cũng chỉ là một cách phủ nhận?), nhưng người ta không thể chối bỏ chính cách thức phát biểu của hẳn.

\*

Thơ, để làm gì ? Thiết tưởng người ta không làm thơ để nói lên một điều gì (Có lẽ khi nói ngược lại, người ta đã không làm thơ nữa). Nếu có, phải chăng

đó là sự bất lực. Phải chăng bằng chính sự bất lực đến cùng tận đó, thơ phát biểu trung thật nhất thân phận thi sĩ, và nếu cần, thân phận làm người của thi sĩ. Trong ý nghĩa đó, thi sĩ là kẻ ít tham vọng nhất. Antonin Artaud, một thi sĩ, đã nói : "Tôi luôn viết để nói rằng tôi không làm được gì, không thể làm được gì, và nếu làm được thì thật ra tôi không làm gì hết. Toàn tác phẩm tôi đã xây dựng và chỉ để xây dựng trên hư vô". Thơ tham dự trực tiếp vào hoàn cảnh hữu hạn con người cũng như thơ không thoát ngoài thân phận nó : ngôn ngữ, hình ảnh, biểu tượng. Nói theo Bernarl Charbonneau, "đòi hỏi mọi thứ ở ngôn ngữ chính là hủy diệt nó". Breton và trường phái siêu thực đã đem được gì khi đồng hóa thi ca và cách mạng ? Sau cùng phải chăng chỉ còn một cách, trả thơ về với tiếng nói, thứ tiếng nói xao xuyến nhất của nội tâm con người.

\*

Những ý nghĩ trên đây có thể phần nào gây xao xuyến công việc chú giải thơ, cả việc đọc thơ và nói rộng ra, cả việc tìm tòi nghệ thuật. Đó là tình cảm e thẹn của người đọc khi đứng trước thơ, tìm mọi cách chọc thủng những chiếc mặt nạ phủ lên hình ảnh phủ lên thơ : một việc làm đầy hoài nghi, lúng túng.

\*

Thơ Hàn Mặc Tử đã được chú giải bằng nhiều cách, nhìn ngắm từ nhiều khía cạnh. Có thể chiêm ngưỡng thơ ông bằng một tâm hồn sẵn cảm xúc âm nhạc hay màu sắc. Có thể mượn tâm phân học tố cáo ở người thơ một nhân vật bệnh hoạn, và thơ ông như một cách giải tỏa ẩn ức. Có thể tìm thấy trong thơ ông những lời ca tụng hay những xúc cảm chân thật trước cái đẹp, tình yêu, kỷ niệm, đáng thiêng liêng. .. một thi sĩ biết mình là thi sĩ. Nghĩa là sự cảm dỗ, mê hoặc của vũ trụ hình ảnh trong thơ Hàn Mặc Tử có thể đẩy cảm quan theo một chiều hướng hay đến một chân trời nào đó. Làm sao có thể phê phán trên chính những lời chú giải khi thơ tự nó không *nói* lên gì, nó chỉ nói lên cái người thường ngoạn cảm xúc thấy, nghe thấu được : thường ngoạn, chú giải là *tước đoạt* lời nói của người sáng tạo.

Thơ Hàn Mặc Tử ? Tại sao không nhìn nó như một *kinh nghiệm* trước hết của một con người, một thực tại con người ngay trong thân phận, trong sử tích đích thực của nó ? Thi sĩ đã nói về công việc làm thơ của mình, là "nhấn một cung đàn, bấm một đường tơ, rung rinh một làn ánh sáng", đã nói tới những "âm điệu thiêng liêng tạo ra trong khi máu cuồng rền vang dưới ngòi bút". Thơ là sự mời gọi tham dự vào chính những cảm xúc, những trạng thái tâm thần, những tình tự, kinh nghiệm của chính người thơ. Thơ trở thành kinh nghiệm tập thể, một

kinh nghiệm khởi từ cá nhân để tan vào đám đông được mời tham dự. Kinh nghiệm thơ, kinh nghiệm người làm thơ là một. Kinh nghiệm ẩn nấu sau từng chữ từng tiếng, từng hình ảnh. Đọc thơ, chú giải thơ là tìm tới kinh nghiệm *nền tảng* của thi sĩ.

Descartes một lần nói rằng cơn thịnh nộ của thi sĩ nhiều khi hàm chứa nhiều hơn cả túi khôn triết học. Ngày nay, nỗ lực đem thi ca tới gần siêu hình học thiết tưởng chỉ bằng thừa khi ta quan niệm thi ca trước hết là kinh nghiệm sâu thẳm của con người, con người tấn phong bằng tính cách siêu hình của nó. Thực tại kinh nghiệm, thực tại người ẩn sau từng ngôn ngữ, thể hiện ngay trên từng ngôn ngữ. Phải chăng đó là cái gì có thật nhất bên cạnh ngôn ngữ ma thuật, cái gì khẳng định nhất bên cạnh ngôn ngữ hàm hồ. Ta đứng trước một vũ trụ, tự hỏi mộng hay thật, trước mặt hay trong ảo giác, tất cả những *sương đục, trăng thê, tơ liễu*, những *hào quang, châu ngọc*, những *"vàng sao rơi đầy trên sóng nước"*, những *"đêm xao xuyên vũng sông Hằng"*, những *"âm hưởng địa cầu đang vỡ toang ra từng mảnh"*... Tất cả tham dự hành trình của một dòng cảm xúc của thơ hay tất cả từng phút từng giây trở về, lảng vảng, xoay quanh, đeo đẳng một cảm xúc, một kinh nghiệm duy nhất, nền tảng. Tất cả mang về sừng sỏ. Tất cả : niềm hốt hoảng, xao xuyên đang lên tiếng nói. Thi sĩ nói nhiều tới trăng, nhắc nhiều tới trăng. Trăng lấp đầy thi hứng. Trăng biểu hiện niềm cô đơn tuyệt đối.

Trăng cuu mang niềm mơ ước. Trăng chính là sự trở về trong cảm xúc thi sĩ, sự trở về trong thẳng thốt, kinh hoàng của thi sĩ trong chính hoàn cảnh, thực tại, trong chính kinh nghiệm *"qua cầu"*.

*Ta nhìn trăng khôn xiết ngậm ngùi trăng.*

Chỉ còn có trăng, cùng với tình cảm khô chết, hấp hối,

*Ánh trăng mỏng quá che không nổi  
Những vẻ xanh xao của mặt hồ  
Những nét buồn huồn tơ liễu rủ  
Những lời năn nỉ của hư vô.*

Chỉ còn có trăng và kinh khiếp thay, trăng cũng lùi đi dưới mắt nhìn ngưỡng vọng. Còn có trăng nghĩa là không còn gì hết. Bao lời thơ thống thiết chỉ để nói lên rằng không còn gì nữa, trừ "những lời năn nỉ của hư vô".

Thơ và *đau thương*. Thơ là kinh nghiệm *đau thương* đó.

\*

Có lẽ không phải tình cớ mà tập thơ xuất sắc nhất của thi sĩ nhan đề *Đau thương*. Nếu cần người ta chỉ có thể thấu tóm thơ Hàn Mặc Tử về một ý niệm tương tự, một ý niệm nền tảng. Thơ vẽ nên dung nhan *hư hoại* của kiếp người. Thơ đào sâu kinh nghiệm *thiếu sót*, tình cảm *bại vong* trong hành trình

bát ngát của thân phận người. Hiện tại, ngay cả hiện tại cũng không còn, ngay cả hiện tại cũng không có. Bởi không một niềm vui, một hạnh phúc nào bình yên, vĩnh cửu. Nó già cỗi từ bao giờ, đã vượt khỏi tầm tay, đã rơi vào quá khứ. Thơ không là lời hồn nhiên ca tụng. Thi sĩ đánh mất thơ ngây. Chỉ có quá khứ ngổn ngang đổ vỡ và tuyệt vọng để khóc than. Chỉ có những ám ảnh thời gian với trăm ngàn sự đổ đốn dối. Con người thất bại vì *nhất thiết* nó đã hay sẽ bị tước đoạt tất cả, tuổi trẻ, tình yêu, khoái lạc... Tất cả gây đổ, băng hoại ngay trong dự phóng con người.

*Máu đã khô rồi thơ cũng khô  
 Tình ta chết yếu từ bao giờ  
 . . . . .  
 Ta trú linh hồn giữa lúc đây  
 Gió sầu vô hạn thổi trong cây  
 . . . . .  
 Trời hỏi bao giờ tôi chết đi ?  
 Bao giờ tôi hết được yên vì  
 Bao giờ mặt nhật tan thành máu  
 Và khối lòng tôi cứng tợ si ?  
 . . . . .  
 Tôi vẫn còn đây hay ở đâu  
 Ai đem tôi bỏ dưới trời sâu  
 Sao bông phượng nở trong màu huyết  
 Nhỏ xuống lòng tôi những giọt châu ?  
 . . . . .*

*Xin dâng này máu đang tươi  
 Đây đây nước mắt giọng cười theo nhau  
 Mới hay phong vị nhiệm màu  
 Môi chưa nhấp cạn mạch sâu đã tuôn.*

Cái chết ám ảnh, dọa nạt, cái chết âm ỉ trong tâm hồn. Thi sĩ "sống" cái chết của mình. Hu vô chính là kinh nghiệm thi sĩ.

\*

Trong ám ảnh của cái chết, trong thôi thúc của thời gian, trong khả hữu của hư vô toàn diện, đâu là cơ hội sau cùng của thi sĩ ? Đâu là sự cứu rỗi cho số phận hạn hữu ? Phải chăng đó là niềm tin ở một đấng ? Phải chăng đó là phút huy hoàng mãnh liệt và đầy ắp ? Phải chăng đó là sự kêu đòi hay nguyện cầu vô vọng ? Có thể nhà thơ đã không từ chối một cơ hội nào xảy tới. Không cơ hội nào gọi là sau cùng. Không sự cứu rỗi nào gọi là duy nhất. Hàng trăm hàng ngàn vũ trụ còn chưa đủ cho thi sĩ sống kịp đời mình.

*Ta vãi tung thơ lên tận sông Hằng  
 Thơ phép tắc bỗng kêu lên thảm thiết.  
 . . . . .  
 Cú nhắm mắt cú yêu nhau như chết  
 Cú sáng sốt té mê và rũ liệt  
 Đừng nghe chi âm hưởng địa cầu đang  
 Vỡ toang ra từng mảnh cả không gian  
 Cả thời gian từ tạo thiên lập địa*

*Đều trộn trạo điều hòa và xỉ xóa  
Thành hư không như tình ái đôi ta*

*Cho iôi thấp hai hàng cây bạch lập  
Khởi nghiêm trang sẽ dâng lên tràn ngập  
Cả hàng giang, cả màu sắc thỉnh không  
Lú trí khôn và ám ảnh hương lòng  
Cho sôi sáng cho mê mê nguyện ước.*

Thi ca vạch ra những con đường cứu rỗi cho ý thức khốn khổ bủa giăng bởi hư vô, hư vô chực làm suy sụp mọi dự phóng. Thi ca chính là sự cứu rỗi của người thơ không bao giờ ôm trọn cuộc sống trong tay. *Thơ là đặc ân của thi sĩ.* Có thể nói rằng chính sự thức tỉnh trước thân phận bàng hoàng, éo uột của kiếp người (có nhất thiết một người mệnh danh Hàn Mặc Tử ?) đã đẩy thơ Hàn Mặc Tử tới những chân trời kỳ diệu của ngôn ngữ. Nó là tiếng kêu hốt hoảng của tâm hồn. Nó là cơn gào thét của khoái cảm sắp tiêu ma. Nó là nỗi kích thích, sức dồn đẩy của da thịt, của thần kinh, của não bộ. Nó mặc khải một vũ trụ, vũ trụ mà thi sĩ kêu đòi, vũ trụ trong đó thi sĩ chỉ có thể chiến thắng hư vô bằng nhục cảm có thật đang kêu gào, chối với, ngắt ngu :

*Ồ say sưa trên hết các tục tình  
Ồ thú lạ những phút giây thỉnh thoát  
Hương cho thơm ứ đầy hơi khoái lạc  
Máu cho cuồng run giận đến miên man  
Hồn hồi hồn, lên nửa quá không gian.*

Vũ trụ thơ là tấm gương trong đó thi sĩ nhận ra hình ảnh của chính mình. *Tâm tình bất trắc, đó là kinh nghiệm thi sĩ, kinh nghiệm thống trị trong số kiếp một người.* Thơ là sự phục thù của thi sĩ, kẻ bị đè bẹp bởi định mệnh. Ngôn ngữ trở thành một khí giới. Nó đi tìm những kích động thần kinh - Nó đặt thơ và sự thưởng ngoạn thơ vào một cảm xúc mãnh liệt. Thơ hay là máu và nước mắt của thi nhân. Thơ không xuất phát từ trí tuệ. Nó bùng nổ từ những trung tâm thần kinh hệ. Thơ thể hiện những dự phóng hiện thật nhất, thơ ngây nhất của con người trong thi sĩ. Thơ vượt khỏi ngục tin của nghệ thuật.

\*

Và để trở lại với những gì đã nói ở phần trên, ta có thể nói Hàn Mặc Tử thuộc những thi sĩ mà tác phẩm tự nó chối từ chú giải : nó đã là lời chú giải cho chính nó.

(Đa đăng *Bán nguyệt san Văn*, 7 - 1 - 1967)

## NỖI KHẮC KHOẢI SIÊU HÌNH TRONG THƠ HÀN MẶC TỬ

Nguyễn Xuân Hoàng

**LỜI THƯA TRƯỚC.** - Một phần lớn sinh hoạt triết lý về những năm sau này, Heidegger đã dành để bình giải Thi ca và suy tưởng về Nghệ thuật. Bởi vì theo Heidegger, Triết lý không phải là bản của sự khôn ngoan như ta vẫn hiểu, mà ta phải hiểu ngược lại rằng, triết lý là khôn ngoan trong sự làm quen, kết bạn.

Và tri thức là gì, nếu không phải là quen với sự vật để tự nó bày tỏ, vì ta chỉ có thể biết được một khi ta quen thuộc hay gần gũi.

Với Heidegger thì trẻ thơ, người dân quê chất phác và thi sĩ là những người đến gần cuộc đời nhất vì chỉ có những người đó mới biết thông cảm với cuộc đời bằng cách đến gần, ở gần và làm quen. Từ ý nghĩ đó, Heidegger đi tới suy tưởng về nguồn gốc Nghệ thuật. Ý nghĩa của nghệ thuật là bày tỏ cuộc đời và tác phẩm nghệ thuật là một nỗ lực nhằm lôi thiên nhiên ra khỏi tình trạng hỗn mang nguyên thủy. Nghệ thuật là một nỗ lực trở về thiên thai đã mất.

Nhưng nếu nghệ thuật là một bày tỏ, là gọi lên, mạc khải, ... thì mọi nghệ thuật đều có tính cách thi ca vì yếu tính của thơ là gọi tên, chỉ định, bày tỏ.<sup>(1)</sup>

Trong ý tưởng đó chúng tôi viết bài này.

\*

Hàn Mặc Tử mất vào trưa ngày 11 tháng 11 năm 1940. "*Nhục thân của Tử không đưa ra ngoài được, đành phải chôn tạm tại nghĩa địa nhà thương Quy Hòa. Một nắm mồ bằng đất, một cây thánh giá bằng gỗ tạp, không vòng hoa, không hương khói, đìu hiu quanh quẽ dưới một cây phi lao*".<sup>(2)</sup>

Thực cũng kỳ lạ khi chúng ta tìm đọc và bắt gặp quang cảnh chết kia trong những dòng thơ của chính người thi sĩ ấy :

*Một mai kia ở bên khe nước ngọc,  
Vội sao sương, anh nằm chết như trăng.  
Không tìm thấy nàng tiên mô đến khóc,  
Đến hôn anh và rửa vết thương tâm !*

(Duyên Kỳ Ngộ)

Hàn Mặc Tử đã ra đi một lần trong ngày ấy, một lần đi mãi không hẹn hò không quay lại, nhưng những người đọc thơ chàng yêu chàng hay không yêu chàng, vẫn mãi mãi hẹn hò và mãi mãi quay lại những dòng thơ chàng, cuộc đời chàng, căn bệnh chàng.

Nếu cùng với Heidegger chúng ta coi "thi sĩ là người duy nhất gọi ra ánh sáng những bản chất còn ẩn hiện nơi nền Đất" thì Thi ca sẽ có nghĩa là *sáng tác (poiesis, danh từ Hy Lạp)*. Bởi sáng tác là gọi

(1) Nguyễn Văn Trung, *Thi ca và Triết lý*, Tạp chí Đại học số 26, tháng 4-1962.

(2) Quách Tấn, *Đôi nét về Hàn Mặc Tử*.

tên những gì chưa được gọi tên, hoặc chưa được gọi tên đúng như bản chất của chúng. Sáng tác là NÉM mình về phía trước trong khi mình ở trong hiện tại. Sáng tác là QUAY nhìn trở lại phía sau đang khi mình sinh hoạt như một hiện tại. Cái khả năng đang ở hiện tại mà đã ném mình về tương lai, đang ở hiện tại mà đã quay lùi về quá khứ đó của con người, Heidegger gọi là thời gian tính (Zeitlichkeit). Sáng tác là thả neo thời gian trong linh hồn ta. Đang sống trong một hiện tại, nhà thơ Hàn Mặc Tử đã ném cái nhìn cho một tương lai, một tương lai buồn thảm : thi sĩ gọi tên sự chết.

Nhưng một cái nhìn xa thế hàm ẩn trong con mắt dị thường của một nhà thơ kỳ lạ như thế là do đâu ?

Phải chăng vì căn bệnh nan y hành hạ trí năng và tàn phá thân thể mình mà Hàn Mặc Tử đã thốt ra những lời kỳ lạ về sự chết kia ?

*Thịt da tôi sượng sần và tê điếng,  
Tôi đau vì rừng rợn đến vô biên.*

*(Hồn là ai)*

Phải chăng vì biết rằng những buổi chiều "chìm chìm nổi nổi"<sup>(1)</sup> đang đánh mất dần những buổi sáng rực rỡ âm âm của đời mình ; phải chăng vì biết rằng hố thẳm đã gần, vực sâu đã cận, tuyệt vọng đã rõ mà sự chết bỗng trở thành mối ám ảnh thường trực và bền chặt trong thơ Hàn Mặc Tử ?

ng vì biết rằng những buổi chiều "chìm chìm nổi nổi"<sup>(1)</sup> đang đánh mất dần những buổi sáng rực rỡ âm âm của đời mình ; phải chăng vì biết rằng hố thẳm đã gần, vực sâu đã cận, tuyệt vọng đã rõ mà sự chết bỗng trở thành mối ám ảnh thường trực và bền chặt trong thơ Hàn Mặc Tử ?

Ý thức về nỗi chết trong thơ chàng là thú ý thức vừa thông dong vừa hấp hối, vừa cười cợt vừa đau đớn :

*Tôi chết già và no nê vô hạn  
Cười như điên sắc súa cả mùi trắng.*

*(Hồn là ai)*

*Rồi hồn ngấm tử thi hồn tan rã,  
Bốc thành âm khí loang nguyệt cầu xa.  
Hồn mất xác hồn sẽ cười nghiêng ngả,  
Và kêu rên thảm thiết khắp bao la...*

*(Hồn là ai)*

Trong những lời than vãn của tuyệt vọng đó, người ta tưởng chừng như nghe âm vang từ một phương trời xa nào những tiếng cười rạn vỡ và đau xót, tiếng nói thầm thì buồn thảm không phải như một trống trắng mà chính là thú ngôn ngữ của một ý thức sáng suốt, lời vọng âm của một tâm hồn khắc khoải.

(1) Chữ của Nguyễn Tuân (chú thích của người viết).

Và tự bao giờ trong gần gũi đã chớm mầm cách biệt, trong trùng phùng đã mọc nhánh chia ly. Tự bao giờ trong sự sống ấy đã ghi khắc sự chết.

*Máu đã khô rồi thơ cũng khô*

*Tình ta chết yếu tự bao giờ*

*(Trút linh hồn)*

Sự sống con đường dẫn đến vực thẳm, chốn hò hẹn sau cùng của đời người. Nhưng vực thẳm chỗ hẹn hò sau cùng ấy là ngôi mồ không đáy. Một lần ngã xuống ta sẽ rơi mãi rơi mãi đến vô cùng. Sự chết làm cho mọi vật tan biến như sự băng rơi của một vì sao mất hút trong khoảng không cùng của vũ trụ. *Sẽ chết như sao rơi và bất tận* (Thanh Tâm Tuyền).

Nói theo Heidegger, bản chất con người là "*luôn luôn bị ném về phía trước*". Con người không bao giờ yên ổn, con người luôn luôn ở trong tình trạng xao xuyến, bất an ; luôn luôn lo toan và dự tính, bởi vì bản thể con người không ở trong con người, nhưng ở *trước mặt nó*. Chính trong viễn tượng đó, Heidegger gọi con người là vật-sống-đầy-để-chết, con người sinh ra nhất thiết phải chết, Dasein là hữu thể để chết (sein Zum Tode : être-pour-la-mort). Sự chết để lại dấu tích trên từng hành động, trong từng ý nghĩ ta. Cho nên trong nụ cười đã chớm dòng lệ nhỏ, trong thương yêu đã ve vuốt thù hằn. Có thể nói trong mỗi tích tắc của thời gian tâm linh sự chết có mặt.

*Anh rõ trước sẽ có ngày cách biệt  
Ngó như gần song vẫn thiệt xa khơi*

*(Trường tương tư)*

hoặc :

*Chưa gặp nhau mà đã biệt ly,  
Hồn anh theo dõi bóng em đi.*

*(Lưu luyến)*

Mỗi buổi sáng vừa gặp nhau còn cười cười nói nói, còn dự tính còn lo toan... buổi chiều đã không còn nữa. Nỗi đau khổ nào, cơn bệnh tật nào, viên đạn vô tình hữu ý nào đã cướp mất đời sống ấy, lo toan ấy, dự định ấy ?

Trong thơ Hàn Mặc Tử, sự chết hiện diện ở mỗi chữ, mỗi vần. Và cả thân xác chàng, tâm hồn chàng, ngôn ngữ chàng, chính là sự chết ấy.

Sự chết, bức tường thành vạn lý, ngọn đỉnh trời mù tăm, hố thẳm không cùng, ở đó chỉ có gặp gỡ như một hò hẹn nhưng không cầm nắm nổi ; ở đó chỉ có ngắm nhìn như một chiêm ngưỡng nhưng không chụp bắt được. Với Hàn Mặc Tử, vực thẳm không cùng kia, đỉnh trời mù tăm nọ, chính là cái bắt tay của một thỏa hiệp, ngôn ngữ quanh co của một thuyết phục : sự chết.

Trên bình diện này cùng với Heidegger, tư tưởng của một Karl Jaspers phải được coi như những trái hỏa châu soi sáng khuôn mặt thơ Hàn. Theo Karl Jaspers

con người là vật luôn luôn bị đóng khung trong những hoàn cảnh cố định. Con người có thể thay đổi một vài hoàn cảnh nhưng có những hoàn cảnh được xem như nền tảng con người thì cuộc đời thì con người không tài nào vượt qua hay biến đổi nổi. Ông gọi đó là những hoàn cảnh giới hạn (Grenzsituationen : situations-limites). "Những hoàn cảnh giới hạn ấy là : ta phải chết, phải đau khổ, phải chiến đấu, phải lệ thuộc vào những cảnh ngộ bất ngờ và luôn luôn bị lẫn lộn trong xiềng xích của tội lỗi".<sup>(1)</sup>

Hàn Mặc Tử không những không thể nào vượt khỏi một trong những hoàn cảnh giới hạn ấy chàng còn bị bủa vây bởi hầu hết những hoàn cảnh giới hạn kia. Chàng đã phải đau khổ vì tình ái, phải chiến đấu một cách bất lực với bệnh tật, bị vây hãm bởi đam mê, và nhất là chàng biết rằng mình phải chết.

Con người, vật biết mình sẽ phải chết. Nhưng phải chăng sự chết là chỗ hoàn thành ý nghĩa cuộc nhân sinh ? Phải chăng sự chết là cái phi lý hơn hết trong những cái phi lý mà ta gặp phải trong cuộc đời ? Phải chăng sự chết là thất bại lớn nhất trong những thất bại mà ta đã va chạm ?

Cho dù sự chết là sự phi lý hay nổi tuyệt vọng, chỗ thất bại hay chốn hoàn thiện một chấm hết hay một bắt đầu, cái chết vẫn có đó và có thực. Con

người là vật sống đầy để chết. Sống và chết là bề mặt và bề trái của chính cùng một sự vật. Sống và chết, vận động biện chứng của sinh tồn và hủy diệt.

Một HUY CẬN tiền chiến đã viết :

*Hỡi Thượng Đế xin cúi đầu trả lại  
Linh hồn tôi đã một kiếp di hoang  
Sầu đã chín xin người thôi hãy hái  
Nhận tôi đi dù địa ngục thiên đường.*

(Huy Cận, *Trình bày*)

Một BAUDELAIRE ở xa mút tận đỉnh đầu trái đất đã chẳng từng nói đến sự chết như quên lãng sao ?

*Dans une terre grasse et pleine d'escargots  
Je veux creuser moi-même une fosse profonde,  
Où je puisse à loisir étaler mes vieux os  
Et dormir dans l'oubli comme un requin dans l'onde.*

(Chalers Baudelaire, *Le Mort Joveux*)<sup>(1)</sup>

Một QUÁCH THOẠI, nhà thơ quen tên của những năm sau Hiệp định Genève, với cuộc sống lạ

---

(1) Tôi muốn tự tay đào lấy một lỗ huyệt sâu trong một vùng đất phì nhiêu đầy ốc sên ; ở đây tôi có thể tự ý giải bộ xương già cỗi của tôi và ngủ trong sự quên lãng như một con cá mập dưới làn nước biển.

(Lê Huy Oanh, Khảo về Baudelaire, tạp chí Sáng Tạo số 24, tháng 9, 1958).

(1) *Triết học nhập môn*, bản Việt dịch, tr. 47

lòng và những vần thơ kỳ dị khiến ta không thể quên được khi nhắc đến Hàn Mặc Tử :

*Ôi con người thế kỷ ở trong tôi  
Đã cất xong ngôi mộ cạnh hồn dôi*

(Quách Thoại, *Tôi khóc*)

Chính trong cái vẻ tỉnh táo của ý thức mà người thi sĩ đã đào huyệt sửa soạn căn phần mình, chính trong buổi sáng tươi vui chàng đã thấy được ngọn chiều tận thế :

*Ta thức một đêm trắng  
Tò tình với trắng hoa  
Ta chết nằm liêu vắng  
Không bóng người đi qua*

(Quách Thoại, *Liêu vắng*)

Và gần gũi chúng ta hơn, hãy đọc THANH TÂM TUYỀN, khuôn mặt rực rỡ nhất của dòng thơ bây giờ, nguồn của nhánh sông đang chảy xiết, phải chăng chúng ta cũng đã bắt gặp láng vàng bóng dáng của sự chết ?

*Cái chết vuốt ve môi em bằng móng tay buốt sắc.*

(Thanh Tâm Tuyền, *Sầu Khúc*)

*Giữa sống và mình, giữa chết và mình không ngăn cách đường tìm kiếm.*

(Thanh Tâm Tuyền, *Từ Chối*)

Nhưng nếu ở Quách Thoại sự chết là niềm bi thảm, nỗi kinh hoàng đến tê liệt thân xác và thần trí, ở Thanh Tâm Tuyền sự chết là một chối từ, một lo sợ ở mức cảm xúc, một cơ sự không biến đổi được<sup>(1)</sup>, thì ở Hàn Mặc Tử (cũng như ở Baudelaire, ở Huy Cận) sự chết ngoài những tính chất đó, còn là một ao ước, một nài nỉ và đôi lúc dường như người thi sĩ ấy còn đẩy ý tưởng này đi xa hơn : sự chết là nơi chốn phải đến.

Trong gần hết tập *Đau Thương*, ta có thể bắt gặp niềm ao ước đó, lời nài nỉ kia, nơi chốn phải đến nọ :

---

(1) a. Về Quách Thoại :

*Ôi tù cục linh hồn ta nhỏ lệ  
Buồn chi lắm như buồn chiều tận thế.*

(*Chiều tường nhớ*)

*Ngày mong manh  
Anh sợ quá phút linh hồn anh tan vỡ.*

(*Tu chỉ thấy*)

*Em hãy trở về vội vã cùng tôi  
Tôi rất sợ ngày mai không sống nữa*

(*Hãy trở về*)

b. Về Thanh Tâm Tuyền :

*Không không tôi không trút hơi thở đêm nay  
Mặc thân chết đứng mùa trên đầu lưỡi*

*Dừng bắt tôi từ biệt  
Linh hồn tôi oan ức mãi không thôi  
Hỡi Thần Chết cử mua trên đầu lưỡi  
Tôi chết không cười, không cười.*

(*Dừng bắt tôi từ biệt*)

*Trời hỏi bao giờ tôi chết đi ?  
Bao giờ tôi hết được yêu vì ?  
Bao giờ mặt nhật tan thành máu ?  
Và khối lòng tôi cũng tợ si ?*

*(Những giọt lệ)*

Trời hỏi bao giờ tôi chết đi. Mệnh đề phát biểu vừa ở thể tán thán vừa ở thể nghi vấn này như một xao xuyến không tên, tiếng kêu mừng rỡ của một tuyệt vọng.

*Thưa tôi không dám say mê,  
Một mai tôi chết bên khe ngọc tuyến.*

*(Một miệng trăng)*

Từ chỗ một thời gian mơ hồ, một chỉ định còn mờ nhạt, sự chết đã là kẻ cận, một hiện tại gần gũi.

*Ta trút linh hồn giữa lúc đây  
Gió sầu vô hạn thổi trong cây...  
Còn em sao chẳng hay gì cả ?  
Xin để tang anh đến vạn ngày.*

*(Trút linh hồn)*

Nhưng nghĩ cho cùng sự chết cũng chẳng là nơi chốn phải đến nữa. Bởi sự chết vẫn thường xuyên có mặt ở mỗi thời điểm của cuộc sống. Sự chết, con sống bề hủ hoại tập mồn đôi chân của cuộc đời chính là tiếng thầm thì thường trực trong tiềm thức của đời người, nhưng lời nài nỉ của hư vô. Sự chết không những là khả năng chấm dứt cuộc tại thế của

ta, sự chết còn là sức hư vô luôn luôn đe dọa và phá hủy mọi dự phóng ta (J.P.Sartre) :

*Ánh trắng mỏng quá không che nổi,  
Những vẻ xanh xao của mặt hồ ;  
Những nét buồn buồn tơ liễu rũ,  
Những lời nài nỉ của hư vô.*

*(Huyền ảo)*

Phải vậy chăng ? Phải chăng sự chết là những lời nài nỉ của hư vô ? Phải chăng hiện hữu con người là để cho sự chết ? Phải chăng sống là đang ở trên đường đưa đến cuối nẻo hư vô ?

Nếu hiện hữu con người là để cho sự chết, hiện hữu ấy phải chăng là hiện hữu cho một hư vô ?

Chính trong cái giây phút xuất thần, trong cái bất chợt không thời gian, trong cái khoảnh khắc ngăn ngùi thiên thu con người đã bị xô đẩy đến đối diện với hư vô mà người thi sĩ đã bày tỏ nỗi lo âu gọi tên sự buồn chán nói lên cơn xao xuyến, mặc khải niềm khắc khoải.

Chính trong cái khoảnh khắc ngăn ngùi mà thiên thu ấy, người thơ đã chụp bắt được nỗi khắc khoải. Khắc khoải không phải là lo âu hay buồn chán. Lo âu hay buồn chán là một sắc độ tình cảm có một đối tượng rõ rệt, một sinh hoạt tình cảm đặc thù. Khắc khoải cũng chẳng phải là một xao xuyến. Xao xuyến chỉ mới là một làn sương mù mong manh nó chỉ che khuất mọi vật một cách yếu ớt nhưng không

đủ sức xô dịch mọi vật lại gần nhau. Chính trong nỗi khắc khoải, một buồn chán thực lặng lẽ, một xao xuyến thực mông mênh, chính trong cái giây phút đó, nỗi buồn chán, niềm xao xuyến kia trở thành vùng sương mù làm vẩn vù ý thức ta, làm xô dịch mọi vật lại thành một *toàn khối không có dị biệt*. Trong làn sương mù vây phủ đó, mọi vật, mọi người và cả ta nữa, đều bị mất hút, chìm đắm, rơi hẫng trong ấy.

*Ai tới đó chẳng mê man thần trí,  
Tòa châu báu kết bằng hoa kỳ dị  
Của tình yêu rung động lớp hào quang.  
Những cù lao trôi nổi xú mênh mang,  
Sẽ quy tụ thu về trong một mối.  
Và tư tưởng không bao giờ chấp nổi.*

*(Siêu thoát)*

Heidegger gọi nỗi khắc khoải đó là một Stimmung căn bản. Chính cái Stimmung căn bản này đã đẩy ta đến gần và chạm mặt với hư vô. Trong nỗi khắc khoải, vũ trụ như quay cuồng như sụp đổ quanh tôi. Và ta bỗng như chìm đắm, mất hút, tan biến trong đó :

*Ta là ta hay không phải là ta ?*

*(Siêu thoát)*

Trong nỗi khắc khoải, mọi vật như bị mất đi bộ mặt thường nhật và trong thoáng giây chúng như bị đắm chìm trong vẻ lạnh đậm đến kinh tởm.

*Tôi vẫn còn đây hay ở đâu ?  
Ai đem tôi bỏ dưới trời sâu ?  
Sao bỗng phượng nổ trong màu huyết,  
Nhỏ xuống lòng tôi những giọt châu ?*

*(Những giọt lệ)*

Chính nỗi khắc khoải kia đã mở rộng dưới chân ta những hố sâu thăm, xô ngã vũ trụ và cả chính ta mất hút tan biến trong đó. Chính trong lúc ấy, ta như bị vây hãm trong một nỗi gì ngọt ngào choáng váng đến chóng mặt. Cả vũ trụ và ta như không còn nơi nào để nương tựa. Tất cả như trườn lướt trong cái trượt dài mênh mông vô tận. Ta như bị ngậy ngất, bỗng bênh, lơ lửng, ta như bị treo trên không trung và trong khoảng không chừng, trống rỗng, không trọng lượng, không kích thước, không màu sắc, không hình dáng ấy ta nhìn xuống toàn thể hữu thể đang lướt hút mất đi : nỗi khắc khoải.

Trong cơn khắc khoải ta chỉ biết nghẹn lời. Thực tế, để diễn tả nỗi khắc khoải ta chỉ có thể nói : không gì cả :

*Ai hãy làm thỉnh chớ nói nhiều*

*Hàng thông lấp loáng đứng trong im,  
Cành lá như in đã lặng chìm.*

*Cả trời say nhuộm một màu trắng,  
Và cả lòng tôi chẳng nói rằng.*

*Không một tiếng gì nghe động chạm,  
Dấu là tiếng võ của sao băng...*

*(Đà Lạt trăng mờ)*

Trong khắc khoải, một mình đứng trước hư vô,  
tôi chỉ biết tuyệt đối làm thinh, mọi câu chuyện  
thường ngày bỗng chốc trở nên vô vị.

*Tôi với hồn hoa vẫn nín thinh.*

*(Huyền ảo)*

Bởi vì mọi lời đều trở nên vô vị, mọi cử chỉ đều  
trở nên thừa thãi, và ta bỗng cảm thấy một nỗi cô  
đơn ghê gớm đến lạnh lùng xâm chiếm bao trùm  
thân phận ta.

*Không nói không rằng nín cả hơi !  
Chao ôi ! Ghê quá trong tư tưởng,  
Một vũng cô liêu cũ vạ đời*

*(Cô liêu)*

Thế giới quen thuộc của ta bỗng lao chao  
ngiên ngã, mọi vật bỗng thất lạc, mọi lời nói bỗng  
trở nên vô nghĩa, tôi như bị ném băng vào cõi đời,  
không biết tự bao giờ và tôi tan biến trong đó :

*Đây là tất cả hồn anh tiêu tán  
Cùng trăng sao bàng bạc xử say mơ*

*(Trường tương tư)*

Trong khắc khoải mọi vật như tan biến và rút  
lui vào cõi hư vô để chỉ còn nhô lên một hỗn độn

hữu thể uyên nguyên nhầy nhụa mọi vật mất hút  
trong một hỗn thể không tên gọi :

*Trời từ bi cảm động ứa sương mờ,  
Sai gió lại lay hồn trong kẽ lá  
Trăng choáng vằng với hoa tàn cùng ngà  
Anh đoán chừng cơn ấy em ngất đi.*

*(Hãy nhập hồn em)*

*Dừng nghe chỉ âm hưởng địa cầu đang  
Vỗ toang ra từng mảnh, cả không gian,  
Cả thời gian từ tạo thiên lập địa,  
Đều trộn trạo, điều hòa và xí xóa,  
Thành hư không như tình ái đôi ta.*

*(Đôi ta)*

Chính trong hỗn thể đó, cả vũ trụ, cả những sinh  
hoạt tâm linh của ta và cả chính ta nữa đều bị đắm  
chìm :

*Thinh không tan như bào ảnh hư vô,  
Dải Ngân Hà biến theo cầu Ô Thước.  
Và ao ước và nhớ nhung lên lượn,  
Đắm im lìm trong mộng vọng buồn thiu.*

*(Dừng cho lòng bay xa)*

Và cũng chính qua nỗi khắc khoải đó - kinh  
nghiệm căn bản của hư vô - mà Hàn Mặc Tử nói  
riêng, con người nói chung biết mình là vật ở trong  
vũ trụ, cái vũ trụ được xem như một phối hợp bằng

những lo toan và dự phóng : Con người là một hiện hữu ở những nơi xa (un être des lointains).

Viết về nhà thơ Quách Thoại, thi sĩ Thanh Tâm Tuyền đã làm những dòng thơ này :

*Khi người thi sĩ ấy chết trở trụi  
Không một lời trời trăng từ biệt  
Mắt khép không đợi vuốt.*

*Khi người thi sĩ ấy đã gặp  
Người tình muôn đời là vô cùng  
Trong hồn đất.*

(Thanh Tâm Tuyền - Về Quách Thoại)

Phải chăng ta quá lệch lạc khi dám mượn những lời này để cảm tạ nhà thơ Hàn Mặc Tử ? Và phải chăng ta đã quá phóng đại khi nói rằng chính ý thức khắc khoải siêu hình kia đã dẫn dắt Hàn Mặc Tử từ ý thức về sự chết đến những thơ kỳ lạ kia ?<sup>(1)</sup>

(Bán nguyệt san *Văn*, 1-6-1971)

(1) Tài liệu được dùng nhiều nhất cho bài này, tương phải kể đến biên khảo HU VÔ TRONG TRIẾT HỌC HEIDEGGER của Nguyễn Đa. Nhân đây xin bày tỏ lời cảm ơn. (N.X.H.)

## KHÍ CHẤT NGƯỜI MIỀN TRUNG VÀ NHÀ THƠ HÀN MẶC TỬ

Lại Nguyên Ân

Khi nói đến một tài năng thơ xuất chúng, cũng như một tài năng nghệ thuật hay khoa học, ta sẽ khó tránh khỏi sai lầm nếu không xác nhận tính đơn nhất, độc đáo, xuất chúng của cá nhân, bộc lộ cả ở khí chất, năng lực, cả ở con đường sáng tạo và kết quả sáng tạo của họ. Đây có lẽ cũng là điểm phân biệt những tài năng trong văn hóa với những tài năng trong các lĩnh vực hoạt động xã hội tất yếu khác, ví dụ lĩnh vực hoạt động xã hội - chính trị : người ta thường viện đến quyết định luận xã hội - lịch sử để bảo rằng vào một thời điểm nhất định cần xuất hiện một thiên tài quân sự hay chính trị thì một thiên tài như thế tất yếu sẽ xuất hiện, nếu không là tên tuổi này thì sẽ là một tên tuổi khác ; chúng ta không có lý lẽ gì hơn để bác bỏ cái quyết định luận ấy cùng hệ quả của nó. Và đây là đặc điểm của quá trình xã hội - lịch sử. Còn đối với quá trình phát triển văn hóa ? Nó có điểm chung với quá trình xã hội lịch sử chung nhưng hẳn còn có thêm những "điều kiện" gì đó nữa. Ít nhất là cần có những tài năng xuất chúng, mà những tài năng này thì không nhất

thiết phải tất yếu nảy nở đúng mùa : người ta chẳng đã bảo rằng khối gì mùa hoa không có ong làm mật, để phôi pha đi biết mấy phần hương đó sao ? Và tôi muốn tin rằng trong những lời lẽ ấy không phải chỉ có hình tượng biểu cảm mà còn có những lý lẽ xác đáng nào đó nữa kia.

Tóm lại là không thể không đặt lên hàng đầu vai trò của cá nhân sáng tạo xuất chúng trong quá trình văn hóa. Thế nhưng điều tôi muốn nói ở đây lại là một nhân tố phụ, ít quan trọng. Tôi muốn nói đến một cái gì tựa như là "tổ chất vùng", là chất người ở một vùng lãnh thổ cũng có thể bổ sung vào và làm nên thêm đường nét cụ thể trên diện mạo một nhân cách sáng tạo. Và vì bản vở Hàn Mặc Tử, nên cần nói đến cái tựa gọi là "khoa chất người miền Trung".

Tôi chưa đặt chân đến miền Trung (nói rõ hơn là miền Nam Trung bộ), đến xứ Quảng, tôi không có điều kiện để tiếp cận như một nhà dân tộc học, một nhà địa lý học, một nhà y sinh học di truyền, cho nên, cái tôi gọi là "khí chất" thật ra cũng chỉ là những nhân tố địa lý xã hội do quan sát thông thường mà thấy. Ấy là chưa nói rằng tôi sẽ đề cập một cách ít nhiều ngẫu hứng hơn là một cách khoa học. Thế có nghĩa là, ai không chia sẻ sự suy nghĩ của tôi, người ấy có thể dễ dàng phản bác và tôi thậm chí cũng sẽ không nghĩ đến chuyên tự vệ hay "bảo lưu" nào hết.

Người Việt miền Trung đương nhiên cũng là người Việt, cùng huyết thống với cư dân ở đồng bằng sông Hồng, cùng ký ức văn hóa - lịch sử với cộng đồng người Việt nói chung. Có điều, cái làm nên những khác biệt (những cái sẽ là đặc điểm) là ở tính chất ít nhiều riêng biệt của những nhóm người thiên di dần về phía Nam, là ở những gì ít nhiều riêng biệt sẽ được tạo nên và tích lũy dần dần trong họ, do cuộc sống lịch sử, thế hệ nọ tiếp thế hệ kia, ở một vùng đất mới - cái khắc nghiệt mới mẻ của thiên nhiên, những va chạm và xúc tiếp mới mẻ với các chủng tộc bản địa, ấy là chưa nói đến sự bảo lưu ở họ những đặc tính văn hóa từ nơi xuất phát - nó rơi rụng không ít nhưng lại cũng bảo lưu lâu, thậm chí lâu hơn nơi xuất phát những đặc tính ấy. Đây là những điều suy luận. Điều dễ đập vào mắt ta là những cảm nhận thực tế. Bằng thực tế, ta có cảm tưởng người Việt miền Trung khắc nghiệt, riết róng, quyết liệt, tàn bạo, cực đoan hơn hẳn ví dụ so với người đồng bằng sông Hồng. Nông dân hay thị dân Bắc Kỳ không thể đo được với họ về mức độ : cả mức độ chịu đựng cơ cực lẫn mức độ hưởng thụ, thế nhưng giữa đám "anh hai" Nam Kỳ ăn sài xà láng đường như mức độ tham vọng cũng khó tìm những "điển hình" bán trời không văn tự hơn so với miền Trung ! Cái đáng lưu ý là ở họ có một mức độ quyết liệt, gay gắt đến mức khó chấp nhận trong các trạng thái.

Nếu có thể đọc ra những tố chất chung của tâm hồn người Việt qua những môn nghệ thuật cổ truyền như *chèo* và *tuồng*, thì luôn thể, cũng có thể đọc ra cái "tố chất vùng" của người Việt ở đó. Một nhà viết kịch lão thành bảo tôi : trong cả 200 tích chèo cổ, khó có thể tìm ra những vai để có thể gọi là vai anh hùng (trong khi lúc nào cũng sẵn những vai hề nổi bật) ; nhưng trong bất cứ tích tuồng nào ít ra cũng có một vai anh hùng nghĩa hiệp. Đào kép của chèo thường diễn trò với dài lụa, chiếc quạt, quá lắm là chiếc roi của vị gia trưởng, nhưng không thể hình dung các vai tuồng nếu thiếu guom đao, còn kiếm. Các tích chèo thường chỉ là chuyện hương thôn, ít khi có một sân rồng, ít khi xuất hiện vua chúa, tướng sĩ, trong khi các tích tuồng đầy rẫy những quân binh, dũng tướng, đầy rẫy những chuyện thoán đoạt, phản loạn, những mưu mô và xung đột kịch liệt. Ở chèo truyền thống không thể thấy những cuộc chính biến, những đảo lộn cách mạng, trong khi tuồng truyền thống bao giờ cũng là diễn trường của các cuộc tranh đoạt quân sự chính trị. Kịch hát, với chèo là những thanh âm nhẹ nhàng, dằm thắm, trong trẻo là ngũ âm của vùng ngoài khoang miệng người ca, kịch hát với tuồng lại là những thanh âm ở âm vực cao, là tiếng thét tiếng gào quyết liệt, đòi hỏi huy động âm thanh của vùng cuống họng người hát. Không thể tìm thấy trong chèo cái nổ vỡ bức bách, cái sôi máu quyết liệt như trong tuồng. Phải chăng có thể đọc ra ở tuồng (truyền thống) cả một loại đặc điểm

của khí chất người Việt miền Trung ? Tôi ngờ là như vậy.

Có lẽ không cần tranh cãi gì về một điều : cùng dùng chung một tiếng Việt, nhưng mỗi vùng lại đem vào tiếng Việt một sắc thái riêng, không chỉ về ngũ âm, mà cả từ vựng, ngữ pháp. Nếu tiếng Việt ở cái nơi đồng bằng sông Hồng có thể được coi là thú tiếng Việt *sáng* và *rõ*, thì tiếng Việt miền Trung có sắc thái *tối* và *đục*, hoang dã. Không phải *tối* và *đục* ở đây là nhược điểm, ngược lại nó sẽ phát huy lợi thế của nó trong sự khai thác của các nhà thơ. Với những người sinh trưởng ở đồng bằng sông Hồng, ta dễ nhận ra cái *sáng*, cái *rõ*, cái *mềm mại*, cái *khuôn phép* trong ngôn ngữ thơ ví dụ ngay của Nguyễn Bính hay Trần Huyền Trân. Bản ngữ vùng sẽ hầu như không bao giờ cho phép họ dùng chữ có màu sắc miền Trung như Hàn Mặc Tử :

- Hỏi cho mấy tuổi ? Đáp mười lăm
- Nép mặt trong hoa nói *thì thầm*
- Hoa với tôi đều cảm động *sơ*
- Anh lại đây tôi *thốt* chữ thơ.
- Và khối lòng tôi cũng *tự si*
- Lòng thương chưa đã, mến chưa *bưa*

(Xuân Diệu cũng có lúc dùng chữ *bưa* này, và chính ở Xuân Diệu cũng còn lại khá nhiều tố chất miền Trung. Đọc bài ông giới thiệu ca dao miền Nam Trung bộ ta sẽ được thuyết phục về điểm này).

Hoặc cách dùng các từ láy khá lạ này đối với bản ngữ miền Bắc :

- Rao rao gió thổi phương xa lại
- Lay bay lời hát ơ buồn lại

Trong tiếng Việt của người miền Trung (và cả Nam Bộ nữa) có khá nhiều những yếu tố còn đang nằm giữa kiểu từ như là những âm thanh biểu cảm (tiếng kêu, tiếng thở...) và kiểu từ với nét nghĩa rõ rệt, ổn định - hiện tượng này sẽ là hiếm nếu ta tìm trong tiếng Việt miền Bắc. (Nguyễn Quân gọi là yếu tố tiền ngôn ngữ, tôi tạm dựa theo chữ của anh để gọi là "tiền từ vựng"). Những đơn vị từ như thế bao giờ cũng giàu khả năng biểu cảm, mặc dù có vẻ hơi tối trong khả năng biểu nghĩa.

Từ những hình dung hazy còn sơ sài như trên về những nét khá riêng biệt trong khí chất và ngôn ngữ người miền Trung, tôi muốn nêu lên những đại diện cho khí chất ấy, ngôn ngữ ấy trong thơ, với những Hàn Mặc Tử, Chế Lan Viên, Bích Khê, v.v... và cả những cây bút về sau này (Thu Bồn ? Thanh Thảo?). Ở đây, hẳn ta sẽ nghĩ tới những "trường thơ Bình Định", "trường thơ Điện", "trường thơ Loạn" như là những xu hướng trường phái nhất thời, từng liên quan đến Hàn Mặc Tử. Tuy nhiên, tôi không đi vào khía cạnh trường phái này vốn là một khía cạnh văn học sử của phong trào "thơ mới". Tôi chỉ muốn nói đến khía cạnh những đặc điểm khí chất con người một vùng đất, những đặc điểm riêng trong cách dùng tiếng Việt ở vùng đó như là những nhân tố đã in dấu trong cách tri giác và cách biểu đạt sự tri giác ấy qua thơ ca của một vài trong số

các nhà thơ sinh trưởng ở vùng đất này. Qua thơ họ ta dễ thấy cái chủ thể sôi máu, quyết liệt, cực đoan, táo tợn, liều lĩnh - cái chủ thể luôn *dành cho mình một khoảng tự do rộng lớn* vốn là cần thiết cho sáng tạo thơ ca, nghệ thuật.

Một điểm khác nữa, từ những đặc điểm "ngôn ngữ vùng đất" là : sắc thái *tối* và *đục* (so với ngôn ngữ miền Bắc) có một vẻ đẹp riêng, nó dường như bộc lộ nhiều thuận lợi cho việc chuyển tải những cảm quan điên dại, siêu thực tế của con người trong những dò tìm về những cõi hư huyền, vô hình vô ảnh, trong những diễn tả về những thế giới âm u, dù là những ảo ảnh về một "nước non Hời" đã chìm vào dĩ vãng hay là những ảo giác thoáng hiện trong cõi vô thức của nhà thơ đang cảm nhận từng giây phút hiện hữu của chính mình.

Tôi đã nói từ đầu là những ý niệm của tôi về "khí chất vùng", "ngôn ngữ vùng" là những nhân tố hàng hai hàng ba chứ không phải hàng đầu trong việc tạo nên những nhân cách sáng tạo như Hàn Mặc Tử. Tuy nhiên, nếu như quả là Hàn đã có công đưa thơ tiếng Việt, nghệ thuật ngôn từ người Việt đi vào những vùng đất mới của sự khai thác cái đẹp - và có thể lại là cái vùng khá đặc trưng cho những tìm tòi của nhiều nghệ sĩ lớn ở thế kỷ 20 này thì các nhân tố khí chất và ngôn ngữ này dầu sao cũng có vai trò của nó, dù là vai trò bổ trợ.

15-11-90

## HÀN MẶC TỬ, MỘT HỒN THƠ DI BIỆT

*Ngô Văn Phú*

**B**iết nói gì về Hàn Mặc Tử, khi biết bao người đã mến mộ ông, ca ngợi ông, tìm và lấy ra những gì mà người trước chưa đề cập đến hết. Dương thời không ai yêu Hàn Mặc Tử hơn Chế Lan Viên. Hoài Thanh yêu cả phong trào thơ mới, yêu Xuân Diệu, Huy Cận, Chế Lan Viên, Nguyễn Bính, lại cũng là người cảm nhận ở Hàn Mặc Tử có một vị trí khác hẳn mọi người. Ông là người xác nhận ở Hàn Mặc Tử có một tâm hồn một tài năng dị biệt mà cả "khen hay chê đều là bất nhẫn" (*Thi nhân Việt Nam*) Quách Tấn, Yến Lan đều yêu thương, mến mộ Hàn Mặc Tử mặc dù yêu mỗi người theo một cách. Xưa kia những người làm thơ yêu nhau như thể tình nhân, và bởi thế họ mới hiểu nhau đến ngọn ngành và bảo vệ nhau mãi mãi.

Gần đây, thơ Hàn Mặc Tử lại xôn xao khơi gợi trong lòng lớp các nhà thơ trẻ. Họ cảm nhận ở Hàn Mặc Tử có một điều gì gần gũi với họ, muốn vươn tới một điều gì ở sự đổi mới nội tại của thi ca.

Nghiên cứu lại cuộc đời Hàn Mặc Tử, chắc cũng có nhiều điều thú vị. Về tuổi tác, Hàn Mặc Tử sinh năm 1912, so với Huy Cận, Xuân Diệu ông đều là

hơn tuổi. Và khi phong trào Thơ Mới, sau Phạm Huy Thông, Thế Lữ, Huy Cận, Xuân Diệu, nổi tiếng một loạt, rồi mới đến Chế Lan Viên, Hàn Mặc Tử. Chế Lan Viên kém Hàn Mặc Tử đến 8 tuổi. Mười sáu tuổi tức là năm 1936, Chế Lan Viên xuất hiện với *Diêu Tân* và lập tức nổi tiếng như một tài hoa độc đáo và đặc biệt. Còn Hàn Mặc Tử khi xuất hiện đầu với tập *Gái quê*, là sự hình thành giữa cái hồn thơ Á Đông với phong trào tình cảm mãnh liệt của thơ mới. Xuân Diệu thích Rimbaud và Verlaine, Chế Lan Viên mê Edgar Poe, còn Hàn Mặc Tử thì không tuyên bố mình thích một nhà thơ phương Tây nào. Hình như ông đọc các bậc thi nhân nổi tiếng ở thời ấy để tìm ra cho mình một lối thơ mà ông thích. Ông có thể chơi với tác giả *Mùa cổ điển*, tức Quách Tấn, và rất thích những bài thơ Đường luật có tứ rất mới, rất trau chuốt của Quách Tấn. Ông cũng từng làm những bài thơ Đường luật cách tân ấy, nhưng đột nhiên, chuyển hẳn sang một bước mới. Thơ của ông bước vào trận xoáy lốc, hòa trộn giữa đời người, đời thơ ; giữa sự cảm nhận tận đáy lòng về khổ đau và hạnh phúc ; giữa cứu cánh, cầu mong những thứ siêu hình và những khát vọng riêng tư, của chính cuộc đời sống hết mình trong bệnh tật, trong đắm đuối thi ca, và trong những cảm nhận linh thiêng chỉ ông mới có giữa cõi huyền vi và cuộc đời trần thế...

Ồ Hàn Mặc Tử, lúc chưa mắc bệnh hiểm nghèo, thơ đã là cứu cánh. Hàn Mặc Tử sống ở đời tức là sống cho Thơ. Thơ với ông là tất cả. Thơ nhằm gửi gắm những cái đẹp nhất, say nhất, phút thăng hoa nhất, cảm nhận sáng khoái nhất, những yêu thương si mê cuồng nhiệt nhất, những giao lưu huyền thoại nhất giữa vũ trụ và tâm linh, giữa đơn độc và bao la, giữa khao khát và phía bên kia là hạnh phúc no đầy không vươn tới được.

Thơ Hàn Mặc Tử tự *nội tâm mà vọt ra*, từ *cái thế giới riêng* trong nhận thức của ông mà ông viết, do đó tự ông có một phong cách, không giống bất cứ một nhà thơ nào. Ông mới mẻ, ông xúc động đến tột độ đến mức người ta không theo kịp những sự vận động nội lực mà chỉ một tâm hồn ông mới giải thích nổi. Một người tài hoa, phóng khoáng, mê nghệ thuật như Hoài Thanh, phải thốt lên rằng : "Ngót một tháng trời, tôi đã đọc thơ Hàn Mặc Tử. Tôi đã theo Hàn Mặc Tử từ lối thơ Đường đến vô kịch bằng thơ *Quần tiên hội*, và tôi đã mệt là...". Ông lại viết : "Trời đất (trong thơ) thực của riêng Hàn Mặc Tử ta không hiểu được và chắc cũng không bao giờ hiểu được !". Thấy chưa đủ, Hoài Thanh nhấn mạnh thêm : "Lại có khi ở ta rất thường mà trong trí Hàn Mặc Tử rất để sợ !".

Thơ của Hàn Mặc Tử là sự giằng xé của một con người khát yêu, khát sống, có khả năng giao lưu,

trò chuyện với mây, gió, sao, trăng, với Chúa, với Thánh nữ đồng trinh bằng những tình cảm chói sáng nhất, ngây ngất nhất, dâng hiến trọn vẹn, lại là kẻ bất hạnh nhất, cô quạnh nhất. Cái điên cái cuồng trong thơ Hàn Mặc Tử, chính là tiếng đập phá đầy sức mạnh và cũng là bất lực của sự ngăn cách ấy, của cảnh trí trên ấy. Yêu thương, điên loạn trong yêu thương, nên trong cái loạn, cái điên vẫn có cái thực. Ai nhận ra cái thực ấy thì thấy được lối viết nhất quán nội lực của Hàn Mặc Tử, nhận ra một tài năng dị biệt của thơ ông. Còn ai không nhận ra, thì chính là người bị ràng buộc trước những cảm quan thông lệ, của những kẻ người trần mắt thịt. Chủ tướng của phong trào thơ mới Xuân Diệu, người đã được coi như niềm tự hào của thi ca thời đó, trước Hàn Mặc Tử, mà lạ thay lại chưa hiểu được ông... Tuy nhiên Xuân Diệu không dẫn đích danh, mà chỉ xa xôi bóng gió : "Hãy so sánh thái độ can đảm kia (thái độ những nhà chân thi sĩ) với những cách đột nhiên mà khóc, đột nhiên mà cười, chân vừa nhảy, miệng vừa kêu : Tôi điên đây ! Tôi điên đây ! Tôi điên đây ! Điên cũng không dễ làm như người ta tưởng đâu. Nếu không biết điên, tốt hơn là cứ tỉnh táo như thường mà yên lặng sống !".

Thế mới biết hiểu thơ nhau thật khó. Xuân Diệu còn thế, huống chi ai bây giờ chưa hiểu được thơ Hàn Mặc Tử, không nên lấy thế làm buồn.

Là một người làm thơ Nhà quê, chủ trương chân thật giản dị, nhưng càng đọc thơ Hàn Mặc Tử, tôi càng thêm khát những lúc cái khuấy lộn của suy tư, tình cảm được diễn đạt thấu đạt nhất bằng thơ, và những ngôn từ lúc ấy chính là máu, là thịt, là hồn, là xác của người thơ.

Sống hết mình cho thơ, thơ viết hết mình. Đó là Hàn Mặc Tử. Hàn Mặc Tử là một chủ tướng trong cuộc đời thi ca, nhưng chính ông chỉ cần mình có nhu cầu riêng cho Thơ ca kiểu của mình. Ông không khoa trương, không cần biết đến các chuyện khen chê. Ông chỉ viết theo tâm hồn mình, trí não mình, cảm hứng thơ của mình đòi hỏi... Ông trẻ và mới cho đến tận bây giờ.

## TÔI VẪN CÒN ĐÂY

*Nguyễn Quân* (Họa sĩ)

"*Vì nếu ta đây là trích tiên/ Lãng Tử ơi - mi là tiên hành khát/ Gió trăng có sẵn làm sao ăn ?*" (Câu đầu do ý một người đương thời gọi Lý Bạch là tiên trên trời rơi xuống, câu tiếp là Hàn Mặc Tử thêm vào hai từ hành khát). Có người yêu quý (tôi) bảo : Hàn Mặc Tử cứ tưởng là huyền thoại, xem ảnh, xem chữ mà ngỡ ngàng phải tin có một người thực như thế. Hàn Mặc Tử bảo : "*Có tôi đây, hồn phách tôi đây/Tôi nhập vào trong xác thịt này*". Ông còn viết :

*"Ngoại cảnh đã xâm lấn xác thịt và tâm hồn tôi. Bao nhiêu là tinh anh của non sông đều xông vào rút hết tinh tiết của tôi". Lại "Mộng tàn rồi, nghĩa là mộng biến đi, những điều tôi vừa thấy đều là huyền hoặc cả ? Có lẽ nào !... Nhưng phút giây trong sáng đây không phải là phút giây mê sảng nữa. Có ai nhận thấy hai dòng nước mắt rưng rưng của tôi ?... Tôi đương sống ngày hôm nay. Mà ngày qua là một giấc chiêm bao, có ai bảo giấc chiêm bao ấy là vu vơ, có ai bảo tôi có xác mà không có hồn".* Không nên đổ cho Hàn Mặc Tử là mộng mị, là siêu thực, là vì bệnh hoạn mà kỳ lạ, là triết lý hay cảm xúc. Ở thơ ông không có sự phân biệt ấy, không chỉ có sự chẻ nhỏ giải phổ ánh sáng nhìn thấy được từ đỏ đến tím của Thơ Mới cùng thời. Thơ ông "vắt vèo" thỏ hót, sờ thấy cái ấm lạnh của cả vùng cực đỏ và cực tím của tâm hồn người, đời sống tình tiết người và thiên nhiên. Hàn Mặc Tử cũ hơn Thơ Mới và mới hơn những người làm ra phong trào ấy. Ông gần các nhà thơ cổ điển hơn và gần hôm nay hơn. Nếu được kể 10 nhà thơ tiếng Việt (chữ Nôm) được biết tới, tôi dám kể Nguyễn Trãi, Nguyễn Bình Khiêm, Nguyễn Du... và cuối cùng là Hàn Mặc Tử. Chính nhà thơ rất gần ta và chết rất trẻ này là nhà thơ cổ điển mới nhất. Một "*cô lẳng giềng bên chết thật rồi*", một "*áng mây buồn ở trong khe*", một vườn cây, giếng nước đầy trăng, một người "*chị ấy năm nay còn gánh thóc*", một "*tiếng hồn trong lũy tre*", một cô gái "*ống*"

quần vo xắn lên đầu gối" với đôi bụng chân "trắng rợn mình", một chuyến dò ngang có người mới quen nhớ tiếc "Xa tú quê nhà chỉ một tay", một quả dưa ban trưa "Chán chường bóng mát nằm phơi bụng" (như người), một cánh "Buồm trắng phất phơ như cuống lá", một cái lều tranh, một cái chõng tre, trên đó có một người "kéo mền ủ kín toàn thân lại". Hàn Mặc Tử gần Tú Xương ở sự kể đời thường, việc thật mà tẩm vào đó cái huyền bí "đêm gì" của Nguyễn Gia Thiều. Mặt khác ông gần Nguyễn Khuyến, Tản Đà ở cái vu vơ trong vất : "Hôm nay trời lũng lơ trôi" và "chỉ có ao xuân trắng trẻo thay". Có cái tự hỏi : *nhớ ai mà đứng mãi đây ? Có cái tiếc công bác mẹ như điều đứt dây*. Thơ ông cổ điển một cách tân kỳ, trong một toàn thân sặc mùi, sặc sắc. Nó đặc sắc ở chỗ *ngũ quan và tứ chi* của người thơ không tách bạch ra được khỏi hồn và phách, ý và tứ thơ. Có thể ông là một *thể linh hồn* chứ không phải cái bình đựng linh hồn. Hàn Mặc Tử vận động toàn thân với xúc cảm ngũ quan (đặc biệt các giác quan "hẹp" như xúc giác, khứu giác và vị giác) và không phân biệt người hữu tình với vật vô tri. Chủ đề, đối tượng, hình tượng, lời nói và ẩn dụ tan hòa đến không phân biệt được người thơ với thơ nữa. Do vậy các khái niệm siêu hình, hiện thực, siêu thực... đều không bao nổi, không chõng khít với thơ ông. Và ông cũng không phải là sự kết hợp, tổ hợp các yếu tố đó một cách tài tình. (Các nhà phê bình

thức giả sắp sửa quy vào cho gọn như thế) để mà khác ra, ngoài ra các trường phái, các thời khoảng lịch sử. Tinh phi thời gian và bản chất thơ ông, giống như Andécxen, Sagan lạ với mọi trường phái, phong trào, chủ nghĩa cùng thời và địa lý, song nhìn kỹ, đọc kỹ vẫn thấy sâu sắc rằng chỉ có *ngẫu nhiên biện chúng ấy* mới sinh ra văn ấy, tranh ấy, thơ ấy.

Ngũ quan ông tinh nhạy và thông thoáng đặc biệt với "Ánh trắng sờ sẫm gối. Gió thu cọ mài chấn". Gió xuân "sột soạt trên tà áo biếc", "Áo xiêm nhuộm trắng hồng hào chưa khô", "Hồn đã cẩu, đã cào, nhai ngấu nghiến" với những cảm giác "sùng sục, tê tê"... Cái cụ thể ngũ quan ấy áp dụng cả với cái vô hình, vô lượng, vô thanh, vô vị "Tôi gò mây lại. Tôi vo trầu mền như vo lụa. Lòng thiếp buồn như một tấm nhung. Ôm ngang lấy gió. Nắm trong tay một nạm hào quang"... và ngũ quan chuyển hóa lẫn nhau, cái nhìn thấy có sức nặng : "Có chớ trắng về kịp tối nay?" Làn da trinh trắng, mỏng, tinh, khôi nguyên của nhà thơ hấp thụ và "bài tiết" tất cả những gì ta quen (vì da ta dày, tục, thô...) gọi là "trừu tượng". Có phách ẩm thực nhắm nháp làm cao trong văn chương, song cơ quan tiêu hóa và hô hấp của nhà thơ Hàn Mặc Tử, cũng như mắt và tai ông không chỉ được dùng để thưởng thức, cảm nhận hay phân tích thế giới bên ngoài mà chúng được huy động hết cỡ để hóa thân cơ thể nhà thơ, làm nội ngoại đồng hòa, giao hoan với nhau : "Trí tôi hóp bao nhiêu khí

vị và trong miệng ngâm câu ca huyền bí, cả miệng ta trắng là trắng. Uống mây, hớp ráng trời, hớp cả tiếng cười trong khe" v.v. và v.v. Ông bảo mây : "Mau bay vào cuống họng ta đây !". "Lúa là uớt dầm cả trắng thơm, chúng tôi nói chuyện bằng hơi thở./Dần dần hoa cỏ biến ra thơ" v.v. và v.v. để cuối cùng luôn là "Mùi yêu đương vấn vít cả tâm hồn", "Sặc sụa cả mùi trắng" và "Nước mây thì hỗn hển" như luôn có quả tim và lá phổi người. Thường thơ hay hay trêu tượng hóa, thi vị, khái quát, điển hình... hóa cái cụ thể, còn thơ tuyệt vời thì có nhiều chiều ngược lại : cụ thể, sờ nắn, hít thở... vật chất hóa người hóa cái bị văn minh là nguy tạo đẩy thành trêu tượng, làm cho cái xa lạ, dùng dung... trở lại nồng nàn, chung chạ không cưỡng lại được. Mùa thu "áp ứng chẳng ra lời", vì "Tình thu bí thiết lắm thu ơi". Cây cối thì "Ngây tình không muốn động" và thú nhận "Lòng em hồi hộp chị Hằng ơi". Tình con gái thì với ngày xuân càng "chín ửng". Hoa gió thì "thì thào", mây nước thì "nôn nao", gió thì có khi "say lướt lướt trong màu sáng" không gian thì có khi "đặc quánh toàn trắng cả" và lòng em thì "thơm tho như ánh trăng". Trăng (cái biểu tượng khô cứng trù tình) có hơi thở, có mùi, có vị, có sức nặng, có cả "tú chi" để "ngả ngửa, nằm sóng soài, sắp mặt, uốn mình, vướng vào cành cây, chết đuối" ở sông và chết rồi có cả xác : "thây trôi về xa tận cõi vô biên", trăng biết ghen, giận, có dung mạo "Người trắng án vận

toàn trắng cả. Gò má riêng thôi lại đỏ hươm"... Kể sự kỳ lạ về thơ trắng Hàn Mặc Tử đáng là hậu duệ ưu tú của Lý Bạch dù ông say tình và vật lộn với thân xác mình nhiều hơn Lý Bạch say rượu thành thoi với hồn linh.

Cái tốt vời của Hàn Mặc Tử là : tất cả những gì cục bộ là gào kêu, động dậy, phát sáng, bốc mùi, tỏa hương, ấm mềm... (tức là sống vậy) ở mỗi chữ, câu, mô típ, hay ý tứ đều được nhấn chìm, trong tổng thể, trong một không gian êm, lặng, rộng và "bàng quan". Cái bao bọc vũ trụ ấy nâng thơ ông tới tầng triết mỹ. Thái độ ấy chỉ có ở các nhà thơ đã và sẽ trở thành cổ điển. Đó cũng là lý do làm ông vượt lên những người cùng thời đua nhau thở hít tể nhị và động dậy hăng hái. Thơ phương Đông có tú ẩn càng vừa sâu vừa rõ càng tốt. Hàn Mặc Tử có điều đó sau cái kỳ lạ về chữ, về nhạc về văn vốn hấp dẫn người đọc sành và làm thơ sành. Nhờ vậy thơ ông như từ đâu bất ngờ tới, không chuẩn bị, như hơi thở tự ra vào, như được "khắc" ra, "thổ" ra, thở hắt ra, trào ra chứ không phải được làm ra. Nó sinh hoạt với ta bằng ngôn ngữ nhưng sống với hồn ta ở tầng tiền ngôn ngữ. "Cô gái ngây thơ nhìn xuống hồ/Nước trong nổi bật dung hình cô/Nụ cười dưới ấy và trên ấy/không hẹn, đồng nhau nở lặng lơ". "Có em anh sống gương/Hồn anh về thôn quê/Theo em trong giấc ngủ/Theo em bên bánh xe" - "Ai cho châu báu thình sặc/Miệng lưỡi khô khan hết cả thềm" - "Hoa

thơm thì uốn lạng/Hương thơm thì bay lan/Em tôi thì  
 hỏn hển/Áo xuân lấm tấm vàng" - "Mối lớn lên trắng  
 đã thẹn thò/Thơm như tình ái của ni cô". - "Nhớ làm  
 sao bãi hoải chân tay"/"Nhớ hàm răng, nhớ hàm  
 răng/Mà ngày nào đó vẫn khăng khít nhiều". Còn âm  
 nhạc thì "Tình hơn đồng trinh/Hừng quá hừng  
 đông/Em mình nghe không/Em chưa nên đông/Say  
 chưa ra lòng/Đều ngâm ngấm cả". Gió thì "Rao rao  
 gió thổi phương xa lại" và làm cho "Lòng tôi bát ngát  
 rộng bằng hai". Mùa xuân làm cho cả cây cỏ (các  
 bậc vua chúa thực sự của bốn mùa) cũng phải ngạc  
 nhiên "Chim khuyên hót tiếng đầu tiên hết. Cây cỏ  
 hồ nghi sự lạ đời". Cái giếng lạnh không biết, không  
 ai biết, còn nhà thơ thì dò tìm "Nghe nói mùa thu  
 nấu chỗ này" và vàng trăng đã chết đuối, đã tự tử  
 ở giếng ấy. Nhờ cái không gian lớn lạng (phi thời  
 gian, không gian và không vụ lợi) và cái tú chìm sâu  
 ấy mà cả những ý, hình cổ, cũ như "Mây trắng ngang  
 trời bay vẫn vơ". Cô gái "Ngày ngày giặt lụa bên sông  
 con", những cảnh, những tình tiết rời rạc, thô vung,  
 giản dị : Sao anh chẳng về thôn Vĩ để mà "Nhìn  
 nắng hàng cau, nắng mới lên"... "Thôi em chán quá,  
 em buồn quá/Anh của em giờ cười với ai ?" - "Khi  
 hương thơm kẻ lỗ miệng/Khi tình mới chạm vào  
 nhau? /Em ơi, thì nghĩa là sao ?" - "Trăng nằm trên  
 sóng cỏ/Cỏ dừa trắng đến ao. Trăng lại đắm mình  
 xuống nước... Đôi ta bắt chước thì sao ?" v.v... và v.v...  
 đều mới tinh hết.

Không phải sự đau đớn, bi quan hay thờ ơ ngạo  
 mạn mà là sự huy động toàn thân, tự tại để hòa  
 nhập đến phát hiện ra mình và thế giới cùng lúc  
 dẫn tới những khẳng định thơ "Lòng tôi chưa kịp  
 nói/Giấy đã toát mồ hôi" hoặc "Ôi ngông cuồng, ôi  
 rồ dại,rồ dại/Ta đi thuyền trên mặt nước lòng ta.../Ta  
 cầm thuyền chính giữa vũng hồn ta" hoặc "Chỉ có  
 trăng sao là bất diệt, cái gì khác nữa thấy đi qua"  
 (một câu tâm cổ sơn hà tại của Đỗ Phủ). Không  
 phải sự ngông cuồng, rồ dại, điên loạn mà là sự nồng  
 nàn và hoang mang chân thực của con người trước  
 tự nhiên dẫn ông tới cái vô cùng "Vỡ toang ra từng  
 mảnh cả không gian/Cả thời gian từ khai thiên lập  
 địa/Đều trộn trạo, điều hòa và xí xóa".

Thơ Hàn Mặc Tử cũng có những tình cảm nhỏ  
 bé như ánh lân tinh ở biển, song sự quên mình như  
 biển cả, và một nhân sinh quan thiết tha mà lạnh  
 lùng làm cho thơ ông như hương trầm thấm mãi, -  
 bí ẩn chẳng ? Lo sợ chẳng ? Tin cậy gởi gắm chẳng?  
 Cầu mong, an ủi chẳng ? - ...tạo nên một thế giới  
 thơ để (như ở các thi nhân thật lớn) ta có thể sống  
 trong đó chứ không phải chỉ để xem đọc, bình thơ,  
 học làm thơ. Ông hô lên "tôi vẫn còn đây" trong "xác  
 thịt này" nhỏ bé, song mai sau, bao giờ dù thân xác  
 ấy đã tan rã, người thơ và thơ Hàn Mặc Tử... lúc  
 nào cũng sẽ vẫn còn đây.

1990

# HỒN THƠ SIÊU THOÁT

Vương Trí Nhàn

## I. VẼ ĐẸP KỲ DI

(Hay là : Hàn Mặc Tử trong những liên hệ  
với nghệ thuật hiện đại)

*Trong bài thơ "Thương ngô trúc chi ca" số XIII, Nguyễn Du từng tả cây liễu "Tối diên cuồng xử tối phong lưu" (dịch nôm : lúc càng diên càng đẹp, càng khiến người ta say mê).*

*Chỗ xứng đáng để đặt câu thơ mang tinh thần hiện đại ấy có lẽ là một phòng tranh nào đó của các họa sĩ lớn thế kỷ XX.*

*Nhưng cũng sẽ là rất thích hợp nếu người ta dùng nó, cái quan niệm mỹ học phóng túng đó, để soi sáng cho một hiện tượng kỳ lạ của thi ca Việt Nam : Những tập thơ "Gái Quê", "Đau thương", "Xuân như ý"... của Hàn Mặc Tử (1912-1940).*

\*

**K**hông kể thơ cổ điển mà ngay thơ Việt Nam hiện đại cũng có cái giọng thiên về chùng mịch. Với phong trào thơ mới, tâm hồn dân tộc đã làm một cuộc bộc bạch khá cởi mở, ở đó, cùng lúc người ta bắt gặp cái say đắm nồng nàn của Xuân Diệu, những giây phút ngà ngà ngơ ngẩn ở Lưu Trọng Lư, những phen chuẩn choáng lảo đảo cố ý ở Vũ Hoàng

Chương. Nhưng bằng ấy sự say sưa đều dừng lại khá xa trước ranh giới của sự hiện đại. Chỉ riêng có một mình Hàn Mặc Tử - do những may mắn ngẫu nhiên mà cũng là những bất hạnh trời đày (như mọi người đều biết) xui khiến - đã phiêu lưu vào khu vực ấy - khu vực của những kích động tình cảm lên tới cùng cực, khu vực của những mê man quyến rũ gần như mất trí. Và trước mắt chúng ta là một giọng thơ độc đáo không chia sẻ âm hưởng với ai hết.

Trung thành với một tập quán đã thành truyền thống, ở Xuân Diệu, Huy Cận cũng như ở nhiều người khác, thi sĩ bao giờ cũng hiện ra như một người tỉnh tể, dịu dàng, chỉ sợ mỗi cử động mạnh của mình làm kinh động cả đất trời. "*Tôi với người yêu qua nhẹ nhẹ - Im lìm không dám nói năng chi*" (Trăng - X. D) hoặc "*Chân bên chân hôn bên hôn yên lặng*" (Đi giữa đường thom - H.C). Đến Hàn Mặc Tử, thì nói cách tiếp nhận đời sống khác hẳn, người làm thơ không có thì giờ nghĩ về mình nên cách bộc lộ có số sàng, sống sượng, thậm chí bệnh hoạn cũng không quăn ngại. Người quen tìm thấy ở thơ một sự ru rín vuốt ve, một lời vỗ về thông cảm hẳn không thể chịu được khi thấy ở đây thơ rất một giọng "*ái tình bắt đầu căng*" "*ô hay người ngọc biến ra hơi*" với lại "*khi hương thơm kề lỗ miệng - khi tình mới chạm vào nhau*". Trong thơ Hàn Mặc Tử, gió heo may cũng rên xiết, thu héo nắc thành những tiếng khô và những cây cối mảnh khảnh cũng run

lên cầm cập. Đi ngược với quan niệm về sự tế nhị, trong thơ Hàn Mặc Tử, những từ ngữ có liên quan đến động tác của cái miệng luôn luôn được sử dụng, nhà thơ rất hay nói đến máu huyết.

- *Mây bay vào cuống họng*
- *Hơi nằng nặng... liếm cặp môi trần*
- *Tôi cắn lời thơ để máu trào*

Sau khi bảo mình "*thường giờ tay núm ngàn mây - đi lại lang thang trên ngọn cây*", sau khi thú nhận "*tôi toan hớp cả vầng trời - tôi toan đắp cả miếng cười trong khe*", nhà thơ tự hiểu :

- *Đêm nay ta lại phát cuồng*
- *Tôi điên tôi nói như người dại*

Thật ra, một người điên không bao giờ biết mình điên, không bao giờ nói to lên rằng theo sự đánh giá thông thường, thì mình bị coi là đã hóa dại rồi. Chẳng qua, Hàn Mặc Tử buộc phải "gào lên, rú lên" như vậy mới nói hết ý mình. Trên đại thể, nhà thơ Việt Nam mất từ 1940 này có thể ký tên sau những phát biểu kỳ lạ sau đây của một người đương thời với chúng ta và chỉ mới mất đầu 1989 - họa sĩ Tây Ban Nha vĩ đại Salvador Dali.

- *Tôi chỉ khác người điên ở chỗ tôi không điên.*
- *Mọi hành động sáng tạo đều là hành vi của chứng hoang tưởng tự dại. Người nghệ sĩ chẳng khác gì thượng đế. Với động tác của bàn tay họ, họ sáng tạo ra các thiên thể và bản thân họ cũng trở nên một*

*thiên thể. Hành động sáng tạo bao giờ cũng là một hành động mạo hiểm.*

So với những thi sĩ đương thời, có một đóng góp của Hàn Mặc Tử mà không ai phủ nhận được là đóng góp vào việc mở rộng biên giới của thơ. Dù có xôn xao chộn rộn trong những tưởng tượng phong phú đến đâu thì những Thế Lữ, Xuân Diệu, Lưu Trọng Lư... vẫn còn nặng nợ nhiều với cuộc sống trần tục. Không ai dám mê man đi trên con đường tới cái hư vô như Hàn Mặc Tử, đúng hơn không ai buộc phải làm vậy. Về phần mình, vốn nặng cảm giác tôn giáo lại được sự diễn đại hỗ trợ, Hàn Mặc Tử sống với thế giới siêu hình một cách tự nhiên đến mức ông bảo "*hu thực làm sao phân biệt nổi*". Tiếng thơ trong *Đau thương, Xuân như ý* đôi khi phải gọi là "*lời năn nỉ của hư vô*" mà chỉ Hàn Mặc Tử mới nghe được. Nhưng đây mới là một phía, phía thứ hai của biên giới cảm xúc cũng được Hàn Mặc Tử mở rộng : nhà thơ lạ hóa ngay chính mình. Chân tay thân thể da thịt con người, những thú tưởng ai cũng thấy, những thú không ai để ý vì chẳng có vẻ gì nên thơ, trong con mắt Hàn Mặc Tử bỗng trở nên thiêng liêng bí mật. Chúng luôn luôn mời mọc kích động, chúng làm nhà thơ nôn nao cả lên, bỏ ngổ như gặp được cái gì cả đời mới thấy. Đọc đi đọc lại những "*Trăng đang nằm trên sóng cỏ - Cỏ đưa trăng đến bờ ao - Trăng lại đắm mình xuống nước - Trăng nước đều lặng nhìn nhau - Đôi ta bắt chước*

thì sao ?", những "Ổng quần xo xắn lên đầu gối - Da thịt, trời ơi ! Trắng rợn mình", những "ô kìa, bóng nguyệt trần trường tắm - Lộ cái khuôn vàng dưới đáy khe", người ta có thể bảo là sống sượng quá. Nhưng thành thực với mình một chút, phải nhận những câu thơ gợi nhục cảm đó chỉ phóng to lên những rung động mà ta vốn có, chẳng qua ta gạt ngay đi, thành ra ngỡ như chúng không tồn tại. Chính Hàn Mặc Tử cũng từng bị giam hãm trong vòng cương tỏa của thói quen, ông cũng là người bị mặc cảm đè nặng và nhiều câu thơ buột ra như là một sự dút bỏ, tự giải phóng, nếu không làm sao cái cảm giác bên lở ngượng ngập, thêm khát sự trong trắng lại thường xuyên đi về trong thơ ông đến vậy.

- *Mới lớn lên trắng đã then thò,*
- *Em sợ lang quân em biết được*  
*Nghỉ ngơi cho cái tiết trinh em*
- *Quên cả hổ người cả then thùng*

Khi cho mỗi người đọc cảm thấy rằng sự e lệ ở mình cũng như ở mọi người chẳng qua là một sự e lệ rất tà tâm, quả thật Hàn Mặc Tử đã tiếp cận với nhiều cách hiểu tinh vi về con người hiện đại.

Không có gì thực hơn gần gũi hơn mà lại hư vô hơn với mỗi kiếp người là cái chết. S.Dali từng kể là ông không ngừng nghĩ đến nó, ông coi nó là bạn đường trung thành nhất của ông, nó ở ngay trong nội tâm ông. Rồi họa sĩ nói tiếp : "Cái chết vận hành trong tôi, không ngưng nghỉ, giống như cát chảy

trong đồng hồ cát". Ông hiểu rằng "có một sự hủy diệt tuần tự xảy ra trong đó", bởi vậy, với ông cuộc sống "lại tỏ ra đẹp đẽ hơn bao giờ hết". Tưởng như những lời thú nhận đó của Dali được viết để cất nghĩa những câu thơ nói về cái chết đầy rẫy trong thơ Hàn Mặc Tử, nhất là ở những tập ông biết rằng ngày tận thế của mình không xa nữa. Có điều lạ là cái chết hiện diện ngay cả trong những câu thơ Hàn Mặc Tử viết về vẻ đẹp. Ở vào ranh giới mong manh giữa sự sống và cái chết về đẹp trong thơ ông là một vẻ đẹp lạnh, ma quái nhưng lại hết sức quyến rũ, giống như sự bùng nổ mạnh mẽ của những gì sắp tàn lụi mà người ta biết là không sao cưỡng nổi. Ai đó đã than "Phải vì tất cả đều đang đi đến cái chết, nên tất cả mới hiện lên rực rỡ đến thế ?!"

Theo Hoài Thanh trong *Thi nhân Việt Nam 1932-1941* cho biết, ngay từ 1940, Xuân Diệu đã từ chối thẳng thừng Hàn Mặc Tử và bản thân Hoài Thanh cũng cảm thấy rằng chỉ nên nói về Hàn Mặc Tử một cách dè dặt. Sự từ chối đó, dự dè dặt đó là rất thành thực. Đặt trong hoàn cảnh thơ Việt Nam trước 1945, phải nhận thơ Hàn Mặc Tử là một cái gì độc đáo vươn ra ngoài thói quen cảm nhận thông thường như tranh của những S.Dali, H.Miro, J.De Chirico... khi mới xuất hiện đã là không bình thường và ngay ở châu Âu cũng phải rất lâu mới được chấp nhận. Tuy nhiên, khoa nghiên cứu nghệ thuật hiện đại cũng đã chứng minh rằng những tìm

tôi lúc đầu bị coi là phi lý, trừu tượng đó đã có mầm mống từ lâu trong tư duy của nhân loại. Ngay từ thời trung thế kỷ, có một họa sĩ Hà Lan là Jerome Bosch (khoảng 1450-1460/1516) đã vẽ nên những bức tranh rất gần với Dali, Miro. Nói như một nhà văn Liên Xô, ông V. Tendriakov thì trong Bosch "vẻ dịu dàng ở cạnh phút hấp hối, nét trình bạch ôm ấp sự truy lạc, cảm xúc hừng khởi xen lẫn cơn tởm lợm", khiến người xem tranh của Bosch "vừa sáng khoái vừa ớn lạnh". Khi đã xem tranh của những Dali, Miro và lần về tới Bosch như thế người ta không có lý do để nói rằng Hàn Mặc Tử đơn độc nữa.

## II. HỒN THƠ SIÊU THOÁT

(Hàn Mặc Tử trong sự so sánh với các thi sĩ đương thời - Xuân Diệu, Huy Cận, Chế Lan Viên và Nguyễn Bính)

Trong đợt kỷ niệm 50 năm ngày mất của Hàn Mặc Tử, cuối năm 1990, báo chí đã đăng tải nhiều bài phê bình - nghiên cứu có giá trị về thơ ông. Ở đây chúng tôi chỉ muốn làm một công việc cụ thể là thử tìm cái độc đáo của Hàn Mặc Tử qua việc so sánh ông với các thi sĩ nổi tiếng đương thời.

Có một điều xin phép được nói ngay là theo chúng tôi, cái phần tiêu biểu trong Hàn Mặc Tử không phải

là những *Tình quê, Mùa xuân chín, Đây thôn Vỹ Dạ* : cái đó cũng là Hàn Mặc Tử, lại là thơ rất hay nữa, nhưng không phải là tinh chất của tác giả, như những *Bên lên, Trăng tự tử, Trăng vàng trắng ngọc, Hồn là ai, Đêm xuân cầu nguyện...* nói chung là các bài trong *Đau thương, Xuân như ý, Thương thanh khí...* Phần thơ tôi nói ở đây ít được tuyển chọn, không được mang cho học sinh học, không được ngâm trên tivi, nhưng lại là những gì chỉ Hàn Mặc Tử mới viết nổi, nên cũng là phần gọi ra suy nghĩ và cần mang ra so sánh.

### 1. Hàn Mặc Tử và Xuân Diệu

Theo Hoài Thanh, đương thời Xuân Diệu có bộ y phục tối tân hơn cả. Tác giả *Thơ thơ* được coi là mới nhất trong các nhà Thơ mới và chỉ những người còn trẻ mới thích đọc Xuân Diệu.

Đây là những nhận xét chính xác với nghĩa : Nếu như có một khuôn khổ thì Xuân Diệu đã đi đến hết khuôn khổ đó. Còn nếu so sánh với Hàn Mặc Tử thì có thể nghĩ khác. Hàn Mặc Tử vượt ra ngoài cái khuôn khổ thông thường, khiến người ta "ngán luôn", *không muốn nói đến nữa*. Hàn Mặc Tử tự nhận : "Tôi làm thơ ? Nghĩa là tôi yếu đuối quá. Tôi bị cảm dỗ ? Tôi phản lại tất cả những gì mà lòng tôi, máu tôi, hồn tôi đều hết sức giữ bí mật". Ở Xuân Diệu, không có cái bí mật ấy để mà phản bội, Xuân Diệu thường mới đắm say, chú chưa mê man đến mất trí như nhà thơ bị trọng bệnh. Cảm giác về

trăng trong Xuân Diệu kể cả khi đó là cái thứ "*lung linh, bóng sáng bồng bềnh mình*" hoặc "*Trăng ngà lặng lẽ như bông tuyết*" vẫn là loại cảm giác thông thường. Còn trăng trong Hàn Mặc Tử thì ma quái, thoát thế này, thoát thế khác. Hình như cả trong thơ phương Đông lẫn thơ phương Tây, chưa ở đâu trăng lại được mô tả lẫn với máu huyết và lai láng, nhầy nhụa như trong các bài thơ Hàn Mặc Tử làm khi đau ốm. Lại nữa, trăng ở đây ít nhiều đều có quan hệ với nhục cảm. Trăng kêu gọi thêm muốn. Giữa trăng và đối tượng để người ta chung chạ ân ái như là có sự hóa thân, đắp đổi. Trăng đồng lõa, xúi bẩy, trăng lại hứa hẹn là sẽ che chở, thậm chí sẽ ban tặng thêm khoái cảm nếu con chung chạ đó xảy tới.

Có một thời, mỗi khi muốn bảo Xuân Diệu là quá Tây, người ta lại dẫn ra bài *Vội vàng* với câu kết :

*Hỡi xuân hồng, ta muốn cắn vào ngươi.*

Giả sử được xếp lẫn vào giữa thơ Hàn Mặc Tử, câu thơ đó không gợi ra phản ứng gì đặc biệt. Nó còn là tế nhị là lành mạnh quá, trong khi thơ Hàn Mặc Tử thường sống sượng và bệnh tật hơn nhiều.

Xuân Diệu mới cảm thấy cái lạnh buốt ở chung quanh.

Hàn Mặc Tử nhập vào, trở thành chính cái lạnh đó.

Hồn thơ Xuân Diệu như một con diều bay lên thanh thoát, còn cái dây nối con diều đó với đời

sống thơ thì mỏng manh nhưng bền chắc. Hãy nhớ lại bài *Buồn trăng*. Ở trên vừa mới *Huy hoàng trăng rộng nguy nga gió*, ở dưới đã *Hoa buổi thơm rồi : đêm đã khuya*. Với câu kết ấy, ta cảm thấy sau khi ngang dọc khắp vòm trời, con diều - ở đây là tâm tưởng nhà thơ - lại hạ cánh an toàn xuống mặt đất, điều đó chứng tỏ Xuân Diệu rất tài, và cái việc ông làm thật đáng kính trọng. Còn tâm linh của Hàn Mặc Tử thì luôn luôn như một con diều đứt dây khi quay cuồng, lờn lộn, lúc phiêu diêu tìm nơi giải thoát. Xuân Diệu chưa thật bao giờ rõ là mình như khi nhân danh người kỹ nữ mà nức nở : "*Em sợ lắm giá băng tràn mọi nẻo*". Xin đừng có ai chờ đợi một tiếng kêu như thế ở Hàn Mặc Tử, bởi qua thơ người thi sĩ này, thấy toát lên cái ý : miễn là còn được sống, được tồn tại, giá lạnh không có gì đáng sợ. Với lại trong bất cứ nỗi sợ nào, trong bất cứ mất mát nào cũng có niềm sung sướng kỳ lạ, không ai có thể chia sẻ. Đúng về lịch sử thơ ca mà xét thì Hàn Mặc Tử, trong những tìm tòi của mình, đã đi khá xa so với Xuân Diệu. Trong tác giả *Thơ thơ*, người ta cảm thấy ảnh hưởng của những tác giả lớn cuối thế kỷ XIX như De Noailles, Rimbaud, Verlaine như Xuân Diệu đã tự nhận. Còn Hàn Mặc Tử - không biết có phải là ngẫu nhiên chăng - đã đến gần với A.Breton, P.Eluard, L.Aragon, R.Desnos v.v... những người cùng đứng trong một phong trào thơ ở Pháp đầu thế kỷ này có tên là Siêu thực. Tuy nhiên,

đây là một phỏng đoán mà chưa phải một kết luận khoa học. Vấn đề quá lớn. Chúng tôi không có tham vọng giải quyết ở đây. Để tiếp tục chứng minh Hàn Mặc Tử là độc đáo xin làm một vài sự so sánh tiếp.

## 2. Hàn Mặc Tử và Huy Cận

Qua *Lửa thiêng* và qua các tập thơ in sau năm 1945, Huy Cận thường được coi là người có hồn thơ mở ra đến vũ trụ. Giới thiệu thơ ra nước ngoài, Chế Lan Viên bảo Huy Cận vốn "thích các thế kỷ, thích các vòm trời", còn Xuân Diệu từ 1940 đã cho là ở người bạn mình có cái "*ngiên tại kỳ diệu*".

Nhưng xem ra, thơ Huy Cận vẫn quá lành, con người trong thơ Huy Cận ở ngoài mà chưa đạt tới sự hòa nhập với vũ trụ, chưa bao giờ cả gan lang thang đi tìm bí mật của cái vũ trụ hoang đường như trong thơ Hàn Mặc Tử.

Huy Cận dễ dàng bắt gặp ở thiên nhiên một sự thông cảm. Vũ trụ trong thơ Huy Cận khô ráo, trong sáng, thanh sạch, và thật dễ dàng chấp nhận con người. Đây là một bài thơ tiêu biểu :

*Trời xanh ran lá biếc*

*Biên chóá ngợp buồm vàng*

*Gió thổi miền bất diệt*

*Mây tạnh đất hồng hoang*

Về phần mình, Hàn Mặc Tử không có điều kiện mà cũng không tính chuyện lấy thơ mình

ra đối diện với cả không gian, thời gian cao rộng. Hàn Mặc Tử chỉ lạ hóa ngay cái thiên nhiên sát kề bên mình. Nhưng, đó là cái thiên nhiên ma quái, bí mật, thiên nhiên ướt át nhầy nhụa lại nhiều bóng tối và những khoảng trống kỳ lạ, khiến người ta sống trong đó không bao giờ cảm thấy yên ổn. Cảm giác về sự hài hòa, rất quen thuộc trong thơ Huy Cận. Bao trùm ở *Lửa thiêng* là cái tự bằng lòng, cái thanh thản thoải mái khi tiếp xúc với vũ trụ. Cảm giác ấy hết sức xa lạ với Hàn Mặc Tử. Luôn luôn ở Hàn Mặc Tử chỉ là xao xuyến bồn chồn, tưởng là mất mà lại thấy, tưởng là cầm nắm được mà lại trôi đi bay biến.

Thình thoảng, có nói đến Thượng đế thì Huy Cận đã biết ngay rằng Thượng đế sẽ an ủi, vỗ về tâm hồn mình.

Hàn Mặc Tử không tính chuyện kéo Thượng đế về với cuộc sống phàm trần mà chơi với đuổi theo Thượng đế và trong cuộc truy đuổi đó, sẵn sàng thánh hóa.

## 3. Hàn Mặc Tử và Chế Lan Viên

Giữa hai nhà thơ này đã có bao nhiêu duyên nợ. Hơn thế nữa, người ta bảo họ là cùng trường phái với nhau (đây là nói trong phạm vi thơ Chế Lan Viên thời tiền chiến). Điều ấy có lý do của nó : Trong *Điêu tàn*, Chế Lan Viên cũng muốn tạo ra

một thế giới phi hiện thực, như Hàn Mặc Tử đã sống nó trong *Đau thương, Xuân như ý*. Họ chỉ khác nhau ở con đường đi tới thế giới ấy. Trong khi Hàn Mặc Tử tìm thấy nó trong miền man mê sáng, thì Chế Lan Viên có được nó bằng cách đẩy lý trí của mình tới cùng.

Nói một cách hình ảnh : một bên là Hàn Mặc Tử đi vào cõi hư vô như một con chiên ngoan đạo, áo quần tơi tả mà đi, vấp ngã lại đứng dậy bước thấp bước cao đi tiếp, còn bên kia là Chế Lan Viên khôn ngoan tinh táo, tránh từng vũng nước nhỏ, từng quãng dốc trơn, đi theo lớp lang rành mạch, bước bước nào chắc bước ấy, thậm chí có ngã cũng là... biết trước sẽ ngã.

Nếu Hàn Mặc Tử đã đi là không trở lại thì Chế Lan Viên đi có điều kiện, đi tới rồi lại trở về. Bóng đêm, cuộc sống ban đêm, là một mô típ cùng thấy ở nhiều bài thơ của hai thi sĩ, nhưng với Hàn Mặc Tử, đêm trăng này tiếp đêm trăng khác, cả cuộc đời là những đêm trăng tiếp nối, còn với Chế Lan Viên, sau ban đêm còn có lúc vùng ô ồ tới, ban ngày hiện ra.

Một câu hỏi rất tiêu biểu cho Chế Lan Viên trong *Điều tàn* :

- Ai bảo giùm ta có có ta không ?

không bao giờ có thể có ở Hàn Mặc Tử. Lý do đơn giản là Chế Lan Viên coi việc đi trong mê lộ của tiềm thức là để vươn tới trí tuệ. Còn Hàn

Mặc Tử thì dừng lại vĩnh viễn ở tiềm thức. Ở Hàn Mặc Tử chỉ có những triết lý ở dạng lơ lửng ngẫu nhiên và thường vẫn giữ được cái vẻ thơ riêng của nó.

4. Sau hết, xin có một chút liên hệ giữa thơ Nguyễn Bính và thơ Hàn Mặc Tử.

Sở dĩ chúng tôi không gọi là so sánh vì hai nhà thơ này khác nhau quá.

Nhưng nói thơ họ đều là thơ hay (cả hai, đến hôm nay, đều được bạn đọc tìm đọc) điều đó có lôgic không ?

Câu trả lời : không có gì là không bình thường ở đây cả. Thơ có hai cực, cực phổ cập và cực siêu thoát. Ví dụ trong thơ Pháp hiện đại, Jacques Prévert như ca dao đồng dao, rất phổ cập, còn Saint John Perse rất siêu thoát nghĩa là chỉ dành cho một số độc giả chọn lọc và cả hai đều là nhà thơ lớn. S.J.Perse còn được Nobel văn chương nữa. Trường hợp Nguyễn Bính và Hàn Mặc Tử cũng vậy. Lúc nào chúng ta cũng có thể ngâm ngợi vài câu thơ Nguyễn Bính lên và thấy rất gần gũi. Thơ Hàn Mặc Tử tồn tại kiểu khác : chỉ thỉnh thoảng ta mới tìm đến ông. Đó là những lúc lòng ta, trí ta, cách nghĩ về thế giới ở ta vượt ra khỏi khuôn khổ thông thường, ta thấy chung quanh quá nhàm chán và cảm thấy muốn được giải thoát. Những lúc ấy, có thể - tôi nói có thể chứ không phải tất cả mọi trường hợp

- thơ Hàn Mặc Tử lại là những giải đáp đích đáng nhất, ông đền bù cho ta, có cảm tưởng chỉ ông với ta là đủ rồi. Cái sung sướng của người đọc thơ lúc này là sung sướng đến rợn người.

Nói một cách tổng quát : Nguyễn Bính là nhà thơ rất người, rất hàng ngày. Còn Hàn Mặc Tử là nhà thơ của những lúc ta xuất thân. Những lúc ấy hiếm khi xảy ra nhưng vẫn là có.

Nếu không thể lấy thơ Nguyễn Bính để phủ nhận thơ Hàn Mặc Tử thì cũng tức là không thể nhân danh sự dễ hiểu để phủ nhận những cái ta còn chưa hiểu vì chỉ một lúc nào đó mới hiểu, mới thích. Bài học rút ra ở đây : với người làm thơ bên cạnh hướng tìm về sự phổ cập (như Nguyễn Bính) thì hướng tìm về sự siêu thoát (như Hàn Mặc Tử) cũng là cả một hướng đi tốt đẹp. Nó không hứa hẹn sự thành công tức thời nhưng không phải vì thế mà nói là nó thiếu khả năng giúp các nhà thơ gia nhập vào thế giới của các giá trị vĩnh viễn.

## PHỤ LỤC

### 1. NIÊN BIỂU SƠ LƯỢC

- 1912 - 22 tháng 9, sinh ở Đồng Hới
- 1918 - Theo gia đình vào Quảng Ngãi
- 1920 - Ở Sa Kỳ (Quảng Ngãi)
- 1921 - Ở Quy Nhơn
- 1922 - 23 - Ở Bồng Sơn
- 1926 - Thân phụ mất ở Huế
- 1928 - Học Trường Pellerin (Huế), từng được Phan Bội Châu họa thơ.
- 1930 - Trở lại Quy Nhơn.
  - Có thơ đăng ở *Phụ nữ tân văn* và các báo Sài Gòn
- 1931 - Ra Huế, gặp Phan bội Châu
- 1932 - Làm việc ở Sở Đặc điền. Làm quen Quách Tấn.
- 1933 - Lên Đà Lạt chơi với Quách Tấn
  - Giám khảo cuộc thi thơ ở Quy Nhơn
- 1935 - Bỏ vào Sài Gòn làm báo với bạn bè. Đi lại với Mộng Cầm. Có dấu hiệu bệnh phong.
- 1936 - Cho in *Gái quê*.
  - Tháng 5 - Anh cả mất
  - Thời làm báo ở Sài Gòn, về Quy Nhơn
  - Làm quen Chế Lan Viên.
    - Giới thiệu Chế Lan Viên trên báo *Tràng An*.
  - Ra tập san *Nắng xuân*
  - Lập *Trường thơ Loạn*
- 1937 - Viết lời giới thiệu cho *Xác thu* của Hoàng Diệp
  - Soạn tập *Đau thương*

- Chữa bệnh
- 1938 - Hoàn thành *Đau thương*.
  - Bệnh tật lúc đỡ lúc nặng. Đi nhiều nơi để chữa bệnh.
  - Gặp Mai Đình
- 1939 - Trở lại Quy Nhơn
  - Viết bạt cho *Một tấm lòng* của Quách Tấn
  - Đề tựa *Tinh huyết* của Bích Khê
  - Bắt đầu "quen" Thương Thương
  - Viết *Xuân như ý*, *Cầm châu duyên*
- 1940 - Tháng bảy (có tài liệu nói tháng tám) đến Bệnh viện Quy Nhơn
  - 19 - 9 Gia đình trao bản thảo cho Quách Tấn
  - 20 - 9 Về nhà thương Quy Hòa
  - 24 - 10 Viết *Tấm linh hồn thanh khiết*
  - 11 - 11 Qua đời tại Quy Hòa
- 1941 - Trần Thanh Mai đi lấy tài liệu và viết *Hàn Mặc Tử, thân thế và thi văn*
  - Gia đình làm giấy trao di sản cho Quách Tấn
- 1942 - Vụ kiện Trần Thanh Mai - Quách Tấn
- 1944 - *Thơ Hàn Mặc Tử*, NXB Đông Phương
- 1959 13 - 1 : Cải táng, xây lại mộ
- 1967 - Tạp chí *Văn* ở Sài Gòn ra số đặc biệt về Hàn Mặc Tử. Tới 1971, làm số thứ hai
- 1974 - Tạp chí *Văn học* ở Sài Gòn ra hai số chủ đề về Hàn Mặc Tử.
- 1987 - Nhà xuất bản *Văn học* Hà Nội ra *Tuyển tập Hàn Mặc Tử*, do Chế Lan Viên đề tựa.

Cùng năm, Sở Văn hóa thông tin Nghĩa Bình ra *Thơ Hàn Mặc Tử*, do Hà Giao - Quách Giao - Trần Thị Huyền Trang sưu tầm tuyển chọn, đồng thời do Chế Lan Viên và Quách Tấn viết lời tựa và giới thiệu.

## 2. THU MỤC

Do tính chất đặc biệt của vấn đề Hàn Mặc Tử, chúng tôi xin phép sắp xếp như sau :

1. Toàn bộ thư mục chia làm ba mảng lớn :

A - Từ 1945 về trước

B. Từ 1945 đến 1975, trên các sách báo ở miền Nam trước đây.

C. Từ sau 1975 đến nay.

2. Trong mỗi khu vực, sắp theo A B C tên tác giả (chữ đầu tiên của tên).

3. Với những tư liệu hiếm, chúng tôi ghi rõ đã được sưu tầm và in lại vào đâu, để bạn đọc dễ tìm.

Trong trường hợp này, có sử dụng cách gọi tắt, ví dụ ghi có trong P.C.D. tức có trong *Thơ văn Hàn Mặc Tử phê bình và tưởng niệm* của Phan Cự Đệ.

4. Nếu giữa các bản in, có một chút sai lệch. Chúng tôi cũng ghi chú rõ để các bạn đối chiếu.

\*

### A. Từ 1945 về trước

1. Bích Khê - *Hàn Mặc Tử* (thơ), báo *Người mới* 23-11-1940 (có trong PCD)

2. Chế Lan Viên - *Những kỷ niệm về Hàn Mặc Tử*, *Người mới* 23 - 11 - 1940 (có trong PCD).

3. Hoài Thanh - *Hàn Mặc Tử : Thi nhân Việt Nam* 1932 - 1941.

4. Hoàng Trọng Miên - *Một thiên tài xuất hiện trong làng thơ*. Cuối bài viết ghi 1939, chúng tôi đọc được trong *Văn học* in ở Sài Gòn trước 1975, số đặc biệt *Hàn Mặc Tử; Trăng và thương đố*, 12 - 1974.

5. Hoàng Trọng Miên (chỉ ghi Trọng Miên) - *Thơ Hàn Mặc Tử*, *Người mới*, 23 - 11 - 1940 (có trong P.C.D)

6. Phạm Văn Ký. *Tựa Gái quê* 1936 (chưa tìm thấy văn bản).

7. Quách Tấn - *Hàn Mặc Tử với thơ Đường luật* - *Người mới*, 30 - 11 - 1940 (có trong P.C.D).

8. Trần Tái Phùng - *Hàn Mặc Tử - Người mới*, 7 - 12 - 1940. (có trong P.C.D)

9. Trần Thanh Địch - *Những kỷ niệm về Hàn Mặc Tử - Người mới* 23 - 11 - 1940 (có trong P.C.D).

10. Trần Thanh Mai - *Hàn Mặc Tử - Thân thể và thi văn*. 1941.

11. Vũ Ngọc Phan - *Hàn Mặc Tử* trong *Nhà văn hiện đại, quyển ba*, 1942.

12. Xuân Diệu - *Thơ của người*. Báo *Ngày nay*, 7-8-1938.

### B. Từ sau 1945 đến 1985

1. Bùi Tuân - *Nửa đêm đi tìm Hàn Mặc Tử*. nguyệt san *Vinh Sơn*, Huế, 1 - 2 - 1951.

2. Bùi Xuân Bào - *Thi ảnh khẩu cảm trong thơ văn Hàn Mặc Tử*, tập san *Khoa học nhân văn* của Hội đồng quốc gia khoa học Sài Gòn, t.II, 1974 (có trong bản P.C.D)

3. Châu Hải Kỳ - *Tôi đã gặp Mộng Cầm*, tạp chí *Phổ thông* số 63 ra 15 - 8 - 1961.

4. Châu Hải Kỳ - *Xin tỏ chút lòng để tạ lỗi xưa*. Bán nguyệt san *Văn*, 1 - 6 - 1971.

5. Đào Trường Phúc - *Hàn Mặc Tử, trăng và thơ*. Bán nguyệt san *Văn*, 1-6-1971.

6. Đặng Tiến - *Đức tin trong thơ Hàn Mặc Tử*. Bán nguyệt san *Văn*, 1 - 6 - 1971 (có trong P.C.D)

7. Hoàng Diệp - *Hàn Mặc Tử* - Không ghi năm xuất bản, Nhà sách *Khai Trí* Sài Gòn.

Một số đoạn của sách này gộp lại dưới cái tên *Một vài kỷ niệm về Hàn Mặc Tử* (*Vào Nam viết báo, Nhà Mạnh Thường Quân nghèo...*), được in lại trong cả *Thơ Hàn Mặc Tử* của Nghĩa Bình, *Hàn Mặc Tử*,

thơ và đời của NXB Văn học, và bản của Phan Cự Đệ.

Riêng chương *Vụ kiện về trích thơ Hàn Mặc Tử* được in lại trong Tạp chí *Văn học* ở Sài Gòn, số 5 - 12 - 1974.

8. Hoàng Trọng Miên - *Những ngày sống chung với Hàn Mặc Tử ở Sài Gòn* - Bán nguyệt san *Văn*, 7 - 1 - 1967.

9. Huỳnh Phan Anh - *Hàn Mặc Tử hay là hiện hữu của thơ* - *Văn* số 7 - 1 - 1967, in lại có bổ sung trong *Văn* 1 - 6 - 1971.

10 Lê Huy Oanh - *Đọc lại "Chơi giữa mùa trăng" của Hàn Mặc Tử*, Tạp chí *Văn học*, Sài Gòn, số 20 12 - 1974.

11. Lê Tuyên - *Thi ca cận đại và nỗi lòng thành thật của Hàn Mặc Tử* - Tập san *Đại học sư phạm*, tập 2, niên khóa 1961 - 1962.

12. Ngọc Suong - *Tưởng niệm Hàn Mặc Tử* - *Văn*, số 7 - 1 - 1967

13. Nguyễn Kim Chương - *Hàn Mặc Tử đau thương và sáng tạo Văn học* số 20 - 12 - 1974.

14. Nguyễn Vỹ - *Hàn Mặc Tử trong Văn thi sĩ tiền chiến*, S. 1971.

15. Nguyễn Xuân Hoàng - *Nỗi khắc khoải siêu hình trong thơ Hàn Mặc Tử* - *Văn*, số 7 - 1 - 1967.

16. Phan Xuân Sanh - *Ảnh hưởng Phật giáo trong thi ca Việt Nam*, tạp chí *Đại học* (Sài Gòn), số 9, 1959.

17. Phạm Công Thiện - *Một định mệnh tàn khốc, theo rết bên mình Hàn Mặc Tử* - *Văn*, số 1 - 6 - 1971.

18. Phạm Dán Bình - *Tan loãng trong Hàn Mặc Tử* - *Văn*, số 1 - 6 - 1971. (Có trong P.C.Đ).

19. Quách Tấn (ký Trường Xuyên) - *Bàn qua đôi điểm về bài Thánh nữ đồng trinh Maria*, nguyệt san *Lành mạnh* (Huế), 1 - 11 - 1959.

20. Quách Tấn. *Đôi nét về Hàn Mặc Tử Văn*, 7 - 1 - 1967.

21. Thái Văn Kiểm - *Un grand poète Vietnamien : Hàn Mặc Tử - Một thi hào Việt Nam - Hàn Mặc Tử*. (Chính bản bằng hai thứ tiếng Việt - Pháp) S. 1950.

22. Thế Phong - *Hàn Mặc Tử*, Quách Thoại S. 1960.

23. Thanh Lăng - *Hàn Mặc Tử trong Bảng lược đồ văn học Việt Nam*. Quyển hạ S. 1967.

24. Thi Vũ - *Trên chốn lưu đầy của hải ngoại, nhớ về Hàn Mặc Tử, người anh hùng của quê hương Văn*, 1 - 6 - 1971.

25. Trương Văn Ngọc - *Nhân đi thăm mộ Hàn Mặc Tử*, *Văn*, 1 - 6 - 1971.

26. Võ Long Tề - *Kinh nghiệm thơ và hành trình tinh thần của Hàn Mặc Tử*, tập san *B.S.E.I.* Quý 4, 1972 (nguyên văn tiếng Pháp - bản dịch có trong P. C.Đ).

### C. Từ 1986 tới nay

1. Chế Lan Viên - *Hàn Mặc Tử, anh là ai ? Thơ Hàn Mặc Tử*, Sở Văn hóa thông tin Nghĩa Bình, 1987.

2. Chế Lan Viên - *Hàn Mặc Tử, anh là ai ? Tuyển tập Hàn Mặc Tử*, NXB Văn học, 1987.

3. Đỗ Lai Thúy - *Hàn Mặc Tử, một tư duy thơ độc đáo* - một chương trong *Con mắt thơ*, H. 1992.

4. Lại Nguyên Ân - *Khí chất miền Trung và nhà thơ Hàn Mặc Tử*. Tập chí *Văn học* số 1 - 1991.

5. Ngô Văn Phú - *Hàn Mặc Tử, một hồn thơ dị biệt*. In trong *Hàn Mặc Tử, hương thơm và mật đắng*, 1991.

6a. Nguyễn Bá Tín - *Hàn Mặc Tử, anh tôi*, TP Hồ Chí Minh, 1991.

Theo Phan Cự Đệ, cuốn sách này đã ra đời tại Pháp. NXB *Tin* Paris 1990. Đỗ Mạnh Trí giới thiệu, Phạm Dân Bình sưu tầm, chú thích.

6b. Nguyễn Bá Tín - *Hàn Mặc Tử trong riêng tư*, NXB Hội nhà văn 1994.

7. Nguyễn Minh Vỹ - *Con người Hàn Mặc Tử qua thơ anh*. Có in lại trong P.C.Đ.

8. Nguyễn Quân - *Tôi vẫn còn đây*. In trong *Hàn Mặc Tử, hương thơm và mật đắng*.

9. Nguyễn Thụy Kha - *Hàn Mặc Tử, thi sĩ đồng trinh*.

10. Nguyễn Văn Xê - *Nhớ Hàn Mặc Tử*. Bản Phan Cự Đệ và bản của Sở Văn hóa thông tin Nghĩa Bình đều ghi lại theo Tạp chí *Sông Hương*, số 26. Riêng *Hàn Mặc Tử, thơ và đời*, đưa ra một văn bản dài hơn, có những đoạn nói về vụ kiện Trần Thanh Mại - Quách Tấn, và việc cải táng mộ Hàn Mặc Tử. Ở cuối bài, chú thích rõ, trích bài *Tìm hiểu bệnh phong ở Việt Nam và quãng đời Hàn Mặc Tử trước lúc lâm chung*, do Phan Xuân Tuyến thực hiện.

11. Nguyễn Viết Lâm - *Nhớ Hàn Mặc Tử*. (Có trong P.C.Đ).

12. Phan Cự Đệ (biên soạn) - *Thơ văn Hàn Mặc Tử (phê bình và tưởng niệm)*. NXB Giáo dục, 1993.

13. Phùng Quý Nhâm - *Đặc trưng của hồn thơ Hàn Mặc Tử - Kiến thức ngày nay* số 47.

14. Trần Thị Huyền Trang (Sưu tầm và biên soạn) - *Hàn Mặc Tử, hương thơm và mật đắng*, NXB Hội nhà văn 1991.

15. Vũ Quần Phương - *Hàn Mặc Tử*, in trong *Nhìn lại một cuộc cách mạng trong thi ca.*, NXB Giáo dục, 1993.

16. Vương Trí Nhàn - *Vẽ đẹp kỳ dị* (Hàn Mặc Tử trong những liên hệ với nghệ thuật hiện đại) in lại trong *Những kiếp hoa dại*, H. 1993.

17. Vương Trí Nhàn - *Hồn thơ siêu thoát* - Báo *Văn nghệ*, số kỷ niệm 80 năm ngày sinh Hàn Mặc Tử.

18. Yến Lan - *Tôi nhớ Hàn Mặc Tử*. Có trong P.C.D. Với một chút thay đổi nhỏ, bài này cũng có in trong *Hàn Mặc Tử, hương thơm và một đấng* dưới nhan đề *Hàn Mặc Tử hồi ấy*.

Mấy năm gần đây, trên các tờ báo, tạp chí như *Văn nghệ*, *Sông Hương*, *Cửa Việt*, *Văn*, *Giáo dục và thời đại* v.v... còn có nhiều bài trao đổi chung quanh một số bài thơ của Hàn Mặc Tử, nhất là bài *Đây thôn Vỹ Dạ*. Chúng tôi cho rằng các bài đó đi sâu vào những vấn đề quá cụ thể, nên không đưa vào thu mục này.

## MỤC LỤC

|                                                                                                       | <i>Trang</i> |
|-------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------|
| - Cùng bạn đọc                                                                                        | 9            |
| - Mở đầu : <i>Vài nét về tình hình nghiên cứu, giới thiệu về Hàn Mặc Tử và cách làm tập sách này.</i> | 11           |
| - Phần thứ nhất :<br><i>Hàn Mặc Tử, thân thế và thi văn</i>                                           | 19           |
| <i>Trần Thanh Mai</i>                                                                                 |              |
| - Phần thứ hai :<br><i>Đôi nét về Hàn Mặc Tử</i>                                                      | 187          |
| <i>Quách Tấn</i>                                                                                      |              |
| - Phần thứ ba :<br><i>Hàn Mặc Tử anh tôi</i>                                                          | 325          |
| <i>Nguyễn Bá Tín</i>                                                                                  |              |
| - Phần thứ tư :<br><i>Một số bài báo khác</i>                                                         | 481          |
| - Phụ lục                                                                                             | 587          |
| * Niên biểu                                                                                           | 587          |
| * Thư mục                                                                                             | 589          |